

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH
VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Phê bình

VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN
Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
TS. VÕ VĂN BÉ

Biên tập nội dung:

TS. LÊ HỒNG SƠN
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG
VŨ THỊ HỒNG THỊNH
PHAN THỊ HƯƠNG GIANG
PHẠM THỊ NGỌC AN
TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
ĐƯỜNG HỒNG MAI
NGUYỄN QUỲNH LAN
PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
HƯƠNG GIANG
HỒNG THỊNH
VIỆT HÀ

Trình bày bìa:

Chế bản vi tính:

Sửa bản in:

Đọc sách mẫu:

Giấy đăng ký xuất bản số: 1459-2021/CXBIPH/17-12/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 312-QĐ/NXBCTQG, ngày 11/5/2021.

Mã số ISBN: 978-604-57-6790-0.

Nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2021

Phê bình

VĂN HỌC,
NGHỆ THUẬT

Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH
VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

Phê bình VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

**PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ
PHẠM CHÍ THÀNH**

TỔ CHỨC BẢN THẢO

**PGS.TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG
TS. NGUYỄN THỊ TỐ NINH
TS. ĐINH VĂN THUÂN
ThS. NGUYỄN THẾ BẮC
TS. LÊ HỒNG SƠN
NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG
PHAN THỊ HƯỜNG GIANG
VŨ THỊ HỒNG THỊNH
PHẠM THỊ NGỌC AN**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phê bình văn học, nghệ thuật là lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn học, nghệ thuật nói riêng, sự phát triển xã hội nói chung. Trong những năm qua, hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đã phát huy vai trò định hướng giá trị xã hội, định hướng sáng tác, là cầu nối giữa sáng tạo và tiếp nhận, tác động sâu sắc đến thị hiếu của công chúng văn nghệ. Các cây bút phê bình luôn đồng hành cùng hoạt động sáng tác, phân tích, đánh giá những giá trị tư tưởng và thẩm mỹ của tác phẩm; dự báo, cổ vũ những xu hướng phát triển lành mạnh, đúng đắn, đồng thời cảnh báo, đấu tranh với các xu hướng, quan điểm sai trái, cực đoan trong đời sống văn học, nghệ thuật, góp phần bảo vệ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những dấu ấn, thành tựu cũng tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác phê bình văn học, nghệ thuật. Sự thiếu hụt đội ngũ phê bình chuyên nghiệp, công tác đào tạo gặp nhiều khó khăn; môi trường sinh hoạt phê bình thiếu tinh thần khoa học, tranh luận và đối thoại, xuất hiện nhiều bài phê bình cảm tính, không có sức thuyết phục, khen chê dễ dãi, “dĩ hòa vi quý”... Những biểu hiện trên đang làm nhiễu loạn các giá trị thẩm mỹ, nhân văn, gây ra nguy cơ lệch chuẩn trong đời sống văn nghệ.

Trước đòi hỏi của tình hình thực tiễn, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề: *Vai trò định hướng*

của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay.

Từ kết quả Hội thảo, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tuyển chọn hơn 50 bài tham luận để xuất bản cuốn sách **Phê bình văn học, nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay - Thực trạng và định hướng phát triển**. Các bài viết được tập hợp theo bố cục từng phần, từng chủ đề và sắp xếp theo thứ tự A, B, C tên tác giả.

Với những phân tích cụ thể, sâu sắc, các tác giả đã đề cập đến bức tranh chung của đời sống phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam những năm qua và đi sâu đánh giá thực trạng hoạt động phê bình trong từng lĩnh vực như văn học, âm nhạc, điện ảnh, múa, nhiếp ảnh, mỹ thuật..., nêu lên những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến thành tựu và hạn chế, đồng thời đề xuất những giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian tới.

Những bài viết trong cuốn sách là tiếng nói tâm huyết, đầy trách nhiệm của các nhà nghiên cứu, quản lý, các văn nghệ sĩ, cung cấp những cơ sở khoa học, tư liệu quý giá để các cấp, các ngành và công chúng có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về công tác phê bình văn học, nghệ thuật, từ đó có những chính sách, hành động thiết thực thúc đẩy phê bình văn học, nghệ thuật đổi mới mạnh mẽ, tích cực, khẳng định vai trò định hướng trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật, góp phần dựng xây nền văn hóa dân tộc trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2020
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HƯỚNG TỚI MỘT NỀN PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT KHOA HỌC, DÂN CHỦ, NHÂN VĂN, ĐỒNG HÀNH CÙNG VĂN NGHỆ SĨ TRONG SÁNG TẠO*

VÕ VĂN THUỐNG

*Kính thưa các vị đại biểu,
Thưa các nhà khoa học và các đồng chí,*

Hôm nay, tôi rất vui mừng được đến dự và phát biểu tại Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay* do Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức. Thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, tôi trân trọng gửi tới quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, anh chị em văn nghệ sĩ và lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc lời chúc mạnh khỏe, hạnh phúc, phấn đấu đạt nhiều thành tựu mới trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật!

* Phát biểu của đồng chí Võ Văn Thuống - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương tại Hội thảo khoa học toàn quốc *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay*, tổ chức tại Vĩnh Phúc ngày 05/12/2019.

*Kính thưa các vị đại biểu,
Thưa các nhà khoa học và các đồng chí,*

Như chúng ta đã biết, phê bình là một lĩnh vực, một bộ môn có vai trò rất quan trọng trong sự vận động, phát triển của văn nghệ nói riêng và đời sống xã hội nói chung. Có thể xem phê bình văn học, nghệ thuật là “cánh chim song đôi”, là người bạn đồng hành để thấu hiểu, đồng cảm, góp phần điều chỉnh, định hướng cho sáng tác. Đồng thời, phê bình cũng là cầu nối giữa sáng tạo và tiếp nhận, tác động sâu sắc đến sự lựa chọn thẩm mỹ của công chúng văn nghệ. Trải qua lịch sử hình thành và phát triển với nhiều bước thăng trầm, phê bình văn học, nghệ thuật hiện đại Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu và dấu ấn, tác động tích cực đến hoạt động sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ, đến thị hiếu, nhu cầu và trình độ thẩm mỹ của công chúng, đến công tác lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn nghệ yêu nước và nhân văn, trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khi thành lập Đảng đến nay, Đảng ta luôn quan tâm và tạo điều kiện cho sự phát triển lĩnh vực đặc thù này. Bước vào thời kỳ Đổi mới, ngay sau khi có Nghị quyết số 05-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa VI vào năm 1987, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 08/6/1989 *Về đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật*. Từ đây, trong nghị quyết của các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc và các nghị quyết chuyên đề về văn hóa,

văn nghệ, như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, và gần đây nhất là Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Đảng ta luôn nhất quán khẳng định: phát triển phê bình là một trong những giải pháp trọng tâm để thúc đẩy sự phát triển của văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ mới. Trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết quan trọng đó, nhiều vấn đề của thực tiễn hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật đã và đang đặt ra, đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu và tìm lời giải đáp. Tôi hoan nghênh Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã lựa chọn chủ đề rất cần thiết này để tổ chức hội thảo. Đây là dịp để các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, phê bình, anh chị em văn nghệ sĩ cùng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có dịp cùng nhau bàn thảo, phân tích, làm rõ thực trạng cùng nguyên nhân, từ đó để ra những giải pháp thiết thực, hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển của phê bình văn học, nghệ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển nền văn nghệ của chúng ta trong tình hình mới.

Tôi vui mừng được biết, trong điều kiện đời sống văn học, nghệ thuật không ngừng vận động, biến đổi với nhiều xu hướng, trường phái cùng tồn tại; với sự tiếp xúc, giao lưu ngày càng sâu rộng, công tác phê bình đã góp phần phát hiện, định hướng, giới thiệu đến công chúng những giá trị văn học, nghệ thuật mới cả ở trong nước và nước ngoài. Trước những nỗ lực cách tân về nội dung, hình thức nghệ thuật, phê bình ít nhiều đã giữ được vai trò là “con mắt xanh”, kịp thời khích lệ những tinh thần sáng tạo và củng cố niềm tin,

cỗ vũ dũng khí đổi mới ở người sáng tác. Nhìn một cách tổng thể, phê bình văn học, nghệ thuật đã từng bước khắc phục được lỗi phê bình xã hội học dung tục, vỡ đoán, quy chụp, góp phần định hướng sáng tác và tiếp nhận của công chúng; giúp những người lãnh đạo và quản lý có cái nhìn toàn diện, đúng đắn hơn về các hiện tượng văn học, nghệ thuật.

Tuy nhiên, nhìn vào thực trạng công tác phê bình văn học, nghệ thuật thời gian qua, chúng ta cũng phải thảng thắn thừa nhận rằng, so với thực tiễn sáng tác rất sôi động, đa dạng, phong phú, thậm chí phức tạp hiện nay, phê bình đang có vẻ trầm lắng, chưa phát huy hết vai trò và sức mạnh của mình. Trong khi những bất cập và hạn chế từ lâu còn tích tụ chưa được giải quyết thì thực tiễn lại đang xuất hiện những vấn đề mới, phức tạp, khiến chúng ta không khỏi lo lắng. Sự thiếu hụt về đội ngũ, nhất là ở các lĩnh vực nghệ thuật như Âm nhạc, Múa, Điện ảnh, Mỹ thuật, Nhiếp ảnh,... diễn ra từ nhiều năm qua, đã được chỉ ra, nhưng các giải pháp khắc phục chưa thật sự hiệu quả. Ở một số diễn đàn, đã xuất hiện không ít những bài viết cảm tính, thiếu cơ sở khoa học, khen chê dễ dãi, thậm chí chịu tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, chẳng những không định hướng được sáng tác và tiếp nhận, mà còn làm tăng nguy cơ lệch chuẩn, loạn chuẩn giá trị trong đời sống văn nghệ. Mỗi trường sinh hoạt phê bình thiếu vắng tinh thần khoa học, tranh luận và đối thoại, vốn là một trong những đặc trưng bản chất của phê bình. Trước hàng loạt sự kiện, hiện tượng nóng bỏng xuất hiện trong đời sống văn học, nghệ thuật, thì nhiều khi phê bình còn

lúng túng, thiếu nhạy bén chính trị và nghệ thuật, chưa phản ứng kịp thời, thậm chí còn mơ hồ trong nhận định, đánh giá và lý giải, những biểu hiện đó khiến phê bình đang phải đối diện với nguy cơ hiện hữu là sự “quay lưng” của giới sáng tác và công chúng văn nghệ.

Thưa các đồng chí,

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh đổi mới toàn diện, đồng bộ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, nền văn học, nghệ thuật nước nhà đang đứng trước những cơ hội to lớn và cả những thách thức gay gắt trong quá trình phát triển, đã và đang đặt ra cho phê bình văn nghệ những yêu cầu mới. Nhiệm vụ nâng cao tính lý luận, trình độ khoa học, trình độ thẩm mỹ, vốn hiểu biết thực tiễn sáng tác và thực tiễn cuộc sống nhằm đưa phê bình văn nghệ phát triển mạnh mẽ, đồng thời “kiên quyết khắc phục những yếu kém kéo dài của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật” như Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X đã nhấn mạnh là rất cấp thiết.

Để nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật, chắc chắn không thể không bắt đầu từ việc xây dựng đội ngũ các nhà phê bình chuyên nghiệp. Phê bình văn học, nghệ thuật là công việc khó khăn, nhọc nhằn, đòi hỏi người làm nghề phải hội tụ, kết tinh được cả tư duy khoa học và nghệ thuật, trí tuệ và cảm xúc, thật sự nhạy bén và có bản lĩnh chính trị vững vàng để nhận diện, đánh giá đúng và trúng những vấn đề đang diễn ra và dự báo xu hướng vận động trong đời sống văn nghệ. Vì vậy, các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu đang gánh vác trách nhiệm đào tạo,

bồi dưỡng đội ngũ các nhà phê bình cần đặt mục tiêu từng bước tiệm cận với trình độ của thế giới và phải giữ vững bản sắc riêng, lấy đó làm cơ sở, phương hướng để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chương trình, giáo trình và hoạt động giảng dạy, học tập. Tôi biết những năm gần đây, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương theo nhiệm vụ được giao đã liên tục mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ lý luận, phê bình cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và hoạt động văn học, nghệ thuật ở nhiều địa phương, nhưng chỉ như vậy thôi thì chưa đủ, không thể thay thế hoạt động đào tạo ở các nhà trường và các viện nghiên cứu.

Chúng ta cần thực hiện tốt hơn nữa yêu cầu tự do sáng tác phải gắn liền với tự do phê bình. Cần củng cố và phát huy không khí phê bình lành mạnh, dựa trên tinh thần tôn trọng khác biệt và đối thoại, tranh luận dân chủ, khách quan, trung thực về mọi vấn đề đặt ra trong đời sống văn nghệ. Kiên quyết khắc phục lối phê bình dung tục, cực đoan, quy chụp, nhưng đồng thời cũng cần khẩn trương ngăn chặn tình trạng nể nang, né tránh, khen chê cảm tính, hời hợt trong phê bình. Xuất phát từ tính chất đặc thù của công việc phê bình văn học, nghệ thuật, chúng ta mong đợi và đòi hỏi cao nhưng không khắt khe, định kiến, mà cần bao dung, kiên nhẫn, ngay cả với thất bại của một số cây bút viết phê bình, nhất là với những nhà phê bình trẻ.

Tôi được biết, một số trường đại học đào tạo chuyên ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật và khoa học xã hội nhân văn đang rất khó khăn, thậm chí “đầu vào” trống vắng so với nhiều ngành nghề khác. Trong khi đó, “đầu ra”

cho công việc và chế độ đai ngộ lại hết sức eo hẹp, không tương xứng với lao động nghề nghiệp của các nhà phê bình. Cho đến nay, chắc không còn mấy người có thể sống thuần túy bằng nghề viết phê bình văn học, nghệ thuật. Đó là sự thật mà chúng ta buộc phải đối diện, không thể né tránh. Tại Hội thảo này, tôi đề nghị các cơ quan chức năng tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, tư vấn giúp Đảng, Nhà nước có những biện pháp phù hợp, hiệu quả để tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật nói chung, và đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng.

Thưa các đồng chí,

Để góp phần chấn hưng phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay, một nhiệm vụ cần đặc biệt quan tâm là sớm hoàn thành việc xây dựng hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam hiện đại, khoa học, đủ sức giải đáp những vấn đề đặt ra trong thực tiễn như Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X và các văn kiện quan trọng của Đảng đã đề ra. Với quan điểm rộng mở trong giao lưu và hội nhập, trong thời gian vừa qua, hầu hết các lý thuyết văn nghệ nước ngoài đã được giới thiệu, tiếp nhận và vận dụng ở nước ta với các mức độ khác nhau. Những nỗ lực đó đã mang đến bức tranh sinh động về lý thuyết, nhưng ở chiều ngược lại, việc tiếp thu có phần vội vàng, chưa thực sự hệ thống, cẩn trọng, kỹ lưỡng trên tinh thần đối thoại, đã khiến cho tư duy lý luận chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra của đời sống văn nghệ. Những vấn đề cốt lõi của lý luận, như mối quan hệ giữa tính dân tộc và tính

hiện đại, giữa văn nghệ và chính trị, giữa văn nghệ và hiện thực, giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, giữa hoạt động sáng tạo và tiếp nhận,... khi được kiến giải thấu đáo sẽ tạo cơ sở, tiền đề và là nguồn sinh lực mới cho hoạt động phê bình.

Trong khi chờ đợi những bước chuyển về cơ chế, chính sách và điều kiện làm nghề, tôi mong rằng các nhà phê bình hãy tiếp tục nuôi dưỡng và truyền giữ ngọn lửa đam mê sáng tạo, phát huy trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân của mình để từng bước góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và chất lượng của phê bình văn học, nghệ thuật. Nhiệm vụ nặng nề ấy đòi hỏi các nhà phê bình cần tiếp tục dấn thân, am hiểu sâu sắc hơn nữa thực tiễn đời sống sáng tác đang vận động nhanh chóng. Hơn bao giờ hết, mỗi văn nghệ sĩ cần nêu cao ý thức trau dồi bản lĩnh chính trị, đề cao дух khí bảo vệ chân lý, bảo vệ cái đúng, cái hay, cái đẹp, kiên quyết đấu tranh, phê phán những biểu hiện lệch lạc, sai trái trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật như: phủ nhận thành tựu văn nghệ cách mạng, đòi thoát ly sự lãnh đạo của Đảng, đề cao và cổ xúy những khuynh hướng sáng tạo không phù hợp với thực tiễn hiện nay và truyền thống văn hóa dân tộc. Thực hiện tốt nhiệm vụ đó, văn nghệ sĩ thực sự góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng (chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh), bảo vệ và phát triển mỹ học mácxít với tinh thần khoa học và thuyết phục. Do vậy, việc không ngừng nâng cao tri thức, đổi mới tư duy, mở rộng tầm nhìn, làm chủ các phương pháp phê bình hiện đại phải được đặt ra thành yêu cầu thường trực với mỗi nhà phê bình hiện nay.

Thưa các vị đại biểu,

Thưa các nhà khoa học và các đồng chí,

Mặc dù những khó khăn, thách thức cả trước mắt và lâu dài là không nhỏ, nhưng tôi tin rằng, với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước và nhất là tinh thần huyết, khát vọng chung của giới văn nghệ hướng tới một nền phê bình văn học, nghệ thuật lành mạnh, khoa học, dân chủ, nhân văn, đủ sức đồng hành cùng nhau và được sự tin cậy của công chúng tiếp nhận, sẽ chính là nguồn sức mạnh, là cơ sở để chúng ta vượt lên khó khăn, thực hiện tốt sứ mệnh nghệ nghiệp của mình, đạt những thành tựu mới.

Với tinh thần đó, chúng ta hy vọng được đón nhận bước phát triển mới của hoạt động phê bình văn nghệ, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

VAI TRÒ CỦA PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ XÃ HỘI, ĐỊNH HƯỚNG SÁNG TÁC VÀ TIẾP NHẬN THẨM MỸ HIỆN NAY*

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

*Kính thưa đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị,
Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương,
Kính thưa quý vị đại biểu! Thưa các đồng chí,*

Thực hiện chương trình hoạt động toàn khóa và kế hoạch công tác năm 2019, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương, hôm nay, tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương phối hợp với Tỉnh ủy Vĩnh Phúc tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay*. Thay mặt Thường trực Hội đồng và Ban Tổ chức Hội thảo, tôi nhiệt liệt

* Phát biểu khai mạc Hội thảo của PGS.TS. Nguyễn Thế Kỷ - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

chào mừng và trân trọng cảm ơn đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; các đồng chí đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương; lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc; các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình và văn nghệ sĩ trong cả nước đã về dự cuộc Hội thảo quan trọng này.

Kính thưa quý vị đại biểu và các đồng chí,

Phê bình văn học, nghệ thuật là lĩnh vực đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn học, nghệ thuật nói riêng, sự phát triển của xã hội nói chung. Dù có thể còn có những cách hiểu, quan niệm khác nhau về những vấn đề cụ thể nhưng giới nghiên cứu cơ bản đã thống nhất, xem phê bình là một bộ môn khoa học đặc thù, có tác dụng đồng hành, điều chỉnh, hỗ trợ sáng tác và định hướng tiếp nhận thẩm mỹ. Với vị trí, vai trò quan trọng như vậy, phê bình luôn là nhân tố cần phải được đặc biệt quan tâm và tập trung phát triển. Trong suốt chặng đường lịch sử từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm, chỉ đạo phát triển phê bình văn học, nghệ thuật như là một trong những trụ cột quan trọng cho sự phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả, thành tựu đã đạt được, phê bình văn học, nghệ thuật cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém, nhất là việc nhận diện, định hướng hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo; tình trạng ngại đụng chạm đến những vấn đề lớn, những quan điểm khác lạ, sai trái, thiếu tính chiến đấu, tính khoa học diễn ra

ngày càng rõ hơn, đáng lo ngại hơn. Những điều này cần phải được nhìn nhận, phân tích, đánh giá, lý giải để tìm ra giải pháp phát triển lĩnh vực này trong thời gian tới.

Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc năm 2019 với mong muốn huy động được tâm sức, trí tuệ, trách nhiệm và sự đóng góp của giới nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật nhằm bổ sung hệ thống luận cứ khoa học và thực tiễn, từ đó tư vấn Đảng, Nhà nước tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và có những quyết sách đúng đắn, kịp thời để phát huy vai trò định hướng của phê bình văn học, nghệ thuật trong hoạt động thực tiễn. Chủ đề của Hội thảo là sự tập hợp, tiếp thu ý kiến của các đồng chí ủy viên Hội đồng, của các nhà khoa học; được Ban Bí thư và Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương đồng tình và khích lệ. Đến thời điểm này, Ban Tổ chức đã nhận được hơn 70 bài tham luận, một con số rất có ý nghĩa, chứng tỏ chủ đề Hội thảo đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo các nhà khoa học và văn nghệ sĩ cả nước.

Để Hội thảo đạt được kết quả thiết thực, thay mặt Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức, tôi xin nhấn mạnh một số vấn đề cẩn cốt, trọng tâm, mong muốn các nhà khoa học, các đại biểu tập trung bàn luận:

1. Nhận diện, đánh giá và lý giải thực trạng phê bình nói chung và ở từng loại hình văn học, nghệ thuật cụ thể, trên các phương diện cơ bản: tình hình đội ngũ, chất lượng chuyên môn, các khuynh hướng chính và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn hiện nay. Trên cơ sở nắm bắt chính xác thực trạng, đề nghị các đồng chí và quý vị tập trung vào vấn đề trọng

tâm, nhận được sự quan tâm của phần lớn các tham luận, đó là đánh giá vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật trong hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo. Trong khuôn khổ của Hội thảo, chúng ta không bàn thêm, bàn sâu về những vấn đề lý luận đã cơ bản được thống nhất mà chú trọng đánh giá vai trò của phê bình hiện nay trong định hướng giá trị xã hội, định hướng tiếp nhận thẩm mỹ cho công chúng và định hướng đối với đội ngũ sáng tác.

2. Cùng với phân tích, đánh giá thực trạng, đề nghị các đồng chí và quý vị tập trung làm rõ các yếu tố tác động đến phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay, bao gồm cơ chế chính sách lãnh đạo, quản lý đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật nói chung và hoạt động phê bình nói riêng; thực trạng công bố, xuất bản, tuyên truyền, quảng bá; hệ thống giải thưởng, tặng thưởng và các cơ chế khuyến khích hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật; thực trạng, sức ảnh hưởng của thực tiễn sáng tác đến hoạt động phê bình; vai trò, tác động của các tổ chức văn hóa, khoa học, giáo dục, các tổ chức văn học, nghệ thuật đối với hoạt động phê bình hiện nay... Trên cơ sở đó, chúng ta cần nắm bắt những nguyên nhân cơ bản, cả khách quan và chủ quan dẫn đến thực trạng phê bình văn học, nghệ thuật nói chung, vấn đề vai trò định hướng đối với hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo nói riêng.

3. Trên cơ sở phân tích đúng và trúng thực trạng hiện nay, Hội thảo cần tập trung đưa ra những kiến nghị, giải pháp trọng tâm, đồng bộ và khả thi để thúc đẩy, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phê bình văn học, nghệ thuật, khắc phục những hạn chế, yếu kém kéo dài suốt nhiều năm qua trong lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật. Qua thẩm

định bước đầu nội dung các tham luận gửi đến Hội thảo, Ban Tổ chức nhận thấy, không ít tham luận còn nặng về phần miêu tả thực trạng mà chưa chú ý đề cập hoặc đề cập chưa đậm nét nguyên nhân, giải pháp và các kiến nghị, nhất là tính mới, tính chiến đấu, tính khoa học. Tại Hội thảo này, Ban Tổ chức mong muốn các đại biểu tập trung lý giải, phân tích, đề xuất những kiến nghị, giải pháp vừa có tính căn cơ, vừa cụ thể, thiết thực nhằm thúc đẩy phát triển phê bình văn học, nghệ thuật thời gian tới, góp phần tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật nước nhà trong thời kỳ mới.

Kính thưa quý vị đại biểu và các đồng chí,

Hội thảo khoa học toàn quốc lần này là một trong những hoạt động chuyên môn trọng tâm được tổ chức trong năm 2019 của Hội đồng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được Ban Bí thư Trung ương Đảng, Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương giao. Hội thảo được tổ chức vào thời điểm rất có ý nghĩa, khi Đảng ta đang chỉ đạo tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*; tích cực chuẩn bị nội dung các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Vào dịp cuối năm bận rất nhiều công việc quan trọng, nhưng sự hiện diện của đồng chí Võ Văn Thuởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo

Trung ương và các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương và tỉnh Vĩnh Phúc đã cho thấy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành, địa phương đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng. Thay mặt Thường trực Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương và Ban Tổ chức Hội thảo, một lần nữa tôi xin trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo và các nhà khoa học, các nhà quản lý và quý vị đại biểu. Tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề: “*Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay*”.

Kính chúc quý vị lãnh đạo, các vị đại biểu và tất cả các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÊ BÌNH VỚI VAI TRÒ PHÁT HIỆN, CỔ VŨ VÀ KHẲNG ĐỊNH NHỮNG NHÂN TỐ MỚI, NHỮNG GIÁ TRỊ MỚI TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT*

PGS.TS. PHAN TRỌNG THƯỞNG

Thưa quý vị đại biểu,

Được sự phân công của Thường trực Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, tôi xin trình bày Báo cáo đề dẫn Hội thảo *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay* với một số nội dung sau đây:

Khi mời viết tham luận, để mở rộng phạm vi, giới hạn chủ đề Hội thảo, Ban Tổ chức đã gợi ý một số nội dung hướng vào thực tiễn và thực trạng phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay để các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình, các văn nghệ sĩ và các nhà quản lý lãnh đạo văn học, nghệ thuật rộng đường tham vấn, trao đổi. Nhưng khi tập hợp tham luận, trên định hướng chung đó, hầu hết nội dung các tham luận đều gặp nhau ở chỗ ít nhiều đề cập đến vai trò

* Báo cáo đề dẫn Hội thảo của PGS.TS. Phan Trọng Thưởng - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật. Chúng tôi cho điều đó có lý do từ thực tiễn. Nhìn vào đời sống văn học, nghệ thuật những năm gần đây dễ dàng nhận thấy sự mờ nhạt, thậm chí sự vắng bóng vai trò của phê bình. Trước các yêu cầu bức thiết của đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật như: định hướng giá trị, định hướng thẩm mỹ, định hướng tiếp nhận, định hướng dư luận và định hướng sáng tạo... phê bình dường như im tiếng, rơi vào tình trạng bất lực, buông xuôi. Điều đó thêm lý do để Ban Tổ chức cân nhắc, lựa chọn tiêu đề Hội thảo là: *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay*.

Thực ra, đây là vấn đề không hoàn toàn mới, nhưng lại có ý nghĩa hết sức quan trọng, từng trở đi trở lại nhiều lần trong lịch sử phát triển văn học, nghệ thuật, được nhiều người quan tâm. Và bây giờ, lại đang được đặt ra như một yêu cầu khoa học khách quan, có tính cấp thiết.

Ngay từ năm 1989, khi “cánh cửa” đổi mới vừa mở, trước sự chuyển biến mau lẹ của đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 08/6/1989 *Về đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật*, chỉ ra thực trạng và định hướng cho hoạt động phê bình thời kỳ đổi mới. Có lẽ đây là chỉ thị hiếm hoi về phê bình, thể hiện sự quan tâm kịp thời và sâu sát của Đảng tới lĩnh vực khá chuyên biệt này. Chỉ thị nêu rõ: “Phê bình văn học, nghệ thuật phản ánh thái độ và ý thức xã hội đối với các giá trị và các khuynh hướng văn học, nghệ thuật, phân tích, đánh giá, định hướng các hoạt động; đề cao ý nghĩa tư tưởng xã hội của văn học, nghệ thuật; tác

động tích cực đến hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ; đến thị hiếu, nhu cầu và trình độ thẩm mỹ của nhân dân; đến công tác lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật". Thực tiễn cho thấy nhờ sự định hướng này, hoạt động lý luận nói chung, phê bình nói riêng tuy diễn ra khá sôi nổi, bồng bột vào những năm đầu thời kỳ đổi mới nhưng không rời vào tình trạng hoang mang, mất phương hướng. Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập, phê bình tỏ ra là bộ phận nhạy cảm, nhạy bén và tinh tế trong việc phát hiện, cổ vũ và khẳng định những nhân tố mới, những giá trị mới hình thành trong đời sống xã hội và văn học. Đến nay, sau ba mươi năm kể từ khi ban hành Chỉ thị, thực tiễn xã hội và văn học, nghệ thuật đã trải qua một chặng đường dài, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nghiên cứu lại Chỉ thị chúng ta thấy nhiều yêu cầu đặt ra, nhiều định hướng cho phê bình từ thời điểm đó, đến nay vẫn còn đúng, còn phù hợp và còn nguyên giá trị. Nhưng, hình như chỉ ngần ấy chưa đủ để phê bình phát huy hết vai trò của mình, tạo ra sức mạnh mới làm thay đổi căn bản cục diện phê bình. Bên cạnh thành tựu có vẻ khiêm tốn, vẫn còn đó các khuyết tật, non kém khiến cho phê bình không đảm đương được sứ mệnh của mình, lại luôn luôn mang tiếng là tụt hậu, "ăn theo" sáng tác, là nghiệp dư, là trầm lăng, là thiếu sức sống, là bỏ rơi trận địa, v.v..

Chắc nhiều người còn nhớ vào các năm 2003, 2004 và một số năm tiếp theo, hàng loạt cuộc hội thảo cấp quốc gia và quốc tế về phê bình do Viện Văn học, Hội Nhà văn Việt Nam và các trường đại học phối hợp tổ chức đã thu hút sự tham gia của giới nghiên cứu lý luận, phê bình, các văn nghệ sĩ và các nhà quản lý lãnh đạo văn học, nghệ thuật. Qua trao đổi,

tranh luận, hàng loạt vấn đề cơ bản xung quanh bản chất, đối tượng, chức năng của phê bình đã từng bước được minh định, làm rõ. Trong đó, có không ít vấn đề đã đạt được sự thống nhất trên một số tiêu chí lớn làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, bình tĩnh nhìn nhận lại sẽ thấy sự thống nhất đó mới chỉ đạt được trên phương diện học thuật, từ cấp độ lý thuyết và tri thức hàn lâm thông qua các mệnh đề quen thuộc như: “phê bình vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật”, “phê bình là mỹ học vận động”, là “ý thức triết học”, là “trình độ học thức” của mỗi nền văn học, nghệ thuật... vốn được dẫn từ các nguồn nước ngoài. Còn trên phương diện thực tiễn hiện vẫn đang tồn tại không ít những bất cập, thậm chí khác biệt. Chẳng hạn về *bản chất*, có người cho phê bình là kết quả của tư duy lôgíc, của nhận thức lý tính (khoa học); có người cho phê bình là hoạt động chủ quan, cảm tính, là sự giải phóng xúc cảm cá nhân (nghệ thuật)...; do vậy không cần đến chuẩn mực, không tuân theo chuẩn mực, v.v.. Về *đối tượng* của phê bình cũng còn không ít những kiến giải khác nhau. Trong khi có người quả quyết rằng đối tượng của phê bình chỉ là tác giả, tác phẩm cụ thể, đương đại, là các hiện tượng đang diễn ra... thì không ít người khác lại cho rằng đối tượng của phê bình là toàn bộ những phương diện khác nhau của hoạt động sáng tạo, thưởng thức và đánh giá văn học, nghệ thuật. Ở đâu có nhu cầu thưởng thức, đánh giá thì ở đó có phê bình... Tương tự như vậy, về *chức năng*, có nơi, có lúc, có người cho phê bình là công cụ chuyên chính, là “ngọn roi”, là vũ khí... nhưng cũng không ít trường hợp phê bình được coi là tri âm tri kỷ, là bạn đồng hành của sáng tác; là “món ăn” tinh thần; là hoạt động

khám phá, sáng tạo và phát hiện; là cầu nối giữa nghệ sĩ và công chúng; là người thẩm định giá trị, hướng dẫn thị hiếu và dư luận...

Trước một thực trạng còn ngổn ngang như vậy thì từ một khía cạnh khác, không ít ý kiến cho rằng phê bình hiện nay đang rơi vào tình trạng loạn chuẩn, thiếu chuẩn và lệch chuẩn... Như vậy thì làm sao phê bình có thể đảm đương được vai trò định hướng của nó? Nhất là trong hoàn cảnh thực tiễn sáng tạo văn học, nghệ thuật của chúng ta, dưới các tác động có tính quy luật của nhiều yếu tố, đang không ngừng vận động và phát triển với nhiều khuynh hướng đa dạng, nhiều phẩm chất cách tân, nhiều tìm tòi phát hiện không chỉ mời gọi mà còn thách đố phê bình. Không thể phủ nhận được rằng, từ khi đổi mới và hội nhập, các lý thuyết nghệ thuật trên thế giới có cơ hội được phổ biến, tiếp thu và vận dụng rộng rãi ở Việt Nam, đang phát huy ảnh hưởng, tác động sâu sắc tới tư duy nghiên cứu, hoạt động sáng tạo, tiếp nhận và thưởng thức văn học, nghệ thuật trong đó có phê bình. Theo sự chỉ dẫn của lý thuyết, nhiều ý tưởng phê bình đã được thi triển nhưng đúng, sai, hay, dở, phù hợp hay không phù hợp... chưa được luận chứng rõ ràng. Có nhà nghiên cứu đã mô tả cảnh tượng lý thuyết ở ta hiện nay như một “bãi thử”, một thứ “chợ trời” khó phân định chân - giả.

Trên bình diện giá trị, tình hình cũng không mấy khả quan. Từ ngày hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa sụp đổ, cơ chế thị trường được xác lập và vận hành, hệ giá trị đạo đức xã hội cũng như hệ giá trị tinh thần thẩm mỹ và văn học, nghệ thuật cũng thay đổi theo. Chưa bao giờ công chúng nghệ thuật lại bị phân hóa về thị hiếu sâu sắc như hiện nay.

Từ công chúng văn học đến sân khấu, điện ảnh, âm nhạc... chúng ta đều thấy một thực trạng đáng lo ngại. Song, hình như công chúng mới là người có quyền uy thực sự với nghệ thuật? Còn các nhà phê bình thì ít ai lên tiếng. Có chăng thì bị “ném đá”, chỉ trích nặng nề trên mạng xã hội. Trước một thực tiễn nghệ thuật như vậy, hòn lúc nào hết, vai trò của phê bình cần được xác định lại, được nhận thức rõ hơn và đề cao hơn. Thông qua sự phán xét của lý trí, sự rung động của khiếu cảm thụ, sự đồng điệu của tâm hồn và nhu cầu sẻ chia..., phê bình không chỉ đơn giản là phát hiện, khen chê, mà còn hướng tới chủ thể sáng tạo, tới công chúng tiếp nhận, tới chiều hướng vận động và phát triển của tiến trình văn học, nghệ thuật, tới mục tiêu hoàn thiện xã hội và cuộc sống. Trong bối cảnh đời sống xã hội và văn học đang cùng lúc tồn tại nhiều xu hướng, khuynh hướng tư tưởng nghệ thuật và thẩm mỹ khác nhau, trong đó không ít những biểu hiện cực đoan, sai trái, lệch lạc, những động cơ thiếu trung thực, đi ngược lại xu thế tiến bộ và nhân văn, đi ngược lại lợi ích của dân tộc và nhân dân thì tinh thần đối thoại, tính thuyết phục, bản lĩnh và tính chiến đấu của phê bình cần được trau dồi, củng cố và khích lệ.

Trước một lịch sử vấn đề có vẻ thiên về lý thuyết như trên vừa nói, tại Hội thảo này, chúng ta tạm gác sang một bên việc duy danh định nghĩa và giải thích các khái niệm về cơ bản đã thống nhất để tập trung vào những vấn đề của thực tiễn. Với dũng khí phê bình, trí tuệ tập thể và trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, trước đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật; giới nghiên cứu lý luận, phê bình và sáng tạo cần bám sát thực tiễn, đổi mới với thực trạng diễn ra ở từng lĩnh vực,

từng địa phương, từng vùng, chỉ ra các yếu tố tác động, đánh giá đúng thành tựu và hạn chế, phân tích rõ nguyên nhân. Xuất phát từ yêu cầu chủ quan và khách quan để xác định rõ vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật. Đồng thời, đề xuất các kiến nghị, giải pháp khả thi thúc đẩy phê bình, xây dựng đội ngũ, nâng cao chất lượng chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật; từng bước thay đổi cục diện để phê bình đảm đương được vai trò và thiên chức của nó. Từ mục tiêu trên, hướng tiếp cận chủ yếu của chúng ta cần xác định là thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn nhưng như thế không có nghĩa là tách rời bản chất khoa học, bản chất lý thuyết của nó. Do đây là Hội thảo khoa học liên ngành, liên lĩnh vực cho nên một mặt chúng ta cần tôn trọng đặc trưng, đặc thù, tôn trọng sự khác biệt, nhưng mặt khác cần cầu thị trước chân lý, hướng đến tiếng nói chung có sức thuyết phục, có cơ sở khoa học và với thái độ điềm tĩnh.

Hy vọng kết quả Hội thảo này sẽ cung cấp thêm thông tin, củng cố thêm cơ sở lý luận và thực tiễn, tạo luận cứ khoa học vững chắc để phát triển phê bình.

Thưa quý vị đại biểu! Với hơn 70 bản tham luận, thời gian giới hạn của Hội thảo chỉ có một buổi làm việc, sẽ khó có thể đáp ứng hết được yêu cầu trao đổi, thảo luận. Rất mong các đại biểu bám sát chủ đề Hội thảo, chủ động rút ngắn tham luận, tập trung vào những luận điểm chính, tôn trọng quy định về thời gian để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả tham luận.

Xin kính chúc sức khỏe quý vị đại biểu! Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn.

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VÀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ ĐỐI VỚI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

LÊ CHƯƠNG

Phê bình văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng nhưng cũng rất phức tạp và nhạy cảm trong đời sống văn hóa, có tác động không nhỏ tới đời sống tinh thần của xã hội. Vì vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phê bình văn học, nghệ thuật là hết sức quan trọng.

1. Thực trạng và vai trò phê bình ở các loại hình văn học, nghệ thuật hiện nay

Chúng ta khẳng định rõ, vai trò của lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật là đặc biệt quan trọng. Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) đã nêu rõ: Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật phải làm tốt chức năng đồng hành và định hướng sáng tác; thông qua lý luận, phê bình để trực tiếp tham gia quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị nghệ thuật và tư tưởng. Sáng tạo, lý luận và phê bình có mối quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau. Có sáng tạo tức là có phê bình, có phê bình tức là có lý luận.

Lý luận càng chặt chẽ, thỏa đáng, thuyết phục thì những tác phẩm văn học, nghệ thuật của sự sáng tạo sẽ giảm bớt được yếu tố phê bình. Nhưng khi đã có phê bình tức là phải có lập luận để làm sáng tỏ những yếu tố phê bình đó và những tác phẩm văn học, nghệ thuật của sự sáng tạo ít nhiều sẽ có sự thay đổi. Điều này cho chúng ta thấy Sáng tác văn học, nghệ thuật - Lý luận - Phê bình không những là một tổ hợp có sự liên quan mật thiết mà còn không ngừng thay đổi. Tuy nhiên, trên thực tế có rất ít yếu tố phê bình đi ra từ cơ sở lý luận mà thay vào đó là những ý kiến chủ quan, những nhận định cá nhân từ một chiều. Với thói quen đưa ra nhận xét nhanh chóng về một vấn đề, có thể làm giảm đi “tinh thần” của sự sáng tạo, dẫn đến công tác lý luận, phê bình cũng bị bỏ ngỏ, dở dang. Như vậy có sự liên hệ gắn kết mật thiết giữa các loại hình văn học, nghệ thuật - lý luận - phê bình - sáng tác.

Phía sau của sự sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật bao giờ cũng có lĩnh vực lý luận và phê bình để nhằm đánh giá, nhìn nhận, xem xét, khen chê, mà tìm ra các giá trị, hướng đi mới để định hướng cho phát triển và sáng tác văn học, nghệ thuật. Một nhà lý luận, phê bình chuyên nghiệp cần phải được đào tạo, bồi dưỡng, có trình độ, tri thức, kiến văn và một quan niệm giá trị vững vàng. Việc đào tạo chính quy phải được xem là nền tảng vững chắc để hình thành tư cách nhà nghiên cứu, phê bình, cùng với đó là quá trình tự học, tự bồi dưỡng, tự trưởng thành qua thực tiễn văn chương của mỗi người. Bên cạnh chương trình đào tạo chính quy có hệ thống, các lớp tập huấn, bồi dưỡng của các hội chuyên ngành Trung ương, Liên hiệp các Hội Văn học,

nghệ thuật Việt Nam, các trại sáng tác, các lớp tập huấn nâng cao năng lực lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật do Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức, các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phê bình văn học đã mang lại nhiều hiệu quả. Chính vì vậy, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật không phải là phong trào, thỉnh thoảng dấy lên, mà phải thường xuyên, mài giũa để trở thành linh vực học thuật thông qua phản biện xã hội mang tính chuyên nghiệp. Nó đòi hỏi người viết lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật phải có tâm sáng, uyên thâm trong học thuật, lý luận sắc bén được kết hợp với thực tiễn. Có như vậy lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật mới tìm được chỗ đứng trong tiến trình phát triển văn học, nghệ thuật của dân tộc. Thành tựu của lý luận, phê bình về văn học, nghệ thuật mang tính toàn cầu hóa. Lý luận, phê bình được hình thành qua các trường phái, trào lưu văn học, nghệ thuật và xâm nhập vào các quốc gia. Có thể kể qua các trào lưu, trường phái lý luận, phê bình nở rộ qua từng thời kỳ và ảnh hưởng đến lý luận, phê bình của Việt Nam như: *Phê bình theo phương pháp phản ánh hiện thực, phê bình thi pháp học, phê bình cấu trúc, phê bình bản thể luận, phê bình phân tâm học...* Hiện nay với khuynh hướng tiếp nối, đổi mới, cách tân trên nền tảng truyền thống vẫn đang đóng vai trò chủ đạo mà dòng chảy chính đó là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc, phản ánh chân thực cuộc sống đấu tranh cách mạng qua các thời kỳ và lao động sáng tạo của nhân dân. Cho dù viết về đề tài lịch sử, chiến tranh hay cuộc sống đương đại, các tác giả đã dựa trên nền tảng mỹ học truyền thống để lý giải và tìm câu trả lời cho những vấn

đề của dân tộc, nhân sinh, góp phần tích cực đẩy lùi cái ác, cái xấu, cái lạc hậu, thấp hèn, vì sự tiến bộ và phát triển của xã hội, trong đó con người là vị trí trung tâm, cốt lõi. Nhưng, bên cạnh những thành tựu đó đã xuất hiện những biểu hiện đáng lo ngại cần phải ngăn chặn kịp thời, đó là thái độ dã man, lệch lạc, lợi dụng chính lịch sử để xuyên tạc lịch sử, hạ bệ lịch sử, hạ bệ thần tượng; moi móc và khoét sâu vào những mặt tiêu cực, những vùng tối của xã hội hiện tại vì những mục đích ngoài văn học, nghệ thuật. Khuynh hướng thị trường ngày càng tác động đến đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay. Vì vậy, lý luận, phê bình phải trở thành sự tự ý thức của văn nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo. Khi văn nghệ sĩ tự ý thức về đặc trưng của từng loại hình văn học, nghệ thuật và cơ chế sáng tạo của người nghệ sĩ thì sẽ khai mở được thế giới nội tâm và chuyển hóa được chất liệu sống thành tác phẩm văn học, nghệ thuật. Lý luận, phê bình có chức năng phát hiện, định hướng và cổ vũ cho cái mới trong hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ, giúp văn nghệ sĩ thức tỉnh “cái tôi” sáng tạo để khơi gợi những góc khuất thẳm sâu trong thế giới nội tâm. Văn nghệ sĩ không hiểu bản chất của cơ chế sáng tạo mà chỉ sáng tác theo bản năng thì chỉ có thể tạo ra những tác phẩm thiếu chiều sâu về tư tưởng và thiếu sự độc đáo về nghệ thuật. Việc sáng tạo của người nghệ sĩ là sự bí ẩn mà lý luận, phê bình cần tìm hiểu, phát hiện và giải mã tác phẩm. Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật giữ vai trò đồng hành với quá trình sáng tạo của văn nghệ sĩ, vừa phải hướng tới sự khai phá và mở đường vừa phải soi bóng vào tác phẩm văn học, nghệ thuật. Nếu không, lý luận, phê bình sẽ bị tụt hậu so

với sáng tác và sự tồn tại của lý luận, phê bình sẽ không có giá trị nữa. Lý luận, phê bình đúng nghĩa cũng chính là sự sáng tạo hoặc ít nhất phải là sự khơi gợi, kích thích sự sáng tạo của văn nghệ sĩ. Bên cạnh đó việc nghiên cứu một cách có hệ thống các hệ hình lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trên thế giới để tiếp thu một cách có chọn lọc và hiệu quả. Trên cơ sở quan điểm khoa học về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, chúng ta cần nhìn nhận về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật là một hệ thống mở. Như một dòng chảy và hòa nhập các dòng chảy với nhau, hệ thống lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần khai mở và dung nạp những quan niệm, hệ hình phê bình mới để làm phong phú, đa dạng hệ thống lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Sự sáng tạo của văn nghệ sĩ luôn thay đổi và vận động theo sự biến đổi và nhu cầu của thời đại. Lý luận văn học, nghệ thuật chỉ thật sự làm tốt vai trò nếu nắm bắt kịp thời, khái quát kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong vận động, phát triển của thực tiễn văn học, nghệ thuật của từng địa phương và quốc gia. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, để xây dựng đạo đức, nhân cách, lối sống con người Việt Nam, điều được nhấn mạnh nhất là phải có một chuẩn mực về đạo đức, nhân cách và lối sống của con người Việt Nam. Ở góc độ này, các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật phải nhìn thấy rõ cả hai mặt ưu điểm và khuyết điểm, trong đó điều quan trọng nhất là thấy mặt khuyết để sửa chữa chứ không phải để chê bai và kịp thời phát hiện, cổ vũ những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị nghệ thuật, tư tưởng cao, có giá trị bồi dưỡng đạo đức và nhân cách con người Việt Nam. Để có bước đột phá, đổi mới

hoạt động lý luận, phê bình hiện nay, đặc biệt là lực lượng trẻ, thì ở các trường văn hóa, nghệ thuật cần phối hợp với Hội Văn học, nghệ thuật các địa phương và các trường phổ thông để phát hiện những tài năng trẻ, có năng khiếu và yêu thích văn học, nghệ thuật, dạy cho các em học sinh biết phân biệt cái hay, cái đẹp trong nghệ thuật, biết thuởng thức các giá trị văn học, nghệ thuật. Các cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật từ Trung ương (Học viện Âm nhạc, Đại học Mỹ thuật, Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, Đại học Sân khấu - Điện ảnh, Đại học Kiến trúc, Đại học Văn hóa - Nghệ thuật quân đội, Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương...) cùng các cơ sở đào tạo khác ở các địa phương phải có phương pháp giảng dạy theo hướng toàn diện, cung cấp cho sinh viên nền tảng mỹ học, triết học, kiến thức nghệ thuật. Đi đôi với việc đó thì Nhà nước cần có cơ chế chính sách gửi những sinh viên ưu tú về lĩnh vực này đi đào tạo ở những nước có nền văn học, nghệ thuật phát triển và phải có quỹ hỗ trợ nghiên cứu và quảng bá các công trình lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trên Tạp chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam* cũng như các tạp chí Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Hội Nhà văn Việt Nam, Kiến trúc...

2. Tiếp tục đổi mới chính sách lãnh đạo, quản lý đối với văn học, nghệ thuật

Từ những quan điểm cơ bản được Đảng xác định đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, các cơ quan chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý hoạt động tư tưởng và văn nghệ các cấp

cần phải có những định hướng cụ thể, khoa học, sát hợp với chức năng, đặc trưng của văn học, nghệ thuật và hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật. Với tư duy mới của sự phát triển trong xã hội hiện nay, sự phân công theo từng cấp chính là để đáp ứng có hiệu quả công tác quản lý văn học, nghệ thuật ở một lĩnh vực đang có sự phát triển rất nhanh, sâu rộng và phong phú. Đó là những chuyển động, sáng tạo nội tại trong nước cũng như chịu sự ảnh hưởng và du nhập từ các dòng, các khuynh hướng nghệ thuật quốc tế, vì vậy rất cần có sự điều chỉnh hết sức khoa học, làm sao vừa đảm bảo nguyên tắc vừa hài hòa với sự phát triển mạnh mẽ của văn học, nghệ thuật.

Văn học, nghệ thuật là một lĩnh vực nhạy cảm, gắn liền với cảm xúc của con người trong bối cảnh xã hội là sự tổng hòa của những cung bậc, trạng thái cảm xúc khác nhau. Vì vậy, việc đúng - sai, hay - dở, đẹp - xấu... thật khó xác định được quan điểm chung tuyệt đối, không thể có đáp số rành mạch như lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Do vậy, đòi hỏi và yêu cầu đặt ra đối với những người làm công tác quản lý trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật thì cần phải có trình độ chuyên môn vững vàng, phải có tư duy xã hội sâu sắc và nhạy cảm chính trị cũng như sành sảng đồng cảm, chia sẻ, cảm thông với đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ cùng những người nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Bên cạnh đó người quản lý “ngoại đạo” (tức là không học những bộ môn thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật) khi được giao nhiệm vụ lãnh đạo thì cần lắng nghe, cầu thị để bổ sung kiến thức cho công tác lãnh đạo của mình lên một tầm cao hơn. Giá trị chân, thiện, mỹ của tác phẩm là

sự tự tỏa sáng, mà ở đó, với cảm xúc và tâm hồn của mình, người thưởng thức (độc giả, khán giả) sẽ cảm nhận và cảm thụ được. Do vậy quản lý văn học, nghệ thuật hiện nay rất cần sự nhạy cảm và bản lĩnh. Bản lĩnh là sự vững vàng, kiên định đường hướng nghệ thuật chân chính, là sự chia sẻ, cảm thông với giới nghệ sĩ, là sự nhạy cảm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, những khát khao, trăn trở, những khó khăn, vướng mắc của họ... Người nghệ sĩ sẽ thấy người lãnh đạo thật sự xứng tầm khi được giao nhiệm vụ này, người lãnh đạo luôn thật tâm gần gũi, định hướng, đồng cảm, chứ không phải là đứng trên giới văn nghệ sĩ. Người quản lý phải ý thức được tính đặc thù của văn học, nghệ thuật để có thái độ quản lý khoa học, phù hợp và các chính sách linh hoạt. Tư duy lý luận và quan điểm của người quản lý về văn học, nghệ thuật luôn cần được đổi mới, bổ sung và phát triển.

Văn học, nghệ thuật là tinh hoa của văn hóa và trong lĩnh vực này vai trò cá nhân người nghệ sĩ là chủ thể sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật. Hoạt động sáng tạo là một loại hình lao động đặc thù, độc lập, in đậm dấu ấn chủ quan và “cái tôi” của nghệ sĩ. Do vậy, việc lãnh đạo và quản lý văn học, nghệ thuật phải khuyến khích người nghệ sĩ phát huy tài năng, thăng hoa cảm xúc, đề cao trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân trong lao động, sáng tạo nghệ thuật. Cuộc sống đương đại đang đòi hỏi văn nghệ sĩ phải có bản lĩnh vững vàng, người nghệ sĩ cần phải bám sát cuộc sống, bám sát thực tiễn đổi mới của đất nước, kết hợp hài hòa tinh thần nghệ sĩ - chiến sĩ, ý thức cống hiến cho sự nghiệp văn học, nghệ thuật của dân tộc để sáng tạo nên những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị, góp phần đắc lực vào xây dựng và

phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Như vậy, để đưa văn học, nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, đủ sức đáp ứng yêu cầu cách mạng trong thời kỳ mới, trách nhiệm đặt lên vai những người làm công tác văn học, nghệ thuật là rất nặng nề nhưng cũng rất vẻ vang. Các cấp ủy đảng, các cơ quan quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật, các cấp chính quyền cần phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện cả về vật chất lẫn tinh thần để đội ngũ lao động, sáng tạo văn học, nghệ thuật được giải phóng tiềm năng sáng tạo, phát huy cao nhất tài năng và sức lực của mình, tạo ra nhiều đỉnh cao nghệ thuật như Đảng ta và nhân dân ta hằng mong đợi.

3. Một số kiến nghị, giải pháp

- Khẳng định vai trò chủ đạo của lý luận văn nghệ mácxit, quán triệt đường lối văn nghệ của Đảng, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng.
- Phải coi sự phát triển văn học, nghệ thuật là sức mạnh nội sinh bền vững trong hội nhập quốc tế nhằm tạo ra sự phát triển hài hòa giữa chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.
- Tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo của Đảng đối với văn học, nghệ thuật, xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý phù hợp.
- Tiếp tục đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý văn học, nghệ thuật phải đi cùng với việc kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý về văn học, nghệ thuật.
- Cần có chính sách đầu tư xứng đáng cho sáng tạo văn học, nghệ thuật đối với văn nghệ sĩ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho văn học, nghệ thuật phát triển phong phú, mạnh mẽ, đa dạng vì đa dạng là bản chất của nghệ thuật và phát huy tối đa sức ảnh hưởng của văn học, nghệ thuật đến đông đảo quần chúng nhân dân trong việc khẳng định cái mới, cái tích cực và phê phán không khoan nhượng các tiêu cực, xấu xa cản trở sự phát triển của đất nước.

- Tiếp tục khẳng định Hội Văn học, nghệ thuật trong cả nước là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, được đầu tư chăm lo phát triển để các hội viên nâng cao ý thức trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, say mê sáng tạo và cống hiến cho đất nước nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị.

- Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc xây dựng nhân cách con người và đạo đức xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng Về *xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

NGHĨ VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH NHẰM CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG

Về vấn đề đặt ra trên đây, tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ trả lời hai câu hỏi đơn giản: Vì sao? và Làm gì?

I- VÌ SAO?

1. Khi suy nghĩ và dự định viết về vấn đề này, tôi bỗng nhớ ra rằng, hình như đã có nhiều kiến nghị, đề xuất, bài viết về các giải pháp củng cố và phát triển đội ngũ, lực lượng cán bộ làm công tác lý luận, phê bình văn nghệ ở nước ta trong thời gian qua. Tìm đọc lại một số văn bản, báo cáo, bài báo của các cơ quan và của nhiều người viết đã gửi đi hoặc đã đăng tải trên các báo, tạp chí, tôi cho rằng, phần lớn các đề xuất, kiến nghị đó đều đúng và cần thiết. Một số kiến nghị đã được triển khai và bước đầu đạt được những kết quả khả quan. Ví dụ như việc Ban Bí thư quyết định thành lập Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương vào năm 2003 cũng như cho ra đời Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật* - cơ quan ngôn luận của Hội đồng.

Hoặc như việc xây dựng và thông qua Chiến lược xây dựng và phát triển các trường văn hóa, nghệ thuật, trong đó có nhắc đến, tuy chỉ ít dòng, về đào tạo đội ngũ này. Song, khách quan mà nhận xét và từ khảo sát thực tiễn, lắng nghe ý kiến tâm huyết, nguyện vọng chính đáng của nhiều đồng nghiệp đang hoạt động trên lĩnh vực này, tôi nhận thấy, tình hình chưa có tiến triển được bao nhiêu, hiệu quả của những dự định tốt đẹp để phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn nghệ mang tính hệ thống và vững chắc còn nhiều bất cập. Nhiều đề xuất, kiến nghị vẫn còn nằm trên giấy và trên mặt báo, chưa thấy có phản hồi. Trước thực tế đó, việc tiếp tục suy nghĩ đề xuất các giải pháp, có thể mới hoặc không mới, nhưng vẫn cần thiết. Mặt khác, có lẽ, cần phải tự đặt ra cho mình một nhiệm vụ, vừa nêu ra các giải pháp chính, vừa lý giải vì sao cần nó và đề xuất nên làm như thế nào để từng bước được hiện thực hóa trong đời sống văn nghệ nước nhà. Như một thao tác quen thuộc, tôi đặt câu hỏi đầu tiên: “Vì sao?”.

Cũng có người nghĩ rằng, đất nước đang phải giải quyết những vấn đề vĩ mô như kinh tế, chính trị, chống tham nhũng, đối ngoại, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ... vì vậy, vấn đề đội ngũ lý luận, phê bình văn nghệ trở nên nhỏ bé, không cấp thiết, lọt thỏm giữa những vấn đề “khổng lồ” đang và chưa giải quyết xong. Hãy tự lo để đỡ “gánh nặng” cho xã hội. Thế nhưng, có khi chỉ một sáng tác văn học, nghệ thuật, một bài lý luận, phê bình văn nghệ được coi là “có vấn đề” đã làm “vất vả” không chỉ người lãnh đạo mà còn tác động trực tiếp, ngay tức khắc đến xã hội. Thành ra, vấn đề tưởng là nhỏ mà không hề nhỏ, tưởng là thoảng qua, mà

thực ra đã để lại những dấu hỏi ẩn sâu trong tư duy người đương thời không phải dễ tìm đáp số. Xin lấy một ví dụ: Cách đây khoảng hơn 20 năm, nhà văn quân đội tài năng Nguyễn Minh Châu, một trong những người đi đầu trong đổi mới tư duy sáng tạo về đề tài quen thuộc của Anh - đề tài chiến tranh - đã đưa ra luận điểm: “Hãy viết lời ai điếu cho một nền văn học minh họa”. Luận điểm đó đúng - sai như thế nào khi đối chiếu với thực tiễn văn học Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt, đến nay, vẫn còn tồn tại những đánh giá khác nhau, thậm chí trái ngược, đối nghịch nhau. Người khen hết mực, người chê hết lời. Và có lẽ, với tình hình lý luận văn nghệ hiện nay, trong tương lai, vẫn còn bỏ ngỏ sự đánh giá luận điểm trên của Nguyễn Minh Châu! Và điều ấy không chỉ tác động đến giới sáng tác lý luận, phê bình văn học khi nhìn nhận một thời kỳ văn học mà còn liên quan đến việc đánh giá *tâm thế, thế giới tinh thần* của con người Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử đặc thù của dân tộc. Lấy một dẫn chứng đó để trình bày một ý định rằng, tôi định viết giải pháp số 1 trong bài viết này là “nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật”, nhưng cảm thấy, câu ấy đã quá quen thuộc, lặp đi lặp lại nhiều lần, vì vậy, rất dễ trở thành mòn cũ, công thức và mất đi tác động “thức tỉnh” của nó. Không ít các bài phát biểu có tính chỉ đạo, định hướng đều nói đến giải pháp này. Hàng vài chục năm nay, người ta đã nhắc đến, nhấn mạnh yêu cầu và giải pháp “nâng cao”, song hiệu quả và việc làm cụ thể để “nâng cao” còn quá ít ỏi. Vì thế, thay cho tiêu đề “biết rồi, khổ lắm, nói mãi” trên, tôi đặt câu hỏi “Vì sao phải củng cố và phát triển đội ngũ này?”.

Rõ ràng là, dẫn chứng về một ý kiến rất ngắn của Nguyễn Minh Châu cho ta thấy, tác động của lý luận, phê bình văn nghệ không chỉ nằm bó hẹp, khép kín trong giới này, mà nó là “hàn thủ biếu” để đo xu hướng, khuynh hướng vận động của tư tưởng xã hội. Còn rất nhiều dẫn chứng khác minh chứng cho nhận định trên. Nhiều vấn đề của lý luận, phê bình văn nghệ đã và đang xuất hiện trong đời sống xã hội còn bị bỏ lửng, đồng tình hay phê phán vừa là dấu hiệu của quá trình dân chủ hóa, vừa là biểu hiện của sự lúng túng, lảng tránh trước cái cần khẳng định và cái cần điều chỉnh hay phê phán. Và đó không còn là vấn đề nhỏ của văn học, nghệ thuật nữa!

Cũng có ý kiến cho rằng, theo quy luật phổ quát của sự phát triển văn học, nghệ thuật nhân loại từ hàng ngàn năm nay, đó là, đã có sáng tác văn học, nghệ thuật thì tất yếu sẽ có lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, vì vậy, cần gì phải tìm giải pháp để củng cố và phát triển nó. Quy luật “thuận theo tự nhiên”, hai lĩnh vực đó song hành với nhau, về cơ bản là sự “đồng hành”, còn có những lúc, do tác động của sự phát triển lịch sử - xã hội, lý luận, phê bình hoặc là tụt hậu, đi sau sáng tác hoặc ngược lại, đi trước, đón trước để dự báo, đoán định và góp phần định hướng cho sự vận động và phát triển của các trào lưu, khuynh hướng sáng tác.

Để có được một đời sống văn nghệ, một nền văn học, nghệ thuật phát triển toàn diện, cân đối, hài hòa, đồng bộ, chúng ta cần đồng thời phát triển về chất lượng của hai lĩnh vực không thể thiếu nhau trên: sáng tác và lý luận, phê bình vì như đã trình bày ở trên, lý luận, phê bình văn nghệ chính là quá trình văn nghệ tự ý thức về mình. Trong quá

trình đó, thực tiễn chỉ ra rằng, lý luận, phê bình thường đứng ở một trong ba vị trí so với sáng tác. Một là, đồng hành, bạn đường, bạn đối thoại. Hai là, vừa đồng hành vừa góp phần đánh giá, điều chỉnh, dự báo, định hướng. Và ba là, tụt hậu, lạc hậu, đi sau sáng tác. Vậy, hiện nay, lý luận, phê bình văn nghệ của ta đang đứng ở vị trí nào? Tôi đã rà soát, đọc lại nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước và chú tâm lục tìm các bài viết về thực trạng lý luận, phê bình của nhiều bạn đồng nghiệp đều nhận thấy một điểm gáp nhau là: bên cạnh việc biểu dương “dè dặt” một số bước tiến “đáng khích lệ” của lý luận, phê bình những năm qua là sự chỉ rõ hoặc tự ý thức về những bất cập, yếu kém kéo dài trên lĩnh vực này. Dù là có phần xấu hổ của người tự xếp mình vào lĩnh vực này, cũng xin trích ra đây những đánh giá có tính tổng quát: “Lý luận văn nghệ còn lạc hậu về nhiều mặt, chưa giải đáp được nhiều vấn đề của thực tiễn văn học, nghệ thuật; còn xa rời thực tiễn sáng tác; có biểu hiện xơ cứng, kém năng động, chưa hình thành được tiêu chí khoa học cho phê bình, đánh giá các tác phẩm văn học, nghệ thuật. Lý luận văn học, nghệ thuật mácxít chưa được nghiên cứu tương xứng với vai trò và giá trị của nó. Lực lượng làm lý luận, phê bình vừa mỏng lại phân bố không đều. Nhìn chung, lý luận, phê bình có biểu hiện tụt hậu so với yêu cầu phát triển của văn học, nghệ thuật. Chất lượng khoa học và tính chuyên nghiệp của phê bình bị xem nhẹ, xuất hiện lối phê bình cảm tính, thiếu một hệ thống chuẩn mực tin cậy để đánh giá tác phẩm; văn hóa phê bình bị hạ thấp...”.

Có thể không nên bàn xem đánh giá trên có “nặng” hay không, mà cần coi đó là sự cảnh báo thảng thắn và cần thiết.

Nguyên nhân nào làm nên “thảm cảnh” (dùng từ này hơi cường điệu) đó? Lãnh đạo có, quản lý có, không thể lảng tránh. Song, trước hết và trực tiếp là thuộc về đội ngũ, như một nhận định được nêu ra ở trên “lực lượng làm lý luận, phê bình vừa mỏng lại phân bố không đều” và xem xét kỹ hơn, tất cả các bất cập, yếu kém nêu trên đều có nguyên nhân từ lực lượng này. Có nghĩa là, không nên quy tất cả các bất cập, yếu kém trên cho lãnh đạo và quản lý, mặc dù theo chức trách, bốn phận được giao, họ có trách nhiệm đối với lực lượng, đội ngũ lý luận, phê bình văn nghệ, và cùng đồng trách nhiệm với họ là chính chúng ta - những người hoạt động trên lĩnh vực này.

Với những nhận định trên, rõ ràng là trong quan hệ với sáng tác, lý luận, phê bình văn nghệ Việt Nam hiện nay đang đứng ở vị trí thứ ba “tụt hậu, lạc hậu, đi sau sáng tác”, và một trong các nguyên nhân gây nên thực trạng đó nằm trong đội ngũ, lực lượng hoạt động trên lĩnh vực này. Có nghĩa là, bài toán đặt ra là: làm sao phải đưa lý luận, phê bình văn nghệ lên vị trí thứ nhất (đồng hành, bạn đường, bạn đối thoại) hoặc cao hơn là vị trí thứ hai (vừa đồng hành vừa góp phần đánh giá, điều chỉnh, dự báo và định hướng) đối với sáng tác văn học, nghệ thuật. Không làm được điều đó, chúng ta sẽ khó xây dựng được một nền văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, phát triển toàn diện, cân đối, đồng bộ và hài hòa. Không ai khác, đội ngũ lý luận, phê bình phải trực tiếp gánh vác trọng trách này bằng cách hợp lực đưa lý luận, phê bình văn nghệ vượt qua sự tụt hậu, lạc hậu... để đồng hành cùng sáng tác, trở thành một thành tố hữu cơ có ích cho sự phát triển của văn học, nghệ thuật.

Như vậy, củng cố và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn nghệ là một quy luật phổ quát của sự phát triển một nền văn nghệ hiện đại, và qua đó, nó là hàn thủ biểu để “đo” thực trạng, trình độ phát triển của tư duy, nhận thức của một thời kỳ lịch sử. Vì vậy, xin ai đó đừng nghĩ rằng, đó chỉ là công việc của một nhóm người, của năm, ba nghìn người hoạt động trên lĩnh vực “hẹp” này. Xét cho cùng, đó là diện mạo tinh thần của một xã hội hiện đại có phát triển theo đúng quy luật khách quan hay không?

2. Tôi đang viết những dòng trên thì phải dừng lại vì nghe một biên tập viên - người dẫn chương trình đói thoại, tọa đàm trên truyền hình - nói về một sự kiện “nóng” đang được cư dân mạng và dư luận báo chí - xã hội bàn tán, bình luận cả phê phán và bảo vệ sôi nổi, đó là 12 bức tượng tạc 12 con giáp với đầu và mặt là con vật (các con giáp), còn thân là hình người nhưng hoàn toàn sex (khỏa thân) được đặt tại một bờ biển - khu du lịch nổi tiếng ở Hải Phòng. Để xoa dịu dư luận phản bác gay gắt, chủ khu du lịch đã phải mặc bikini cho các bức tượng rồi lại đeo các chùm lá nho vào “chỗ kín” mà lâu nay để hở hang hoàn toàn. Dư luận quần chúng (bảo vệ hay phê phán) còn khác nhau và chưa có hồi kết, tuy sự chê bai có phần mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Tôi không có ý định bàn về sự kiện này, mà qua đó, muốn lạm bàn hai thiển ý sau: *Một là*, việc 12 bức tượng trên không phải là hiện tượng cá biệt trong điêu khắc nói riêng, trong mỹ thuật nói chung của nước ta. Những năm qua, sự vận động và phát triển của mỹ thuật Việt Nam đã và đang đặt ra rất nhiều những tìm tòi khác lạ, tạo nên những “ẩn số” chưa thể lý giải ngay. Cái gọi là tìm tòi cách thể hiện ở 12 bức tượng trên còn giản đơn

và ít nhiều thô thiển. Sự phức tạp và khó tìm ra đáp số là những trăn trở thực sự của các họa sĩ đi theo các trào lưu hiện đại như sáp đặt, tượng trưng, lập thể... Số phận của nó sẽ ra sao trong lịch sử phát triển của mỹ thuật Việt Nam? Quần chúng tiếp nhận các trào lưu đó như thế nào, khi mà khoảng một thế kỷ qua, người tiếp nhận Việt Nam chủ yếu là thường thức những tác phẩm mỹ thuật theo khuynh hướng tả thực, tả chân? Và *Hai* là, trả lời cho các câu hỏi, tìm lời giải cho các ẩn số trên, không ai khác, trực tiếp là thiên chức của các nhà lý luận, phê bình mỹ thuật. Không làm được thiên chức đó, họ sẽ đứng ngoài, đứng bên lề của sự vận động đang diễn ra hết sức mau lẹ, đa dạng và phức tạp của mỹ thuật Việt Nam hiện đại.

Những dấu hiệu, hiện tượng mới, khác lạ không chỉ diễn ra trong mỹ thuật, mà từ hơn 20 năm nay, nó đã hình thành và phát triển trong tất cả các loại hình văn học, nghệ thuật Việt Nam, nó vừa là biểu hiện của sự tìm tòi, đổi mới để đi đến quá trình hiện đại hóa, hòa nhịp với thế giới, vừa đặt ra gay gắt những ẩn số cần đến “con mắt xanh” của các nhà lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật để dự đoán số phận và quy luật phát triển của nó trong thực tiễn chính trị - xã hội - văn hóa - văn nghệ Việt Nam và trong quan hệ của nó với truyền thống văn hóa Việt Nam. Từ bộn bề các dẫn chứng, chỉ xin khái lược ở đây một vài dấu hiệu và hiện tượng mới, khác lạ đó. Đối với văn học là tiểu thuyết sáp đặt, là các tác phẩm thơ và văn xuôi được một số cây bút phê bình xếp vào “hậu hiện đại”, là sự xâm nhập lẫn nhau giữa các thể loại... Đối với âm nhạc là các thể loại nhạc Jazz, Pop, Hiphop, Rap, Bolero, âm nhạc dân gian đương đại và cả nhạc “ma túy”...

Đối với múa là sự xuất hiện của các tác phẩm múa đương đại hoàn toàn khác với múa dân tộc truyền thống. Đối với điện ảnh là các phim truyền hình nhiều tập, phim “chế biến” từ kịch bản vay, mượn của nước ngoài, bên cạnh là các phim cực ngắn... Trong tình hình đó, khi mà sự bùng nổ không cưỡng lại được, sự xâm nhập ô ạt và cả sự lén ngói, chiếm thị phần ngày càng lớn hơn của các thể loại mới thì vị trí của các thể loại vốn quen thuộc với công chúng tiếp nhận sẽ ra sao? Tiểu thuyết, hội họa... tả thực có còn giữ vai trò lớn như trước đây? Âm nhạc trữ tình truyền thống của 30 năm (1945-1975) mà gần đây, người ta muốn lưu giữ nó bằng “Giai điệu tự hào”, giữ vị trí ra sao trong tương quan với “nhạc trẻ”, với Jazz, Pop, Hiphop,... Liệu thể loại “sang trọng” làm nên chất lượng cao và sự phát triển toàn diện của một nền âm nhạc hiện đại như giao hưởng, nhạc không lời sẽ có vai trò như thế nào trong sự phát triển của âm nhạc Việt Nam hiện đại? Và ngay cả đối với các thể loại mới được du nhập vào nước ta, những thể nghiệm, tìm tòi mới, liệu số phận của nó ra sao trong tiến trình phát triển, nếu quá trình “Việt hóa” không đạt được các kết quả đáp ứng nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng tiếp nhận Việt? Ai sẽ trả lời - bằng nghiên cứu công phu và dự báo khoa học - cho những câu hỏi đó. Có người nói, theo luật đào thải và chọn lọc tự nhiên. Nhưng để chủ động xây dựng và phát triển một nền văn học, nghệ thuật tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thì nhiệm vụ trên chủ yếu thuộc về những người trực tiếp hoạt động trên lĩnh vực lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Như vậy, có nghĩa là, nói rằng, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật có vai trò định hướng thì có vẻ hơi toát, song, không thể phủ nhận,

bằng nghiên cứu, nghiên ngẫm nghiêm túc, bằng tư duy khoa học và bằng năng lực cảm thụ tốt, người làm lý luận, phê bình hoàn toàn có thể nhận định, đánh giá và dự báo sự vận động và phát triển của văn học, nghệ thuật trong một thời kỳ mà văn học, nghệ thuật của chúng ta đang ở giai đoạn giao thời, quá độ, vất vả, khó khăn, chưa định hình như ngày hôm nay.

3. Trong những năm gần đây, lý luận, phê bình văn nghệ đặc biệt quan tâm đến vấn đề tiếp nhận và người tiếp nhận tác phẩm văn học, nghệ thuật và xác định người tiếp nhận như người đồng sáng tạo và chỉ thông qua hiệu quả tiếp nhận thì giá trị của một tác phẩm từ là một tiềm năng mới trở thành giá trị hiện hữu. Với vị trí đó, người tiếp nhận trở thành một thành tố không thể thiếu, rất quan trọng và chủ động trong “vòng đồi” của một tác phẩm. Chủ thể tiếp nhận đó, trong những năm vừa qua và có lẽ, trong những năm sắp tới, đang diễn ra một quá trình biến đổi cực kỳ nhanh chóng theo các chiều hướng sau: đa dạng hóa, cá thể hóa, phân nhóm và phân hóa. Không còn dễ dàng tìm thấy sự đồng nhất, thống nhất trong đánh giá, thưởng thức văn học, nghệ thuật như nhiều năm trước. Không chỉ biến đổi theo hướng đa dạng hóa, phân nhóm thị hiếu mà còn bộc lộ rõ cả sự khác nhau, thậm chí đối chơi nhau, ngược nhau trong tiếp nhận, đánh giá, cảm thụ tác phẩm. Những ý kiến trái ngược nhau xuất phát từ các nguyên nhân sâu xa khác nhau, là một thực tiễn, ví dụ đối với các tác phẩm và cả các khuynh hướng sáng tác như “Thân phận tình yêu”, “Cánh đồng bất tận”, “Bóng đè”, Thơ và nhạc trẻ, “Bi ơi, đừng sợ”, múa đương đại, nghệ thuật sắp đặt...

Trong sự biến đổi phong phú, phức tạp trên của thị hiếu người tiếp nhận đang có sự cùng tồn tại, đan xen nhau giữa cái đúng và cái lệch lạc, cái truyền thống và cái mới, cái đã định hình và cái đang trong quá trình tự tìm kiếm. Đặc điểm đó đã và đang tác động mạnh sâu đối với đời sống và sáng tác văn học, nghệ thuật, không chỉ hôm nay mà chắc chắn đối với nhiều năm sắp tới.

Cân nhận thức rằng, sự biến đổi, biến động của công chúng văn nghệ là một quy luật khách quan, và cao hơn là sự phát triển của quá trình dân chủ hóa. Vấn đề đặt ra là một mặt, tôn trọng sự phát triển hợp quy luật đó và mặt khác cần có năng lực, bản lĩnh điều chỉnh, định hướng và đáp ứng các nhu cầu tốt đẹp, lành mạnh, phong phú của công chúng nghệ thuật. Bên cạnh xu hướng cảm thụ mới mẻ, lành mạnh, đã và đang xuất hiện sự lệch lạc, tầm thường, thiếu hiểu biết trong thị hiếu của một bộ phận người tiếp cận. Đồng thời, vẫn còn tồn tại cách tiếp nhận cũ, lỗi thời, đặc biệt là xu hướng xã hội học dung tục. Những dấu hiệu trên đang đồng thời tác động trực tiếp đến đời sống văn học, nghệ thuật của chúng ta.

Không ai khác, giới lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, cả những người hoạt động trực tiếp, chuyên nghiệp và cả các thầy cô giáo giảng dạy văn học, nghệ thuật ở nhà trường, từ phổ thông đến đại học, có trách nhiệm trong công việc cần nhiều công phu, tâm huyết, kiên nhẫn, tinh táo nhưng đầy khó khăn này.

4. Những năm gần đây, tôi chăm chú, chịu khó và rất hứng thú đọc một số bài và một số công trình nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học của thế hệ được quen gọi là trẻ

(nhưng thường đã trên dưới 30, 40 tuổi). Rõ ràng có một giọng điệu mới, những dấu hiệu đổi mới trong tư duy - khoa học và cả nghệ thuật - của các cây bút này. Nhiều người trong số họ đã có thành tựu riêng và trở thành lực lượng “tác chiến” trên lĩnh vực này, đang thay thế dần cho đội ngũ lão thành. Đó là quy luật. Một trong những đặc điểm nổi trội của họ là luôn tìm sự đồng hành, song hành, đối thoại với sáng tác và qua đó, thể hiện mình. Mặt khác, sự tự thể hiện đó, ở một số cây bút, còn ở chỗ luôn chú ý tiếp nhận, vận dụng trực tiếp các lý thuyết phê bình của nước ngoài trong các bài, công trình lý luận, phê bình của mình. Đó là một bước tiến trong tư duy lý luận, phê bình của ta những năm qua khi giao lưu, tiếp biến và hội nhập văn hóa, có nghĩa là, đó là một đòi hỏi khách quan. Tuy vậy, có lúc tôi thất vọng khi đọc xong một bài phê bình tác phẩm cụ thể, tôi không hình dung nổi nội dung tác phẩm đó là gì, cái mới, cái riêng của nó ở đâu, mà chỉ thấy một mớ lý thuyết được áp đặt cho tác phẩm, chỉ được đọc những dòng tư biện, cao đàm, khoát luận của người viết tỏ ra biết nhiều, đọc nhiều (cả nguyên bản tiếng nước ngoài) các lý thuyết văn học, nghệ thuật của phương Tây. Từ cái “khuôn” đó, người viết đã “gọt chân cho vừa giầy”, đánh mất đi năng lực cảm thụ nghệ thuật, một trong những đòi hỏi không thể thiếu của phê bình cùng với yêu cầu tư duy khoa học nhuần nhuyễn, chuẩn xác của nó. Đó là hai mặt của một tờ giấy, có hai mặt đó, mới có phê bình văn học, nghệ thuật đích thực. Thực ra, nêu vấn đề trên, bài viết không có ý định đánh giá, mà qua đó, mong rút ra một suy nghĩ rằng, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa việc am hiểu sâu

rộng truyền thống, đặc trưng của văn học, nghệ thuật dân tộc với năng lực vận dụng linh hoạt, tinh táo các thành tựu lý thuyết phê bình hiện đại, giữa bản lĩnh khoa học và năng lực cảm thụ nghệ thuật là những yêu cầu, đòi hỏi mới và cao đối với đội ngũ lý luận, phê bình văn nghệ thời kỳ mới - hiện nay và những năm sắp tới. Và phải chăng, đó là một nội dung quan trọng trong hệ thống các giải pháp nhằm củng cố và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam.

5. Khi cố gắng lý giải câu hỏi đơn giản “Vì sao?” phải củng cố và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ở nước ta hiện nay, bài viết đã đụng chạm đến một nội dung khác, đó là những lý do nội tại, cần thiết phải nâng cao nhận thức về vị trí và vai trò của lý luận, phê bình văn nghệ trong đời sống văn nghệ đương đại Việt Nam. Hay nói một cách khác, đó là giải pháp tổng quát nhất của hoạt động này. Chỉ có điều, nếu trình bày theo quy chuẩn quen thuộc, luận giải có tính chất lý thuyết chung cho mọi nền văn nghệ, thì bài viết dễ rơi vào công thức. Từ đó, bài viết có ý định gắn chặt vị trí, vai trò (có tính lý thuyết đó) với thực tiễn văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay để nhấn mạnh bốn lý do có tính thực tiễn cần phải nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lý luận, phê bình văn nghệ, đó là:

- Góp phần trực tiếp tạo nên một nền văn học, nghệ thuật phát triển toàn diện, cân đối, hài hòa, đồng bộ.
- Tham gia trực tiếp giải đáp những ẩn số đã và đang hình thành trong sự vận động nhanh chóng, phức tạp của văn nghệ Việt Nam đang ở một giai đoạn quá độ của sự phát triển.

- Đóng góp trực tiếp định hướng và phát triển trình độ nhận thức, thị hiếu thẩm mỹ của công chúng nghệ thuật trong giai đoạn đang diễn ra quá trình đa dạng hóa, cá thể hóa, phân nhóm và phân hóa.

- Góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình theo một kiểu mẫu mới: gắn với dân tộc, hiểu biết sâu rộng văn hóa dân tộc và tinh táo tiếp thu thành tựu của thế giới hiện đại, bản lĩnh khoa học hòa quyện với năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

Mong ước của tác giả bài viết là, những người có trách nhiệm, những cán bộ đang giữ vị trí lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn học, nghệ thuật có sự đồng cảm với ý định trên để không chỉ hiểu giải pháp tổng quát này như là một điều hiển nhiên, không cần làm rõ thêm.

Như vậy, phần thứ nhất của bài viết này có thể hiểu là: Cân nhận thức rõ hơn vai trò của lý luận, phê bình từ đòi hỏi của thực tiễn, thực trạng đời sống văn nghệ Việt Nam hiện nay.

II- LÀM GÌ?

1. Cho phép tôi kể về một kỷ niệm lớn trong đời. Tháng 8/1966, tôi tốt nghiệp Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Thầy giáo tôi là Giáo sư Lê Đình Kỵ, thấy tôi có ít nhiều khả năng nghiên cứu lý luận văn học và có sự ham thích lĩnh vực này, thầy đã gọi tôi lên và nói: Tôi sẽ giới thiệu em với Giáo sư Vũ Khiêu, (Giáo sư Vũ Khiêu lúc đó đang phụ trách bộ môn Mỹ học ở Viện Triết học). Năm đó, cả khoa tôi đang sơ tán ở Đại Từ - Thái Nguyên. Thầy nói cả thầy và tôi sẽ về Hà Nội gặp Giáo sư Vũ Khiêu. Một buổi tối

ở Hà Nội, lúc đó rất vắng người, vì người Hà Nội đã đi sơ tán văn hết, tôi hồi hộp tìm đến nhà Giáo sư Vũ Khiêu. Thầy Ky đã giới thiệu tôi với giáo sư. Nhìn tôi, giáo sư hỏi nửa thật, nửa vui đùa: “Thế em muốn trở thành cây dây leo hay thành cây cổ thụ?”. Tôi bị bất ngờ, trả lời ngập ngừng như một bắn nǎng: “Em không muốn trở thành dây leo cũng chẳng nghĩ gì tới cây cổ thụ, nhưng em thích môn này lắm”. Giáo sư Vũ Khiêu cười vui và nói với thầy tôi: “Tôi đồng ý nhận em này”. Nhưng, khoảng vài ba tháng sau, tôi nhận được quyết định ở lại trường, trở thành giáo viên chuẩn bị giảng bộ môn Lý luận văn học do thầy tôi - Giáo sư Lê Đình Ky - làm Tổ trưởng. Hơn 50 năm đã qua, tôi vẫn nhớ câu chuyện đó và không bao giờ quên sự chăm lo cho học trò của mình của thầy Lê Đình Ky và sự định hướng nghề nghiệp cho tôi của Giáo sư Vũ Khiêu, dù chỉ là một câu hỏi! Kể lại kỷ niệm này, tôi chỉ muốn rút ra một vài nhận thức thực sự bổ ích. *Thứ nhất*, để làm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, cần phải đào tạo, trong đào tạo phải có những người thầy giỏi, uyên thâm, luôn chăm lo cho sự phát triển của học sinh mình. *Thứ hai*, con đường đi tới được thành công trong lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, như gợi ý của Giáo sư Vũ Khiêu, từ đào tạo trong nhà trường, phải qua quá trình dài “tự đào tạo” mới hy vọng đi dài trên con đường ấy. Vậy, đặc trưng của sự đào tạo ấy là gì?

Tôi nghe nói, ở một số trường đại học văn hóa, văn nghệ ở nước ta, khi xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thường có đề xuất ngay từ đầu chỉ tiêu tuyển sinh ngành lý luận, phê bình, như Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh chẳng hạn, hoặc như một thời có khoa “lý sáng chí” của nhạc viện? Có nghĩa là,

ngay từ đâu đã có mục tiêu đào tạo lý luận, phê bình. Tôi nghĩ rằng, có lẽ, điều đó không đúng. Và vì thế mà có trường “xin” được chỉ tiêu sinh viên bộ môn lý luận, phê bình, nhưng hầu như không năm nào tuyển đủ và không biết trong quá trình học có “rơi rụng” tiếp không, đặc biệt, khi tốt nghiệp, còn ai đi tiếp con đường của mình? Phải chăng, đó là một trong những lý do mà đội ngũ lý luận, phê bình các ngành nghệ thuật như điện ảnh, sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật, múa... luôn luôn thiếu hụt và không được bổ sung?

Cần phải có một cuộc cải cách thực sự công việc đào tạo đội ngũ này. Đó là nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành, chuyên sâu và chuyên biệt. Chuyên ngành là đào tạo toàn diện một ngành nghệ thuật. Những cây bút lý luận, phê bình tương lai cũng phải được đào tạo như sinh viên các ngành tương ứng để họ có vốn, có kiến thức cơ bản của một ngành nghệ thuật. Chuyên sâu, là sau một thời gian đào tạo chung (3 hoặc 4 năm đại học), cần phát hiện và chọn ra những sinh viên nào có năng khiếu, có ham thích bộ môn lý luận, phê bình để tập trung đào tạo “nghề” cho họ. Như vậy, không nên có “chỉ tiêu” lý luận, phê bình ngay từ đầu vào. Chuyên biệt là trong quá trình đào tạo ở giai đoạn 2, cần đưa những sinh viên này vào không gian và sinh hoạt nghệ thuật thuộc ngành mình để họ từng bước “nhập cuộc”, “tập sự”. Một không khí học thuật, trao đổi, tranh luận, tiếp xúc với quá trình “sản xuất tác phẩm” như biểu diễn âm nhạc, triển lãm mỹ thuật, dàn dựng vở kịch... sẽ vô cùng bổ ích đối với người làm lý luận, phê bình trong tương lai. Quá trình đào tạo đó sẽ tạo ra những người làm lý luận, phê bình nghệ thuật vừa có một hiểu biết đầy đủ về

ngành nghệ thuật của mình, vừa là người có năng lực nhận định, đánh giá có tính khoa học các sản phẩm của ngành nghệ thuật đó. Có nghĩa là, họ là người trong cuộc, chứ không phải là người viết lý luận, phê bình “chay”, như một vài “cây bút” chuyên điểm tác phẩm trên báo chí sau khi “lắng nghe” được một vài thông tin, dư luận về tác phẩm đó. Như vậy, đào tạo một người sáng tác, chỉ huy, đạo diễn, diễn viên... đã rất công phu, thì nhiệm vụ đào tạo những người làm lý luận, phê bình lại có một quy trình đặc thù. Cái đặc thù đó còn thể hiện ở nội dung đào tạo, đặc biệt ở giai đoạn 2, giai đoạn chọn những người có năng khiếu, có ham thích, có khả năng tư duy khoa học. Đó là việc cung cấp vốn văn hóa, “phông” văn hóa cho họ. Người làm lý luận, phê bình, nếu chỉ hiểu biết chuyên ngành cụ thể, mà không có sự am tường rộng và sâu các lĩnh vực có liên quan (như văn hóa, triết học, chính trị học, lịch sử, xã hội học, các lý thuyết lý luận, phê bình...) sẽ không thể đi dài, đi xa được trên lĩnh vực của mình. Biết bao tấm gương lớn, cả thế giới và trong nước, đã minh chứng cho điều đó. Có nghĩa là, đào tạo đúng hướng trong nhà trường giữ vai trò vô cùng cần thiết, song tự đào tạo trong toàn bộ cuộc đời bao giờ cũng là nhân tố quyết định cho công việc của nhà lý luận, phê bình, theo đúng nghĩa của nó. Từ suy nghĩ trên, tôi nhận thấy, nếu so sánh với thực tiễn đào tạo lý luận, phê bình hiện nay ở các trường đại học văn hóa - nghệ thuật của nước ta, có lẽ cần phải bàn kĩ lại từ đầu và có một đề án mới. Nếu không làm như vậy, chúng ta chỉ đậm chân tại chỗ và thực trạng yếu kém của đội ngũ lý luận, phê bình nghệ thuật sẽ không thể khắc phục được.

2. Đào tạo đội ngũ lý luận, phê bình, từ nhiều năm qua, không được quan tâm đúng mức và không có những giải pháp đột phá. Hạn chế đó lại đi cùng với một hạn chế khác, dai dẳng và nặng nề hơn, đó là vấn đề sử dụng đội ngũ này. Có nhà quản lý, chỉ đạo báo chí cho rằng, “đốt đuốc” đi tìm một cán bộ có năng lực trên lĩnh vực này mà không thấy để đặt họ vào đúng vị trí tham mưu, trợ lý cho Đảng, Nhà nước hoặc có nhiệm vụ “tác chiến” trên lĩnh vực lý luận, phê bình của các tờ báo, tạp chí. May mắn “võ” được một cây bút nào đó để đưa về cơ quan đang là cách sử dụng, chọn người khá phổ biến hiện nay. Ở đây có mối tương quan tưởng như lồng lěo, nhưng thực chất có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, đó là quan hệ giữa đào tạo và sử dụng. Cần phải đào tạo theo nhu cầu, theo vùng miền từ tỉnh, thành phố đến các ngành của Trung ương. Trong cả nước, chúng ta có khoảng 200 tờ báo, tạp chí, nhà xuất bản và vài chục cơ quan nghiên cứu cần người làm công tác lý luận, phê bình văn hóa, văn học, nghệ thuật. Hiện nay, đội ngũ này, đặc biệt trên lĩnh vực các loại hình nghệ thuật, thiếu trầm trọng. Mặt khác, ở một số địa phương, những năm gần đây xuất hiện một số cây bút trẻ viết lý luận, phê bình có triển vọng, song phần lớn họ là “tự bối”, rất ít được quan tâm thực chất. Như vậy, vấn đề quy hoạch (đào tạo gắn với sử dụng) đội ngũ này trong một thời gian tương đối dài, trở thành một giải pháp lớn, mà lâu nay, hình như chưa hề làm. Nhà trường cần nắm được nhu cầu của các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, của các cơ quan nghiên cứu, của các báo, tạp chí cả ở Trung ương và địa phương để lập kế hoạch đào tạo theo địa chỉ, từng bước lấp dần chỗ thiếu vắng. Mặt khác, các đơn vị, cơ quan sử dụng người cần

có sự liên kết trong đào tạo để bổ sung một cách chủ động cho đội ngũ lý luận, phê bình của mình. Không chỉ đào tạo cử nhân làm lý luận, phê bình mà cao hơn, cần đào tạo những người có bằng cấp thạc sĩ, tiến sĩ trên lĩnh vực khoa học này. Để làm được quy hoạch gắn kết giữa đào tạo và sử dụng, cần có một đề án riêng mà đơn vị chủ trì chắc phải là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và sự phối kết hợp chặt chẽ, thực chất của các cơ quan, đơn vị sử dụng từ trung ương đến địa phương. Tuy địa phương (tỉnh, thành phố) nào cũng cần, song, trong những năm trước mắt, cần tập trung cho các trung tâm lớn về văn hóa, văn học, nghệ thuật như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng.

Trong sử dụng đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, cần đồng thời chú ý hai lực lượng chính: những người nghiên cứu lý luận chuyên sâu và đội ngũ “tác chiến” trên lĩnh vực này, có mặt thường xuyên để đồng hành với đời sống sáng tạo đang diễn ra sôi động, khẩn trương và phức tạp. Cần có sự xuất hiện các tài năng trong cả hai lực lượng này và bằng những việc làm cụ thể, để chủ động tác động cho sự xuất hiện đó. Để làm được điều đó, cần nghĩ tới các giải pháp cụ thể sau:

- Tăng “đất” cho chuyên môn lý luận, phê bình của các báo và tạp chí chuyên ngành và cả các báo, tạp chí chủ lực của Đảng và Nhà nước. Lâu nay, hầu như bài lý luận, phê bình nào trước hết cũng bị “gò” vào số trang, số chữ. Tất nhiên, viết dài không phải là dấu hiệu của chất lượng, song biên tập viên, người đặt bài hầu hết cũng nói câu mở đầu: báo, tạp chí tôi chỉ cho “đất” thế thôi. Tôi được biết, ở nhiều nước, các tạp chí chuyên ngành hoàn toàn có thể chở được các

bài lý luận chuyên sâu, nếu bài đó có giá trị phát hiện, có chất lượng khoa học cao.

- Tạo không khí trao đổi khoa học, tranh luận dân chủ đối với một số vấn đề lý luận văn nghệ đang đặt ra và đối với một số sự kiện, hiện tượng, tác phẩm mới xuất hiện đang có dư luận, ý kiến khác nhau. Nếu có định hướng đúng, “người cầm chịch” khách quan, có bản lĩnh, có trình độ, có tâm... chúng ta hoàn toàn có thể tạo ra không khí học thuật dân chủ, khách quan, xây dựng, vì vậy, thiết nghĩ không nên né tránh công việc này. Có lẽ, công việc vốn bình thường đã trở nên “không bình thường”, trở nên “nhạy cảm” nên không khí trao đổi, đối thoại học thuật trên lĩnh vực này, vài năm gần đây, hầu như vắng bóng. Có những hội thảo khoa học lớn, quy mô “quốc gia” nhưng chỉ có người đọc bài viết sẵn, thậm chí có người nói, cố tạo không khí trao đổi, mà chẳng có lời hưởng ứng! Có ai vỗ tay mà chỉ có một bàn tay? Vì vậy, rất nhiều vấn đề lý luận văn nghệ và nhiều sự kiện văn học, nghệ thuật còn bỏ ngỏ. Hậu quả đó, ai cũng biết, nhưng đến nay, chưa có một hướng giải đáp khoa học, hợp lý. Bỏ ngỏ rồi bỏ lửng!

- Xuất bản những công trình nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật với số lượng phù hợp để công bố những kết quả nghiên cứu mới về những đánh giá, phê bình có chất lượng. Những năm gần đây, một số nhà xuất bản đã “dũng cảm” cho ra mắt những công trình đó. Nói là dũng cảm, không hề có ý “ngoa ngữ”, mà là sự thật, vì tiêu thụ các công trình đó trong tình hình hiện nay, quả là khó khăn bội phần. Tôi đã được thẩm định một số công trình thực sự có chất lượng, song số bản in chỉ là 300 (với dân số

cả nước gần 100 triệu), và có công trình, tác giả phải tự bán, tự tìm cách phát hành. Vì tình hình đó, gắn liền với đề xuất trên, xin đề nghị thành lập một *quỹ* cho xuất bản các công trình loại này. (Tôi được biết, ở Hàn Quốc, để dịch, xuất bản, phát hành một tác phẩm văn học, một công trình nghiên cứu văn học của Hàn Quốc ra nước ngoài, người dịch, nhà xuất bản, nhà phát hành được nhận từ quỹ hỗ trợ khoảng 12.000 đôla!). Một bài phê bình văn học, nghệ thuật ở ta được đăng trên các báo, tạp chí chuyên ngành có uy tín, tiền nhuận bút chỉ từ 500.000 đồng đến 900.000 đồng. Cần có những giải thưởng thực sự có giá trị hằng năm trao cho những bài viết, những công trình lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Xin lưu ý, tiền giải thưởng cao rất quan trọng, song, cùng với nó là biểu hiện của sự tôn vinh, tôn trọng các giá trị khoa học, giá trị trí tuệ của người lao động, sáng tạo trên lĩnh vực thầm lặng này.

3. Những người làm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật thuộc thành viên của các Hội Văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương. Ở ta, nhiều năm nay tổ chức như vậy đã ổn định. Và phải nhận thấy rằng, vượt qua những năm trước đây ít nhiều bị “lép vế”, chỉ như là bộ phận “thêm vào” của sáng tác trong các hội, thì những năm gần đây, lực lượng này đã được chú ý hơn. Tuy vậy, cách tổ chức như vậy không có điều kiện làm rõ tính đặc thù, đặc trưng nghề nghiệp của đội ngũ lý luận, phê bình và mặt khác, đội ngũ này bị xé lẻ ra, không có khôn gian khoa học để trao đổi, luận bàn, học hỏi và thông tin với nhau. Liệu có một phương án khác có thể khắc phục được các hạn chế trên mà không “xáo trộn”, “phình ra” về mặt tổ chức? Hiện nay, ở các hội

cụ thể đều có hội đồng (hoặc ban) lý luận, phê bình của riêng mình. Nếu những người làm lý luận, phê bình thuộc các hội trên tổ chức thành *Hiệp hội Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam* sẽ tạo nên sức tập hợp chung rộng lớn hơn và thể hiện đặc trưng nghề nghiệp của họ rõ ràng hơn. Tổ chức đó có thể trở thành một thành viên của Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam. Đề xuất này không mới, hình như đã có từ vài năm trước, nhưng sau một thời gian “rục rịch” chuẩn bị, lại trở về mô hình truyền thống. Có lẽ, cần có một đề án riêng cho giải pháp này.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT THỰC TIẾN, THÀNH TỰU, THÁCH THỨC, GIẢI PHÁP

PHÙNG VĂN KHAI

Trước tiên, phải khẳng định rằng từ rất sớm chúng ta đã có được đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật khá đông đảo. Và không chỉ đông đảo, đội ngũ ấy, trong từng giai đoạn lịch sử, đều hoàn thành xuất sắc sứ mệnh phê bình văn học, nghệ thuật. Càng về sau, đội ngũ này càng có sự phát triển cao hơn, đa dạng và phong phú hơn, đáp ứng tốt nhu cầu phê bình văn học, nghệ thuật trong tương quan xây dựng nền văn hóa mới.

Nói như thế không có nghĩa là đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật không cần thiết phải có những điều chỉnh, bổ sung, thậm chí làm mới ở nhiều lĩnh vực. Văn học, nghệ thuật vốn phát triển không ngừng, có những lúc vừa sôi nổi, vừa phức tạp. Để theo kịp sự phát triển đó, tương tác và đồng hành, thậm chí là dẫn dắt các xu hướng, khuynh hướng của sáng tác văn học, nghệ thuật, rất cần tới đội ngũ phê bình tương ứng. Điều này là một đòi hỏi chính đáng của sự phát triển lành mạnh của nền văn học trong thời kỳ mới. Điều này cũng là thời cơ và thách thức của đội ngũ làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay.

1. Thực tiễn và thành tựu

Chúng ta đã có một thực tiễn phê bình văn học, nghệ thuật phong phú với những thành tựu đã được ghi nhận. Từ các tác phẩm rải rác phê bình phong trào Thơ mới, phê bình các sáng tác tiểu thuyết, truyện ngắn trước năm 1945 khá sôi động mà tiêu biểu nhất phải kể đến *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân. Đời sống phê bình văn học, nghệ thuật luôn bám sát và đồng hành với đời sống sáng tác. Thời kỳ văn học tiền chiến cũng là thời kỳ nở rộ nhiều khuynh hướng sáng tác và phê bình. Trong một xã hội ngột ngạt về chính trị, kiệt quệ về kinh tế, xuống cấp sâu sắc về văn hóa, đạo đức xã hội nhưng kỳ lạ thay, các sáng tác văn học, nghệ thuật, trong đó có mảng phê bình lại phát triển rất mạnh, nhiều thành tựu về văn học, các loại hình nghệ thuật như điêu khắc, hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh... đều có những cột mốc đáng ghi nhận. Điều này nói lên cái gì? Tại sao trong một xã hội tương đối ổn định như hôm nay không có được sự nở rộ đó? Phải chăng công tác quản lý về sáng tác và phê bình văn học, nghệ thuật của chúng ta có vấn đề? Hàng loạt những câu hỏi đã và đang được đặt ra một cách khách quan, khoa học, đòi hỏi không chỉ giới sáng tác, giới phê bình mà cả giới quản lý phải trả lời.

Quay trở lại thực tiễn sáng tác và những thành tựu mà phê bình văn học, nghệ thuật đã đạt được trong khoảng thời gian sau năm 1945 đến nay, ta thấy có mấy đặc điểm lớn, cũng là những thành tựu đã được ghi nhận:

Thứ nhất, trong kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945-1954, từ thực tiễn cuộc chiến đấu gian khổ của nhân dân ta, các tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời, vừa để phục vụ kịp

thời đời sống tinh thần của các tầng lớp xã hội, vừa là khảng định tư duy mới, con người mới, con người khao khát hướng tới độc lập, tự do. Bởi vậy, các sáng tác văn học, nghệ thuật trong thời gian này đã làm tròn vai trò lịch sử. Từ văn học đến các loại hình âm nhạc, hội họa, điêu khắc, nhiếp ảnh... đều bám sát đời sống mọi mặt của quần chúng nhân dân. Các tác phẩm được nhân dân đón nhận. Có tác phẩm ra đời ngay trên chiến壕 còn sực mùi thuốc súng, thậm chí còn đang chảy máu như tác phẩm: *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ* của Nguyễn Sáng; *Viếng bạn* của Hoàng Lộc; *Trận phô Ràng* của Trần Đăng... Ngay như một nhà văn kỹ tính như Nguyễn Tuân cũng đã theo sát cùng bộ đội trực tiếp đánh đồn giặc. Ông còn cầm dùi trống thúc mạnh cho quân ta xông lên giết giặc, sau đó trực tiếp viết luôn về trận đánh đó. Có thể nói, chính cuộc sống chiến đấu cần lao và lẫm liệt của quân và dân ta đã là chất liệu làm nên những thành tựu, những cột mốc sáng tạo của các loại hình văn học, nghệ thuật trong kháng chiến chống Pháp. Chính từ thực tiễn ấy, những sáng tác đã tự cất lên tiếng nói của thời đại mình. Và từ nền tảng sáng tác ấy, phê bình văn học, nghệ thuật đã làm tròn trách nhiệm, thậm chí có lúc đã làm rất tốt công việc dẫn dắt, định hướng cho sáng tác.

Thứ hai, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến năm 1975, từ thực tiễn cách mạng, các thành tựu về văn học, nghệ thuật đã có những xu hướng vận động mới. Cuộc kháng chiến càng bước vào giai đoạn cam go, khốc liệt thì càng đòi hỏi những sáng tác văn học, nghệ thuật trực diện hơn, kích hoạt tính chiến đấu kiên quyết hơn. Vì vậy không tránh khỏi có lúc là cực đoan một chiều, ta đúng - địch sai, nhất nhất tiến

thắng về phía trước, bất chấp những đặc tính của văn học, nghệ thuật luôn đòi hỏi sự cân bằng bản thể, sự thâm trầm được chắt lọc chứ không thể nào văn học, nghệ thuật giống như những nguyên tắc của chiến tranh. Nguyên tắc của chiến tranh là vô nguyên tắc. Văn học, nghệ thuật lại cần sự hữu lý, sự cân bằng và sự nhân văn đến tận cùng. Điều này dường như đối nghịch với nguyên tắc chiến tranh. Bởi vậy mới nói rằng thành tựu của văn học, nghệ thuật thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến năm 1975 đã có những dấu mốc quan trọng, nhưng thời gian đi qua sẽ dần dà bộc lộ những thiếu khuyết của nó. Điều này là chấp nhận được. Nó là tất yếu của một giai đoạn lịch sử văn học chứ không đáng lo ngại như một số người lầm tưởng. Chúng ta có những thời kỳ lịch sử buộc phải diễn ra như vậy. Điều đó bao gồm cả văn học, nghệ thuật. Đây cũng là sự phát triển bình thường, tất yếu, khách quan. Phải hiểu được như vậy thì chúng ta mới dám nhìn thẳng vào những thiếu khuyết của sáng tác văn học, nghệ thuật để vững vàng bước tiếp. Trong khoảng thời gian này, phê bình văn học, nghệ thuật luôn đi cùng sáng tác, cổ vũ, động viên và có những đánh giá kịp thời để sáng tác đi đúng con đường mà dân tộc và nhân dân đòi hỏi.

Thứ ba, sau cột mốc lịch sử năm 1975 đến Đổi mới (1986), trong tư duy của người chiến thắng, dường như chúng ta bị “ngây ngất” một thời gian, trong đó có các sáng tác văn học, nghệ thuật. Sau chiến tranh, cuộc sống bừa bộn và phức tạp hơn nhiều. Phải quản lý và kiến thiết một đất nước từng có vài chục năm chia cắt với những sự khác biệt rất lớn đã đặt lên vai chúng ta quá nhiều việc. Văn học, nghệ thuật thời điểm này phải giáp mặt với những nẻo khuất trong cuộc sống

vô cùng phức tạp. Trước xu thế mới của xã hội đòi hỏi văn học, nghệ thuật phải có cách nhìn mới, phải “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Mục tiêu là như vậy, nhưng sự thật ở đây là sự thật nào? Đã có sự phân hóa sâu sắc trong giới sáng tác và đương nhiên hình thành sự phân hóa dữ dội trong giới phê bình văn học, nghệ thuật. Dẫu là thế cũng không thể không nhắc đến những thành tựu đã trở thành cột mốc. Những chuyển động dữ dội đã trở thành những làn sóng mang giá trị tư tưởng, làm tiền đề cho sự đổi mới văn học, nghệ thuật sau này. Chúng ta đã có những đánh giá, tổng kết xác đáng về văn học, nghệ thuật giai đoạn này. Đó vừa là thành tựu của sáng tác, vừa là nền tảng thành công của phê bình văn học, nghệ thuật giai đoạn 1975-1986.

Thứ tư, sau dấu mốc Đổi mới (1986), các sáng tác văn học, nghệ thuật có sự đa dạng và phức tạp đan xen. Các loại hình nghệ thuật tìm đường đi mới cho mình đã bộc lộ nhiều khuynh hướng, trong đó phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa dường như đã chững lại. Đó cũng là một tất yếu mang tính khoa học biện chứng. Ngay như chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và một số nước Đông Âu cũng rơi vào thoái trào, thậm chí sụp đổ. Điều đó vừa bất ngờ, vừa không bất ngờ. Chính sự mới mẻ này đã là nền tảng mạnh mẽ nhất để thúc đẩy các khuynh hướng sáng tác khác nhau. Chỉ riêng lĩnh vực văn học, ở mảng tiểu thuyết, một loạt tác phẩm có khuynh hướng mới, khác trước ra đời, gây tiếng vang như: *Thời xa vắng* của Lê Lựu; *Bến không chồng* của Dương Hướng; *Mảnh đất lấm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường; *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh... đã khiến đời

sóng văn học, nghệ thuật, trong đó có phê bình văn học, nghệ thuật sôi động hắp lênh. Đặc biệt, đến khi Nguyễn Huy Thiệp trình làng các tác phẩm *Tướng về hưu*, *Vàng lửa*, *Kiếm sắc*, *Phẩm tiết*, *Những ngọn gió Hua Tát*, *Con gái thủy thần*, *Thương nhớ đồng quê*... đã tạo ra sự chấn động trong giới văn chương chữ nghĩa. Lúc này, sự phân hóa của giới phê bình văn học, nghệ thuật đã lên tới đỉnh điểm, chia thành hai phái khen - chê quyết liệt. Có lúc điều này đã trở thành lo lắng cho những người làm công tác quản lý văn học, nghệ thuật. Đã có lúc có sự thái quá về khen - chê khiến công chúng yêu văn học dường như bị chênh chao, mất phương hướng khi đi tìm giá trị thẩm mỹ cốt lõi. Sau độ lùi thời gian, chúng ta thấy hiện tượng phê bình Nguyễn Huy Thiệp theo nhiều chiều như vậy cũng là lẽ bình thường, tất yếu của một nền văn học, nhất là trong đổi mới. Điều này là sự lành mạnh đáng khen ngợi. Chúng ta phải biết gạn lọc, khơi trong mới có thể tạo điều kiện tốt nhất để văn học, nghệ thuật phát triển tự nhiên. Sự phân hóa của phê bình văn học, nghệ thuật phải được hiểu là một tất yếu khoa học. Các nhà quản lý văn học, nghệ thuật dường như không hiểu hoặc cố tình lờ đi vấn đề này chỉ làm cản trở sự phát triển của văn học, nghệ thuật mà thôi.

Tựu trung lại, từ thực tiễn và thành tựu của sáng tác văn học, nghệ thuật đã dẫn đến những thành tựu từng bước của chuyên ngành phê bình văn học, nghệ thuật. Xưa nay, thường khó có sự thống nhất ý kiến, đánh giá, nhìn nhận của giới sáng tác và giới phê bình. Dường như luôn có sự vênh nhau, phản biện lẫn nhau, thậm chí là phủ định nhau. Điều này đã tồn tại và sẽ còn tồn tại. Chúng ta nên nhìn nó

dưới góc độ khoa học sẽ thấy rằng đó cũng là vẻ đẹp của văn học, nghệ thuật. Bất kỳ một sản phẩm văn học, nghệ thuật nào đều cần và phải được đánh giá, phê bình một cách liên tục và công tâm. Đây chính là công sức, thành tựu, lẽ sống của phê bình văn học, nghệ thuật. Chúng ta nên vừa phản biện, vừa lắng nghe nhau; vừa phê bình, vừa dẫn dắt nhau, hướng tới sự đồng thuận để cùng tiến đến bầu trời đích thực của nghệ thuật.

2. Thách thức và giải pháp

Phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay đang chịu rất nhiều thách thức. Thách thức từ chính sáng tác và đời sống văn học, nghệ thuật. Phê bình văn học, nghệ thuật cũng có nhiều “căn bệnh” mà những nhà quản lý, người sáng tác, công chúng thường thức văn học, nghệ thuật đã chỉ ra. Có nhiều ý kiến cho rằng phê bình không theo kịp sáng tác, chạy theo sáng tác, màu mè nhõng nhẽo, thậm chí làm “nhiễu” đời sống văn học, nghệ thuật. Bình tâm mà xét, không phải những ý kiến trên thiếu lý lẽ thuyết phục, giới phê bình hãy tự tìm hiểu nguyên nhân. Điều này vừa phù hợp với yếu tố khoa học, vừa là để tìm ra đường đi tất yếu, bền vững, góp phần làm nên thành tựu mới của phê bình văn học, nghệ thuật.

Phải thấy được rằng những bất cập, thậm chí rõi ren của phê bình văn học, nghệ thuật đang diễn ra có nguyên nhân trước tiên từ phía những người sáng tác. Những khuynh hướng sáng tác mang quá nhiều tính thử nghiệm, phiêu lưu, gây sốc đã vô hình trung làm phương hại tới công việc phê bình. Nhà văn chẳng hạn, nhiều người, nhất là các tác giả trẻ

ưa thích phiêu lưu, muốn sớm nổi danh đã tung ra các tác phẩm bất chấp “luân thường đạo lý” khiến các nhà phê bình lúng túng. Đơn cử trường hợp tác phẩm của một cây bút trẻ nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh viết rất rẻ rúng, buông tuồng, tha hóa, một loại văn chương hạ cấp bỗng nhiên trở thành sách best seller. Các nhà phê bình im lặng hoặc khen chê không theo quy cách gì càng khiến người đọc mất phương hướng. Các nhà văn đích thực lúc này đây trông chờ sự minh định của nhà phê bình nhưng mỏi mòn không thấy. Điều này càng kéo giãn khoảng cách, sự ngán ngẩm giữa giới sáng tác và phê bình. Điều này khiến công chúng bất an. Có lẽ nào một cuốn sách hạ cấp như vậy lại bán chạy và nhà phê bình lại vô can và vô cảm?

Thách thức của phê bình văn học, nghệ thuật còn đến từ sự vô lối của các nhà xuất bản. Thời kinh tế thị trường, mọi thứ đều sôi động và phức tạp. Diễn biến xuất bản của các nhà xuất bản trong cả nước không tránh khỏi những hệ lụy. Các loại sách tràn ngập thị trường hiện nay là một thách thức lớn đối với công tác phê bình. Đặc biệt là những sách “vô thường vô phạt”, thậm chí sai trái về ngôn ngữ, đạo đức, kiến thức, lệch lạc về tư tưởng chính trị... vẫn được xuất bản và lưu hành. Phê bình văn học, nghệ thuật đứng trước một “núi” sách hay - dở lần lộn chỉ biết “thở dài”. Một số đơn vị xuất bản “nhăm mắt” để các tác phẩm như thế ra đời. Các đơn vị xuất bản cũng phải tìm cách để tồn tại và phát triển, nên có xảy ra hiện tượng cho xuất bản một số tác phẩm dở còn hơn in các tác phẩm hay nhưng nhạy cảm về chính trị, để đảm bảo an toàn cho mình. Các nhà phê bình văn học, nghệ thuật dường như bất lực trước đống sách dở được hà hơi tiếp sức

từ một số nhà xuất bản. Đây là một thách thức không nhỏ, một ngáng trở không cần thiết đã và đang diễn ra, thách thức không chỉ nhà phê bình mà đối với cả giới sáng tác chân chính.

Một thách thức nữa đến từ phía bạn đọc phổ thông, nhất là những bạn đọc ưa thích ném đá trên mạng càng dễ gây rối cho các nhà phê bình. Năm người mười ý. Trong nhà chưa tò ngoái ngõ đã thông. Đọc vội dăm ba trang rồi phán xét cả cuốn sách. Không vừa ý ở đâu đó là có thể đem tác phẩm bất kỳ nào đó ra thỏa mạ. Ngay như trên các trang mạng văn chương đang ngày càng nhanh nhảm thì những ý kiến đao to búa lớn, đông - tây - kim - cổ rất ghê gớm, thiếu kiểm chứng khiến không chỉ nhà phê bình mà ngay người sáng tác cũng chỉ biết ngơ ngác nhìn nhau. Điều này biểu hiện cái gì? Xin trả lời, đó là chúng ta chưa có sự trưởng thành của một xã hội văn minh. Các nhà văn và các nhà phê bình phải làm gì? Câu trả lời không hề đơn giản. Cần phải có một phuơng lược dài rộng, sự chung tay góp sức từ những người quản lý cấp cao tới mọi giai tầng trong xã hội ở mức độ quyết liệt nhất.

Một thách thức không nhỏ đến từ chính đội ngũ những người làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật. Chính đội ngũ này đang có sự phân hóa rõ rệt. Chia tách nhau ra để khai thác mỗi cá tính, mỗi tiềm năng làm nên sự khác biệt, góp phần để phê bình văn học, nghệ thuật đa dạng, phong phú, nhiều màu sắc là điều đáng quý, nhưng chia rẽ đến mức chỉ dành thời gian kích kích lẩn nhau, “bỏ bóng đá người”, “đánh lận con đen” là một điểm yếu đang hiện hình trong đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật. Phê bình cũng như sáng tác, không chỉ cần trái tim đồng điệu, tài năng toàn diện mà

phải biết từ con mắt xanh ấy, từ trái tim nóng ấy, bình tĩnh mà sáng tạo trên những tác phẩm đã được sáng tạo bằng tim óc của nhà văn. Chúng ta vẫn hay phàn nàn thiếu những nhà phê bình tầm cỡ mà không biết trân quý những nhà phê bình tài hoa, tuy chỉ ở từng mảng nhưng đó mới là cuộc sống đích thực. Chưa có ngay được người đại tài để dùng thì hãy nên sử dụng những người tài vừa, tài ít và tôn vinh họ. Đừng đem cái đòi hỏi vô cùng tận để áp đặt vào sáng tác hoặc phê bình văn học, nghệ thuật như hôm nay.

Từ những thực tiễn, thành tựu và những thách thức đã và đang được đặt ra, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay đang đứng trước những vận hội và thời cơ mới. Vuột lên trên tất cả, dung hòa và tìm hướng đi đúng đắn cho mình, tạo dựng một hệ thống lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chuẩn hóa trên cơ sở lấy sự phát triển toàn diện của các hoạt động văn học, nghệ thuật làm trung tâm, phát huy mọi giá trị sẵn có từ truyền thống tối hiện đại làm diện mạo, tự tin xác lập nền tảng riêng trên tinh thần nền tảng văn hóa, các thành tựu văn hiến của dân tộc và hội nhập quốc tế có chọn lọc... chính là con đường mới của lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay.

Chúng ta đang trong xu thế hội nhập mạnh mẽ, trong đó có hội nhập về văn hóa. Điều này đòi hỏi không chỉ ở nền tảng lý luận, các mảng sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật mà cái đích đến cao nhất chính là xây dựng sự trưởng thành toàn diện, trong đó có trưởng thành về văn hóa của người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh trong dòng chảy văn minh nhân loại. Chúng ta không chỉ cần tự chủ, tự tin, tự hoàn thiện năng lực và nhân cách của mình mà phải biết

bứt phá và bước đi từng bước vững chắc trong xu thế hội nhập. Chúng ta không chỉ mãi trích dẫn người khác từ lý thuyết đến thực hành, từ sáng tác đến phê bình. Ở một đất nước với trên chín mươi triệu dân, với bề dày văn hóa lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước vô cùng đậm đặc bản sắc, chúng ta phải biết tự mình rèn luyện, trưởng thành. Những thành tựu, trong đó có thành tựu về văn hóa, văn học, nghệ thuật của loài người đem đến đối với người Việt Nam phải biết tiếp nhận và chuyển hóa, nhận thức và sáng tạo trên tinh thần đổi mới, biết cách mở rộng, nâng tầm để đóng góp những tinh hoa của riêng mình vào ngôi nhà chung nhân loại. Điều này phải được mỗi người làm công tác sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật tiếp nhận và tự đặt ra từng mục tiêu riêng, từng mốc sáng tạo, hướng đến xây dựng thành tựu từ riêng mỗi cá thể tới cộng đồng rộng lớn. Đây chắc chắn là ước muốn và khát vọng không chỉ của giới sáng tác, nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật trong giai đoạn lịch sử sôi động hôm nay. Một dân tộc, một con người nếu thiếu tự tin, cứ tự ti về văn hóa sẽ không thể nào ngẩng cao đầu lao động sáng tạo và đóng góp hữu ích để trưởng thành.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY - MỘT HIỆN THỰC ĐÁNG BUỒN

NGUYỄN THỊ NAM

Có thể nói “một hiện thực đáng buồn” về thực trạng của phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay mà không sợ quá lời. Công việc phê bình văn nghệ không được coi trọng ở nhiều khâu: từ người cầm bút đến người sử dụng, và hậu quả là công chúng cũng không coi trọng, không chờ đợi, thậm chí quên luôn.

1. Về thực trạng

Rất ít những bài viết chất lượng theo đúng yêu cầu, trách nhiệm của phê bình văn nghệ. Hiểu chữ phê bình đủ nghĩa, không chỉ là “phê” cho người ta thấy cái dở, sự thiếu sót của tác phẩm mà còn phải “bình” đến nơi đến chốn sự thành công, cái hay, cái đẹp không chỉ về nội dung tác phẩm mà cả hình thức thể hiện theo đặc thù ngôn ngữ của ngành nghệ thuật của tác phẩm được viết cũng như giá trị của tác phẩm trong bối cảnh xã hội và của sự phát triển ngành đó nếu có. Hiện nay tồn tại nhiều bài viết “phê” không đến nơi đến chốn, “bình” cũng chẳng thấu đáo.

Nói rằng không có những bài viết phê bình đúng nghĩa và có giá trị thì không đúng nhưng thực sự rất ít và buồn thay

đó lại không phải là khuynh hướng chung của những người có điều kiện cầm bút hiện tại. Nói rằng “có điều kiện” là để chỉ những người có chân trong một tòa soạn báo, tạp chí, trong ban văn nghệ của đài phát thanh và truyền hình Trung ương và địa phương. Họ có “đất” để đăng bài hoặc lên sóng. Những người viết phê bình ngoài biên chế của họ, nếu tự viết gửi đến thì không có chỗ vì thực tế họ muốn thông tin sớm, nhanh, họ không chờ được và họ cũng ít đặt viết nếu bản thân biên tập viên và “lãnh đạo” của cơ quan ngôn luận đó không chú ý đến việc phê bình có hiệu quả tốt. Vậy thì có hiện tượng viết theo kiểu “điểm báo, điểm phim, đọc sách”... nghĩa là tóm tắt nội dung là chính, may ra thì có thêm vài nhận xét hay, dở và vài ba câu về đạo diễn hoặc diễn viên nếu là bài “điểm” phim hoặc vở diễn... Và như thế thì điểm phim, điểm sách, điểm vở diễn cũng viết na ná như nhau.

Bởi lẽ trên, đã xuất hiện cụm từ “phê bình kiểu báo chí” để chỉ kiểu viết hời hợt này. Bài của cộng tác viên được xử lý có nhiều lúc tùy tiện. Ở những tạp chí chuyên ngành và người phụ trách có xu hướng theo học thuật thì khi thay đổi hoặc sửa chữa câu chữ, biên tập viên trao đổi với tác giả. Đó là cách làm đúng luật và thể hiện sự tôn trọng người viết. Nhưng ở một số tờ báo không chuyên ngành thì sự sửa chữa, cắt cúp rất chủ quan, nhiều khi cắt cơ học, họa sĩ cũng có thể cắt do... thiếu chổ. Tôi đã có nhiều kinh nghiệm cay đắng về chuyện bài của mình bị sửa chữa, cắt cúp vô lối này.

Phê bình “kiểu báo chí” này có thể có những bài trung tính, khách quan mặc dù hời hợt. Nhưng không ít trường hợp

có những bài viết theo kiểu quảng cáo, tiếp thị; khen quá lời vì mối quan hệ cá nhân, vì mối quan hệ của cấp trên của người viết với người có tác phẩm... Còn đâu tính khách quan của người bút phê bình?

Tôi đã hỏi ý kiến một số nhà văn về phê bình văn nghệ và nhận được những ý kiến của họ. Ngô Thảo - nhà văn, nhà phê bình sân khấu nói: “Chỉ có những ý kiến sau các buổi tổng duyệt là khả dĩ, còn nói chung không có phê bình sân khấu” (Có khi vì nể người phụ trách nhà hát - sợ bị chê thì vở diễn không có khán giả). Nhà báo, nhà văn Trần Chiến nói rằng: “Đôi khi một vài ý kiến vỗ vai nhau nói thì có giá trị”. Nhà văn Bắc Sơn nhận xét về một số bài phê bình - trong đó có bài viết về truyện của ông, rằng: chính những người viết cũng không hiểu hoặc hiểu không đúng tác phẩm.

2. Về nguyên nhân

Nguyên nhân của sự bất cập trong phê bình văn học, nghệ thuật có thể tìm từ hai phía: người viết và người quản lý, sử dụng.

a) Người viết: vấn đề đào tạo, tự đào tạo

Đội ngũ viết chủ lực ở các cơ quan báo chí đều đã tốt nghiệp một trường đại học văn khoa, âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu - điện ảnh, nhưng đại học báo chí là nhiều nhất...

Đại học báo chí chắc chắn sẽ không dạy chuyên sâu về các ngành nghệ thuật. Những người tốt nghiệp các trường văn học, nghệ thuật được đào tạo cơ bản, nhưng nếu chúng ta đi sâu tìm hiểu thì ở một số trường, sự đào tạo này cũng không đạt yêu cầu do điều kiện của môi trường học, do trình

độ và nhiệt huyết của giảng viên, do cách học và sự nhiệt tình của sinh viên (Tôi có một kỷ niệm khó quên: một sinh viên đến nhờ hỗ trợ làm luận văn tốt nghiệp Khoa Lý luận - phê bình điện ảnh thật thà nói với tôi: “Thú thật với cô, em cũng chẳng hiểu ngôn ngữ điện ảnh là gì”. Nó là tổng hợp nhiều môn em ấy học trong trường, nhưng không ai giúp em đúc kết lại. Lúc ấy tôi nghĩ, “Trời ơi, những người học lý luận, phê bình như thế này mà ngồi ở một tòa soạn, họ cứ tự nhiên cho quyền nhúng bút vào bài vở của những người như mình - khi viết luôn đắn đo, cân nhắc từng câu, từng chữ - thì thật đau khổ cho người cầm bút”).

Kiến thức ở nhà trường mới chỉ là cơ bản, là sơ đẳng, nếu sau khi ra trường không tiếp tục trau dồi, mở rộng hiểu biết thì năng lực sẽ rất hạn hẹp. Trong khi đó, trong các ban văn nghệ của báo chí, dài không chuyên ngành thì một phóng viên - biên tập viên phải phụ trách vài ba ngành nghệ thuật. Tính không chuyên, kiến thức chưa thể đủ dùng nếu bản thân mỗi người không tự học thêm (và cả việc học văn bằng 2 của môn mình chưa được đào tạo) thì chuyện viết, chuyện sử dụng bài phê bình văn nghệ bị hạn chế là điều không mấy ngạc nhiên.

Việc rèn luyện bản thân để mở rộng sự hiểu biết, nâng cao tay nghề trước hết là của bản thân các nhà báo, nhà phê bình. Nhưng bản thân họ cũng bị nhiều hạn chế do hoàn cảnh khách quan.

b) Người quản lý, cách quản lý

Không phải tất cả những cán bộ quản lý ở các đài, báo, ở bộ phận văn nghệ đều có chuyên môn sâu rộng về văn học,

nghệ thuật (trừ ở các tạp chí chuyên ngành) hoặc có tình yêu với các bộ môn này.

Người được cất nhắc lên vị trí quản lý - lãnh đạo trước hết được xét về trình độ nhận thức chính trị. Nhiều người lên chức bắt buộc phải lấy bằng ở các lớp chính trị cao cấp: rất đúng, nhưng chưa đủ. Có lẽ chưa có nơi nào yêu cầu họ dự các lớp về lý luận và thực tiễn văn học, nghệ thuật hoặc học thêm về ít nhất là một trong các ngành văn học, nghệ thuật. Trong khi nếu làm công tác văn hóa tốt thì hiệu quả chính trị rất lớn.

Các cán bộ lãnh đạo báo chí văn nghệ hầu như không quan tâm đến việc tự bồi dưỡng kiến thức văn học, nghệ thuật cho mình. Họ có lẽ cũng ít tạo điều kiện cho cấp dưới được học hành bồi dưỡng thêm, cũng không để tâm đến việc cấp dưới của mình thuận hay nghịch với bộ môn được phân công phụ trách.

Cán bộ quản lý nào có chút tình yêu với văn học, nghệ thuật thì còn chăm chú đến yếu tố nghệ thuật, chất lượng chuyên môn (văn học, nghệ thuật) của bài viết. Còn nói chung, điều quan tâm lớn nhất, gần như tuyệt đối của họ là làm sao không phạm về chính trị, sau đó có thể mới tính đến “hay” (mà không hay cũng chẳng sao!). Bởi vậy, họ duyệt cho qua những tin, bài về văn học, nghệ thuật cũng theo tiêu chuẩn chính trị, không phạm luật, không phạm những điều cấm kỵ về chính trị là được. Do đó, ở nhiều báo không xuất hiện những bài phê bình văn học, nghệ thuật có chất lượng, mặc dù vẫn còn có những người viết tốt.

Cách quản lý này đã khép quanh làm cho các mục văn học, nghệ thuật thiếu chiều sâu, ít thú vị, ảnh hưởng đến

người viết lẫn những người biên tập, ảnh hưởng cả đến cảm hứng của công chúng.

Khi những người có quyền chỉ đạo một cơ quan báo chí cụ thể mà không đánh giá đúng, không coi trọng vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật thì hoạt động này trên thực tế sẽ rời rạc, lỏng lẻo, không làm được chức năng tích cực và cần thiết của nó là góp phần thúc đẩy sáng tác và nâng cao thị hiếu cho đám đông.

Như vậy, hiện thực đáng buồn của phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay là có thực, trước hết ở nguyên nhân chủ quan từ những người cầm bút viết, biên tập và người cầm bút duyệt.

Còn một trong những yếu tố khách quan là chế độ nhuận bút và lương bổng. Học đã khó, đi xin việc cũng không dễ dàng, nhiều người phải làm trái nghề. Đồng lương có lẽ cũng chẳng nhiều nhặt gì nếu so với các công việc khác trong xã hội. Vì vậy, chỉ những ai thực sự yêu nghề mới theo nghề. Mà những yếu tố kích thích lòng yêu nghề lại yếu và kém. Ví dụ trong thực tế, học sinh, sinh viên không quan tâm, ít đọc sách văn học, nghệ thuật; cuộc vận động đọc sách cũng không đả động đến đọc sách văn học, nghệ thuật... thì lấy đâu ra cở sở cho tình yêu để cống hiến cho những ngành này. Phê bình văn nghệ rời rạc, buồn tẻ, không hấp dẫn thì lấy gì khích lệ người ta đi theo nghề? Một bài viết phê bình, nghiên cứu, chưa nói đến sự đầu tư trí tuệ và cảm xúc, mới chỉ nói đến thời gian để có một bài viết có chất lượng, được đăng (đã khó) mà nhận được món nhuận bút ít ỏi mới thấy “thê thảm” (những người làm nghề khác rất ngạc nhiên khi biết “giá tiền”

của những bài viết nghiêm túc và là kết quả của sự đầu tư trí tuệ cùng với cảm xúc ấy). Như vậy, chỉ có ai rất yêu nghề mới theo đuổi công việc này. Mà số này luôn luôn không nhiều và ngày càng ít.

c) Tinh thần phản biện

Một trong những điều thiếu hụt trong phê bình văn học, nghệ thuật ở nước ta là thiếu sinh hoạt phản biện đầy đủ. Tự do sáng tác là của nhà văn nhưng sự phổ biến và tiếp nhận nó như thế nào là điều cần được chú ý. Nhìn nhận nghiêm túc và mức độ, không phải chỉ vì chúng ta bị ảnh hưởng tư tưởng cũ, lẽ ra cần phải tranh luận cho thấu đáo, thì có hiện tượng một vài nhà phê bình theo xu hướng cấp tiến ca ngợi các tác phẩm thực chất chỉ nhân danh tự do để thực hiện với mục đích khác, hết lời tung hô các tác giả, coi họ như những người tiên phong của trào lưu đổi mới. Như vậy không tốt và là sự vô trách nhiệm.

Một vài bộ phim điện ảnh miêu tả không đúng hiện thực xã hội của thời quá khứ được khen hết lời, thậm chí đoạt những giải thưởng cao mà hiếm có bài vạch ra sự yếu kém, sai lệch. Những tác phẩm kiểu này qua thời gian sẽ làm cho những người không biết về hiện thực xã hội mà bộ phim miêu tả hiểu sai về lịch sử.

Trong sáng tác có sự tiếp nhận lý thuyết và các khuynh hướng sáng tác của nước ngoài (ví dụ chủ nghĩa hậu hiện đại), ở đây không nói đến sự tác động đối với các nhà lý luận mà chỉ nói tới sự tác động đối với người sáng tác và người phê bình. Tôi nghĩ rằng sự tiếp nhận các khuynh hướng, trào lưu

sáng tác ngoại lai là lẽ tự nhiên bởi vì những người sáng tạo luôn vươn đến cái mới, nhưng đích ngãm của sự tiếp nhận, sự sáng tạo này trước hết phải là công chúng trong nước mình, sáng tác không phải chỉ để thể hiện bản thân mình là người tiên phong. Có những tác giả nước ngoài theo chủ nghĩa hậu hiện đại rất nổi tiếng, được các nhà nghiên cứu viết rằng: khó ai hiểu nổi tác phẩm của họ. Sáng tác chỉ để thỏa mãn bản thân mà không hướng tới công chúng thì không phải là điều đáng khuyến khích.

Ở ta cũng có một số tác phẩm (mới) theo trào lưu đó. Bản thân tôi đã cố gắng đọc một cuốn tiểu thuyết rất dày có tên *Hỗn độn*, khó đọc quá nên tôi cũng đọc một cách “hỗn độn” rồi bỏ dở. Tôi làm nghề viết, việc đọc sách là một trong những yếu tố để tồn tại mà “bỏ chúa” thì những người không làm nghề sẽ đọc thế nào? Khi những tác phẩm kiểu này được xuất bản, trên công luận hiếm có sự trao đổi, sự đối thoại đến nơi đến chốn của các luồng ý kiến trái chiều qua các bài viết để công chúng biết được những tác phẩm ấy hay ở chỗ nào, dở như thế nào. Những cuộc tranh luận có tính trao đổi hoặc phản biện sẽ tạo nên sự hấp dẫn của phê bình văn nghệ, hấp dẫn những người cầm bút và những người có thể theo nghề và độc giả. Những tác phẩm được coi là phản lại đường lối chính trị hoặc phản lại quyền lợi dân tộc càng phải được mổ xẻ, tranh luận cho đầy đủ để công chúng biết cái xấu hoặc cái có thể vót vát được của tác phẩm, chứ không nên dập tắt một chiều và ngay lập tức (nhất là sách và phim bị cấm phát hành). Càng công khai, càng thẳng thắn thì càng có lợi cho công chúng và giới chuyên môn.

Trên đây là vài nét phác thảo về tình hình phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay. Tình trạng này tồn tại đã khá lâu và sẽ tiếp tục nếu không có quyết tâm thay đổi từ người quản lý cao nhất đến các cấp dưới, thấp dần, đến biên tập viên và người cầm bút.

3. Giải pháp, kiến nghị

a) Về quản lý

Các cán bộ quản lý phải thấy rõ tầm quan trọng của phê bình văn học có giá trị, có chất lượng để có khả năng cuốn hút công chúng, dẫn dắt họ và có tác động tới sáng tác. Đó là cách làm chính trị có hiệu quả nhất. Ở mỗi cung bậc có nhiệm vụ và cách làm riêng nhưng phải nghĩ đến và phải tìm cách thực hiện (ví dụ bản thân họ cũng phải nâng cao sự hiểu biết; quan tâm đào tạo cấp dưới, chăm chút cho các chuyên mục, sử dụng tốt, thậm chí cả việc bồi dưỡng cộng tác viên).

b) Về đào tạo

Tăng cường chất lượng sinh viên, chất lượng của các trường chuyên ngành (ngành văn học thì có thể yên tâm vì đã có truyền thống về đào tạo). Thậm chí có thể theo quy trình đào tạo ngược lại với hiện tại: các báo lấy nhiều sinh viên tốt nghiệp Học viện Báo chí - Tuyên truyền về phụ trách ở nhiều chuyên mục, thậm chí báo, tạp chí chuyên ngành cũng lấy sinh viên tốt nghiệp đại học báo chí. Theo tôi, với các phóng viên, biên tập viên về văn học, nghệ thuật thì nên lấy sinh viên ở các trường đào tạo văn học, nghệ thuật về rồi cho đi học lớp báo chí ngắn hạn thì chắc chắn

họ sẽ làm tốt hơn là chỉ học báo chí rồi vẽ ngỡ ngàng với các bộ môn kia.

Đạo diễn Việt kiều Pháp Lê Lâm nói rằng ở Trường La Femis - nơi ông tham gia giảng dạy - sinh viên muốn học phê bình điện ảnh phải có bằng Thạc sĩ của một đại học khoa học xã hội. Nhà nghiên cứu, phê bình mỹ thuật Nguyễn Hải Yến, trong một bài viết cách đây đã lâu, cũng nêu ý kiến đào tạo những cử nhân khoa học xã hội thành nhà phê bình mỹ thuật. Ý kiến đó rất đúng, rất cần thực hiện. Nhưng khổ nỗi hiện nay các trường nghệ thuật rất thiếu thí sinh để tuyển vào các lớp phê bình, có khóa hẽ ai ghi tên là được học. Riêng Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh những năm gần đây đã không mở lớp vì không có thí sinh học phê bình - lý luận. Đó là đào tạo chính quy.

Còn việc tiếp tục được đào tạo, nâng cao trình độ tại chỗ của các phóng viên, biên tập viên đang công tác thì nên có quy chế học thêm văn bằng hai hoặc các lớp ngắn hạn về bộ môn mình phụ trách kiêm nhiệm không đúng chuyên môn đã được đào tạo. Có quy chế chính thức thì phóng viên, biên tập viên sẽ phải theo và các cán bộ phụ trách cũng phải thực hiện trách nhiệm nâng cao trình độ cho cấp dưới của mình.

c) Chế độ đãi ngộ

Chế độ nhuận bút quá thấp cho các bài phê bình, nghiên cứu hiện nay cần được thay đổi (cả cho người trong tòa soạn và cộng tác viên). Thực ra những người có tâm huyết với nghề thì không phải vì một bài viết đâu tư nhiều trí tuệ cảm

xúc và công sức bị nản chí không viết nữa chỉ vì được trả mấy trăm nghìn đồng nhuận bút. Chúng tôi viết còn vì nhiều lẽ và rõ ràng không ai có thể chỉ sống bằng nhuận bút nhưng tủi thân vì thấy lao động trí óc không được coi trọng. Và tất nhiên, nhuận bút khá thì cũng khích lệ được người viết.

Tóm lại, muốn có sự chuyển biến về phê bình văn học, nghệ thuật, cần phải có sự thay đổi nhận thức và cách làm của cán bộ quản lý, nhất là cán bộ cấp cao, cùng với đó là những chính sách cụ thể khuyến khích những người thực hiện. Xin phép được nói rằng, lâu nay việc này chưa được quan tâm đầy đủ, đúng mức. Và hiện thực đáng buồn này sẽ để lại những ảnh hưởng tiêu cực lâu dài. Không nên tiếp tục để tồn tại tình trạng đó bởi như thế là thiếu trách nhiệm.

TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP KHẨ THI ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRONG THỜI KỲ MỚI

PGS.TS. ĐÀO DUY QUÁT

1. Hiện nay, có một số quan niệm và nhận thức khác nhau về vai trò, bản chất, chức năng, đối tượng của phê bình văn học, nghệ thuật, nhưng qua các cuộc hội nghị, hội thảo về phê bình văn học, nghệ thuật từ năm 2000 đến nay, và nhất là khi Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới* (gọi tắt là Nghị quyết 23) được ban hành, giới nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam cơ bản coi phê bình văn nghệ chủ yếu là sự đánh giá, thẩm định, lý giải và phán đoán các tác phẩm, sự kiện, hiện tượng và tác giả văn học, nghệ thuật vừa xuất hiện trong đời sống văn nghệ cùng thời. Phê bình văn học, nghệ thuật có thể mở rộng sang việc đánh giá những tác phẩm, tác giả của quá khứ khi có nhu cầu đánh giá lại các tác phẩm, tác giả đó, song đối tượng chủ yếu của phê bình văn nghệ bao giờ cũng là những tác phẩm, tác giả, những hiện tượng, sự kiện văn học, nghệ thuật cùng thời. Đúng như Bêlinxki từ thế kỷ XIX đã khẳng định, phê bình văn học

là “mỹ học vận động”; *chức năng, nhiệm vụ ưu tiên của phê bình văn học, nghệ thuật là kịp thời đánh giá cái đang diễn ra, cái vừa xuất hiện, cái “động” trong sự phát triển của văn nghệ từ hiện tại đến tương lai.*

Với bản chất, chức năng, đối tượng nêu trên, phê bình văn nghệ có vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình phát triển văn học, nghệ thuật. Phê bình văn học, nghệ thuật là một bộ phận hữu cơ của đời sống văn nghệ, giữ vai trò vừa đồng hành với sáng tác để thấu hiểu và đồng cảm, vừa là nhân tố đánh giá, phán đoán và dự báo, góp phần điều chỉnh và định hướng cho sáng tác, cho quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật theo quy luật của bản thân nó và theo đòi hỏi khách quan của đời sống văn học, nghệ thuật, đời sống tinh thần của xã hội. Phê bình văn học, nghệ thuật không chỉ đánh giá, điều chỉnh, định hướng cho sáng tác văn nghệ mà còn đi sâu nghiên cứu các mối liên hệ bên trong và bên ngoài của sáng tác văn học, nghệ thuật với đời sống xã hội. Từ quan niệm này, Bêlinxki xem phê bình văn học, nghệ thuật là “ý thức triết học” của văn học, nghệ thuật. Phê bình văn học, nghệ thuật không chỉ là tiếng nói của cá nhân nhà phê bình mà còn phải phản ánh thái độ ý thức của công chúng, của xã hội đối với các giá trị và khuynh hướng văn học, nghệ thuật, nêu lên những đòi hỏi chính đáng của công chúng của xã hội đối với một tác phẩm, một công trình văn học, nghệ thuật.

Trong tình hình hiện nay, khi thế giới đang ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường, khi các thế lực thù địch đang tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, “xâm lăng văn hóa” gắn với bạo loạn lật đổ và khi có một bộ phận

không nhỏ cản bộ, đảng viên, trong đó có một số văn nghệ sĩ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống thì trách nhiệm công dân, vai trò chiến sĩ của những nhà lý luận, phê bình văn nghệ cũng cần được phát huy, như nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm từng nhấn mạnh, phê bình văn nghệ phải là những “ngọn roi” phản kích những âm mưu, ý đồ đen tối trong lĩnh vực văn nghệ, những tác phẩm đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

Từ những nhận thức trên, có thể thấy vai trò, trách nhiệm của phê bình văn học, nghệ thuật là *phân tích, đánh giá, định hướng* các hoạt động sáng tác văn nghệ, góp phần nâng cao các giá trị tư tưởng và thẩm mỹ của văn học, nghệ thuật, *tác động tích cực* đến sự sáng tạo của văn nghệ sĩ, đến thị hiếu, nhu cầu, trình độ của quần chúng, bảo vệ những giá trị của nền văn nghệ của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn học, nghệ thuật thế giới, góp phần tích cực xây dựng và phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

2. Ngày 25/7/2018, trong Lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đánh giá khái quát và sâu sắc về văn học, nghệ thuật nước nhà, đó là hơn 30 năm qua, từ sự tác động mạnh mẽ của tư tưởng đổi mới, văn học, nghệ thuật đã vượt qua nhiều thách thức, khó khăn, tiếp tục phát triển, nỗ lực phản ánh chân thực cuộc sống đấu tranh, lao động, sáng tạo của nhân dân, bước đầu tạo dựng nên một diện mạo mới của văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, trong đó, *một mặt*, tiếp tục phát huy những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa, văn nghệ dân tộc là chủ nghĩa yêu nước và

nhân văn sâu sắc, giàu bản sắc dân tộc; *mặt khác*, cố gắng bám sát hiện thực đời sống trong cuộc đấu tranh phong phú, phức tạp ngày hôm nay và nỗ lực vươn lên phát triển toàn diện, ngày càng hiện đại, đa dạng hóa về nội dung và hình thức biểu hiện.

Kết quả rất đáng trân trọng trên đây của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam trong thời gian qua không thể tách rời sự đóng góp trực tiếp của phê bình văn học, nghệ thuật. Trong thời gian qua, phê bình văn học đã có đóng góp trực tiếp đối với quá trình đổi mới, phát triển của nền văn nghệ Việt Nam. Đội ngũ phê bình trong thời gian qua có bước phát triển về số lượng. Trong giới phê bình văn học, nghệ thuật, thế hệ “3x”, “4x” vẫn đang còn những đóng góp rất đáng trân trọng; thế hệ “5x”, “6x” là lực lượng chủ lực trong hoạt động phê bình hiện nay; ở thế hệ “7x”, “8x”, “9x” đã và đang xuất hiện một số cây bút phê bình được đào tạo chính quy, có trình độ khoa học tốt, có phương pháp làm việc mới, đang thể hiện là những “người trong cuộc” của hoạt động sáng tác. Họ ngày càng thấu hiểu, đồng cảm với sáng tác và ngày càng tự tin trong phân tích, đánh giá các sự kiện văn nghệ đang diễn ra với một cái nhìn có chủ kiến. Ý thức trách nhiệm của đội ngũ phê bình được đề cao. Số lượng bài phê bình tăng nhiều hơn, bước đầu kết hợp tốt giữa khâu “tác nghiệp hàng ngày” của mỗi nhà phê bình với việc tổ chức các sự kiện tập trung. Sau khi có Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhìn chung hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật đã từng bước khắc phục được những hoạt động tự phát, tản漫. Các cơ quan, các tổ chức có trách nhiệm trong lĩnh vực này, như Hội đồng Lý luận,

phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Liên hiệp các Hội văn học, nghệ thuật Việt Nam, một số cơ quan báo, đài đã có những chuyển biến tích cực trong việc đổi mới tư duy, hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều hoạt động phê bình văn nghệ với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Bên cạnh những bước phát triển và những đóng góp tích cực của phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian qua, so với yêu cầu và định hướng phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phê bình văn nghệ Việt Nam vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập như Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra. Đó là, *hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật có biểu hiện tụt hậu so với yêu cầu, chưa thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với sáng tác. Chất lượng khoa học và tính chuyên nghiệp của phê bình bị xem nhẹ, xuất hiện lối phê bình cảm tính, thiếu một hệ thống tiêu chí tin cậy để đánh giá tác giả và tác phẩm, văn hóa phê bình bị hạ thấp*. Những biểu hiện tụt hậu của phê bình văn học, nghệ thuật theo một số ý kiến thể hiện ở chỗ: có không ít nhà phê bình chuyên nghiệp lảng tránh trước các hiện tượng, tác phẩm văn nghệ gây tranh cãi mà bạn đọc rất cần những tiếng nói đánh giá mang tính chuyên môn. Có ý kiến cho rằng, các nhà phê bình không lảng tránh, mà là do những biểu hiện “nhiều loạn” của phê bình, rộng hơn là của đời sống văn học, nghệ thuật đang làm các nhà phê bình “ngán ngẩm”. Lại có ý kiến cho rằng, các nhà phê bình không phải lảng tránh mà quá ít các tác phẩm văn nghệ có giá trị, được dư luận quan tâm và quá nhiều các sản phẩm rẻ tiền...; hoặc do tình trạng phê bình lạc hậu nên phê bình văn học, nghệ thuật chưa chủ

động định hướng được dư luận; tác phẩm thành công không được kịp thời phát hiện, khẳng định; xu hướng thể nghiệm mới không được kịp thời đánh giá, gợi mở; những tác phẩm yếu kém cả về tư tưởng lẫn nghệ thuật không được kịp thời “rung chuông”, những âm mưu, ý đồ đen tối trong lĩnh vực văn nghệ, những tác phẩm đi ngược lại lợi ích của dân tộc, của nhân dân không được kịp thời cảnh báo và phản kích... Tất cả những biểu hiện đó đã làm gia tăng tình trạng quần chúng tiếp nhận giảm niềm tin vào các nhà phê bình văn học, nghệ thuật. *Nhiều nhà phê bình đã cảnh báo nguy cơ phê bình văn nghệ đang tự đánh mất vị trí, trách nhiệm của mình là đánh giá, thẩm định, dự báo, định hướng và là nhịp cầu nối giữa văn học, nghệ thuật với công chúng.*

Hiện nay, một vấn đề rất đáng lo ngại là một bộ phận không nhỏ các nhà phê bình chưa bao quát hoặc đứng ngoài sự sôi động của đời sống sáng tác văn học, nghệ thuật, nhiều người lúng túng trước các hiện tượng mới lạ trong hoạt động sáng tác, một số người chỉ quen với các mô típ, mô hình cũ và “dị ứng” với một số hiện tượng mới lạ; một số nhà phê bình thiếu bản lĩnh, né tránh cuộc đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, những mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật và cuộc “xâm lăng văn hóa”. Trong khi đó một số không ít nhà phê bình gần như đã “gác bút”, “lui về hậu trường” để nghiên cứu, khảo cứu, viết chân dung... Đáng chú ý, do không ít cơ quan báo chí và cán bộ biên tập các chuyên trang trên các báo hiện nay chưa được đào tạo chuyên môn lý luận, phê bình văn nghệ, tuy nhanh nhạy nắm bắt được dư luận xã hội nhưng thiếu kiên định đường lối văn nghệ của

Đảng, thiếu hụt nhiều về vốn văn hóa, thiếu chuyên nghiệp, thiếu bản lĩnh, ngại va chạm phiền phức nên thời gian qua không tổ chức được các cuộc tranh luận văn nghệ gây dấu ấn, còn có tình trạng vi phạm tinh thần dân chủ trong học thuật, có một số tin, bài phê bình văn nghệ theo hướng quảng cáo cho một số tác giả, tác phẩm. Văn hóa phê bình trên không ít tờ báo, tạp chí còn bị hạ thấp, đang có sự nhiễu loạn, “mù mờ” về chuẩn, thậm chí “lệch chuẩn”.

Sự giảm sút chất lượng phê bình văn nghệ trong thời gian qua thể hiện chủ yếu là chất lượng khoa học và tính chuyên nghiệp của phê bình bị xem nhẹ. Xuất hiện lối phê bình cảm tính, thiếu một hệ thống tiêu chí tin cậy để đánh giá tác phẩm, tác giả. Thực trạng đáng lo ngại này đã kéo dài nhiều năm có thể do *một số nguyên nhân chủ yếu* sau:

Thứ nhất, hoạt động nghiên cứu lý luận văn học, nghệ thuật chưa được coi trọng, còn lạc hậu về nhiều mặt, chưa giải đáp được nhiều vấn đề của đời sống, còn xa rời thực tiễn sáng tác, có biểu hiện xơ cứng, kém năng động, giảm sút tác động đối với sáng tác. Nền tảng lý luận của văn nghệ là mĩ học mácxít, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa - văn nghệ chưa được nghiên cứu, học tập đến nơi đến chốn, thậm chí còn có biểu hiện thành kiến, chối bỏ, trong khi đó lại tiếp nhận vô vội, thiếu tinh táo một vài lý thuyết văn nghệ nước ngoài gán ghép tùy tiện với thực tiễn trong nước. Có thể nói, lý luận, phê bình thời gian qua đã rơi vào tình trạng lúng túng, bị động trong quan niệm và phương hướng lựa chọn các giá trị.

Thứ hai, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lý luận, phê bình còn nhiều yếu kém, bất cập, thể hiện qua nội dung

chương trình lạc hậu, chưa coi trọng chất lượng đào tạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, chuyên môn; đội ngũ giảng viên đầu đàn có trình độ chuyên môn cao bị thiếu hụt ngày càng nhiều. Điều kiện, phương tiện dạy và học còn nghèo nàn, lạc hậu,... Nhiều khoa lý luận, phê bình không tuyển sinh được; trong khi sinh viên tốt nghiệp hầu như không được làm lý luận, phê bình, do đó nguy cơ thiếu hụt lực lượng phê bình chuyên nghiệp là ở mức báo động.

Thứ ba, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trên mạng internet hiện nay còn thiếu được kiểm soát, dẫn đến tình trạng một số tác giả tự do đến mức thái quá, thậm chí có tình trạng thỏa mạ nhau. Điều đáng lưu ý là trong một thời gian dài, chúng ta chưa dành sự quan tâm đúng mức với các hiện tượng này, cho rằng đó là “chuyện ảo”, “không nên biến cái ảo thành cái thật!”. Thực chất đó là sự hữu khuynh, né tránh, thiếu dũng khí, thiếu một sự chỉ đạo kiên quyết, có bài bản.

Thứ tư, vấn đề động lực, vấn đề lợi ích trong hoạt động phê bình văn nghệ chưa được giải quyết tốt. Nhuận bút cho một bài phê bình quá thấp, ngay cả so với sáng tác. Sự bất hợp lý này rất chật được khắc phục, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệt tình của người phê bình, không ai sống được bằng nghề phê bình.

Thứ năm, hiệu lực của “một vị tư lệnh” với vai trò chỉ đạo thống nhất, có chức trách, quyền hạn, thẩm quyền đã được Ban Bí thư thấy rõ nhưng chưa được cụ thể hóa trong cơ chế, chính sách đặc thù của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, dẫn đến những hạn chế, bất cập của cơ quan này, trong vai trò tư vấn, chỉ đạo và phối hợp chung.

3. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nguyên nhân được trình bày ở trên, chúng tôi đề xuất 8 nhóm giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phê bình văn học, nghệ thuật.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng công tác phê bình văn nghệ đòi hỏi phải coi trọng tất cả các khâu nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với vai trò, vị trí của văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật, có năng lực và có phương pháp lãnh đạo linh vực rất đặc thù và tinh tế này. Trước mắt thực hiện có hiệu quả việc đưa vào chương trình đào tạo cán bộ ở các trường Đảng nội dung về văn học, nghệ thuật, có chương trình bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải đưa nhiệm vụ phát triển văn hóa, văn nghệ vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương, từng ngành. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý, bảo đảm định hướng chính trị, khắc phục những hiện tượng mất dân chủ hoặc can thiệp thô bạo đối với hoạt động văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật. Khắc phục triệt để xu hướng hữu khuynh, buông lỏng, thả nổi không phê phán những tác phẩm đi ngược lại các giá trị chân, thiện, mỹ và giá trị tốt đẹp của dân tộc, của cách mạng.

Hai là, triển khai trên thực tế kết quả của Đề án khoa học cấp Nhà nước "Xây dựng hệ thống lý luận về phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam - Thực tiễn và định hướng phát triển".

Từ khi thành lập, Đảng ta luôn chủ trương cơ sở lý luận của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam là lý luận mĩ học Mác - Lênin. Việc thực hiện quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đúng đắn đó phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, trong bối cảnh lịch sử mới, có thể nói, phê bình văn học, nghệ thuật của chúng ta hiện nay đã rơi vào tình trạng “loạn chuẩn”, đang thiếu một chuẩn mực, thiếu một lý luận, một tư tưởng nghệ thuật chủ đạo. Ban Bí thư cần chỉ thị cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật hiện thực hóa các định hướng phát triển lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật. Trước mắt, trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Đề án, cần tiến hành biên soạn, bổ sung giáo trình đào tạo trong các trường chuyên nghiệp, đồng thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ các nhà phê bình.

Ba là, trong quá trình khẩn trương thể chế hóa 7 giải pháp của Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X cần bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi đối với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật.

Sau hơn 10 năm Nghị quyết số 23-NQ/TW được ban hành, công tác thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước ở lĩnh vực cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù đối với văn nghệ sĩ nói chung, các nhà phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng còn rất chậm trễ. Để khắc phục tình trạng này và cải thiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật, các cơ quan được phân công thể chế hóa các đề án của Nghị quyết số 23-NQ/TW cần khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến nay mới có 7 giải pháp của Nghị quyết được thể chế hóa thành 9 đề án, trong đó 4 đề án đã đi

vào cuộc sống và còn 5 đề án của Chính phủ cần được thể chế hóa thành 36 cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển văn học, nghệ thuật. Trong 36 cơ chế, chính sách, cần có nội dung ưu tiên cho lĩnh vực lý luận, phê bình, như chế độ nhuận bút, đào tạo cán bộ lý luận, phê bình chuyên nghiệp, hỗ trợ ưu đãi cho các báo, tạp chí văn nghệ, cho xuất bản các sách lý luận, phê bình, các chính sách ưu đãi quảng bá các tác phẩm phê bình. Xây dựng quỹ văn học, nghệ thuật nhằm hỗ trợ sáng tạo cho văn nghệ sĩ, hỗ trợ biểu diễn, quảng bá và ưu đãi cần thiết cho sáng tác lý luận, phê bình văn nghệ. Theo kinh nghiệm của nhiều quỹ văn hóa có hiệu quả của các nước, trong cơ cấu nhân sự của tổ chức quỹ này có 20% số công chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 60% là nghệ sĩ, 20% là các doanh nhân, các “mạnh thường quân”. Nhà nước cấp một khoản ngân sách ban đầu, còn giao cho Ban lãnh đạo quỹ này một cơ chế xổ số (nghĩa là cho phép phát hành, kinh doanh một loại xổ số để có doanh thu cho hoạt động của quỹ) và một số cơ chế xã hội hóa khác. Trong thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông cần nghiên cứu chế độ nhuận bút cho các tác phẩm phê bình xuất bản trên internet ở những trang được cấp phép, hoàn thiện chế độ bảo hộ quyền tác giả đối với các tác phẩm lý luận, phê bình.

Bốn là, đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Để nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay, cần tập trung vào một số nhiệm vụ, như xây dựng, nâng cấp các khoa, bộ môn lý luận, phê bình ở các trường đại học. Việc thiết yếu cần làm hiện nay là duy trì mã ngành đào tạo, xây dựng và phát triển các

khoa, bộ môn này để đào tạo lực lượng cán bộ lý luận, phê bình đáp ứng yêu cầu mới. Bên cạnh đó, đối với những lĩnh vực văn học, nghệ thuật hiện nay chưa có mã ngành phê bình trong các trường đại học cần được xây dựng ngay. Định hình cơ chế, chính sách để thu hút, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu. Để làm tốt công tác này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chế độ thu hút sinh viên có năng lực, có kế hoạch cử đi đào tạo ở nước ngoài với cam kết sau khi học xong sẽ tiếp tục phục vụ công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà nước cần cải cách chế độ tiền lương để nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành nghệ thuật nói chung và chuyên ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng.Thêm nữa, trong khi đầu tư tạo nguồn giảng viên, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách tài chính mới cho các trường có điều kiện để mời các giáo sư, các chuyên gia có uy tín trên thế giới đến giảng dạy và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy cho đội ngũ giảng viên hiện có. Tập trung xây dựng hệ thống giáo trình lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Trong khi biên soạn, xây dựng bộ giáo trình ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần có sự tiếp thu, chọn lọc những vấn đề lý luận mới, tiên tiến trên thế giới, thẩm định và tiếp thu những vấn đề phù hợp với thực tiễn văn học, nghệ thuật Việt Nam, đồng thời phải tổng kết hệ thống kiến thức trong các bộ giáo trình đã có để chắt lọc, kế thừa. Có chính sách ưu đãi trong tuyển sinh, đào tạo và giải quyết đầu ra cho sinh viên ngành phê bình văn học, nghệ thuật. Để giải quyết tình trạng này, chúng tôi kiến nghị Nhà nước thực hiện các giải pháp sau: Miễn học phí cho sinh viên các ngành

lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; cấp học bổng cho sinh viên có kết quả học tập tốt; sinh viên tốt nghiệp ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật được điều động biên chế về các cơ quan quản lý văn học, nghệ thuật, các báo, tạp chí văn nghệ và chuyên trang, chuyên mục văn nghệ của các báo, đài...

Năm là, giáo dục thị hiếu, định hướng thẩm mỹ công chúng văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật.

Rà soát lại, điều chỉnh chương trình, sách giáo khoa phổ thông về văn học, nghệ thuật. Mục tiêu của chương trình, sách giáo khoa không chỉ dạy học sinh kiến thức về những tác phẩm được tuyển chọn mà quan trọng hơn, phải định hướng cho học sinh biết phân biệt cái hay, cái đẹp trong nghệ thuật, biết độc lập thưởng thức các giá trị văn học, nghệ thuật. Đưa văn học, nghệ thuật vào các nội dung sinh hoạt của các tổ chức thanh, thiếu niên. Tăng cường hoạt động, kiểm soát chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là trên một số cơ quan báo chí chủ chốt. Qua đây, cần xây dựng uy tín cho các văn nghệ sĩ, những cây bút phê bình có nhiều cống hiến để định hướng công chúng.

Sáu là, tăng cường giáo dục rèn luyện văn hóa phê bình, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của nhà phê bình văn học, nghệ thuật, khắc phục mọi biểu hiện phi văn hóa trong hoạt động phê bình.

Các hội văn học, nghệ thuật Trung ương và các tỉnh, thành cũng cố nâng cao vị trí, vai trò của hội đồng hoặc ban lý luận, phê bình của hội, tập hợp trong hội đồng, ban những hội viên có bề dày nghề nghiệp, có uy tín chuyên môn, chú ý

việc kết nạp các hội viên phê bình, cải tiến sinh hoạt, chăm lo giáo dục đoàn kết nội bộ, chăm lo quyền lợi hội viên làm phê bình. Các cơ quan báo chí phối hợp với các ban, hội đồng lý luận, phê bình, hằng năm tổ chức các trại sáng tác phê bình văn học, nghệ thuật, triển khai các cuộc họp thảo luận, tranh luận về một số vấn đề hoặc một số tác phẩm văn nghệ được dư luận quan tâm cũng như diễn đàn đấu tranh với những quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật. Hội Nhà báo Việt Nam trong xét giải thưởng báo chí quốc gia hằng năm cần có giải thưởng cho các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật đăng trên các báo. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan báo chí xử lý kịp thời các biểu hiện thiếu văn hóa trong phê bình, tranh luận đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây.

Bảy là, tăng cường lãnh đạo, quản lý hoạt động tuyên truyền văn nghệ và phê bình văn học, nghệ thuật trên hệ thống báo chí, truyền thông và trong hoạt động xuất bản.

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trên báo chí và hoạt động xuất bản. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông cần tăng cường lãnh đạo, quản lý, định hướng báo chí, xuất bản đầy mạnh và nâng cao chất lượng tuyên truyền về văn nghệ và phê bình văn học, nghệ thuật trên báo chí. Trước hết, cần có quy định cụ thể về tỷ lệ các bài phê bình văn học, nghệ thuật được đăng trên các báo, đài và kế hoạch xuất bản hằng năm các sách lý luận, phê bình văn nghệ của các nhà xuất bản. Ban biên tập các báo, đài có trách nhiệm và tổ chức nhiều hình thức để các nhà phê bình chuyên nghiệp

có tiếng nói kịp thời trước sự kiện, tác phẩm văn học, nghệ thuật mới.

Yêu cầu bắt buộc đối với lãnh đạo các cơ quan báo chí văn nghệ hoặc người phụ trách chuyên trang, chuyên mục văn nghệ của các báo, đài, các nhà xuất bản phải được đào tạo hoặc bổ túc bài bản về văn học, nghệ thuật. Bên cạnh đó, biên tập viên báo chí, nhà xuất bản thuộc mảng văn nghệ phải được đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên về lý luận, phê bình văn nghệ. Trong tình hình trước mắt, cần tổ chức các lớp bổ túc kiến thức về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cho đội ngũ này. Cần có chế độ khen thưởng đối với các báo, tạp chí, nhà xuất bản thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác phê bình văn học, nghệ thuật. Bên cạnh đó, cần có những chế tài đúng mức đối với các cơ quan báo chí, xuất bản văn nghệ đăng tải, quảng bá những sản phẩm văn nghệ rẻ tiền và những bài phê bình chiêu theo thị hiếu thấp kém, có biểu hiện tiêu cực, tiếp tay cho hoạt động quảng bá các tác phẩm thấp kém nhằm trực lợi cho một số tổ chức và cá nhân. Có chiến lược quảng bá các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật trên internet. Đây là một diễn đàn rất quan trọng và có sức mạnh rất lớn. Tuy nhiên, internet là một không gian thông tin rất khó kiểm soát, chính vì vậy, cần có chiến lược tổ chức những cây bút phê bình chủ chốt, xây dựng uy tín trên mạng internet để tạo được dòng thông tin văn học, nghệ thuật chính thống, đủ sức thuyết phục để thu hút công chúng.

Tóm lại, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương với ban lý luận, phê bình hoặc hội đồng lý luận, phê bình ở các

hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương để thúc đẩy hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật.

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy vai trò của mình, góp phần thúc đẩy hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật phát triển, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cần giữ mối liên hệ thường xuyên, chặt chẽ hơn nữa với ban lý luận, phê bình hoặc hội đồng lý luận, phê bình ở các hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đặt hàng các tác phẩm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Hiện nay, Hội đồng đã có quy chế xét tặng thưởng và hỗ trợ cho các tác phẩm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Trong thời gian tới, Hội đồng cần nâng cao hơn nữa chất lượng tặng thưởng và hỗ trợ để khẳng định uy tín, tập hợp đội ngũ các nhà phê bình. Hội đồng cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với ban lý luận, phê bình hoặc hội đồng lý luận, phê bình ở các hội văn học, nghệ thuật Trung ương và địa phương *tổ chức các trại sáng tác chuyên về lý luận, phê bình, các lớp tập huấn chuyên sâu về phê bình văn học, nghệ thuật cho các hội viên chuyên ngành lý luận, phê bình của các hội*. Hội đồng giữ vai trò đầu mối, phối hợp với các báo, đài, tạp chí văn nghệ, các nhà xuất bản để giới thiệu, quảng bá các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật. *Với những tác phẩm, hiện tượng văn học, nghệ thuật mới ra đời*, Hội đồng phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông mở các cuộc tọa đàm, mời các nhà phê bình tham gia đồng thời phát hành, quảng bá, xuất bản. Xây dựng Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật* trở thành ngọn cờ tập hợp đội ngũ, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật.

TÍNH CHUYÊN NGHIỆP CỦA PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VÀ NHÀ PHÊ BÌNH CHUYÊN NGHIỆP

PGS.TS. NGUYỄN NGỌC THIỆN

Phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại, nếu tính từ tác phẩm mở đầu là *Phê bình và cáo luận* của Thiếu Sơn xuất bản năm 1933, thì cho đến nay đã đi được một chặng đường dài ngót một thế kỷ! Để tiến tới sự hội tụ về nhận thức những phương diện chủ yếu của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trong xã hội hiện đại hôm nay, tôi nghĩ việc nhắc lại một số ý kiến đã bàn về phê bình văn học, nghệ thuật từ trước đến nay là điều cần thiết vì đó là những ý kiến tâm huyết và rất đáng lưu ý kịp thời.

Thiếu Sơn (1908-1978), ngay từ những năm 30 của thế kỷ trước, khi đi tiên phong dựng bút viết phê bình văn học, đã xác định phê bình văn học là một thể văn của nhà chuyên môn; nhà phê bình là loại người đọc đặc biệt - đọc giúp cho người khác. Nhà phê bình có vai trò trọng yếu, đứng giữa tác giả và công chúng, giúp tác phẩm đến được với công chúng và công chúng hiểu được những ý nghĩa tiềm tàng chứa đựng trong văn bản tác phẩm. Họ “không lo cầu tạo nên những công trình đặc biệt của mình mà chỉ lo để ý đến sự nghiệp của người khác, rồi bàn, rồi tán, rồi khen, rồi chê”. Muốn vậy,

nhà phê bình phải đem sự “thông minh và tài trí đặc biệt” của mình và tư chất của một nhà nghệ sĩ để đủ sức “hiểu biết các hứng thú của một văn gia”. Từ đó, nhà phê bình “chỉ cho người ta thấy các nghĩa lý của câu chuyện, chõ dụng ý của tác giả, cái nghệ thuật của người làm và cái văn thể của cuốn sách”.

Thiếu Sơn cũng lưu ý nhà phê bình phải sáng suốt và có tấm lòng rộng rãi, không kỳ thị, bất công trong yêu ghét. Cần nhận ra những đặc sắc, hương vị riêng của mỗi văn phẩm, sự khác nhau của mỗi nhà văn, như trong một vườn hoa “không nên phân hơn kém, cho hoa này phải thẹn trước hoa kia và làm mất cái xuân phong hòa khí ở nơi văn uyển, tao đàm”. Đặc biệt, không nên thiên vị, thiên ái, làm mất bản lĩnh của mình để bị nhà văn chinh phục đến mức “trở nên lanh đậm, vô tình hay cùu thị với những hình trạng khác của thiên tài”.

Sau hết, Thiếu Sơn tán thành ý kiến của một nhà phê bình Pháp - ông Jules Lemaitre - khi ông này nói về giá trị không kém cạnh của tác phẩm phê bình văn học so với những công trình sáng tác là đối tượng của sự phê bình: Sự phê bình văn học có thể là một việc thú vị vô cùng, và có thể có giá trị ngang, hoặc hơn những tác phẩm bị phê bình nữa¹.

Đồng thời với Thiếu Sơn, nhà phê bình văn học Hoài Thanh, trong bài báo ngắn “Phê bình văn” (1935), cũng có những ý kiến xác đáng, với những khía cạnh trùng hợp với ý kiến của Thiếu Sơn mà ngày nay đọc lại, liên hệ với thực

1. Xem Thiếu Sơn: “Tụa ‘Phê bình và cáo luận’, Câu chuyện văn học”, trong *Thiếu Sơn toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003, t.I.

trạng phê bình văn học, nghệ thuật hôm nay, chúng ta không khỏi giật mình!

Ý chính của Hoài Thanh là phàn nàn về thực trạng không mong muốn của phê bình văn học ở ta buổi đầu: tưởng viết văn phê bình là dễ nên viết tràn lan, làm khổ và mất thì giờ của người đọc. Bởi phê bình đã đi lạc, sa đà vào việc kể lại nội dung tác phẩm, diễn biến câu chuyện mà rất ít đưa ra những nhận xét, phê bình về nghệ thuật của tác phẩm, cái hay đích thực của văn phẩm bằng cách viết có chất văn với những tìm tòi, dụng công và đặc sắc của người phê bình. Theo ông, nhà phê bình phải tâm huyết, bỏ nhiều công sức trong khám phá và sáng tạo, đưa ra “những ý kiến có khi chính tác giả quyển sách không nghĩ đến” và với người đọc “không phải chỉ để cho những người chưa đọc quyển sách ấy xem; phải làm thế nào cho những người đã xem quyển sách ấy rồi đọc bài phê bình vẫn thấy hứng thú”. Hoài Thanh hôm hỉnh đưa ra một hình ảnh so sánh: một bài văn hay như một người đàn bà đẹp, nhưng khi tác giả bài văn như người đàn bà đẹp kia “tự mình không biết và lấy làm lạ không hiểu sao người ta lại có thể say mê mình” thì bài phê bình lúc này sẽ trở nên cần thiết bởi chỉ ra được cái hay đặc sắc hơn người của bài văn kia, như cái đẹp trời cho người đàn bà nọ.

Và Hoài Thanh đưa một đề nghị xác đáng: Không nên học đòi, đua nhau viết phê bình, tưởng phê bình là dễ và ngon ăn, mà phải cân nhắc và tự trọng khi viết phê bình: phải đọc kỹ tác phẩm, tìm ra được những cái đặc sắc, đáng viết về những điều đó - tức là có những ý tứ hay hay, khác khác mà những người trước mình chưa nói thì mới đặt bút

phê bình. Nhà phê bình phải biết tự kiềm chế mình, nếu không thấy có điều gì đáng nói về tác phẩm, cần cho tác giả và công chúng thì không nên cứ liều viết, viết tràn đi cho lấy được. Hoài Thanh khen trong trường hợp này, nhà phê bình tự trọng không dụng bút thì đó mới là việc làm đại nghĩa, vì đã không làm một việc vô bổ, mất thì giờ của người đọc¹.

Trên đây là hai ý kiến tiêu biểu cho thấy đôi nét về thực trạng phê bình văn nghệ Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và những quan điểm về phê bình văn học - một thể tài văn học mới, dưới góc độ nghề nghiệp, chuyên môn. Qua đó cũng nêu lên những đòi hỏi chất lượng đặc thù từ sản phẩm của hoạt động này cùng những phẩm chất không thể thiếu được giúp nhà phê bình có vị trí xứng đáng trong nền văn học, nghệ thuật nước nhà.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, dưới chế độ mới do nhân dân làm chủ, Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, những yêu cầu mới được đặt ra đối với công tác phê bình trong việc xây dựng nền văn nghệ dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Qua các văn kiện của Đảng, các bài phát biểu của lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, hoạt động phê bình và gắn chặt với nó là hoạt động lý luận luôn luôn đòi hỏi được quan tâm phát triển đồng bộ với lĩnh vực sáng tác, biểu diễn văn học, nghệ thuật và sưu tầm, nghiên cứu, tiếp thu tinh hoa văn nghệ truyền thống dân tộc cùng với dịch thuật tiếp

1. Hoài Thanh: “Phê bình văn”, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 68, ngày 14/9/1935.

nhận có chọn lọc thành tựu văn nghệ thế giới xưa nay, đồng thời truyền bá các giá trị văn hóa, văn nghệ dân tộc để hội nhập quốc tế.

Về phê bình văn học, nghệ thuật, năm 1948, trong bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hóa Việt Nam*, đồng chí Trường Chinh nhấn mạnh yêu cầu kịp thời, cập nhật với hoạt động sáng tác và đời sống văn học, nghệ thuật, tính đối thoại, dân chủ trong tranh luận, bàn bạc, trao đổi ý kiến trong phê bình, nâng cao tính chiến đấu bảo vệ cái đúng, phê phán cái lệch lạc, cái sai trái về quan điểm học thuật trong đấu tranh nội bộ, đấu tranh ta - địch. Phê bình cần làm rõ cái hay hoặc cái dở của tác phẩm, rành mạch trong khen chê, không để tác phẩm ngay sau khi ra đời đã rơi vào quên lãng, bị bỏ qua hoặc tiếp thu một cách lạnh nhạt.

Khi góp ý, đấu tranh, phê bình với những thiếu sót, sai trái, lệch lạc của nội bộ thì đó không phải là “vạch áo cho người xem lưng” khiến bị địch lợi dụng. Ở đây, nếu sự phê bình đảm bảo đúng nguyên tắc, chân thành, có thái độ khiêm tốn thì vẫn đảm bảo được đoàn kết chân chính trong nội bộ. Còn đối với những luận điệu phản động, lừa mị, đồi trụy, kích động thâm độc của địch, phải phê bình đích đáng, tránh không để bị ngộ nhận, bị đầu độc trong một số người.

Đồng chí Trường Chinh cũng đề cao tính quần chúng trong phê bình: Quần chúng là nhà phê bình nghệ thuật sành hơn ai hết, chính vì quần chúng gồm nhiều tai, mắt, óc khôn và có cảm giác chung đấu lại. Không một nhà phê bình nào sánh được quần chúng về mặt đó... Quần chúng là gồm cả những người chuyên môn và không chuyên môn; cái mà

người này không nhận ra, tất nhiên sẽ có người khác nhận ra¹. Đồng chí bác bỏ quan điểm coi thường, đánh giá thấp quần chúng, cho rằng quần chúng phải học nghệ thuật đã rồi mới phê bình được nghệ thuật. Đồng chí khuyến khích cần biết lắng nghe, tập hợp các ý kiến của quần chúng phê bình tác phẩm để bài phê bình của mình không chỉ là ý kiến của cá nhân mà trong đó đã đại diện ít nhiều ý kiến chung của tập thể quần chúng rồi.

Sau này, năm 1968, tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ tư, đồng chí Trường Chinh đã tiếp tục có ý kiến về công tác phê bình văn nghệ. Đồng chí khẳng định: “Phê bình là một vũ khí bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng, một hình thức giáo dục tư tưởng, tình cảm, giáo dục thẩm mỹ và nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân”². “Nhà phê bình văn nghệ thì không thể chỉ đóng vai người thưởng thức bình thường, mà phải làm đúng nhiệm vụ của nhà phê bình, tức là phải đấu tranh để bảo vệ đường lối văn nghệ của Đảng, góp phần vào việc chỉ đạo sáng tác và nghiên cứu văn nghệ, nâng cao chất lượng của các tác phẩm nghệ thuật, nâng cao tư tưởng, nhận thức và trình độ thẩm mỹ của quần chúng nhân dân. Người làm công tác phê bình, nếu chỉ phát biểu ý kiến của mình về một tác phẩm mình ưa thích thôi thì như thế là tự hạn chế mình, không làm tròn nhiệm vụ của nhà phê bình”³.

1. Xem Trường Chinh: *Về văn hóa và nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1985, t.I.

2, 3. Trường Chinh: *Tuyển tập (1955-1975), tập II*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.1055, 1054.

“Trong công tác phê bình, hay thì khen, dở thì chê; khen để phát huy ưu điểm, chê để sửa chữa khuyết điểm; tỷ lệ khen chê tùy theo tác phẩm văn nghệ”¹. Về vai trò của quần chúng trong phê bình văn nghệ, đồng chí cho rằng: “Nhà phê bình cũng như tác giả đều phải dựa vào ý kiến quần chúng. Công việc này gian khổ, nhưng nhất định phải làm, vì nếu không dựa vào quần chúng mà cứ tưởng rằng mình tự suy xét là đủ rồi thì khó tránh khỏi sai lầm, thiếu sót. Nhà phê bình dù giỏi mấy cũng có những hạn chế trong việc nhận xét tác phẩm của người khác. Tác giả dù giỏi mấy cũng không thể tự mình đánh giá đúng tác phẩm của mình”². “Nhà phê bình có trực tiếp tham gia phong trào phê bình của quần chúng thì viết bài phê bình mới tốt”³.

Đồng chí Trường Chinh kết luận: “Muốn phê bình văn nghệ được tốt phải có người phê bình tốt”⁴. Đảng và các Hội văn học, nghệ thuật cần chăm lo bồi dưỡng đội ngũ những người làm công tác phê bình, cổ vũ họ, có chính sách đúng đắn đối với họ. Về phía nhà phê bình cần chăm lo về lập trường tư tưởng, sự hiểu biết, đạo đức cách mạng, đoàn kết và khiêm tốn, không cá nhân chủ nghĩa, bản vị, bè phái, luôn luôn nấm vũng được ngọn bút phê bình, một vũ khí sắc bén của Đảng trên mặt trận văn nghệ⁵.

Có thể nói những ý kiến trên của đồng chí Trường Chinh - nhà chính trị, nhà văn hóa xuất sắc của Đảng - là sự cụ thể

1, 2, 3, 4. Trường Chinh: *Tuyển tập (1955-1975), tập II, Sđd*, tr.1051, 1055-1056, 1056, 1057.

5. Trường Chinh: “Phê bình văn nghệ”, trong *Về văn hóa nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986, t.II, tr.200-207.

hóa những vấn đề của hoạt động phê bình văn nghệ, nhà phê bình văn nghệ theo quan điểm mácxit - léninnít, tư tưởng Hồ Chí Minh và các Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (1957), lần thứ ba (1962) và lần thứ tư (1968). Những ý kiến này đã góp phần định hướng, phát huy kết quả trong hoạt động thực tiễn của lý luận, phê bình văn nghệ Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đến trước thời kỳ đổi mới.

Trong thời kỳ đổi mới, một trong những vấn kiện thể hiện tập trung, sâu sắc những quan điểm, tư tưởng đổi mới của Đảng về văn học, nghệ thuật là Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 08/6/1986 của Ban Bí thư Trung ương về *Đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật*. Trong Chỉ thị, Đảng nhận ra những thiếu sót và nhược điểm trong một thời gian dài của phê bình văn học, nghệ thuật là sự thiếu nhạy cảm với những vấn đề mới do cuộc sống và thực tiễn văn học, nghệ thuật đặt ra. Phê bình lạc hậu không theo kịp thực tiễn phát triển của sáng tác, biểu diễn văn học, nghệ thuật; còn sơ lược, một chiêu, nhiều lúc khen chê không chính xác. Đội ngũ phê bình và lý luận còn ít người, hoạt động phân tán, chưa phát huy hết tiềm năng trong ngành và không có điều kiện chuyên tâm hành nghề.

Đổi mới trong tư duy phê bình ngày nay là ở chỗ thực hiện tốt chính sách tự do phê bình cùng với tự do sáng tác, xây dựng tinh thần đối thoại, tranh luận thật sự bình đẳng, nghiêm túc về mọi vấn đề đặt ra của văn học, nghệ thuật.

Phê bình ngày nay cần phải khuyến khích sự tìm tòi, sáng tạo, thể nghiệm, sự đa dạng, phong phú trong văn học, nghệ thuật. Nó đòi hỏi sự công tâm, công minh, tính chiến đấu và

tinh thần trách nhiệm, khắc phục sự nể nang, tâng bốc hoặc thô bạo, quy chụp tùy tiện, giáo điều, bè phái, cơ hội.

Phải nâng cao tính lý luận, trình độ khoa học, tính chuyên nghiệp của phê bình, thấy rõ cái đúng - sai; hay - dở; độc đáo, mới mẻ - chưa đạt, bất cập... ở từng tác phẩm, từng văn nghệ sĩ.

Trong bối cảnh đấu tranh tư tưởng phức tạp và giao lưu quốc tế về văn hóa, văn nghệ được mở rộng, phê bình cần chọn lọc những thành tựu mới và kinh nghiệm hay của nước ngoài, đồng thời phê phán kịp thời những khuynh hướng văn nghệ lệch lạc, phản động, đồi trụy, lạc hậu để văn nghệ phát triển lành mạnh, phong phú.

Chỉ thị của Đảng quan tâm đến việc chăm lo đội ngũ những người hoạt động phê bình trong các cơ quan quản lý, báo chí, xuất bản, các Hội văn học, nghệ thuật, cơ sở đào tạo chuyên ngành ở Trung ương và địa phương.

Tính khoa học và tính chuyên nghiệp của hoạt động phê bình, của đội ngũ phê bình được xem như là điều kiện tiên quyết đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả xã hội thiết thực của phê bình văn học, nghệ thuật.

Tiếp sau Chỉ thị số 52-CT/TW, thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về văn học, nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới, như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (1998), đặc biệt là gần đây trong Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 16/6/2008 về *Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, hoạt động phê

bình văn học cùng với lý luận đã được đẩy mạnh: Thành lập và triển khai các hoạt động của các hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ở Trung ương, địa phương và các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành; chăm lo xuất bản các công trình lý luận, phê bình ở các nhà xuất bản; chăm sóc các trang báo với chuyên mục lý luận - phê bình ở các tạp chí văn học, nghệ thuật, các hội chuyên ngành ở Trung ương và hội văn học, nghệ thuật địa phương; bố trí, sắp xếp cán bộ có trình độ về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đảm nhận cương vị chủ chốt ở các cơ quan quản lý, xuất bản và báo chí; tổ chức các lớp tập huấn về quan điểm, nghiệp vụ nâng cao nhận thức về đường lối văn học, nghệ thuật của Đảng, về hoạt động lý luận, phê bình trong triển khai chương trình công tác Hội trong nhiệm kỳ; định kỳ trao giải thưởng, tặng thưởng thường niên hoặc 5 năm 1 lần ở các cấp Trung ương, chuyên ngành, địa phương; trao tặng các danh hiệu cao quý như Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, Nghệ nhân dân gian... cho các văn nghệ sĩ có thành tựu xuất sắc.

Mặt yếu hiện nay là việc thực hiện các chế độ, chính sách đổi mới những người hoạt động lý luận, phê bình là thể hiện sự trân trọng đổi mới những đóng góp của họ còn chậm và bị giới hạn. Việc đào tạo các thế hệ kế cận chuyên tâm hoạt động lý luận, phê bình đồng đều ở các chuyên ngành còn chưa có sức thu hút cao đối với người học thuộc thế hệ trẻ. Làm sao cho với năng khiếu bẩm sinh về nghệ thuật và phê bình nghệ thuật, sau một thời gian đào tạo có bài bản, những người học tốt nghiệp ra trường đều có một vị trí công tác phù hợp, đảm bảo tiếp tục phát triển tài năng và có thu nhập ổn định để yên tâm làm việc, cống hiến suốt đời cho chuyên ngành?

Phê bình văn học, nghệ thuật vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Hiện nay, trong tương quan mặt bằng chung, nhuận bút và kinh phí đầu tư cho các tác phẩm lý luận, phê bình (bài viết, xuất bản sách, đề tài khoa học các cấp) do các báo, tạp chí văn nghệ, nhà xuất bản, các cơ quan nghiên cứu và Hội đồng khoa học các cấp... chi trả cho những người thực hiện các tác phẩm, công trình nghiên cứu lý luận, phê bình còn thấp, chưa tương xứng với quá trình tích lũy, tự học và đào tạo công phu, lao động khoa học và tâm huyết nghệ thuật của họ. Điều đó đã hạn chế đối với sự chuyên tâm, hết lòng với nghề của họ, làm ảnh hưởng và giảm sút ít nhiều chất lượng khoa học của bài viết, công trình phê bình.

Từ những vấn đề trình bày trên, xin kiến nghị mấy nội dung: thường xuyên duy trì, nhắc nhở việc thực hiện ứng xử văn hóa, tôn trọng bản lĩnh, cá tính nghệ thuật độc đáo của nghệ sĩ và đối thoại, trao đổi dân chủ, tự do trong phê bình vì sự nghiệp xây dựng nền văn học, nghệ thuật tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; khẩn trương giúp đỡ, tạo điều kiện cho tổ chức hội những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình của từng chuyên ngành văn học, nghệ thuật nói riêng (văn học, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật, kiến trúc, múa, âm nhạc...) được thành lập khi đủ điều kiện cần thiết theo quy định. Qua đó, tập hợp đoàn kết đội ngũ, bồi dưỡng, phát triển, phát huy sức mạnh của những người hoạt động chuyên tâm về lý luận, phê bình thuộc từng chuyên ngành văn học, nghệ thuật.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHỮNG NGƯỜI LÀM PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT Ở CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TỈNH, THÀNH PHỐ HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐÀO HUY TOÀN

Văn học, nghệ thuật có vai trò rất to lớn, nói lên cuộc sống, thời đại, hướng tới những giá trị thẩm mỹ và nhân văn cao đẹp. Nhất là trong công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước, văn học, nghệ thuật là một mặt trận không kém phần cam go, quyết liệt,... Văn học, nghệ thuật thuộc kiến trúc thượng tầng, tác động rất lớn đến sự hình thành nhân cách con người, chính vì thế chức năng giáo dục của văn học, nghệ thuật luôn được đề cao, đó là một tiêu chí quan trọng để đánh giá giá trị tác phẩm. Ngày nay, văn hóa được đặt ngang hàng với chính trị và kinh tế, trong đó văn học, nghệ thuật là lĩnh vực quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa nên càng được coi trọng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng và cạnh tranh gay gắt, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, nhất là công nghệ thông tin, làm biến đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; nhiều vấn đề toàn cầu diễn biến phức tạp, đòi hỏi

nghiêm ngặt thực hiện các cam kết quốc tế. Các thế lực thù định tăng cường chống phá trên mọi lĩnh vực, nhất là trên mặt trận tư tưởng, văn hóa,... đặt ra nhiều thách thức mới trong phát triển kinh tế - xã hội và văn học, nghệ thuật. Văn học mạng phát triển mạnh mẽ, tạo không gian tự do cho người viết và không gian mở cho người đọc, dễ dàng gặp gỡ giữa tác giả và người đọc,... đã tạo thêm những yêu cầu mới cho phê bình văn học, nghệ thuật.

Phê bình văn học, nghệ thuật là sự phán đoán, bình phẩm, đánh giá và giải thích tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc sự kiện văn học, nghệ thuật, đồng thời kèm theo việc phán đoán, bình luận, giải thích, đánh giá những hiện tượng đời sống văn học, nghệ thuật đã và đang diễn ra.

Đối tượng chủ yếu của phê bình văn học, nghệ thuật là tác phẩm, như: một cuốn tiểu thuyết, một bản nhạc, một vở kịch, bức ảnh,... song đối tượng của nó còn là các hiện tượng, sự kiện văn học, nghệ thuật đang diễn ra thông qua việc tổ chức đời sống văn nghệ như một đêm ca nhạc, một triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh, một liên hoan điện ảnh, một hội diễn sân khấu,... Sử dụng lời văn để phê bình nên sản phẩm của phê bình văn học, nghệ thuật là các tác phẩm văn học có tính sáng tạo cao.

Để phê bình văn học, nghệ thuật phải có học vấn, tri thức, vốn sống, vốn văn hóa và hiểu biết toàn diện về tác phẩm và phải có nhân thân tốt (người không có nhân thân tốt thì khó có thể phê bình và thuyết phục người khác), đó là cơ sở nền tảng để thực hiện phê bình. Đồng thời phải độc lập đánh giá và phán đoán, lại phải thấu hiểu sâu sắc, toàn diện các mối quan hệ của tác phẩm với đời sống, với

công chúng, nên phê bình văn học, nghệ thuật là việc hết sức khó. Phê bình văn học, nghệ thuật còn là những đánh giá, thẩm định cụ thể đối với từng tác phẩm, sự kiện và qua đó phê bình văn học, nghệ thuật thể hiện ý thức trách nhiệm trước cuộc sống và công chúng,... từ đó góp phần định hướng những giá trị cụ thể.

Vì vậy, phê bình văn học, nghệ thuật là một thành tố hữu cơ của quá trình vận động và phát triển của văn học, nghệ thuật, đó chính là quá trình tự ý thức về mình. Không có phê bình nghệ thì không thể tạo nên một đời sống văn nghệ hoàn chỉnh, phát triển toàn diện và lành mạnh, tiến bộ, có tác dụng trực tiếp, góp phần định hướng sáng tác và tham gia có hiệu quả phản bác các quan điểm sai trái, lệch lạc trong văn học, nghệ thuật; giúp người đọc và người thưởng thức nhận diện, cảm thụ được đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay.

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật luôn được Đảng, Nhà nước, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, nhờ đó có bước phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Ở khắp các lĩnh vực như mỹ thuật, văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh,... ở lĩnh vực nghệ thuật nào cũng có những bước chuyển biến nhất định, đã và đang xuất hiện một số cây bút phê bình trẻ, có trình độ, có tiếng nói riêng trong nhìn nhận, đánh giá các sự kiện văn học, nghệ thuật đang diễn ra, đưa những tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn lan tỏa trong đời sống; đồng thời, trở thành chỗ dựa tin cậy cho các nhà lý luận, phê bình đấu tranh, phản biện với những vấn đề nóng, nhạy cảm trong đời

sống văn học, nghệ thuật, để đưa lĩnh vực này đạt nhiều giá trị mới, làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh kết quả đạt được, phê bình văn học, nghệ thuật cũng còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đang đặt ra, nhất là đối với các tỉnh, thành phố hiện nay:

Lực lượng phê bình còn rất mỏng, hẫng hụt thế hệ trẻ nên tuổi bình quân ngày càng cao, tập trung vào một số trường đại học, một số thành phố lớn như Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh,... Các địa phương, tỉnh, thành phố khác trong nước có rất ít người tham gia thường xuyên. Trong khi đó, số lượng tác phẩm văn học, nghệ thuật tăng nhanh (khảo sát tại Quảng Ninh: Hội Văn học, nghệ thuật của tỉnh có trên 500 hội viên; các hội văn học, nghệ thuật các địa phương thuộc tỉnh có trên 1.000 hội viên; mỗi năm sáng tác trên 2.000 tác phẩm, số tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật không quá 3%); việc giám sát, góp ý, phê bình, phản biện thì rất ít nên chất lượng tác phẩm thường không cao.

Trước yêu cầu của kinh tế thị trường, nhiều tác giả viết nhanh, viết vội, sáng tác theo thị hiếu, mang tính giải trí một cách dễ dãi nên sản phẩm thường hời hợt, thiếu tính tư tưởng, nghệ thuật, thậm chí chưa đựng nhiều nội dung lệch lạc, thương mại hóa, hạ thấp chúc năng giáo dục,... cùng rất nhiều thông tin văn học, nghệ thuật từ nước ngoài chuyển về qua các trang mạng xã hội nhưng chưa được kiểm duyệt, chưa có việc phê bình cái hay, cái dở nên đã đặt công chúng trước những thử thách trong việc tiếp nhận, nhất là thế hệ trẻ khi khả năng miễn dịch trước thông tin sai trái, xấu độc còn hạn chế,

chưa tự lựa chọn những tác phẩm nghệ thuật đích thực và loại trừ những sản phẩm hời hợt, không có giá trị,... đã góp phần làm suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Phương thức chuyển tải phê bình văn học, nghệ thuật ở các địa phương hiện nay chủ yếu qua các bài viết đăng tải trên báo, tạp chí văn nghệ, qua bày tỏ ý kiến trên các trang mạng, tuy nhiên không ít những tác phẩm phê bình mới dừng lại ở bài bình luận, thậm chí là khen khéo, không dám phê bình vì cả nể, quen thân và ngại va chạm. Chuyên mục nghiên cứu trao đổi, phê bình văn học, nghệ thuật trên báo, tạp chí địa phương thường rất nghèo nàn, rất ít bài, trong khi yêu cầu thì rất cao. Việc đánh giá, nhận xét, phê bình qua một số cuộc thi còn hạn chế nên sau cuộc thi còn nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí là kiện cáo.

Mặt khác, còn nhiều tác giả không sẵn sàng đón nhận việc phê bình đối với tác phẩm của mình, có thái độ không đúng mực, thậm chí phản ứng thiếu văn hóa khi nhận được góp ý, phê bình của người khác, dẫn đến việc một số tác giả hoặc ít tham gia hoặc bỏ nghề phê bình văn học, nghệ thuật.

Những khó khăn của công tác phê bình văn học, nghệ thuật đã tồn tại nhiều năm nhưng chậm được khắc phục đã làm cho nhiều người, nhất là lớp trẻ ngại học các chuyên ngành về nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, ít người mặn mà theo học, hoặc học xong ra trường không làm nghề theo chuyên môn đã đào tạo.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là:

Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của phê bình văn học, nghệ thuật còn hạn chế; suy nghĩ về phê bình tức là bị “chê”, bị

“đánh” và ai cũng ngại. Văn hóa duy tình còn nặng nên thường “dĩ hòa vi quý”. Một bộ phận văn nghệ sĩ còn tư tưởng công thần, bảo thủ, luôn có suy nghĩ tác phẩm của mình là chất lượng, là hay, là đẹp nên ít tiếp thu những góp ý về hạn chế của mình...

Mặt khác, một số cơ chế, chính sách trong quản lý văn học, nghệ thuật chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho phê bình, đời sống của văn nghệ sĩ nói chung và cán bộ Hội Văn học, nghệ thuật địa phương nói riêng còn nhiều khó khăn (hưởng lương viên chức hoặc hợp đồng, ngoài ra không có phụ cấp) nên một bộ phận chưa toàn tâm toàn ý cho công tác. Thù lao của người làm phê bình quá ít ỏi, trong khi trí lực phải bỏ ra rất lớn, tính va chạm cao, dễ mất lòng đồng nghiệp nên không duy trì được một tinh thần làm việc tận tụy thường xuyên.

Để đẩy mạnh công tác phê bình văn học, nghệ thuật cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cần tập trung một số giải pháp về xây dựng đội ngũ người làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật tại các địa phương:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn học, nghệ thuật nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật; tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về *Xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*; phát huy tốt hơn nữa trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của người nghệ sĩ -

chiến sĩ trong tình hình mới. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của xã hội và nhất là thế hệ trẻ về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nhận diện và cảnh giác với các thông tin sai trái, thực hiện “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”.

Hai là, phê bình văn học, nghệ thuật ngoài việc chú trọng đấu tranh chống các hiện tượng suy thoái cần chú trọng xây dựng môi trường văn học, nghệ thuật lành mạnh, tiến bộ. Quan tâm hơn nữa việc giáo dục lòng yêu nước, giáo dục đạo đức, lối sống cho nhân dân thông qua việc phân tích, giới thiệu những tác phẩm văn học, nghệ thuật hay, nổi bật và phê phán, phản bác có hiệu quả những quan điểm sai trái, lệch lạc trong đời sống văn học, nghệ thuật,...

Ba là, chú trọng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công tác tại các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương, xây dựng đội ngũ lý luận, phê bình vững vàng về chuyên môn, đồng thời tiếp tục các giải pháp nhằm nâng cao ý thức nghề nghiệp của người làm công tác này; tạo đột phá trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng các cây bút lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Chú trọng chăm sóc, bồi dưỡng đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật, nhất là lớp trẻ; phát hiện, bồi dưỡng kịp thời các tài năng nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Bốn là, các trường cao đẳng, đại học về khoa học xã hội, trường văn hóa nghệ thuật các tỉnh có các khoa liên quan đến hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần đẩy mạnh việc tham gia phê bình văn học, nghệ thuật gắn với trách nhiệm cụ thể của giảng viên và sinh viên, tạo thêm nguồn nhân lực đáng kể cho hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Năm là, tiếp tục duy trì, tổ chức tốt việc trao thưởng cho các tác phẩm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật tiêu biểu qua đó động viên và ghi nhận kịp thời những đóng góp của đội ngũ người làm phê bình văn học, nghệ thuật.

Sáu là, Hội Văn học, nghệ thuật các tỉnh, thành phố cần chú trọng hơn nữa việc xây dựng và tổ chức lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật; duy trì và nâng cao hiệu quả của chuyên mục nghiên cứu - trao đổi; phê bình văn học, nghệ thuật trên báo, tạp chí văn nghệ của địa phương; sử dụng mạng xã hội để trao đổi thường xuyên với các hội viên về chất lượng các tác phẩm văn học, nghệ thuật; bình chọn các tác phẩm xuất sắc,...; đề cao vai trò, trách nhiệm của các văn nghệ sĩ đối với các thông tin trên mạng về văn học, nghệ thuật.

Bảy là, cần tiếp tục quan tâm xây dựng môi trường, điều kiện cơ sở vật chất để phát triển văn học, nghệ thuật; nghiên cứu, ban hành các cơ chế khuyến khích cán bộ công tác tại các Hội Văn học, nghệ thuật; phát huy hiệu quả Quỹ hỗ trợ sáng tạo văn học, nghệ thuật, khuyến khích sáng tạo các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật đạt chất lượng cao.

VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC - TÂM NHÌN TỪ PHẨM CHẤT CỦA VĂN NGHỆ SĨ

GS. HỒ SĨ VỊNH

1. Văn hóa đạo đức

a) Đạo đức là gì?

Là một trong những hình thái sớm nhất của xã hội, đạo đức gồm những chuẩn mực điều chỉnh hành vi của con người trong quan hệ với cộng đồng, với thiên nhiên, với con người, góp phần đánh giá hành vi mỗi người theo quan niệm thiện - ác, nghĩa vụ phải làm và điều không được làm. Đạo đức là phạm trù lịch sử, nên mới có đạo đức nguyên thủy, đạo đức phong kiến, đạo đức tư bản chủ nghĩa,... Trong phạm vi bài viết, văn hóa đạo đức được xác định ngay để thấy được sự tương đồng và sự khác biệt của từng loại đạo đức, giữa chúng có sự kế thừa, nhất là trong lịch sử văn hóa. Ph. Ăngghen coi “đạo đức thật sự có tính nhân đạo vượt lên trên sự đối lập giai cấp và mọi hối ức về sự đối lập ấy chỉ có thể có được..., khi con người không chỉ thấy được, mà còn quên đi sự đối lập giai cấp”¹. Một kiến giải rộng, mở sẽ là: Văn hóa đạo đức vượt

1. Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội, 2007, t.I, tr.738.

qua nhiều thời đại, đến gần với con người - bản chất tính người, con người mang tính người (C. Mác). Chính C. Mác đã coi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản về bản chất là chủ nghĩa nhân đạo.

b) Thuật ngữ “Đạo đức” trong triết luận phương Đông qua tiếp nhận và sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nho giáo là triết học nhập thế, chủ trương mọi người ai cũng phải lấy tu thân làm gốc, đề cao lễ giáo, trọng học, trọng hiền tài. Phật giáo tuyên ngôn sống từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, khuyên người ở hiền gặt lành, làm điều thiện, tránh điều ác. Lão giáo khuyên mọi người sống thanh cao, không màng danh lợi, yêu thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Tất cả những nội dung trên của tam giáo đều nằm trong phạm trù đạo đức. Nhưng khi tiếp thu các tri thức kinh điển của Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường rạch ròi, chu đáo khi vận dụng vào thực tiễn. Bác coi nhẹ “tam cương”, còn “ngũ thường” (Nhân, Nghĩa, Lê, Trí, Tín) được Người đề cao chữ “Nhân” (nhân đạo, là giá trị con người, con người là vốn quý nhất). Khi Tổ quốc lâm nguy, Bác nêu cao vị trí hàng đầu của con người trong tương quan với vũ khí. Trong xây dựng, kiến thiết xã hội mới, Người quan tâm nền chính trị “đức hóa” theo đạo Nhân - một bước tiến của lịch sử tư tưởng Trung Hoa cổ đại: “Làm chính trị mà dùng đức, ví như sao Bắc Đẩu cứ đứng nguyên một chỗ, mà các sao khác hướng chầu về... Người có nước, có nhà, không sợ ít của, mà chỉ sợ không đều; không sợ ít dân, chỉ sợ không yên ổn; vì rằng, chia đều thì sẽ không nghèo,

hòa mục thì sẽ không ít, yên ổn thì sẽ không nghiêng đổ” (Khổng Tử), thì ai cũng dễ liên tưởng câu Bác Hồ nói đến công bằng xã hội: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, mà sợ lòng dân không yên”¹. “Đức hóa” trong quản lý nên đại chính là làm theo tư tưởng an dân được coi như một hàng sản của Mạnh Tử. Hồ Chí Minh ao ước làm sao cho dân biết dân chủ và hưởng quyền dân chủ. Mỗi quan hệ giữa đức trị và pháp trị là quan hệ tất yếu và tự do. Khi dân tự nguyện thực thi pháp luật, quy chuẩn xã hội thì con người được tự do, thánh thiện.

2. Văn hóa đạo đức trong văn học, nghệ thuật

Nói đến đạo đức trong văn học, nghệ thuật là nói đến phẩm chất cao đẹp của con người (nghệ sĩ, nhân vật, công chúng) do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức của xã hội mà có. Nó thuộc ba phạm trù sau: chủ thể sáng tạo, đối tượng miêu tả và chủ thể hưởng thụ.

a) *Đạo đức chủ thể sáng tạo (nhà văn, nghệ sĩ) nằm ở đâu?*

Phải thẳng thắn ngay rằng, đạo đức chủ thể sáng tạo nằm ở tài năng, tài năng ở đây là đạo đức của người cầm bút. Nó đòi hỏi ba điều kiện: muốn sáng tác tốt, nhà văn nên chọn chỗ đứng ở tầm cao, phải đi trước bạn đọc, tức là phải có lý tưởng xã hội sáng chói, từ đó tỏa sáng lý tưởng thẩm mỹ; phải miêu tả tâm lý sự kiện chứ không chạy theo sự liệt kê tầm thường, nồng cạn, bề nổi các sự kiện; văn nghệ sĩ tài năng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.15, tr.224.

thường có *cá tính mạnh* do đặc thù nghề nghiệp, trước những hiện tượng “khó ở”, những câu nói lạ tai (trung ngôn nghịch nhĩ), cần được người nghe bao dung độ lượng.

Trong văn học Nga hiện đại, Ilia Erenbua là nhà văn hóa lớn với nhiều bộ tiểu thuyết: *Paris sụp đổ*, *Cơn bão táp*; với những tập bút ký chính luận nổi tiếng: *Thời gian ủng hộ chúng ta*, *Con người - năm tháng - cuộc đời*. Trong chiến tranh vệ quốc, ông đã viết hàng trăm bài ký cho các tờ báo lớn: *Sự thật*, *Sao đỏ*, *Tin tức*. Văn chính luận của ông thông tuệ, sắc nhọn như lưỡi gươm, dịu dàng, tha thiết về tình yêu quê hương; hào hùng, sảng khoái khi Hồng quân giải phóng châu Âu. Ngoài mặt trận, các chiến sĩ Hồng quân coi những bài chính luận của ông là “tiếng nổ của pháo hạng nặng”, cần như bánh mì, nước uống. Lính có thể thiếu giấy quấn thuốc lá nhưng không bao giờ đụng đến những tờ báo có bài viết của ông. Trên trường quốc tế đấu tranh cho hòa bình và hữu nghĩa giữa các dân tộc, tiếng nói của ông vang xa, có sức nặng như những thông điệp của những chính khách hàng đầu... Người viết bài này có một kỷ niệm với nhà nhân đạo uyên bác này: Vào mùa thu năm 1962, khi đang là thực tập sinh Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Lômônôxốp; tại Câu lạc bộ Vật lý của trường tổ chức bàn tròn về đề tài *Vũ trụ và cành hoa lila*, Erenbua là khách mời danh dự, ông đến như một thần tượng của lớp trẻ. Trả lời câu hỏi của sinh viên, ông phê phán gay gắt những ai xuyên tạc chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng những ý niệm giáo điều, thiển cận, máy móc đang ngự trị trong một bộ phận trí thức văn hóa thời đó. Ông luôn tôn trọng những tác phẩm của M. Sôlôkhôp, A. Phadéep và đã vận dụng thành công phương pháp sáng tác

này vào tác phẩm của mình. Ví dụ trên khẳng định một điều, tài năng đi liền với nhân tâm chứ không bị trói buộc bởi cá tính, vì cá tính được hình thành từ trong bụng mẹ. Nhân tâm càng lớn, thế đạo càng cao chính là thước đo đạo đức nhà văn.

Văn xuôi ở Việt Nam những thập niên gần đây dường như đang “được mùa” về số lượng, trong đó có những tác phẩm thực sự có chất lượng, thể hiện sự đa dạng, phong phú. Ở góc độ cá nhân, tôi thích những tiểu thuyết, truyện ngắn có chi tiết đắt, biến những cái tưởng như vặt vãnh thành cái có ý nghĩa nhân văn, lấp lánh trước người đọc. Truyện *Sự tích chùa Trinh Nữ* (2007) là ví dụ. Truyện kể vừa thiêng, vừa tục, vừa đạo, vừa đời. Một cô gái xinh đẹp bán đi sự trinh tiết của mình để lấy tiền nuôi cha đau ốm là một chi tiết không mới. Sức hấp dẫn, kịch tính mới của truyện là sự đan kết các tình huống bất ngờ. Cái bất ngờ đầu tiên là cô gái không ra đô thị, sợ lây bệnh, mà đến một làng quê - miền đất kiêng cũ chuyện phàm tục. Cô gái “mặc cả” với những tên hương lý về chuyện “buôn phấn bán hương” với bất kể giá nào, miễn là có tiền nuôi cha, nhưng không thành, tự sát là “phép màu” của số phận bi thảm. Tiếng dở đồn xa, cô gái bị hiếp, nhưng thủ phạm là ai? Ba vị hương lý đổ lỗi cho nhau, rồi họ đổ lỗi lên đầu thằng Cò - một kẻ ngụ cư khốn khổ. Nhiều năm sau, con người bị oan khuất mãn hạn tù trở thành ông già Cò - một người đàn ông thiếu hụt “cái vật” thiêng trời cho, thì làm gì có chuyện bịa đặt oan uổng của miệng đời như thế! Chi tiết kết thúc truyện làm người đọc xót xa chính là sự giải oan và dân làng lập đền thờ: thờ nàng Trinh Nữ vì chữ hiếu, thờ người

đàn ông vô tội, phải chịu nỗi oan khuất. Đây là truyện ngắn hay nhất, đượm tính nhân văn trong tập truyện *Vú cát* của nhà văn Cao Hạnh.

b) Đối tượng miêu tả cái Đẹp trùng khít với cái có ích

Nhà viết sử và nhà văn đều viết về sự thật lịch sử. Nhưng nhà viết sử chỉ viết một lần cái xảy ra, cái đơn nhất. Còn nhà văn, nghệ sĩ hướng tới cái phổ biến, cái có thể có... Người ta nói, văn chương triết luận hơn lịch sử là vậy. Đặc điểm đó là chỗ dựa thẩm mỹ để nhà văn khám phá cái đẹp. Cái đẹp gắn với nhân sinh, vì con người và sự sống của cộng đồng. Cái đẹp thường gắn với cái đạo đức. Ví dụ sau đây nói về tác dụng to lớn của văn chương của một nhà văn tài năng. Tiểu thuyết *Xa Mạc Tư Khoa* của nhà văn Nga Agiaép được dịch ra tiếng Việt vào thập niên 1960 là một tác phẩm có giá trị thực tiễn vượt tầm tưởng tượng. Tiểu thuyết dựng lại một công trường không có tiếng đại bác gầm, nhưng là một thách thức kép đối với Hồng quân trước sức mạnh của thiên nhiên hung hãn ở miền Viễn Đông, vừa để bảo vệ Mạc Tư Khoa từ xa trên bờ sông Ađun vừa phải hoàn thành việc xây dựng đường ống dẫn dầu trong rừng rậm Taiga, mà đối với phát xít Nhật, nếu dự án hoàn thành thì không thể không rơi vào tay chúng. Đó là chưa nói đến mâu thuẫn giữa viên sĩ quan kỹ thuật năng động, sáng tạo Batmanóp - chỉ huy công trường, với tâm lý bảo thủ, thói sùng bái mù quáng kỹ thuật nước ngoài của Grupxki - một chuyên gia kỹ thuật cũ, khu khu bảo vệ đề án của mình vốn là một mớ tài liệu “chết” không ứng dụng được với địa chất vùng Viễn Đông. Đọc *Xa Mạc Tư Khoa*, tướng Đinh Đức Thiện, Tư lệnh Bộ Tư lệnh đoàn 559 như bắt gặp

được vàng. Một lần ông kể lại: Tư duy sáng tạo của dự án dẫn dầu dài hơn 3.000 cây số vượt qua nhiều ghềnh thác của dãy Trường Sơn, chạy từ Bắc đến Nam chính là bài học rút ra từ những trang tiểu thuyết của Agiaép - trước hết là đạo đức mới, nhiệt tình cách mạng, kỹ thuật thi công sáng tạo của các nhân vật trong tác phẩm.

Nhà văn trước hết là một công dân tốt, A.Puskin đề cao nguyên lý công dân trong thơ, văn. Từ xưa, các nhà thơ bậc thầy thường mặc định như vậy. Câu thơ của Lý Bạch hỏi bạn đồng nghiệp về thiên chức của anh ta: “Vấn dī kinh tế sách (Kinh bang tế thế)/ Mang như truy yên vụ” (Hỏi ông cách giúp đời, giúp nước/ Ông ngơ ngác như từ trên trời rơi xuống). Nếu chưa giúp được đời bằng những tác phẩm hay thì hãy khiêm nhường để đến với bạn đọc; kỵ nhất là nhân danh đùa thú, tuyên ngôn to tát để viết những điều xằng bậy, phi luân, vô đạo đối với dân tộc và đồng loại. Chuyện xảy ra những năm đầu thời kỳ đổi mới, nhắc lại vẫn hữu ích. Đó là, một vài nhà văn vừa nhẹ dạ cả tin (tin vào những thứ hàng ngoại chấp vá) vừa tự tin thái quá vào những điều mình “phát hiện”, đã có những trang viết vô luân, vô đạo bôi nhọ dân tộc mình, xuyên tạc và hạ bệ danh nhân văn hóa dân tộc mình. Cho đến những năm gần đây, trong văn xuôi, trong thơ cũng có những hiện tượng phản cảm, nhất những câu thơ loạn luân, trần trụi, bẩn naddEventListener("click", function() { var modal = document.getElementById("my-modal"); modal.style.display = "block"; }, false);, thực chất là loại văn, thơ đang rơi vào vũng bùn của chủ nghĩa tự nhiên hoang dại.

Trong văn chương, cái Đẹp gắn liền với cái Thiện, cái Đức của con người. Mọi thứ tưởng tượng rối loạn, ngôn từ bệnh hoạn, hiện tượng làm ô nhiễm ngôn ngữ, cách diễn đạt rối rắm, gượng gạo, xa lạ với tính dân tộc thì trước sau sẽ bị lật

tẩy và hệ lụy là bạn đọc xa lánh. Bởi vì những tác phẩm xấu, dù che đậy dưới bất cứ loại trang trí nào, đều là loại nấm độc.

c) Tiếp cận đạo đức phê bình từ tác phẩm nghệ thuật

Trong lịch sử nghệ thuật thế giới, các tác phẩm lớn thường nhận được sự đánh giá khác nhau không chỉ lúc mới ra đời, mà cả khi giá trị của chúng đã ổn định. Điều đó giải thích tính đa nghĩa, các yếu tố giá trị thường nằm sâu trong các lớp đan thành tác phẩm. Quan điểm lịch sử cụ thể, nhu cầu xã hội, thị hiếu công chúng, kỹ năng phê bình, môi trường văn hóa tranh luận thời đại sau đây giúp ta hiểu rõ thực trạng này.

Trong văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, cuộc tranh luận xung quanh *Truyện Kiều* là ví dụ về cách tiếp cận đạo đức học. Tranh biện với nhà thơ Lưu Trọng Lư, chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng hiểu rõ thế mạnh “học thông”, “có não phán đoán” của nhà thơ trẻ tài hoa kém mình 36 tuổi này nên cụ có ý thức bình đẳng. Nhưng với bài báo *Mê người trong tiểu thuyết cùng mê người trong tuồng hát* (Báo Tiếng dân, 1934), cụ Huỳnh phê phán thi sĩ họ Lưu từ sùng ái văn chương, mê luôn cả người đẹp trong *Truyện Kiều*, thực chất là tiểu thuyết “phong tình hối dâm”, mê say đắm, cho dù điều ấy là đẹp hay xấu, lợi hay hại. Bài viết có hai điển tích làm trọng lượng bài nghiêm về lập trường đạo đức, cốt cách nho phong. Một trong hai điển tích đó là: Thức nhận văn của Nguyễn Du là loại văn “trau lời, rèn điển”, nên lầm người mê, nhưng từ đó, có người, trong đó có Lưu Trọng Lư lẫn lộn giữa biệt tài Nguyễn Du với nhân vật Kiều. Cụ Huỳnh bác *Truyện Kiều* là bài bác sự tán dương những điều bất chính của một bộ phận dư luận xã hội, trong đó có báo chí đương thời.

Văn hóa phê bình của Vũ Ngọc Phan cũng có những lập luận độc đáo, đầy bản lĩnh. Nói về cái đẹp tiên giới trong thơ Thế Lữ, ông có những luận giải có sức thuyết phục hơn Hoài Thanh. Người trước cho là sức tưởng tượng, đời sống tinh thần - có lúc đi trước thời đại - của văn nhân để sáng tạo nên cái đẹp của trần gian; người sau cho Thế Lữ “đã đi lầm đường” mà quên rằng, đặc điểm của nhà văn chính là ở chỗ miêu tả vẻ đẹp của cuộc đời. Văn hóa phê bình của Vũ Ngọc Phan thật lịch duyệt: Việc khen - chê, đúng - sai, hay - chưa hay đã được “đặt lên bàn”, “đánh bài ngửa”, nhưng lúc nào cũng vẫn giữ được phong cách tranh biện trong sáng. Tranh luận với mục tiêu tìm kiếm chân lý, vì sự phát triển quốc văn, quốc học tạo nên sinh khí cho đời sống học thuật, dấy lên phong khí cho tự do ngôn luận. Các bên tranh luận thường ôn tồn, bình tĩnh lắng nghe nhau, đọc kỹ bài viết của nhau để hiểu thêm thâm ý và động cơ của nhau, gọi nhau bằng những đại từ nhân xưng lịch thiệp như *tiên sinh*, *người*, *quân công*,... Trước những vấn đề học thuật phức tạp, Vũ Ngọc Phan thường đưa ra những luận giải cấp tiến, sức thuyết phục bằng lương tâm, đạo đức nghề nghiệp để thuyết phục những đối tượng mà mình khảo chứng, phê bình.

Thật vậy, văn học, nghệ thuật, văn nhân nghệ sĩ không chỉ là ngôn từ, thi ca... mà là liên quan đến cuộc sống, các phạm trù đạo đức, thẩm mỹ của người sáng tạo và công chúng tiếp nhận. Nhà tâm lý học người Nga L.V.Vugotsxi có nói: “Nhiệm vụ của phê bình nghệ thuật chỉ một nửa thuộc về mỹ học, còn một nửa là về chính luận và giáo dục xã hội”. Đạo Tâm, Chí, Mỹ là những xu hướng nhập thể của văn học, nghệ thuật thời đại chúng ta.

VAI TRÒ ĐỊNH HƯỚNG CỦA PHÊ BÌNH TRONG HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN VÀ SÁNG TẠO VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT HIỆN NAY

NGUYỄN VŨ

1. Mở đầu

Theo *Từ điển Văn học* thì phê bình văn học, nghệ thuật là “Tên gọi một bộ môn của khoa nghiên cứu văn học có chức năng phán đoán, bình phẩm, đánh giá và giải thích tác phẩm văn học, kèm theo việc phán đoán, bình luận, giải thích, đánh giá những hiện tượng đời sống mà tác phẩm đề cập tới”¹. Như vậy, hoạt động phê bình là yếu tố tác động trực tiếp đến quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật và là một bộ phận hữu cơ của đời sống văn nghệ. Vì thế, hoạt động phê bình luôn giữ vai trò vừa đồng hành với sáng tác vừa để thấu hiểu và đồng cảm, là nhân tố đánh giá, phán đoán và dự báo, góp phần điều chỉnh và định hướng cho sáng tác cũng như cho cả quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật theo quy luật của bản thân nó, nhằm đáp ứng đòi hỏi khách quan của đời sống văn học, nghệ thuật. Hơn nữa, phê

1. *Từ điển Văn học*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004, tr.1408.

bình văn học, nghệ thuật còn đi sâu nghiên cứu các mối liên hệ bên trong và bên ngoài của sáng tác văn học, nghệ thuật với đời sống xã hội, đặc biệt còn là nhiệm vụ chính trị để nhằm định hướng dư luận xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, hoạt động phê bình còn có chức năng phát hiện, định hướng và cổ vũ cho cái mới trong hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ cũng như giúp cho họ thức tỉnh “cái tôi” sáng tạo để khơi gợi những góc khuất thẳm sâu trong thế giới nội tâm. Ngoài ra, hoạt động phê bình còn có nhiệm vụ soi bóng vào tác phẩm văn học, nghệ thuật để khám phá, giải mã tác phẩm nhằm định hướng cho người tiếp nhận đến những giá trị thẩm mỹ mà tác phẩm mang lại.

Từ những vai trò, nhiệm vụ trên, có thể khẳng định, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật là yếu tố không thể thiếu đối với đời sống văn nghệ. Bởi lẽ hoạt động này luôn nắm bắt kịp thời, khái quát những vấn đề mới đang nảy sinh trong sự vận động phát triển của thực tiễn sáng tạo văn học, nghệ thuật. Từ đó nhằm định hướng cho người tiếp nhận văn học, nghệ thuật theo những quan điểm minh định và hướng thụ những giá trị thẩm mỹ theo sự biến đổi của thực tiễn xã hội cũng như phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

2. Thực trạng của hoạt động phê bình đối với văn học, nghệ thuật hiện nay

Nền văn học nước ta đã trải qua các giai đoạn, đặc biệt là giai đoạn đổi mới từ năm 1986 cho đến nay, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật luôn bám sát hoạt động thực tiễn sáng tạo văn học, nghệ thuật và đã mang lại nhiều

thành công cho đời sống văn nghệ của quần chúng. Nó phản ánh kịp thời những vấn đề nóng bỏng của đời sống xã hội mà tác giả đã gửi gắm vào tác phẩm. Thực tế, trong thời gian qua, những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị được ấn hành xuất bản thì có rất nhiều những bài phê bình lên tiếng và kịp thời, kể cả những tác phẩm của các nhà văn Việt Nam ở hải ngoại. Đặc biệt là nhờ các phương tiện truyền thông đa dạng: báo, tạp chí Trung ương và địa phương, kể cả các trang mạng xã hội zalo, facebook... đã làm cầu nối cho các bài viết phê bình đến với người đọc được nhanh, nhẹ và có hiệu quả. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, nhiều hiện tượng văn học mới lạ xuất hiện mà không thấy tiếng nói thẩm định và kết luận của những nhà lý luận, phê bình chuyên nghiệp, đặc biệt những bài viết có khả năng phát hiện, đề xuất, dự báo... đối với tác phẩm văn học mới, nếu có chẳng thì cũng mờ nhạt về chất lượng, bởi chủ yếu là để quảng cáo nhằm tâng bốc, vụ lợi nên thiếu chiều sâu về tư tưởng và thiếu sự độc đáo về nghệ thuật. Việc thiếu vắng tiếng nói thẩm định và kết luận của những nhà phê bình chuyên nghiệp bởi những lý do chủ quan lẩn khách quan như sau:

Về mặt chủ quan, lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật là vấn đề vừa khó vừa phức tạp và phải là kết quả của sự tích tụ các phẩm chất liên quan như năng lực cảm thụ, năng lực trí tuệ. Do đó, đòi hỏi người làm công việc này phải có kiến thức sâu rộng, vừa có năng lực vừa có lòng nhiệt tình và sự đam mê với nghề nghiệp. Vì thế, không ít người đã chuyển hướng và ít quan tâm đến lĩnh vực này. Ngoài ra, còn do sở thích, phù hợp với năng lực, sở trường của từng cá

nhân người phê bình nên họ chọn lựa tác phẩm chứ không phải tác phẩm mới nào ra đời cũng có bài viết phản ánh, thẩm định.

Về mặt khách quan, do đất nước đang hội nhập với thế giới, vấn đề giao lưu, tiếp nhận thành tựu tác phẩm văn học mang tính toàn cầu hóa. Từ đó nhiều luồng tư tưởng mới cũng được nảy sinh nên rất cần tiếng nói để thẩm định, phát hiện và lý giải. Thực tế, trên các trang mạng xã hội hiện nay có rất nhiều bài viết phê bình chưa được kiểm duyệt đang tràn lan, dẫn đến tình trạng làm nhiễu thông tin và nhiễu định hướng thẩm mỹ. Từ đó người tiếp nhận trở nên mất phương hướng, không nhận ra những giá trị đích thực mà tác phẩm mang lại. Một lý do nữa là do khoảng cách không gian, khâu phát hành co cụm từng miền... nên đã gây không ít khó khăn cho lực lượng phê bình tham gia. Vì thế, nếu không có lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật chân chính, chuyên nghiệp thì sẽ không thể thực hiện được vai trò, trách nhiệm trong việc phân tích, đánh giá, định hướng các hoạt động sáng tác văn nghệ cũng như góp phần nâng cao các giá trị tư tưởng và thẩm mỹ cho văn học, nghệ thuật nhằm tác động tích cực đến thị hiếu, nhu cầu, trình độ của quần chúng và cả việc bảo vệ những giá trị của nền văn nghệ của dân tộc trong thời đại mới hiện nay.

3. Giải pháp phát huy vai trò của phê bình đối với văn học, nghệ thuật hiện nay

Thứ nhất, để nâng cao công tác phê bình văn học, nghệ thuật thì từng cá nhân người viết, nhất là những người cầm bút trẻ cần phải có ý thức tự học, tự đào tạo thông qua

thực tiễn trang viết của mình. Đây là cách tốt nhất và hiệu quả nhất để đánh giá đẳng cấp phê bình của bản thân. Ngoài ra, bản thân nhà phê bình phải chủ động tiếp cận với lý luận văn học và hệ thống lý thuyết từ các khuynh hướng, phương pháp phê bình hiện đại thế giới để tự trang bị cũng như ứng dụng có hiệu quả vào bài viết của mình. Hơn nữa, các nhà phê bình phải thấu triệt được thiên chúa của bản thân và hiểu rõ chức năng, vai trò của hoạt động phê bình đối với sự phát triển của văn học, nghệ thuật. Có như vậy thì công tác phê bình văn học, nghệ thuật mới phát huy và thúc đẩy được quá trình phát triển văn học, nghệ thuật của dân tộc.

Thứ hai, nhà trường cần giáo dục, đào tạo ra những lực lượng trẻ có tài năng, nhất là các trường đại học chuyên nghiệp nhằm đảm nhiệm trực tiếp công việc phê bình văn học ở địa phương và khu vực ngày càng có hiệu quả cao. Đồng thời, các cơ quan báo chí cũng cần quan tâm đến việc đăng tải bài viết và có chế độ nhuận bút thỏa đáng để kích thích sự phát triển của hoạt động phê bình đối với văn học, nghệ thuật.

Thứ ba, các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương và địa phương cần đẩy mạnh việc tổ chức trại sáng tác, cuộc thi về phê bình để từng bước nâng cao trình độ cũng như phương pháp phê bình cho từng cá nhân có tiềm năng, có lòng đam mê nghệ thuật từ không chuyên đến chuyên nghiệp. Đặc biệt, các Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương và các địa phương cần quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, phát huy nghề nghiệp của các cây bút trẻ, nhất là những nhà giáo trẻ có tài năng và tâm huyết nhằm bổ sung vào đội ngũ phê bình chuyên nghiệp.

4. Kết luận

Có thể nói, hoạt động phê bình văn học đóng vai trò hết sức quan trọng đối với thực tiễn sáng tạo văn học, nghệ thuật. Chính nhờ có sự nỗ lực của các nhà phê bình trong việc phán đoán, bình phẩm, đánh giá, giải thích các giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học thật sự thuyết phục đã giúp người đọc khám phá, cảm thụ sâu sắc hơn về tác phẩm, đồng thời giúp cho nền văn học, nghệ thuật ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn.

Nhìn chung, hiện tại, lực lượng nghiên cứu, phê bình vẫn còn mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu của văn học, nghệ thuật và công chúng. Vì vậy, sự quan tâm, tạo mọi điều kiện tốt nhất để giúp cho lực lượng phê bình phát triển mạnh về số lượng và nâng cao về chất lượng; chăm lo, bồi dưỡng cho lực lượng trẻ có khả năng nghiên cứu, phê bình; tạp chí ưu tiên đăng những bài viết về mảng phê bình và có những đài ngộ cho những cây bút tiềm năng... là rất cần thiết. Làm được điều này không chỉ giúp cho công chúng có được sự định hướng tiếp nhận các giá trị thẩm mỹ từ các tác phẩm văn học, nghệ thuật mang lại mà còn góp phần cho sự phát triển của văn học, nghệ thuật ở địa phương nói riêng, nền văn học, nghệ thuật nước nhà nói chung.

NHỮNG CÁI KHÓ TRONG CÔNG TÁC PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT Ở HÀ GIANG

NGUYỄN TRẦN BÉ

Trong bài tham luận này, chúng tôi chỉ xin nêu vài nét chính về thực trạng công tác phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian gần đây ở Hà Giang. Qua đó chúng tôi muốn góp một tiếng nói chung về tình hình hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay tại các địa phương, đặc biệt là ở các tỉnh miền núi phía Bắc; đồng thời nêu lên một vài ý kiến nhằm lý giải thực trạng yếu kém của lĩnh vực này (trong phạm vi quan sát, nhận xét, đánh giá chủ quan). Trên cơ sở đó, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị, giải pháp để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian tới.

1. Về tình hình đội ngũ

Một thực tế đáng buồn là ở Hà Giang hiện nay không có ai hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật đúng nghĩa! Số người làm công việc có “dính dáng”, liên quan đến phê bình văn học, nghệ thuật cũng rất ít, mặc dù hiện nay trên địa bàn tỉnh có một đội ngũ văn nghệ sĩ khá đông đảo, với 33 hội viên các hội chuyên ngành trung ương và 32 hội viên

Hội Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam. Trong số đó có 3 tiến sĩ văn học, hàng chục thạc sĩ ngữ văn và thạc sĩ các chuyên ngành nghệ thuật khác. Hầu hết trong số họ đều làm việc ở các cơ quan nhà nước, các trường học hoặc lĩnh vực chuyên ngành.

Thực tế cũng có một số tác giả (đa phần là các văn nghệ sĩ) thỉnh thoảng có viết bài liên quan đến thẩm bình tác phẩm văn học, nghệ thuật (chủ yếu là các tác phẩm văn học), nhưng chỉ dừng lại ở dạng bài tiểu luận, giới thiệu sách, quảng bá tác phẩm mới... Phần nhiều bài viết tiếp cận tác phẩm dưới góc độ người đọc cảm nhận, đầy cảm tính, hoặc chỉ tập trung vào giới thiệu nội dung, hình thức của tác phẩm một cách chung chung. Không hề có phần “phê bình” mang tính học thuật. Hầu hết những bài viết dưới dạng này đều chưa phải là một bài phê bình văn học, nghệ thuật đúng nghĩa. Chất lượng của các bài viết nhìn chung chưa cao, đôi khi chỉ là sự PR, đánh bóng cho tác giả và tác phẩm theo hướng một chiều. Đó là chưa kể một số bài viết có nhận xét, đánh giá hết sức chủ quan, phiến diện, thậm chí sai lệch, thể hiện rõ sự thiếu khán quan và sự yếu kém về trình độ nhận thức của người viết. Theo chúng tôi, những bài viết kiểu này chỉ làm hại thêm cho công tác phê bình văn học, nghệ thuật!

Tuy ở Hà Giang hiện nay không có (hoặc chưa thấy xuất hiện) những bài “phê bình ngoài phê bình” (tức là mượn phê bình để “lăng xê” hoặc “dìm hàng” nhau nhằm mục đích không trong sáng), nhưng trên văn đàn cả nước cũng đã xuất hiện ở đâu đó một số bài phê bình văn học, nghệ thuật kiểu này! Đây quả thực là vấn đề rất đáng lo ngại trong phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay!

2. Nhận định, đánh giá thực trạng

Thực trạng hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay trên địa bàn tỉnh Hà Giang rất yếu và thiếu, nếu không muốn nói là gần như không có. Trên tạp chí *Văn nghệ Hà Giang* thỉnh thoảng mới có bài viết mang tính cảm nhận đối với tác phẩm đơn lẻ; hoặc giới thiệu các tập sách mới in; nhiều khi chỉ là đăng tải lại “lời tựa” của cuốn sách nào đó.

Sau khi tìm hiểu các yếu tố tác động đến hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian gần đây, trên cơ sở đánh giá, nhận định một cách khách quan, nghiêm túc, chúng tôi rút ra mấy nguyên nhân chính dẫn đến sự yếu kém, thiếu hụt này, đó là:

Thứ nhất, đây là dạng bài khó viết và mất nhiều thời gian. Khó viết, bởi để tiếp cận, phân tích được những cái hay, cái dở của tác phẩm thì đòi hỏi người viết phải thường xuyên cập nhật, tiếp cận (đọc - nghe - xem) các tác phẩm một cách kỹ lưỡng để cảm nhận và thẩm bình sao cho chuẩn xác, bằng cả lý trí và cảm xúc. Muốn làm được điều đó, hẳn nhiên, người viết sẽ mất rất nhiều thời gian!

Thứ hai, tác giả thiếu kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành. Bởi lẽ, để viết được tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật đúng và hay, đòi hỏi người viết phải có trình độ tương xứng đối với chuyên ngành mà mình chọn tác phẩm để phê bình - nghĩa là phải thấu hiểu cặn kẽ, chuyên sâu về chuyên ngành đó trên cơ sở học thuật. Chỉ có như vậy bài viết mới có sức thuyết phục người đọc - nhất là người đọc có hiểu biết về chuyên ngành - tạo nên sự tin tưởng và đồng thuận.

Thứ ba, chưa có một “hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ” làm cơ sở. Khi viết bài phê bình, các tác giả thường e ngại,

thậm chí là mất phương hướng, vì họ không biết dựa vào đâu, dựa vào cái gì để “làm chuẩn”. Bởi thế khi viết sẽ dễ bị “loạn chuẩn” - nghĩa là loạn về cách tiếp cận, cảm nhận, bình phẩm đối với tác phẩm được đem ra phê bình khi người viết dựa trên cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau theo chuẩn riêng của mỗi người. Vì vậy cũng không có gì lạ khi cùng một tác phẩm mà có những nhận xét trái ngược nhau hoàn toàn: Người thì khen hết tầm, kẻ lại chê hết cõ!

Thứ tư, thiếu cơ chế khuyến khích các tác giả. Hiện nay chế độ nhuận bút dành cho các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật quá thấp, chưa đủ sức thu hút, khuyến khích và động viên người viết. Bởi, để viết được tác phẩm phê bình, tác giả phải nhọc công nghiên cứu tác phẩm, tìm ra những điểm mấu chốt, những chi tiết, cảnh huống, điểm nhấn “có vấn đề” để phân tích, mổ xẻ; rồi phải tìm tòi câu chữ phù hợp, lý giải, cắt nghĩa các vấn đề mà mình nêu ra sao cho có lý, có tình, có tính “soi sáng”, có sức thuyết phục, có tính hướng dẫn đối với người sáng tác và công chúng thưởng thức.

Thứ năm, người viết phê bình thường bận bịu công việc chuyên môn. Ở Hà Giang hiện nay, đa phần các tác giả liên quan đến lĩnh vực văn học, nghệ thuật có thể viết được bài phê bình đều làm việc ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp (trong đó có nhiều người giữ cương vị lãnh đạo hoặc phụ trách bộ phận chuyên môn), vì vậy họ phải giải quyết công việc của cơ quan, không có nhiều thời gian dành cho việc viết bài. Ở một vài đơn vị, đôi khi thủ trưởng hoặc đồng nghiệp còn thiếu đi sự cảm thông, sẻ chia khi cán bộ, nhân viên, đồng nghiệp ở cơ quan mình mải mê viết bài phê bình văn học, nghệ thuật!

Trước thực trạng trên, nhận thức được tầm quan trọng của công tác phê bình trong việc thúc đẩy sự phát triển văn học, nghệ thuật trên địa bàn tỉnh, những năm qua Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh Hà Giang đã có các động thái nhằm tác động đến sự phát triển của hoạt động phê bình, thể hiện trên những mặt sau:

Một là, cử cán bộ, hội viên của Hội tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật do Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật hoặc các Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương tổ chức. Đến nay đã có hàng chục lượt cán bộ, hội viên trong tỉnh được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực này. Tiếp đó Hội đã tổ chức một số lớp tập huấn tại chỗ về công tác phê bình cho các hội viên, cộng tác viên (do các cán bộ Hội đi dự tập huấn ở Trung ương về truyền đạt lại).

Hai là, thường xuyên gặp gỡ, động viên, khuyến khích các hội viên, cộng tác viên có trình độ học vấn cao (tiến sĩ, thạc sĩ) và các hội viên chuyên ngành Trung ương đang sống và làm việc tại tỉnh tích cực viết bài phê bình văn học, nghệ thuật gửi đăng trên tạp chí *Văn nghệ Hà Giang* và các báo chí văn nghệ ở Trung ương. Nhưng trên thực tế, số người tham gia viết bài phê bình vẫn rất ít!

Ba là, Hội có quy chế trả tiền nhuận bút tăng thêm 15% cho các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật đăng trên tạp chí *Văn nghệ Hà Giang* để động viên, khuyến khích các tác giả. Nhưng vì mức nhuận bút chung của tạp chí hiện tại còn thấp, nên vẫn chưa đủ sức thu hút người viết bài về lĩnh vực này.

Bốn là, hằng năm Hội đã tổ chức xét chọn, trao thưởng các tác phẩm văn học, nghệ thuật xuất sắc đăng trên tạp chí *Văn nghệ Hà Giang* vào dịp cuối năm để kích thích sự sáng tạo tác phẩm của các văn nghệ sĩ. Trước đó Hội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Văn học, nghệ thuật của tỉnh (mang tên Giải thưởng Tây Côn Lĩnh, 5 năm trao giải một lần) cho các tác phẩm xuất sắc ở tất cả mọi chuyên ngành. Đến nay đã xét trao giải được bốn lần, theo nhiệm kỳ của Hội. Tiếc rằng chưa có một tác phẩm phê bình nào được trao giải thưởng này, vì trên thực tế không có tác phẩm gửi dự xét thưởng!

3. Các kiến nghị và đề xuất giải pháp

Theo chúng tôi, để khắc phục những hạn chế nêu trên, thời gian tới Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương; Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam và các hội chuyên ngành trung ương cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, phải xây dựng được “hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ” để hạn chế và ngăn chặn sự “loạn chuẩn” hiện nay. Vì hiện thời các xu hướng, trường phái, quan niệm sáng tác văn học, nghệ thuật đang phát triển hết sức đa dạng, phong phú. Đội ngũ sáng tác thể hiện tác phẩm của mình theo những quan điểm, nhận thức không giống nhau, bằng nhiều cách thức, thủ pháp nghệ thuật khác nhau (ví dụ như: hiện đại, hậu hiện đại; hiện thực, siêu hiện thực; giả tưởng, siêu tưởng; tự sự, đại tự sự, v.v.) mà xu hướng nào, trường phái

nào cũng có những lý lẽ riêng để khẳng định tính hay, tính đúng, tính phù hợp hơn của mình. Chính điều đó đã khiến cho người làm công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật và công chúng thường thức khó chọn lựa được lối đi đúng và thống nhất. Vì vậy rất cần phải có “hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ” để làm “mực thước”.

Hai là, cần làm tốt hơn nữa công tác phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng đội ngũ tác giả tham gia lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật theo hướng chuyên nghiệp hóa. Cần mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng dài hạn về công tác phê bình (thời gian ít nhất phải một tháng/lớp) cho các tác giả được tuyển chọn từ các tỉnh, thành phố (thay vì các lớp tập huấn ngắn ngày như hiện nay). Đồng thời phải đưa chuyên ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật vào các trường học - nhất là cấp đại học, trên đại học về khoa học xã hội và nhân văn - để giảng dạy theo chương trình chính khóa.

Ba là, kiến nghị Chính phủ có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng để động viên, khích lệ đội ngũ viết lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trên toàn quốc. Bên cạnh đó cần xây dựng hệ thống giải thưởng dành cho chuyên ngành lý luận, phê bình, theo hướng hàng năm tổ chức xét chọn, trao giải thưởng cho các tác phẩm xuất sắc; trao giải cống hiến cho các tác giả có nhiều bài phê bình văn học, nghệ thuật được đăng tải; đặc biệt là cần có giải thưởng dành cho các tác giả trẻ viết về lĩnh vực này.

Bốn là, tổ chức nhiều hơn các cuộc hội thảo, tọa đàm, trao đổi nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác phê bình văn học, nghệ thuật theo quy mô cụm, khu vực hoặc vùng miền,

bằng những hình thức gọn nhẹ, thiết thực để học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và nâng tầm chất lượng cho các bài viết phê bình.

Năm là, các báo, tạp chí từ Trung ương đến địa phương cần có chính sách ưu tiên đăng tải và tăng mức nhuận bút cho các bài lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Mức nhuận bút tăng thêm phải gấp nhiều lần hiện nay để đủ sức thu hút các cây bút viết về lĩnh vực “khó nhằn” này.

Phần thứ hai

PHÊ BÌNH VĂN HỌC

TIẾP NHẬN LÝ THUYẾT VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY - GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KỲ HỘI NHẬP

PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH

Nói đến sự vận động và phát triển của một nền văn học không thể không nói đến đời sống lý luận, phê bình. Bởi lẽ, cùng với sáng tác văn học, lý luận, phê bình là một bộ phận không thể thiếu làm nên phẩm tính của một nền văn học. Điều này đã được thực tiễn xác quyết trong tiến trình văn học các dân tộc trên thế giới mà Việt Nam không phải là ngoại lệ. Nhìn lại tiến trình văn học dân tộc trong suốt thời kỳ trung đại khi chưa có bộ phận lý luận, phê bình, văn học nước nhà vẫn còn quẩn quanh trong những cảm quan thẩm mỹ của nền văn học mang đậm tính chất văn hóa làng xã của nền văn minh nông nghiệp, ở một đất nước vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa phương Đông. Tư tưởng tiêu biểu của các nền văn hóa này thể hiện qua triết thuyết của Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo và chi phối sâu sắc các phương diện kinh tế, chính trị, xã hội của dân tộc trong thời gian dài mà đến nay ảnh hưởng của nó vẫn còn đó như một thách thức đối với hành trình đổi mới của đất nước. Sự ảnh hưởng này, tất nhiên cũng chi phối đời sống văn học dân tộc,

trong đó có lý luận, phê bình với những quan niệm như “Văn dĩ tải đạo”, “Thi dĩ ngôn chí”... Nói như Hoài Thanh: “Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lân hưng vong, giang sơn tuy bao lân đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian. Nhưng, nhất đán, một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền tảng xưa bị một phen điên đảo, lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt Nam từ mấy mươi thế kỷ”¹. Và trong cuộc biến thiên ấy có sự biến thiên của đời sống văn học dân tộc, trong đó có lý luận, phê bình. Có thể nói, sự gặp gỡ văn hóa phương Tây đã tạo tiền đề cho việc hiện đại hóa nền văn học dân tộc cũng như mở ra cánh cửa để đưa văn học nước nhà hội nhập vào văn học thế giới, đặc biệt là việc khai sinh ngành lý luận, phê bình văn học mà trong nhiều năm dài của thời kỳ trung đại chúng ta chưa xây dựng được. Nhưng khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây, chúng ta đã có nền lý luận, phê bình văn học thực thụ với nhiều khuynh hướng lý luận, phê bình văn học như: phê bình trực cảm, phê bình giáo khoa, phê bình phân tâm học... Những khuynh hướng phê bình này đã đem

1. Hoài Thanh - Hoài Chân: *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1988, tr.17.

đến nhiều đổi thay trong hệ hình tư duy lý luận, phê bình văn học, thể hiện rõ trong các quan niệm về: văn học, thể loại, thi pháp, tâm lý sáng tạo của nhà văn... mà trước kia trong thời trung đại chưa được đúc kết thành những hệ hình lý thuyết mang tính quan niệm và tính khoa học. Vì thế, nhận định về ảnh hưởng của văn hóa phương Tây đối với xã hội Việt Nam, trong đó có văn học, nghệ thuật, Phạm Văn Đồng cho rằng: “Trong khoảng thời gian dưới chế độ thực dân Pháp, dân tộc ta đã tiếp thu và vận dụng những thành tựu của văn hóa, văn minh phương Tây, một thành tựu nổi bật là sự ra đời của chữ quốc ngữ, chữ viết của dân tộc ta ngày nay. Những phong trào văn hóa đa dạng trong những thập niên đầu thế kỷ XX, với sự đổi mới rõ rệt và sự phát triển mạnh mẽ của các lĩnh vực văn học và nghệ thuật, phong hóa và lối sống, một lần nữa chứng tỏ sự nhạy cảm và khả năng thâu hóa của dân tộc ta đối với những trào lưu văn hóa từ bên ngoài”¹. Việc tiếp nhận các trường phái lý thuyết văn học phương Tây không chỉ tạo nên bước ngoặt trong việc hiện đại hóa nền văn học nước nhà trong những năm đầu thế kỷ XX mà gần như trong suốt thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, khi nào đất nước mở cửa tiếp nhận các trào lưu lý thuyết văn học phương Tây thì đời sống văn học dân tộc nói chung, trong đó có lý luận, phê bình luôn phát triển đa dạng, phong phú, đáp ứng khá cao nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa, văn học của công chúng. Đây cũng là điều dễ nhận thấy trong lý luận, phê bình văn học dân tộc thời

1. Phạm Văn Đồng: *Văn hóa và đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.31.

kỳ đổi mới mà thành tựu của nó trên các bình diện của đời sống lý luận, phê bình văn học là điều không thể phủ nhận.

Nếu trước thời kỳ đổi mới, lý luận, phê bình văn học nước ta vốn có tính đơn thanh, thống nhất và phần nào “khép kín” trong một hệ hình tư duy mỹ học nhất định, thì từ thời kỳ đổi mới, với việc “mở cửa” tiếp nhận lý thuyết văn học phương Tây, nền lý luận, phê bình văn học dân tộc đã trở nên đa thanh, đa ngữ điệu. Đó là một nền lý luận, phê bình phát triển phong phú, đa dạng với tốc độ nhanh và đã thu được những thành tựu nhất định, tạo tiền đề cho sự hội nhập và phát triển, mà một trong những thành tựu đáng ghi nhận, đó là sự hiện hữu của nhiều khuynh hướng lý luận, phê bình trong đời sống văn học như: Xã hội học; Thi pháp học; Phân tâm học; Chủ nghĩa hiện sinh; Cấu trúc luận; Hiện tượng luận; Tự sự học; Phong cách học; Mỹ học tiếp nhận; Văn hóa học; Chủ nghĩa hậu hiện đại... Dấu hiệu nhận biết của sự cởi mở trong việc giao lưu tiếp biến văn hóa này, đầu tiên phải nói đến việc giới thiệu các lý thuyết mới của phương Tây và thế giới như: M. Bakhtin với *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn và dịch, giới thiệu, 1992); *Những vấn đề thi pháp Dostoevski* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch, 1998); T. Eagleton với *Chủ nghĩa Mác và phê bình văn học* (Lê Nguyên Long dịch, 2009); *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX* (Đào Tuấn Anh, Trần Hồng Vân, Lại Nguyên Ân dịch, 2003); IU.M. Lotman với *Cấu trúc văn bản nghệ thuật* (Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, Nguyễn Thu Thủy dịch, 2004); Nhiều tác giả, *Văn học hậu hiện đại thế giới, những vấn đề*

lý thuyết (Đào Tuấn Anh, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Thị Hoài Thanh sưu tầm, biên soạn, 2003); Nhiều tác giả, *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật* (Đỗ Lai Thúy biên soạn), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* (Đỗ Lai Thúy biên soạn, 2004); Tzvan Todorov với *Thi pháp văn xuôi* (Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm dịch, 2004); Tzvan Todorov với *Dẫn luận về văn chương kỳ ảo* (Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm dịch, 2008); Lộc Phương Thủy (Chủ biên, 2007) với *Lý luận phê bình văn học thế giới thế kỷ XX*, tập một, tập hai; Francois J. Lyotard với *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (Ngân Xuyên dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính, giới thiệu, 2007); R. Jaccard với *Freud cuộc đời và sự nghiệp* (Hoàng Thạch dịch, 2006); R. Wellek và A. Warren với *Lý luận văn học* (Nguyễn Mạnh Cường dịch, 2009); Jean Paul Sartre với *Thuyết sinh là một thuyết nhân bản* (Đinh Hồng Phúc dịch, 2018)...

Có thể nói, sự tiếp nhận các trường phái lý thuyết văn học phương Tây và thế giới là một trong những nhân tố quan trọng góp phần tạo nên sức sống cho nền lý luận, phê bình văn học dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển mà sự xuất hiện của hàng loạt tác phẩm lý luận, phê bình văn học trong tiến trình đổi mới là một minh chứng đầy thuyết phục. Đó là những công trình nghiên cứu, lý luận, phê bình như: *Thơ - quan niệm và cảm nhận* (2010), *Văn học nhìn từ văn hóa* (2012), *Đi tìm ẩn ngữ văn chương* (2017) của Trần Hoài Anh; *Sống với văn học cùng thời* (2003) của Lại Nguyên Ân; *Truyện ngắn, lý luận tác gia và tác phẩm* (2005) của Lê Huy Bắc; *Văn học so sánh, lý luận và ứng dụng* (2001) do Lưu Văn Bồng (Chủ biên); *Sáng tạo và giao lưu* (2004) của Phạm Vĩnh Cư; *Lý luận văn học so sánh* (1998), *Nghiên cứu văn học -*

lý luận và ứng dụng (1999) của Nguyễn Văn Dân; *Từ văn bản đến tác phẩm văn học* (1998), *Tác phẩm văn học như là quá trình* (2004) của Trương Đăng Dung; *Không gian văn học đương đại* (2014) của Đoàn Ánh Dương; *Việt Nam và phương Tây tiếp nhận và giao thoa trong văn học* (2007) của Đặng Anh Đào; *Phong cách học với việc dạy văn và lý luận, phê bình* (2002) của Hữu Đạt; *Văn học Việt Nam thế kỷ XX (những vấn đề lịch sử và lý luận)* (2004) do Phan Cự Đệ (Chủ biên); *Giọng điệu trong thơ trữ tình* (2003), *Vọng từ con chữ* (2003) của Nguyễn Đăng Diệp; *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học* (2002) của Trịnh Bá Đĩnh; *Đi tìm chân lý nghệ thuật* (1998), *Khảo luận văn chương* (2003) của Hà Minh Đức; *Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay* (1987) của Đỗ Xuân Hà; *Chuyện văn, chuyện đời* (2004) của Nguyễn Văn Hạnh; *Thơ trẻ Việt Nam 1965-1975 - khuôn mặt cái tôi trữ tình* (2015) của Bùi Bích Hạnh; *Một chặng đường đổi mới lý luận văn học Việt Nam (1986-2011)* (2011), *Lý luận phê bình văn học - đổi mới và sáng tạo* (2013) của Cao Thị Hồng; *Văn học... gần và xa* (2003), *Những ngả đường vào văn học* (2006), *Triết lý văn hóa và triết luận văn chương* (2006) của Hoàng Ngọc Hiển; *Phê bình văn học từ lý thuyết hiện đại* (2000) của Đào Duy Hiệp; *Thi pháp hiện đại* (1998), *Đổi mới đọc và bình văn* (2000) của Đỗ Đức Hiếu; *Những vấn đề thi pháp của truyện* (2000) của Nguyễn Thái Hòa; *Song thoại với cái mới* (2008), *Thơ nữ trong hành trình cắt đuôi hậu tố “nữ” và 20 tiếng thơ nữ quyền đương đại* (2015) của Inrasara; *Thi pháp ca dao* (2006) của Nguyễn Xuân Kính; *Tác giả hàm ẩn trong Tu từ học tiểu thuyết* (2015) của Cao Kim Lan; *Văn học và công cuộc đổi mới* (1994), *Văn học trên*

hành trình của thế kỷ XX (1997) của Phong Lê; *Nguyễn Minh Châu và công cuộc đổi mới văn học Việt Nam sau 1975* (2007) của Nguyễn Văn Long, Trịnh Thu Tuyết; *Lý luận, phê bình văn học phương Tây thế kỷ XX* (2001), *Vì một nền lý luận văn học dân tộc - hiện đại* (2009) của Phương Lựu; *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (2000), *Nhà văn Việt Nam hiện đại - Chân dung, phong cách* (2003) của Nguyễn Đăng Mạnh; *Mùi chữ* (2014) của Nguyễn Hoài Nam; *Ngoài trời lại có trời* (2006) của Vương Trí Nhàn; *Thủ xét văn hóa, văn học bằng ngôn ngữ học* (2000), *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (2009) của Phan Ngọc; *Những cách tân nghệ thuật trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại* (2009) của Mai Hải Oanh; *Những tín hiệu mới* (1994), *Trường phái hình thức Nga* (2007), *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (2008) của Huỳnh Như Phương; *Ba đỉnh cao Thơ mới* (Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử) (2003), *Thơ - điệu hồn và cấu trúc* (2007) của Chu Văn Sơn; *Nhà văn - hiện thực đòi sống và cá tính sáng tạo* (2002) của Trần Đăng Suyên; *Thi pháp thơ Tố Hữu* (1996), *Máy văn để thi pháp văn học trung đại Việt Nam* (1999), *Lý luận và phê bình văn học* (2000), *Tự sự học (Một số vấn đề lý luận và lịch sử)* (2008), *Trên đường biên của lý luận văn học* (2014) của Trần Đình Sử; *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam* (1996), *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học* (2006) của Nguyễn Bá Thành; *Lý luận, phê bình và đời sống văn chương* (2010) của Nguyễn Ngọc Thiện; *Con mắt thơ* (1992), *Từ cái nhìn văn hóa* (1999), *Bút pháp của ham muốn* (2009), *Phê bình văn học, con vật lưỡng thê ấy* (2010) của Đỗ Lai Thúy; *Văn chương - tiến trình - tác giả - tác phẩm* (2001), *Thẩm định*

các giá trị văn học (2013) của Phan Trọng Thưởng; *Thách thức của sáng tạo, thách thức của văn hóa* (2002), *Lý luận và văn học* (2005); *Văn chương thẩm mỹ và văn hóa* (2007) của Lê Ngọc Trà; *Từ ký hiệu học đến thi pháp học* (1992), *Phương Tây, văn học và con người* (1999) của Hoàng Trinh; *Tiểu thuyết trên con đường đổi mới nghệ thuật* (2010) của Phùng Văn Tứu; *Phong cách nghệ thuật Thạch Lam* (2006) của Nguyễn Thành Thi; *Xu hướng tự do hóa ngôn ngữ thơ Việt Nam thế kỷ XX* (2014) của Nguyễn Thị Phương Thùy... Và nhiều tác phẩm lý luận, phê bình văn học ứng dụng thành công lý thuyết phương Tây và thế giới vào việc nghiên cứu các hiện tượng văn học mà theo số liệu thống kê của Cao Thị Hồng trong công trình *Lý luận phê bình văn học - đổi mới và sáng tạo* (2013) cho biết từ năm 1986 đến năm 2013, đã có 544 công trình lý luận, phê bình, nghiên cứu, khảo cứu văn học được xuất bản, thực tế số công trình được xuất bản từ thời kỳ đổi mới đến nay còn nhiều hơn nữa¹.

Như vậy, có thể nói, chính tinh thần cởi mở và cầu thị trong hành trình giao lưu và tiếp biến văn hóa của thời kỳ hội nhập đã đem đến cho đời sống phê bình văn học thời kỳ đổi mới một sức sống mạnh mẽ, tạo năng lượng cho các nhà nghiên cứu trên con đường lao động khoa học và nghệ thuật. Và xét về một phương diện nào đó, sự tiếp biến các khuynh hướng lý thuyết văn học trên thế giới không chỉ tạo nên sự đa dạng, phong phú của phê bình văn học mà còn góp phần hiện đại hóa nền phê bình văn học dân tộc vốn còn nhiều giới hạn

1. Xem Cao Thị Hồng: *Lý luận phê bình văn học - đổi mới và sáng tạo* (phần phụ lục), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013.

so với nền phê bình hiện đại của thế giới. Việc tiếp nhận văn hóa thế giới, trong đó có các trường phái lý luận, phê bình văn học đã tạo điều kiện cho các nhà lý luận, phê bình thời kỳ đổi mới những cảm hứng sáng tạo. Đây là tiền đề tạo những bước nhảy vọt trong tiến trình vận động và phát triển của tư duy lý luận, phê bình văn học thời kỳ đổi mới mà biểu hiện rõ nhất là việc ra đời hàng loạt tác phẩm ứng dụng lý thuyết văn học phương Tây vào tìm hiểu các hiện tượng văn học như đã nêu trên. Rõ ràng, nhờ công cuộc đổi mới, việc mở rộng biên độ tiếp nhận văn hóa phương Tây được chú trọng, đời sống phê bình văn học thời kỳ này đã thật sự khởi sắc theo hướng phát triển ngày càng đa dạng, phong phú. Tình hình này đã khắc phục bệnh công thức, giản đơn của phê bình văn học thời kỳ tiền đổi mới, góp phần đổi mới nhận thức trong tư duy lý luận, phê bình, làm thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, cách thẩm định giá trị của các hiện tượng văn học, tạo nên một đời sống lý luận, phê bình sinh động, phong phú, dân chủ, cởi mở, trên tinh thần đối thoại, bình đẳng, tránh được lối “phê bình quyền uy” và là điều kiện tất yếu để nền lý luận, phê bình văn học dân tộc phát triển bền vững trong xu thế toàn cầu hóa của thời kỳ hội nhập. Đây không chỉ là thành tựu quan trọng của lý luận, phê bình văn học thời kỳ đổi mới mà còn là một hệ giá trị vô cùng ý nghĩa góp phần khẳng định sự đúng đắn trong đường lối đổi mới của Đảng về việc lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật trong thời kỳ hội nhập và phát triển của đất nước.

Sự tiếp nhận các trường phái lý thuyết văn học phương Tây, cũng như sự ứng dụng các hệ hình lý thuyết này vào việc nghiên cứu phê bình các hiện tượng văn học đã làm cho

đời sống văn học thời kỳ đổi mới thật sự khởi sắc. Song, ảnh hưởng của nó không chỉ trong lý luận, phê bình mà còn tác động đến lĩnh vực sáng tác. Điều đó có thể minh chứng qua hàng loạt tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ được viết dưới một hệ hình tư duy mỹ học mới đem đến sự hồi sinh cho nền văn học dân tộc và thu hút sự tiếp nhận của công chúng văn học. Đó là những tác phẩm: *Nợ nước mắt* của Trang Thế Hy; *Thời xa vắng* của Lê Lựu; *Ăn mày dã vắng* của Chu Lai; *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân; *Con đường xuyên rừng, Con giông, Sông nước Vầm Nao* của Lê Văn Thảo; *Bến không chồng* của Dương Hướng; *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; *Vẫn là binh nhất* của Trần Văn Tuấn; *Đối chiến* của Khuất Quang Thụy; *Những ngôi sao trái đất dòng sông, Bi kịch nhỏ* của Lê Minh Khuê; *Hồ Quý Ly, Đội gạo lên chùa, Mẫu thương ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh; *Để tặng một giấc mơ* của Lâm Thị Mỹ Dạ; *Mảnh vỡ của đàn ông, Người đứng một chân, Lũ con hoang, Họ trở thành nhân vật của tôi, Cõi người rung chuông tận thế, Nhũng đứa con rải rác trên đường* của Hồ Anh Thái; *Tướng về hưu, Con gái thủy thần, Nhũng ngọn gió Hua Tát, Huyền thoại phố phường* của Nguyễn Huy Thiệp; *Vào cõi, Nhũng đứa trẻ chết già, Thoạt kỳ thủy, Mình và họ* của Nguyễn Bình Phương; *Viết tên trên nước* của Nhật Chiêu; *Cơ hội của chúa, Khải huyền muộn* của Nguyễn Việt Hà; *Cát đợi, Hậu thiên đường, Phù thủy, Nào, ta cùng lãng quên, Thành phố đi vắng* của Nguyễn Thị Thu Huệ; *Sự mất ngủ của lửa* của Nguyễn Quang Thiều; *Khát, Linh* của Vi Thùy Linh; *Lô Lô* của Lý Hoàng Ly; *Xuân từ chiêu* của Y Ban; *Đêm tái sinh, Từ dụ thái hậu* của Trần Thùy Mai; *Tường thành* của Võ Thị Xuân Hà;

Gia phả mùi rơm rạ của Thu Trân; *Thế giới xô lệch* của Bích Ngân; *Trong cơn lốc xoáy* của Trần Hương; *Ngọn đèn không tắt*, *Cánh đồng bất tận*, *Gió lẻ*, *Yêu người ngóng núi* của Nguyễn Ngọc Tư; *Chúa đất* của Đỗ Bích Thúy ...

Như vậy, với việc ứng dụng lý thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại vào tìm hiểu nhiều hiện tượng văn học, các nhà lý luận, phê bình thời kỳ đổi mới đã thổi vào đời sống văn học một luồng sinh khí góp phần tạo ra những giá trị mới cho nhiều tác phẩm văn học của dân tộc, tạo nên một bức tranh đa sắc màu cho đời sống lý luận, phê bình. Vì vậy, khi bàn về ảnh hưởng của phương Tây đối với đời sống văn học, Phan Trọng Thủởng cho rằng chính quá trình tiếp xúc và giao lưu với phương Tây “đã diễn ra một sự thanh lọc, một tinh thần hội nhập theo xu hướng hiện đại, khiến cho màu sắc áp đặt đã bị tước bỏ để còn lại ý thức chủ động tiếp thu, chủ động cải biến những sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật vốn gốc gác từ bên ngoài thành một thành tố mới của văn hóa, văn học, nghệ thuật mỗi nước. Quá trình này biểu hiện tinh thần không chối từ, tinh thần tích hợp những giá trị văn hóa, nghệ thuật nhân loại để làm phong phú thêm cho gia tài văn hóa phương Đông”¹. Thiết nghĩ, đây cũng là ý kiến có cơ sở khoa học, xác quyết vai trò của việc tiếp nhận lý thuyết văn học phương Tây, như một giải pháp hữu hiệu để phát triển văn học nước nhà, trong đó có nền lý luận, phê bình thời kỳ hội nhập.

1. Dẫn theo Hà Minh Đức, Trương Đăng Dung, Phan Trọng Thủởng (Chủ biên): *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.222.

Nhận thức sâu sắc tinh thần đổi mới tư duy mà Đảng đã phát động từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI năm 1986, đặc biệt là từ khi có Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị về *đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*, cùng với Chỉ thị số 82-CT/TW ngày 15/4/1986 của Ban Bí thư về *công tác tư tưởng*; Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 08/6/1989 của Ban Bí thư về *việc đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật*, các nhà văn, nhà lý luận, phê bình đã tiếp nhận các trường phái lý thuyết văn học phương Tây và đây chính là tiền đề mở ra những chân trời sáng tạo mới cho văn học nước nhà trên hành trình hội nhập với thế giới.

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới lý luận, phê bình văn học và thực tiễn sáng tác văn học, thiết nghĩ đã đến lúc cần phải nghiên cứu một cách thấu đáo, khách quan, khoa học thành tựu của lý luận, phê bình văn học nước nhà trong những năm đầu thế kỷ XX cũng như thời kỳ đổi mới từ sự tiếp nhận lý thuyết văn học hiện đại phương Tây để tìm ra những bài học cần thiết cho sự phát triển nền phê bình văn học nước nhà trong thời kỳ hội nhập. Và theo chúng tôi, đây là một trong những giải pháp cơ bản nếu không muốn nói là tất yếu để phát triển nền lý luận, phê bình văn học dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa mà những thành tựu của lý luận, phê bình thời kỳ đổi mới là một xác chứng không thể phủ nhận. Bởi, nói như Nguyễn Khoa Điềm trong bài phát biểu kết luận hội nghị lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật toàn quốc: “Dù đất nước đã mở cửa

nhưng việc khai thác thành quả của lý luận hiện đại thế giới cũng như truyền thống lý luận của dân tộc lại chưa được nghiên cứu đầy đủ, có hệ thống”¹. Không những thế, theo Lộc Phương Thủy: “Việc giới thiệu, dịch thuật các tác phẩm học thuật nước ngoài ở Việt Nam còn chưa được bao nhiêu. Cần phải mở nhiều ô cửa ra thế giới tham khảo kinh nghiệm”². Vì vậy, cần “Tổ chức nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc thành quả lý luận văn học, nghệ thuật của ông cha ta và của thế giới, vận dụng sáng tạo, làm phong phú lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện đại”³.

Và đây cũng là một trong những giải pháp cần thiết có tính tất yếu để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa nền lý luận, phê bình văn học dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về *tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*. Để phát triển nền lý luận, phê bình văn học nước nhà phù hợp với quy luật vận động và phát triển của lý luận, phê bình văn học trên thế giới, việc tiếp nhận lý thuyết văn học phương Tây có thể được xem là một giải pháp mang tính tất yếu. Song, trong quá trình tiếp nhận các lý thuyết này, chúng ta cần phải có sự chọn lọc một cách khoa học, chỉ tiếp thu

1. Nguyễn Khoa Điềm: “Phát biểu kết luận hội nghị lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật toàn quốc”, Tạp chí *Nhà văn*, số 4/2006, tr.62.

2. Lộc Phương Thủy: “Tác động của lý luận văn học nước ngoài đối với lý luận văn học Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 1/2005, tr.17.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.657.

những tinh hoa từ các lý thuyết này để không ngừng hiện đại hóa nền lý luận, phê bình văn học dân tộc. Bởi, bất cứ một lý thuyết nào dù “ưu việt” đến đâu cũng có những giới hạn nhất định của nó mà trách nhiệm của các nhà lý luận, phê bình là phải tỉnh táo để nhận ra những giới hạn đó, có như vậy mới mong phát triển nền lý luận, phê bình văn học nước nhà một cách bền vững, góp phần giữ gìn bản sắc của “dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc” trong dòng chảy của văn hóa nhân loại.

KHUYNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA TRONG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

TS. TRẦN THỊ NGỌC ANH
PGS.TS. NGÔ THỊ THANH QUÝ

Văn học, nghệ thuật cùng với triết học, tôn giáo, phong tục, đạo đức... là những bộ phận hợp thành của cấu trúc văn hóa. Lịch sử nghiên cứu về văn hóa học đã hình thành và phát triển rất sớm trên thế giới với nhiều công trình tiêu biểu như: E.B. Tylor trong cuốn *Văn hóa nguyên thủy* xuất bản năm 1871 đến những nghiên cứu của M. Bakhtin về văn hóa, văn học trong những công trình tiêu biểu của ông như *Sáng tác của François Rabelais và văn hóa dân gian thời Trung cổ và phục hưng* (1965) đã khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa văn hóa và văn học. Trong cuốn *Xã hội học văn hóa*, tác giả Đoàn Văn Chúc đã viết: “Văn hóa - vô sở bất tại” (Văn hóa - không nơi nào không có). Điều này cho thấy tất cả những sáng tạo của con người trên nền của thế giới tự nhiên là văn hóa; nơi nào có con người nơi đó có văn hóa. Văn hóa và văn học là hai lĩnh vực đặc biệt của đời sống. Hai khái niệm này hay xuất hiện cùng nhau vì trong thực tế chúng có mối quan hệ chặt chẽ, thúc đẩy và bổ sung cho nhau cùng phát triển. Văn học có khả năng biểu hiện,

phản ánh văn hóa; được coi là tấm gương soi chiếu văn hóa. Văn hóa tác động đến văn học không chỉ ở đề tài mà còn ở toàn bộ lĩnh vực hoạt động sáng tạo của nhà văn và quá trình lĩnh hội của độc giả. Bản thân nhà văn sáng tạo ra thế giới nghệ thuật của mình là một sản phẩm văn hóa, sản phẩm đó được kết tinh thành những tác phẩm văn học. Người đọc, qua các sáng tác văn học cũng được rèn luyện về thị hiếu thẩm mỹ trong một môi trường văn hóa nhất định. Chính không gian văn hóa này chi phối cách xử lý đề tài, thể hiện chủ đề, xây dựng hình tượng nhân vật, sử dụng thủ pháp nghệ thuật... trong quá trình sáng tác của người nghệ sĩ; đồng thời cũng chi phối cách phổ biến, đánh giá, thưởng thức, phê bình... trong quá trình tiếp nhận. Một nền văn hóa mở, không bị bó hẹp mới có thể tạo điều kiện thuận lợi cho văn học phát triển. Vì vậy, có thể nói văn học là thước đo vừa đưa ra nhận định, vừa kiểm nghiệm chất lượng và trình độ văn hóa của một xã hội trong một thời điểm lịch sử nhất định, trong đó con người đóng vai trò là kiểm chứng, quyết định đào thải hay tiếp nhận các sản phẩm kết hợp văn hóa - văn học. “Văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa. Không thể hiểu nó ngoài cái mạch nguyên vẹn của toàn bộ văn hóa của một thời đại trong đó nó tồn tại” (M. Bakhtin). Văn học chính là gương mặt ngôn từ của văn hóa. Mặt khác, văn hóa học với tư cách là khoa học nghiên cứu văn hóa trong tính thống nhất, đa dạng của nó không thể không quan tâm đến văn học - một trong những bộ phận nhạy cảm và trọng yếu của văn hóa, nhất là đối với những nền văn hóa mà văn học đóng vai trò đặc biệt quan trọng như văn hóa Việt Nam.

Dựa trên tinh thần đó, nhiều nhà nghiên cứu đã căn cứ vào những dữ liệu văn học để tìm hiểu bức tranh văn hóa của một thời đại. Nói cách khác, thực tiễn văn học có thể cung cấp những cứ liệu đáng tin cậy cho khoa nghiên cứu văn hóa. Văn hóa trở thành nền tảng tinh thần quan trọng của xã hội. Văn học lại là phương tiện phản ánh đời sống xã hội thông qua nghệ thuật xây dựng tác phẩm của nhà văn. Chính vì vậy, có thể nói văn học là tấm gương phản ánh văn hóa. Nếu văn hóa chỉ phối hợp hoạt động và sự phát triển của văn học thì ngược lại, văn học cũng tác động đến văn hóa, có thể tác động trực tiếp trên mọi phương diện hoặc thông qua những bộ phận hợp thành khác của nó. Những nhà văn tiên phong của dân tộc bao giờ cũng là những nhà văn hóa lớn. Bằng nghệ thuật ngôn từ, họ đấu tranh, phê phán những biểu hiện phản văn hóa, đồng thời khẳng định những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Và dù là phản ứng trước những vấn đề văn hóa tiêu cực hay góp phần làm phát triển nền văn hóa, giới trí thức sáng tác, nghiên cứu luôn là những người tiên phong mở ra hướng nhìn về sự đổi mới của văn hóa dân tộc, đổi mới nhưng vẫn luôn giữ gìn được bản sắc riêng, hòa nhập nhưng không hòa tan.

Vấn đề về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa và văn học đã được Đảng quan tâm từ ngay trong *Đề cương văn hóa Việt Nam* của Trường Chinh. Tuy nhiên, do bối cảnh chính trị xã hội mà một giai đoạn dài sau đó đến những năm trước đổi mới, lý luận, phê bình văn học tập trung giúp Đảng nghiên cứu và tổ chức đi vào thực tiễn văn học bình diện chính trị với nhiệm vụ vạch ra và chuẩn hóa các vấn đề về chức năng, tác dụng của văn học. Mặt khác, *Đề cương văn hóa Việt Nam*

cũng chủ yếu đề cập đến tư tưởng, học thuật và nghệ thuật. Từ *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), văn hóa mới được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm hết thảy những lĩnh vực của cuộc sống, cả vật chất và tinh thần¹.

Sau đổi mới, Đảng càng chú trọng đặc biệt đến việc phát triển hướng nghiên cứu văn hóa trong văn học, nghệ thuật. Bởi, trong bối cảnh giao lưu hội nhập, vấn đề bảo tồn và phát triển văn hóa có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Hội nhập quốc tế về văn hóa sẽ thúc đẩy việc nghiên cứu văn hóa và giữ gìn bản sắc dân tộc như một chìa khóa quan trọng thúc đẩy sự phát triển của lý luận, phê bình văn học Việt Nam. Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị (khóa VI) nêu rõ: “Văn hóa và văn học, nghệ thuật có tác dụng to lớn trong việc góp phần thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có chức năng bồi dưỡng đạo đức, tình cảm và năng lực thẩm mỹ cho con người, thỏa mãn những nhu cầu văn hóa ngày càng tăng của nhân dân”². Do đó, “phải xem việc đầu tư cho sự nghiệp văn hóa để phục vụ con người, xây dựng con người mới... có ý nghĩa cơ bản, lâu dài”³. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991) đưa ra một trong những đặc trưng quan trọng của chế độ xã hội chủ nghĩa là

1. Xem Đinh Xuân Dũng: *Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.361.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.48, tr.479, 482-483.

“có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, vì vậy, cần “tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa... kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại”¹. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (1993), Đảng ta cũng khẳng định: “Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mỹ”².

Cho đến nay, văn hóa đã được “nhìn nhận ở chiều sâu nhất của nó, ở những giá trị do nó tạo nên, từ đó trở thành nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển”³ nên tri thức về văn hóa cũng được quan niệm cụ thể hơn thông qua năm nội dung sau: *Thứ nhất*, văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra nhằm mục đích phục vụ cho sự tồn tại và phát triển của con người. *Thứ hai*, văn hóa có mặt trong toàn bộ hoạt động sống của con người, thể hiện trong mọi lĩnh vực thuộc về con người như ngôn ngữ, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật. *Thứ ba*, về bản chất, dù được thể hiện dưới dạng vật chất - vật thể hóa trong các vật dụng hay các khí cụ, các công trình kiến trúc, nhà cửa, trang phục, tiện nghi... hay dưới dạng tinh thần như các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.51, tr.135.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.52, tr.513.

3. Đinh Xuân Dũng: *Văn học, nghệ thuật Việt Nam trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991*, Sđd, tr.374.

nghi lễ, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lý thuyết khoa học... thì thực chất văn hóa vẫn là hoạt động tinh thần, vẫn thuộc về kiến trúc thượng tầng của xã hội và chịu sự quy định của điều kiện kinh tế - xã hội. *Thứ tư*, về mặt cấu trúc, văn hóa không phải là một tập hợp tùy tiện hay ngẫu nhiên của những hiện tượng rời rạc mà là một chỉnh thể mang tính cấu trúc bao gồm các yếu tố có quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau. *Thứ năm*, văn hóa còn chính là những thể chế. Đó là toàn bộ những luật, lệ do cộng đồng xã hội quy định, được các thành viên trong cộng đồng ấy thừa nhận và tự giác thực hiện. Thể chế xã hội phản ánh hệ giá trị mà cộng đồng xã hội ấy lựa chọn, đồng thời nó quy định hệ thống chuẩn mực ứng xử trong xã hội. Không có thể chế, các hoạt động xã hội không thể vận hành được và ngay bản thân xã hội cũng không tồn tại.

Có thể nói, cơ sở chính trị xã hội và những tri thức có được về văn hóa như vậy khiến người ta không thể không thừa nhận sự có mặt của văn hóa trong mọi phương thức biểu đạt về thế giới, về con người, đặc biệt là trong văn học - bộ phận nhạy cảm và tinh tế nhất của văn hóa. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới và hội nhập toàn cầu, người ta nhận ra rằng đằng sau mọi giao lưu, hợp tác chính là sự giao thoa của các nền văn hóa. Văn hóa vừa là cầu nối, vừa là nền tảng cho mỗi quan hệ toàn thế giới. Văn hóa vì vậy trở thành một chiến lược quan trọng trong thực tiễn lý luận, phê bình văn học thời kỳ đổi mới được kiến tạo theo nguyên tắc hội nhập đa phương.

Sự chú trọng đặc biệt đến văn hóa của Đảng thời kỳ đổi mới đã khiến “văn hóa” trở thành một trong những thuật ngữ

có ý nghĩa chiến lược trong lý luận, phê bình văn học hiện nay. Nó tác động một cách mạnh mẽ đến sự lựa chọn chủ đề, lối diễn đạt tiêu biểu trong thực tiễn nghiên cứu văn học. Đồng thời, nó cũng góp phần tạo ra một không gian nghiên cứu đặc thù trong lý luận, phê bình văn học đương đại - không gian văn hóa. Có thể hiểu “không gian văn hóa” như một nội dung kiến tạo mới của lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương đại. Do vậy, thực tiễn nghiên cứu văn học là sự lên ngôi của thuật ngữ “văn hóa” hay “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, “bản sắc dân tộc”, “bản sắc văn hóa”, “tính dân tộc”, “bản sắc Việt Nam”, “nét văn hóa”, “giá trị văn hóa”, “giải mã văn hóa”, “tinh hoa văn hóa”, “biểu tượng văn hóa”, “góc nhìn văn hóa”... Văn hóa, thậm chí đã trở thành một tiêu chí đánh giá quan trọng đối với các tác phẩm văn học mới và là một cái đích không thể không hướng tới của rất nhiều các công trình lý luận, phê bình văn học. Nhờ thế, nghiên cứu văn học từ góc độ văn hóa, dân tộc, giải mã văn học từ mã văn hóa và khẳng định giá trị của nó với bản sắc dân tộc trở nên sôi nổi và phong phú hơn bao giờ hết. Việc tìm hiểu, khám phá các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc trong các tác phẩm văn học cũng được coi là hướng nghiên cứu nhiều tiềm năng, giàu triển vọng của giới nghiên cứu lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương đại. Không những thế, thuật ngữ “văn hóa” trong diễn ngôn cũng trở thành một trong những yếu tố khơi nguồn sáng tạo mới cho các sáng tác đương đại như các tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh, Triều Ân, Mai Văn Phấn...

Theo sát thực tiễn nghiên cứu văn học, đặc biệt là từ thời kỳ đổi mới đến nay, chúng tôi nhận thấy đa phần sự lựa chọn

nội dung nghiên cứu trong lý luận, phê bình bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các quan niệm về văn hóa. Các vấn đề của văn học dân gian, các tác phẩm, tác giả của văn học trung đại, văn học hiện đại đều có những tiếp cận mới từ góc độ văn hóa. Thực tiễn này đã tạo ra một không gian văn hóa phong phú trong lý luận, phê bình cũng như thực tiễn nghiên cứu văn học ngay từ sau thời kỳ đổi mới đến nay.

Tạp chí *Cộng sản* ngay từ thời kỳ đầu đổi mới cũng dành nhiều sự quan tâm đến văn hóa cũng như mối quan hệ giữa văn hóa và văn học. Tiêu biểu như: “Sự nghiệp văn hóa trong chặng đường trước mắt” (Trần Văn Phác - số 5/1986), “Bản sắc dân tộc trong văn hóa và việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa” (Lê Anh Trà - số 7/1986), “Chất lượng nghệ thuật và hiệu quả xã hội của hoạt động văn hóa văn nghệ” (Trần Độ - số 7/1987), “Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về văn học, nghệ thuật, văn hóa” (số 1/1988), “Kinh tế trong văn hóa, văn nghệ - vấn đề bức thiết” (Trần Trọng Đăng Đàn - số 5/1990), “Trách nhiệm xã hội của văn học, nghệ thuật” (Đỗ Kim Thịnh - số 3/1991), “Đề cương văn hóa Việt Nam và chiến lược phát triển văn hóa trong giai đoạn mới” (Thành Duy - số 4/1993)... Các chuyên đề văn học trong các trường chính trị trước đổi mới cũng chuyển thành chuyên đề về văn hóa trong đó văn học là một bộ phận. Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, luận văn tốt nghiệp đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ ngành Ngữ văn cũng dành nhiều sự lựa chọn cho việc tìm hiểu các giá trị và bản sắc văn hóa, bản sắc dân tộc trong văn học. Rất nhiều hội thảo, hội nghị lớn nhỏ trong cả nước và quốc tế đã chọn “văn hóa” như một giải pháp nghiên cứu hấp dẫn, hiệu quả.

Các nghiên cứu chuyên sâu như *Văn hóa và đổi mới* (Phạm Văn Đồng); *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới* (Phan Ngọc); *Văn hóa - nguồn mạch sáng tạo khám phá văn chương* (Nguyễn Văn Hạnh); *Văn chương, thẩm mỹ và văn hóa* (Lê Ngọc Trà); *Động lực dân tộc và thực tiễn sáng tạo văn hóa, nghệ thuật* (Thành Duy); *Văn học trung đại Việt Nam dưới cái nhìn văn hóa* (Trần Nho Thìn); *Văn hóa, văn học - tiếp nhận và suy nghĩ* (Đinh Xuân Dũng); *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học* (Nguyễn Bá Thành); *Từ cái nhìn văn hóa* (Đỗ Lai Thúy); *Cảm nhận về văn hóa và văn học trong hành trình đổi mới* (Nguyễn Duy Bắc); *Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học* (Đỗ Thị Minh Thúy); *Giải mã văn học từ mã văn hóa* (Trần Lê Bảo)... cũng đã và đang góp phần thực tiễn hóa một cách sống động về sự tương tác giữa văn hóa và văn học thời kỳ đổi mới và hội nhập. Bối cảnh toàn cầu hóa đã khiến cho việc lựa chọn các nghiên cứu về văn hóa trong văn học không thể chỉ dừng lại ở những quan niệm, định hướng chung chung mà là những vấn đề cụ thể, những khía cạnh văn hóa chân thực hiện hữu trong đời sống thường nhật. Nói cách khác, văn hóa cần phải được nhìn nhận trong tính cụ thể, sinh động chứ không phải chung chung, siêu hình.

Như vậy, thuật ngữ “văn hóa” hiện đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống thuật ngữ, khái niệm của diễn ngôn lý luận, phê bình văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Nó tham gia trực tiếp vào việc “điều khiển” các hoạt động nghiên cứu văn học trong thực tiễn và khiến cho việc lựa chọn chủ đề cũng như mục đích nghiên cứu văn học của lý luận, phê bình đương đại không thể không tính đến sự có

mặt của văn hóa cũng như tác động của nó đến văn học. Thêm vào đó, cơ chế văn hóa nghệ thuật mới của Đảng cũng là điều kiện thuận lợi và động lực cổ vũ mạnh mẽ cho lý luận, phê bình văn học trong nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa và văn học. Quyền lực của tri thức cùng với bối cảnh chính trị xã hội làm cho thuật ngữ “văn hóa” trở thành thuật ngữ có sức thu hút sự chú ý đặc biệt trong lý luận, phê bình văn học hiện đại.

Hơn thế, sự xuất hiện của nhiều lý thuyết văn học mới đã trực tiếp tạo đà cho việc phát triển các hoạt động nghiên cứu văn học trong môi trường văn hóa như ký hiệu học, phê bình sinh thái, diễn ngôn... thậm chí còn có ngành văn hóa học, dân tộc học, trường văn hóa. Người ta kinh doanh “văn hóa”, sưu tầm “văn hóa” và đương nhiên không thể không nghiên cứu “văn hóa” một cách đặc thù. Thực tiễn trên vừa đáp ứng hiệu quả yêu cầu hội nhập văn hóa toàn thế giới vừa có tác dụng mở rộng khả năng nghiên cứu liên ngành, liên tri thức của lý luận, phê bình văn học.

Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy những thuật ngữ về văn hóa trong các nghiên cứu văn học hiện nay chưa thể hiện được một cách biện chứng mối quan hệ hai chiều giữa văn hóa với văn học, chưa phát huy tận độ tiềm năng văn hóa trong văn học, giá trị của văn học trong văn hóa vẫn chưa được khai thác thỏa đáng. Quyền lực “văn hóa” trong thực tiễn nghiên cứu rất mạnh nhưng nó mới chủ yếu đáp ứng về cơ bản nhu cầu phát triển văn hóa mà chưa cân bằng trong phát triển lý luận, phê bình văn học nói riêng và văn học nói chung. Bên cạnh đó, trong khi sử dụng “văn hóa” làm một phương tiện nghiên cứu trong văn học chúng ta cũng đã gặp

không ít khó khăn. Việc tập trung vào nhiều nội dung văn hóa trong văn học đang làm cho việc nghiên cứu các vấn đề của bản thân văn học bị hạn chế, ít được khuyến khích. Bởi hiện nay, khi xét duyệt đề tài, dự án các cấp, việc quá ưu ái cho các vấn đề liên quan đến văn hóa đã làm cho những vấn đề của riêng văn học ít có cơ hội đầu tư nghiên cứu. Mặt khác, trong khả năng phát triển của lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương đại, chúng tôi nhận thấy, việc chủ trương phát triển một nền lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại, khoa học và mang đậm bản sắc dân tộc cần được khai thác, phát huy mạnh mẽ và cụ thể hơn nữa. Bởi, từ thời kỳ đổi mới đến nay, trong quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật và cả ở đời sống xã hội, thuật ngữ “bản sắc Việt Nam”, “màu sắc Việt Nam” hay “bản sắc dân tộc”, “tinh thần dân tộc”... đã trở nên rất quen thuộc. Nhưng để lý giải và cắt nghĩa một cách cụ thể thì chưa thấy ai đưa ra được định nghĩa đầy đủ. Vì thế mà thực tiễn sử dụng các thuật ngữ này dường như cũng rất mơ hồ, chung chung và không phải lúc nào cũng phát huy hiệu quả. Do đó, mặc dù có những biến đổi to lớn, nhưng các giá trị văn hóa được lý luận, phê bình văn học Việt Nam khai thác theo nguyên tắc hội nhập, đa phương cũng vẫn tồn tại những hạn chế và khiếm khuyết nhất định. Những hạn chế đó ngoài các nhân tố chủ quan cũng là những tất yếu khách quan trong điều kiện còn non trẻ của lý luận, phê bình văn học Việt Nam đương đại. Nhưng, có lẽ cũng vì thế mà nó trở thành khả năng và động lực chính cho mọi sự phát triển tiếp theo của văn học cũng như lý luận, phê bình văn học trong thời đại hội nhập và toàn cầu hóa.

Trong xu hướng toàn cầu hóa, việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là điều hết sức cần thiết. Văn hóa truyền thống các dân tộc là những giá trị vật chất, tinh thần được kết tụ, giữ gìn trong toàn bộ quá trình lịch sử phát triển của từng dân tộc. Văn hóa - văn học có vai trò quan trọng trong việc định hướng cho cuộc sống của con người và xã hội. Thông qua văn học, người ta tìm thấy những giá trị văn hóa truyền thống và cả những giá trị văn hóa hiện đại. Từ những giá trị ấy để đánh giá trình độ, lối sống, phẩm chất của cộng đồng dân tộc. Giữa văn học và văn hóa có mối quan hệ hữu cơ mật thiết. Cùng với những cách tiếp cận văn học bằng xã hội học, mỹ học, thi pháp học... cách tiếp cận văn học dưới góc nhìn văn hóa giúp chúng ta lý giải trọn vẹn hơn tác phẩm nghệ thuật với hệ thống mã văn hóa được bao hàm trong từng tác phẩm. Những yếu tố văn hóa liên quan đến thiên nhiên, địa lý, lịch sử, phong tục, tập quán, ngôn ngữ... có thể được vận dụng để cắt nghĩa những phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm. Nó cũng có thể góp phần lý giải quan niệm sáng tác, con đường hình thành và lưu giữ tác phẩm văn học. Tiếp cận văn học dưới góc nhìn văn hóa góp phần giải thích một số hiện tượng văn hóa đời sống, nét đặc trưng của một số nền văn hóa từ thời đại trước; từ đó đưa ra được những nhận định về nhân vật, cách giải quyết vấn đề của người sáng tác, tâm lý chung của độc giả...

Tiếp cận văn học dưới góc nhìn văn hóa sẽ góp phần tìm ra mối liên hệ giữa tác phẩm văn học với văn hóa thời đại, với đời sống xung quanh. Văn học sẽ trở nên gần gũi và dễ tiếp nhận hơn nếu dấu ấn văn hóa trong tác phẩm văn học được quan tâm giải mã.

Có thể khẳng định rằng, sự mở rộng sang phạm vi văn hóa là bước chuyển biến hợp lý, hiệu quả của lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại. Sự chuyển hướng này cũng phù hợp với sự phát triển chung của việc nghiên cứu văn hóa cũng như tác động hay giá trị của nó đối với văn học và ngược lại trong học thuật. Tri thức khoa học xã hội đang chuyển biến theo hướng nghiên cứu các giá trị văn hóa và ngày càng mở rộng được khả năng của nó trong việc lý giải các vấn đề của văn học. Nó cũng là một kênh quan trọng để Việt Nam có dịp quảng bá văn hóa nước nhà ra thế giới. Đồng thời, cũng từng bước khai thác tiềm năng văn hóa phục vụ cho ngành công nghiệp không khói, làm lợi cho kinh tế nước nhà. Do đó, trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, chiến lược chú trọng đến văn hóa trong lý luận, phê bình văn học đã góp phần mở rộng phạm vi đề tài nghiên cứu văn học, cho phép chúng ta nhìn văn học ở nhiều góc độ, chân thực và sáng tạo hơn. Đồng thời, nó cũng giúp cho quá trình hội nhập toàn cầu của văn hóa, văn học nói chung, lý luận, phê bình văn học nói riêng được đúng hướng và hiệu quả hơn, góp phần vào việc thực hiện các chính sách về văn hóa, văn học mà Đảng ta đề ra.

THỦ HÌNH DUNG DIỆN MẠO PHÊ BÌNH

MẤY CHỤC NĂM QUA

VĂN CHINH

Ở tiểu luận “Đọc lại Nguyễn Trí Huân”, tôi đã mở đầu thế này:

Trong văn chương, sáng tác và phê bình nhiều khi so le, ngay cả người lạc quan nhất về phê bình cũng không thể chỉ căn cứ vào diện mạo phê bình để hình dung ra diện mạo của nền văn học là đối tượng của nó. Sự so le, không bắt kịp đà tiến/thoái; thỉnh thoảng kêu rên văn học không có gì hoặc ngược lại, rõ lên một “hiện tượng” văn chương khá đinh đám nhưng thời gian như sóng sau đè sóng trước, những “hiện tượng” cũng theo bọt sóng tan biến mất, ấy là sự so le mắc thêm chứng phê bình cánh hẫu và căn bệnh này càng trầm kha khi yếu tố thị trường xen vào các mối quan hệ, góp phần đưa đến cho bạn đọc một diện mạo méo mó. Tại hội thảo về một nhà thơ, nhà thơ Hữu Thỉnh nói: “Có một cánh đồng bất tận các bài phê bình về các tác giả lớn, tác phẩm lớn. Nhưng rút cuộc thì nhà văn lớn ấy, tác phẩm lớn ấy đâu?”.

Sự so le trong phê bình là đường dẫn đến bất công trước khi làm méo diện mạo của sáng tác trong hình dung của

bạn đọc. Khi tất cả xôn xao trước cơn mưa truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, nhiều bài phê bình chỉ viết về một truyện ngắn thì một tác phẩm quan trọng và khả dĩ làm vinh dự cho bất cứ người cầm bút nào là *Mảnh vườn xưa hoang vắng* của Đỗ Chu bị “cho qua” - bài phê bình hơn một ngàn chữ của tôi in ở chân trang của báo *Văn nghệ* bị át đi thảng thừng.

Sự so le của phê bình cũng đôi khi do sự so le giữa lý luận và thực tiễn đời sống. Hệ lụy của sự so le này là, nhiều tác phẩm đi giữa đường biên của đúng/sai so với thước đo lý luận sẽ thường bị lờ đi bởi các nhà phê bình vốn sợ tai bay vạ gió. Hoặc chúng sẽ bị chụp ngay cho cái mũ “bôi đen” như với nhân vật cấp tiểu đoàn “hồi chánh” (làm gì có cán bộ quân đội cách mạng mà hàng giặc?) trong *Đất trăng* của Nguyễn Trọng Oánh hay với *Huế, mùa mai đỗ* của Nguyễn Xuân Thiều bị coi là nhắc quá nhiều đến chết chóc thương đau.

Vâng, tôi vừa chạm đến nguyên nhân thứ nhất khiến cho phê bình so le tiêu cực với sáng tác. Nguyên nhân của nguyên nhân này là chúng ta cứ mặc nhiên coi Việt Nam không có lý luận văn học (?) không coi Lê Quý Đôn, không coi Nguyễn Trãi như một mẫu mực thơ tượng trưng và *Truyện Kiều* không có phẩm chất giáo khoa thư về thân phận con người. Rút cuộc, người xưa lấy Đường Hán làm mực thước, gần hơn thì lấy văn chương lãng mạn Pháp làm thầy, gần hơn nữa thì lấy Liên Xô - Trung Quốc làm kim chỉ nam cho hệ lý luận, còn bây giờ là phương Tây cho có vẻ hội nhập. Chúng ta nhập cảng từ phương Tây những khái niệm ở rất xa văn chương, chẳng hạn *phê bình sinh thái, phê bình giới* bất chấp bà Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương từng làm

rung động lòng người đã mấy trăm năm qua còn trong tâm thức Việt, thờ cúng cây đa, cây cầu, con suối, con sông, cửa biển, cá Ông Voi... đã là bản sắc tâm linh Việt, lại được giáo lý nhà Phật vun đắp mấy nghìn năm. Đúng là trong làn sóng văn minh vật chất kết hợp với tính vô thần hiện đại đã khiến một số người trở thành “lâm tặc”, “môi trường tặc”, nhưng đó trước hết là việc của chính trị, của luật pháp.

Tôi xin mở một cái ngoặc để nói rõ quan niệm của mình về văn chương. Văn chương và các nhà văn đều có bốn phận đồng hành cùng dân tộc, nhà văn trước hết là con của nước. Nhưng để phụng sự dân tộc, văn chương trước hết phải là nó đã. Một *Truyện Kiều* vừa làm danh giá người nước Việt vừa góp phần nuôi dưỡng tâm hồn người Việt hàng trăm năm qua. Giả dụ, “nó dựa vào cốt chuyện Tàu, nhưng là của một anh Tàu dốt” (Ngô Đức Kế) mà nó không hay, tức là văn chương không hay, thì giá trị không hơn một cái bánh đa ẩm. Chỉ khi thật là văn chương, nó mới có ích cho dân cho nước.

Do nhất mực tin vào hệ thống lý luận nhập cảnh, đến khi hệ thống sản sinh ra hệ lý luận ấy sụp đổ, chúng ta đã không ngay lập tức xác lập hệ lý luận mới trên nền tảng của lý luận bản địa - nằm trong các tác giả cổ điển có tham chiếu với các tác giả kinh điển của nhân loại. Chúng ta thấy quê hương của *Phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa* sụp đổ, vội quên luôn luận điểm nổi tiếng của Lê-nin: “Không có sách thì không có tri thức, không có tri thức (mà tôi hiểu là lý luận) thì không có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”. Tôi nhớ cách đây gần 30 năm, tại Đại hội IV Hội Nhà văn Việt Nam, trong diễn văn chào mừng Đại hội, đồng chí Đỗ Muời đã nhấn mạnh: Tôi nghe các nhà văn băn khoăn nên bở

hay tiếp tục phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tôi nghĩ phương pháp nào không quan trọng. Miễn cứ viết hay là được. Đáng yêu cầu các đồng chí viết hay. Tôi yêu cầu các đồng chí viết hay!. Rất tiếc một vấn đề lý luận quan trọng này đã không được mấy ai coi trọng. Mặt khác, chúng ta lại vội vã du nhập về các lý thuyết xa lạ với tư duy sáng tạo của người Việt. Rồi các nhà phê bình nhăm nhăm mang các thước đo (khái niệm) của hệ lý thuyết ấy, ví dụ của hậu hiện đại áp vào các tác phẩm sáng tác theo phương pháp hiện thực phê phán. Vâng, trên thực tế là sau phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, các nhà văn ta phần lớn theo hiện thực phê phán, y như thể đi mãi, khi biết là sai đường thì lập tức quay ngược lại.

Tôi hằng tin, tiên sư của nghề văn nước nhà là cụ Nguyễn Du đã chỉ chuyên chú vào thân phận con người. Cụ thành công đến nỗi, bao nhiêu nhà lý luận, phê bình khoác cho Kiều “cái bành tô” đấu tranh giai cấp, trao cho nàng những “ngọn tầm vông chống phong kiến”, đội cho nàng lúc thì “cái mũ xung thiên chống trời”, lúc thì mũ ni sư ngồi chép kinh; ấy vậy mà, khi rũ bỏ tất cả những thứ ấy, nàng vẫn cứ là nàng - một thân phận người trong cõi nhân sinh muôn thủa.

Tôi đưa Kiều ra làm một ví dụ, vì nàng là chị Lớn trong ngôi nhà của các nhân vật văn chương, những Xuân tóc đỏ, Chí Phèo, Thị Nở, với những em út như chị Quy (*Chim én bay*), nhân vật tổ trưởng, nhân vật trí thức (*Đi về nơi hoang dã*) và những phi tần, công chúa bị nghiền nát bởi cối xay đá âm mưu quyền lực trong *Con chim phụng cuối cùng* của Nguyễn Thị Kim Hòa... Những thân phận người khiến ta huyền náo tâm can nhưng đã không có nổi lấy một bài phê

bình xứng đáng. Trong khi nền văn học trước đây ngợi ca những *thiên thực lục tiền/ chính biên* thì nay nghiêng hẳn sang phê phán hiện thực, cũng là một dạng thực lục; còn phê bình trước đây ngợi ca những *Cái sân gạch, Đất làng, Dấu chân người lính...* thì bây giờ ngợi ca những *Mối chúa, Cha con và lửa đắng...* Những tác phẩm rất ít thân phận người.

Nguyên nhân thứ hai của phê bình so le với sáng tác là năng lực đọc văn của nhà phê bình. Có thể nói, hầu hết các nhà phê bình đều học Ngữ văn, hầu hết những người học Ngữ văn đều có năng khiếu văn chương, có năng khiếu văn chương trước hết là năng lực đọc hiểu tác phẩm. Vậy tại sao tôi cả gan nói một số nhà phê bình, những cử nhân, tiến sĩ Ngữ văn nào đó bị hạn chế về năng lực đọc? Tôi có chứng cứ. Gần đây, trên facebook xuất hiện hàng loạt nhà phê bình, nhà văn phản đối đưa *Chiếc thuyền ngoài xa* vào sách giáo khoa, vì coi nó là đề cao một tác phẩm viết về bạo hành gia đình. Lại cũng nhiều nhà phê bình và nhà văn phản đối truyện ngắn *Bắt đầu và kết thúc* của Trần Quỳnh Nga. Truyện được dẫn dắt qua độc thoại nội tâm Công chúa An Tư những ngày ở trong trướng của Thoát Hoan, cô nhớ lại những ngày Hoàng tử anh cô là Trần Ích Tắc yêu thương dạy dỗ (ông này nuôi dạy các ông Mạc Đĩnh Chi gồm 20 người thành tài và đều được nhà Trần trọng dụng). An Tư là con vua Trần Thánh Tông với nàng hầu (chưa có danh phận), bị triều đình bỏ rơi ở Hưng Hà, Thái Bình. Khi mẹ mất, người ta báo về triều và Hoàng tộc đưa về nuôi; khi cần làm giảm bước ngựa phi của giặc, triều đình đem nàng gả cho Thoát Hoan. Giữa nơi xu phụ quyền lực, mặc dù mang danh công chúa nhưng cô bơ vơ, chỉ được Trần Ích Tắc vốn là kẻ văn nhân nhạy cảm

với thân phận con người chăm sóc. Những ngày ở với Thoát Hoan, cô không nhớ ông ấy thì nhớ ai? Cô mường tượng rằng ông ấy hàng giặc là trá hàng, như thân phận cô mà thôi. Đó là chân lý nghệ thuật, khi lâm vào hoàn cảnh khốn nạn, người ta chỉ nhớ đến người yêu thương mình nhất và nếu người ấy bị coi là kẻ ác, thì trong lòng kẻ hám ơn cũng chỉ muốn cất nghĩa sao cho ít ác đi. Tinh thần của truyện không chiêu tuyển cho ai cả, nó chỉ muốn nói với giặc một điều: Hỡi giặc, hãy buông giáp sắt, mặt nạ sắt mà đến xứ sở tuyệt đẹp này và nếu người xứng đáng, người sẽ nhận được tình yêu của ta. Và khi Thoát Hoan (bị thua, bó buộc) buông khí cụ chiến tranh, cảm thán rằng, ta sẽ mang nàng đi, đến nơi không giết chóc, nơi chỉ còn ta với nàng; An Tư đã tình nguyện đi cùng. Đây là một truyện ngắn hay, ý tứ minh bạch, rõ ràng. Nhưng nó đã bị nhiều nhà văn, nhà phê bình coi là truyện xấu, là truyện ca ngợi thắng giặc đẹp trai và chiêu tuyển cho Trần Ích Tắc - trong khi hầu hết những trang viết về ông này nhà văn chỉ lấy chất liệu từ *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Ở trên, tôi đã xác quyết rằng các nhà văn, các nhà Ngữ văn học đều có năng khiếu văn chương. Chỉ vì định kiến nên hễ ai viết khác đi đều chụp cho cái mũ đầy mặc cảm, hoặc bôi đen như viên cán bộ tiểu đoàn chiêu hồi của Nguyễn Ngọc Oánh, như chiến thắng Mậu Thân oanh liệt thế không thể đổ máu bi thảm đến thế của Xuân Thiều, như trường hợp của Nguyễn Ngọc Tư hay chính trị hóa câu chuyện của Trần Quỳnh Nga mới đây. Phải chăng, cứ chính trị hóa là tiện hơn cả. Nhà nghiên cứu văn học Lại Nguyên Ân có đưa ra khái niệm *phê bình quan phương* có chỗ là *phê bình quyền uy*.

Và khi so sánh cách người ta phê bình Nguyễn Trọng Oánh, Xuân Thiều, Nguyễn Minh Châu với chùm truyện *Khách ở quê ra, Phiên chợ Giát*, cho đến Nguyễn Ngọc Tư và Trần Quỳnh Nga... mặc dầu là hai thời điểm khác nhau, nhưng các nhà phê bình chỉ dùng có một phương pháp, đó là *phê bình quyền uy* - tức là chụp cho đối tượng cái mũ rồi chê bai chính cái mũ ấy.

Như thế là để chấn hưng phê bình, trước hết những cơ quan có trách nhiệm với phê bình văn học cần có đề tài tìm ra một hệ lý luận văn học nền tảng. Những cái ảnh hưởng từ nước ngoài nhưng nay đã lỗi thời so với nhu cầu đổi mới thì phải dứt khoát vứt bỏ. Những gì du nhập mới đây (hậu hiện đại, lý thuyết tiếp nhận/ đồng tác giả hay đang “hot” như “hiện thực thần thực”...) thì cần có một hội đồng thẩm định để làm rõ nó, rằng nên dùng ngay hay không.

Phê bình vừa hướng dẫn nhà sáng tác, thúc đẩy sáng tạo vừa dẫn dắt bạn đọc. Phê bình nếu làm đúng phận sự, sẽ giúp bạn đọc yêu văn chương hơn. Hai nguyên nhân cốt lõi khiến phê bình yếu kém trên đây gây nên một hệ quả, là bạn đọc chán văn chương. Là vì đọc những bài phê bình điểm sách của Y khen cuốn Z là hay, khi người đọc không thấy hay thì thấy bài phê bình của Y trên báo/ trên mạng người ta sẽ không đọc nữa. Mà cuộc sống bây giờ quá bận rộn, hình thành một thói quen không quan tâm đến sách vở văn thơ nữa. Điều này thực sự rất nguy hại.

KHÔNG NGỪNG ĐẨY MẠNH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN PHƯƠNG DIỆN

Với tư cách là một bộ môn khoa học nghiên cứu văn học, “có chức năng phán đoán, bình phẩm, đánh giá và giải thích tác phẩm văn học, kèm theo việc phán đoán, bình luận, giải thích, đánh giá những hiện tượng đời sống mà tác phẩm đề cập tới”¹, phê bình văn học đã góp phần quan trọng trong quá trình phát triển văn học nước nhà.

Những năm qua, đồng hành với sự phát triển của đất nước, văn học đã luôn luôn bám sát đời sống xã hội, phản ánh chân thật, đa dạng sự nghiệp đổi mới và nhịp sống phong phú, khẩn trương, nhanh nhạy của xã hội. Điều đáng mừng là nối tiếp các thế hệ tác giả tài năng, đã xuất hiện đội ngũ sáng tác trẻ đầy nhiệt huyết, nhanh chóng bắt nhịp với dòng chảy chung, đồng thời đã khẳng định được khả năng sáng tạo và phong cách riêng của mình. Trên tất cả các thể loại đều xuất hiện những tác phẩm có giá trị cao về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật. Những thành tựu của văn học trong

1. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Thủ, Trần Hữu Tá (Chủ biên): *Từ điển Văn học* (bộ mới), Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004, tr.1408.

giai đoạn vừa qua, nhất là trong sự nghiệp đổi mới rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên, cũng còn những điều trăn trở khi xuất hiện những xu hướng lệch lạc như thương mại hóa, bạo lực, câu khách; thể nghiệm, cách tân một cách dễ dãi, tùy tiện hoặc “tô hồng, bôi đen” con người, sự vật, thậm chí bóp méo, xuyên tạc lịch sử... trong các tác phẩm văn học. Trong đội ngũ những người sáng tác, có một số rơi vào tình trạng “hụt hơi”, không theo đuổi sự nghiệp lâu dài đã lựa chọn hoặc chưa tiếp cận, lý giải được những vấn đề lớn, vấn đề nóng bỏng của đất nước.

Những thành công và hạn chế của văn học trong những năm qua do nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân từ hoạt động phê bình văn học đã tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến chất lượng tác phẩm.

Xuất phát từ thực tế đó, nhằm “phấn đấu sáng tác nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, có tác dụng to lớn xây dựng con người; vừa có tác dụng định hướng, vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng cao của nhân dân”¹, cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động phê bình văn học. Theo chúng tôi, trong tình hình hiện nay nên tập trung vào mấy vấn đề chủ yếu sau đây:

Trước hết, cần có chiến lược lâu dài trong việc xây dựng, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ các nhà phê bình văn học, đáp ứng đòi hỏi khán giả quan của dòng chảy văn học trong thời kỳ mới.

1. Xem Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.*

Tình trạng thực tế hiện nay là nhiều nhà phê bình văn học, trong đó có cả những nhà phê bình “gạo cội” và những người được đào tạo bài bản nhưng đã rời bỏ “trận địa”, chuyển sang nghiên cứu, sáng tác hoặc quay về với các tác phẩm đã được khẳng định. Điều này lý giải tại sao hiện nay đội ngũ phê bình văn học giảm đáng kể về số lượng. Theo đó, hoạt động phê bình văn học không theo kịp tốc độ phát triển của văn học, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của việc đánh giá, thẩm định, dự báo, dẫn dắt, định hướng, chỉ ra khuynh hướng, hạn chế của các tác phẩm văn học.

Thực hiện chủ trương của Đảng về “xây dựng, phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc...”¹, trong đó cần ưu tiên xây dựng, phát triển đội ngũ các nhà phê bình văn học. Đã đến lúc không thể trông chờ vào sự phát triển, trưởng thành của từng cá nhân trong lĩnh vực phê bình văn học mà phải có chiến lược dài hơi trong việc xây dựng, bồi dưỡng và đào tạo bài bản đội ngũ các nhà phê bình văn học. Chiến lược đó trước hết phải đảm bảo đủ về số lượng, có các thế hệ kế tiếp nhau, đồng thời cần chú trọng bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ, năng lực, đáp ứng đòi hỏi khách quan của thực tiễn. Mặt khác, phải tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để các nhà phê bình văn học hoạt động.

Ngày nay, các tác phẩm văn học không chỉ đến với độc giả qua “con đường” truyền thống là sách in mà đã len lỏi

1. Xem Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

đến từng nhà, từng người bằng công nghệ thông tin. Chính vì vậy, người đọc được tiếp cận, nghiền ngẫm các tác phẩm văn học rất nhanh chóng, ở bất cứ nơi nào, miễn là có phủ sóng. Đương nhiên, sự phản hồi, “phản đòn” của người đọc đối với các tác giả, tác phẩm được thực hiện tức thì, thậm chí còn gây ra không ít khó khăn trong việc kiểm soát thái độ, nội dung. Đây thực sự là vấn đề nan giải cần phải có biện pháp thích hợp trong công tác quản lý. Nên chăng cần mở rộng không gian cho hoạt động phê bình văn học trên không gian mạng theo một hệ thống thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ hai, không ngừng nâng cao chất lượng phê bình văn học, phát huy vai trò, chức năng của phê bình đối với các hoạt động sáng tạo văn học.

Một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy văn học phát triển là cần phải nâng cao chất lượng phê bình văn học. Đồng thời, trước yêu cầu ngày càng cao về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm văn học, đòi hỏi phê bình văn học phải có bước phát triển mới. Trong các nguyên nhân dẫn tới những yếu kém của nền văn học thời gian vừa qua có nguyên nhân từ chất lượng phê bình văn học chưa tương xứng, chưa đủ “liều lượng”. Các biểu hiện như vuốt ve, vỗ về, tâng bốc, né tránh, ngại va chạm hoặc chê bai, bôi nhọ tác phẩm, tác giả đã làm giảm đi tính định hướng, dẫn dắt của phê bình đối với sự phát triển của văn học và đội ngũ sáng tác.

Thước đo chất lượng phê bình văn học chính là hàm lượng khoa học, tính chuyên nghiệp trong phê bình; là trình độ nhìn nhận, đánh giá, giải thích, bình luận, khả năng dự báo,

định hướng của người phê bình đối với tác phẩm văn học và quá trình vận động của văn học. Vì vậy, để nâng cao chất lượng phê bình phải có các giải pháp tích cực nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng công tác phê bình một cách đồng bộ ở các nội dung, các khâu, các bước kể trên.

Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, sau khi chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, đã xác định rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, chủ trương và giải pháp nhằm đưa văn học, nghệ thuật phát triển vững chắc cả về số lượng và chất lượng. Để nâng cao chất lượng phê bình văn học, trước hết phải tập trung khắc phục những yếu kém kéo dài trong những năm qua, đồng thời coi trọng việc nâng cao tính khoa học, tính thuyết phục và tính chiến đấu của người làm công tác phê bình và hoạt động phê bình.

Thứ ba, các nhà phê bình văn học phải thực sự là những người đam mê, gắn bó với công tác phê bình văn học, thực sự có “dũng khí”, dám đương đầu với những “gai góc”, những vấn đề nóng bỏng, nhạy cảm, đặc biệt đối với những khuynh hướng, quan điểm lệch lạc, phản động trong văn học. Trong những năm vừa qua, xuất hiện một số tác phẩm văn học có thái độ cực đoan, tiêu cực, đi ngược với lợi ích của nhân dân và đất nước... nhưng dường như các tác phẩm “có vấn đề ấy” không còn là đối tượng của phê bình văn học nữa mà lại do các cơ quan công quyền xử lý. Phải chăng đây là sự “né tránh”, “đuối sức” của các nhà phê bình văn học hay sự “lẩn sân”, “nhầm chức năng”, ôm đodom của các cơ quan trong bộ máy quản lý của Nhà nước. Hoạt động phê bình là một trong

những công việc trong tiến trình vận động của nền văn học đất nước, nó không tách rời sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước, nhưng sự can dự quá sớm, quá sâu của các cơ quan công quyền vào các công việc cụ thể dễ làm lu mờ, thậm chí mất đi chức năng, nhiệm vụ của nhà phê bình văn học.

Thứ tư, cần nghiên cứu xây dựng các chế độ, chính sách khuyến khích, đãi ngộ xứng đáng đối với người làm công tác phê bình văn học.

Không khác nào người chiến binh trên mặt trận, người làm phê bình văn học luôn luôn phải đối mặt với những thử thách khi tiến hành “giải phẫu” những đứa con tinh thần của người khác. Có lẽ chưa ai dám bạo gan nói phê bình là một nghề nguy hiểm nhưng điều chắc chắn rằng nó chính là sự “đánh cược” uy danh, tình cảm và cả nghề nghiệp của nhà phê bình với chính công việc họ đang làm. Chúng ta đang tìm mọi giải pháp để nâng cao chất lượng phê bình văn học. Sẽ có rất nhiều giải pháp được đưa ra cùng với tính khả thi cao của nó. Song, điều cốt lõi, căn bản đầu tiên là phải thu hút được đông đảo những nhà phê bình có phẩm chất tốt, có tài năng “đầu quân” vào đội ngũ phê bình văn học vốn đang bị thiếu hụt hiện nay. Đồng thời, phải “giữ chân” được những nhà phê bình đang hoạt động trong đội ngũ tiếp tục gắn bó với đội ngũ, với nghề nghiệp. Một trong những giải pháp thiết thực là cần có chế độ, chính sách phù hợp đối với hoạt động phê bình văn học và những người trực tiếp làm việc trên lĩnh vực này. Các chế độ, chính sách đãi ngộ cần coi trọng và đảm bảo tính hài hòa cả hai yếu tố tinh thần và vật chất.

Những năm qua, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương có một việc làm rất thiết thực là tổ chức xét và trao tặng thưởng cho các công trình, tác phẩm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật xuất sắc. Việc xét và trao tặng thưởng này được giới lý luận, phê bình đánh giá cao và tham gia rất tích cực. Sau mỗi đợt xét tặng thưởng, các tác phẩm, công trình không ngừng tăng về số lượng, chất lượng được nâng cao. Điều đáng nói là có nhiều nhà lý luận, phê bình lâu nay thường trịnh trọng ở vị trí trao giải, trao thưởng nay lại là người nhận thưởng với một thái độ rất trân trọng, nâng niu.

Thứ năm, thường xuyên tiến hành tổ chức tổng kết, hội thảo khoa học chuyên đề về hoạt động phê bình văn học nhằm đánh giá nghiêm túc hoạt động này trong từng giai đoạn và cả quá trình; đồng thời đúc rút những kinh nghiệm, bài học, để xuất các giải pháp tích cực nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phê bình văn học, đáp ứng những đòi hỏi khách quan hiện nay. Thông qua các cuộc tổng kết, hội thảo, tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác phê bình văn học cho cả những người trực tiếp làm công tác phê bình, đối tượng được phê bình và công chúng. Việc tổng kết, hội thảo nên giao cho Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, các viện nghiên cứu, các trường đại học có liên quan... tổ chức.

Phê bình văn học có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của văn học, nó tác động trực tiếp tới đời sống văn học và quá trình văn học. Vì vậy, muốn văn học phát triển,

cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phê bình văn học. Trước hết, cần có sự quan tâm và thái độ đúng mực với hoạt động này, đồng thời phải mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng bồi dưỡng, đào tạo con người; phải thu hút được những nhà phê bình tài năng tiếp tục tham gia vào sự nghiệp phê bình văn học. Mặt khác, phải khơi dậy và phát huy sự hứng thú, đam mê của người làm công tác phê bình văn học đối với sự nghiệp phát triển văn học hiện nay. Hy vọng với các giải pháp trên đây sẽ góp phần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phê bình văn học trong giai đoạn hiện nay.

MẤY VẤN ĐỀ CỦA VĂN HỌC VÀ LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH HIỆN NAY

PGS.TS. TRỊNH BÁ ĐĨNH

Văn học, lý luận, phê bình hiện thời có một số đặc điểm nổi bật, những đặc điểm làm cho nó thành một giai đoạn văn học mới, phân biệt dứt khoát với các giai đoạn trước đây.

1. Mấy nét tổng quan về văn học hiện nay

a) Về cơ cấu văn học

Trong bức tranh văn học đương thời có thể phân biệt ba loại hình văn học căn cứ vào mục đích viết: Văn học viết vì muôn “cải cách” lối viết vì sự viết, để cho những người viết, coi văn học như “trò chơi trí tuệ đẹp đẽ”; Văn học viết để chia sẻ (đối thoại) những cảm nghĩ, nhận thức xã hội, nhân sinh; Văn học viết vì thị trường, vì kinh tế. Ba bộ phận này hoạt động khá cân bằng, một hiện tượng lành mạnh. Chúng tôi sẽ nói kỹ hơn ở phần 2.

b) Về đội ngũ sáng tác

Ở đây nói về văn học trẻ. Từ giữa thập kỷ 90 của thế kỷ XX, đã bắt đầu hình thành một thế hệ nhà văn mới (sinh sau năm 1975). Đáng chú ý là năm 1994, báo *Tuổi trẻ* cùng

Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh phát động cuộc thi “Văn học tuổi hai mươi” duy trì cho đến năm 2014, hai mươi năm đã phát hiện ra nhiều cây bút mới. Các vấn đề nổi bật của văn học hiện nay gắn với văn học của lớp nhà văn này cùng ba vấn đề là cải cách hình thức, văn học mạng, yếu tố sex.

c) *Vấn đề hình thức tồn tại của văn học*

Mỗi thời kỳ văn hóa, văn học lại có những hình thức tồn tại của mình, phù hợp với sự tiến triển của công nghệ: Văn học bằng tiếng nói - Văn học viết trên bản khắc - Văn học được in máy với các nhà xuất bản và hệ thống phát hành sách. Văn học mạng của thời đại công nghệ thông tin. Đặc điểm văn học mạng là tính liên văn bản rất phong phú, làm thành một mạng toàn cầu.

d) *Về lối viết (thi pháp)*

Văn bản văn học có tính mở hơn (Tác phẩm mở). Loại tác phẩm dẫn giải lôgic, chi tiết, có mở đầu - kết thúc rõ ràng ngày càng ít (chủ yếu ở bộ phận văn học đại chúng). Thay vào đó là các văn bản nghệ thuật nhiều khoảng trống để cho người đọc chủ động tưởng tượng, đồng sáng tạo với nhà văn. Các nhân vật hay “biến mất” không được lý giải; người kể chuyện thường là không toàn tri, không biết hết mọi sự (các chuyện phức tạp hay được nhìn/kể bởi trẻ em)...

d) *Về giá trị*

Đánh giá các giá trị văn học, nghệ thuật là điều khó, có những tác phẩm hôm nay tưởng vĩnh bền giá trị thời gian, sau đó lại chỉ là những sản phẩm bình thường và ngược lại.

Văn học đương đại sau chừng hơn ba mươi năm đã hiện lên những nhà văn của thời đại mình: Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lê Minh Khuê, Nguyễn Ngọc Tư,...

2. Lý luận, phê bình văn học

Lý luận, phê bình văn học hiện nay đang phát triển hay đang khủng hoảng, tụt hậu? Trong đời sống văn học hiện nay, nó hữu dụng hay vô dụng? Quả thật có những người cho là như vậy khi các hiện tượng văn học mới lạ xuất hiện mà không thấy tiếng nói của các nhà phê bình? Văn học là gì, lý luận, phê bình văn học là gì? Nó đang ở vị trí nào trong cấu trúc văn hóa đương đại? Những câu hỏi như vậy và tương tự như vậy giờ đây đang (lại) được đặt ra và hầu như không thể có được câu trả lời thống nhất. Trong khoa học, sự không thống nhất chưa chắc đã là dấu hiệu của yếu kém, có khi lại là dấu hiệu của sự phát triển, tuy nhiên, lúc này, có lẽ chúng ta cũng cần đạt tới một xu hướng đánh giá chung, ít nhất là trên một số mặt cơ bản nào đó. Để đi tới một nhận thức ít nhiều có sự thống nhất trong việc đánh giá trạng thái hiện tại của lý luận, phê bình văn học hiện nay và để xuất hướng phát triển về sau, chúng tôi đề nghị mấy điểm sau:

a) Trong ý thức lý luận, phê bình nghệ thuật hiện nay đã có sự phân biệt rạch ròi giữa hiện thực đời sống và hiện thực nghệ thuật trong tác phẩm. Điều này cũng đã được nói tới nhiều, song hiện nay chúng ta vẫn thấy những cách đánh giá tác phẩm đại loại: “tác phẩm chưa phản ánh được chân thực cuộc sống”, “chỉ phản ánh mặt tiêu cực, chưa thấy mặt tích cực”; hay những sự khuyến khích như “cần đi sâu hơn nữa vào đời sống”,... Đây là tàn dư của quan niệm nhấn mạnh

quá mức đến chức năng nhận thức đời sống của văn học, coi văn học là sự phản ánh đời sống. Văn học, nghệ thuật dĩ nhiên có nguồn gốc từ đời sống, chất liệu của nó có phản ánh đời sống. Vào thời kỳ đầu Đổi mới, nhà lý luận GS.TSKH. Lê Ngọc Trà đưa ra quan điểm: văn học không phản ánh mà là nghiên ngẫm về hiện thực. Văn học không thể không phản ánh hiện thực (cũng như mọi hình thái ý thức khác), nó tất yếu mang dấu ấn của đời sống đương đại (triết học, sử học... cũng như vậy). Nhưng đó là xét về khía cạnh triết học. Nội dung trước hết của văn học là thể hiện chủ thể sáng tạo: tâm lý học của nó, các trải nghiệm ngôn ngữ của nó. Nếu chỉ căn cứ vào phản ánh luận không thể nào giải thích được các tác phẩm thuộc phái dòng ý thức và phái hậu hiện đại đang thịnh hành hiện nay. Luận điểm của Giáo sư Lê Ngọc Trà rất có ý nghĩa vào thời điểm đó, song về khoa học cũng không phải không còn những điểm gây tranh cãi. Từ đây, chúng tôi nghĩ đến quan điểm của một nhà cách mạng Nga về Tolstoi mà một thời chúng ta hay trích dẫn. Ông cho rằng, nếu Tolstoi là nhà văn thực sự vĩ đại thì trong tác phẩm của ông phải phản ánh được những nét cơ bản của cách mạng Nga. Chúng tôi nghĩ đòi hỏi đó là không thỏa đáng bởi Tolstoi vĩ đại vì ông đã tạo nên một thế giới tinh thần và ngôn từ nghệ thuật riêng biệt, to lớn.

b) Có sự phân biệt giữa xu hướng tập trung hóa và phi tập trung hóa trong hoạt động văn nghệ nói chung và lý luận, phê bình nói riêng hiện nay. Trước đây, chúng ta chỉ có một trung tâm văn nghệ với vài ba tờ báo, tạp chí văn nghệ chính ở Thủ đô, một Hội Văn học, nghệ thuật Trung ương rồi các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương; các báo, tạp chí

địa phương,... chúng mô phỏng lại mô hình Trung ương. Cơ chế hoạt động là Trung tâm phát tín hiệu, các bộ phận gần như chỉ thực thi theo kiểu: “đèn đỏ” - dừng lại, “đèn xanh” - lưu thông. Giờ đây, đã có nhiều sự thay đổi với vai trò của internet và nhiều phương tiện truyền thông khác. Các trang web, blog xuất hiện rất nhiều, liên thông với nhau, liên thông với quốc tế thành những tập hợp theo chiều ngang... Mô hình trung tâm - ngoại vi còn đó, song áp lực từ trung tâm đã yếu đi nhiều. Các nhóm, phái văn học trong nước có thể dễ dàng liên kết với các tổ chức khoa học, văn học quốc tế theo các kênh riêng của mình. Không nên thấy sự thiếu nhất trí, không đồng bộ, “trên bảo dưới không” nghe trong hoạt động văn nghệ mà cho là khủng hoảng, mất phương hướng. Đời sống lý luận, phê bình văn học của chúng ta hiện nay đang bị chi phối bởi hai xu hướng này và có vẻ nó như đang ở thế “cân bằng”. Xu thế phi tập trung hóa từng phần đang tiếp tục diễn ra.

c) Có sự phân biệt giữa hai loại phê bình: phê bình hàn lâm và phê bình truyền thông. Phê bình hàn lâm hoạt động chủ yếu ở các viện nghiên cứu, các trường đại học; còn phê bình truyền thông gắn với các tờ báo, nhà xuất bản, đài truyền thanh, truyền hình. Phê bình truyền thông là người cổ xúy và theo dõi sự tiêu dùng tinh thần ở người đọc. Nó rất cần trong xã hội tiêu dùng hiện đại, việc nó lăng xê, cổ xúy có lúc hơi thái quá cho một tác phẩm, tác giả nào đó không phải là điều gì đáng lo ngại. Nếu phê bình truyền thông chú ý trước hết đến hoạt động, hiệu lực của tác phẩm văn học trong đời sống, nhà phê bình ở đây giống như nhà từ vựng học theo dõi hoạt động của các từ trong đời sống nói năng hằng ngày,

thì phê bình hàn lâm chủ yếu mô tả “ngữ pháp của văn học” (nhà phê bình như nhà ngữ pháp học), tức là các nguyên tắc tổ chức nên một tác phẩm, một thời đại văn học. Nếu thấy nó ít đi vào đời sống cũng không phải là điều cần phê phán. Đáng chú ý là cả hai loại hình phê bình này ở ta đều đang phát triển.

d) Các lý thuyết văn học được diễn giải tích cực hiện nay gồm: Ký hiệu học nghệ thuật, Liên văn bản, Thông diễn học. Đặc điểm đáng chú ý nhất ở cả ba xu hướng này là chúng đều xem xét văn học trong quan hệ với ngữ cảnh rộng, tức ngữ cảnh văn hóa. M. Bakhtin, người Nga, là một trong những nhà triết học, mỹ học, văn hóa học và nghiên cứu văn học lỗi lạc nhất của thế kỷ XX, từng nói rằng, phía sau các hiện tượng văn học, nghệ thuật là dòng chảy lớn của văn hóa. Không tiếp cận văn học từ văn hóa thì sẽ không thể nào hiểu được những hiện tượng lớn của văn học. Hiện nay ở nước ta, việc nghiên cứu văn học từ văn hóa học đang được thúc đẩy mạnh: Nữ quyền luận, Văn học và giới, Văn học và tôn giáo... Đây là xu hướng tích cực cần ủng hộ.

đ) Để lý luận, phê bình phát triển, cần một sự thống nhất giữa tính hiện đại và tính nhân văn. Hai yếu tố này được nhà lý luận Tiền Trung Văn nêu lên ở Trung Quốc và chúng tôi cũng đồng ý với quan điểm của ông. Không có tính hiện đại, lý luận, phê bình của chúng ta sẽ lạc hậu, “khác người”; thiếu tính nhân văn, nó sẽ đánh mất bản chất của mình với tư cách là một khoa học nhân văn. Làm điều kiện cho sự thống nhất này là một môi trường đề cao sự đối thoại. Đối thoại không chỉ là việc được tự do trao đổi, tranh luận, mà hơn thế còn phải có ý thức sâu sắc về quan hệ giữa CÁI TA và CÁI KHÁC.

Ta chỉ tồn tại khi có Người Khác, Tôi chỉ có tên gọi khi có người khác đặt tên cho Tôi; phương Đông chỉ là phương Đông khi biết rằng có một thế giới khác là phương Tây; trước đây với nó chỉ có một bầu trời, một hoàng đế, một thiên hạ. Giờ đây ở ta, nhiều lý thuyết phê bình như Thi pháp học, Cấu trúc ký hiệu học, Phân tâm học, Thông diễn học, Tự sự học,... được giới thiệu sôi nổi, nhiều màu vẻ, cảm tưởng như đang có một “Carnaval” các lý thuyết phê bình, điều ấy chứng tỏ chúng ta đang cố gắng hội nhập với thế giới, đang cố gắng hiện đại hoá. Tuy nhiên, một nền lý luận, phê bình có bản sắc và tự trọng bao giờ cũng cần có một chủ hướng rõ ràng. Chúng ta nên chủ hướng đề cao loại lý thuyết phê bình tìm kiếm những giá trị nhân văn trong văn học, coi nghệ thuật trước hết nhằm cổ vũ lòng dũng cảm, chia sẻ những bất hạnh của con người, chất vấn về lẽ sinh tồn của con người; coi hoạt động lý luận, phê bình như một bộ phận không thể tách rời với các khoa học nhân văn, tức luôn phôi hợp với các bộ môn khác như triết học, sử học, văn hóa học,... trong sự việc tìm tòi khoa học của mình.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC - ĐÔI ĐIỀU KÝ ỨC GHI NHẬN

GS. HÀ MINH ĐỨC

Hoạt động sáng tác văn nghệ phải có người thưởng thức. Thấu hiểu và tâm đắc như Bá Nha - Tử Kỳ là chuyện ngày xưa hiếm có. Tác phẩm văn nghệ sẽ đến với đông đảo người đọc và có hồi âm, tiếp nhận, đánh giá. Nhà phê bình là người chuyên trách trong công việc khó khăn này. Hoạt động phê bình phải có kiến thức, đủ khả năng đánh giá tác phẩm, có lý trí để phân tích và tình cảm để cảm thụ âm nhạc, thơ ca. Nhà phê bình thành danh thường xuất hiện muộn, nhưng thường nhất như Biélinski Dobroliubov, những nhà phê bình Nga xuất sắc thành danh cũng phải ở tuổi 25, 26. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi, đội ngũ phê bình gồm các thế hệ. Thế hệ đầu gồm các cán bộ, thông tin tuyên truyền chuyển sang như các ông Như Phong, Vũ Đức Phúc, Đông Hoài, Trịnh Xuân An; vài năm sau, một thế hệ trẻ gồm các sinh viên tốt nghiệp đại học ở lại giảng dạy đại học hoặc làm báo. Đối tượng nhận xét của họ là nhiều nhà văn gạo cội như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... Công việc thật khó khăn. Nhà thơ Tố Hữu gợi ý phải học tập các cô du kích huấn luyện quân sự cho các cụ khi hô nghiêm phải “nghiêm ạ”. Không có “thần đồng” phê bình.

Xuất hiện muộn nhưng lại thường kết thúc sớm. Phê bình là chiếc “ghế nóng” không dễ, không thể ngồi lâu nếu tiến hành đúng đắn, thẳng thắn trách nhiệm của nhà phê bình. Ít có nhà phê bình nào ở tuổi cao như các tác giả Nguyễn Bỉnh Khiêm, Huy Cận, Tố Hữu... mà vẫn hoạt động bình thường. Phải kể đến trường hợp đặc biệt nhà phê bình Hoài Thanh với những đóng góp của ông với các nhà thơ trẻ như Lưu Quang Vũ, Nguyễn Duy, các nhà văn Anh Đức (về tác phẩm *Hòn Đất*), nhà văn Nguyễn Thế Phương (về tác phẩm *Đi bước nữa*).

Phần lớn các nhà phê bình sau những năm tháng hăng hái phê và bình đã chuyển dần sang nghiên cứu và khảo cứu. Hiện tượng ấy không riêng ở một nước nào. Xuất hiện muộn, kết thúc sớm phải chăng cũng là đặc điểm riêng của phê bình.

Mối quan hệ giữa nhà phê bình và nhà văn là mối quan hệ không dễ thuận hòa. Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét về một nhà phê bình gay gắt vào đầu những năm 1960: “Anh ta là cái xe tăng mù, chỗ nào cũng húc. Nhà tôi có một cái rương vàng, anh ta là con chuột nhắt có tha cũng chỉ được vài viên”. Xuân Diệu cũng nhận xét về các nhà phê bình ở trường đại học: “Các anh Lê Đình Kỵ, Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức mỗi người có một thước đo. Thích ai thì cái thước chỉ còn bảy tám mươi phân mà ghét ai thì thước dài ra thước hai, thước ba”. Một lần, nhà văn Tô Hoài nói với tôi: “Phê bình các anh viết giống nhau lắm không phân biệt được đặc điểm từng người. Chỉ có ba người có đặc điểm riêng là các ông Đặng Thai Mai, Hoài Thanh và Hoàng Trung Thông”. “Căn bệnh” mà Tô Hoài nói cũng là “căn bệnh” chung của

thời đại, dễ thấy ở các nhà giáo, nhà báo, nhà tuyên giáo. Năm 1998, trong một lần thăm Mỹ, Giáo sư Nguyễn Duy Quý, tôi và một hai đồng chí nữa đến trường Đại học Berkeley (Mỹ) gặp gỡ các giáo sư, trao đổi chuyện trò. Một giáo sư Mỹ gốc Việt nhận xét: “Các ông nói hay lắm nhưng giống nhau lắm”. Tuy phê bình và sáng tác có những trường hợp mâu thuẫn, song cũng có nhiều mặt thuận hòa nếu người viết phê bình lấy khen là chính và khen đúng. Việc khen chê của các nhà văn cũng có nhiều thú vị, nhẹ nhàng mà sâu lắng. Nhà văn Tô Hoài nhận xét về một nhà văn quân đội đang thời kỳ sung sức: “Văn như ngựa chạy”. Ông cũng nhận xét về Nguyễn Khải: “viết gì rồi cuối cùng cũng nói về mình như Nguyễn Tuân”. Nhà văn Nguyễn Khải có lần nói về Tô Hoài: “Anh Tô Hoài giàu vốn sống nhưng thiếu cái vấn đề”. Nhà thơ Xuân Diệu nhận xét tình cảm về nhà thơ Tế Hanh: “Thơ Tế Hanh trong sáng như con suối nhỏ nên không ai muốn gây chiến”.

Khen chê trong đời là chuyện thường tình nhưng việc khen chê tác phẩm văn nghệ lại là chuyện hệ trọng. Tác phẩm văn chương là “con đẻ” tinh thần nhiều khi phải ấp ủ, thai nghén nhiều năm trời mới có. Là tác phẩm đầu tay nhiều hy vọng của cây bút trẻ, là tác phẩm của tác giả gạo cội đều dẽ gây bất bình khi bị phê bình trái ý nhà văn. Người bị phê bình sẽ phản ứng thế nào, im lặng hay tranh luận, thậm chí kiện tụng. Nhà văn Hà Minh Tuân một lần hỏi tôi: “Anh có biết hai nhà phê bình trẻ viết bài nhận xét về tác phẩm *Hà Nội những ngày máu lửa* của tôi là ai không?”. Tôi trả lời đó là hai anh sinh viên đang học ở Khoa Văn Trường Đại học Tổng hợp. Anh Hà Minh Tuân nói: “Thảo nào rơm rác quá”.

Nhà thơ Xuân Diệu bị một nhà phê bình chê câu thơ: “Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần” là tình dục. Ông cười và than thở: “Trời ơi có lẽ cả đời anh ta không biết đến cái đẹp cái hấp dẫn của một cặp môi”. Cũng với nhà thơ Xuân Diệu, một lần tôi viết bài phê bình tác phẩm thơ *Tôi giàu đôi mắt* không tán thành quan niệm thơ phải “chân chân chân thật thật của ông”. Xuân Diệu bức mình và nói: “Mình không muốn tranh luận với Hà Minh Đức, với người khác thì không xong với mình. Thôi cho qua, lần sau rút kinh nghiệm”...

Nhận xét về thơ Huy Cận tôi cho rằng, thơ chống Mỹ của Huy Cận không bằng thơ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Huy Cận nói: “anh nên xem lại nhận xét về thơ chống Mỹ của Huy Cận. Mỗi giai đoạn có cái hay riêng”. Không riêng trong địa hạt văn nghệ mà hầu như ở nhiều lĩnh vực khác người ta chỉ thích khen, khen gǎn với ca ngợi, khẳng định thành tích. Khi kinh lý ở các tỉnh, nhiều đồng chí lãnh đạo đều có câu mở đầu “Tôi đánh giá cao thành tích của tỉnh nhà...”, sau đó mới nhận xét các vấn đề khác. Nhà văn Nguyễn Khải cuối đời có nhận xét khái quát: “Ở xứ sở này người ta chỉ thích khen”. Phải chăng đó cũng là một đặc điểm chung của phê bình văn học nhiều năm qua. Cũng vì thế không khí phê bình êm ả, một chiều, ít có tranh luận. Một trong những nhà phê bình sớm nhận thức ra đặc điểm đó trong dòng chảy của phê bình là Hoài Thanh. Ông cảm nhận tinh tế cái hay, cái đẹp của tác phẩm và khen với những ý tứ thuyết phục. *Thi nhân Việt Nam*, một tác phẩm chủ yếu là biểu dương ca ngợi, phong trào Thơ mới, đã cảm nhận tinh tế cái hay để biểu dương. Có trường hợp quá

khen với bài thơ *Màu thời gian* của Đoàn Phú Tú hay khi tác giả cho chất anh hùng ca của trường ca Huy Thông so với Victor Hugo cũng chỉ đến thế là cùng. Không sao, khen quá đi với một tác phẩm hay, thời gian sẽ điều chỉnh. Chủ trương khen là chính thích hợp với văn thơ thời thịnh, có nhiều cái để khen. Với trường hợp khi văn chương “mất mùa”, rất ít tác phẩm hay thì lấy gì mà khen và tự nhiên là phê bình có phần hăng hụt. Trong văn nghệ cũng thường có hiện tượng chuyển đổi về thể loại. Nhà thơ Xuân Diệu viết nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về văn thơ trung đại Việt Nam. Nhà thơ Hữu Thỉnh với những trang viết lý luận, phê bình sáng tạo, hấp dẫn. Nhà thơ Vũ Quần Phương chuyển sang phê bình thơ có hiệu quả. Riêng phê bình với tư duy chính luận, khó, rất khó để chuyển sang tư duy sáng tạo nghệ thuật. Nhà phê bình Hoài Thanh không làm thơ, Giáo sư Lê Đình Kỵ cho rằng mình phê bình thơ của người mà làm thơ không hay người cười cho. Một số nhà lý luận nghiên cứu như Mai Quốc Liên, Trương Đăng Dung, Hà Minh Đức cũng làm thơ nhưng chỉ vầy vậy thôi. Không có gì đặc biệt.

Trở về với hiện tại phê bình văn học đang ở đâu? Phiên hiệu thì vẫn to lớn nhưng quân số thì vắng vẻ. Đội ngũ chủ yếu là các nhà phê bình ở các báo, các viện, ở các trường đại học. Nhận thức trách nhiệm thì đầy đủ, nhưng hứng thú thì hạn chế. Nói phê bình “ăn theo” sáng tác là không đúng và lúc này càng không đúng. Ít có tác phẩm hay hoặc có vấn đề để nhận xét phong trào, tác giả. Một mặt là việc củng cố đội ngũ đặc biệt là bồi dưỡng những nhà phê bình trẻ hòa nhập với không khí sáng tác, không khí thời đại để phát triển tài năng.

Nói đến phê bình cũng là nói tới lý luận. Đây là một đề tài sẽ bàn trong dịp khác. Tuy nhiên, phê bình không có lý luận thường không có điểm tựa vững chắc trong lập luận, luận bàn. Tất nhiên lý luận thuần túy cũng khó làm phê bình khi thiếu thực tiễn. V.I. Lê nin đã khẳng định rằng: không thể lẩn tránh lý luận, lý luận luôn ở trước mắt, ở trong đầu óc chúng ta. Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương trong nhiều năm nay từ thời kỳ các vị Nguyễn Khoa Điềm, Phùng Hữu Phú, Hồng Vinh, Nguyễn Thế Kỷ vẫn làm công việc này. Có phong trào và nhiệt tâm những hiệu quả có được như ý muốn? Nhà thơ Tố Hữu có lần nhắc đến các vốn tư tưởng, văn hóa, vốn sống, những yếu tố quyết định cho các nhà báo, nhà văn... Các đợt bồi dưỡng lý luận phê bình thường chỉ tổ chức trong bốn, năm ngày nghe năm, sáu chuyên luận nhưng phần nhiều chỉ nặng về chính trị, yếu tố quan trọng, song người học cũng đã được bồi dưỡng thường xuyên ở đơn vị công tác. Có trường hợp với năm chuyên luận cho một đợt bồi dưỡng thì bốn chuyên luận nặng về chính trị; kiến thức văn hóa, kinh nghiệm nghề nghiệp đều không đầy đủ. Phải tính toán và có kế hoạch đúng đắn và thực chất cho việc bồi dưỡng thế hệ kế tục.

Một điều đáng mừng là chúng ta có một lực lượng dự trữ hùng hậu. Đội ngũ tiến sĩ trên 24.000 người và riêng khoa học xã hội có văn hóa, sử học, văn học, ngôn ngữ số lượng trên chỉ cần một phần ba cho ngành khoa học xã hội cũng đủ đáp ứng cho việc đào tạo các nhà phê bình trẻ. Các tiến sĩ đều có luận án có nhiều trang viết được thử thách chắc chắn sẽ phát triển nếu được quan tâm bồi dưỡng tạo hứng thú trong công tác phê bình văn học.

Trong tương lai, với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo chúng ta được sống trong môi trường thông minh, thành phố thông minh, trường học thông minh, ngân hàng thông minh, điện thoại thông minh, rôbốt thông minh,... liệu có chăng sẽ có “phê bình thông minh” trong văn nghệ, biết khen đúng và chê đúng, khích lệ sáng tác, nhà văn và phê bình có quan hệ thân tình hòa hợp?!...

TƯ ÁP LỰC CỦA PHÊ BÌNH NGHĨ VỀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN PHÊ BÌNH VĂN HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. MAI LIÊN GIANG

Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời như là một đối tác mới của nhà nghiên cứu, phê bình, hay nói rộng hơn là người tiếp nhận. Các tác phẩm mới có giá trị nghệ thuật ẩn chứa trong nó những điều kiện để sẵn sàng tiếp xúc với đời sống phê bình. Chính bản thân các tác phẩm có giá trị thực sự đã tiềm ẩn những khả năng để quá trình tiếp nhận được thực hiện. Tuy vậy, trong thực tế cũng từ một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay cũng một nhóm, một trào lưu văn học, nghệ thuật đó nhưng lại có sự tiếp nhận, sự đánh giá không giống nhau đối với những nhà phê bình, những người đọc khác nhau. Sự khác biệt này thể hiện rõ trong diễn trình tiếp nhận các tác phẩm văn học, nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới và cả ở Việt Nam qua mỗi thời kỳ, ở kiểu người tiếp nhận này và người tiếp nhận khác trong xã hội, cả ở giới tính nam và nữ. Nhà phê bình cũng là một trong những kiểu người đọc có số lượng ít so với các kiểu người đọc khác nhưng rất quan trọng trong

quá trình khám phá bản chất đích thực của tác phẩm. Cùng một thế hệ nhưng quan điểm của người tiếp nhận cũng không thống nhất, cùng một người đọc nhưng trải qua thời gian, ý kiến của họ sẽ thay đổi, điều chỉnh khi nhìn nhận, đánh giá một tác phẩm.

1. Áp lực của phê bình văn học

Vậy tại sao tác phẩm văn học lại có thể đem lại những sự hiểu, sự cắt nghĩa khác nhau? Nếu xem xét vấn đề này từ hình thức ngôn ngữ đặc trưng của văn học rõ ràng là vẫn không thể lý giải hết mà phải đặt nó trong mối quan hệ từ hình thức đọc đặc trưng, từ tầm đón đợi của chủ thể tiếp nhận. Tầm đón đợi cũng là một trong những áp lực của nhà phê bình khi tiếp xúc với một tác phẩm văn học, nghệ thuật mới. Cụ thể, yếu tố nào đã tạo nên những cách hiểu, cách đánh giá, phê bình khác nhau về tác phẩm? Cái gì đã chi phối những cách cắt nghĩa phong phú và đa dạng về tác phẩm văn học, nghệ thuật như vậy?. Thực tế này cũng đã xảy ra nhiều lần trên thế giới, ở hầu hết các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, kể cả các tác phẩm nổi tiếng ở lĩnh vực hội họa, âm nhạc, điêu khắc, điện ảnh, sân khấu... Có nhiều yếu tố tác động và luôn tiềm ẩn khả năng tạo nên áp lực đối với các nhà phê bình trong quá trình tiếp nhận như văn hóa, xã hội, giai cấp, chính trị, các mối quan hệ cá nhân, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, học vấn, phương pháp tiếp cận tác phẩm... nhưng trong lý luận văn học, các nhà Tường giải học và Mỹ học tiếp nhận còn đưa ra khái niệm Tầm đón đợi để giải thích điều này.

Khái niệm Tâm đón đợi văn học (*literarische Erwartungshorizont*) được Hans Robert Jauss¹ đưa ra trong công trình *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*. Đây là khái niệm có vị trí quan trọng trong toàn bộ hệ thống quan niệm của H.J. Jauss tập trung ở hai nội dung chính là tính nghệ thuật và tính lịch sử của văn học. Trong đó, tính lịch sử của văn học là vấn đề trọng tâm trong quan điểm của H.J. Jauss cần được các nhà nghiên cứu, phê bình văn học quan tâm trong quá trình tiếp nhận tác phẩm. Để giải thích thuật ngữ Tâm đón đợi trong một vài dòng ngắn gọn là điều rất khó. Bởi nó có thể thu hẹp phạm vi mong muốn hoặc đi chệch hướng của các học giả thuộc trường phái tiếp nhận văn học. Tác giả Huỳnh Văn cho rằng, “theo cách hiểu của Jauss, tâm đón đợi là “tâm đón đợi của kinh nghiệm thẩm mỹ”..., là vốn kiến thức, là sự hiểu biết có sẵn về văn học của người đọc. Hệ quy chiếu của sự đón đợi này bao gồm sự hiểu biết trước về thể loại, hình thức và hệ đề tài của các tác phẩm đã biết trước đó và sự đổi lập giữa ngôn ngữ thi ca và ngôn ngữ thực tiễn, tức là bao gồm toàn bộ những yếu tố nằm trong phạm vi của văn học”². Còn theo nhà nghiên cứu Trương Đăng Dung, “thông thường, một tác phẩm khi xuất

1. Hans Robert Jauss (1921-1997) là người được đào tạo về ngữ văn học và lịch sử Romance, nhưng lại chịu ảnh hưởng sâu sắc từ hai triết gia lừng danh Martin Heidegger và Hans Georg Gadamer; ông là nhà nghiên cứu thuộc trường phái Mỹ học tiếp nhận Konstanz.

2. Huỳnh Văn: “Vấn đề tâm đón đợi và xác định tính nghệ thuật trong mỹ học tiếp nhận của Hans Robert Jauss”, truy cập <https://phebinhvanhoc.com.vn/van-de-tam-don-doi-va-xac-dinh-tinh-nghe-thuat-trong-my-hoc-tiep-nhan-cua-hans-robert-jauss/>, ngày 23/8/2013.

hiện hoặc là đáp ứng những đón đợi của công chúng (như thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ, các chuẩn mực giá trị); hoặc là ngược lại, nó đòi hỏi sự thay đổi tâm đón đợi lúc tiếp nhận. Xét từ quan điểm Mỹ học tiếp nhận, cái khoảng cách thẩm mỹ ngày càng nhỏ thì tác phẩm càng đạt tới trình độ văn học “gây hứng thú thưởng thức”. Sự thay đổi thường xuyên tâm đón đợi cho thấy vẫn có thể điều chỉnh một cách cơ bản khoảng cách giữa công chúng tiếp nhận và tác phẩm văn học¹. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh vấn đề chính cần lưu tâm của khái niệm là: mỗi người đọc, trước thời điểm đọc tác phẩm, họ đã có sẵn một tâm đón, hay nói cách khác là một ngưỡng tiếp nhận. Đó chính là một hệ quy chiếu thuộc về kinh nghiệm văn học của người tiếp nhận, là tâm hiểu biết về văn học, là nhu cầu, trình độ thưởng thức kết tinh từ kinh nghiệm sống, hứng thú, quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ của người đọc. Từ thuật ngữ này, nhà nghiên cứu Trương Đăng Dung dịch là “tâm đón đợi”; một số nhà nghiên cứu khác dịch là “tâm đón nhận”, “chân trời chờ mong” hay “chân trời chờ đợi”, “ngưỡng tiếp nhận”,... Trong quan niệm về tâm đón đợi, cần đề cao hơn tính chủ động của người tiếp nhận khi đối diện với văn bản. Ứng dụng trong nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật, tâm đón đợi thể hiện ở sự hiện diện của một công chúng người tiếp nhận đặc trưng cho mỗi thời kỳ, mỗi thế hệ có vai trò chi phối sự tiếp nhận của những người đọc khác qua thời gian. Bởi một tác phẩm có giá trị thật sự, cho dù có trải qua những thăng trầm như thế nào thì

1. Trương Đăng Dung: *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr.151.

cuối cùng nó vẫn bộc lộ đúng bản chất, ý nghĩa mà nó có. Từ trong lịch sử, điều này đã được khẳng định bởi các hiện tượng văn học lớn. Chẳng hạn, Bá Dương, nhà văn hiện đại nổi tiếng của Trung Quốc, từng viết cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* gây xôn xao dư luận Trung Quốc hồi thập kỷ 1980. Sau khi ra đời, cuốn sách đã bị cấm lưu hành một thời gian, bởi tác phẩm bị xem như là một tiếng nói bônh nhộ người Trung Quốc, nhưng hiện nay nó đã được đưa vào danh mục cuốn sách tham gia bình chọn mười cuốn sách gây ảnh hưởng nhất đến người Trung Quốc thế kỷ XX do mạng Tân Lang tổ chức. Hoặc sự khác nhau cơ bản trong tiếp nhận ở giai đoạn trước và sau ở cuốn tiểu thuyết *Fanny* của Feydean và tiểu thuyết *Bà Bovary* của Flaubert, hoặc trường hợp *Hamlet* của William Shakespeare... Ở Việt Nam, thời kỳ đầu của Thơ mới cũng có hiện tượng này, tuy nhiên có điều khác hơn là Thơ mới bị phê phán ở điểm lăng mạn tiêu cực. Vậy liên quan đến vấn đề này, áp lực của nghiên cứu phê bình văn học thể hiện trong thực tiễn như thế nào?

Trong thực tế, đối với những tác phẩm văn học có giá trị thật sự, có khả năng tồn tại vượt thời gian, vượt không gian thì những phát hiện đầu tiên, những quan điểm mới trong nghiên cứu, phê bình không phải lúc nào cũng nhận được sự đồng thuận của tác giả và những người đọc liên quan khác ngay lập tức. Bởi quy luật là chân lý khoa học không dễ tìm được sự đồng hành ngay khi mới xuất hiện. Tuy nhiên, nếu nhà nghiên cứu, phê bình xác định đúng giá trị tác phẩm, tìm ra được chân lý mới trong tác phẩm có ý nghĩa gì đối với con người thì đó luôn là điều cần thiết và ích lợi cho quá trình phát triển của khoa học văn học và nghệ thuật.

Và điều này càng quan trọng hơn, đầy thứ thủ thách hơn với những nhà phê bình “không muốn sự bình yên của trí tuệ”¹. Hành trình sống của một tác phẩm thực sự được bắt đầu khi nó được đọc, được xem, được nghe, được nhận diện giá trị. Thông thường, một tác phẩm khi xuất hiện hoặc là đáp ứng những đón đợi của công chúng có liên quan đến các vấn đề như thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ, các chuẩn mực giá trị, hoặc ngược lại nó đòi hỏi sự thay đổi tầm đón đợi lúc tiếp nhận. Sự thay đổi thường xuyên tâm đón đợi cho thấy có thể điều chỉnh khoảng cách thẩm mỹ giữa người tiếp nhận và tác phẩm. Tác phẩm có giá trị không chỉ đưa đến hình ảnh về sự tồn tại xã hội của một thời đại nhất định mà còn tác động trở lại xã hội nữa. Ảnh tượng thẩm mỹ xuất hiện ở tâm đón đợi của người đọc, can thiệp đến cái nhìn thế giới và thái độ sống của anh ta. Tác phẩm có ảnh hưởng nhiều đến người tiếp nhận nhất là khi ẩn chứa khả năng khơi dậy được ý thức phê bình mới mẻ trong người đọc, liên quan đến các mã ký hiệu ngôn ngữ và tâm đón đợi riêng của người tiếp nhận. Tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị bền vững qua mọi thời gian, mọi không gian, khi mới ra đời thường có khả năng tác động lớn đến cách nhìn và chuẩn mực đánh giá cũ của người tiếp nhận, hướng người tiếp nhận tiếp xúc với những mã ký hiệu mới trong quá trình tiếp nhận. Mặt khác, trong quá trình nghiên cứu, phê bình, tính chất cộng đồng, sự diễn giải cộng đồng luôn gắn bó mật thiết với các hiện tượng văn học. Bản chất của sự diễn giải là quá trình

1. Trương Đăng Dung: *Tác phẩm văn học như là quá trình*, Sđd, tr.155.

bất tận, là cuộc chiến chiếm hữu và loại bỏ các giá trị. Chính vì vậy, ý kiến của các nhà phê bình thực sự càng quan trọng trong quá trình diễn giải của cộng đồng người đọc đó. Hơn nữa, nghiên cứu phê bình luôn bị chi phối bởi một tập hợp các quy chuẩn thẩm mỹ, nó có thể và cần được điều chỉnh tùy theo tính chất đặc thù của chủ thể tiếp nhận qua mỗi thời kỳ, mỗi vùng miền, mỗi người đọc cụ thể. Khó có thể nhận diện đúng giá trị của một tác phẩm văn học, nghệ thuật mới với giới hạn của tầm đón đón đợi cũ ở nhà phê bình.

Ngoài ra, các vấn đề trên còn có một yếu tố đầy uy lực đứng sau quá trình phê bình, đó là tác động tư duy truyền thống của dân tộc. Ai cũng cần truyền thống để đến với hiện đại, ai cũng đang ở trong truyền thống dù có không hiểu về truyền thống là như thế nào. Truyền thống không giống như chiếc “áo khoác” của chúng ta, mà giống như “da” chúng ta. Chúng ta biết rõ về nó nhưng không thể thoát ra khỏi bộ da của mình. Thậm chí, truyền thống luôn bám theo nhà phê bình trong quá trình đọc tác phẩm. Ở tầng sâu lắng nhất của tính lịch sử là sự có mặt của truyền thống. Truyền thống chỉ có ý nghĩa nếu được sử dụng cập nhật, tức là nó cần các yếu tố để hòa nhập với hiện tại, nếu không truyền thống chỉ là kỷ niệm chết. Truyền thống lịch sử và phê bình văn học, nghệ thuật là hai hiện tượng gắn bó chặt chẽ với nhau. Nhiệm vụ của nhà phê bình trong quá trình cắt nghĩa văn bản là phải tìm được truyền thống, thậm chí phải thấy được yếu tố kế thừa của truyền thống là gì. Không nên hiểu truyền thống là cái thông điệp đạo đức xã hội được đúc kết nào đó, không nên đồng nhất truyền thống với tác dụng giáo

dục của tác phẩm. Truyền thống vô ý thức hơn, nó cần những giây phút thầm lặng nghiêm túc của nhà phê bình, chứ không phải cứ có tác phẩm mới nào ra đời là vội rộn ràng bình tán sôi nổi vì những mục đích khác ngoài mục đích khoa học và nghệ thuật, trong một thời gian ngắn, để rồi tác phẩm bị quên lãng vì có giá trị thật sự. Khó để giải mã hết giá trị của tác phẩm mới nếu chỉ dựa vào tầm đón đợi truyền thống.

Trước thực trạng phát triển của văn học Việt Nam hiện nay, nhà phê bình không nên chỉ quan tâm đến những tác phẩm lớn, nổi bật. Họ cần có trách nhiệm giúp các thế hệ sau cảm nhận được quá trình phát triển của văn học Việt Nam trong mối tương quan với văn học các nước. Mọi thành công hay thất bại của các nỗ lực trong sáng tác hay phê bình đều có giá trị ở điểm giao nhau, có khả năng hòa trộn với nhau, giúp chúng ta nhìn thấy rõ sự liên tục, gắn kết trong quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật. Vì vậy, phê bình cần có cái nhìn toàn cảnh về quá trình phát triển của văn học Việt Nam. Trong quá trình đó, nếu chỉ dừng lại ở việc đề cao tính nội tại của văn bản nghệ thuật thì đời sống văn học, nghệ thuật sẽ nảy sinh những giới hạn mới, nhưng nếu chỉ bâng lòng với các yếu tố tiểu sử, tư tưởng, nội dung tác phẩm, xem tác phẩm là phát ngôn tư tưởng thuần túy của nhà văn theo kiểu suy diễn thô thiển thì cũng gây ra những hậu quả đáng tiếc. Chính vì vậy, nhà phê bình phải xem tác phẩm như là những cấu trúc ký hiệu đang chờ được giải mã khó có lần cuối.

Phê bình cần có sự chính xác của khoa học nhưng trong nghiên cứu phê bình, khả năng để đạt được tính chính xác của khoa học đôi khi không phụ thuộc vào các phương pháp

khoa học. Mỗi tác phẩm có tính độc lập tương đối, tính đặc sắc riêng biệt, liên hệ phức tạp với trực giác của mỗi người tiếp nhận. Sự chứng giải bằng các phương pháp khoa học đôi khi làm mất đi tính riêng biệt của tác phẩm và giảm giá trị cảm xúc trực giác của người tiếp nhận. Bên cạnh đó, đôi khi phương pháp phê bình được sử dụng thô thiển, thường đánh đồng mọi giá trị với nhau cho nên trong thực tế có thể làm cho các tiêu chuẩn giá trị tác phẩm trở nên không còn ý nghĩa. Tác phẩm có giá trị đối với nhà phê bình này nên nó được đọc một cách tích cực nhưng có thể không có giá trị so với nhà phê bình khác nên cùng tác phẩm đó nhưng không được đọc. Nếu nhà phê bình chỉ đánh giá độc đoán hoặc chỉ phê bình theo ấn tượng chủ quan có thể sẽ dẫn đến những giới hạn khác.

Thực chất thì đối với phần lớn tác phẩm nghệ thuật thực sự, giá trị cơ bản là nó để lại gì?. Nhưng tìm thước đo sự thật này ở đâu? Ý kiến của nhiều khoa học, thậm chí cả ý kiến của các nhà tâm lý học, các bác sĩ thần kinh, kể cả phân tâm học cũng không giải quyết được gì nhiều lầm. Lâu nay ở Việt Nam, thường dùng thuật ngữ phê bình văn học, nghệ thuật đi liền nhau. Thực trạng này có thể tạo ra mấy xu hướng:

- Chú ý phê bình văn học hơn các loại hình nghệ thuật khác nên dẫu sao so với các loại hình nghệ thuật khác thì số lượng các công trình phê bình văn học vẫn nhiều hơn. Trong khi đó, theo quy luật phát triển nghệ thuật nói chung, đối với một đất nước đang phát triển, thì sự so sánh, tổng hợp thành tựu sáng tác và cả nghiên cứu phê bình tác phẩm nghệ thuật ở tất cả các loại hình xem ra dễ hội nhập với quá trình phát triển của thế giới hơn.

- Nhầm lẫn khái niệm phê bình văn học và phê bình văn học, nghệ thuật. Thực chất là hai lĩnh vực nghiên cứu có phạm vi, đối tượng có liên quan nhau nhưng không giống nhau.

- Thuật ngữ phê bình văn học, nghệ thuật có ảnh hưởng đến tâm lý của người sáng tác theo kiểu “ai sống trên lưng nhà thơ”. Ở những đất nước phát triển, khoa học văn học được xem có phát triển hay không thường được xem xét ở tất cả các lĩnh vực liên quan như: *Sáng tác văn học*, *Phê bình văn học*, *Lý luận văn học* (trong đó có nghiên cứu điều kiện tồn tại của tác phẩm văn học như sự ra đời và điều kiện ra đời của tác phẩm, quy luật thuộc về cấu trúc, cấu trúc bên trong tác phẩm, gồm tư tưởng, nghệ thuật, hành động, cốt truyện, mâu thuẫn, tính cách); *Nghiên cứu hệ thống logic cùng những vấn đề phương pháp luận của khoa học văn học và các lĩnh vực khác* nữa như *Lịch sử văn học*, *Thư mục văn học*, *Thị trường văn học...* Tác phẩm có sống được qua thời gian, không gian hay không là nhờ vào quá trình tiếp nhận, nhờ vào quá trình nỗ lực nâng cao tầm đón đợi của người đọc. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tâm lý của người sáng tác và phê bình thường có mấy xu hướng sau:

a) Đối với người sáng tác: Sợ và ngại hoặc không thích chữ “phê bình” vì ngay bản thân từ phê bình theo tâm lý người Việt chỉ để nói những điều chưa tốt. Nó chỉ xuất hiện nhiều lần trong các cuộc họp chi bộ, đảng ủy hoặc trong họp tổng kết cơ quan... Phê bình hiểu theo nghĩa này là kiểm điểm hoặc bị chê. Tâm lý này thường có đối với người sáng tác. Nhưng biểu hiện tâm lý này không phải là bản chất của sáng tác, không phải là bản chất của nghiên cứu, phê bình

văn học và càng không phải là phương thức tồn tại của tác phẩm văn học, nghệ thuật.

b) Đối với nhà nghiên cứu: nhầm lẫn khái niệm phê bình và nghiên cứu, phê bình hoặc cố tình nhầm lẫn nên khi đánh giá tác phẩm thường chỉ khen một chiều hoặc chê một chiều tùy theo tâm đón đợi của mỗi người tiếp nhận nên hậu quả hoặc là tâng bốc, quảng cáo tác giả hết mức, hoặc chê tác giả đến tận cùng khiến họ nhụt chí tới mức không muốn viết tiếp. Trong khi đó, quy luật của sáng tác hoàn toàn khác với quy luật của nghiên cứu phê bình và càng khác với quy luật tiếp nhận văn bản nghệ thuật. Đó là chưa kể đến tâm lý “ôm rơm rặm bụng” của người Việt Nam ở nhà phê bình. Nghĩa là thái độ “đóng cửa” đối với các sáng tác không liên quan gì đến nhà phê bình nhìn từ góc độ xã hội. Nghiên cứu phê bình vì vậy vừa phải có trách nhiệm nhận diện đúng giá trị tác phẩm, vừa phải biết chọn lọc tác phẩm, vừa có kỹ năng tiếp nhận; vừa có kỹ năng đào thải những văn bản nghệ thuật không có giá trị, vừa có trách nhiệm khích lệ sự sáng tạo của người sáng tác. Ở nước ta, cũng có một số ít tác giả vừa có những tác phẩm ấn tượng ở cả lĩnh vực nghiên cứu, phê bình, lý luận và sáng tác nhưng có lúc chính họ cũng từng nói “Đã có thời tôi không muốn trở thành nhà phê bình văn học, vì tôi không muốn các nhà văn bất tài phải buồn và đau khổ. Riêng sự bất tài của họ cũng đủ làm họ bất hạnh lắm rồi, có nên làm cho họ bất hạnh thêm? Tôi tự hỏi như vậy và với thời gian tôi đã hiểu chính tôi mới là người bất tài trong lĩnh vực phê bình văn học. Vì thế, tôi rất cảm phục các nhà phê bình có tài và trung thực. Vai trò của các nhà phê bình rất quan trọng trong đời sống văn học... Các nhà nghiên cứu, phê bình

văn học chân chính là những nhà văn hóa có khả năng “bắt mạch” và “cứu sống” nền văn học dân tộc... Họ phải là những nhà khoa học có trái tim nghệ sĩ, giàu tâm huyết”¹. Nhà phê bình (kể cả người sáng tác cũng chính là nhà phê bình đầu tiên về tác phẩm của mình) không phải chỉ chăm chú quan tâm những tác phẩm mình đã yêu thích mà cần phải có trách nhiệm với nền văn học, nghệ thuật của một dân tộc, một đất nước, trong tương quan với các giá trị của nhân loại. Hay nói cách khác, họ phải biết lắng nghe nhiều ý kiến khác nhau về mọi vấn đề. Nhà phê bình thực sự không phải là người làm công tác quảng cáo đơn thuần như quảng cáo sản phẩm hàng hóa thực dụng trên thị trường. Họ cũng không phải là chuyên gia phải thừa hành nhiệm vụ đọc như kiểu để giám sát sáng tác một cách máy móc theo những khuôn khổ định sẵn, họ cũng là người phải biết loại trừ những vụ lợi vật chất không cần thiết, không liên quan đến giá trị của sáng tác nghệ thuật. Nhưng mặt khác, họ cũng phải nắm được những ưu thế và bất lợi của các yếu tố này có tác động mạnh mẽ như thế nào trong quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật. Trong quá trình đó, cần phải hiểu tồn tại của nghệ thuật không thể chấp nhận những nhà nghiên cứu phê bình hời hợt.

c) Khi xuất hiện một tác phẩm mới, có thể tác phẩm đó có hiệu ứng tức thời nhưng cũng có những tác phẩm có giá trị chỉ có hiệu ứng tốt, chậm hơn, khi gặp được người đọc có tâm

1. Trương Đăng Dung: *Sự phát triển của văn học trong tương quan các giá trị - Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.73-74.

đón đợi tương ứng hoặc vượt lên tầm đón đợi của tác giả. Vì vậy, không phải bất cứ tác phẩm nào khi mới xuất hiện cũng cần thiết phải “phê bình” ngay hay phải đánh giá ngay thông qua các hội đồng lập tức mà nên có thời gian thẩm định hợp lý thông qua sự biến chuyển của đời sống tiếp nhận tác phẩm. Tác phẩm có đời sống tiếp nhận phong phú càng có giá trị bền vững qua mọi thời đại. Ở Việt Nam, các sáng tác của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng... hay sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, Hoàng Cầm, Nguyễn Ngọc Tư... gần đây được nhìn nhận thêm giá trị từ góc nhìn tâm phân học và tình yêu, hay từ lịch sử, chính trị học... cũng đã cho thấy rõ thêm sự thú vị của đời sống tiếp nhận tác phẩm nghệ thuật và vai trò của nghiên cứu, phê bình trong việc xác định bản chất giá trị của tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Trước thực tế này, tôi thiết nghĩ, ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cần chú ý đến phương pháp nghiên cứu so sánh phức hợp trong phê bình nhằm mở rộng phạm vi nghiên cứu đến các tác phẩm nghệ thuật ở các loại hình khác như sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, điêu khắc, hội họa... Đây là cách bù lấp khoảng trống nghiên cứu phê bình các sáng tác nghệ thuật ở các loại hình nghệ thuật khác ở nước ta thời gian qua, đồng thời vừa cho thấy quy luật phát triển chung của nghệ thuật ở Việt Nam, vừa xác định rõ đặc trưng quy luật phát triển loại hình văn học khác với các loại hình nghệ thuật khác. Nghiên cứu so sánh phức hợp đã trở thành một trong những đối tượng của những cuộc tranh luận trong nghiên cứu khoa học xã hội. Các ý kiến xung quanh những cuộc tranh luận theo xu hướng này đều tập trung để trả lời

cho câu hỏi: Khoa học xã hội có cần đến phương pháp so sánh phức hợp hay không? Cũng như các ngành thuộc khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu văn học, nghệ thuật cũng mang tính lịch sử, tính lý luận - mỹ học. Nó vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng, một trong những cách biểu hiện quan trọng nhất của ý thức xã hội để hiểu bản chất và lý giải các quá trình, các hiện tượng của nó. Những môn như âm nhạc và nghệ thuật tạo hình cũng phản ánh ý thức con người, xã hội và chúng ta cũng cần phải soi sáng các quá trình và các hiện tượng của chúng bằng phương pháp đó như đối với văn học. Lợi ích của việc so sánh phức hợp được thể hiện ở chỗ nó hỗ trợ được đến mức nào trong việc xem xét sự phản ánh hiện thực của các phân môn trong khoa học xã hội nhân văn theo chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Như vậy, nghiên cứu so sánh giúp chúng ta có mối liên hệ biện chứng rộng lớn hơn. Vấn đề ở đây là nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật ở Việt Nam không có nghĩa là bước ngoặt hay là sự chuyển hướng sang một phương pháp hoặc một quan điểm nào khác mà có nghĩa là mở rộng phạm vi nghiên cứu từ trước tới nay; và cũng có thể là một khả năng mới để nắm bắt các mối liên hệ giữa các loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Những năm gần đây, nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật thường được thể hiện qua con đường cơ bản là đăng tải trên nhiều loại báo, tạp chí, hoặc trang web, kỷ yếu hội thảo. Đã có Tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật* nhưng số lượng bài được đăng và số báo phát hành trong năm vẫn còn có nhiều giới hạn. Mặt khác nói lý luận, phê bình thì liên

quan đến nhiều bộ môn nghệ thuật khác nhau. Xét ở một phương diện khác, để chuyển tải hết đời sống nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật ở Việt Nam ở tất cả các bộ môn nghệ thuật vào một tạp chí cho đầy đủ, có tương quan trong đánh giá, thẩm định... thì cũng không phải việc dễ dàng. Đó là chưa nói đến các khâu khác có liên quan để có một ấn phẩm khoa học tốt.

Thêm một thực trạng nữa là bên cạnh những công trình nghiên cứu phê bình văn học có quy mô từ các viện nghiên cứu, các trường đại học thì thực tế cho thấy, từ một góc độ nào đó, việc nghiên cứu phê bình văn học vẫn còn mang tính đơn lẻ, phong trào, có khi là do bắt buộc. Đa số các tác phẩm phê bình mới, có tiếng nói cá nhân thường do cá nhân tự bỏ tiền ra in và công bố để sách và các bài viết được công khai rộng rãi. Còn một số các công trình nghiên cứu, phê bình khác từ các trường đại học thì thường để vào thư viện, đôi khi không có ai đọc ngoài người viết và vài ba người trong hội đồng thẩm định. Do yêu cầu bắt buộc mỗi giảng viên ở trường đại học ít nhất trong mỗi năm phải có 01 công trình khoa học. Các công trình nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật như vậy ngược lại có được đầu tư kinh phí của nhà nước khá lớn nhưng cuối cùng cũng chỉ để nằm im lìm trong kho, do nhiều lý do khác như kinh phí hạn hẹp, chất lượng các công trình chưa bảo đảm để in ấn rộng rãi... Nếu có hẳn một điều tra xã hội học về số lượng các công trình nghiên cứu phê bình kiểu này ở các trường, viện nghiên cứu, thì ở nước ta có lẽ là không ít hơn sáng tác. Chính vì vậy, việc tổng kết thành quả của nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật không nên chỉ dựa vào số lượng các tác phẩm đã được công bố

trong năm mà cân xem xét ở mức độ ảnh hưởng, tác dụng của nó như thế nào đối với đời sống văn học, nghệ thuật.

Vậy áp lực của phê bình văn học muốn tồn tại vừa như là một phân ngành của khoa học văn học vừa như là một nghệ thuật đòi hỏi nhà phê bình phải có ý thức về giới hạn tầm đón đợi, biết rèn luyện, nỗ lực để nâng cao tầm đón đợi. Điều này giúp nhà phê bình không chỉ nhấn mạnh nội dung xã hội trong tác phẩm, hay chỉ khai thác tiểu sử, chân dung tác giả; hay bình luận một cách đơn giản theo kiểu cảm thụ ấn tượng, phê bình một chiều theo cảm hứng; hoặc cực đoan cho rằng phương pháp phê bình của cá nhân mình là đúng nhất... mà còn góp phần hạn chế tối đa kiểu phê bình theo kiểu mạt sát nhau trên các phương tiện truyền thông.

2. Những đề xuất khác liên quan đến quá trình phát triển phê bình văn học hiện nay

Với những vấn đề liên quan đến áp lực tầm đón đợi trong phê bình, căn cứ vào thực tiễn nghiên cứu phê bình văn học nói riêng và các loại hình nghệ thuật khác nói chung ở Việt Nam những năm gần đây, chúng tôi có mấy đề xuất như sau:

a) Giải pháp xây dựng hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ

- Nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật cần phải mở ra và nắm bắt được những mối liên hệ rộng lớn hơn, mới hơn. Phải có sự đổi chiều, so sánh giữa các hiện tượng văn học, nghệ thuật giữa các nước trong khu vực, xác lập những sự trùng hợp và khác biệt, từ đó tiến tới lý giải được bản chất của giá trị văn học, nghệ thuật Việt Nam trong mối liên hệ theo quy luật phát triển của văn học, nghệ thuật các nước.

- Để hiểu sâu sắc hơn giá trị và ý nghĩa của tác phẩm văn học, không chỉ so sánh, mà còn đặt văn học trong mối quan hệ với các loại hình nghệ thuật, để thấy khả năng có thể chuyển hóa/ chuyển thể lẫn nhau giữa chúng; đặc biệt là văn học và âm nhạc, văn học và hội họa, văn học và sân khấu, văn học và điện ảnh... Đặc biệt, cần chú ý hơn đến quy luật tồn tại và giá trị của những tác phẩm văn học đã được phổ nhạc, được sân khấu hóa, được dựng thành phim, hoặc được minh họa bằng các tác phẩm hội họa. Bởi đây là con đường hội nhập nhanh nhất có thể trong lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật.

- Cần xuất phát từ thực tế thành tựu và giá trị đặc trưng của văn học khi nghiên cứu ảnh hưởng và sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các hiện tượng văn học trong mối liên hệ với các loại hình nghệ thuật khác. Khi đặt văn học trong mối quan hệ này sẽ còn những vấn đề gì này sinh mới, người nghiên cứu cần xác định rõ bản chất giá trị của tác phẩm văn học trong mối quan hệ này là gì.

- Thực hiện những công trình nghiên cứu có quy mô nhằm đánh giá chất lượng các tác phẩm văn học, nghệ thuật của dân tộc nhưng không nên xem xét từng trào lưu, hiện tượng riêng lẻ chỉ giới hạn trong khuôn khổ của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam. Bởi trong thực tế, có những tác phẩm vốn đã quen thuộc với tâm lý người Việt Nam nhưng khi được xem xét trong phạm vi rộng hơn trên toàn cầu đôi khi chúng thay đổi chức năng và ý nghĩa, hoặc cũng có thể được đất nước sử dụng nó chuyển sang các mục đích khác ngoài mục đích nghệ thuật. Đặc biệt là những tác phẩm văn học hiện đại, hậu hiện đại có khả năng sân khấu hóa, điện ảnh hóa như hiện nay.

- Công tác quảng bá, giới thiệu, đưa văn học Việt Nam ra với thế giới và đưa văn học thế giới vào Việt Nam những năm gần đây đã có những bước tiến quan trọng. Một vài tác phẩm văn học Việt Nam đã được dịch, giới thiệu ra nước ngoài, có tác phẩm đạt giải thưởng uy tín như *Nỗi buồn chiến tranh*, *Cánh đồng bất tận...* nhưng vẫn cần quan tâm hơn nữa đến công tác dịch thuật, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật và liên quan đến chúng là các công trình nghiên cứu phê bình. Các công trình nghệ thuật kiểu tác phẩm và dư luận hiện nay cũng cần được chú ý hơn về cả chiến lược đầu tư tài chính và khâu tổ chức cộng đồng dịch thuật.

- Nên có những công trình nghiên cứu phê bình có tính tổng hợp khác với cách tổng hợp theo số lượng của các tác phẩm, và cần phải chú ý đến cả chất lượng của quá trình tiếp nhận, lịch sử tiếp nhận các tác phẩm văn học. Nếu cần thiết có thể bổ sung hoặc đặt vấn đề viết lại lịch sử văn học của Việt Nam qua lịch sử tiếp nhận tác phẩm chứ không chỉ dừng lại ở lịch sử ra đời tác phẩm và liệt kê số lượng tác phẩm theo mốc thời gian. Lý do là có nhiều văn bản tác phẩm được in trên sách, báo, tạp chí... để cuối cùng các báo, tạp chí ấy nằm im trong kho sách hoặc trong các thư viện thì cũng trở nên vô nghĩa; bởi như vậy thì tên vẫn luôn được nhắc lại trong lịch sử văn học, nghệ thuật nhưng thế hệ sau lại không thể biết đến giá trị cụ thể của nó. Quá trình so sánh diễn ra trong nghiên cứu về lịch sử tiếp nhận các tác phẩm văn học, nghệ thuật giữa nhiều quốc gia cũng nên được chú ý hơn về yếu tố chuẩn đánh giá là như thế nào?

- Cần nghiêm túc trong việc xác định giá trị và thực hiện việc xây dựng hệ thống chuẩn cơ bản trong phê bình văn học.

Vấn đề này từ những năm 1970 đã được nhà nghiên cứu người Ba Lan Henrúc Markiêvich đã đặt ra một cách nghiêm túc trong các hội nghị khoa học quan trọng và được các cộng sự của ông phát triển thêm sau đó¹. Mặt khác, đây cũng là vấn đề nhiều nhà nghiên cứu, phê bình lý luận quan tâm, bàn luận nhiều nhưng vẫn “trăm người mười ý” chưa có văn bản kết luận cụ thể.

b) Giải pháp đầu tư chương trình đào tạo, đầu tư xây dựng đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng, chiến lược sử dụng đội ngũ viết phê bình trong và ngoài nước

Ở Việt Nam, đã từng có nhiều cuộc hội nghị bàn thảo về vấn đề tình hình nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật, nhất là trong phê bình văn học. Đội ngũ tham gia viết tham luận tại các diễn đàn khoa học này cho thấy, đã đến lúc Việt Nam cần chú ý hơn đến việc đầu tư chương trình, xây dựng đội ngũ giảng viên, học viên tham gia bồi dưỡng kiến thức về phê bình văn học, nghệ thuật một cách bài bản, có chiến lược.Thêm nữa, khoảng trống của những công trình nghiên cứu phê bình các tác phẩm nghệ thuật ở các loại hình khác bên cạnh văn học cũng cho thấy chúng ta nên quan tâm hơn đến điều này.

Hiện nay, những công trình lý luận của các học giả nước ngoài có nội dung kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực

1. Henrúc Markiêvich: “Giá trị và đánh giá trong khoa học văn học”, in trong sách *Các vấn đề của khoa học văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, 1990, Hà Nội, tr.243.

nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật đã được dịch ra tiếng Việt. Các công trình này rất cần được phân nhóm, chọn lọc, biên soạn, in ấn, phát hành lại và làm tài liệu học tập nghiêm túc cho các thế hệ nghiên cứu, phê bình trẻ hiện nay và cả về sau.

Một vấn đề nữa là cần quan tâm hơn đến đội ngũ tham gia nghiên cứu. Ngoài các cơ quan như viện nghiên cứu, báo, tạp chí, sở văn hóa thông tin... thì các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp là nơi có nhiều người có tiềm năng tham gia nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật. Bởi một trong những tiêu chí của giảng viên đại học là vừa giảng dạy, vừa nghiên cứu. Mỗi năm ít nhất bắt buộc tối thiểu họ phải có một bài báo khoa học theo chuẩn giảng viên. Họ là những người được đào tạo cơ bản. Tuy vậy, một phần công trình nghiên cứu của giảng viên và sinh viên ở trường đại học sau khi nghiệm thu xong thường được để ngay ngắn trên giá sách, chỉ được công bố trong phạm vi khu vực trường nên chất lượng cho các công trình nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật vẫn còn là vấn đề cần quan tâm.

Hệ thống lý thuyết của chuyên ngành lý luận văn học, mỹ học, phê bình văn học, nghệ thuật trên thế giới có liên quan đến những người làm công tác nghiên cứu phê bình là phong phú và đa dạng. Nhưng ở Việt Nam chỉ đào tạo chính quy người viết văn (sáng tác) chứ chưa có một ngành học, hay chương trình bài bản, chính quy để đào tạo đội ngũ nhà phê bình văn học, nghệ thuật. Đồng thời với nó thì đội ngũ giảng viên (ai sẽ là người đủ chuẩn và chuẩn như thế nào?) để dạy cho các nhà phê bình cũng là vấn đề cần chú ý.

c) Giải pháp tạo không gian nghiên cứu cho các nhà phê bình

Cũng như các lĩnh vực khác trong khoa học văn học, nếu sáng tác là cuộc chơi tinh thần tinh túy nhất của con người, thì phê bình cũng là hành trình ngao du thú vị không thể là không tồn tại trong đời sống văn học, nhất là với không khí dân chủ trong sáng tác văn học, nghệ thuật ở Việt Nam hiện nay. Sự phong phú, đa dạng của thể loại trong sáng tác văn học, nghệ thuật cũng là vấn đề có ảnh hưởng lớn đến nghiên cứu phê bình. Như vậy, nên chẳng là chính từ người sáng tác đã phải có ý thức tự chọn lọc khi quyết định công bố các tác phẩm thơ của mình. Họ phải là người đầu tiên biết tôn trọng người đọc trong quá trình sáng tác và công bố tác phẩm. Từ đó, các nhà quản lý cần có những kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể hơn cho từng cơ quan có hoạt động liên quan đến công tác nghiên cứu phê bình, tùy theo đối tượng tác phẩm, có định hướng mở rộng đối tượng nghiên cứu phê bình trên các loại hình tác phẩm nghệ thuật khác nữa ngoài văn học và có liên quan đến văn học. Ngoài việc chú ý đến các sáng tác mới ra đời, cần quan tâm hơn đến việc nghiên cứu, phê bình các tác phẩm quen thuộc; những tác phẩm đã được lựa chọn đưa vào chương trình phổ thông các cấp học từ mẫu giáo đến đại học ở nước ta. Bởi đây chính là những tác phẩm có số lượng công chúng đọc đông nhất, trong sáng nhất, phải đọc nhiều lần nhất và cần có sự hỗ trợ định hướng cách giải mã tác phẩm một cách khoa học từ các nhà phê bình.

d) Cân cụ thể hóa các tiêu chí liên quan đến các chế độ kinh phí đầu tư cho nghiên cứu phê bình, chính sách đai ngộ, hệ thống, phân cấp, vinh danh các giải thưởng cho các công trình phê bình có giá trị thực sự

Từ trong lịch sử, cũng đã có không ít các nhà nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật vì sự đam mê của mình mà có sự lầm đường lạc lối. Cũng đã có một số nhà nghiên cứu vì sự phát triển của khoa học văn học, nghệ thuật mà bị xã hội hiểu nhầm này nọ dẫn đến kết cục cuộc đời buồn thảm và ngược lại. Chính vì vậy, việc cụ thể hóa các tiêu chí liên quan đến các chế độ kinh phí đầu tư cho nghiên cứu phê bình, chính sách đai ngộ, hệ thống phân cấp, phương pháp vinh danh các giải thưởng cho các công trình có giá trị, cơ chế hoạt động tự do học thuật... cho các nhà nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật là cần thiết. Trách nhiệm này có sự liên quan đến nhiều tổ chức xã hội nhưng vai trò tham mưu chính của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương là rất quan trọng trong các khâu tổ chức đào tạo đội ngũ. Vừa là đội ngũ các nhà lý luận, phê bình trẻ, vừa phải đào tạo và tự đào tạo lại các nhà lý luận, phê bình các thế hệ trước để bắt kịp với tình hình nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật các nước trong giai đoạn hiện nay. Khâu tổ chức hội nghị, hội thảo hàng năm của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật; khâu in ấn, công bố nội dung các bài viết khoa học ở các tạp chí chuyên ngành có uy tín; hoạch định các chiến lược, chính sách hoạt động cho phù hợp, xây dựng tiêu chí chấm điểm các công trình bài bản, xếp giải, khen thưởng cho các công trình nghiên cứu, phê bình... cũng là những phương pháp hữu ích, cần quan tâm chuyên nghiệp

hơn nữa, phù hợp với sự phát triển của phê bình văn học, nghệ thuật của Việt Nam trong thực tiễn hiện nay, và đặt trong tương quan với các nước đang phát triển.

Nói chung, trong thực tế còn có nhiều yếu tố tác động tạo nên áp lực đối với các nhà phê bình. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu ứng dụng quan điểm của Mỹ học tiếp nhận để phân tích vấn đề này; muốn thúc đẩy sự phát triển phải có nhiều giải pháp phối hợp khác nữa. Tất cả những giải pháp trên đây muốn thực hiện tốt luôn cần có sự song hành của chính ý thức, nhu cầu, trách nhiệm, khát vọng nội tại của nhà phê bình. Đây là yếu tố có tính căn cốt, quyết định. Họ cần phải được đào tạo bài bản, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, trau dồi, nâng cao phẩm chất đạo đức của nhà phê bình để có thể đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, nhất là trong bối “khí quyển” văn hóa mới hiện nay. Để xuất những giải pháp liên quan đến quá trình phát triển phê bình văn học trên đây của chúng tôi mong muốn góp phần xây dựng môi trường học thuật nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật đúng nghĩa, phù hợp với điều kiện hiện tại của Việt Nam.

ĐỘI NGŨ LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRẺ Ở VIỆT NAM - TIỀM NĂNG VÀ TRIỂN VỌNG

PGS.TS. HỒ THẾ HÀ

1. Lý luận, phê bình văn học ở Việt Nam - nhìn từ bản chất và thực tiễn

Lịch sử văn học, Phê bình văn học, Lý luận văn học và Phương pháp luận nghiên cứu văn học là bốn bộ môn hợp thành Khoa Nghiên cứu văn học. Trong mối quan hệ bộ tứ này, sáng tác văn học/lịch sử văn học là lĩnh vực có trước. Sau đó, mới có phê bình văn học, rồi kế đến là sự trùu xuất của các nhà lý luận để hình thành bộ môn Lý luận văn học và Phương pháp luận nghiên cứu văn học. Dù xuất phát điểm trước và sau ở từng bộ môn là khác nhau như thế, nhưng khi hình thành thì chúng cùng đồng hành tồn tại. Bốn bộ môn nói trên tác động, hỗ tương, chuyển hóa nhân quả trong nhau để làm nên đặc điểm, tính chất của tiến trình văn học của một dân tộc.

Nhưng có một thực tế là đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình bao giờ cũng ít hơn đội ngũ sáng tác. Cắt nghĩa và lý giải điều này, lâu nay được mọi người cho rằng, lý luận, phê bình thường khô khan hơn, mất nhiều công sức đào tạo và tự đào tạo; chưa kể, việc học tập và ứng dụng nó vào tác phẩm

để bình giải và phân tích, giải mã lại càng khó khăn và phức tạp hơn. Chưa kể chủ thể lý luận, phê bình phải đối diện với hàng loạt các trường phái, khuynh hướng và phương pháp nghiên cứu văn học trên thế giới luôn vận động, thay thế và liên tiếp xuất hiện. Ngày nay, trong thời đại công nghệ tin học, internet chiếm lĩnh và trở thành “không gian phẳng” (flat space), thì các nhà lý luận, phê bình lại càng đứng trước những thử thách mới khắc nghiệt và nhiều khi họ thấy mình bất lực, có khi tụt hậu so với sáng tác (lĩnh vực tự do và năng động hơn). Lý luận, phê bình, vì vậy có nhiệm vụ kép và phải tuân theo những nguyên tắc lý luận, mỹ học riêng, đồng thời lại phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể là tác phẩm văn học với đặc trưng thể loại riêng. Sự trùu xuất thành hệ thống lý luận từ thực tiễn sáng tạo và vận dụng lý luận ấy vào phê bình từng không gian văn học cụ thể bao giờ cũng diễn ra với nhiều hệ quả khác nhau: Có sự tương thích và thành tựu, nhưng đồng thời, cũng có những so le hoặc giới hạn cụ thể. Chưa kể, chính các hệ thống lý luận cũng luôn bị những giới hạn và sớm muộn gì cũng phải bị thay thế và phủ định bởi thực tiễn và nhu cầu vận động, phát triển mới của quá trình sáng tạo và tiếp nhận.

Trong khi đó, lĩnh vực sáng tác có phần tự do hơn. Nhà văn, nhà thơ sáng tác theo nhu cầu thể hiện cảm xúc, tâm trạng và vốn sống trực tiếp của mình. Họ có con đường riêng và mục tiêu riêng trong quá trình phản ánh cuộc sống và con người bằng hình tượng thông qua chất liệu ngôn từ cũng rất đặc trưng theo tài năng và phong cách riêng của mỗi người.

Và như một quy luật, có sáng tạo là có tiếp nhận. Sáng tạo văn học đi trước, lý luận và phê bình văn học hình thành sau.

Qua từng giai đoạn, từng thời kỳ văn học, các nhà văn, các nhà lý luận, phê bình nối tiếp nhau hình thành tác phẩm của mình với đặc điểm riêng cho từng giai đoạn, thời kỳ đó thông qua sự tiếp biến, sáng tạo từ những hệ hình lý luận và mỹ học khác nhau trên thế giới.

Đầu thế kỷ XXI, cùng với sáng tạo văn học và lý luận văn học, phê bình văn học ở nước ta đã có những khởi động mới đáng mừng. Thực tế này phản ánh tinh thần dân chủ hóa tối đa trong cả nhận thức, sáng tạo và tiếp nhận, phù hợp với xu thế chung của hoạt động văn học trên thế giới.

Với tư cách là những bộ phận quan trọng của Khoa Nghiên cứu văn học, lý luận văn học và phê bình văn học luôn bám sát vào đời sống học thuật và sáng tạo văn học để làm chức năng “mỹ học đang vận động” của mình như Béliniski đã nói. Các nhà lý luận và phê bình chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp đã xuất phát từ sự phong phú của cả nền văn học, đặc biệt ưu tiên những tác giả, tác phẩm đương đại để giải mã, chỉ ra những giá trị chính thể trong tính đa dạng và đa trị của chúng tùy theo hướng tiếp cận và hệ hình nghiên cứu của từng nhà phê bình. Theo đó, những hệ quả phê bình xuất hiện và thành tựu cũng đa dạng và đa khuynh hướng. Có xu hướng nhận thức lại, đánh giá lại những thành tựu của phê bình, lý luận và sáng tác quá khứ; có xu hướng bổ sung hoặc đề xuất mới từ những nội dung chính thể của tác phẩm để làm đầy nghĩa cho chúng; có xu hướng vận dụng các lý thuyết hiện đại, hậu hiện đại trên thế giới để giải mã những khía cạnh văn học tương ứng... Trần Đình Sử với công trình *Trên đường biên của lý luận văn học* (Nxb. Văn học, 2015), Đỗ Lai Thúy với *Thơ như là mỹ học*

của cái khác (Nxb. Hội nhà văn, 2012), Tủ sách Hiểu Việt Nam với *Những cạnh khía của lịch sử văn học* (Nxb. Hội nhà văn, 2016), Lê Ngọc Trà với *Nhà văn và sáng tạo nghệ thuật* (Nxb. Trẻ, 2018), Phan Trọng Thưởng với *Nhận diện và lý giải các hiện tượng văn học* (Nxb. Văn học, 2019)... và nhiều luận án tiến sĩ văn học đã được bảo vệ theo hướng tiếp cận những lý thuyết mới là minh chứng cho nỗ lực và tinh thần đổi mới phê bình và nghiên cứu văn học ở nước ta những năm vừa qua.

Lý luận văn học, phê bình văn học hiện đại Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, đặc biệt là từ ba thập niên cuối thế kỷ XX đến những thập niên đầu thế kỷ XXI. Chúng ta liên tục chứng kiến sự xuất hiện những bài phê bình, những công trình, chuyên luận nghiên cứu có giá trị, do các tác giả đã vận dụng có sáng tạo những phương pháp nghiên cứu văn học trên thế giới và biến nó thành thao tác khoa học trong nghiên cứu tác giả, tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu, trường phái có hiệu quả. Phê bình văn học ở nước ta đã có bước phát triển mới, đạt đẳng cấp cao. Chỉ riêng lĩnh vực phê bình các thể loại văn học Việt Nam hiện đại từ năm 1945 đến nay, chúng ta có thể ghi nhận công lao đổi mới của nhiều thế hệ nhà lý luận, phê bình chuyên nghiệp nổi tiếng như: Hoàng Trinh, Phan Cự Đệ, Hà Minh Đức, Phong Lê, Phương Lựu, Nguyễn Văn Hạnh, Trần Hữu Tá, Đinh Xuân Dũng, Trần Đình Sử, Mai Quốc Liên, Mã Giang Lân, Nguyễn Đăng Mạnh, Đỗ Đức Hiểu, Hoàng Ngọc Hiến, Đăng Anh Đào, Lê Ngọc Trà, Lã Nguyên, Phan Trọng Thưởng, Trần Đăng Xuyên, Trương Đăng Dung, Nguyễn Đăng Diệp, Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Ngọc Thiện, Nguyễn Bá Thành,

Huỳnh Như Phương, Đỗ Lai Thúy, Mai Hương, Lộc Phương Thủy, Đào Tuấn Ánh, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Phan Thu Hiền, Nguyễn Thị Minh Thái, Lưu Khánh Thơ, Lý Hoài Thu, Đoàn Thị Đặng Hương, Nguyễn Thị Bình, Lê Lưu Oanh, Tôn Phương Lan, Bích Thu, Trịnh Bá Đĩnh, Văn Chinh, Nguyễn Thành Thi, Chu Văn Sơn, Trần Hình, Đào Duy Hiệp, Văn Giá, Lê Huy Bắc... Các công trình của các tác giả trên đã đề cập đến nhiều tác giả, tác phẩm, nhiều hiện tượng văn học nổi bật cũng như giai đoạn văn học, thời đại văn học với nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau như Thi pháp học, Phong cách học, Văn hóa học, Phân tâm học, Tự sự học, Ký hiệu học, Thông diễn học, Ngôn ngữ học, Văn học so sánh, Cấu trúc luận, Nữ quyền luận, Phê bình sinh thái...

Có được những động thái và hệ quả ấy, chính là nhờ luồng gió “Đổi mới (từ năm 1986) mà Đảng đã khởi xướng và cổ động. Và bên cạnh đó là sự du nhập các lý thuyết nghiên cứu văn học hiện đại trên thế giới vào nước ta. Chúng đã kích hoạt ý thức đổi mới lý luận, phê bình văn học của từng chủ thể. Có thể nói, đời sống lý luận, phê bình văn học những năm qua ở Việt Nam diễn ra khá dân chủ, linh hoạt và có những thành tựu đáng kể. Qua đó, nó tác động và đồng hành với sáng tạo văn học một cách thiết thực và liên tục.

Căn cứ vào thành tựu lý luận, phê bình văn học ở nước ta từ đầu thế kỷ XX đến nay, có thể thấy rằng, ở giai đoạn nào, thời kỳ nào cũng có những nhà lý luận, phê bình trẻ, tài năng và giàu cá tính sáng tạo tiếp nối. Họ luôn góp tiếng nói và phong cách của thế hệ mình để làm nên diện mạo văn học, làm nên đời sống học thuật sinh động cho cả tiến trình văn học. Và như một thực tế sinh động, các nhà lý luận,

phê bình văn học trẻ ấy rồi cùng già, cũng bị thay thế bởi những thế hệ trẻ khác nối theo nhau làm cuộc chạy đua tiếp sức, hướng khát vọng đổi mới văn chương, học thuật về chân trời phía trước.

2. Lý luận, phê bình văn học ở Việt Nam - nhìn từ lực lượng cầm bút trẻ

Ở nước ta, từ Đổi mới đến nay đã có sự kế thừa và chuyển giao thế hệ đầy ngoạn mục. Những điều kiện cần và đủ để hình thành một thế hệ các nhà lý luận và phê bình trẻ đã thực sự chín muồi và diễn ra hợp quy luật. Họ hùng hậu, đông vui. Họ có trình độ văn hóa và trình độ phê bình cao; có đam mê và giàu sáng tạo. Họ ưa chuộng cái mới, nhiều lúc đến thái quá, vượt ngưỡng nữa là khác. Họ có trình độ ngoại ngữ và tiếp kiến, tiếp biến nhiều tư tưởng mới từ các hệ thống lý thuyết phương Tây nên sự vận dụng vào từng không gian văn học tương thích để giải mã tác phẩm nhìn chung là có hiệu quả. Chưa bao giờ đội ngũ làm lý luận, phê bình văn học trẻ ở nước ta lại đông đảo, đa dạng và chất lượng như hiện nay. Dù chưa nắm bắt đầy đủ, nhưng cũng có thể điểm lại một danh sách hùng hậu các nhà phê bình trẻ đang say mê hoạt động văn học như: Phạm Xuân Thạch, Trần Văn Toàn, Phùng Gia Thế, Phùng Ngọc Kiên, Mai Thị Liên Giang, Đoàn Ánh Dương, Phạm Văn Ánh, Trần Ngọc Hiếu, Đỗ Văn Hiểu, Trần Thiện Khanh, Phạm Phương Chi, Trần Huyền Sâm, Nguyễn Thị Tịnh Thy, Hoàng Thị Huế, Đỗ Hải Ninh, Đặng Thu Thủy, Lê Hương Thủy, Đỗ Thu Hiền, Đỗ Thị Thu Huyền, Lê Thị Dương, Đặng Thái Hà, Phan Tuấn Anh, Nguyễn Mạnh Tiến, Hoàng Thụy Anh,

Nguyễn Thanh Tâm, Cao Việt Dũng, Ngô Hương Giang, Mai Anh Tuấn, Đoàn Minh Tâm, Thái Phan Vàng Anh, Hoàng Đăng Khoa, Hoàng Tố Mai, Nguyễn Văn Thuấn, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Đức Toàn, Phan Trọng Hoàng Linh, Nguyễn Thành Trung, Lê Nguyên Long, Trần Văn Trọng, Hoàng Cẩm Giang, Diêu Lan Phương, Cao Kim Lan, Trần Đăng Trung, Lê Thiếu Nhơn, Võ Tấn Cường, Huỳnh Thu Hậu, Nguyễn Trọng Hiếu, Trần Hoàng Hoàng,... Họ đã nối tiếp nhau với tư cách cùng thế hệ (the same generation) để làm nên dàn đồng ca thống nhất về nền tảng văn hóa - triết mỹ, nhưng đa thanh và đa dạng và đa sắc theo cá tính và phong cách riêng với hướng tiếp cận lý thuyết sở trường riêng của từng chủ thể.

Đây là một thực tế mà cũng là một quy luật. Với thời đại công nghệ, truyền thông thì điều này lại càng hợp quy luật. Và nó phải diễn ra như thế. Vì các phương tiện truyền thông thì bao giờ cũng nhanh, nhạy và trực tiếp về không gian và thời gian. Nó là thế giới phẳng (flat world) và tiếp nhận phẳng (flat reception) rất tiện lợi cho người đọc thời đương đại (comtemporary readers). Chức năng giao tiếp qua các phương tiện này rút gần khoảng cách về không gian và thời gian, về nhận thức thẩm mỹ cho cộng đồng người đọc.

Điểm đáng quan tâm ở thế hệ nối tiếp này là họ đều có động thái và nhận thức đúng đắn về vai trò của Lý luận văn học, Phê bình văn học trong mối quan hệ tổng thể của Khoa Nghiên cứu văn học, bên cạnh Lịch sử văn học và Phương pháp luận nghiên cứu văn học. Với vai trò là “mỹ học đang vận động” theo cách nói của Bélinksi, thì quả thật, từ Đổi mới đến nay, từ những nhà lý luận, phê bình trẻ nói trên, nền

lý luận, phê bình đương đại nước ta đã thực sự tạo ra hiệu quả mới và mỗi người đều có vị trí riêng của mình trong đời sống văn học cộng đồng.

Các phương pháp nghiên cứu, trào lưu nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu của họ rất đa dạng và luôn cập nhật có sáng tạo. Các hệ hình sáng tác, hệ hình nghiên cứu đa dạng trên thế giới cũng được họ nhìn nhận, đánh giá và vận dụng có hiệu quả - từ những lý thuyết quen thuộc như Thi pháp học, Phong cách học, Văn hóa học, Phân tâm học; đến những hệ thống lý thuyết mới du nhập như: Mỹ học tiếp nhận, Tự sự học, Chủ nghĩa cấu trúc, Chủ nghĩa hiện sinh, Nữ quyền luận, Phê bình hậu thực dân, Phê bình sinh thái, Văn học phi lý, Văn học huyền ảo, Hiện tượng học, Tường giải học/ Thông diễn học... Và đặc biệt là Chủ nghĩa hậu hiện đại, được du nhập và hiện diện trong nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả lý luận, phê bình trẻ được ấn hành từ đầu thế kỷ XXI... Công bằng mà nói, sự đa dạng trong nghiên cứu và ứng dụng của các nhà lý luận, phê bình văn học trẻ, đa số là thực sự có tìm tòi, sáng tạo, hình thành những giá trị riêng, tránh được sự ngộ nhận hoặc rập khuôn, máy móc.

Với trình độ văn hóa và phông nền triết mỹ nói chung cộng với trình độ ngoại ngữ và sự nhạy bén trong tư duy khoa học, thao tác khoa học, cũng như trong cái nhìn nghệ thuật đã giúp họ có những bứt phá và tạo đà khá vững chắc khi đi vào từng không gian văn học, từng đối tượng văn học cụ thể. Điều đặc biệt là họ không lặp lại mình và không chồng lấn, dẫm đạp lên nhau. Học tập, kế thừa truyền thống lý luận, phê bình của các thế hệ quá khứ, nhưng mỗi người có

lối đi riêng và lộ trình riêng trong toàn đội hình. Họ biết phát hiện và đề xuất nhiều hướng nghiên cứu mới. Với văn chương, nghệ thuật, điều này là cần thiết và dân chủ, góp phần khẳng định vững chắc cho sự phát triển vững mạnh của Khoa Nghiên cứu văn học.

Bên cạnh sự quan tâm hướng đến các trào lưu, khuynh hướng lý luận, phê bình văn học thế giới mà ở đó chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hậu hiện đại là tiêu điểm chung, chúng ta thấy mỗi người trong thế hệ này đều có ý thức rẽ sang quan tâm chuyên sâu một vài lĩnh vực sở trường mà mình lựa chọn và có ý hướng ngay từ điểm xuất phát nghiệp văn. Chúng ta có Đoàn Ánh Dương chuyên chú về mảng văn chương gắn với tâm thức và không gian lịch sử dân tộc và hậu thực dân, Nguyễn Mạnh Tiến nghiên về dân tộc học và tâm lý học tộc người, Trần Ngọc Hiếu xuất phát từ lý thuyết trò chơi để nghiên cứu ngôn ngữ thơ Việt Nam hiện/hậu hiện đại, Mai Anh Tuấn hướng về nhân chủng học văn hóa, Phan Tuấn Anh với văn học hậu hiện đại, văn học huyền ảo và văn học ngoại biên, Cao Kim Lan với tu từ học tiểu thuyết, Nguyễn Thị Tịnh Thy với phê bình sinh thái, Trần Huyền Sâm với nữ quyền luận và phân tâm học, Ngô Hương Giang gắn lý luận văn học với triết lý, hiện tượng luận và thông diễn học, Nguyễn Văn Thuấn với nghệ thuật liên văn bản, Phùng Ngọc Kiên với hệ quy chiếu trường văn học, Lê Nguyên Long với văn chương kỳ ảo và ký hiệu học, Hoàng Cẩm Giang với nghệ thuật hậu hiện đại, Trần Đăng Trung với “văn học chấn thương”... Vậy là, xuất phát từ cái nền văn hóa, triết lý chung mà họ đã tiếp thu qua môi trường học thuật trong nước và thế giới bằng nhiều con đường và nhiều

kênh giao tiếp khác nhau, mỗi người đã tự mình tiếp biến và giao biến trong tiếp nhận để làm nên sự thực hành riêng trong lý luận và phê bình văn học, mang bản sắc và tiếng nói riêng của thế hệ mình. Sự đa dạng trong đời sống văn chương, học thuật như thế đã nêu lên tinh thần dân chủ và khuynh hướng nhận thức tối đa của một nền lý luận, phê bình lành mạnh, đang trưởng thành và hứa hẹn một thành tựu mới đồng hành, vươn lên cập nhật với nền lý luận, phê bình văn học hiện đại/hậu hiện đại trên thế giới. Dĩ nhiên là vẫn còn những so le và bất cập đối với không ít những thể nghiệm và thực hành không thành công. Còn một số trường hợp trùng tràn, vòng vèo và chưa thật sự về đích hiệu quả.

Nhưng như một quy luật nữa của sáng tạo và tiếp nhận, đó là bên cạnh việc kiến lập nền những thực thể sáng tạo (tác phẩm văn học) và thực thể tiếp nhận (công trình lý luận, phê bình văn học) - như là những khâu móc xích bản chất trực tiếp, cụ thể của quá trình văn học từ tác giả văn học đến tác phẩm văn học và độc giả văn học. Đến đây, nổi lên vấn đề cần nhận thức rõ để tránh mơ hồ. Đó là, với khâu móc xích bộ ba nói trên (tác giả, tác phẩm, độc giả chuyên nghiệp), nhiều người tưởng rằng đó chính điểm xuất phát trước tiên (first point) và là điểm đến cuối cùng (final destination) của quá trình văn học mà không cần đến điều kiện cần và đủ nào khác nữa. Thực ra, không phải như vậy. Đời sống văn học, mà cụ thể là quá trình văn học/tiến trình văn học không chỉ dừng lại ở điểm xuất phát và điểm đến trực tiếp như thế - dù rằng đó là khâu bản chất đầu tiên. Mà quan trọng là phải thấy một nhân tố quan trọng khác nữa, nếu không muốn nói rằng đó là nhân tố cuối cùng có ý nghĩa quyết định sự tồn tại

và tương lai của cả phong trào văn học/tiến trình văn học. Chúng tôi muốn nói đến khâu tiếp nhận của công chúng người đọc rộng lớn, nhưng họ không phải là những người chuyên nghiệp trực tiếp viết nên những trang phê bình, tiểu luận cụ thể nào để in trên mặt giấy hoặc trên các phương tiện truyền thông hằng ngày. Họ là những người thường xuyên tiếp nhận, thụ hưởng văn học theo nghĩa thông thường - tiếp nhận gián tiếp/không chuyên để được định hướng thẩm mỹ qua các công trình nghiên cứu của các nhà lý luận, phê bình chuyên nghiệp, cao cấp (đó là độc giả nói chung) hoặc tiếp nhận qua đọc và hiểu, giải mã tác phẩm nhưng không có điều kiện để viết thành văn bản lý luận, phê bình thực thụ (đó là độc giả học sinh, sinh viên và các giảng viên văn học ở bậc học phổ thông các cấp). Vậy, lý luận, phê bình phải ý thức hướng về toàn bộ đối tượng người đọc như trên để trùu xuất và khai quát thành hệ thống lý thuyết, thành phương pháp tiếp cận lý thuyết, từ đó, vận dụng vào thực hành phê bình có hiệu quả.

Quả là lý luận và phê bình văn học trẻ thời hiện đại ở nước ta, dù ý thức hay chưa ý thức, dù trực tiếp hay gián tiếp đã thực hiện có hiệu quả chức năng và nhiệm vụ của mình với tư cách là bộ phận định hướng tiếp nhận thẩm mỹ cho mọi đối tượng tiếp nhận một cách phổ quát và cập nhật.

Đến đây, có thể xác nhận/xác định được sự hiện diện của một thế hệ trẻ đồng đảo làm công tác lý luận, phê bình văn học với những thành tựu ban đầu vững chắc, và hứa hẹn những tiềm năng hy vọng trong tương lai. Điều đó không hề là ảo tưởng như chúng tôi đã phân tích. Đến đây, thiết nghĩ không bàn gì thêm trước khi kết thúc bài viết.

Nhưng, chúng tôi lại muốn nhìn nhận một hiện tượng thực tế, xem đây như là phần vĩ thanh cho bài viết ngắn này.

Đúng là lý luận, phê bình văn học đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống học thuật văn chương và sáng tạo văn chương, nó tác động trực tiếp đến sự phát triển của cả nền văn học. Và thực tế, nền văn học nước ta qua các giai đoạn, đặc biệt là giai đoạn từ Đổi mới đến nay, lý luận, phê bình bám rất sát nguồn mạch sáng tác. Những tác phẩm (cả thơ và văn xuôi) có giá trị được ấn hành, liền có những bài viết (cả phê bình chuyên sâu và phê bình báo chí) lên tiếng và kịp thời có tiếng nói minh định, tác động và định hướng tiếp nhận thẩm mỹ tốt cho công chúng. Cả những tác phẩm của những nhà văn Việt Nam ở hải ngoại cũng như những tác giả, tác phẩm văn học dịch. Các phương tiện công bố cũng đa dạng từ báo, tạp chí Trung ương và địa phương, kể cả các phương tiện truyền thông, mạng Internet, các website, các trang blog cá nhân... Nhờ đó mà chiếc cầu nối giữa tác phẩm và người đọc thông qua nhà phê bình chuyên nghiệp cũng nhanh, nhẹ và có tác động trực tiếp.

Tuy vậy, căn cứ thực tiễn sáng tạo sôi động ở nước ta trong những thập niên qua, nhiều tác phẩm văn học có tiếng vang và dư luận trái chiều ra đời lại vắng tiếng nói thẩm định và kết luận của những nhà phê bình trẻ chuyên nghiệp (như đã điểm danh bên trên). Đó cũng là một thực tế khách quan. Vì các nhà phê bình lúc nào cũng ít hơn nhà sáng tác rất nhiều và không phải lúc nào họ cũng lập tức có các tác phẩm ấy trong tay, do khoảng cách không gian, do khâu phát hành co cụm từng miền, cũng có khi do sở thích, hoặc một vài lý do chính đáng nào đó ngoài văn học... Chưa kể những bài

phê bình không còn tính thời sự công bố trên các phương tiện sách, tạp chí, báo và chuyên san. Nó xuất hiện muộn hơn vì phụ thuộc vào quá trình in ấn, định kỳ. Hơn nữa, tạp chí đâu phải nhiều và thuận tiện như phương tiện mạng. Chưa kể việc xuất bản định kỳ và số lượng ấn hành ít cũng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình tiếp nhận. Và đó cũng là lý do chính đáng để bào chữa cho sự vắng mặt những trang phê bình cập nhật của họ trên văn đàn. Nhưng cũng cần thấy một thực tế khiếm khuyết chủ quan về sự thiếu vắng này. Đó là họ thường chỉ chú tâm, nghiêng về các hiện tượng văn học và không gian văn học có tính đỉnh cao và độc đáo; có nhiều người lại chọn tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài. Những bài viết, công trình này thường xuất hiện sau, thiếu tính cập nhật/thời sự vì họ muốn thận trọng và khoa học trong đánh giá và kết luận chính xác các giá trị bản chất của tác phẩm. Đó là điều đúng, nhưng bên cạnh đó, còn nhiều tác giả, tác phẩm văn học khác, thì họ không kịp thời có tiếng nói trực diện. Một số người chỉ chú tâm vào những công trình dài hơi, trọng điểm ổn định để yên vị. Họ chưa thực sự bám sát vào mặt bằng không khí văn học thời đương đại đang tiếp diễn. Có vài trường hợp rơi vào “đao to búa lớn”, vì cá nhân nhiều hơn là vì tranh luận học thuật. Hoặc có lúc, họ đứng bên lề những hiện tượng xôn xao văn học cá lẻ, đặc biệt là trước những tác phẩm “giả nghệ thuật” và những bài viết “giả/ngụy phê bình”, phát ngôn không chính thống và thiếu tính học thuật của những cá nhân “không tên tuổi” trên các phương tiện Internet, gây hồ nghi cho dư luận. Đa phần những bài viết ấy chưa qua khâu biên tập và tự họ post lên những trang mạng giao diện cá nhân, làm nhiễu thông tin và

nhiều định hướng thẩm mỹ cho người đọc. Những độc giả cao cấp, họ sẽ phân định được chất lượng và giá trị học thuật của bài viết, nhưng những độc giả phổ thông thì họ có thể bị đánh lừa. Vậy, đây chính là chỗ để các nhà phê bình chuyên nghiệp trẻ lập đầy những chỗ trống bằng tài năng của mình. Người đọc phổ thông cần những bài viết đúng đắn, định hướng nghệ thuật và thẩm mỹ tốt của những nhà lý luận, phê bình trẻ chuyên nghiệp là yêu cầu chính đáng và dân chủ. Thiết nghĩ, với sự nhạy cảm nghề nghiệp của mình, các nhà lý luận, phê bình trẻ nên phát huy hiệu quả trực tiếp và khắc phục những bất cập nói trên.

Dù vậy, nhìn chung về bề mặt đời sống sáng tạo và học thuật văn chương thời hiện đại và đương đại ở nước ta, thì tiếng nói của các nhà lý luận, phê bình trẻ, theo tôi là có trọng lượng và có tác động học thuật tích cực đến tiếp nhận và sáng tác văn học (dù những công trình dài hơi của họ chưa nhiều). Họ đang nỗ lực làm tốt chức năng mỹ học tiếp nhận của mình với tư cách là những chủ thể phê bình chuyên nghiệp thời đương đại đang tiếp diễn. Tiềm năng và khát vọng đổi mới văn chương, học thuật của họ sẽ thành hiện thực trong tương lai.

*

* * *

Là những bộ môn hợp thành của Khoa Nghiên cứu văn học, lý luận văn học và phê bình văn học có nhiệm vụ theo dõi, đánh giá, tổng kết văn học dân tộc từng thời kỳ, giai đoạn với phương pháp và đối tượng làm việc riêng. Đối tượng và quan hệ giữa Lý luận văn học và Phê bình văn học với

Lịch sử văn học và Phương pháp luận nghiên cứu văn học có những đặc thù riêng và biến đổi theo từng giai đoạn nếu chúng xuất hiện những giới hạn và bất cập trước sự phát triển của đời sống cũng như trước nhu cầu tự thân của chính mình. Việc ngày càng có nhiều người tay ngang ngẫu hứng “nhảy” vào làm phê bình, điểm bình và nhận định văn học và không ít người ảo tưởng xem mình là những nhà phê bình thực thụ lại càng nhiều. Và nhất định trong những người phê bình này, có hơn phân nửa là phê bình cảm hứng, không có phương pháp lý thuyết, thì sự hiện diện của thế hệ các nhà lý luận, phê bình trẻ chuyên nghiệp ở nước ta là dấu hiệu đáng mừng, biểu hiện sự trưởng thành của một nền văn học đang phát triển vững chắc. Lý luận và phê bình văn học trên thế giới hiện nay đang trên đà tiếp tục phát triển và thành tựu. Lý luận, phê bình văn học hiện đại ở ta đã thực sự nồng động và hội nhập với phê bình văn học thế giới một cách sáng tạo và tạo ra những thành tựu đáng kể. Nhưng như một quy luật hiển nhiên, không có thành tựu nào lại nhất thành bất biến, mà luôn có phá và thay, có cố định và bổ sung, có vận động và phát triển, có giới hạn và khắc phục giới hạn. Các nhà lý luận, phê bình văn học trẻ Việt Nam hiện nay đã và đang đồng hành cùng cuộc sống và văn chương cũng như các hình thái ý thức xã hội khác để tiếp tục khẳng định vị trí và chức năng của mình trong việc giải mã những giá trị lớn của văn học quá khứ và hiện đại - đặc biệt là văn học đương đại theo trình độ, phương pháp tiếp cận tối ưu và đa dạng trong khả năng có thể của mình.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT HIỆN NAY TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

TS. VŨ THỊ THU HÀ

Thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, kế thừa thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ lần thứ ba, thế giới đón nhận những bước tiến đột phá của cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư. Xu hướng phát triển tất yếu, khả năng tương tác cao, ứng dụng công nghệ cao của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, văn hóa - xã hội trong đó có văn học, nghệ thuật. Đây có thể coi là “thời đại của sự tương tác” diễn ra sôi động trong đời sống văn chương học thuật. Theo Giáo sư Phan Trọng Thưởng: “Đối với văn nghệ sĩ, trong thời đại 4.0, thời của internet, phương tiện làm việc không còn là cây bút, tờ giấy truyền thống mà là máy tính và mạng toàn cầu. Phương tiện mới không chỉ tạo thêm tiện ích mới mà còn tạo thêm cho văn nghệ sĩ vị thế mới, nếp cảm, nếp nghĩ mới, nguồn tri thức mới để làm việc và sáng tạo”¹.

1. Bài viết “Nhận diện các khuynh hướng vận động và phát triển của văn học, nghệ thuật Việt Nam” in trong PGS.TS. Phan Trọng Thưởng: *Nhận diện và lý giải các hiện tượng văn học*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2019, tr.61-62.

Việc tiếp cận và tận dụng lợi thế của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đến phê bình văn học, nghệ thuật đương đại, đòi hỏi cần có sự đánh giá, khách quan, khoa học; có kiến giải phù hợp để thấy rằng, phê bình văn học, nghệ thuật trong thời đại mới đang vận động, đổi mới, thích ứng với môi trường mới, khuynh hướng mới, đa chiều, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng tìm hiểu ảnh hưởng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến mọi mặt của đời sống văn học, nghệ thuật mà chỉ giới hạn trong việc tìm hiểu những ảnh hưởng này đến hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật (văn học thị trường, âm nhạc thị trường, phim truyền hình...), các hình thức, phương thức truyền bá - phân phối của truyền thông công nghệ; nhu cầu, sự thỏa mãn thị hiếu tiếp nhận của công chúng.

1. Những thuận lợi và thách thức

Thuật ngữ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư lần đầu tiên được nhắc đến vào năm 2011 trong Hội chợ công nghệ Hannover, Cộng hòa Liên bang Đức. Năm 2016, khái niệm Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được phổ biến rộng rãi ra toàn thế giới thông qua Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) bởi Giáo sư Klaus Achwab - người đồng sáng lập diễn đàn WEF. Theo đó, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư "... là một xu thế mới, lớn hội tụ nhiều công nghệ trên nền tảng số hóa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba với sự phát triển đột phá của công nghệ internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo xử lý dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ khác để thực

hiện siêu kết nối, tích hợp các hệ thống số hóa - vật lý sinh học, giữa thế giới thực và không gian số tạo ra lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới, chuyển đổi toàn diện trên tất cả các mặt của cuộc sống, từ tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, phương thức kinh doanh đến cách thức tiêu dùng”¹. Với những đặc trưng cơ bản, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư “đã liệu trở thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, môi trường sản xuất phi tập trung, phạm vi toàn cầu, kết nối internet tốc độ cao”². Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dựa trên nền tảng phát triển của công nghệ thông tin, kỹ thuật số, internet tốc độ cao, mã hóa sản phẩm, kết nối toàn cầu đã tạo ra hàng chuỗi các sản phẩm công nghệ có tác động trở lại nhiều hoạt động xã hội, kinh tế; kết nối mở rộng tầm ảnh hưởng, giao lưu và hội nhập quốc tế; kết nối con người - con người, con người - mạng internet, công nghệ cao. Với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trở thành công cụ hữu hiệu để quảng bá, PR cho các sản phẩm văn hóa nghệ thuật; là phương thức trung gian giúp cho các nhà phê bình dễ dàng tiếp cận, tương tác đa chiều với các hoạt động văn học, nghệ thuật như: tiếp thu hệ thống lý thuyết mới, kịp thời phát hiện, thẩm định những tác phẩm hay, có giá trị; đề cao, động viên, khích lệ người nghệ sĩ có tài năng, tâm huyết; góp phần khơi gợi, định hướng, trau dồi nhận thức cho người đọc; đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu

1, 2. TSKH. Nguyễn Văn Bình (Chủ biên): *Chủ trương, chính sách của Việt Nam chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (4.0), Ban Kinh tế Trung ương, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2019, tr.25, 27.

của công chúng văn học đương đại; đồng thời thể hiện thái độ, quan điểm, lập trường “lên án, phê phán” những tác phẩm “lệch lạc” thiếu chuẩn mực.

Trong cấu trúc khoa học văn học, phê bình văn học giữ vai trò, vị trí quan trọng. Từ tác phẩm phê bình *Phê bình và cáo luận* (1933) của Thiếu Sơn đến các cuộc tranh luận văn chương sôi nổi trên văn đàn sau này như: tranh luận văn nghệ Việt Bắc (1949), tranh luận về tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu (1955), tranh luận tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, tranh luận về hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp với bộ ba truyện ngắn viết về lịch sử (*Vàng lửa*, *Kiếm sắc*, *Phẩm tiết*), Nguyễn Ngọc Tư với tác phẩm *Cánh đồng bất tận...*; các bài viết phê bình tranh luận về yếu tố sex trong văn học, văn học đồng giới, văn học thị trường, văn học mạng... cho thấy, hoạt động phê bình diễn ra sôi nổi, nhiều thanh âm, màu sắc, luôn thay đổi, vận động phù hợp với thực tiễn sáng tác và tiếp nhận của người đọc. Ở lĩnh vực âm nhạc - đây là thời của âm nhạc thị trường, âm nhạc giải trí. Thật không khó để công chúng tìm kiếm các ca khúc mới, nhạc sĩ mới, bằng một cú click chuột công nghệ trên mạng xã hội. Nền tảng công nghệ, sự lăng xê của truyền thông đa phương tiện giúp cho nhiều dự án âm nhạc được triển khai thành công với số lượng kinh phí lớn. Sự nổi tiếng trong âm nhạc được thị trường định vị bằng các danh xưng như: “Diva làng nhạc Việt”, “Ông hoàng nhạc Việt”, “Hoàng tử nhạc Việt”, “Công chúa nhạc Việt”, thần tượng âm nhạc, “Nữ hoàng Bolero”,... Nhiều sản phẩm âm nhạc dễ dàng trở thành “siêu phẩm”, “MV hot nhất mạng xã hội tuần qua”, thậm chí lọt vào (top ten) những ca khúc hay, thu hút lượng view của đông đảo công chúng trẻ

qua trang cá nhân mà ít cần đến các bài phê bình phân tích công phu, có chất lượng chuyên môn tốt. Mạng xã hội tràn ngập những tương tác bình luận thể hiện sự yêu thích sản phẩm âm nhạc. Giá trị của tác phẩm âm nhạc trẻ không đo bằng thước đo thẩm định của các nhà nghiên cứu, phê bình mà bằng sức hút của người nghe/người xem qua những ứng dụng mạng xã hội. Điều này cho thấy, phê bình âm nhạc thiếu vắng những bài viết có chất lượng khoa học về các thể loại âm nhạc truyền thống, âm nhạc hàn lâm và tràn ngập những trang phê bình đại chúng - tương tác nhạc trẻ - nhạc thị trường trên diễn đàn xã hội ứng dụng công nghệ.

Hiện nay, trước tình hình thực tiễn sáng tác đa dạng, đa chiều, phức tạp, phê bình văn học, nghệ thuật nhận được sự quan tâm của các nhà quản lý - tổ chức văn nghệ, giới nghiên cứu học thuật. Nhiều hội thảo, tọa đàm đã được tổ chức nhằm *Nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay*¹ cho thấy, phê bình luôn là vấn đề thời sự “nóng hổi”, có vị trí quan trọng trong đời sống văn chương đương đại. Trước đây, phê bình văn học có lúc “thiếu, yếu, phê bình thiếu chuyên nghiệp” (GS. Phong Lê), nghiệp dư, cảm tính, đội ngũ phê bình báo chí lấn át phê bình hàn lâm... thì nay, trước nỗ lực của các nhà phê bình, sự thay đổi trong sáng tạo (đa dạng về thể loại và chất lượng), sự quan tâm của nhiều cấp, ngành quản lý văn hóa, phê bình văn học, nghệ

1. Hội thảo “Nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay” do Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức tại Hà Nội, năm 2012. Đây là Hội thảo có quy mô lớn, quy tụ nhiều học giả nổi tiếng trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật tham gia.

thuật có sự vận động, thay đổi, hội nhập với tình hình mới: “Hiện nay, văn học Việt Nam hình như đang bước sang một giai đoạn khác. Nhiều quan niệm văn học đã khác xa với thời tiền hiện đại hoặc hiện đại, một số cấm kỵ được dỡ bỏ, “văn học trẻ” rất phát triển, xuất hiện văn học mạng, văn chương blog và hiện tượng samidzat. Hệ giá trị thẩm mỹ có thể bị đảo lộn một lần nữa”¹. Thời kỳ này, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ với những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, tiện ích xã hội, truyền thông báo chí đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động phê bình. Hệ thống lý thuyết phê bình nước ngoài được giới thiệu và tiếp nhận vào Việt Nam đa dạng (phê bình hiện tượng học, phê bình giải cấu trúc, phê bình thông điệp học, phê bình phân tâm học, phê bình sinh thái, phê bình thi pháp học, phê bình nữ quyền...). Phê bình trở thành trung gian kết nối nhà văn - người đọc/công chúng. Điều này chúng ta có thể dễ dàng thấy trên các diễn đàn phê bình văn học, nghệ thuật như điện ảnh, âm nhạc, văn học... Việc xuất hiện các trang fanpage riêng nhằm giới thiệu, quảng bá trong các lễ ra mắt sách, ra mắt phim, ra mắt sản phẩm âm nhạc,... đã tạo hiệu ứng rất tích cực với công chúng trẻ.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra các hình thức tiếp cận hiện đại giữa người nghệ sĩ - nhà phê bình - công chúng. Internet công nghệ cao kết nối các cuộc trao đổi, giao lưu trực tuyến mang hình ảnh, màu sắc sinh động, thu

1. Đỗ Lai Thúy: “Phê bình văn học Việt Nam và vấn đề tiếp nhận lý thuyết nước ngoài”, truy cập <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/nhung-goc-nhin-van-hoa/phe-binh-van-hoc-viet-nam-va-van-de-tiep-nhan-ly-thuyet-nuoc-ngoai>, ngày 04/11/2012.

hút đám đông trong nhiều sự kiện như: trang riêng facebook trực tuyến, tọa đàm cà phê, ra mắt sách - ký tặng sách, các fanclub... Ở lĩnh vực điện ảnh - truyền hình, nếu trước đây, truyền hình tràn ngập phim Mỹ, phim Trung Quốc, phim Hàn Quốc... thì nay phim truyền hình trong nước đã thu hút sự chú ý của dư luận. Nhiều bộ phim truyền hình trong nước đã hấp dẫn người xem không chỉ ở kịch bản hay, biên kịch giỏi, đạo diễn giỏi, diễn viên tốt mà còn ở các chiêu thức ra mắt phim như phim phát sóng trên các khung giờ vàng, tổ chức họp báo ra mắt phim, tổ chức họp báo giao lưu với đoàn làm phim. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ, việc cho ra đời các trang fanpage riêng dành cho người hâm mộ thông qua sự tương tác công nghệ cho thấy sức hấp dẫn của phương thức quảng cáo loại hình nghệ thuật này rất hữu hiệu. Các kỹ xảo, kỹ năng được sử dụng trong phim một cách hợp lý; các trang facebook chạy quảng cáo, nâng cao tính tương tác giữa người xem, người dùng công nghệ thông qua hệ thống máy tính ứng dụng phần mềm công nghệ, điện thoại công nghệ, máy tính bảng, truyền hình VTV cab... Một số bộ phim truyền hình được phát trên sóng VTV3 thời gian qua như *Người phán xử*, *Gạo nếp gạo tẻ*, *Về nhà đi con*, *Hoa hồng trên ngực trái*, *Sinh tử*... là những các bộ phim “ăn khách”, thu hút sự quan tâm chú ý của công chúng trên nhiều các trang diễn đàn công nghệ. Xu hướng thay thế phim nội với phim ngoại có thể do cách thức truyền thông, quảng cáo, quảng bá sản phẩm điện ảnh làm thay đổi nhận thức, nhu cầu, thị hiếu tiếp nhận của người xem/công chúng. Việc hình thành các trang fanpage chạy trên facebook, google, youtube cho thấy: khả năng “tương tác ảo” thông qua các comment (bình luận), share

(chia sẻ) đã thúc đẩy sự quan tâm của người xem trong thời gian phát sóng, trình chiếu. Tỷ lệ quan tâm và chia sẻ đã đưa các trang tương tác này lên vị trí tìm kiếm hàng đầu của các kênh youtube, facebook. Kết quả của tương tác công nghệ là các bộ phim quảng cáo trên fanpage thu hút lượng view lớn, hình thành các xu hướng mới của giới trẻ (hot trend). Sự xuất hiện các nhân vật, lời thoại trong phim, ca từ âm nhạc, ngôn từ tiểu thuyết, ngôn ngữ thơ... đã tác động đến lối sống, thói quen giao tiếp của một bộ phận công chúng trẻ. Nhà phê bình không cần quá nhiều công phu cho bài viết phê bình đánh giá tác phẩm nghệ thuật mà tự bản thân nó thành hiện tượng (nghệ thuật) trong ngắn hạn nhờ vào công nghệ cao.

Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến phê bình văn học, nghệ thuật đã xuất hiện đội ngũ phê bình trẻ khá năng động, nhiệt huyết, hiện đại. Sự thay đổi này đã tạo nên không khí mới trong phê bình nghệ thuật hiện nay. Các nhà phê bình trẻ và các nhà phê bình gạo cội kết nối và tương tác cùng nhau. Nhà phê bình trẻ chủ động trong việc khẳng định bản thân mình, quan điểm, lập trường trước cái hay, cái lạ, cái mới... của tác phẩm nghệ thuật dưới góc nhìn đa dạng, nhiều chiều. Họ là những nhà phê bình chuyên nghiệp trong thời đại công nghệ số, được đào tạo bài bản tại các Trung tâm đào tạo, các học viện, trường đại học, viện nghiên cứu. Trình độ của các nhà phê bình trẻ ngày càng cao, là cử nhân văn học, thạc sĩ, tiến sĩ, là phó giáo sư trẻ,... thậm chí còn là những nhà báo, nhà truyền thông, xuất bản. Họ là những nhà phê bình có kỹ năng hiểu biết công nghệ, kinh nghiệm, vốn tri thức phong phú, năng động, nhanh nhạy, làm việc ở các cơ quan nghệ thuật như tạp chí *Nghiên cứu*

văn học - Viện Văn học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, tạp chí *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật* (thuộc Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương), tạp chí *Văn nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam, hay các hội, nhóm văn nghệ địa phương... Nhờ được tiếp cận với công nghệ và các tiện ích xã hội, truyền thông trên các diễn đàn văn học, nghệ thuật mà các nhà phê bình dễ dàng cập nhật, bám sát thực tiễn sáng tác - tiếp nhận; họ có thể online tương tác (live) 24/24 giờ trước các sự kiện, hiện tượng văn học, nghệ thuật diễn ra hằng ngày, hằng giờ. Phê bình trẻ cập nhật các hệ thống lý thuyết phê bình qua các trang mạng; hệ thống thư viện trực tuyến trên thế giới; khả năng mua - bán, chọn lọc thông tin trên các giao diện kỹ thuật số từ nhiều kênh thông tin truyền thông nước ngoài mang đến sự hiểu biết, kiến thức phong phú. Bên cạnh đó, việc góp mặt của các giáo sư, tiến sĩ - những nhà nghiên cứu, phê bình kỳ cựu, giàu kinh nghiệm như: Trần Đình Sử, Hà Minh Đức, Phong Lê, Phan Trọng Thưởng, Chu Văn Sơn, Lê Huy Bá, Huỳnh Như Phương, Hoàng Chương, Cao Xuân Ngọc, Lê Tiến Thọ, Trần Trí Trắc, Ngô Phương Lan, Đỗ Hồng Quân, Nguyễn Thụy Kha, Nguyễn Thị Minh Châu... trở thành lực lượng rất quan trọng của đời sống phê bình văn học, nghệ thuật đương đại. Các giải thưởng phê bình văn học, nghệ thuật, các hội thảo, tọa đàm tầm cõi quốc gia, quốc tế được diễn ra trong thời gian qua của Hội đồng Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, Hội Nhà văn Việt Nam, Viện Văn học, các trung tâm nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật, các tạp chí nghiên cứu, phê bình chuyên ngành là những ghi nhận sự cống hiến, khuyến khích, động viên lớn

cho sự nghiệp nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật của họ; góp phần vào việc thẩm định, định hướng các giá trị văn học, nghệ thuật đích thực hiện nay.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư quan tâm tới trí tuệ nhân tạo (AI), đến internet vạn vật kết nối (internet of thing - IOT) và dữ liệu lớn (big data) ảnh hưởng đến chủ thể là các nhà phê bình ở góc độ nào đó được đánh giá cao. Đó là khả năng nhìn nhận cuộc sống hiện đại qua lăng kính phản ánh của nhà văn; khả năng đánh giá, thẩm định tác phẩm khi tiếp cận hệ thống lý thuyết phê bình một cách lý trí; khả năng tiếp cận thông tin qua các hình thức giao lưu, trao đổi đa chiều online; khả năng kết nối - truyền tải thông tin trên diện rộng qua các phương tiện của truyền thông. Điều này không chỉ xảy ra với các nhà phê bình trẻ tuổi mà ngay cả các nhà phê bình lớn tuổi gạo cội cũng bắt đầu để ý, tiếp cận với các hình thức này thông qua việc tìm hiểu, đọc văn bản điện tử, nhận thông tin qua các kênh facebook, zalo, google, e-mail... Việc sử dụng các thiết bị công nghệ như smartphone (điện thoại công nghệ), ipad (máy tính bảng), đồng hồ định vị, đồng hồ nghe gọi, đồng hồ xem giờ kèm phần mềm phiên dịch ngoại ngữ để tương tác trong các hoạt động phê bình đã kết nối người dùng - sản phẩm công nghệ - người sáng tạo nghệ thuật. Việc ứng dụng công nghệ này thu hút sự chú ý của các nhà phê bình lớn tuổi. Nếu như trước đây, các nhà phê bình lớn tuổi thờ ơ, không quan tâm tới công nghệ - kỹ thuật truyền thông nhiều lắm, thì nay, trước xu thế mới, các nhà phê bình lớn tuổi đã bắt đầu để ý đến những công cụ truyền thông, tới công nghệ. Sự giao lưu trực tuyến qua facebook, zalo, qua các trang fanpage giúp họ phần nào nắm

được tình hình thực tiễn sáng tạo cũng như tiếp cận đa dạng từ công chúng. Sách online, đàm đạo trực tuyến, phê bình trực tuyến, các hội quán văn học là những hình thức phê bình trẻ, phê bình mới để họ có thể dễ dàng giao lưu và tiếp cận với người đọc.

2. Một số vấn đề bất cập

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư bùng nổ, đột phá về công nghệ đã tác động đến sự tiếp nhận các hình thức phê bình văn học mới, phương thức biểu hiện mới, khiến phê bình có lúc rơi vào sự “lệch chuẩn, thiếu chuẩn” (Phan Trọng Thủởng). Điều đáng lo ngại là đội ngũ phê bình có chất lượng ngày càng vắng bóng trong những năm gần đây, “không ít những người làm công tác phê bình đã bỏ nghề và lui vào nghiên cứu, viết lịch sử... Nguyên nhân là do không an tâm với nghề, né tránh những vấn đề gay cấn, “dĩ hòa vi quý”, ngại va chạm; cách đào tạo chưa thật sự tốt...”¹ (Phan Đình Tân). Nhà phê bình lớn tuổi có kinh nghiệm, trải nghiệm sống “ngại” viết, ngại đề cập đến những vấn đề mới, những vấn đề đang diễn ra “chưa ngã ngũ”: một trong số họ chủ yếu quan tâm tới “địa hạt” phê bình đã quen thuộc, đã cũ; một số khác - một phần không thể hòa nhập, một phần khác chuyển sang hoạt động phê bình trực tuyến - phê bình nói (giao lưu, giới thiệu, quảng bá) mà ít có những bài viết phê bình có chất lượng thực sự, công phu, nghiêm túc. Điều này dễ hiểu, bởi

1. Thanh Ngọc: “Phê bình văn học, nghệ thuật “Dĩ hòa vi quý””, báo *Văn hóa* (điện tử), truy cập <http://baovanhoa.vn/%C4%91oi-song/artmid/2070/articleid/20675/phe-binh-van-hoc-nghe-thuat-%E2%80%9Cdi-hoa-vi-quy%E2%80%9D>, ngày 31/7/2019.

những bài viết phê bình trong thời đại công nghệ - cần sự tương tác mang tính tức thời, trực tuyến, nhanh, gọn, tiện lợi. Chính vì thế, các bài viết phê bình tương tác công nghệ đáp ứng những yêu cầu đó.

Các nhà phê bình trẻ trong lĩnh vực âm nhạc trẻ, văn học mạng, phim thị trường... có nhiều thế mạnh trong việc tiếp cận các thông tin nhưng họ lại quá quan tâm tới phản ứng, sự tương tác của người đọc - công chúng. Phê bình trẻ thiếu những cây bút phê bình thực sự có kiến thức sâu rộng, ngôn từ chắc chắn, đanh thép, quan điểm, nhận định khoa học khách quan, chặt chẽ. Sản phẩm của phê bình công nghệ là những bài phê bình theo xu hướng thời cuộc (hot trend) mà công chúng yêu thích, quan tâm. Khả năng viết, khả năng nhận định của các nhà phê bình dựa quá nhiều vào sự hài lòng/không hài lòng của người đọc/công chúng khiến cho một số các bài viết phê bình hiện nay nghèo nàn về ý tưởng, thiếu lập luận thuyết phục, nhất là khả năng trao đổi - tranh luận - biện luận. Thời đại công nghệ và thực tế sáng tác nghệ thuật hiện nay lại quá phức tạp, đa dạng, đa chiều khiến số lượng tác phẩm rất nhiều nhưng lại thiếu những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao. Các tác phẩm sáng tác chạy theo trào lưu, theo tâm lý đám đông của các phiên bản điện tử, một mặt giúp tác phẩm dễ dàng đến với bạn đọc, nhưng mặt khác lại hình thành những tác phẩm “ăn xổi” dễ dãi trong ngôn từ, phê bình cũng vì thế mà trở nên nhợt nhạt, nghèo nàn.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã tác động đến công chúng tiếp nhận làm thay đổi phương thức đọc, phương thức tiếp cận của người đọc. Chính vì thế việc đọc, xem, thưởng

thức tác phẩm nghệ thuật trở nên hời hợt, chóng vánh. Một số các nhà phê bình tự đăng tải bài viết của họ trên các trang điện tử, hoặc xuất bản (tự xuất bản) với mục đích phục vụ cho cá nhân hoặc phục vụ cho mục đích giải trí, ít tính khoa học. Trước mỗi hiện tượng văn học, nghệ thuật, người đọc, người xem dễ dàng trở thành những nhà phê bình nghiệp dư bằng các hình thức bình luận (review), tương tác nhóm, bình luận nhanh thông qua tiện ích công nghệ. Vì thế “tự do mạng xã hội” khiến phê bình không có đơn vị tổ chức kiểm duyệt, kiểm soát chất lượng các bài viết dẫn đến tình trạng “nhiều loạn phê bình”, “hoạt động phi nghệ thuật”, phê bình chưa làm tròn nhiệm vụ đánh giá, thẩm định, định hướng văn học, kết nối sáng tạo văn học với nhu cầu thị hiếu của người đọc, công chúng.

3. Giải pháp - kiến nghị

Trước hết, các nhà phê bình trẻ là những người có kỹ năng tốt, am hiểu về công nghệ, khả năng thích ứng thử thách công việc, vì vậy, cần nâng cao nhận thức, trau dồi, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ phê bình trẻ thông qua các lớp bồi dưỡng, khóa bồi dưỡng, các hội thảo, tọa đàm được tổ chức, quản lý bởi các tổ chức, cơ quan quản lý về văn học, nghệ thuật.

- Xây dựng hệ thống quản lý, thông tin phê bình trực tuyến tạo môi trường tương tác, trao đổi giữa các nhà phê bình hàn lâm - phê bình trẻ/báo chí (phê bình trực tuyến) với người đọc, công chúng văn học. Các diễn đàn văn học, nghệ thuật sử dụng tiện ích công nghệ, một mặt gắn kết các nhà phê bình lớn tuổi và trẻ tuổi lại với nhau, mặt khác, tạo sân chơi lành

mạnh giúp các nhà phê bình có thể sử dụng các tiện ích công nghệ, tiện ích xã hội để chuyển tải, phân phối, giới thiệu những tác phẩm phê bình có chất lượng nghệ thuật cao.

- Cần chú trọng xây dựng, nâng cao cơ chế thù lao tương xứng cho các nhà phê bình thông qua các giải thưởng tác phẩm phê bình xuất sắc trong năm; chế độ tiền thưởng, chế độ nhuận bút, giấy chứng nhận phê bình, v.v.. Thực hiện được điều này sẽ góp phần kích thích sáng tạo, khích lệ động viên các nhà phê bình phát triển và hoàn thiện bản thân, yên tâm, chuyên tâm làm việc và cho ra đời những tác phẩm phê bình có giá trị.

- Không phủ nhận những tiện ích của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại cho phê bình văn học, nghệ thuật, nhưng trước những trường hợp phê bình mượn diễn đàn trực tuyến, “a dua” theo tâm lý đám đông, lấy tiện ích công nghệ để phục vụ cho mục đích cá nhân thì cần có những trang điện tử chính thống của các cơ quan quản lý, có thiết chế quản lý về công nghệ để loại trừ các bài viết không đúng, phản ánh sai sự thật làm nhiễu loạn tình hình phê bình. Sự tương tác trong tranh luận phê bình cần được minh bạch, khách quan.

- Người làm phê bình cần có sự liên kết với các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức văn học, nghệ thuật trong việc thẩm định tác phẩm nghệ thuật. Sự liên kết chặt chẽ, hợp tác với giới báo chí truyền thông là rất cần thiết, nhất là hiện nay, báo chí điện tử - công nghệ ngày càng phát triển, có sức mạnh rất lớn trong đời sống xã hội.

Có thể nói, trước bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (truyền thông đa phương tiện kết nối internet toàn

cầu, kết nối văn hóa, tri thức với toàn thế giới), nhiều hệ thống lý thuyết phê bình mới được giới thiệu và du nhập vào Việt Nam mở ra những hướng phê bình, tiếp cận đầy mới, lạ trong thực tiễn hoạt động văn học, nghệ thuật hiện nay. Phê bình văn học, nghệ thuật trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội mới nhưng đồng thời cũng chịu nhiều áp lực, bất cập trong thời cuộc hiện đại. Đó là một xu thế tất yếu của xã hội hiện đại khi mà mọi việc có thể được tự động hóa, có thể thay thế hoạt động con người bằng rô bốt; văn bản nghệ thuật mã hóa điện tử... Tuy nhiên, văn học, nghệ thuật nói chung và hoạt động phê bình nghệ thuật nói riêng là lĩnh vực hoạt động tinh thần đặc biệt, khó có cuộc cách mạng công nghệ nào có thể thay thế được. Vì vậy, phê bình chịu sự tác động một phần từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và mang lại nhiều tiện ích nhưng đồng thời cũng cho thấy, phê bình văn học, nghệ thuật luôn luôn bắt kịp xu thế, thay đổi, thích ứng phù hợp với tình hình thực tiễn để hội nhập toàn cầu. Giống như những giá trị nghệ thuật đích thực của văn học, nghệ thuật, những tác phẩm hay, những bài phê bình có giá trị, những nhà phê bình tài năng, có tâm và tầm sẽ luôn tồn tại trước sự đào thải, thách thức của thời gian.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN - NHÌN TỪ ĐỘI NGŨ PHÊ BÌNH

PGS.TS. CAO THỊ HỒNG

Hành trình qua hơn 30 năm đổi mới, nền phê bình văn học Việt Nam đã trải qua những bước thăng trầm. Hơn ba mươi năm là một quãng thời gian ngắn đối với lịch sử văn học dân tộc nói chung nhưng lại là một quãng thời gian đủ để làm nên những chuyển biến có tính chất bước ngoặt của nền phê bình văn học, trên hành trình hội nhập và phát triển. Sự đổi mới của đất nước trên nhiều bình diện, các chuyển động theo xu hướng tích cực trong cơ chế hành chính, quản lý văn hóa, văn nghệ cũng giúp gỡ bỏ nhiều rào cản cho phê bình nói riêng và văn học nói chung. So với trước, phê bình có điều kiện để tiệm cận với các giá trị nhân văn căn bản, phổ quát của nhân loại, hướng tới những phẩm tính đích thực của nghệ thuật. Đó là một nền nghệ thuật không chỉ quan tâm đến cái đẹp của văn chương mà trên hết và trước hết là quan tâm đến phận số của con người trong cõi nhân sinh. Hơn ba mươi năm, với ảnh hưởng của bản thân sự phát triển văn học, ảnh hưởng của đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội và đặc biệt sự ảnh hưởng từ việc tiếp nhận những thành tựu lý luận, phê bình văn học hiện đại

trên thế giới, đã làm cho diện mạo phê bình văn học ở nước ta có những đổi mới căn bản. Và dẫu chưa thể đáp ứng được tốt nhất những nhu cầu, đòi hỏi của đời sống và của công chúng văn học nhưng không thể không ghi nhận và đánh giá một cách tích cực về sự hiện diện và tầm quan trọng của phê bình trong đời sống văn học nước nhà. Song, bên cạnh đó cũng thấy tuy có những phát triển vượt lên so với trước nhưng do nhiều yếu tố nội/ngoại sinh và sự phát triển nhanh chóng, ngày càng trở nên phong phú, phức tạp của sáng tác văn học, nền phê bình văn học không tránh khỏi những giới hạn như: thiếu chuẩn mực trong đánh giá các giá trị văn học, chưa có nhiều công trình phê bình mang tính phát hiện cá nhân, độc đáo, sắc sảo về văn học. Còn có những biểu hiện khiếm nhã trong văn hóa tranh luận văn học dẫn đến làm vẩn đục bầu không khí phê bình văn học vốn rất cần sự cao nhã trên tinh thần tôn trọng sự dân chủ, bình đẳng, nhân văn, khai phóng và cầu thị của quy luật tiếp nhận văn học mà hệ hình lý thuyết mỹ học tiếp nhận đã xác lập. Đặc biệt, việc chưa chú trọng đào tạo, xây dựng đội ngũ phê bình chuyên nghiệp, thiếu một khung chính sách rõ ràng, minh bạch để khuyến khích tập hợp nhân tài, lựa chọn phê bình như một nghề - là một trong những vấn đề mà nếu không được khắc phục triệt để thì khó có thể nói đến việc phát triển một nền phê bình mang lại hiệu ứng tích cực cho phát triển xã hội trong thời đại lịch sử mới, bởi lẽ trong mọi sự thành công, nhân tố con người luôn đóng vai trò quyết định hàng đầu. Với mong muốn góp tiếng nói hướng đến mục tiêu tiếp tục phát triển nền phê bình văn học dân tộc lên tầm cao chất lượng mới, nội dung dưới đây

chủ yếu khái quát một vài thành tựu và giới hạn của phê bình văn học đương đại, trên cơ sở đó bước đầu có những khuyến nghị về giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cho nền phê bình văn học nước nhà trong giai đoạn tới.

Trước hết, cần khẳng định đổi mới lý luận văn học chính là tiên đề quan trọng nhất để đổi mới tư duy phê bình văn học. Vận động tư duy theo xu hướng tiến bộ, tôn trọng những giá trị nhân văn đã khiến những vấn đề lý luận văn học quan trọng ở Việt Nam hoặc được khẳng định những giá trị vốn có, hoặc được mở rộng, bổ sung những phương diện giá trị mới, xem xét đánh giá đúng vai trò lịch sử mà nó đã hoàn tất. Những quan điểm nhận thức mới về các vấn đề lý luận mang tính chất then chốt vừa khoa học, biện chứng, vừa khoáng đạt, dân chủ, chú trọng tính thực tiễn dần dần đã thay thế cho những quan điểm bảo thủ, giáo điều, phiến diện, hạn hẹp. Hệ thống lý thuyết mới có độ mở, linh hoạt và đặc biệt mang tính thực tiễn cao chính là nền tảng cơ sở quan trọng, là công cụ hữu hiệu để giải quyết, tháo gỡ các vấn đề nan giải đặt ra đối với phê bình văn học ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Một số phương pháp nghiên cứu có tính chất mũi nhọn, mở đường như Thi pháp học, Phân tâm học, Tự sự học, Văn học so sánh, Lý thuyết hiện sinh... đã bước đầu khẳng định được tiếng nói trong đời sống văn học, góp phần đưa phê bình văn học nước nhà vượt qua những giới hạn vốn đã tồn tại từ lâu để vươn đến những chân trời sáng tạo mới.

Trong tư duy mới của lý luận, phê bình văn học được coi là một loại hình hoạt động tinh thần nằm giữa khoa học và nghệ thuật. Các công trình nghiên cứu phê bình văn học

mang tính học thuật được công bố trong thời kỳ đổi mới¹ đã phần nào chứng tỏ giới nghiên cứu phê bình văn học nước nhà đã ý thức được một cách sâu sắc tính khoa học và tính nghệ thuật của phê bình văn học - đó là dấu hiệu cho thấy sự xuất hiện của một nền phê bình chuyên nghiệp và nhà phê bình chuyên nghiệp. Phê bình văn học Việt Nam không hẳn là “yếu kém” và “lạc hậu” như một số ý kiến đánh giá mà dưới ánh sáng của hệ thống lý thuyết mới, nó đã và đang tiếp tục hành trình về đích, trở thành một bộ môn khoa học độc lập đi tìm ý nghĩa của văn bản văn học. Hơn ba mươi năm, không thể phủ nhận nhiều lý thuyết văn học phương Tây được giới thiệu và ứng dụng trong phê bình văn học, mang lại cho phê bình văn học Việt Nam sự thay đổi về chất lượng học thuật. Trong tư duy của mình, bên cạnh nội dung tư tưởng của tác phẩm, các nhà phê bình đã quan tâm “nhận chân lại các giá trị văn học”, quan tâm nhiều đến tính nghệ thuật, những cấu trúc tầng sâu của tác phẩm. Phê bình văn học từng bước thoát khỏi lối mòn của khuynh hướng phê bình xã hội học dung tục để vươn đến nhiều hệ hình triết mỹ khác trong quá trình chiếm lĩnh giá trị nhân văn của các hiện tượng văn học.

Với nhiều cơ hội thuận lợi do thời đại mang đến, sự phát triển của phê bình văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến nay được đặt trên cơ sở tư duy lý luận xác lập rõ vai trò,

1. Trong công trình: *Phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2016* (Đề tài cấp Bộ mã số: B2017-TNA-51), tác giả Cao Thị Hồng đã thống kê 347 đầu sách thuộc thể loại phê bình văn học được xuất bản trong thời kỳ đổi mới, trong đó có nhiều công trình mang tính học thuật, chất lượng và được nhiều bạn đọc quan tâm.

vị thế, chức năng của nhà phê bình và phê bình. Giai đoạn này dân trí được nâng cao, giao lưu với thế giới được mở rộng cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin nên đội ngũ viết phê bình có điều kiện tiếp cận với những kiến thức mới và thời sự nhất. Dù còn chưa nhiều nhưng đã bước đầu hình thành một đội ngũ phê bình văn học có vốn kiến thức phong phú, nhạy cảm với cái mới, nhất là những lý thuyết lý luận, phê bình hiện đại của thế giới và có thể tham gia giải quyết những vấn đề gay cấn đặt ra cho đời sống văn học đương đại để từ đó làm nhịp cầu kết nối giữa nhà văn và bạn đọc. Đội ngũ phê bình mới hình thành đã và đang từng bước tìm tòi, sáng tạo, đẩy lùi “căn bệnh” phê bình cảm tính, non kém về cơ sở lý thuyết ra khỏi đời sống phê bình, gia tăng thêm tính học thuật, từ đó nâng cao tính khoa học trong nghiên cứu phê bình.

Đối tượng chủ yếu của phê bình văn học là tác phẩm văn học nhưng hoạt động của nhà phê bình không đơn thuần chỉ thụ động dừng lại ở chỗ chỉ ra cái hay, cái đẹp của tác phẩm mà còn là một hoạt động “sáng tạo trên nền của sáng tạo”. Nhà phê bình phải nhận ra được sự vận động nội tại của đời sống văn học, đưa ra những luận giải thuyết phục về những hiện tượng văn học đang diễn ra, sự phán đoán và khẳng định các giá trị theo quan điểm thẩm mỹ độc đáo của bản thân. Nhà phê bình là một bạn đọc đặc biệt luôn “đồng sáng tạo” cùng nhà văn, tính sáng tạo trở thành nguyên tắc cơ bản trong quá trình tiếp nhận tác phẩm của người viết phê bình văn học. Phê bình văn học thực sự đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của nhiều bạn đọc, có hiệu ứng tốt trong việc giúp bạn đọc tìm hiểu những giá trị của tác phẩm,

đặc biệt những tác phẩm được sáng tạo bởi những nghệ sĩ giàu cá tính, có định hướng thẩm mỹ và hướng xã hội đến sự thay đổi dần những quan niệm còn nhiều giới hạn về văn chương nghệ thuật.

Cùng với sự phát triển của lịch sử thời đại, đời sống sáng tác văn học ngày càng trở nên phong phú, phức tạp. Hơn lúc nào hết, để phát huy vai trò của phê bình đối với xã hội, đòi hỏi nền phê bình văn học của Việt Nam phải có cơ chế mở để xác lập được những tiêu chí định giá văn học cập nhật được giá trị nhân văn chung của nhân loại. Đó là một nền phê bình phải được phát triển theo nguyên tắc tôn trọng tư tưởng dân chủ, chấp nhận ý kiến khoa học đa chiều và cá tính sáng tạo độc đáo của mỗi nhà phê bình. Và đây có lẽ cũng chính là “chìa khóa” để phê bình văn học Việt Nam có thể vượt qua “cánh cửa” trì trệ, bảo thủ, cực đoan, thực sự trở thành nhân tố tổ chức của tiến trình văn học, tác động một cách tích cực nhất vào sự vận động, phát triển của nền văn học dân tộc trong thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa (trong đó có toàn cầu hóa văn hóa mà văn học là một bộ phận trọng yếu của văn hóa, không thể không quan tâm và đứng ngoài “khí quyển” văn hóa toàn cầu đó).

Bên cạnh những thành tựu nổi bật trên, phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay cũng còn nhiều giới hạn - đó là những giới hạn mà nếu không khắc phục triệt để thì sẽ cản trở rất lớn đến sự phát triển về chất lượng của một nền phê bình. Có thể điểm đến một số giới hạn sau:

Thứ nhất, về đội ngũ các nhà phê bình văn học. Muốn có một nền phê bình văn học phát triển bền vững, trở thành một động lực thúc đẩy và định hướng cho sáng tác thì vấn đề

xây dựng một đội ngũ những người làm lý luận, phê bình có năng lực sáng tạo, thực thi một nền lý luận, phê bình chuyên nghiệp là điều vô cùng quan thiết. Bởi lẽ, không chỉ có lĩnh vực phê bình văn học mà ở bất cứ lĩnh vực khoa học nào, muốn có sự phát triển bền vững, chất lượng thì vấn đề đào tạo con người có chuyên môn sâu, am hiểu, tâm huyết, say mê và dấn thân với lĩnh vực khoa học ấy là điều có tính quyết định. Song, nhìn nhận về lĩnh vực phê bình văn học trong 30 năm đổi mới (1986-2016), chúng ta thấy còn thiếu một lực lượng chuyên tâm làm phê bình.

Sau vài chục năm đổi mới và phát triển, nền phê bình văn học thời kỳ đổi mới đã hình thành một đội ngũ làm nghiên cứu, phê bình văn học khá đông đảo¹. Tuy nhiên, dù có hàng trăm người cầm bút viết phê bình văn học nhưng những người tâm huyết, say mê theo đuổi nghiệp viết phê bình không nhiều. Khi nghề viết phê bình bị coi nhẹ, chưa được quan tâm, đánh giá đúng mức, thậm chí là một nghề bạc bẽo và nguy hiểm thì chuyện không chuyên tâm với nghề cũng là điều tất yếu. Và vì không chuyên tâm nên một số người đã chuyển sang làm phê bình nghiệp dư, viết để “góp vui”, có hứng thú thì viết, không hứng thú thì thôi, khen chê theo cảm tính... Tình trạng này đã khiến nền phê bình rơi vào trạng thái thiếu tính chuyên nghiệp trong cảm thụ, phân tích, đánh giá với tư cách vừa là một bộ môn vừa là nghệ thuật,

1. Xem thêm: “Danh mục những công trình nghiên cứu - phê bình văn học xuất bản từ 1986 đến 2016”, in trong *Phê bình văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2016* (Đề tài cấp Bộ mã số: B2017-TNA-51, CN đề tài: Cao Thị Hồng) để phần nào thấy 30 năm đổi mới, phê bình văn học Việt Nam đã hình thành một đội ngũ nghiên cứu, phê bình đông đảo.

vừa là khoa học. Vì thế, trong đời sống lý luận, phê bình đã xuất hiện nhiều bài phê bình nhạt nhẽo, vô bổ, thiếu tính độc đáo trong phát hiện, không hướng đến việc tiếp cận chân lý nghệ thuật và chân lý đời sống, phê bình theo xu hướng nói “nước đôi” và ai cũng có thể viết “phê bình” và trở thành “nhà phê bình” văn học.

Nên phê bình thiếu một đội ngũ tâm huyết còn bởi một nguyên nhân quan trọng đó là người làm phê bình ở nước ta không ai có thể sống được bằng nghề viết phê bình, bởi người đọc phê bình không nhiều và các cơ quan truyền thông như các tòa soạn báo, tạp chí, các đài phát thanh truyền hình... cũng không mặn mà với các bài viết lý luận, phê bình nên việc trả nhuận bút cho những bài phê bình văn học, nghệ thuật còn rất “khiêm tốn” so với các thể loại khác. Đây cũng là vấn đề đặt ra cho những người có trách nhiệm ở các cơ quan quản lý văn học, nghệ thuật cần suy ngẫm để có những giải pháp đầu tư thích đáng cho lý luận, phê bình, nếu muốn lý luận, phê bình văn học nước nhà khởi sắc, phát triển một cách bền vững. Không thể chỉ đòi hỏi các nhà lý luận, phê bình phải “nâng tầm” về mọi phương diện trong khi điều quan trọng nhất là làm sao họ có thể sống được bằng nghề viết nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật thì không quan tâm đến.

Một giới hạn khác cũng cần được nói đến, đó là việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ những người làm lý luận, phê bình vẫn chưa có hệ thống bài bản. Vì thế, chưa đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển một nền lý luận, phê bình văn học chuyên nghiệp trong thời kỳ hội nhập của xu hướng toàn cầu hóa ở các phương diện như: trình độ học vấn, tri thức, văn

hóa, năng lực cảm thụ và kỹ năng phê bình văn học, trình độ ngoại ngữ để tiếp nhận những lý thuyết mới từ nguyên bản, cũng như một bản lĩnh, dũng khí, từ đó hình thành một nhân cách văn hóa của nhà phê bình để phát hiện, luận giải và khẳng định chân giá trị của các vấn đề văn học và đời sống. Bởi lẽ, vấn đề đào tạo chính quy được xem là nền tảng để hình thành tư cách nhà nghiên cứu, phê bình. Tuy nhiên, một thực tế tồn tại là suốt nhiều năm qua, nước ta chưa có chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực phê bình văn học. Các cơ sở giáo dục đại học có chuyên ngành văn học hầu như chưa chú trọng xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ làm phê bình văn học. Ngay cả việc đào tạo nguồn nhân lực giảng dạy, nghiên cứu văn học cũng còn rất nhiều giới hạn bởi chương trình lạc hậu, sơ cứng, chưa phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của đất nước, nhất là khi chúng ta đang bước vào thời đại cách mạng công nghệ mới, vì thế cũng chưa mở ra cho người học nhiều cơ hội được sáng tạo, học hỏi vươn lên để chinh phục những lý thuyết mới của phê bình văn học nhân loại. Tri thức phong phú, vốn sống, vốn văn hóa, sự nghiêm sinh cá nhân... cần phải được xem là cơ sở quan trọng để “hành nghề” phê bình. Cái thiếu hụt nhất của phê bình thời kỳ này là nhiều người làm phê bình nhưng chưa quan tâm đến vai trò then chốt của các cơ sở lý thuyết khoa học về phê bình văn học trong việc đánh giá thẩm định các hiện tượng văn học. Nếu thiếu đi chiều sâu học thuật trong các bài phê bình, các luận giải của nhà phê bình sẽ rơi vào tình trạng chủ quan, chông chênh, khó thuyết phục người đọc.

Sự giới hạn về nhận thức, thiếu hụt tri thức văn hóa và hiểu biết về các lý thuyết phê bình văn học nói trên đã dẫn

đến vấn đề tranh luận trong phê bình văn học còn mang tính áp đặt, thiếu văn hóa tranh luận, thiếu và yếu tính học thuật. Lối phê bình xã hội học dung tục, mang tính “quy chụp chính trị” một cách phi lý và thô thiển tưởng chừng chỉ có ở thời kỳ trước đổi mới và đã đi vào “dĩ vãng xa xôi” nhưng đến nay vẫn còn tồn tại...

Biết hướng về cái mới và bảo vệ cái mới tiến bộ là một phẩm chất của nhà phê bình chân chính, nhưng giai đoạn này cũng còn nhiều nhà phê bình chọn cho mình vùng “an toàn”, nói kiểu “nước đôi” để tránh bị chụp mũ, bắt bẻ. Thiếu dũng khí, bản lĩnh, thiếu tinh thần dấn thân và thiếu phát hiện độc đáo mang tính đột phá của cá nhân nhà phê bình khi luận giải các hiện tượng văn học là một giới hạn cản trở lớn đến sự phát triển của nền phê bình văn học Việt Nam.

Thứ hai, tư duy quản lý văn học, nghệ thuật. Tư duy quản lý văn học, nghệ thuật nói chung và lĩnh vực lý luận, phê bình nói riêng còn nhiều giới hạn, chậm đổi mới, chưa mạnh dạn chỉ đạo và định hướng việc tiếp nhận những hệ hình lý thuyết phê bình văn học hiện đại của thế giới để ứng dụng vào việc khám phá những hiện tượng văn học dân tộc và nhân loại. Vì thế, có thể nói tư duy quản lý này chưa đáp ứng được yêu cầu của sự vận động và phát triển của lý luận, phê bình văn học trong thời kỳ hội nhập và phát triển với xu hướng toàn cầu hóa hiện nay. Phương thức quản lý về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn thiếu mềm dẻo, linh hoạt và sáng tạo, thậm chí xơ cứng, bảo thủ, không phù hợp với tinh thần đổi mới mà Đảng đã đề ra.

Thứ ba, chưa xây dựng được chuẩn mực đánh giá các hiện tượng văn học. Đây là một trong những hạn chế ảnh hưởng

rất lớn đến đời sống của phê bình văn học nước nhà ở cả phương diện lý luận và thực tiễn. Biểu hiện của vấn đề này cho thấy tình trạng cảm tính, thiếu cơ sở khoa học trong phê bình văn học còn khá phổ biến, khiến người đọc không tin vào các nhà phê bình và giới sáng tác không an tâm vì phê bình không giúp gì cho họ trong việc nhận ra chân giá trị của văn học. Nhiều bài phê bình nhạt nhẽo, vô bổ, hời hợt chiếm lĩnh trên các trang báo kể cả các trang báo chuyên ngành văn học. Sự khen chê theo kiểu PR, quảng bá, tâng bốc nhau theo kiểu “cánh hẩu”... nhiều khi có xu hướng chiếm lĩnh thị trường phê bình văn học trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Những cách phê bình này không thể thực hiện chức năng định hướng thẩm mỹ, tạo dư luận mà còn làm nhiễu loạn chuẩn mực văn chương, khiến người đọc không phân biệt được đâu là những giá trị văn chương thật và đâu là những thứ “văn chương giả cầy”. Và những điều này đã làm cho giá trị của phê bình văn học không còn được tôn trọng trong sự tiếp nhận của người đọc. Phê bình cần nhiều hơn đến tính phát hiện mang tính cá nhân, những ý kiến hướng đến mục tiêu vì văn học chứ không phải mục đích phi văn học. Tuy nhiên, những cây bút phê bình như vậy của nền phê bình văn học Việt Nam chưa nhiều.

Thứ tư, chưa có những tác phẩm phê bình văn học đỉnh cao đáp ứng yêu cầu của nền phê bình văn học thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển. Do hạn chế về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lý luận, phê bình; hạn chế về tư duy quản lý phê bình văn học, còn ngại ngần trong việc tiếp nhận các thành tựu lý luận, phê bình văn học của thế giới, nhất là các lý thuyết phương Tây cũng như chưa xây dựng được chuẩn

đánh giá về phê bình, nên dù trong những năm qua đã có rất nhiều giải thưởng, tặng thưởng của các cơ quan quản lý văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương như Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam; Hội Nhà văn; Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương; các hội văn học, nghệ thuật địa phương, vùng miền... trao cho các tác phẩm, các công trình lý luận, phê bình văn học hằng năm nhưng vẫn chưa có tác phẩm phê bình văn học đỉnh cao, đáp ứng yêu cầu của nền phê bình văn học thời kỳ đổi mới, trong xu hướng hội nhập và phát triển, cũng như nhu cầu tiếp nhận của người đọc như kiểu *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan thời kỳ 1930-1945. Có lẽ, đây là một trong những giới hạn cần phải được thức nhận để những người làm công tác lý luận, phê bình nhận biết nhằm nỗ lực rèn luyện, phấn đấu có những công trình lý luận, phê bình đáp ứng nhu cầu của thời đại và của công chúng văn học.

Một nền phê bình văn học tiên tiến và hội nhập không thể không tự nhận ra những giới hạn của mình. Vì vậy, những giới hạn về phê bình văn học mà chúng tôi nêu trên cũng chỉ là một cách nhìn nhận của người làm nghiên cứu phê bình văn học, mong góp một cách nhìn, một cách nghĩ về việc xây dựng một nền phê bình thật sự đổi mới và phát triển bền vững, phù hợp với thời kỳ hội nhập.

Nghiên cứu lý luận và viết phê bình văn học, nghệ thuật có một đặc thù riêng, khác với sáng tác văn học, người làm lý luận, phê bình văn học, bên cạnh thiên năng còn phải được học hành và đào tạo toàn diện, nghiêm túc, bài bản. Do đó, muốn tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng đào tạo đội

ngữ làm lý luận, phê bình cần phải bắt đầu từ việc chú trọng đào tạo và sử dụng con người. Có mấy điểm cần làm sau đây:

Một là, cần có chính sách để trọng dụng, tập hợp đội ngũ những nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học đã được đào tạo chuyên sâu chuyên ngành Lý luận văn học hiện đang làm việc rải rác trong các trường đại học, viện nghiên cứu, lấy đội ngũ này làm nòng cốt để lan tỏa tinh thần nâng cao chất lượng học thuật trong nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật. Hiện nay ở nước ta, để đào tạo được một người làm nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật không phải dễ dàng gì nhưng khi đào tạo xong lại để lãng phí vì các nhà quản lý văn học, nghệ thuật chưa chú trọng việc sử dụng đúng người.

Hai là, môn Lý luận văn học cần được bố trí dạy - học một cách khoa học, bài bản, phù hợp với năng lực tiếp nhận của người học ở từng cấp học. Cần tập hợp những nhà nghiên cứu, những nhà giáo có kinh nghiệm chuyên môn, được đào tạo chuyên sâu về lý luận, phê bình văn học tham gia vào việc làm chương trình.

Ba là, ở bậc đại học, những khoa đào tạo cử nhân liên quan đến các ngành thuộc văn học, nghệ thuật, môn Lý luận văn học phải được coi là môn học quan trọng, cung cấp kiến thức nền để luận giải các vấn đề về đời sống văn hóa, nghệ thuật. Cần đổi mới triệt để về khung chương trình, phương pháp giảng dạy, thời lượng giảng dạy để làm sao người học được tiếp cận với những kiến thức nền tảng, cơ bản nhất. Ở các khoa đào tạo về cử nhân văn học cần mở ngành Lý luận-phê bình văn học, nghệ thuật. Tuyển chọn người học và có chính sách ưu tiên, khuyến khích với những người có thiên

năng. Bên cạnh đó, tăng cường thêm các lớp bồi dưỡng ngắn hạn (do những chuyên gia giỏi trong và ngoài nước, giảng dạy có chất lượng) cho đội ngũ hiện đang làm nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật.

*B*ốn là, các tổ chức có thẩm quyền quản lý văn hóa, văn nghệ cần đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động chuyên môn để thực sự nâng cao chất lượng, thúc đẩy sự phát triển lý luận, phê bình văn học. Tránh cách tổ chức các hoạt động như hội thảo, hội nghị, các lớp bồi dưỡng kiến thức... thiếu chuyên nghiệp, bài bản, không đem lại hiệu quả thực sự và có tác động sâu, rộng đến đời sống văn học.

*N*ăm là, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cần có một danh sách chính xác các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật (có tri thức và văn hóa chứ không phải làm phê bình theo cảm tính, bình tán) thuộc các lĩnh vực, coi họ là một đội ngũ chuyên gia, huy động sự tư vấn của họ trong việc tổ chức các hoạt động chuyên môn.

Hơn ba mươi năm đổi mới và phát triển, mặc dù vẫn còn một số giới hạn nhất định, song với những thành tựu đáng trân trọng, phê bình văn học Việt Nam ở giai đoạn này đã bước đầu chạm đến những phẩm tính cần có của một nền phê bình có tinh thần dân chủ, nhân văn và phần nào đã tự vượt lên những tồn tại, hạn chế không đáng có của phê bình văn học thời kỳ trước đổi mới. Tuy nhiên, để vươn đến một nền phê bình văn học thật sự hòa nhập với những nền phê bình tiên tiến của nhân loại, thiết nghĩ, ngoài việc nâng cao chất lượng phê bình bằng cách mạnh dạn tiếp nhận các lý thuyết phê bình phương Đông và phương Tây, nhất là các lý thuyết

phê bình hiện đại, cùng với ý thức xây dựng một nền phê bình cởi mở, dân chủ, chấp nhận những tranh luận, những quan điểm đa chiều trên tinh thần phản biện thì cần phải có chiến lược đầu tư cho việc đào tạo nguồn nhân lực để có đội ngũ phê bình chuyên nghiệp - một trong những nhân tố hàng đầu có tính quyết định đến tương lai của phê bình văn học dân tộc. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn chúng ta sẽ có một nền phê bình đáp ứng được kỳ vọng của công chúng tiếp nhận trong thời đại lịch sử mới của đất nước - thời kỳ hội nhập và phát triển của xu hướng toàn cầu hóa. Song hành với quá trình đổi mới của đất nước, nền phê bình văn học Việt Nam đứng trước những vận hội mới, những thuận lợi chưa từng có nhưng cũng có nhiều thử thách, khó khăn cần phải vượt qua trong quá trình vươn lên tầm cao mới.

HƯỚNG ĐẾN MỘT TƯ DUY LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC ĐỘNG VÀ MỞ

ThS. HOÀNG ĐĂNG KHOA

Điễn trình văn học không phải là một đường thẳng liền mạch nhất quán, mà là một đường gấp khúc đứt đoạn đa dạng. Vào những thời điểm đứng giữa ngắn ngang bộn bề ngả hướng chưa thực sự được phát quang định hình, sáng tác thường hoang mang và tiếp nhận - phê bình thường lúng túng. Chính lúc này hơn lúc nào hết, người ta cần đến lý luận văn học, đúng hơn là cần đến một bộ công cụ lý luận văn học mới mẻ cập thời. Bởi văn học, cũng như mọi sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan, luôn vận động để tồn tại, tự phủ định để phát triển; theo đó không thể có một thứ lý luận văn học nhất thành bất biến, trùng khít tương thích với thực tiễn sáng tác mọi thời. Từ năm 1962, nhà ký hiệu học và nhà văn người Italia Umberto Eco - tác giả tiểu thuyết *Tên của đồá hồng* nổi tiếng - đã nhận ra rằng, các khái niệm truyền thống không còn đủ để hiểu các tác phẩm văn học, nghệ thuật của thời đại mới. Sự trương nở không ngừng của văn học đặt ra những yêu cầu mới liên quan đến cách thể sáng tạo và tiếp nhận văn học, tạo nên sự cần thiết phải đổi mới tư duy lý luận văn học. Bằng việc giải quyết theo những đường

hướng khác nhau các vấn đề cơ bản của khoa học văn chương, như quan niệm về văn học nói chung, về thể loại, văn bản, tác phẩm, chủ thể sáng tạo, chủ thể tiếp nhận, chức năng của văn học, quan hệ giữa tác phẩm và hiện thực, tính dân tộc và tính nhân loại, tính tự trị và tính tích hợp, vai trò của ngôn ngữ... nói riêng, lý luận văn học vừa tiên phong soi sáng vừa đồng hành làm tươi mới khởi sắc cho sáng tác và tiếp nhận phê bình. Một khi vượt thoát quán tính, tự tháo dỡ những quan niệm “đóng đinh” về văn học và những phạm trù liên quan, thay đổi góc nhìn, hướng nhìn, cách nhìn, tầm nhìn, thì khi đó cái viết lần cái đọc sẽ đồng thời thay đổi.

Nhiều người cho rằng, nhà văn không cần sáng tác theo lý thuyết chủ nghĩa nào cả. Quan niệm này ngày càng tỏ ra lỗi thời, thiếu thuyết phục. Bởi, nói như nhà phê bình Inrasara, nô lệ chủ nghĩa thì tác phẩm khô héo và không thể bay nhưng nếu thiếu các chủ nghĩa thì một nền văn học không thể làm thành trào lưu, riêng cá nhân nhà văn dễ rơi vào vùng viết cảm tính mơ hồ và không thể đi xa. Để có thể làm nên một cuộc cách mạng, một “thời đại mới” trong văn học, cái bản năng phải được hướng đạo bởi một ý thức xã hội mới, một tư duy triết mỹ mới, một quan niệm văn học mới, một tâm thế sáng tạo mới, như trường hợp các nhà văn Tự lực văn đoàn và các nhà thơ của phong trào Thơ mới trước năm 1945, hay các nhà thơ của nhóm Sáng tạo thập niên 1950 chẳng hạn. Chừng nào còn tồn tại những quan niệm thơ theo chủ nghĩa “hồn nhiên bản năng”, chủ nghĩa sướt mướt ủy mị, chủ nghĩa nôm na dân dã, chủ nghĩa đê tài ngâm vịnh, chủ nghĩa cổ động khẩu hiệu, chủ nghĩa vẫn về du dương..., thì chừng ấy tính nghiệp dư, tính phong trào, tính

“báo tường”, tính câu lạc bộ, tính “phường, xã”... là lực cản bánh xe thơ bứt phá về phía trước. Nhiều người lại bảo, người viết không phải cách tân hay thử nghiệm gì cả, chỉ cần viết sao cho hay. Trong bối cảnh văn học hiện nay, cách tư duy này cũng không còn thuyết phục, hợp thời. Bởi, “hay” là một phạm trù mở, mang tính lịch sử, trùu tượng và chủ quan. “Hay” của ngày hôm nay, ngoài những hằng số bất biến thì còn phải đính kèm được những yếu tố mới, như lạ hoá, như vừa khuôn với cảm trạng sống và giác quan đọc của người đọc hiện thời, như có khả năng khai phóng và tạo trường ảnh hưởng. Sáng tạo, thử nghiệm là con đường tất yếu của văn học, đáp ứng nhu cầu đổi mới tự thân của người viết, đáp ứng sự thay đổi của nhu cầu đọc, tương thích với xu thế chung của thời cuộc văn học. Mỗi hình thức sáng tạo, thử nghiệm đều là thành phẩm của một giai đoạn lịch sử cụ thể mà văn chương khởi sinh, văn chương thuộc về, và chỉ có thể làm cho nghệ thuật văn chương trở nên phong nhiêu đa bội mà thôi.

Nhà nghiên cứu Phan Trọng Thưởng nhận định rằng thực tiễn văn học, nghệ thuật không ngừng vận động phát triển dưới tác động của những quy luật lịch sử mới, những nhân tố chủ quan và khách quan mới; tình trạng này tạo nên độ vênh lệch đáng kể giữa một bên là hệ thống lý luận mang màu sắc quan phương giáo điều với một bên là thực tiễn sinh động phong phú đa dạng; lý luận văn học khủng hoảng nên hệ thống tiêu chí đánh giá tiếp nhận và thưởng thức văn học cũng xộc xệch theo. Thực vậy, trước tính chất ngày càng động và mở của văn chương, không thể an tâm tiếp tục mãi một cách nhìn, một định nghĩa tĩnh và đóng về văn chương, không thể cứ dùng mãi cái “thước” lý luận văn học cũ để đo

thực tiễn văn học mới. Prigogine - nhà bác học người Bỉ gốc Nga đoạt giải Nobel hóa học năm 1977, từng nói rằng bài học thật sự của nguyên lý bổ sung hiển nhiên là tính chất phong phú của thực tại nó vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ, mọi cấu trúc logic, mọi lý giải khái niệm. Nhà thơ Chế Lan Viên cũng từng thành thực, rằng thực ra ông chưa hiểu hết thơ đâu, ông cũng có định nghĩa nhiều lần đấy, nói hǎn hoi viết hǎn hoi, nhưng lần này định nghĩa thì lần sau nắn lại, chỗ này định nghĩa thì chỗ khác bổ sung, nên vẫn cứ nghĩ tiếp, nghĩ mãi. Rõ ràng, văn chương có trước định nghĩa. Văn chương vận động thay đổi, lẽ nào định nghĩa văn chương bất động bảo nguyên? Mấy mươi năm nay, các sáng tác thơ cách tân của nhóm Nhân văn ở miền Bắc, nhóm Sáng tạo ở miền Nam, rồi tới thơ tân hình thức Việt, thơ hậu hiện đại Việt xuất hiện, làm bất an những định nghĩa về thơ trước đó tưởng đã được đóng khung đông cứng. Chẳng hạn, sau *Bến lạ* của Đặng Đình Hưng, giới sáng tác, đặc biệt là tác giả trẻ đã dần kéo ngôn ngữ thơ đến gần với ngôn ngữ văn xuôi, dần thuyết phục công chúng, rằng thơ ngày nay không nhất thiết phải là những câu chữ mài giũa nhịp nhàng vẫn điệu như ngày xưa; từ đây, người ta bàn nhiều đến câu chuyện tương tác xâm nhập giao thoa thể loại. Hay sau các thể nghiệm “thơ hình ảnh” của Tam Lê, “thơ chữ cái” của Từ Huy, “thơ ngoài lời” của Dương Tường,... thì một bộ phận công chúng không còn định ninh quan niệm, rằng thơ là “tiếng lòng đi tìm tiếng lòng đồng điệu”, rằng thơ là một trạng huống cảm xúc thăng hoa được vật chất hóa bằng những dòng ngôn từ nghệ thuật giàu nhạc điệu; từ đây người ta bao dung chấp nhận và bàn nhiều đến tính chất “trò chơi” của thơ, người ta dần nhận ra

định nghĩa văn học là nghệ thuật ngôn từ không còn có khả năng bao quát hết thực tiễn văn học. Một khi coi tác phẩm văn chương là trò chơi ngôn ngữ, là siêu hư cấu thì cái gọi là phản ánh hiện thực của văn chương bị giễu nhại. Cũng vậy, quan niệm cho rằng tính dân tộc là một thuộc tính cố hữu của văn học ngày nay đã phần nào tỏ ra thiếu cập thời, bởi văn học Việt Nam những năm gần đây, bên cạnh đậm đặc tính dân tộc/vùng miền như tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư, Lê Minh Nhựt (Tây Nam Bộ), Trần Thuỷ Mai (Huế), Phạm Duy Nghĩa, Đỗ Bích Thuý, Tống Ngọc Hân, Kiều Duy Khánh, Nguyễn Luân (miền núi phía Bắc); còn là phi dân tộc/vùng miền như tác phẩm của Phan Triều Hải, Vũ Đình Giang, Phan Hồn Nhiên, Nhật Phi và nhiều tác phẩm của các tác giả tham gia cuộc thi Văn học tuổi 20 lần thứ 6 (đã trao giải đầu năm 2019). Tương tự, khi mà người ta nói nhiều đến cái gọi là “mỹ cảm của bạo lực”, “mỹ cảm của cái ác” thì chức năng của văn học, đặc biệt là chức năng giáo dục, bị thách thức, bị đặt vào tình thế tái nhận thức.

Trước sự bùng phát của những xu hướng cách tân thử nghiệm văn học hiện nay, lý luận văn học phải nhập cuộc để nhận diện dự báo đi trước và đi cùng sáng tác, miêu tả định danh sáng tác, khai mở kiến giải cơ sở văn hóa và nền tảng triết mỹ hình thành các xu hướng hiện tượng sáng tác kia, quán chiếu những tầng sâu hay những quan niệm mới về bản chất và yếu tính của văn học. Người đọc toàn quyền tự do chọn lựa đối tượng đọc cũng như thâu nhận kết quả đọc, nhưng trước tiên, lý luận văn học chuẩn bị cho họ phông nền tinh thần tâm thế tri thức tối thiểu về các hệ mỹ học sáng tạo mới để họ rộng đường chọn lựa. Và “siêu người đọc”, tức là

nhà phê bình, thì rất cần “chìa khóa đặc dụng” để mở thông vào những tổ hợp kiến trúc văn chương mới. Chẳng hạn, nếu không lận lùng bỏ túi ít nhiêu lý thuyết văn học như hậu hiện đại, trò chơi, liên văn bản, giải cấu trúc, phân tâm học..., thì người đọc sẽ không đọc được và nhà phê bình sẽ không đánh giá thỏa đáng truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, tiểu thuyết của Trần Dần, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Bình Phương, Đặng Thân, Lê Anh Hoài, Đoàn Minh Phượng... Bên cạnh văn nghệ đại chúng còn có văn nghệ nhầm vào công chúng có trình độ cao. Và đại chúng hóa trong bối cảnh ngày nay, nói như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, nên được hiểu là nâng trình độ số đông lên trình độ của số ít, hơn là hạ trình độ của số ít xuống trình độ của số đông.

Thế giới ngày càng “phẳng”, trình độ đọc của người đọc ngày càng cao, không thể cứ dùng mĩ bô tiêu chí đánh giá cũ, cái thước lý luận văn học cũ. Thực tế cho thấy, những tác phẩm được đặt hàng, những tác phẩm được trao giải thưởng thường niên của các hội đoàn trong nước thường khi lại bị một bộ phận người sành đọc thờ ơ đứng đằng sau, và nhanh chóng chìm vào quên lãng, trong khi đó, một số tác phẩm mà đại chúng kêu là “đọc không hiểu gì”, “thế mà là văn chương à” thì lại được giới tinh hoa đánh giá cao. Nhà văn Bảo Ninh trong cuốn *Tạp bút* (Nxb. Trẻ, 2015) đã không ngần ngại gọi tiểu thuyết *Mình và họ* của Nguyễn Bình Phương là kiệt tác. Hay chuyên gia nghiên cứu phê bình văn học Lã Nguyên (La Khắc Hoà), trong cuốn *Phê bình ký hiệu học - đọc văn như là hành trình tái thiết ngôn ngữ* (Nxb. Phụ nữ, 2018) đã không ngần ngại xác quyết rằng, Đặng Thân là một chủ thể khác;

vượt lên trên những chủ thể chấn thương. Đặng Thân là một vũ trụ khác; vũ trụ vượt ra ngoài mọi cõi buồn vui. Đặng Thân là một tiếng nói khác; tiếng nói không lẩn vào giàn sắc giọng đám đông.

Các giáo trình lý luận văn học đang được dạy và học trong nhà trường hiện nay là được đúc kết viết nên trên cơ sở một vài hệ lý thuyết quan phương và những tác phẩm văn chương kinh điển được chọn lọc, nên không nghi ngờ gì nữa, đó là thứ lý luận thiếu tính cập nhật và bao quát. Văn chương là cái - đang - là, luôn ở thì hiện tại chưa hoàn thành. Việc tái định nghĩa phải được thực hiện chủ yếu thông qua các tác phẩm mang tính thử nghiệm được xem là thành công. Trong một nền văn học giàu có, gồm nhiều tác phẩm thành công, các định nghĩa được trứu xuất càng đa dạng thì đường biên của văn học càng được giãn nới.

Đối diện với “cây đời” thực tiễn văn chương không ngừng trưởng nở, một cách hành xử khôn ngoan là đa dạng hóa lý thuyết văn học, là để cho các lý thuyết đối thoại với nhau, là bảo lưu và phát triển những gì đúng đắn hiện có trong nền lý luận văn học của chúng ta và dần thải loại những gì không còn tương thích với thực tiễn văn chương nước nhà và thế giới, là không ngừng cập nhật, tiếp biến những hạt nhân lý luận văn học mới của nhân loại. Nhưng, nếu không xuất phát từ thực tiễn sáng tác của ta, không tựa vững vào văn hóa văn học dân tộc thì những lý luận hiện đại cao siêu xa xôi sẽ trở nên bất khả dụng. Cũng không thể phá dỡ cái khung lý luận cũ bằng cách vội vàng đóng khung lý luận mới. Dành rằng, “tấm áo” lý luận cũ “chật” không còn “vừa hợp” với “cơ thể” văn chương mới đang không ngừng bung mở, nhưng cũng

không nên chỉ vin bám vào thực tiễn sáng tác ngắn ngang bộn bê hôm nay mà đem lưu kho tất thảy những thành tựu lý luận văn học dằng dặc hôm qua. Nghĩa là, công cuộc đổi mới tư duy lý luận văn học phải đảm bảo tính lôgic khoa học, tính biện chứng khách quan, tính kế thừa phát triển, phải hài hòa giữa quan điểm lịch sử cụ thể và quan điểm toàn diện. Lý luận văn học chỉ phát huy tác dụng định hướng “mách đường” chỉ lối cho sáng tác và tiếp nhận phê bình một khi đó là thứ lý luận hiện đại cởi mở sâu sắc tinh tế sống động đa phương bao quát, có khả năng “gọi đúng tên sự thật”.

Cũng phải minh định rằng, thực tiễn văn học Việt Nam hôm nay đang cần một bộ tiêu chí lý luận, phê bình mới để nhận diện đánh giá, chứ không phải là không thể có tiêu chí hay không cần tiêu chí như ai đó nói. Cách tân đích thực khác xa với phá bĩnh, với cách tân vô điều kiện. Đường biên của văn chương đang giãn mở, nhưng không có nghĩa là sẽ giãn mở đến vô biên, đến không còn là văn chương. Những nhà văn sáng tác trên phông nền văn hóa tư tưởng triết mĩ vững chắc, làm chủ các lý thuyết hiện đại trên thế giới, khác xa với những người viết học đòi bắt chước tung “hỏa mù” hòng loè bịp thiên hạ.

Những năm gần đây, các lý thuyết văn học mới trên thế giới liên tục được cập nhật và giới thiệu ở Việt Nam do công của các nhà lý luận - dịch giả như Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê, Lê Hồng Sâm, Đặng Anh Đào, Trần Đình Sử, Phương Lựu, Đỗ Lai Thúy, Lã Nguyên, Lê Huy Bá, Trương Đăng Dung, Phùng Văn Tửu, Trần Ngọc Hiếu, Phùng Ngọc Kiên... đã từng bước cải thiện trình độ ý thức lý luận của chủ thể sáng tạo cũng như chủ thể tiếp nhận - phê bình văn học. Đời sống

văn học Việt Nam chứng kiến sự ra đời ngày một nhiều của những công trình phê bình giàu tính chuyên môn học thuật, sự xuất hiện tự tin, tự chủ của nhiều nhà sáng tác đồng thời là nhà phê bình, chứng kiến sách văn học trong nước được dịch và quảng bá rộng rãi trên thế giới, rồi một số tác giả được trao giải thưởng ở nước ngoài như: Bảo Ninh, Đỗ Chu, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn, Nguyễn Ngọc Tư... Một nền văn học Việt Nam chuyên nghiệp hiện đại không quá cách biệt với văn học thế giới, đang là mục tiêu hướng tới của cộng đồng văn học Việt Nam.

MẤY Ý NGHĨ VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC HIỆN NAY

PGS.TS. TÔN PHƯƠNG LAN

1. Nhiều người đã nói đến phê bình văn học vừa mang chức năng khoa học văn học lại vừa mang chức năng của nghệ thuật. Nhà phê bình văn học Thiếu Mai lúc sinh thời đã đặt tên cho tập tiêu luận phê bình của mình là *Hái giữa đôi bờ*, hẳn là trên cơ sở của cái “lý” này. Trong nền văn học cách mạng, có nhiều nhà văn là nhà phê bình tên tuổi. Hoài Thanh là một trường hợp tiêu biểu. Có thể vì những lý do nào đó mà thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ông phủ nhận *Thi nhân Việt Nam*, nhưng thực tế đời sống cho thấy chính tác phẩm này đã làm nên tên tuổi của ông. Và trong nền phê bình sau Hoài Thanh, đã mở ra một khuynh hướng phê bình: phê bình cảm thụ, duy mỹ - một khuynh hướng mà thời kỳ đất nước có chiến tranh nó không được khuyến khích nhất là một khi phê bình được coi là một vũ khí trên mặt trận tư tưởng. Sau năm 1986, cùng với sự phát triển chung của nền văn học, đời sống nghiên cứu, lý luận, phê bình đã có những thay đổi cả về bề rộng lẫn chiều sâu trong đó có sự đóng góp của lối phê bình duy cảm - duy mỹ.

Phương pháp luận mácxít đã dần rút khỏi vị trí độc tôn. Các lý thuyết của phương Tây đã được du nhập. Trong vài

thập niên đầu của thời kỳ đổi mới, thi pháp học được nỗi lên và có đóng góp trong đời sống lý luận, phê bình. Ở đây, cần ghi công của Giáo sư Trần Đình Sử, chí ít là với tinh thần và thái độ nhập cuộc, ông đã mang một lý thuyết không còn là mới mẻ ở phương Tây nhưng khi du nhập vào Việt Nam, nó đã được giới phê bình, nhiều đồng nghiệp và học trò ủng hộ. Và trong tình hình bấy giờ thi pháp học có sức lan tỏa sâu rộng, không chỉ là với các học viên cao học, các nghiên cứu sinh mà còn là “khởi điểm” cho nhiều cây bút phê bình khi viết về một tác phẩm, tác giả, một thể loại.

Từ sau đổi mới với sự du nhập của nhiều lý thuyết mới, nhiều cây bút nghiên cứu phê bình đã ghi dấu cho mình như Đỗ Lai Thúy với phân tâm học, Trịnh Bá Đĩnh với chủ nghĩa cấu trúc, Trương Đăng Dung với lý thuyết tiếp nhận, Lã Nguyên với phê bình ký hiệu học,... Rồi là dòng ý thức, diễn ngôn... Điều đó cho thấy, cũng như sáng tác, phê bình văn học cũng đã có sự vận động và phát triển như một nhu cầu tự thân trong “bầu khí quyển” mới.

2. Không khó để thấy một đội hình, đội ngũ những người phê bình của nhiều thế hệ.

Từ đầu thế kỷ mới đến nay, những người cầm bút từ khoảng đầu những năm 1970 vẫn là một lực lượng đông đảo, giữ vị trí chủ chốt trên các báo và tạp chí ở phía Bắc, vốn là những cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu ở các trường đại học, viện nghiên cứu. Những La Khắc Hòa, Lê Thành Nghị, Bùi Việt Thắng, Phan Trọng Thuởng, Nguyễn Ngọc Thiện, Trần Đăng Suyên, Nguyễn Đăng Diệp, Hồ Thế Hà, Chu Văn Sơn, Văn Giá, Đỗ Lai Thúy, Phan Huy Dũng, Lưu Khánh Thơ, Bích Thu, Tôn Phương Lan, Mai Hương, Lý Hoài Thu,

Trần Thị Trâm, Nguyễn Hữu Sơn, Lê Dục Tú, Nguyễn Đình Tú... Họ là những người sống lâu năm với văn đàn, với nghề tuy sự xuất hiện của họ trên văn đàn dường như càng ngày càng ít hơn do những công việc quản lý, đào tạo chiếm mất khá nhiều thời gian, hoặc do những hạn chế về sức khỏe và tuổi tác. Cách đây ít lâu, Nguyễn Hòa là một cây bút xông xáo, thiện chiến mà ngay lập tức bình của anh cũng cho thấy được thái độ của người viết: *Bàn phím và cây búa*. Ngòi bút anh vươn ra nhiều tác giả, vấn đề, nhất là ở những chỗ nóng như “đạo văn”, hoặc “gõ cửa” những tác phẩm mà lời “khen” còn vênh lệch với những chuẩn mà anh cho là đích thực. Và anh được dư luận chú ý trong hai luồng cảm xúc mỗi khi bài của anh xuất hiện: e ngại và tò mò. Vậy nhưng không biết vì lý do gì mà mấy năm nay ít thấy anh xuất hiện hơn. Rồi Chu Giang Nguyễn Văn Lưu mà tên sách *Luận chiến văn chương* cũng đã cho thấy được tinh thần mà tác giả này đưa vào đời sống phê bình...; tất nhiên sức thuyết phục trong những bài luận chiến ấy đến mức nào lại là vấn đề khác. Qua một vài hiện tượng tranh luận trên văn đàn, tôi nghĩ đến câu thành ngữ “của cho không bằng cách cho”, “nói phải củ cải cũng nghe”. Rất cần tránh hiện tượng “hòn bắc ném đi, hòn chì ném lại”, mà để làm được điều đó, rất cần sự ôn hòa, bình tĩnh, thấu lý đạt tình.

Cũng cần phải nói thêm rằng, các nhà phê bình thế hệ này vẫn thuộc hơn với vùng đất mà lâu nay vốn quen “canh tác”: sáng tác của những nhà văn từng tham gia hoặc viết trong giai đoạn chiến tranh chống Mỹ. Đòi hỏi sức sáng tạo có tính khai mở như với thế hệ trẻ, tôi nghĩ là việc hơi khó nhưng đánh giá một cách tổng quan những đóng góp của

từng cá nhân trong một cái nhìn khách quan khi mà đã có ít nhiều có độ lùi và tính định hình ở từng cây bút là việc cần thiết. Giải thưởng lý luận, phê bình Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2017 trao cho Lê Thành Nghị với *Bóng người trong bóng núi* là một ví dụ. Tất nhiên không chỉ có thế. Gần như viết về các nhà văn thế hệ chống Mỹ và trước đó, các nhà phê bình đã có những đánh giá mang tính tổng kết thấu đáo. Phê bình hàn lâm thường không có tính kịp thời, nhưng sâu sắc, kỹ càng. Có thể tìm thấy điều này trong các công trình của các nhà phê bình - nghiên cứu đang công tác ở các viện, các trường đại học mới xuất bản hoặc trong những bài viết lẻ gần đây trên các báo và tạp chí của Hội, của Viện. Theo tôi, tính “trực chiến” ở thế hệ này tiêu biểu nhất có lẽ là Bùi Việt Thắng. Hai tập tiểu luận phê bình *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại và Hà Nội - Từ góc nhìn văn chương* của anh mới xuất bản là một minh chứng thuyết phục về việc đọc nhiều, viết nhanh, viết khỏe, cập nhật với sáng tác của nhiều thế hệ, so với những đồng nghiệp cùng trang lứa. Chỉ riêng về tiểu thuyết, anh có thể bàn đến diện mạo chung hoặc từng đề tài cụ thể, dù mới chỉ xới lên vấn đề trong phạm vi một bài báo. Anh viết về những tác giả quen thuộc với những văn phẩm được giới phê bình lưu tâm như: Nguyễn Xuân Khánh, Lê Lựu, Ma Văn Kháng, Chu Lai, Khuất Quang Thụy, Đào Thắng, Nguyễn Bắc Sơn... đến tiểu thuyết của những cây bút nói là không trẻ nhưng chưa hẳn đã già, tính về nghề viết tiểu thuyết, như: Thùy Dương, Nguyễn Trọng Tân, Nguyễn Việt Chiến, Đỗ Tiến Thụy... trẻ hẳn có Meggie Phạm... Một cây bút nổi lên trong thời gian gần đây với lối viết gây ấn tượng là trường hợp Khuất Bình Nguyên.

Các tác phẩm *Giọt sương trong lá sen* (Giải thưởng Lý luận, phê bình Hội Nhà văn 2016) và *Giấu vàng trong gió thu* hấp dẫn người đọc bởi chất văn trong phê bình khi Khuất Bình Nguyên đã tạo ra các cách tiếp cận khác nhau cho mỗi chân dung văn học. Thế hệ này có những người sáng tác viết phê bình gây được dấu ấn như Văn Chinh, Vũ Từ Trang, Phạm Khải, Nguyễn Việt Chiến... Người sáng tác viết phê bình so với người nghiên cứu có cái khó nhưng cũng có những thuận lợi, chí ít là thẩm thơ và lựa chọn chi tiết.

Một đội ngũ những người phê bình văn học trẻ đã định hình và đang dần chiếm lĩnh văn đàn, sẽ thế chân cho thế hệ trước. Nói là trẻ nhưng về tuổi đời thực sự họ không còn trẻ. Đó là những cây bút trên dưới bốn mươi tuổi, đang hoạt động trên các báo, tạp chí với hai khuynh hướng hàn lâm và báo chí mà các tên tuổi như Hoàng Đăng Khoa, Trần Thiện Khanh, Lê Hồ Quang, Nguyễn Thanh Tâm, Đoàn Ánh Dương, Đỗ Hải Ninh, Lê Hương Thủy, Nguyễn Hoài Nam, Thái Phan Vàng Anh, Cao Hồng, Cao Kim Lan, Hoàng Thụy Anh, Phan Tuấn Anh, Trần Ngọc Hiếu, Mai Anh Tuấn... đã không còn xa lạ. Đây là một thế hệ sung sức, hầu hết sử dụng được ngoại ngữ cho chuyên môn, năng động và có chính kiến. So với thế hệ trước, đội ngũ này có lối tiếp cận vấn đề và cách viết mới mẻ, hấp dẫn hơn. Từ ngữ dưới ngòi bút của họ dường như cũng tung tẩy, điệu đà và mạnh mẽ nên vấn đề mà họ truyền tải trở nên có sức bật hơn trên con đường đến với bạn đọc. Một quan sát nhỏ của tôi: hai trung tâm lớn là Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội xem ra không có nhiều những cây bút phê bình văn học như thế hệ trước.

Phê bình trẻ gắn với văn học trẻ như một sự tương đồng. Đơn giản là nhiều khi cũng như trong đời sống gia đình, mỗi thế hệ có những cách sống, cách tư duy và thị hiếu, thói quen... khác nhau, tuy không đến nỗi cách biệt. Hội nghị viết văn trẻ Hà Nội vừa được tổ chức đã cho thấy tiếng nói của các nhà văn trẻ - những tiếng nói khác nhau nhưng đồng nguyệt ở một mục đích: kéo văn chương lại gần với độc giả, văn chương là vấn đề của con người và phải được thế giới biết đến. Muốn thế phải khuyến khích mọi sự sáng tạo, tìm tòi. Những tiếng nói của giới trẻ, của người sáng tác, chỉ trong phạm vi Hà Nội, nhưng có thể là tiếng nói chung của giới viết văn trẻ, tuy chưa thật đầy đủ, nhưng thể hiện một khát khao được đổi mới, được thể hiện, cần được nâng đỡ, khuyến khích và chú ý.

3. Trở lại với vấn đề phê bình văn học là một công việc đi giữa đôi bờ văn chương và nghệ thuật, những năm gần đây, với các lý thuyết du nhập từ phương Tây, phê bình văn học cũng mang sắc thái khác. Tính chuyên nghiệp đã định hình được thể hiện trong nhiều bài viết, hoặc được rút từ các luận án, hoặc do những người viết đã “chín” hơn sau một thời kỳ làm luận văn, luận án. Diện khảo sát được mở rộng hơn, vấn đề được đi sâu hơn. Chẳng hạn, nghiên cứu hình tượng người nông dân đã được gắn với nông thôn và nông nghiệp, đã đặt trong chiều dài lịch sử cũng như điều kiện xã hội ngày nay. Chẳng hạn nghiên cứu vấn đề chiến tranh đã dần thoát ra khỏi cái nhìn “địch - ta”, đã đi sâu vào nhân tính, vào hòa hợp dân tộc, đi vào những đề tài mới. Đã có những bài viết về văn học hải ngoại, coi văn học này là một bộ phận của văn học nước nhà. Đã có những bài viết về một số

tác giả đô thị miền Nam thời đất nước bị chia cắt nhằm đánh giá thỏa đáng những đóng góp của họ cho văn học dân tộc. Đã đến lúc cần phải có cái nhìn công tâm, khoa học đối với văn học nói riêng và văn hóa, nghệ thuật ở vùng đô thị miền Nam trước năm 1975.

Những vấn đề mà chúng tôi nêu trên, trong thực tế đã được thực hiện trong các đề tài luận văn, luận án, các đề tài khoa học ở các viện, các trường. Điều này, nếu là ở đề tài luận văn, luận án thì đáng tiếc là chưa được công bố trong một đối tượng công chúng rộng rãi vì ngoài một số bài báo liên quan đến công trình đã được đưa in trước khi bảo vệ thì sau đó các nghiên cứu sinh cũng ít có điều kiện để in thành sách. Nhiều đề tài ở các viện, ở hội đồng sau khi nghiệm thu thì nằm im trong ngăn kéo? Lý do không xuất bản là do đâu? Là do không cập nhật? Là do chất lượng chưa cao? Hay chưa có điều kiện phát hành? Ở đây, chúng tôi cho rằng, các nhà quản lý tài chính, cũng là những nhà quản lý ở cơ quan chủ quản, cần có tầm nhìn để tránh những lãng phí chất xám một khi những công trình tốn bao sức lực của những trí thức đầu ngành, những người nghiên cứu phê bình chuyên nghiệp thực hiện, lại không được công bố.

Nhớ lại cái thời tôi làm ở *Tạp chí Văn học* đầu những năm bảy mươi, sau mỗi số tạp chí ra, tòa soạn thường rất có ý thức thăm dò dư luận một cách cập nhật để rút kinh nghiệm cho những số sau và với các số tạp chí gắn với các sự kiện, Tổng Biên tập thường làm việc trước với biên tập viên để có kế hoạch đặt bài - thường là các bài “định”. Ở các báo và tạp chí của Hội, mang lý luận, phê bình hình như chưa chú ý đến điều này. Có bài nào thì dùng bài ấy? Có chẳng là

chưa có kế hoạch cụ thể để giới thiệu những tác phẩm được coi là nổi trội trên mặt bằng văn chương của năm, ở các thể loại? Và một điều, theo tôi cũng cần là: nên giới thiệu một số những bài ở mảng lý luận, phê bình văn học của *Văn nghệ*, *Nghiên cứu văn học*, *Nhà văn và tác phẩm*, *Thơ* trên website của Hội Nhà văn Việt Nam www.vanvn.net, nhất là để người đọc trong đó có hội viên dễ dàng theo dõi.

Cùng chung cảnh ngộ với văn hóa đọc trong tình hình văn hóa nghe nhìn lấn lướt, phê bình văn học cần có những định hướng để phát triển. Thủ tổ chức một hội thảo bài bản về phê bình văn học trẻ để có sự nhận dạng, khuyến khích họ vì đây là công việc nặng nhọc, thù lao ít... nhưng lại rất cần cho sự phát triển của một nền văn học. Tôi tin ở đó sẽ có những tiếng nói cần được lắng nghe, cần được thấu hiểu.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC HIỆN NAY QUA CÁCH THỨC TIẾP CẬN VÀ NHẬN THỨC CÁ NHÂN

GS. PHONG LÊ

“Hiện nay” là một khái niệm cần được xác định và thống nhất. “Hiện nay” là thời điểm cụ thể nào, và với độ dài bao lâu: 5 năm, 10 năm, hoặc hơn... Trong khi đời sống nói chung, và đời sống văn học, nghệ thuật nói riêng là lưu chuyển liên tục, không ngừng, không có điểm dừng, vừa kết nối, vừa có lúc là đứt đoạn. Và, nếu chú ý đến những đứt đoạn thì không thể không bám chắc vào các sự kiện chính trị nổi bật, tức là bám vào các chuyển động lớn của lịch sử; chẳng hạn năm 1945 với Cách mạng Tháng Tám; năm 1975 với Đại thắng mùa Xuân; năm 1986 - năm bắt đầu công cuộc đổi mới; năm 1990 - năm phe xã hội chủ nghĩa bắt đầu tan vỡ; năm 1995 - năm Việt Nam thoát khỏi thế bị bao vây, cấm vận, gia nhập ASEAN; và năm 2000 - năm mở đầu thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới... Từ những mốc lịch sử như trên, tôi muốn hiểu “hiện nay” với một quan niệm rộng, đó là tình hình văn học trong *mở đầu thế kỷ XXI*, với đôi nét *phác thảo* về thực trạng...

Ngay cả *phác thảo*, với tôi, cũng đã là rất khó. Khó vì những biến động quá lớn trong thực trạng và các tiêu chí

đánh giá. Đó là tình hình hoàn toàn khác biệt với tất cả các giai đoạn trước mà tôi được biết và chứng kiến, cho đến thập niên cuối thế kỷ XX.

Chẳng hạn thời kỳ 1930-1945, tôi muốn xem là thời kỳ hoàn thiện diện mạo hiện đại của đời sống văn học; thời kỳ văn học “gặt hái” được một “mùa màng” ngoạn mục nhất, trong đó có thành tựu của nghiên cứu - lý luận - phê bình. Chỉ trong 15 năm, nếu thành tựu sáng tác là rất nổi bật trên cả ba trào lưu văn học: lãng mạn, hiện thực và cách mạng thì thành tựu phê bình cũng được kết tinh trên nhiều tác gia, tác phẩm tiêu biểu như của Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Lê Thanh, Trương Chính, Trần Thanh Mại, trong đó có những tên sách có giá trị thế kỷ như *Phê bình và Cảo luận*, *Thi nhân Việt Nam*, *Nhà văn hiện đại*...

Sau năm 1945 cho đến thời kỳ đổi mới, bắt đầu từ nửa sau thập niên 1980, đời sống văn học đi vào một quỹ đạo mới, thành tựu của nghiên cứu lý luận, phê bình hướng vào quỹ đạo của *Đường lối cách mạng* và *Đường lối văn nghệ* của Đảng. Sau những chuẩn bị “nhận đường” ban đầu theo ba phương châm “Dân tộc, Khoa học, Đại chúng”, và mục tiêu phục vụ Công - Nông - Bình, lý luận văn học mácxít về văn học, nghệ thuật dần dần hình thành và hoàn thiện vào những năm 1960, trên miền Bắc, qua các văn kiện của Đảng và các hội nghề nghiệp, và trong các ý kiến phát biểu của những người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trưởng Chinh, Phạm Văn Đồng, Tố Hữu... Từ đây, “văn hóa - nghệ thuật cũng là một mặt trận”. Từ đây, tính Đảng phải được xem là linh hồn của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Từ đây, trong mọi thứ *tính làm*

nên phẩm chất của văn học mới - thì *tính chiến đấu* phải được xem là biểu hiện tập trung nhất của công tác phê bình. Và, cao hơn cả: “lý luận, phê bình là một phương thức chỉ đạo của Đảng trên mặt trận văn nghệ”¹.

Từ nhận thức trên, công tác lý luận, phê bình luôn được đặt ở vị trí tiên tiêu; và người làm công việc phê bình phải được sự tin cậy cao nhất của Đảng. Do vậy mà nhìn vào đội ngũ - thì số lớn, nếu không nói là tất cả, đều là những người được Đảng giao trách nhiệm nắm giữ những vị trí then chốt trong các cơ quan tuyên huấn, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ... Những gì họ viết hoặc nói đều được xem là những phát ngôn chính thống để giữ cho văn học, nghệ thuật không được xa rời, hoặc chêch ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng. Và dẽ hiểu những tên bài, tên sách trong cả một thời dài đều có một “khuôn chung” - đó là: *Dưới ánh sáng đường lối văn nghệ của Đảng, Nơi theo đường lối văn nghệ Mác - Lenin của Đảng, Phấn đấu sáng tạo theo đường lối văn nghệ của Đảng, Mai mai đi theo đường lối văn nghệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Luyện thêm chất thép cho ngòi bút, Trên mặt trận văn học, Căn bản vấn là vấn đề lập trường - tư tưởng, Đường lối văn nghệ của Đảng - vũ khí, trí tuệ, ánh sáng...*

Tình hình trên kéo dài cho đến hết nửa đầu thập niên 1990...

Từ nửa sau thập niên 1990 cho đến nay là thời kỳ đổi mới văn học phát triển trong xu thế hội nhập với tác động của cuộc cách mạng thông tin và nền kinh tế thị trường. Một thời kỳ diễn ra trên dưới 25 năm, tính cho đến nay, với sự đồng hành

1. Trường Chinh: “Về phê bình văn học”, tạp chí *Văn học*, số 1/1969.

của 4 (hoặc 5) thế hệ viết - kể từ thế hệ 3X đến 9X; trong đó thế hệ bắt đầu viết hoặc được sinh ra sau năm 1975 đang dần dần đóng vai trò chủ đạo. Diện mạo phê bình cũng theo đó mà thay đổi.

Khi thuật ngữ chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không còn xuất hiện và yêu cầu về tính Đảng ít được nhắc đến thì lực lượng phê bình lãnh đạo cũng không còn tồn tại, sau sự ra đi (hoặc ngừng hoạt động) của các tên tuổi chính - tiêu biểu làm nên gương mặt phê bình suốt từ giữa thập niên 1950 cho đến đầu thập niên 1990.

Do sự phát triển của báo chí lên đến nhiều trăm tờ, thuộc đủ các loại: báo in, báo hình, báo mạng thì mặc nhiên *phê bình báo chí* được đưa lên hàng đầu. Dẫu chuyên hoặc không chuyên, việc thông tin về hoạt động văn học - nghệ thuật cũng là một nhu cầu chung, phổ biến của xã hội; và do vậy cũng là đối tượng cho các loại hình báo chí quan tâm. Điều đó khiến cho các ông chủ báo, các nhà báo và các biên tập viên báo chí bỗng trở thành các “vai diễn” quan trọng trong đời sống phê bình. Phải qua họ, hoặc nhờ vào họ mà một tác giả, hoặc một tác phẩm nào đó mới đến được với công chúng qua kênh truyền thông, trước khi có sự bàn bạc, thẩm định của giới chuyên môn. Là báo chí nên bài vở thường phải ngắn, và nội dung được đề cập chủ yếu là những vấn đề thích hợp với đời sống chính trị, xã hội nhiều hơn là đời sống văn chương. Việc bàn thảo chung quanh một tác phẩm hay, hoặc có chuyện để bàn, do vậy bỗng trở nên rất hiếm - kể cả trên các báo của các hội nghề nghiệp, hoặc các viện nghiên cứu... Và đó chính là nguyên cớ cho sự im ắng, tẻ nhạt của đời sống phê bình.

Như vậy có thể nghĩ: đây là thời phê bình báo chí làm nên gương mặt chủ đạo, có tác dụng thay thế hoặc lấn át phê bình chuyên nghiệp. Nhưng phê bình chuyên nghiệp là ai, và ở đâu thì cũng rất khó tìm. Ngoài các biên tập viên báo chí, xuất bản, ngoài những người viết tự do (cho các báo chí) thì đó là sự xuất hiện lẻ tẻ, rời rạc dăm mươi tên tuổi ở một số viện nghiên cứu, hoặc các khoa văn, khoa văn hóa, khoa khoa học xã hội ở các trường. Chăm viết, hoặc không, họ vẫn còn nhiều việc khác để làm, bởi đó là nơi họ hưởng lương. Và cũng có thể còn tham gia vào các dự án nghiên cứu này nọ, trong những chương trình nghiên cứu của cơ quan. Và như vậy thì cái gọi là chuyên nghiệp lại rất đáng hoài nghi... Còn các thế hệ đi trước họ, thế hệ có một lịch sử viết gắn với các giai đoạn trước, nhiều người vừa có thẻ hội viên Hội Nhà văn vừa có học hàm giáo sư hoặc phó giáo sư thì số lớn, theo tôi, họ đã không xuất hiện, hoặc không xuất hiện trong tư cách người phê bình; bởi các thế hệ sáng tác đồng hành với họ số lớn cũng đã lên lão cả rồi. Ai cũng chỉ có một thời sung sức - ở tuổi ngoài 20, 30... hoặc muộn lăm là 50, 60... Nếu có kéo dài thêm thì chỉ nên xem là người đồng hành, chứ không thể, và không nên là chủ lực, bởi sự bất cập của họ, và khoảng cách về nhiều phương diện giữa họ và các thế hệ trẻ hôm nay là quá rộng, quá xa. Vai trò chủ lực, làm nên diện mạo và thành tựu chung của phong trào phải dành cho các thế hệ sau. Còn họ, nếu ai còn sức, còn có điều kiện để hành nghề thì lùi vào bình diện nghiên cứu lịch sử; để làm cầu nối cho các thế hệ sau đừng quên lịch sử. Bởi, phê bình chính là sự nối dài của lịch sử, trước khi trở thành lịch sử.

Nếu có một đội ngũ phê bình ở các viện, các trường - mà chúng ta quen gọi là phê bình hàn lâm, thì cũng cần lưu ý đến một khu vực được làm rất thường xuyên - đó là việc viết và chấm các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ. Ở đây, đời sống văn học đương đại rất được cập nhật; mỗi năm trên khắp các trường (thuộc khối văn hóa - nghệ thuật, khoa học xã hội - khoa học nhân văn) có sự ra lò của hàng trăm, nhiều trăm luận án, luận văn, qua đó, diện mạo văn học hiện đại, kể cả những khu vực áp sát vào thời sự nhất vẫn được bàn và bình, khen và chê... Và đó chính là nơi diễn ra hoạt động phê bình, chỉ có điều công chúng rộng rãi ít biết đến, trừ các hội đồng chấm, và đôi khi, trực tiếp hoặc gián tiếp, có sự góp mặt của tác giả, rồi sau đó vào “ngủ yên” trong các kho của thư viện.

Đây là hiện tượng trước thời đổi mới chưa hề có.

Như vậy, theo tôi thực trạng phê bình hiện nay gắn bó trực tiếp với hoạt động báo chí. Còn phê bình trong đời sống nghiên cứu và giảng dạy ở các viện và học đường thì ít có tác động đến công chúng bạn đọc. Ngoài hai loại đó, không biết cái gọi là phê bình chuyên nghiệp nằm ở đâu?

Vào cái thời tất cả mọi ngành nghề đều hướng tối chuyên nghiệp hóa, thì với phê bình lại theo chiều ngược lại.

Thế nhưng chính vào lúc phê bình yếu tính chuyên nghiệp nhất thì đời sống sáng tác lại bẽ bột, nhiều màu vể nhất. Không thể đếm xuể biết bao cuộc thi đã được tổ chức trên mọi lĩnh vực, mọi ngành nghề cùng với bấy nhiêu các hội đồng chấm giải, từ nhỏ đến lớn, từ thấp lên cao. Không thể đếm xuể số lượng thơ, truyện, tiểu thuyết, phê bình - tiểu

luận... được in ra. Cái in ra thì nhiều, nhưng đến được với bạn đọc là bao nhiêu? Cái in ra vừa để biếu vừa để bán; và cả bán và biếu có được đọc không? Chưa thấy có một điều tra xã hội học nào để đo đếm tác động của văn học, nghệ thuật đối với đời sống xã hội.

Nhìn vào các lĩnh vực nghệ thuật như hội họa, âm nhạc, điện ảnh mới thấy “thương” cho văn học, khi mỗi quyển sách được in ra chỉ là 300, 500 hoặc 1.000 bản, nhiều lắm là 2.000 bản mà vẫn khó bán trên tỷ lệ hơn 95 triệu dân¹. Cố nhiên, nếu là sách hay (số này rất hiếm - và thường là sách dịch) và được quảng cáo tốt thì được in nhiều hơn. Tính số đầu sách được in, với số đầu sách được giới thiệu trên báo - nhờ vào các mối quan hệ thân quen hoặc vị nể - thì tỷ lệ là vô cùng bất cập. Có nghĩa là chìm trong im lặng. Một im lặng đến mênh mông. Thậm chí nếu có được giới thiệu ở một góc, hoặc nửa trang, hoặc một trang nào đó của một tờ báo chuyên hoặc không chuyên thì cũng đâu dẽ gây được sự chú ý - kể cả các giải này, giải nọ.

Viết đến đây, tôi không tránh được ý nghĩ bi quan về vai trò và vị trí của văn học nói chung trong đời sống, trước sức

1. Trừ một trường hợp đặc biệt, đó là Nguyễn Nhật Ánh (sinh năm 1955), người luôn luôn hiện diện và cùng đồng hành với nhiều thế hệ thiếu nhi suốt hơn ba thập niên qua, với một danh mục viết cho thiếu nhi gồm hàng chục đầu sách, quyển nào cũng nhận được sự đón đợi nồng nhiệt của các lứa tuổi trẻ. Đây là hiện tượng đặc sắc hiếm có, kể từ sau *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài.

Cuốn sách mới ấn hành gần đây của anh có tên *Làm bạn với bầu trời*, là cuốn sách thứ 45, Nhà xuất bản Trẻ in lần đầu 150 nghìn bản, trong đó có 20 nghìn bản đóng bìa cứng.

mạnh áp đảo của các nhu cầu tăng trưởng kinh tế, vai trò của các lợi ích vật chất và giá trị của đồng tiền. Trong bối cảnh đó, con người hôm nay đến với văn học, nghệ thuật trước hết như một nhu cầu giải trí (nhìn vào đời sống âm nhạc, điện ảnh ta sẽ thấy rất rõ điều này); và như vậy thì mục đích của phê bình cũng chỉ giới hạn ở nhu cầu thông tin, quảng bá... Nó có mạnh hơn lên, hoặc yếu đi; có thực hiện đúng với chức năng hay không thì sách in ra vẫn... ê - như cách nói của một nhà thơ gần đây¹.

Một chấn hưng cho phê bình trở về với tính chuyên nghiệp của nó có nghĩa là cần có một đội ngũ - yêu nghề, tinh thông về nghề, và sống được bằng nghề. Họ phải được đào tạo và giao trách nhiệm, và được tạo các điều kiện tốt cho việc thực hiện các trách nhiệm. *Một khởi động tốt* - đó là việc ra đời Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, trực thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương, tức là trực tiếp chịu trách nhiệm trước Đảng, với các thành viên đại diện cho các lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Một tổ chức như thế từ trước đến nay chưa hề có. Cộng cho hết những tên tuổi tiêu biểu tham gia công việc phê bình trong hơn nửa thế kỷ trước đổi mới cũng chưa bằng. Chỉ cần mỗi thành viên phụ trách một mảng công việc, và tận tâm trong nhiệm vụ được giao, có hiểu biết và gắn bó với phong trào, có khả năng tổ chức, và có sức nghĩ, sức viết... thì có thể làm chuyển được tình hình chăng?

1. I. Jnrasara: “Thơ vẫn sống và vẫn... ê”; báo *Tuổi trẻ*, số ra ngày 20/02/2012.

Còn Viện Văn học, với tạp chí *Nghiên cứu văn học*; Hội Nhà văn Việt Nam với ba tạp chí *Văn nghệ*, *Thơ*, *Nhà văn và tác phẩm*; Hội Liên hiệp văn học, nghệ thuật Việt Nam, với tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, thì theo tôi nghĩ đều bất cập trước yêu cầu hiện nay của công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình.

Tiếp tục quan sát bâu khí quyển chung của đời sống hôm nay - một đời sống mà áp lực của kinh tế, của sinh hoạt vật chất, của thương mại và giải trí đang tràn ngập, khiến cho mọi hoạt động khác của đời sống tinh thần không thể không thay đổi hoặc biến dạng. Có lẽ rồi cũng phải quen với việc một số lượng khá đông bạn trẻ ngại bỏ ra nhiều triệu đồng để mua một vé xem trình diễn của các “sao” trong và ngoài nước, nhưng lại ngần ngại bỏ ra dăm chục ngàn đồng cho một cuốn sách, chưa hẳn đã là sách văn học mà là sách dạy kỹ năng sống, nghệ thuật kinh doanh, làm đẹp hoặc truyện tranh... Hiện tượng này hẳn có liên quan với chỉ số ở Việt Nam, mỗi người dân đọc 0,8 đầu sách/năm¹. Đây là vấn đề, xét đến cùng, ở cấp vĩ mô - phải được giải quyết trong việc xử lý mối quan hệ quá mất cân đối giữa kinh tế và văn hóa.

Trở lại với đời sống văn học - gồm cả sáng tác và phê bình, với thực trạng như trên, nếu có gây nên hoang mang thì cũng là phải. Chọn tiêu chí nào cho hoạt động sáng tác và phê bình vào lúc này khi thực trạng là thế, ngoài ba khái

1. Đây là con số được đưa ra trong ngày Hội sách 23/4/2013, theo kết quả điều tra tình hình đọc thuộc hệ thống thư viện. Tất nhiên số người đọc không qua thư viện vẫn còn nhiều. Nhưng sự ngưng trệ hoặc tê liệt của hệ thống thư viện cũng là điều rất đáng nghĩ.

niệm quen thuộc: Chân, Thiện, Mỹ? Trong khi trước đây, kể từ đầu thế kỷ XX cho đến những năm 1990, rồi 2000, tiêu chí đó gần như không thay đổi, hoặc có cùng một cách hiểu.

Gần một thế kỷ, với mục tiêu lớn nhất là độc lập và thống nhất cho dân tộc, và chiến thắng trong hai (hoặc ba) cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, không phải kết thúc ở thời điểm năm 1975 mà còn kéo dài cho đến hết thập niên 1980. Đồng thời là thoát đói và nghèo bằng con đường xây dựng và đi lên chủ nghĩa xã hội, tức là con đường xóa bỏ giai cấp (hữu sản) và xây dựng chế độ công hữu toàn dân và tập thể. Ngoài định hướng ấy, không có con đường nào khác. Còn bây giờ, khi đất nước bước vào hội nhập, thì mọi sự đang diễn ra trong tìm tòi, quá độ. Nếu cả xã hội là thế, thì văn học, nghệ thuật cũng là thế. Cả nghệ thuật văn chương và khoa học văn chương cũng là thế!

Nếu trước đây, trong chiến tranh, mỗi cuốn sách in ra chỉ riêng trên miền Bắc cũng đến hàng vạn bản là điều tự nhiên, vì ngoài sách ra không có gì khác cho con người hưởng thụ xét trên ba chức năng: nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ¹; thì bây giờ chỉ cần trung bình 1.000 bản cho hơn 95 triệu dân là đã đủ - trừ một số ngoại lệ. Bởi ngoài sách ra, có quá nhiều phương tiện cho con người thỏa mãn các nhu cầu của mình. Văn hóa đọc sau nhiều trăm năm có ngôi vị, bây giờ phải chia sẻ hoặc “nhường ngôi” cho các văn hóa khác, cũng nên xem là tự nhiên, chứ không nên quá lo lắng, để nghĩ cách chấn

1. Cho đến đầu thập niên 1980, chức năng giải trí mới được nói đến một cách dè dặt.

hưng. Cố nhiên chấn hưng được ở mức độ nào, hoặc khu vực nào thì đó là điều mừng. Nhưng phải thấy đó là điều khó. Văn hóa đọc phải tồn tại trong cạnh tranh với văn hóa nghe - nhìn là lẽ đương nhiên. Và cuộc cạnh tranh này càng khó khăn khi “văn hóa mạng” lên ngôi. Có nghĩa là một cuộc “soán ngôi” đang diễn ra khi con người đang dần dần từ bút sắt (hoặc các loại bút bi) và chuyển sang bàn phím, để tiếp cận với cả một thế giới thu nhỏ mà ta quen gọi là *thế giới phẳng*. Có nghĩa là nếu cuộc chuyển ngôi từ bút lông sang bút sắt đã tạo nên rất nhanh chóng một chuyển đổi mô hình triệt để vào đầu thế kỷ XX để cho ra đời nền văn học hiện đại thay cho văn chương trung đại kéo dài hàng nghìn năm, thì cuộc chuyển đổi mô hình vào đầu thế kỷ XXI này sẽ còn chóng vánh và quyết liệt hơn. Bởi nó lại diễn ra trong cuộc toàn cầu hóa lần thứ ba (gắn với kỷ nguyên thông tin), rồi Cách mạng 4.0 khiến cho sự phân biệt và cách biệt giữa Đông và Tây như trong hai cuộc toàn cầu hóa trước đây là không còn nữa.

Cứ nghĩ như vậy thì lại thấy cần bình tâm trước các hiện tượng đang diễn ra, trong đó có hiện tượng văn hóa phê bình theo nghĩa cổ điển đang thu hẹp lại. Không phải giới phê bình kém người tài. Có không ít người tài trong thế hệ trẻ, ở các báo, các trường và viện, và các cơ quan văn hóa, văn nghệ, với ý nghĩ nếu mình còn đồng hành được với họ cũng đã là hạnh phúc... Không phải vì sáng tác kém hay, không có cái hay. Vẫn có, và ngày càng nhiều cái hay trong đội ngũ ngày càng đông các tên sách, tên người thuộc thế hệ 7X trở về sau, gồm cả hội viên và không là hội viên Hội Nhà văn, như: Nguyễn Ngọc Tư,

Bích Lan, Nguyễn Đình Tú, Phan Việt, Nguyễn Ngọc Thuần, Đỗ Bích Thúy, Phan Triều Hải, Văn Cầm Hải, Vũ Đình Giang, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Thụy Anh, Thuận, Nguyễn Phan Quế Mai, Nguyễn Trương Quý... Với đội ngũ này, không cần đến giới phê bình họ vẫn có nhiều cách đến với người đọc khi *công nghệ thông tin* và *văn hóa mạng* làm được rất *nhanh* và rất *rộng* việc giới thiệu, quảng bá cho một tên tuổi nào đấy, không kể khi tác giả đã là một *thương hiệu*. Vậy thì nếu phê bình là việc không cần thiết nữa, hoặc không cần thiết lăm; khi phê bình chỉ là, hoặc nên là một giao hảo tri kỷ giữa người viết và người đọc, một quan hệ Bá Nha - Tử Kỳ thời hiện đại, thì phê bình tự nó phải biến đổi, hoặc biến dạng cho thích hợp với tình thế mới.

Như vậy là, nếu chăm chú quan sát thế giới và nắm bắt được yêu cầu mới của thời đại thì việc viết sách hay làm báo, sáng tác truyện, thơ hay viết tiểu luận - phê bình cũng cần chuyển đổi mục tiêu và phương thức cho nó để tồn tại mà làm nên gương mặt mới cho *cuộc chuyển đổi mô hình lần thứ hai* của văn chương - học thuật Việt Nam, sau khoảng cách hơn 100 năm. Nhìn vào toàn bộ lực lượng viết trong và ngoài Hội Nhà văn, nhất là ngoài Hội Nhà văn, với tỷ lệ khá đồng lực lượng trẻ, kể từ 8X và 9X trở đi, tôi nghĩ là cuộc chuyển động ấy đang diễn ra gấp gáp. Hãy chờ xem những gì sẽ diễn ra, gồm những dự báo và cả những gì chưa hề có trong dự báo, với tỷ lệ hy vọng nhiều hơn thất vọng. Hãy ngược về đầu thế kỷ trước - thế kỷ XX để đứng về phía ủng hộ Tân Đà và Hoàng Ngọc Phách mà “thương” cho Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... Rồi đứng về phía Hàn Mặc Tử

và Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao để đưa cả Nguyễn Khuyến, Tú Xương cùng Tân Đà và Hoàng Ngọc Phách vào một ngôi vị cao trong “ngôi đền” văn học sử. Ba mươi năm đầu thế kỷ XX đã có những cuộc chuyển ngôi ngoạn mục như thế. Ba mươi năm đầu thế kỷ XXI hẳn sẽ diễn ra những gì còn ngoạn mục hơn gấp nhiều lần, tôi mong và tin như thế. Một hình dung cụ thể về gương mặt của sáng tác và phê bình văn học trong tương lai là khó, nhưng chắc chắn chức năng và phương thức thể hiện của cả hai sẽ phải thay đổi, và tác động qua lại giữa chúng, cùng những ranh giới để phân biệt sẽ không còn như cũ.

Nếu tính về thời gian thì thế kỷ XXI mới chỉ có ngót 20 năm. So với lịch sử hàng nghìn năm (“Bốn nghìn năm ta lại là ta” - Tố Hữu) thì 20 năm là rất ít, là một khoảnh khắc. Nhưng sức chứa những biến động, những chuyển đổi trong chỉ 20 năm là rất khổng lồ, chưa có bất kỳ 20 năm nào, hoặc 100 năm nào (của thế kỷ XX), hoặc 1.000 năm nào trong lịch sử dân tộc so sánh nổi. Chỉ 20 năm, nhưng đó là những gia tốc phát triển cực kỳ lớn cho cuộc sống và cho con người, với những gì liên quan đến con người trong một cuộc cách mạng, có tên gọi 4.0 để cho con người tạo ra trí tuệ nhân tạo, con người tạo ra con người.

Hãy dõi chiếu những thay đổi ấy, với tất cả những gì con người đã và đang tạo ra. Rõ ràng không gì có thể giữ nguyên như cũ, như trong 1.000 năm văn chương trung đại, và hơn 100 năm văn học hiện đại.

Nhiều dự đoán, nhiều tiên báo đang đặt ra cho các giới khoa học: liệu máy móc sẽ chiến thắng và thay thế con người?

Đó là câu hỏi đặt ra cho một cuốn sách của Toby Walsh chuyên gia hàng đầu thế giới về trí thông minh nhân tạo, có tên: *Năm 2062 - thời đại của trí thông minh nhân tạo* ấn hành năm 2018 qua bản dịch của Đỗ Tôn Minh Khoa. Mốc 2062 tác giả đưa ra, với đoán định lúc đó máy móc với bí danh Người Số sẽ chiến thắng trong cuộc đua với con người trên các lĩnh vực của lao động chân tay và cả lao động trí tuệ¹...

Vậy là chỉ còn 43 năm, tất cả sẽ thay đổi? Gồm cả những thay đổi trên lĩnh vực lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ta đang bàn hôm nay chăng?

1. Lam Điền: “Năm 2062 - thời đại của trí thông minh nhân tạo”, truy cập www.tuoitre.vn, ngày 17/7/2019.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC VÀ ĐỌC TÁC PHẨM

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG

1. Đã có rất nhiều những công trình lớn nhỏ viết về phê bình văn học. Những lý thuyết mới về phê bình và tiếp nhận văn học đã giúp cho những nhà phê bình có thêm công cụ để thực hiện việc giải mã tác phẩm. Đường như mỗi khi xuất hiện một cách viết mới, lại xuất hiện những lý thuyết mới nhằm cắt nghĩa những yếu tố lần đầu xuất hiện trong một văn bản nghệ thuật. Đã có rất nhiều cây bút phê bình được những người sáng tác coi như có “con mắt xanh” vì đã hiểu đúng những gì nghệ sĩ viết ra: từ tư tưởng triết học, tư tưởng chính trị, xã hội, tinh thần nhân văn đến cách sử dụng các cách viết đã tạo nên sự hấp dẫn cho tác phẩm. Và cũng không ít lần người sáng tác không đồng tình với nhà phê bình, thậm chí tranh luận hoặc không giữ quan hệ bình thường với nhau nữa cũng chỉ vì bài phê bình. Nhìn chung, số lượng những người sáng tác hài lòng với người phê bình ít hơn nhiều lần những người không hài lòng khi đọc bài phê bình về “đứa con tinh thần” của mình. Nguyên nhân chính chỉ vì người viết bài phê bình đã không hiểu đúng người viết. Tình trạng này bắt nguồn từ đâu? Theo tôi, từ chính đặc trưng của sáng tạo

nghệ thuật và nhà phê bình cũng không nằm ngoài quy luật này vì suy cho cùng, người viết phê bình không phải là người sáng tác và dù là người đọc có trí tuệ, tri thức, phẩm chất nghệ sĩ và cá tính không ít hơn và phong phú không kém người sáng tác thì họ vẫn cứ là người tiếp nhận, không phải là người sáng tác. Sản phẩm sáng tạo của họ vẫn là loại phái sinh từ những sản phẩm đầu tiên.

2. Ở đây cần xác định hai đối tượng có những đặc trưng khác nhau: phê bình một văn bản nghệ thuật và phê bình một văn bản khoa học. Văn bản nghệ thuật khác với văn bản khoa học. Vậy thì những sản phẩm khoa học đánh giá về hai loại văn bản trên tất yếu cũng sẽ khác nhau. Một văn bản nghệ thuật vốn chứa đựng nhiều tư tưởng, thái độ, quan niệm, là cách thể hiện cuộc sống theo sự hình dung của người nghệ sĩ nên pha trộn cả những yếu tố xác định và không xác định, nó là sản phẩm tư tưởng và sáng tạo của cá nhân về cái chung nên không hề đơn giản. Quy những thứ vốn rỗi rãm và phức tạp ấy về những mô hình xác định là hết sức khó khăn. Vì vậy, trong trường hợp cao nhất, người phê bình cũng chỉ tiệm cận tới những gì người nghệ sĩ thể hiện ra trong tác phẩm chứ cách hiểu của người phê bình không thể trùng khít với người tạo ra một văn bản. Còn phần lớn các trường hợp chỉ là hiểu được một phần, đó là chưa nói đến việc hiểu sai điều người viết muốn nói. Đó là lẽ thường bởi điều này gắn với bản chất của tìm kiếm và sáng tạo cá nhân trong lĩnh vực tinh thần. Cả con đường tư tưởng lẫn cách thể hiện ra, ở mỗi nghệ sĩ, mỗi tác phẩm đều có sắc thái riêng, con đường riêng như những tìm tòi của riêng họ mà để hiểu nó đến ngọn ngành không

hế đơn giản. Nhà phê bình, khi viết bài lại mong muốn chỉ ra được tất cả những bí mật ở trong văn bản ấy là điều không tưởng. Lạ một nỗi là có nhà phê bình, sau khi công bố bài viết của mình thì mặc nhiên coi như mình đã nói ra chân lý, ai nói khác mình, ngược mình đều cho là sai và kiên trì bảo vệ quan điểm của mình, đồng nghĩa với phản đối người đã viết khác mình. *Độc Tiểu Thanh ký* của Nguyễn Du đến bây giờ vẫn có nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí hai câu cuối cùng “Bất tri tam bách dư niên hậu/Thiên hạ hà nhân khấp Tố Nhu”, chữ nghĩa rõ ra cả đây, người chữ nghĩa nhiều cũng lầm, nhưng mấy ai dám quả quyết rằng cách hiểu của mình là chân lý còn người khác đều sai? Nhắc lại điều này tôi lại nhớ khi giao cho một sinh viên làm luận văn tốt nghiệp về Nguyễn Minh Châu phỏng vấn nhà văn để tăng thêm sức thuyết phục cho những luận điểm của mình. Có vài câu hỏi nhưng tôi đặc biệt lưu ý sinh viên câu: “Xin nhà văn cho ý kiến của mình về câu hỏi tại sao trước đây ông viết cái gì cũng hay và cái gì cũng phai phói lạc quan, rất nhiều tin yêu, còn bây giờ ông viết cũng rất hay nhưng sao nhiều lo âu, trăn trở thế và hâu như cảm hứng trước không còn?”, nhà văn không trả lời và yêu cầu sinh viên nhờ tôi giải thích theo cách hiểu của tôi. Tôi nói cho sinh viên nghe ý của mình, cho sinh viên ghi lại rồi mang đến cho nhà văn. Nhà văn đọc xong, cười, nói đại ý: “Thầy giáo cháu nói cũng được nhưng chưa đúng ý chú. Ý chú thế này thôi: trước đây chú viết về đạo, bây giờ chú viết về đời. Đạo cao quý nhưng lắt léo, đời phong phú nhưng đơn giản. Chỉ có thể thôi”. Nghe sinh viên thuật lại, tôi hoàn toàn bất ngờ. Ông chấp nhận

cách hiểu của tôi nhưng vẫn nói tôi hiểu không đúng những gì ông muốn nói. Ý của ông cao sâu ở đằng sau các lớp chữ nghĩa ai cũng thấy được còn những điều tôi nói ra chỉ là những thứ có thể nhìn thấy, cảm nhận được qua ý nghĩa của những thứ được phô bày ra chứ những gì ẩn ở đằng sau câu chữ thì chưa hiểu được. Có thể do tôi kém cỏi chưa hiểu được điều ông nói ở đằng sau những con chữ và có cả lý do những điều ông viết ra chưa nói hết được những điều ông đã dự tính, suy nghĩ. Cả hai trường hợp này đều nói về một sự thực: luôn có sự vênh lệch giữa cách đọc tác phẩm và ý đồ sáng tạo, cách viết của người nghệ sĩ và với người đọc, luôn tồn tại những cách hiểu khác nhau vì nó phụ thuộc nhiều vào tâm thế, tri thức, cách đọc... rất khác nhau của mỗi người. Vì vậy mà hy vọng vào một sự giống nhau là phi thực tế.

Đối với những chuyên luận nghiên cứu cũng xảy ra tình trạng tương tự nhưng có thể ít hơn. Hệ thống tư tưởng khoa học trong các chuyên luận dù tường minh hơn, ngôn ngữ văn bản khoa học cũng chặt chẽ và đơn nghĩa nhưng không phải bao giờ văn bản khoa học cũng chỉ đem lại cho người đọc một cách hiểu. Nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng này là nhà khoa học cũng khảo sát, lý giải, tổng kết và đề xuất các kết luận của mình trên cơ sở giải mã các văn bản nghệ thuật hoặc tư tưởng của người khác nên độ vênh lệch của người viết và người đọc khác nhau cũng là chuyện bình thường. Thế cho nên mới có những bài phê bình các công trình nghiên cứu, phê bình khác khá nhiều với ý định của người viết và những chuyện như thế là chuyện của muôn đời, khi nào người ta còn viết phê bình, nghiên cứu thì

những chuyện khác nhau trong thẩm định, đánh giá, ủng hộ hay phản đối vẫn còn tồn tại. Mặt khác, cũng nên đề phòng một thực tiễn không khoa học là khi phê bình, đánh giá các công trình nghiên cứu của nước ngoài, không ít người viết đã thể hiện sự sùng phục những lý thuyết mới một cách thái quá, chỉ nhìn thấy ở những lý thuyết mới ấy như là những tư tưởng khoa học mới mẻ, là chân lý mà thiếu sự đánh giá khoa học cần thiết, thậm chí thiếu hẳn sự khách quan phải có. Ví dụ thì nhiều nhưng chỉ xin nêu hai trường hợp: một là trong những năm 1960, 1970 người ta đánh giá cao chủ nghĩa hiện thực đến mức hạ thấp các xu hướng khác chỉ vì dựa vào luận điểm của K. Marx khi đánh giá về Balzac xu hướng hiện thực làm cho người ta nghi ngờ về sự trường tồn của chủ nghĩa tư bản; hai là gần đây khi giới thiệu lý thuyết phê bình hậu thực dân ở ta như một lý thuyết rất mới, có nhiều triển vọng, tác giả lại quên mất rằng ở Việt Nam không có thời kỳ hậu thực dân và những dấu ấn của chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam trong nghệ thuật nước nhà không cần phải nói đến với một tâm thế như vậy.

3. Vậy có gì chung và khác nhau giữa đọc tác phẩm và phê bình văn học? Đọc và giải mã tác phẩm cũng là một cách tiếp nhận văn học của người đọc. Chỉ có điều khi người đọc tác phẩm không công bố những ý kiến đánh giá của mình thì sẽ không có những tác động đến xã hội, kể cả tác giả của tác phẩm được đọc (phê bình) còn khi đã công bố ý kiến đánh giá của mình thì sẽ có tác động đến đời sống văn chương và xã hội bởi một khi ý kiến phê bình đã công bố thì nó sẽ trở thành một hiện tượng hoặc một hành vi mang tính

xã hội. Như những lời giới thiệu hay lời bạt ở mỗi quyển sách có tác dụng gợi mở, hướng dẫn, định hướng cho người đọc hình thành một thái độ xã hội nhất định đối với tác giả, tác phẩm, vấn đề xã hội, nghĩa là tạo nên một nhận thức nhất định về một vấn đề của văn chương và cả ngoài văn chương. Như khi Nguyễn Huy Thiệp mới xuất hiện và đặc biệt là những truyện ngắn viết theo một cách nhìn hiện thực hoàn toàn khác với truyền thống, hệ giá trị văn chương và xã hội của anh khác với những tiêu chí về văn chương và đạo đức, xã hội nhân sinh đã được định hình từ lâu, trong xã hội hình thành một xu hướng “đi tìm Nguyễn Huy Thiệp” như tên gọi của một cuốn sách tập hợp các bài viết về anh và cách luận giải của người chọn bài, giới thiệu. “*Đi tìm Nguyễn Huy Thiệp*” thực ra là một cách nói khác về cách đọc, cách hiểu Nguyễn Huy Thiệp cho đúng với những gì anh đã viết (mà có thể gọi bằng một mệnh đề khác là xã hội tiếp nhận sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp) nhưng tôi dám chắc rằng tất cả những gì người ta đã viết về Nguyễn Huy Thiệp không bao giờ đúng hoàn toàn với những gì anh đã nghĩ và viết. Người ta vận dụng những lý thuyết cũ và mới về quan điểm lịch sử, phê bình văn học theo quan điểm Mác - Lênin, về chủ nghĩa cấu trúc, chủ nghĩa hiện đại trong văn chương, văn hóa học... để giải mã các trang viết của Nguyễn Huy Thiệp, trong đó có những ý kiến rất trái ngược nhau, thậm chí cái này phủ nhận cái kia nhưng tất cả những quan niệm khác nhau ấy cũng chỉ tiệm cận Nguyễn Huy Thiệp mà thôi. Cái không xác định và tính chất không chặt chẽ, không rõ ràng của phê bình văn học là như vậy. Tôi cho rằng, sau vài chục năm so với thời điểm ra

đời của cuốn sách, bây giờ nếu người làm sách này làm lại một cuốn sách có ý muốn “đi tìm Nguyễn Huy Thiệp” chắc ông sẽ có sự chọn lựa khác: bổ sung thêm những bài mới và loại đi một số bài cũ mà trong thời điểm này, nhà phê bình lại có căn cứ để nói về một đối tượng cũ từ những lý thuyết văn chương mới và những nhận thức khác trước.

Nhà nghiên cứu nổi tiếng người Nga Tynyanov trong công trình về văn học, văn hóa, điện ảnh của mình có nêu một luận điểm: ông đọc các nhà cổ điển, xem các bộ phim nổi tiếng từ khi còn nhỏ và khi đã trưởng thành, được đọc các công trình nghiên cứu về những tác phẩm ấy mới giật mình vì có nhiều sai sót đến thế? Các cuốn sách ấy viết khác rất nhiều với những gì ông đã cảm nhận về những tác phẩm ấy và ông bắt đầu đọc lại theo một hệ thống những vấn đề mà ông quan tâm thì phát hiện ra rằng điều đó cũng là một chuyện phổ biến vì nhiều nhà phê bình đã không đọc các tác phẩm nghệ thuật theo những quy luật sáng tạo của cái đẹp mà họ lại đọc văn bản theo một hệ quy chiếu những giá trị thông thường, phổ biến, đã bị tư tưởng hóa, chính trị hóa theo những góc nhìn đầy thiên kiến. Và ông đi đến kết luận: phê bình nghệ thuật cũng giống như triết học của văn học, như mỹ học đang vận động; nó không phải là thứ triết học đã định hình, đã được xác định trở thành những chủ nghĩa này nọ, nó không là những nguyên lý mỹ học đã được đúc kết thành những khuôn mẫu để nhà phê bình đem ra đo bất kỳ hiện tượng nào rồi căn cứ vào cái chuẩn mực đã có để phê phán hay khen ngợi. Ông cho rằng mọi ý định đem khuôn những gì đang vận động, đầy cá tính vào những mô hình là làm hại đời sống văn học bởi

một khi đã nói đến những hệ thống, nguyên tắc nào đó của một phương thức thì về bản chất, phương thức ấy đã báo hiệu sự tàn lụi và trong thực tế đã chỉ còn tồn tại như một phần của lịch sử, chỉ còn ý nghĩa lịch sử. Nhưng, ông cũng cho rằng, vì trách nhiệm xã hội quan trọng như vậy nên nhà phê bình cũng cần nhân danh những giá trị không chỉ của thời đại mình còn cả những gì tiến bộ, nhân văn trong tương lai mà lên tiếng, đừng để những toan tính cá nhân ngoài nghệ thuật làm hại đến nghệ thuật và xã hội. Ông coi đó là đạo đức của nhà phê bình và nghệ thuật luôn cần đến những nhà phê bình có đạo đức bên cạnh những tri thức cần thiết.

4. Đọc sách là một nhu cầu giải trí nhưng nhà phê bình không thể chỉ làm công việc giải trí của cá nhân hoặc gắn với giải trí, phục vụ giải trí của cộng đồng. Nhà phê bình là người đọc sách chuyên nghiệp, thể hiện chất tinh hoa của văn hóa đọc. Bởi vì phê bình văn học, xét về một mặt nào đó cũng là một hành vi tiếp nhận văn hóa nói chung, nghệ thuật nói riêng. Mà một khi đã nói đến thái độ tiếp nhận văn hóa thì điều đó có nghĩa là nhà phê bình đã làm công việc của người tiếp nhận chuyên nghiệp và tuyên truyền sản phẩm văn hóa đến với cộng đồng của mình. Ở hai khía cạnh chuyên môn và trách nhiệm xã hội cần được coi trọng như nhau. Ảnh hưởng của thái độ tiếp nhận (khoa học và văn hóa) ở người phê bình có tác động đến sự tiếp nhận của xã hội cả ở phương diện tích cực lẫn tiêu cực, tùy vào thái độ, chất lượng của bài phê bình. Trong lịch sử văn học nhân loại đã từng xuất hiện những xu hướng phê bình vùi dập một hiện tượng đáng được công nhận hoặc tẩy bối những hiện tượng không đáng được

đánh giá cao đến như vậy. Loại bỏ những động cơ không đúng ra thì những bài phê bình “giải mã” tác phẩm quá sai lệch với ý định của nghệ sĩ không phải là hiếm nhưng cũng cần tránh. Điều này cũng đã xuất hiện trong đời sống văn học ở ta thời gian qua. Nó làm nhiễu thông tin và làm lệch lạc sự tiếp nhận. Để tránh điều này phụ thuộc nhiều vào các tòa soạn, người tổ chức các tờ báo vì chọn gì, in bài nào là quyền của cơ quan quản lý báo chí chứ người viết phê bình rất ít khi can thiệp được vào công việc này. Trong tình hình báo mạng và mạng xã hội đang thâm nhập rất mạnh vào đời sống văn nghệ, thiết nghĩ càng cần thiết xuất hiện những bài phê bình chuyên nghiệp có vai trò nói lại hoặc điều chỉnh những lệch lạc trong khâu tiếp nhận cả về mặt thẩm mỹ lẫn thái độ xã hội. Không ít những tác phẩm có giá trị bị người đọc không quan tâm vì trước khi đọc tác phẩm, họ đã đọc những bài phê bình vô thưởng, vô phạt và trở nên thờ ơ với chúng vì tác động của kiểu phê bình trên. Như vậy, một bài phê bình hời hợt, thiếu trách nhiệm, dù không có động cơ xấu vẫn có thể làm lãng quên, thậm chí giết chết một hiện tượng đáng đọc. Hiện nay, có hiện tượng người viết phê bình “trộ” người đọc bằng những khái niệm rất lạ, rất cao siêu và một cách diễn ngôn phê bình uốn éo đến mất cả phẩm chất phê bình. Khen đúng đã khó, nhưng phê đúng còn khó hơn. Ta đang thiếu những cây bút phê bình mà khi đọc họ ta thấy sung sướng vì những điều nhà phê bình viết chí lý, chí tình, khi ta nhận thấy ở họ những chỉ dẫn thuyết phục và đối với những người hoạt động nghệ thuật, họ thực sự là người đồng hành, là “bà đỡ” cho những “đứa con tinh thần” của nghệ sĩ đến với người đọc bằng con đường chính đạo. Đã qua rồi cái

thời phê bình quy chụp, giáo điều nhưng cũng không nên đọc tác phẩm chỉ là những cảm nhận tùy hứng, viết phê bình chỉ như những trò chơi ngôn ngữ, trò xiếc chữ, viết chỉ vì cá nhân và cho cá nhân. Đúng trước một thái độ phê bình, một bài phê bình là sự chờ đợi của xã hội, là mong muốn của người viết được bắt gặp một tri âm, tri kỉ với mình, ngõ hầu đọc một bài phê bình người viết sẽ thấy có ích cho những dự định cầm bút tiếp theo. Vậy nên nhà phê bình rất cần đến năng lực và trách nhiệm của người thẩm văn bản tinh tế, lịch lãm, kiến văn rộng và tin cậy, biết trân trọng người viết, biết tạo ra những bước “dậm đà” (chữ dùng của Lã Nguyên) để văn học tiến về phía trước dù là cho một cá nhân hay cho một giai đoạn, một xu hướng.

ĐÓI ĐIỀU VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC HÔM NAY

NGUYỄN HỮU NHÂN

1. Thế nào là phê bình văn học

Phê bình văn học và một tác phẩm văn học có cùng một đặc tính chung là dùng ngôn ngữ để thể hiện. Cho nên đôi khi một tác phẩm phê bình văn học nếu được thể hiện bằng một thứ ngôn ngữ đầy cảm xúc thẩm mỹ và mang một cái nhìn riêng với phong cách truyền dẫn nội dung độc đáo thì cũng được xem như một tác phẩm văn học.

Trong lịch sử phê bình văn học Việt Nam thời hiện đại, phương pháp phê bình mácxít đóng vai trò nền tảng. Ngay từ những năm 1930, Hải Triều với cuộc tranh luận duy tâm hay duy vật, “nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh” đã đóng góp tích cực và thiết thực cho hệ thống lý luận của Đảng trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Hải Triều trong một bài viết của mình đã nêu rõ: “Một công trình văn nghệ hay mỹ thuật càng diên đạt được rõ ràng cái tính cách xã hội thì lại càng có giá trị. Nói một cách khác, nếu một tác phẩm mà có thể biểu hiện được cái tình cảm tư tưởng phổ biến của số đông người trong một thời đại (cái số đông người đã biết thường thức nghệ thuật) thì cái công trình đó sẽ được hoan nghênh”. Nhưng cần nêu xáctín một cách rõ ràng rằng

phương pháp phê bình mácxít trong xã hội đang phát triển hiện nay không phải là một hệ thống lý luận, phê bình đóng kín mà phải biết giữ lấy các hạt nhân hợp lý, đồng thời chấp nhận và tiếp thu ưu điểm của các trường phái nghiên cứu phê bình văn học khác. Hay nói như nhà phê bình Lã Nguyên trong bài viết *Lý luận văn nghệ mácxít Việt Nam nhìn từ phiên bản gốc* thì phê bình văn học hiện nay phải cần xóa bỏ định kiến cho rằng chỉ có một phiên bản mỹ học mácxít nào đấy là duy nhất đúng mà cần phải tiếp thu những thành tựu lý luận hiện đại của nhân loại trên tinh thần đối thoại.

2. Quan hệ giữa tác giả, độc giả và phê bình văn học

Xã hội đang phát triển với tốc độ chóng mặt. Văn học, nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng với vai trò là một hình thái đặc biệt của ý thức xã hội cũng nhanh chóng phát triển đa dạng, đa chiều, đa kích cỡ. Phê bình văn học cũng phải “chạy theo” sự phát triển này, thậm chí có lúc “hụt hơi”. Vai trò quan trọng của phê bình văn học tác động vào tiến trình phát triển của văn học và đưa văn học đến gần hơn với cuộc sống ra sao thiết nghĩ không cần phải bàn cãi. Bất cứ sự thờ ơ hay quay lưng với phê bình văn học đều có tội với chính nền văn học nước nhà và có tội với độc giả - một chủ thể khác của sáng tạo văn học. Điều này dễ dàng nhận thấy ở thơ ca hơn. Hay nói như nhà thơ Chế Lan Viên thì trong chừng mực nào đó người đọc hiển nhiên trở thành người đồng sáng tạo với nhà thơ. Và sự sáng tạo của người đọc nhiều khi tạo ra cho tác phẩm những ý nghĩa mới mà chính tác giả, người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm cũng

không ngờ đến. Nhưng không phải lúc nào độc giả cũng cảm nhận hết, cảm nhận đúng những giá trị thẩm mỹ mà tác giả và tác phẩm mang lại. Nhà nghiên cứu phê bình văn học, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Hồ Thế Hà trong bài viết có nhan đề *Mối tương tác trong sáng tạo và tiếp nhận văn học* in trên Báo Quân đội nhân dân số ra khoảng giữa tháng 9/2014 nhận định: “Dĩ nhiên là chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, những hạn chế, bất cập ở phía người đọc, đặc biệt là người đọc phổ thông, bình thường trước những đổi thay của đời sống văn học đương đại thế giới và trong nước là có thật. Chưa kể đến những thực tế có liên quan đến văn học hậu hiện đại thì vấn đề lại càng phức tạp hơn. Lúc ấy, những giới hạn của chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận cũng là một thực tế. Cũng chính lúc ấy, Khoa Nghiên cứu văn học lại phải thể hiện vai trò là “mỹ học và triết học” đang vận động của mình để định hướng các vấn đề có liên quan đến quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn học về mặt lý luận, lý thuyết để những gì còn tiềm ẩn, tranh cãi được thể hiện lên một cách hiển minh và khoa học, nhằm định hướng thẩm mỹ cho người đọc và cả người sáng tác”.

Hiện nay, cuộc sống đòi hỏi văn học phải cởi mở hơn, công khai hơn và thành thật hơn. Nhà văn chuyên nghiệp hôm nay đã nắm bắt được một hệ thống tư tưởng lý luận rất lớn để khám phá và nhận thức hiện thực một cách toàn diện hơn. Điều đó đòi hỏi phê bình văn học cũng phải có một hệ thống tư tưởng lý luận hoàn chỉnh để đảm đương sứ mệnh là cầu nối giữa nhà văn với độc giả. Độc giả ở đây phải là độc giả biết cảm thụ được tác phẩm văn học. Chỉ khi độc giả cảm thụ được tác phẩm thì phê bình văn học mới thật sự đóng vai trò

của ngọn đèn trí tuệ soi sáng tận cùng ngóc ngách của từng tác phẩm. Những luồng sóng tư tưởng, thái độ, tình cảm hay nói cách khác là nhân sinh quan của tác giả thể hiện trong một tác phẩm luôn luôn cần sự phê bình văn học tham chiếu. Tham chiếu trong phê bình văn học không chỉ là tham khảo và đối chiếu mà nhiệm vụ của phê bình văn học phải tạo ra cho tác phẩm một giá trị khác ngoài giá trị mà tác phẩm đó đang có. Giá trị tích cực hay tiêu cực hoàn toàn tùy thuộc và khả năng của người làm phê bình văn học. Nhà phê bình Lã Nguyên cho rằng: Bộ ba tác giả - nhân vật - người đọc không thể thiết lập quan hệ đối thoại trước hết vì chúng được đặt vào những tọa độ không gian - thời gian hết sức khác nhau. Vai trò của nhà phê bình là đưa “bộ ba” này lại gần nhau hơn. Trong văn học, không có gì là không thể thì trong phê bình văn học cũng thế.

3. Thực trạng phê bình văn học hôm nay

Văn học luôn hướng đến đời sống. Mà nói đến đời sống tức là nói đến đại chúng. Phê bình văn học cũng phải hướng đến đời sống và mang tính đại chúng. Phê bình văn học đã làm được điều đó chưa? Theo chúng tôi là chưa. Những thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi thì chỉ tính riêng hai năm 2017 - 2018, đã có hàng chục đầu sách nghiên cứu phê bình văn học được trình xuất, như: *Cách tân nghệ thuật văn học phương Tây* (2017, GS. Phùng Văn Tứu), *Ký hiệu học văn học* (2017, Lê Huy Bắc), *Văn học - người đọc - định chế* (2017, Hoàng Phong Tuấn), *Lý luận - phê bình văn học: một góc nhìn mới* (2017, Cao Thị Hồng), *Phiêu lưu chữ* (2017, Hoàng Đăng Khoa), *Bóng người trong bóng núi* (2017, Lê Thành Nghị),

Hoa rơi hữu ý (2017, Lê Thiếu Nhơn), *Phê bình sinh thái là gì?* (2017, nhiều tác giả, Hoàng Tố Mai chủ biên), *Phê bình sinh thái với văn xuôi Nam Bộ* (2018, nhiều tác giả, Bùi Thanh Truyền chủ biên), *Song hành và đối thoại* (2018, Hoàng Đăng Khoa), *Như cánh chim trong mắt của chân trời* (2018, Văn Thành Lê), *An trú miên đọc* (2018, Mai Thị Liên Giang)... và hàng chục tác phẩm khác mà chúng tôi chưa có dịp tiếp cận. Rõ ràng, phê bình văn học không phải thờ ơ với đời sống văn học mà còn phát triển rầm rộ. Đó là chưa kể đến số lượng các bài viết đăng tải trên các tờ báo, tạp chí chuyên ngành văn học, nghệ thuật từ Trung ương đến địa phương.

Số lượng thì nhiều nhưng chất lượng ra sao? Trước khi nhận định về chất lượng của phê bình văn học hiện nay, xin được đưa ra một nhận định chung. Đó là sự cập nhật vào phê bình văn học ở Việt Nam hàng loạt các lý thuyết văn chương khác nhau. Đó là những khái niệm như thi pháp học, tự sự học, phân tâm học, lý thuyết tiếp nhận, lý thuyết trò chơi, lý thuyết hậu hiện đại, lý thuyết sinh thái, lý thuyết nữ quyền... Chính vì sự đa dạng, phong phú của các loại hình phê bình văn học khác nhau này dẫn đến việc đòi hỏi người đọc phê bình cũng cần phải có một trình độ “quán chiếu” nhất định để biết những điều chưa biết, sáng tỏ những điều đã biết mà chưa sâu. Nếu không, khi tiếp cận một tác phẩm phê bình văn học thì người đọc sẽ bị lạc vào mê cung của sự lập ngôn. Với số lượng tác phẩm phê bình văn học như đã kể trên mặc dù chưa đầy đủ nhưng có thể nói phê bình văn học hiện nay không hề yếu mà rất mạnh. Tuy nhiên, những tác phẩm nghiên cứu hay phê bình lại mang tính hàn lâm nên chỉ một số ít người tìm đọc. Văn học

là “thư ký của thời đại” nhưng phê bình văn học thì không làm được điều này. Một số công trình nghiên cứu lại quay về với những tác phẩm, tác giả đã xuất hiện rất lâu và gọi là “khảo cổ học tri thức”. *Những câu chữ qua câu tâm linh* của Triệu Từ Truyền, *Chữ nghĩa bay lên bát ngát mùa xuân* của Lê Thiếu Nhơn hay cả một tập chuyên đề *Thế giới nghệ thuật thơ Thanh Thảo* của Hồng Sương... là những ví dụ cho vấn đề này. Một số quyển sách như *Nghĩ và viết ở Phương Nam* của Lê Quang Trang, *Nhà văn Đồng Nai* của Bùi Công Thuấn, *Chút cảm nhận văn chương Đồng Tháp* của Tao Đàm (tức nhà thơ Thai Sắc), *Song hành & đối thoại* của Hoàng Đăng Khoa hay cả một công trình đầy đặn như *Thơ văn xuôi Việt Nam - bờ thứ ba của dòng sông* của Nguyễn Thị Chính ít nhiều tiếp cận được với văn học Việt Nam hôm nay thì lại không được chú ý đến. Chừng như, những gì được gọi là “văn học địa phương” vẫn còn được giới nghiên cứu, phê bình dè dặt, quay lưng. Một minh chứng rõ ràng nhất là gần đây, quyển tiểu thuyết *Mệnh đế vương* của nhà văn Trương Thị Thanh Hiền ở An Giang dày hơn 600 trang in viết về những biến động dữ dội của thời cuối nhà Lý đầu nhà Trần được đánh giá là hay, là rất văn chương, là một quyển tiểu thuyết lịch sử có tính nghệ thuật cao. Ấy nhưng, chỉ vì tác giả là một nhà văn “tỉnh lẻ” nên ít nhà phê bình tự cho mình là “quý phái”, là “bác học” để mắt đến ngoại trừ một vài bài viết nhỏ nhặt. Một tác phẩm văn học có lan tỏa được vào đời sống phần lớn nhờ vào phê bình văn học. Ấy vậy mà, “rằng hay thì thật là hay - nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào” (Nguyễn Du) khi nói đến phê bình “văn học địa phương” và phê bình văn học ở địa phương.

Một thực trạng khác cần phải nói đến là sự thiếu hụt về lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật nói chung và phê bình văn học nói riêng trong đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay. Ngay cả một hội thảo mang tên “Thơ và Văn xuôi đồng bằng sông Cửu Long 45 năm” do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức tại Bến Tre vào tháng 8/2019 thực tế cũng thiếu vắng... phê bình văn học. Nhà thơ, nhà phê bình Lê Thiếu Nhơn trong Hội thảo này cho rằng: “Bất kỳ một giai đoạn văn chương nào, hoặc bất kỳ vùng đất văn chương nào, cũng đều phải có nhà phê bình đồng hành mới có thể phô diễn đầy đủ thành tựu và bản sắc. Các nhà phê bình ở Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh không thể khám phá văn chương đồng bằng sông Cửu Long một cách thấu đáo bằng một nhà phê bình được lặn ngụp trong văn hóa miệt vườn”. Chúng tôi đồng ý với nhận định này. Nhưng không hẳn chỉ có người đồng bằng mới khám phá được văn chương đồng bằng mà nhà phê bình văn học dù bất cứ nơi đâu cũng có thể viết ra những tác phẩm phê bình hay nếu có đủ trình độ, bản lĩnh, kiến thức và vốn sống thực tiễn để phá vỡ được lớp ngôn ngữ mà tác giả tạo ra trong tác phẩm.

Cuối cùng, theo chúng tôi việc đào tạo một lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật nói chung và phê bình văn học nói riêng cần phải cân đối và có sự quan tâm nhất định. Sự mất cân đối giữa lực lượng phê bình văn học và lực lượng phê bình các loại hình nghệ thuật khác hiện nay là một vấn đề cấp bách cần giải quyết. Muốn làm được điều đó thì cần phải có giải pháp và sự chỉ đạo thiết thực của các cơ quan và đội ngũ chỉ đạo, quản lý phê bình văn học, nghệ thuật mà trước hết ở cơ quan của Đảng và Nhà nước (Ban Tuyên giáo Trung ương,

Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam...) và đặc biệt các Hội Văn học, nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương.

Cũng xin được nói thêm, với sự phát triển rầm rộ của nhiều loại hình phương tiện truyền thông kéo theo sự phát triển của hàng loạt các chương trình mà giới sản xuất gọi là “giải trí nghệ thuật” và các gameshows liên quan đến các loại hình nghệ thuật đã khiến cho đời sống văn học, nghệ thuật trên các phương tiện truyền thông như một cái “lẩu thập cẩm”. Đó là còn chưa kể đến hàng loạt các đài truyền hình thi nhau chiếu các bộ phim nước ngoài vô thưởng vô phạt, thậm chí có cả kích động tội phạm, kích động chiến tranh. Vậy mà giới phê bình văn học, nghệ thuật gần như thờ ơ. Thỉnh thoảng có dăm ba bài viết đăng tải trên tờ báo này, tạp chí kia nhưng cũng chỉ như “muối bỏ biển”. Thiết nghĩ, trước tình trạng gần như bỏ lỏng việc phê bình trong lĩnh vực này một thời gian dài không còn là trách nhiệm của một cá nhân, một tổ chức nào. Đã đến lúc phải có sự chỉ đạo cần thiết của các cơ quan có trách nhiệm để các nhà lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật liên kết lại kiên quyết đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, phi nghệ thuật đang nhanh chóng hiện nay nhằm trả lại cho công chúng một môi trường hưởng thụ tinh thần trong sạch và lành mạnh. Hơn ai hết, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đóng vai trò chính trong việc làm tham mưu cho Đảng và Nhà nước nhằm định hướng thẩm mỹ cho các hoạt động văn học, nghệ thuật trong tình hình phức tạp như hiện nay.

TÌNH HÌNH PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

CHU HUY PHƯƠNG

Văn học, nghệ thuật là một bộ phận rất quan trọng và tinh tế của văn hóa, là nhu cầu thiết yếu để thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người. Trong đó, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật luôn giữ một vai trò to lớn. Các tác phẩm phê bình vừa là quá trình thấu hiểu, đồng cảm, đồng hành với sáng tác, vừa thể hiện sự đánh giá, thẩm định và định hướng cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Nhìn vào thực tiễn phê bình hiện nay, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy lực lượng phê bình ở các chuyên ngành khác nhau phân bố không đồng đều về số lượng và chất lượng. Trong tất cả các chuyên ngành, ngành văn học sở hữu lực lượng phê bình và tác phẩm phê bình nhiều hơn hẳn so với các chuyên ngành khác và có chất lượng cao hơn, vì đây là ngành có truyền thống từ lâu đời. Tiếp đến là các chuyên ngành khác có bề dày lịch sử và gần gũi với văn học là sân khấu, mỹ thuật và âm nhạc. Các ngành khác như: điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, kiến trúc là những ngành nghệ thuật mới mẻ, ngôn ngữ nghệ thuật có những đặc thù riêng, không phải

ai cũng có thể thấu hiểu ngay được, nên lực lượng và tác phẩm phê bình có phần ít hơn.

Đối với lĩnh vực đào tạo cũng vậy, các trường đào tạo về khoa học xã hội thường có khoa Ngữ văn hay khoa Văn học có liên quan đến hoạt động phê bình văn học. Còn các trường cao đẳng hoặc đại học về các ngành nghệ thuật khác ít có khoa Lý luận - Phê bình của chuyên ngành, nếu có thì cũng ít người theo học bởi học xong ra trường khó sống được bằng nghề. Trong lĩnh vực báo chí, xuất bản liên quan đến văn học, nghệ thuật, phê bình văn học bao giờ cũng chiếm số lượng nhiều hơn so với các ngành nghệ thuật khác. Ở các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương cũng chủ yếu là những cây bút viết phê bình văn học mà rất hiếm xuất hiện các bài viết phê bình chuyên ngành nghệ thuật.

Viết phê bình văn học, nghệ thuật thực sự là một lĩnh vực khó bởi không phải ai cứ có học, có đọc và có viết là trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp. Một nhà phê bình chuyên nghiệp phải là người được đào tạo bài bản, chính quy trong các trường đại học về khoa học xã hội, về nghệ thuật hoặc có năng khiếu, tài năng bẩm sinh kết hợp với kiên trì tự học, rèn luyện và tham gia. Đồng thời, họ cũng cần có một năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ viết, nói về các vấn đề thuộc chuyên ngành mà mình phê bình, để tài có sức hấp dẫn, có tính văn học, có khả năng lôi cuốn người đọc. Nói cách khác, họ cần phải là nhà văn cầm bút viết phê bình văn học, nghệ thuật. Do vậy, những người thực sự ghi dấu ấn trong lĩnh vực phê bình văn nghệ, đặc biệt là nghệ thuật thường rất hiếm.

Do hiện diện trong những không gian khác nhau: viện, trường đại học, cơ quan báo chí, các Hội Văn học, nghệ thuật... nên sự phân lập đặc tính của phê bình cũng khá rõ. Ở các viện và trường đại học, phê bình chủ yếu vận động theo hướng hàn lâm, bài bản, l López lang... Ưu điểm của phê bình hàn lâm cũng xuất phát từ đặc tính này. Nhờ có công cụ, phương tiện, phương pháp nên phê bình hàn lâm thường xem xét vấn đề trên bình diện rộng, sâu, đặt ra và nỗ lực giải quyết triệt để các vấn đề. Tuy nhiên phê bình hàn lâm trong bối cảnh của thời đại truyền thông đã phải đổi mới với tình thế khó khăn trong khả năng hiện diện. Có một thực tế là trên các diễn đàn văn học, báo chí rất khó để sử dụng các bài phê bình hàn lâm. Bởi sự trưng dụng quá nhiều khái niệm, thuật ngữ, lý thuyết khiến cho bài phê bình trở nên cồng kềnh, nặng nề, khó hiểu, thậm chí rơi vào trạng thái vòng vo. Đây là một vấn đề khá lớn, gây khó khăn trong việc tiếp cận với phê bình hàn lâm theo đúng bản chất của nó. Do vậy, những bài viết phê bình dạng này chỉ phù hợp với các tạp chí chuyên ngành và dành cho một bộ phận rất nhỏ những người trong giới nghiên cứu, phê bình hàn lâm đọc, tra cứu và tham khảo. Các nhật báo, tuần báo và một số tạp chí văn nghệ khá dễ dàng khi đăng các bài viết phê bình hàn lâm. Điều này khiến cho phê bình hàn lâm thường có nhịp điệu chậm hơn so với sinh hoạt văn chương đương đại. Thêm nữa, các diễn đàn dành cho phê bình hàn lâm khá hẹp. Do vậy, việc công bố những công trình phê bình bài bản, l López lang, dài hơi của các nhà phê bình hàn lâm gặp rất nhiều khó khăn.

Trái với phê bình hàn lâm, những hoạt động phê bình trên báo chí, tạp chí văn nghệ, diễn đàn của các Hội Văn học, nghệ thuật lại nhanh chóng, kịp thời, ngắn gọn, dễ tiếp cận và phù hợp với đại bộ phận công chúng. Phê bình báo chí chủ yếu diễn ra dưới dạng điểm tin, đọc sách, giới thiệu tác giả, tác phẩm, phê bình mang ấn tượng chủ quan... Ưu điểm của nó là không nặng về lý thuyết, phương pháp mà đi ngay vào vấn đề, trình bày, diễn giải các thông tin cơ bản, liên quan trực tiếp đến tác phẩm. Tuy nhiên, những bài phê bình này thường nặng về cảm tính, ít lý thuyết và phương pháp cụ thể nên dễ rơi vào tình trạng suy diễn mang tính chủ quan, thậm chí là những bài phê bình có tính “biếu tặng” nhau khi có tác phẩm mới xuất bản.

Dù là phê bình hàn lâm hay báo chí, đời sống phê bình vẫn đang tác động lên tâm lý, thị hiếu và sự lựa chọn của công chúng văn nghệ. Thậm chí, phê bình đã tác động trở lại đối với nhà văn và hoạt động sáng tác, xuất bản, phát hành các ấn phẩm văn học. Các nhà văn và độc giả vẫn được tiếp cận các bài phê bình trên các diễn đàn từ *Nghiên cứu văn học* đến *Nhà văn và tác phẩm*, *Lý luận phê bình văn học, nghệ thuật*, *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, *Văn hóa nghệ thuật*, *Văn nghệ Quân đội*, *Văn nghệ*, *Văn nghệ Công an*... các diễn đàn mạng xã hội, các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương... Từ những diễn đàn này, các quan điểm định giá hay phân loại, xếp loại... được triển khai và ít nhiều đã nói lên về thực trạng văn chương Việt Nam đương đại.

Có thể nói trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật nước ta có bước phát

triển mạnh cả bề rộng lẫn chiều sâu. Ở khắp các lĩnh vực như mỹ thuật, văn học, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa... đều chứng kiến những bước chuyển nhất định, mang được hơi thở của đời sống đương đại đa dạng và nhiều khuynh hướng. Nhiều tác phẩm được tặng thưởng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đều phát huy tác dụng tích cực trong đời sống văn học, nghệ thuật, được giới nghiên cứu phê bình văn học, nghệ thuật và công chúng ghi nhận, góp phần khẳng định giá trị định hướng hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học, nghệ thuật; góp phần trực tiếp vào quá trình đổi mới, phát triển của nền văn học, nghệ thuật Việt Nam.

Tuy nhiên, hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật cũng gặp không ít khó khăn như: sự suy giảm số lượng học viên - nguồn bổ sung cho lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật; sự lôi cuốn của truyền thông, báo chí khiến cho phê bình hàn lâm ngày càng mất đi vị trí trong đời sống văn học, nghệ thuật; sự e ngại, thậm chí không tin tưởng vào phê bình của giới sáng tác; thù lao của người làm phê bình quá ít ỏi nên không duy trì được tinh thần làm việc hăng say và thái độ tập trung và phong cách chuyên nghiệp; một số cơ chế, chính sách trong quản lý văn hóa, văn nghệ chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho phê bình văn học, nghệ thuật phát triển; số lượng các cây bút phê bình văn học, nghệ thuật dám dấn thân vào công việc nhọc nhằn này chưa nhiều, nếu không nói là ngày càng hao hụt bởi không phải nhà phê bình nào cũng sẵn sàng đối mặt để phê bình thành quả sáng tạo của anh em, đi ngược lại với văn hóa truyền thống “một trăm cái lý không bằng một tí cái tình”. Mặt khác, bên cạnh các công

trình nghiên cứu phê bình có giá trị khoa học, bám sát với hơi thở đời sống đương đại thì vẫn có những công trình đi theo lối mòn, chưa thực sự đột phá, chưa chuyển mình mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Thực tế tại Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh Hưng Yên nhiều năm qua, Ban Lý luận, phê bình của Hội chỉ có 04 hội viên, trong đó có 02 hội viên sinh sống và làm việc tại Hà Nội và ít có điều kiện tham gia các hoạt động chung của Hội. Trong suốt nhiều năm, Ban không phát triển thêm được hội viên mới, chỉ có 02 hội viên duy trì hoạt động. Do không đáp ứng yêu cầu về số lượng để duy trì hoạt động của Ban nên trong nhiệm kỳ Đại hội vừa qua, lãnh đạo Hội đã thống nhất tạm thời giải thể Ban Lý luận phê bình, chuyển 02 hội viên của Ban sang sinh hoạt cùng Ban Văn xuôi và Ban Văn nghệ dân gian theo nguyện vọng của hội viên. Hiện nay, lãnh đạo Hội vẫn đang tích cực khuyến khích, động viên một số hội viên có khả năng viết phê bình văn học, nghệ thuật, tìm kiếm, phát triển hội viên để thành lập lại Ban Lý luận phê bình với diện mạo mới. Tuy nhiên, đây quả thực là một thử thách lớn đối với Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh Hưng Yên, bởi tìm nguồn hội viên trẻ cho các chuyên ngành sáng tác văn, thơ, âm nhạc... khó một thì phát triển nguồn hội viên chuyên viết lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật khó muồi. Tạp chí *Phố Hiến* của Hội Văn học, nghệ thuật cũng chủ yếu đăng tải các bài viết phê bình văn học ở mức độ giới thiệu, đánh giá, nhận xét khái quát, đa phần là các hội viên tự giới thiệu, đánh giá tác phẩm của nhau; những bài viết phê bình các tác phẩm âm nhạc, nhiếp ảnh, sân khấu, kiến trúc... còn vắng bóng.

Thời gian gần đây, các giải thưởng về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đã được Đảng, Nhà nước chú trọng, thể hiện sự quan tâm, mong đợi của Đảng đối với sự phát triển của lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật và đội ngũ những người làm phê bình văn học, nghệ thuật; góp phần động viên, khuyến khích đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật có nhiều công trình, bài viết chất lượng cao, góp phần phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực quan trọng và tinh tế này. Để tiếp tục nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật. Không ngừng nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật bằng việc đưa nội dung về phát triển văn học, nghệ thuật vào các trường Đảng và quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương, đơn vị. Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực rất đặc thù và tinh tế này, tránh việc can thiệp thô bạo đối với hoạt động văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật, kiên quyết đấu tranh, phê phán những tác phẩm đi ngược lại các giá trị chân, thiện, mỹ và các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

Hai là, tăng cường cơ chế, chính sách ưu đãi đối với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, trong đó ưu tiên cho một số nội dung quan trọng, thiết thực như chế độ nhuận bút; đào tạo cán bộ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chuyên nghiệp; hỗ trợ cho các báo, tạp chí văn nghệ, các hội văn học, nghệ thuật trong xuất bản các tác phẩm phê bình văn học,

nghệ thuật nhằm tăng cường quảng bá để các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật tiếp cận được với đông đảo bạn đọc. Bên cạnh đó, các Hội Văn học, nghệ thuật có thể xây dựng quỹ văn học, nghệ thuật từ nguồn xã hội hóa để hỗ trợ các văn nghệ sĩ trong sáng tác, quảng bá các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật.

Ba là, đẩy mạnh công tác tạo nguồn lực lượng phê bình văn học, nghệ thuật. Để thực hiện tốt giải pháp này, trước hết cần tiếp tục duy trì, nâng cao và phát triển thêm các khoa, bộ môn lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật tại các trường đại học. Cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Bộ Giáo dục và Đào tạo để có chế độ thu hút sinh viên có năng lực, đam mê viết phê bình văn học, nghệ thuật, xây dựng kế hoạch đào tạo bài bản, cụ thể và cam kết sau khi ra trường sẽ phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy. Để làm được điều đó thì Nhà nước cần cải cách, nâng cao chế độ tiền lương cho đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật. Đặc biệt, cần có kế hoạch cử sinh viên đi đào tạo nước ngoài, hoặc phối hợp mời các giáo sư, chuyên gia có uy tín quốc tế về giảng dạy, giao lưu và trao đổi kinh nghiệm để đổi mới, nâng cao kiến thức.

Bốn là, tăng cường công tác giáo dục, rèn luyện, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của đội ngũ làm phê bình văn học, nghệ thuật, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện phi văn hóa trong hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật. Để làm được điều này, các Hội Văn học, nghệ thuật cần nâng cao chất lượng hội viên Ban Lý luận phê bình ngay từ khâu xét kết nạp, tổ chức các trại sáng tác hoặc các

diễn đàn để trao đổi về một số tác phẩm văn học, nghệ thuật được dư luận quan tâm, qua đó phát huy vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật trong việc định hướng sáng tác và đấu tranh với những quan điểm cực đoan, sai trái.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, giới thiệu các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật trên các báo, tạp chí của Trung ương và địa phương. Đặc biệt, cần phát huy tối đa vai trò của các tạp chí văn nghệ địa phương trong việc giới thiệu những tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật chất lượng đến với đông đảo bạn đọc.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC HIỆN NAY, MỘT GÓC NHÌN

NGUYỄN HỮU QUÝ

Hiện nay, đội ngũ làm phê bình văn học chẳng ỏi so với những giai đoạn trước đây nếu như không muốn nói là khá đồng đúc. Có thể chia ra hai nhóm chính: những nhà phê bình chuyên nghiệp và những người sáng tác viết phê bình. Nếu mở rộng ra nên kể đến sự phê bình của bạn đọc được coi như dư luận tác phẩm từ công chúng. Người làm phê bình văn học ở Việt Nam hiện nay bao gồm nhiều thế hệ. Đó là: Các nhà phê bình văn học xuất hiện trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ; Các nhà phê bình văn học xuất hiện sau năm 1975 đến trước khi Việt Nam đổi mới; Các nhà phê bình văn học của thời đổi mới bắt đầu tính từ 1986 đến nay.

Với sự cảm nhận của tôi, phê bình văn học ở nước ta dường như lẻ thuộc rất nhiều vào thời cuộc, hoàn cảnh xã hội. Điều đáng chú ý nhất là chế độ chính trị, kinh tế và xã hội đã tác động không nhỏ đến đội ngũ làm phê bình văn học. Nền kinh tế - xã hội đổi mới đồng thời kéo theo sự cởi mở trong sáng tác và phê bình văn học. Tuy nhiên, sự cởi mở trong văn học không phải chỉ mang lại các yếu tố tích cực mà nó cũng bộc lộ những mặt trái.

Nhắc lại điều này không phải để phê phán mà nhằm xác nhận thành tựu cũng như hạn chế của văn chương một thời. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thì phương pháp *Hiện thực xã hội chủ nghĩa* là khuôn vàng thước ngọc để định giá, luận bình về các tác phẩm, trong đó tính Đảng, tính nhân dân luôn luôn được đề cao. Nhiều tác phẩm văn học ra đời trong thời chiến tranh tập trung ca ngợi, tôn vinh chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong công cuộc giải phóng đất nước và nhận được sự đồng cảm hồn nhiên từ đông đảo công chúng. Cuộc chiến tranh yêu nước chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam cần được cổ vũ bằng những tác phẩm như thế. Cuộc sống vẫn có đủ mọi trạng thái, cung bậc nhưng tinh thần chống giặc ngoại xâm và bè lũ tay sai bán nước được ưu tiên trước hết; đề tài chiến đấu mặc nhiên phải được đặt lên hàng đầu, như là yêu cầu, đòi hỏi, mục đích, hành trình của văn học. Vì thế, những thi phẩm như *Bầm ơi*, *Việt Bắc*, *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*, *Bài ca xuân 68*, *Toàn thắng về ta* của Tố Hữu; *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm; *Thăm lúa* của Trần Hữu Thung; *Tây tiến* của Quang Dũng; *Đêm nay Bắc không ngủ* của Minh Huệ, Nhớ của Hồng Nguyên; *Đèo Cả* của Hữu Loan; *Tình sông núi*, Nhớ máu của Trần Mai Ninh; *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* của Chế Lan Viên; *Ngã ba Đồng Lộc* của Huy Cận; *Lửa đèn, Nhớ, Tiểu đội xe không kính*, *Gửi em cô thanh niên xung phong* của Phạm Tiến Duật; *Khoảng trời hố bom* của Lâm Thị Mỹ Dạ; *Lá đỏ* của Nguyễn Đình Thi; *Lý ngựa ô ở hai vùng đất* của Phạm Ngọc Cảnh; *Sức bền của đất* của Hữu Thỉnh; *Đất nước* (trích trong trường ca *Mặt đường khát*

vọng) của Nguyễn Khoa Điềm; *Nấm mồ và cây trâm* của Nguyễn Đức Mậu, *Cây xáu hổ* của Anh Ngọc... được đề cao. Trong văn xuôi thì những tác phẩm đã được ngợi ca và nhắc tới nhiều lần như *Thư nhà* của Hồ Phương; *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi; *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc; *Hòn đất* của Anh Đức; *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thị; *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu; *Vùng trời* của Hữu Mai... Sáng tác hay phê bình và cả xu hướng thường thức, bình phẩm của người đọc đã được định hướng rõ ràng, ít ai đi chệch khỏi quỹ đạo đánh giặc cứu nước. Rõ nhất là giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, cuộc sống và văn chương đều được thấm đẫm tinh thần *Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai* (Thơ Tố Hữu).

Sau năm 1975 đến trước thời kỳ đổi mới, sáng tác cũng như phê bình nhìn chung vẫn là cái vệt kéo dài của văn học kháng chiến theo như đà quán tính tự nhiên. Đây là giai đoạn trường ca bùng nổ với chất liệu hiện thực chiến tranh là chính, với tâm thái hân hoan, tự hào của bên thắng trận. Khúc khải hoàn ca vẫn còn rền vang, men say chiến thắng chưa hết lâng lâng kèm với hy vọng chúa chan đất nước sẽ yên bình, công cuộc dựng xây non sông đàng hoàng hơn, to đẹp hơn sẽ thuận lợi. Nhưng, thời cuộc không như ta tưởng, nền kinh tế bị khủng hoảng trầm trọng sau chiến tranh và các cuộc gây rối, xâm lăng mới của hai nước láng giềng ở phía tây nam và phía bắc dồn đầy đất nước ta vào tình huống éo le, cực kỳ nguy hiểm. Vực thẳm đã hiện ra trước mặt, nhưng Đảng ta đã kịp nhìn thảng vào sự thật để khởi xướng công cuộc đổi mới đầy sáng tạo và dũng cảm. Xã hội

được tiếp thêm năng lượng mới, những trói buộc ràng rịt lối thời được dần dần cắt bỏ, văn chương cũng được cởi trói để được đa dạng, phong phú và đương nhiên thấm thía hơn. Cái thấm thía đến độ xót xa nhưng chạm vào tận đáy tâm can khi văn chương biết xoáy sâu vào số mệnh dân tộc, vào thân phận con người. Sự hào hùng nhường chỗ cho đau thương và nhở thế mà nó có cơ hội vươn ra nhân loại trong cái mẫu số chung được gọi là con người. Tính nhân văn và sự đa dạng là hai điều đáng nói nhất của văn chương thời đổi mới. Dù viết về quá khứ hay hiện tại hoặc cả hai thì tính nhân văn vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm xuất sắc sau năm 1986. Tất nhiên, phê bình văn học cũng sống động, bật sáng theo những *Thời xa vắng* của Lê Lựu; *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh; *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp; *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh; *Bước qua lời nguyền* của Tạ Duy Anh; *Chim én bay* của Nguyễn Trí Huân; *Bến không chồng* của Dương Hướng; *Bến đò xưa lặng lẽ* của Xuân Đức; *Lính trận* của Trung Trung Đỉnh; *Đổi chiến* của Khuất Quang Thụy; *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư, *Xác phàm* của Nguyễn Đình Tú... Như vậy, văn xuôi “được mùa” dù chẳng gây nhiều tranh cãi ồn ào, bất phân thắng bại nhiều phen như thơ. Tuy vậy, vẫn có những tác phẩm đã tạo nên sóng dư luận trái chiều như *Nỗi buồn chiến tranh*, *Cánh đồng bất tận*,... Tác phẩm vẫn còn bị mổ xẻ, soi chiếu dưới con dao, ngọn đèn ý thức hệ cứing nhắc nêu cái hay, cái mới đôi lúc bị “đòn” oan uổng. Tuy vậy, qua sàng lọc của thời gian thì giá trị đích thực của các tác phẩm xuất sắc càng được khẳng định. Đây là giai đoạn

cần ghi công lớn cho phê bình văn học Việt Nam. Phê bình đã góp phần quan trọng trong việc định danh, định tính những tác giả, tác phẩm xuất sắc với xu hướng tôn vinh những giá trị văn chương đích thực hướng về con người.

Phê bình văn học hiện thời khá đa dạng trong giọng điệu, bút pháp, phong phú trong lựa chọn vấn đề và đang cố gắng tiệm cận với những trào lưu văn học của thế giới. Tôi nghĩ đó là điều đáng mừng, vì bây giờ không còn là thời ta lọ mọ, lui cui trong lối xóm, ao què nữa mà phải sải cánh tung bay đến bốn biển năm châu. Văn học Việt Nam cần và phải được công bố mạnh mẽ để khẳng định là một phần của văn học thế giới với bản sắc riêng. Nền văn học mang bản sắc dân tộc là điều không thể chối cãi khi hòa nhập vào thế giới. Mặt khác, chỉ có thể chọn lọc tinh túy, tinh hoa từ bên ngoài để bổ sung làm đẹp, làm hay thêm cho văn chương nước nhà chứ không thể bắt chước, lai căng, học đòi được. Mọi sự cổ súy, ủng hộ cái *đổi mới vô lối*, thực chất là bắt chước, học đòi người ta, là làm hỏng nền văn học đất nước. Trong thời gian qua, lầm khi phê bình văn học đã đuổi theo những cái *mới lạ vô lối* đó. Do vậy đã làm rối tung, che khuất những cố gắng sáng tạo đích thực hướng về Tổ quốc và nhân dân mình.

Tổ quốc và nhân dân mãi mãi là đối tượng số một của văn học cũng như yêu nước, thương dân là tư tưởng xuyên suốt của người cầm bút. Cái điêu tưởng như cũ kỹ này vẫn chẳng bao giờ lạc hậu, nó mãi mãi *định hướng* sáng tạo, là phần không thể thiếu trong những tác giả, tác phẩm văn học lớn của dân tộc và nhân loại. Nhân dân chờ đợi những tác phẩm lớn của nhà văn là chờ đợi điều đó; đương nhiên để nó hay, xúc động, ám ảnh, ấn tượng thì không phải ai cũng làm được.

Nhà văn cần chữ tài như phải có chữ tâm vậy. Không có tài thì chẳng bao giờ có tác phẩm lớn và hay. Không có tâm thì chẳng bao giờ viết nổi một tác phẩm tử tế đúng nghĩa. Nhìn tổng thể hiện nay, có vẻ như phê bình văn học háo hức đuổi theo những cái mới lạ (mới lạ hay và mới lạ dở) mà hững hờ, lạnh nhạt với những tác phẩm viết về đất nước và nhân dân rộng lớn. Trong khi, thơ văn sau năm 1975 đến nay vẫn đang nổi bật hơn ở đề tài chiến tranh giải phóng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tôi nghĩ, văn học nước nhà trong đó có bộ phận phê bình nên quan tâm hơn nữa công cuộc dựng xây đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong hoàn cảnh thế giới phức tạp như hiện nay. Văn chương hướng đến tự do và hạnh phúc của con người và mặc nhiên chấp nhận mọi phản ánh, ngẫm suy về cuộc sống trong các tác phẩm nhưng nên lấy tư tưởng yêu nước thương dân làm trọng tâm, phải gắn chặt với số phận dân tộc dù thời chiến tranh hay hòa bình. Tổ quốc cần mạnh giàu lên về kinh tế, trong sạch về chính trị, văn hóa xã hội, hùng hậu về quốc phòng an ninh... Tuy nhiên, sau năm 1986, cả sáng tác và phê bình văn học đều chưa quan tâm đúng mức tới mảng hiện thực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với nhiều điểm sáng, nhiều yếu tố tích cực trong xã hội. Phê bình văn học dường như cũng rất ít quan tâm nghiên cứu đến mảng sáng tác rộng lớn này. Xu hướng sáng tác và phê bình chạy theo thời thượng, những câu chuyện ăn khách đang phổ biến. Cứ nhìn vào công trình nghiên cứu của nhiều nhà lý luận, phê bình văn học thời đổi mới đến nay thì rõ. Cả những trích dẫn về tác giả, tác phẩm trong phần lớn công trình, bài viết của nhiều nhà phê bình văn học cũng phản ánh phần nào sự thiên lệch, thiên vị và ít cập nhật đời sống chuyển

động văn học của họ. Hiện tượng phê bình lấy được, phê bình phe cánh, phê bình vu vơ, phê bình nhạt nhẽo, phê bình hổ đồ... không hiếm. Không phải không có nhà phê bình làm hỏng tác giả, tung hỏa mù vào bạn đọc vì khen chê thiếu chừng mực, thiếu công tâm. Đó cũng chính là lý do để không ít công chúng thờ ơ với văn học. Vai trò của nhà phê bình đối với sự phát triển lành mạnh của văn chương nước nhà không hề nhỏ.

Tôi từng nghĩ và viết rằng, trong hoàn cảnh hiện nay, các nhà phê bình có thể là người đồng hành và cũng có thể là kẻ quấy nhiễu văn học nước nhà. Và sòng phẳng mà nói, nhiều nhà phê bình chỉ giỏi khoe chữ, khoe kiến thức chứ chưa theo kịp với chuyển động văn học Việt Nam. Thế hệ phê bình cũ thì nhiều người tỏ rõ dấu hiệu xơ cứng, né tránh, một số bạn làm phê bình trẻ thì có vẻ phô trương chữ nghĩa nhiều hơn là biết đọc, biết thẩm định một tác phẩm văn học. Cho nên, tôi xin được nói thẳng điều này: rất nhiều nhà sáng tác không tâm phục, khẩu phục phần lớn các nhà phê bình văn học hiện thời ở nước ta. Phê bình văn học mà chỉ phục vụ cho một số nhà văn, nhà thơ hợp gu, hợp tang, chỉ dành cho những ai mình gần gũi thân thiết, chỉ thích dạy bảo người khác... thì không thể “lớn” được, không bao giờ trở thành người đồng hành yêu quý của những người sáng tác. Nói thẳng, nói thật dẽ mất lòng nhưng tôi không muốn nói khác điều mình nghĩ. Chỉ mong sau bài viết này, mình có thêm nhiều bạn phê bình mới và được đọc nhiều bài phê bình văn học công tâm thẳng thắn và giàu sức thuyết phục.

Có lẽ, đã đến lúc cần có chiến lược xây dựng nền phê bình văn học Việt Nam đúng hướng. Xây dựng một đội ngũ phê bình

văn học lấy lực lượng trẻ làm nòng cốt, toàn tâm, toàn ý với Tổ quốc và nhân dân. Biết coi trọng giá trị văn hóa của dân tộc đồng thời cũng biết chọn lọc tiếp thu những cái hay của thế giới. Nên chẳng, thành lập riêng Hội Lý luận phê bình Văn học. Phải coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng chính trị, kiến thức chuyên môn cho các nhà phê bình văn học, đặc biệt là lực lượng trẻ. Thực sự quan tâm tới sáng tác và phê bình hướng về công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nên coi đó là trọng tâm của văn học Việt Nam trong giai đoạn này. Cũng như chúng ta đã từng coi văn học chống giặc ngoại xâm là trọng tâm trong các cuộc kháng chiến. Cuộc chiến chống giặc nội xâm (tham nhũng), làm trong sạch xã hội, xây dựng giang sơn mạnh giàu cũng như bảo vệ chủ quyền đất nước rất cần những tác phẩm hay về nhân dân và chiến sĩ. Đừng nghĩ rằng viết về những cái đó là không văn chương, là làm chính trị. Viết về Tổ quốc, về nhân dân; viết vì Tổ quốc, vì nhân dân; viết cho Tổ quốc, cho nhân dân là điều thật cần thiết. Cho cả sáng tác và phê bình văn học. Hôm qua, hôm nay và mai mai sau, đều đúng!

THỰC TRẠNG VÀ VAI TRÒ CỦA PHÊ BÌNH CHUYÊN NGHIỆP TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT HIỆN NAY

PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN

Ba nội dung cốt lõi được đưa ra bàn bạc tại Hội thảo này có liên quan chặt chẽ với nhau: *Nhận diện, đánh giá, lý giải về thực trạng và vai trò của hoạt động phê bình; Nhận diện, đánh giá thực trạng các yếu tố tác động đến phê bình; Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí văn nghệ*, tức là xác định không chỉ khuôn các ý kiến bàn luận định lượng nội dung trong hệ thống quan điểm, tiêu chí, chuẩn mực chung nữa, mà tập trung “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật”, đặt trong sự so sánh và đối sánh nhằm khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém, lạc hậu, từng bước chủ động phát triển hệ thống báo chí văn nghệ, đáp ứng yêu cầu đất nước trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế.

Lâu nay đã xuất hiện lối xác quyết vô đoán phê bình là ăn theo sáng tác. Thực chất thế nào? Nhìn về cội nguồn dân tộc, nếu không có những Hoàng Đức Lương, Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... thì kho tàng thi ca cũng như di sản lý luận văn học phỏng còn độ bao nhiêu? Gần cận hơn, nếu không có một Hoài Thanh thì nền Thơ mới phỏng có hiện diện như

một thời đại thi ca rực rõ đến như thế? Xét trong bản chất, hoạt động nghiên cứu, lý luận và phê bình vẫn có thể đề xuất tư tưởng, có thể vừa tổng kết kinh nghiệm, định hướng dư luận và mở đường cho sáng tác thi ca phát triển. Một lẽ hiển nhiên, đời sống phê bình có tính độc lập tương đối so với sáng tác song đã nảy sinh và tất yếu tồn tại cùng với sáng tác. Bởi lẽ, khi nhà thơ sáng tạo thì đồng thời đã chịu ảnh hưởng và chi phối bởi hoàn cảnh sống, bởi quan niệm nghệ thuật ở một thời đại cụ thể... Sinh mệnh của tác phẩm chính là *sự đọc, bạn đọc và dư luận phê bình*. Chính từ quan hệ nhà sáng tác - phê bình kép này đã dần dần phân chia và ngày càng định hình rõ nét hơn hai đối tượng phê bình và sáng tác. Nói cách khác, ngay cả khi hoạt động phê bình chưa đứng độc lập, chưa phát triển thành một bộ môn riêng thì chính giới sáng tác đã đồng thời kiêm nhiệm công việc phê bình, tự đóng vai trò luận bình và đánh giá sáng tác. Điều này đặc biệt thể hiện rõ khi phê bình chưa phát triển thành khoa phê bình thì chính các nhà sáng tác đã viết tựa, bạt và bình phẩm thơ ca của nhau và tự đóng vai trò người phê bình. Sự xuất hiện tiếng nói phê bình như một nhu cầu tất yếu khách quan chính là hồi âm của dư luận nhưng đã ngày càng được chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Nếu hiểu như thế và cần phải hiểu như thế thì mới thấy rõ được vai trò kép của người sáng tác cũng như phần trách nhiệm của họ trong đời sống phê bình. Giới sáng tác không thể vô can, đứng ngoài chờ đợi hay “khoán trống” cho một “giới phê bình” nào đó.

Thực tế cho thấy các hội đồng thơ, ban thơ mà thành viên chủ yếu là các nhà thơ chính là những người có điều kiện

nhất trong công việc phê bình và đóng vai trò nhà phê bình thơ chuyên nghiệp. Không có nhà thơ nào không từng phát biểu quan niệm của riêng mình về thơ, phát biểu nhận xét về thơ và viết giới thiệu, điểm bình thơ. Số lượng trang in của các nhà thơ viết phê bình chắc chắn không thể ít hơn (nếu không nói là vượt trội) so với các nhà phê bình “thuần túy”. Thêm nữa, có bao nhiêu trang viết trong số đó vượt lên những nhận xét cảm tính, khả dĩ đáng tin cậy và đúng lại được trước thời gian. Tóm lại, rất cần những cây bút phê bình uy tín với ý nghĩa họ là đại biểu cho công chúng bạn đọc, phía người tiếp nhận, góp phần *làm nên* cũng như *định hướng* dư luận.

Cái điều tưởng chừng như là nghịch lý trên đây lại tiếp tục gây hiệu ứng có phần tiêu cực trong cách thức phân chia phê bình chuyên nghiệp và không chuyên, người không chuyên lại cố đòi át tiếng nhà chuyên nghiệp. Thế nhưng các nhà phê bình văn học, nghệ thuật uy tín hiện nay thì nghề nghiệp chính của họ thường là nhà giáo, nhà báo, nhà biên tập, nhà nghiên cứu và quản lý văn nghệ. Cho dù bảo họ là nhà phê bình cán bộ cũng không thật đúng, vì không có chức danh và thang lương cho ngành phê bình. Nếu như suốt đời họ cứ yên vị với công việc chuyên môn và không viết phê bình thì cũng chẳng sao. Chỉ có điều những nghề nghiệp này thực sự là môi trường vô cùng thuận lợi để họ có cơ hội trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp. Bao nhiêu bậc thầy khả kính đứng trên bục giảng vẫn có thể vừa là Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và vẫn đồng thời là nhà phê bình xuất sắc. Lâu nay xuất hiện không ít ý kiến cho rằng chúng ta thiếu nhà phê bình chuyên nghiệp, rằng phê bình

không được coi trọng, nó chỉ là nghề kiêm nhiệm, “tay trái”. Kỳ thực không có nhà trường nào, hay ngành nào chuyên đào tạo phê bình văn học, nghệ thuật và càng không có “chiếu” riêng sắp sẵn chỗ ngồi cho hay nhà phê bình chuyên nghiệp. Vị thế nhà phê bình được tạo dựng chính là do nghề “tay trái” đã ngày càng được nâng cấp, phát huy, phát triển và trở thành thương hiệu chuyên nghiệp, đạt tới tính chuyên nghiệp. Quá trình trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp tất yếu đòi hỏi những điều kiện nhất định, trong đó không thể thiếu các yếu tố học vấn, tài năng và tâm huyết. Ai đó nói rằng, Hoài Thanh có học cao đâu, tốt nghiệp đại học gì đâu mà vẫn có được *Thi nhân Việt Nam* để đời. Xin thưa, Hoài Thanh học chữ Hán từ nhỏ và đã đỗ tú tài toàn phần thứ nhất, đã tham gia viết báo từ năm 1930 và là một nhà giáo. So với mặt bằng thời đó đã có thể coi ông là người có học và xếp vào hàng trí thức tân tiến rồi. Thế nên dù có thừa nhận khả năng trở thành chuyên nghiệp là quyền bình đẳng với mọi người cầm bút viết phê bình song tôi vẫn tin rằng người học vấn thấp khó có thể trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp uy tín được¹.

Điểm danh riêng ở phạm vi văn học, các nhà sáng tác viết phê bình thời đổi mới (như Văn Chinh gọi đây là “nghề tay trái”), có thể thấy nhiều cây bút vượt trội, tác phẩm sáng tác đạt chất lượng cao mà phê bình cũng được vinh giải vì nể, một số đạt giải thưởng cao; chẳng hạn: Tô Hoài (*Sổ tay viết văn*, 1977; *Những gương mặt*, 1988; *Cát bụi chân ai*, 1992;

1. Xem Nguyễn Hữu Sơn: “Thực trạng phê bình thơ”, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số tháng 7/2004, tr.152-156.

Chiều chiều, 1999, tái bản năm 2014...); Thanh Thảo (*Ngón thứ sáu của bàn tay*, 1995; *Mãi mãi là bí mật*, 2004; *Trò chuyện với dòng sông*, 2009...); Lê Quang Trang (*Thai nghén tác phẩm*, in chung, 1995; *Dọc đường văn học*, 1996...); Đỗ Minh Tuấn (*Nghệ thuật trữ tình của Nguyễn Du trong Truyền Kiều*, 1995; *Ngày văn học lên ngôi*, 1997...); Trần Mạnh Hảo (*Thơ phản thơ*, 1995, tái bản năm 1997, đạt Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam; *Phê bình phản phê bình*, 1996; *Hầu chuyện các giáo sư*, 1999; *Những vì sao văn học*, 2004; *Văn học - Phê bình - Tranh luận*, 2004...); Diệp Minh Tuyền (*Đổi mới đích thực văn học*, 1996...); Trần Đăng Khoa (*Chân dung và đối thoại*, 1998, bổ sung, tái bản nhiều lần); Lò Ngân Sún (*Hoa văn thổ cẩm I*, 1998 và *Hoa văn thổ cẩm II*, 1999...); Nguyễn Trọng Tạo (*Văn chương cảm và luận*, 1999; *Chuyện ít biết về văn nghệ sĩ*, 2001...); Nguyễn Hoàng Sơn (*Tranh luận văn học*, 2000, Tặng thưởng Hội Nhà văn Việt Nam; *Văn đàn - thời sự và bình luận*, 2003...); Vân Long (*Những gương mặt, những trang đời*, 2001, Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội...); Phạm Tiến Duật (*Vừa làm vừa nghĩ*, 2003); Nguyễn Huy Thiệp (*Giăng lưới bắt chim*, 2005, Giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội...); Inrasara (*Chưa đủ cô đơn cho sáng tạo*, 2006; *Song thoại với cái mới*, 2008; *Thơ Việt, hành trình chuyển hướng say*, 2014; *Nhập cuộc về hướng mở*, 2014...); Vũ Quần Phương (*30 tác giả văn chương*, 2009; *Bóng mát đọc đường xa*, 2014, Tặng thưởng Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương...); Hữu Thỉnh (*Lý do của hy vọng*, 2010); Văn Chinh (*Đa cực và điểm đến*, 2012, đạt Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam...); Trần Nhuận Minh (*Đối thoại văn chương*, viết chung, 2012;

Thời gian lên tiếng, 2013...); Vương Trọng (*Vầng sáng hỏa châu*, 2012; *Cùng lính trẻ đọc thơ*, 2014);... Chưa nói đến chất lượng, việc tặng thưởng và giải thưởng, chỉ nói số trang của các nhà sáng tác viết phê bình nói trên cũng khiến nhiều người chuyên nghiên cứu, phê bình phải tâm phục khẩu phục.

Nhận diện những đóng góp của giới sáng tác viết phê bình trên tờ báo chuyên về văn nghệ hàng đầu trong cả nước, Nguyễn Thùy Giang xác định: “Theo thống kê của chúng tôi, trên báo *Văn nghệ* từ năm 2006 đến năm 2010 có khoảng trên dưới 170 nhà văn, nhà thơ tham gia viết phê bình, chiếm khoảng 60% tổng số lực lượng phê bình”¹... Điều này cho thấy hiện tượng các nhà văn sáng tác viết phê bình là bình thường và là yêu cầu tất yếu của đời sống văn học, biểu hiện sinh động cho mối quan hệ giữa phê bình và sáng tác văn chương. Nói khác đi, đây là nhu cầu nội tại của đời sống văn học, quy luật của sáng tác và tiếp nhận văn học. Bởi lẽ, ngay cả khi không có “giới phê bình”, “nhà phê bình chuyên nghiệp” thì bản thân các nhà sáng tác cũng xuất hiện nhu cầu giới thiệu, trình bày quan điểm sáng tác của mình và đọc văn người khác để tạo đời sống phê bình làm nền dư luận và làm nên lịch sử phê bình.

Hiển nhiên việc sáng tác và phê bình là hai địa hạt khác nhau, tác phẩm văn học, nghệ thuật và sản phẩm phê bình cũng rất khác nhau. Điều tôi muốn nhấn mạnh ở đây là khi

1. Dẫn theo Lê Thị Bích Hồng: “Văn học Việt Nam đổi mới trong cơ chế thị trường”, 2016. Nguồn: vanvn.net/van-hoc-viet-nam-doi-moi-trong-co-che-thi-truong.

nhà sáng tác viết phê bình, họ đã thể hiện tư cách nhà phê bình, đúng hẳn về phía giới phê bình, nhập tịch làng phê bình. Không nên tạo hố ngăn cách ảo rằng, người không sáng tác, chỉ thuần túy viết phê bình mới là nhà phê bình chuyên nghiệp và chỉ họ mới chịu trách nhiệm về tình hình phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay. Câu chuyện “đốt đuốc đi tìm nhà phê bình”, “các nhà phê bình đang ngủ quên” cần được chất vấn trở lại ai kia đang đốt đuốc giữa ban ngày!

Trong khi cá nhân những người hoạt động trong môi trường văn nghệ (bao gồm chính các nhà sáng tác) có khả năng trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp và chuyên tâm với phê bình văn học, nghệ thuật thì dấu ấn chức nghiệp cũng in đậm phong cách trên trang viết. Nhà thơ viết phê bình thường thiên về trực giác, nhạy cảm và say đắm với từ thơ, hình ảnh; người biên tập xuất bản thường kỹ tính ở văn bản, sở trường thực hiện và đánh giá chất lượng các hợp tập, hợp tuyển; nhà báo trông coi mục văn nghệ mạnh ở tính thời sự, theo dõi sát sao chuyện bếp núc và “di biến động” thời tiết thi ca với các sự kiện tổng kết, trao giải và phát hiện những cây bút mới; nhà quản lý thiên về định hướng, rút bài học kinh nghiệm, kêu gọi *nên*, *cần phải*; còn lại, giới nghiên cứu và giảng dạy lại mạnh về tính lý luận, tính hệ thống, bài bản, chuẩn mực...

Trở lại với hiện trạng đòi sống phê bình văn học, nghệ thuật, tôi nhấn mạnh cách hiểu về “giới phê bình” chuyên nghiệp với ý nghĩa tiếng nói đại diện cho dư luận chỉ là cách phân chia tương đối và trong đó các nhà sáng tác tất yếu có dự phần trách nhiệm. Trên phương diện cá nhân, hoạt động có tính chuyên nghiệp này lại đòi hỏi tính tự nguyện, tự giác

cao và cũng khá báu bối. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, họ có thể dùng viết bất cứ lúc nào: năm trước thường trực ban thơ, năm nay thì không, ông tổng A mở chuyên mục bình thơ nhưng ông tổng B thì chưa chắc! Mặt khác, nhìn về hai cực của “giới phê bình” càng thấy rõ yêu cầu trở thành chuyên nghiệp, trở thành nhà phê bình chuyên nghiệp có tay nghề và công việc phê bình cần được coi trọng như “một khoa học, một nghệ thuật” là điều không thể đảo ngược. Tôi thuộc về phía người lạc quan, tin vào vai trò các nhà phê bình có trình độ, tin rằng việc vận dụng những lý thuyết mới như thi pháp học, ký hiệu học, tự sự học... sẽ góp phần mở rộng đường biên cho tư duy phê bình văn học, nghệ thuật. Những lối phê bình tùy hứng, chủ quan, cảm tính, quy kết một chiều “phản, phản, phản” và thái độ dị ứng với những ông nọ kia không thể là tương lai của phê bình văn học, nghệ thuật. Chắc chắn các nhà sáng tác viết phê bình coi trọng học thức hẳn không ai phản đối điều này.

Xét về bản chất, ngay với đối tượng thơ ca, “khen tí, chê tí” trước sau vẫn cứ là thuộc tính của phê bình. Ngoại trừ hàm ý châm biếm lối phê bình chung chung, vô thưởng vô phạt mà chính nhà thơ được ca tụng cũng chẳng lấy làm vinh hạnh thì bản chất của phê bình thơ ca làm sao có thể thoát được hai chiều khen - chê. Nói thì dễ nhưng đến khi thực hiện, những người từng ca thán cũng không thể có cách viết nào khác hơn hai chiều khen - chê. Vấn đề là ở liều lượng sự khen, chê và thực chất đối tượng thơ ca kia là thế nào, đáng khen, hay cần chê. Có những thứ thơ từng lâm nạn “ngục văn tự” nhưng rồi được sửa sai, khôi phục, xuất bản trở lại. Có loại thơ từng được ngợi ca, tôn vinh với đủ

các thứ tính - trừ tính nghệ thuật - một thời sau bỗng biệt vô tăm tích. Rồi có những lối thơ, những kiểu thơ tìm tòi thử nghiệm hình thức mới mà cũng phải mất nhiều năm, nhiều thập niên mới được thừa nhận. Trong mỗi thời đại, mỗi giai đoạn cụ thể, thơ cũng có những dòng chủ lưu và những chi lưu. Thơ cũng cần “nhận đường” mới khẳng định được dòng thơ, cần thời gian mới hợp lưu với nền thơ dân tộc. Có thể nói sự thăng thế của công cuộc Đổi mới đã đưa lại những nhận thức mới, phá bỏ những rào cản không đáng có và góp phần quyết định mở đường cho đời sống phê bình thơ ca phát triển. Nhưng định hướng tư tưởng nhân văn và chất lượng nghệ thuật mãi mãi sẽ là đích đến của thi ca. Thơ ca đang vận động, đổi mới thì tất yếu cần bổ sung, hoàn chỉnh thêm nội dung chuẩn mực cho giá trị thi ca. Thơ ngày nay dung nạp rộng rãi tiếng nói trữ tình công dân bên cạnh tiếng nói trữ tình cá nhân, chiêm nghiệm cả những khía cạnh đời thường, những vui buồn thế sự, những nẻo khuất tâm linh. Đồng thời, diễn đàn phê bình thơ đã trở nên sôi động và dân chủ hơn. Thơ hay vẫn được trao giải, khẳng định; thơ nếu bị trao giải nhầm vẫn có người lên tiếng; thơ thử nghiệm vẫn có người phản biện. Trong hoàn cảnh cụ thể, tờ báo nào đó có thể diễn ra tình trạng độc diễn, bao biếm một chiều, song toàn cảnh nền phê bình thì không.

Tóm lại, vẫn có những nhà phê bình văn học, nghệ thuật uy tín, có chuyên môn, chuyên tâm và đạt tới tính chuyên nghiệp cao bên cạnh những cây bút bình luận “tay trái”, nghiệp dư. Bên cạnh đó, trong số các nhà phê bình cũng xuất hiện nhiều khả năng, thiên hướng: có người thiên về lý thuyết và cung cấp lý thuyết cơ bản; có người thiên về khái quát, tổng kết;

có người thiên về thời sự, trực chiến, đọc điểm; có người thiên về cụ thể, trực giác, cảm nhận, phân tích, bình giảng...

Thực tế cho thấy nội dung, mục đích và định hướng cơ bản của công tác nghiên cứu và phê bình văn học, nghệ thuật chính là nhằm phát hiện các giá trị chân, thiện, mỹ của tác phẩm, từng bước đi tới tổng kết, khái quát, đánh giá đặc điểm các hiện tượng, trào lưu, giai đoạn văn học... Đương nhiên, việc tìm đến được những kết luận, ý kiến thống nhất cuối cùng là điều không hề đơn giản. Chính vì lẽ đó mà tự thân đời sống nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật tất yếu sẽ nảy sinh các cuộc phản biện và tranh luận và rộng hơn là các cuộc tranh luận về sự tranh luận. Mặc dù sắc thái ngôn từ có khác nhau song tinh thần phản biện cần được coi như phần hạt nhân, gốc rễ của các cuộc tranh luận, một phẩm chất quan trọng ở mỗi nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật và rất cần được khuyến khích phát triển.

Điều quan trọng trước hết là cần hiểu tinh thần phản biện với ý nghĩa một sự trung thực, một bản lĩnh học thuật vững vàng, một thái độ tích cực đầy trách nhiệm trước hiện tình đời sống văn học và dư luận xã hội. Đây cũng là một phương diện cốt yếu trong công tác hoạt động văn hóa - văn nghệ giữa những người cùng đứng trong đội ngũ, cùng chung sức xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tuyệt nhiên không phải là thứ phê bình chiếu lệ, a dua, hình thức chủ nghĩa hay phê bình nói ngược, nói láy được, bè phái, vụ lợi.

Trên tầm nhìn bao quát rộng lớn, từ nửa thế kỷ trước Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhấn mạnh cả về mục đích và

cách thức phê bình: “Không nên chỉ viết cái tốt mà *giáu* cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nếu cái hay, cái tốt, thì phải có *chứng mục*, chớ phóng đại. Có thể nào nói thế ấy”¹. Sau này, nhất là từ khi khởi động công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta càng quan tâm sâu sắc đến quá trình dân chủ hóa trong học thuật và khuyến khích những tiếng nói phản biện, trao đổi, tranh luận nhằm tập hợp, phát huy mọi tiềm năng trí tuệ, góp phần đưa lại hiệu quả cao nhất trước từng nhiệm vụ cụ thể cũng như định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngay trong Nghị quyết của Bộ Chính trị số 26-NQ/TW, ngày 30/3/1991 *Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới* đã nhấn mạnh việc thực hiện một số biện pháp chủ yếu: “Xây dựng quy chế dân chủ trong mọi sinh hoạt khoa học. Tăng cường sự hợp tác giữa các nhà khoa học; khuyến khích tìm tòi và tranh luận để làm sáng tỏ chân lý khách quan, đồng thời phê phán, ngăn ngừa các biểu hiện cục bộ, bè phái, khắc phục các hiện tượng độc đoán, độc quyền, độc tôn trong khoa học”², “thực hiện chức năng tư vấn, giám định và phản biện xã hội đối với các dự án phát triển”³. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 02-NQ/HNTW, ngày 24/12/1996 *Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, cũng xác định

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.206. Bài giảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại lớp chỉnh Đảng Trung ương, ngày 17/8/1953.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.50, tr.565, 570.

rõ: “Xây dựng và thực hiện quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, tăng cường đoàn kết, ý thức trách nhiệm xã hội của các nhà khoa học trong hoạt động nghiên cứu và triển khai”¹... Có thể nói đây là những định hướng đúng đắn, góp phần thúc đẩy giới nghiên cứu khoa học phát huy quyền dân chủ, khả năng sáng tạo cũng như ý thức trách nhiệm chuyên môn trước toàn xã hội⁴.

Nói riêng trên phạm vi nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật, đúng là những năm gần đây đã xuất hiện nhiều tiếng nói phản biện khơi gợi được vấn đề, thu hút được sự quan tâm của dư luận và tác động tích cực tới đời sống. Chính nhờ tinh thần phản biện đó mà không ít ngụy tín học thuật được phơi bày trước dư luận, không hiếm người phải nghiêm khắc soi lại các trang viết của chính mình. Trên các diễn đàn báo chí, truyền thông đã mở ra nhiều mục tranh luận sôi nổi, lôi cuốn sự đóng góp của đông đảo các cây bút khắp trong Nam ngoài Bắc, từ Trung ương tới địa phương. Nhiều bài viết và tập sách có tiếng nói phản biện gắn với các định ngữ “tranh luận”, “luận chiến”, “thời sự và bình luận”, “trao đổi”, “phê bình”, “phản phê bình”, “phê bình phản phê bình”... từng diễn ra sôi động. Tuy nhiên, không phải tất cả các tiếng nói phản biện ở đây đều đã hợp tình hợp lý, có giới hạn và theo đúng định hướng tranh luận trên tinh thần khách quan khoa học. Thực tế đã xuất hiện những cách nói

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.55, tr.759.

4. Xem Nguyễn Hữu Sơn: “Tính phản biện và tranh luận trong nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học”, tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số tháng 5/2006, tr.3-11.

quá đà, suy diễn, nói ngược, nói lấy được, bất chấp tính lịch sử và khách quan của khá nhiều hiện tượng văn học, nghệ thuật cụ thể. Đương nhiên ngay cả những sai sót ấy trước sau cũng hiện diện rõ trước thử thách của thời gian và năng lực tri thức của đông đảo công chúng bạn đọc.

Việc đề cao tinh thần phản biện trong nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật chính là nhằm khuyến khích tiếng nói trao đổi, luận bình để ngày càng nâng cấp trình độ nhận thức, ngày càng khai thác và tiếp cận gần hơn các giá trị chân, thiện, mỹ chứ không thể lợi dụng không khí dân chủ cho những mưu toan cá nhân, càng không thể chấp nhận thái độ phê phán hô hào chung chung, thiếu tính xây dựng và định hướng, bất chấp cơ sở tri thức và gây nhiễu loạn thước đo giá trị. Chỉ có nhận thức ý nghĩa và nội dung tiếng nói phản biện, trao đổi và tranh luận một cách toàn diện như thế thì công việc nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật mới thật sự đúng hướng và đưa lại hiệu quả tích cực¹...

Thực tế đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay đang phát triển hết sức sôi động và phức tạp, đan cài nhiều quan niệm, phong cách và hình thức thể hiện khác nhau. Chính vì thế mà tinh thần phản biện, đặt lại và trao đổi, tranh luận các vấn đề học thuật càng cần có định hướng, chuẩn mực.

1. Xem thêm Nguyễn Hữu Sơn: “Một khía cạnh trong nghiên cứu, phê bình văn học”, báo *Nhân dân*, số ra ngày 21/12/2001, tr.6.

- Nguyễn Hữu Sơn: *Điểm tựa phê bình văn học* (Tiểu luận), Nxb. Lao động, Hà Nội, 2000.

- Nguyễn Hữu Sơn: *Luận bình văn chương* (Tiểu luận), Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012.

Hơn nữa, đối tượng phản biện ở đây lại là văn chương, có những đặc điểm khác xa so với thước đo các ngành khoa học và kỹ thuật. Việc quán triệt đường lối văn nghệ của Đảng, việc tổng kết, đánh giá đúng mức thành tựu cũng như hạn chế (thậm chí có cả những sai sót, quy chụp, cực đoan, mây mỏc, đơn giản một chiêu diễn ra ở nơi này nơi khác, lúc này lúc khác, với người này người khác) chắc chắn sẽ đưa lại nhiều bài học kinh nghiệm, giúp chúng ta đánh giá đúng thực trạng đời sống văn học hôm nay và định hướng phát triển trong thời gian tới...

*

* * *

Từ điểm nhìn vai trò tinh thần phản biện trong hoạt động nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật - bên cạnh các vấn đề trọng yếu như định hướng đường lối, chỉ đạo triển khai, xây dựng và quản lý nền văn nghệ tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xác định vị trí văn học, nghệ thuật trong tương quan đời sống văn nghệ cũng như toàn bộ hoạt động tinh thần xã hội và trong chính bối cảnh nền kinh tế thị trường hiện nay - tôi nhấn mạnh lại ba điểm sau. *Thứ nhất*, cần nâng cao tính định hướng trong công tác tổng kết, phân tích, đánh giá lại các sự kiện văn học, nghệ thuật xa và gần, kịp thời đúc rút bài học kinh nghiệm nhằm thiết thực phục vụ sự nghiệp xây dựng nền văn nghệ thời đổi mới và chủ động dự báo cho một quá trình phát triển tiếp theo... *Thứ hai*, trên cơ sở định hướng đúng đắn sẽ tiến hành mô tả, tổng kết diện mạo lịch sử các sự kiện văn học thời đổi mới một cách khoa học, có ý nghĩa quy chuẩn trong việc đánh giá từng

tác gia, tác phẩm, vụ việc, sự kiện, hiện tượng văn học, nghệ thuật. Chắc chắn đã đến lúc hội đủ điều kiện để đánh giá đúng mức diện mạo lịch sử văn học thời hiện đại, trong đó các trang viết, nguồn tư liệu sẽ đóng vai trò người phản biện và đánh giá công tâm nhất trước mọi sự kiện, hiện tượng văn học, nghệ thuật đã lui dần về quá khứ... *Thứ ba*, cần nêu cao tính trung thực, khách quan, công khai nhìn thẳng sự thật trong việc việc mô tả, đánh giá các sự kiện văn nghệ nhằm xác định rõ hơn những giá trị và đặc điểm, thành tựu và hạn chế của từng giai đoạn những đóng góp và bất cập ngay trong mỗi tác giả và mức độ trách nhiệm của mỗi cá nhân. Có thể thấy rõ ngay trong từng nhà văn và nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình cũng có những mâu thuẫn, vừa góp phần làm nên thành tựu chung nhưng cũng tự mình tham dự vào phần hạn chế, không thể coi mình là vô can, ngoài cuộc. Mỗi người đã từng bị người khác quy chụp, phê phán nhưng rồi chính họ cũng từng suy diễn, hăng hái quy kết người khác ở những mức độ khác nhau. Tiếc rằng việc sửa sai, chỉnh lý và “dàn hòa” chưa thành nền nếp ứng xử văn hóa bình thường, còn nặng về hình thức, chủ ý bỏ mặc sự vụ thành một thứ “chỉ tự tiêu” trước thời gian, thiếu đi sự đúc kết mang ý nghĩa bài học nhân văn sâu sắc...

PHÊ BÌNH VĂN HỌC THIẾU NHI - TRÒ CHƠI VÀ ĐỊNH KIẾN

TS. NGUYỄN THANH TÂM

Phê bình không chỉ là công cụ để diễn giải văn học mà còn là trò chơi của tâm lý. Trong cuộc chơi quan sát ưu, khuyết của tác phẩm, nếu có chiến lược thì nhà phê bình sẽ tạo ra những tác phẩm mới. Tôi nghĩ đến điều đó khi tiếp nhận ý kiến của Michel Picard về vấn đề đọc. Theo Michel Picard, đọc là một trò chơi, ở đó mỗi người đọc có ba nhân vật chồng lên nhau: “Một là người đọc bằng xương bằng thịt, hai chân đụng lên đất, vẫn còn ý thức liên hệ với thế giới bên ngoài. Hai là người đọc bị lôi cuốn, đang ngao du trong thế giới tưởng tượng của cảm xúc. Đó là người đang chơi. Ba là người đọc suy tư, đưa vào trò chơi sự chú ý, sự suy nghĩ, sự phán đoán của tri thức. Đó là phút giây của trí tuệ có khả năng đưa người đọc lùi ra khỏi bài văn, mở ra một khoảng cách để diễn dịch. Người đọc vẫn ý thức mình đang chơi nhưng biết phán đoán. Ba tay chơi là một trong việc đọc, chơi với nhau một trò chơi tinh tế khiến người đọc vừa bị lôi cuốn vừa biết dừng lại, vừa tham dự vừa cách biệt với bài văn”¹.

1. Xem Cao Huy Thuần: *Cao Huy Thuần chuyện trò*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2012.

Phê bình văn học thiếu nhi đáng lý phải tồn tại với tính chất ấy của cuộc chơi.

Thế nhưng, những người đã từng làm công tác phê bình văn học thiếu nhi phần đa là những “người đọc không biết chơi” như cách nói của Wolfgang Iser (1926 - 2007), là lý thuyết gia tiêu biểu của trường phái Konstanz, nước Đức. Tuy nhiên trong hình dung của Wolfgang Iser chỉ có hai trường hợp “người đọc không biết chơi”. Thứ nhất là dạng người đọc bị “sách nuốt” vì đọc sách theo kiểu lướt nhanh từ đầu đến cuối “để biết cho xong tình tiết”, thứ hai là “người đọc chỉ thấy mình, hình bóng của mình trong cuốn sách”. “Người đọc và bài văn có thể là một khi thưởng thức nhưng phải là hai khi phán đoán. Lùi lại, lấy khoảng cách, không phải là chia tay. Đó là đứng ngoài để thâu nhận và chấp nhận những chủ quan giải thích khác của những người đọc khác. Đó cũng là đứng ngoài để nhìn lại kinh nghiệm đọc mà mình vừa thực hiện để từ đó đi đến một thái độ suy tư cho phép mình diễn dịch tinh táo hơn”¹. Những gì đã diễn ra cho thấy, ngoài hai dạng thức người đọc trên còn có kiểu người đọc, người chơi ảo. Đây là kiểu người đọc mang danh tham dự trò chơi nhưng từ chối việc gấp gõ, tìm hiểu, đồi thoại, va chạm với văn bản. Họ tự tạo giá trị ảo cho văn chương bằng cách tựa vào đời tư, tựa vị trí có sẵn của tác giả và “lời móm” ngọt ngào từ chính “cha đẻ” của văn bản. Lối phê bình cảm tính, thoát ly văn bản thường xuất hiện trong dạng phê bình quảng cáo với những lời tán tụng nhạt nhẽo nhằm mục đích truyền thông cho tác phẩm mới. Chủ nhân của những bài

1. Xem Cao Huy Thuần: *Cao Huy Thuần chuyện trò, Sđd*.

viết ấy suy cho cùng là những người chưa được chơi trò chơi thú vị mà văn học thiếu nhi có đủ tiềm lực để lôi kéo. Họ đánh dấu cuộc chơi bằng sản phẩm cụ thể là những bài viết mà chưa hề có được những khoái cảm tinh thần được đánh thức từ những con chữ, những hình ảnh, những tình tiết... Nói cách khác, “tiếng thì thầm của bài văn” không hề đến được với họ. “Bài văn biết thì thầm vì bài văn sống. Người đọc nghe được tiếng thì thầm vì người đọc sống. Sống với cảm giác và sống với tri thức... Sống với chủ quan và sống với khách quan”¹. Nếu hiểu như thế, phải chăng sự sống của phê bình văn học thiếu nhi đang ở mức báo động. Mỹ học tiếp nhận đề cao vai trò của người đọc đối với sinh mệnh văn chương. Độc giả là thành tố nằm ngoài văn bản nhưng quyết định số phận của văn bản. Với sự khác biệt về tuổi đời, nhận thức, trải nghiệm, xúc cảm, gu thẩm mỹ,... những người đọc khác nhau sẽ mang đến những góc nhìn khác nhau về tác phẩm. Tuy nhiên, người đọc, trong đó có nhà phê bình, cần quan tâm đến “giới hạn của diễn dịch”. Tôn trọng quyền của văn bản là điều quan trọng của phê bình văn học. Hiện tượng nhiều nhà phê bình, thậm chí là những người làm công tác biên tập ở các tạp chí bỏ qua quyền cơ bản này để chấp thuận sự ra đời những bài viết thiếu hẳn những phán đoán sâu sắc của quá trình nghiên ngâm lẩn muôn mặt rung động của trái tim về tác phẩm, quả là điều đáng tiếc. Kiểu phê bình “dựa hơi” tác giả và hoàn toàn đi ngoài thế giới nghệ thuật không giúp các nhà phê bình thâm nhập vào tác phẩm với tư cách là cấu trúc ký hiệu sống để mô tả và đồng thời để giải phóng các

1. Xem Cao Huy Thuần: *Cao Huy Thuần chuyện trò, Sđd.*

phẩm chất quyền lực của nó. Những cuộc đối thoại thẳng thắn, sòng phẳng với tác giả và tác phẩm chắc chắn sẽ không xuất hiện. Điều này làm cho người đọc vốn đã hờ hững với văn học thiếu nhi lại càng lạnh nhạt, vốn đã bối rối vì không nhận diện được tác phẩm nào xứng đáng nhận được sự đầu tư thời gian và tiền bạc của mình trong bộn bề, ngổn ngang văn hóa phẩm lại càng hoang mang.

Khách quan mà nói, vẫn có những người thực chơi văn học thiếu nhi. Chính họ đã có những công trình phê bình văn học thiếu nhi dày dặn, nơi họ đã nhận diện thực tiễn sáng tác văn học thiếu nhi một cách khoa học bằng các công cụ lý thuyết chứ không đơn thuần là sự run rẩy của trái tim. Nhưng sự sống của những công trình ấy thường mỏng manh. Thứ nhất vì các tác giả thường lựa chọn lối phê bình học thuật mang tính hàn lâm. Thứ hai là vì những công trình hoặc những bài báo trích xuất từ công trình ấy thường “sống yên tĩnh” trong các thư viện hay các tạp chí chuyên ngành hạn chế về số lượng người đọc. Thành ra, cuộc chơi thì đã chơi, đúng nghĩa và khá đẹp đẽ nhưng ảnh hưởng xã hội của nó thì nhỏ hẹp.

Vượt qua sự bất ổn về tên gọi, văn học thiếu nhi Việt Nam vẫn từng bước khẳng định sự hiện diện cần thiết của mình trong đời sống nghệ thuật đương đại. Đến thời điểm này không khó để nhận diện ngôi nhà mang tên văn học thiếu nhi và những thành viên đã làm nên kiến trúc, sắc màu, không khí của ngôi nhà ấy. Sự xuất hiện và tồn tại của các tờ báo *Áo trắng*, *Mực tím*, *Thiếu niên tiền phong*, *Nhi đồng*, *Văn tuổi thơ...* cùng mạng xã hội đã góp phần phát hiện những nhà văn tuổi học trò. Những nhà văn chuyên viết

cho người lớn nhìn ra sự cần thiết của việc chuyển sân chơi nên đã đôi lần ghé thăm (Đỗ Bích Thúy, Phong Địệp, Nguyễn Đình Tú, Lê Minh Hà, Nguyễn Phan Quế Mai, Ma Văn Kháng, Nguyễn Hữu Quý, Nguyễn Xuân Thủy, Dương Thụy, Hồ Huy Sơn,...). Những người từng “se duyên” sớm với bạn đọc nhỏ tuổi thì vẫn tiếp tục gắn bó (Nguyễn Nhật Ánh, Từ Kế Tường, Đoàn Thạch Biền, Trần Đức Tiến, Trần Quốc Toàn, Nguyễn Thái Hải, Nguyên Hương, Lê Phương Liên, Thu Trân, Nguyễn Lãm Thắng, Hoài Khánh, Mai Hoàng Hanh, Nguyễn Thị Kim Hòa, Trương Huỳnh Như Trần...). Những cây bút “nghệệp dư” kiểu như Bình Ca, Lê Hoàng, Nguyễn Ngọc Hoài Nam,... thi thoảng lại đưa đến những tác phẩm thú vị. Và người đọc vẫn không ngừng hy vọng được thưởng thức tác phẩm mới của Mường Mán, Quế Hương, Cao Xuân Sơn, Lý Lan, Dương Thuấn, Vi Thùy Linh, Nguyễn Ngọc Tư,... thậm chí là Nguyễn Ngọc Thuần, ngay cả khi cây bút này tuyên bố chuyển hẳn sang viết cho người lớn.

Thế nhưng, trừ trường hợp Nguyễn Nhật Ánh, có bao nhiêu cái tên ở trên đến được với bạn đọc?

Phê bình văn học không thể “vô can” trong chuyện này. Bằng cách này, cách khác, phê bình văn học đã và đang từ chối sự hiện diện của văn học thiếu nhi. Có phải vì tên gọi mà văn học thiếu nhi trở nên bé nhỏ trong nhận thức của nhiều người? Những nhà phê bình có tên tuổi kiên định với việc tìm cảm hứng ở những tác giả, tác phẩm, mô hình lý thuyết liên quan đến văn học người lớn. Hàng năm, có hàng trăm đầu sách phê bình được xuất bản nhưng mảng văn học thiếu nhi thì khan hiếm. Không gian sinh tồn cho các bài viết về mảng văn học này trên các tạp chí, tờ báo quá khiêm tốn.

Không ít tạp chí vội vàng quay đầu với tác giả khi biết tác giả ngỏ ý đăng bài về văn học thiếu nhi. Điều này làm chạnh lòng đội ngũ phê bình văn học thiếu nhi vốn đã ít ỏi và gián tiếp làm tổn thương những nhà thơ, nhà văn đang lặng lẽ hướng cảm hứng nghệ thuật đến các em. Xét thấy, văn học thiếu nhi đang rất thiếu người bảo hộ, thiếu người “truyền lửa”. Khoan tính xa xôi đến vai trò “định hướng cho sáng tác”, việc tạo động lực sáng tạo cho nhà văn và đánh thức “cơn khát” văn học thiếu nhi trong công chúng, các nhà phê bình vẫn chưa làm được. Đây không chỉ là câu chuyện của năng lực mà còn vấn đề của tình cảm, thái độ. Trong khi đó, về mặt lý thuyết, đứng trước phê bình thì mọi loại hình nghệ thuật, mọi tác giả và tác phẩm đều có giá trị tương đương nhau. Khi nghệ thuật là nơi hòa giải, liên kết mọi ranh giới thì phê bình văn học không nên tạo ra sự khác biệt. Tôi cho rằng, bất luận là phê bình để thông qua tác phẩm mà cung cố quyền lực hay làm lung lay/lật đổ quyền lực của tác giả, thì các nhà phê bình hãy chấp nhận, thừa nhận và ghi nhận sự tồn tại tất yếu của văn học thiếu nhi trong đời sống nghệ thuật, không nên bắt nó sống thân phận “kẻ bên lề”.

Lý thuyết tiếp nhận đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người đọc với sinh mệnh tác phẩm. Đi qua cộng đồng “diễn dịch”, văn bản mới chính thức tồn tại. Vậy mà không ít nhà phê bình lại cứ “cố thủ” trong những hiện tượng cũ, thành tựu cũ, không nghe ngóng để nắm bắt trạng thái mới của văn học thiếu nhi Việt Nam. Khi các tác giả viết cho thiếu nhi vừa không có tiềm lực kinh tế lẫn kinh nghiệm truyền thông, những tác phẩm của họ lặng lẽ tìm đường sống. Phê bình văn học không nhìn thấy hàng trăm hành trình cô đơn và

tội nghiệp ấy nên luôn có cái nhìn hoài nghi, bi quan về văn học thiếu nhi đương đại. Trong trường hợp này rất tiếc cho các cây bút tuổi học trò: Mai Clara, Đỗ Nhật Nam, Đặng Chân Nhân, Nguyễn Bình, Ngô Gia Thiên An... Nếu phê bình văn học tích cực thực hiện sứ mệnh của thể loại thì biết đâu những cây bút đầy sê tiếp tục cho đời những “mùa quả” ngọt ngào hơn.

Trong quá khứ, phê bình văn học thiếu nhi còn vì những định kiến không nên có mà bỏ rơi những hiện tượng, những khuynh hướng đã làm nên thành tựu và tính đa diện của văn học thiếu nhi. Như trường hợp nhà văn Vũ Hùng. Cuối năm 2014, nghĩa là sau khi Vũ Hùng về nước định cư, Nhà xuất bản Kim Đồng ký độc quyền phát hành 18 tác phẩm của ông. Năm 2016, bộ sách (lúc này mới chỉ 12 cuốn) nhận giải ở hạng mục Giải Vàng sách hay của Hội Xuất bản Việt Nam. Năm 2017, 2018, ông liên tiếp nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam: giải Cống hiến, giải Sư nghiệp Văn học. Những niềm vui ấy, Vũ Hùng đón nhận ở tuổi ngoài 80. Và những tác phẩm mang đến niềm vui muộn màng cho nhà văn lại ra đời trước những sự kiện ấy hơn 30 năm.

Hay như trường hợp của *Tuổi Hoa*, *Tuổi Ngọc* ở miền Nam trước đây. *Tuổi Hoa* phát hành số đầu tiên vào tháng 6 năm 1962, do nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế chủ trương, linh mục Chân Tín làm chủ nhiệm và Nguyễn Trường Sơn làm chủ bút. Ngoài tờ báo, Nguyễn Trường Sơn còn chủ trương xuất bản tủ sách *Tuổi Hoa* với ba loại: Hoa Xanh, Hoa Đỏ, Hoa Tím. Còn tạp chí *Tuổi Ngọc* được phát hành tại 38 Phạm Ngũ Lão - Sài Gòn vào năm 1971, chủ bút là Duyên Anh, thư ký là Đinh Tiến Luyện. Mặc dù *Tuổi Hoa* và *Tuổi Ngọc* chỉ

duy trì được vài năm nhưng đây là những “tuần báo yêu thương” được dành riêng cho tuổi học trò (*Tuổi Hoa* dành cho bạn đọc 13+, *Tuổi Ngọc* dành cho bạn đọc 16+), tập hợp được rất nhiều cây bút: Nguyễn Trường Sơn, Minh Quân, Hoàng Đăng Cấp, Quyên Di, Trinh Chí, Kim Hài, Nguyễn Thái Hải, Thùy An, Tôn Nữ Thu Dung, Mường Mán, Hoàng Ngọc Tuấn, Đinh Tiến Luyện, Từ Kế Tường, Đoàn Thạch Biền... Đây là những điểm nhấn đáng kể của văn học đô thị miền Nam trước năm 1975. Tiếc thay, thông tin về thành tựu của *Tuổi Hoa* và *Tuổi Ngọc* vắng bóng hoàn toàn trong các giáo trình dạy học văn học thiếu nhi. Thế hệ sau vì vậy gần như không hề hay biết về sự tồn tại của *Tuổi Hoa* và *Tuổi Ngọc* trong quá khứ. Thành ra cái nhìn tổng quan về lịch sử hình thành và phát triển của văn học thiếu nhi Việt Nam không đủ đầy như thực tế vận động của nó.

Nhắc chuyện quá khứ để khẳng định mong mỏi hiện tại của rất nhiều người. Phê bình văn học hãy vượt qua định kiến để tham dự vào trò chơi tinh tế, đáng yêu với văn học thiếu nhi Việt Nam. Trước sự “xâm lăng” của văn hóa ngoại và sức hút lớn của văn hóa nghe nhìn, cần lăm nhũng người nhiệt tình truyền lửa cho văn học thiếu nhi nước nhà. Các nhà phê bình hãy là “bà đỡ” mát tay cho các tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi và hãy thành công với chiến lược lôi kéo công chúng tham gia vào cuộc trò chuyện với tác giả và văn bản văn học. Hắn lúc ấy, văn học thiếu nhi Việt Nam sẽ có động lực để đổi thay, hướng tới một diện mạo mới và những sức sống mới.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY: AI? Ở ĐÂU? NHƯ THẾ NÀO?

TS. NGUYỄN THANH TÂM

Khi nhìn lại phê bình văn học Việt Nam hiện nay, những câu hỏi được đặt ra: Vị trí của phê bình văn học trong cấu trúc khoa học văn học và đời sống văn chương? Nhà phê bình là ai? Ở đâu? Họ được đào tạo và tham gia vào đời sống văn học Việt Nam như thế nào? Những ưu điểm, nhược điểm và động hướng của phê bình văn học Việt Nam?

1. Lực lượng phê bình và không gian phê bình

a) Lực lượng phê bình trong không gian địa lý

Muốn bàn luận điều gì về phê bình, trước hết cũng cần phải biết được lực lượng phê bình hiện nay như thế nào? Nhìn trên bình diện không gian địa lý, từ Bắc vào Nam, Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là những trung tâm lớn, tập trung các hoạt động văn học, nghệ thuật trong đó có lý luận, phê bình. Ở Hà Nội, chúng ta có các tên tuổi rất đáng chú ý như: Trần Đình Sử, Phùng Văn Tứu, Lã Nguyên, Nguyễn Phượng, Lê Quang Hưng, Lê Huy Bá, Lã Thị Bá Lý, Trần Văn Toàn, Đỗ Văn Hiếu, Trần Ngọc Hiếu,

Lê Trà My, Đặng Thu Thủy, Nguyễn Thị Minh Thương (Đại học Sư phạm Hà Nội); Nguyễn Đăng Diệp, Nguyễn Bích Thu, Nguyễn Hữu Sơn, Phạm Xuân Nguyên, Trịnh Bá Đĩnh, Trương Đăng Dung, Lưu Khánh Thơ, Lê Dục Tú, Tôn Phương Lan, Đỗ Hải Ninh, Lê Hương Thủy, Phùng Ngọc Kiên, Cao Kim Lan, Phạm Phương Chi, Hoàng Tố Mai, Cao Việt Dũng, Trần Thiện Khanh, Đoàn Ánh Dương, Đỗ Thị Thu Huyền, Lê Thị Dương, Đỗ Thị Hường, Đặng Thái Hà (Viện Văn học); Đào Duy Hiệp, Bùi Việt Thắng, Lý Hoài Thu, Phạm Gia Lâm, Trần Khánh Thành, Nguyễn Bá Thành, Phạm Xuân Thạch, Hoàng Cẩm Giang, Lê Nguyên Long, Diêu Lan Phương, Trần Đăng Trung (Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội); Văn Giá, Mai Anh Tuấn (Đại học Văn hóa Hà Nội); Phạm Duy Nghĩa, Hoàng Đăng Khoa, Đoàn Minh Tâm (Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*); Đỗ Lai Thúy (Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*), Phạm Khải (Báo *Công an nhân dân*), Lê Hoài Nam (Truyền hình *Nhân dân*), Nguyễn Hòa (Báo *Nhân dân*), Mai Nam Thắng, Trần Hoàng Hoàng (Báo *Quân đội nhân dân*); Nguyễn Ngọc Thiện (Diễn đàn *Văn nghệ Việt Nam*); Lại Nguyên Ân, Văn Chinh, Lê Thành Nghị, Đỗ Minh Tuấn, Đỗ Ngọc Yên, Hồng Diệu, Ngô Thảo (Hội Nhà văn). Ở Huế, chúng ta có Hồ Thế Hà, Tịnh Thy, Hoàng Thị Huế, Nguyễn Văn Thuấn, Phan Tuấn Anh, Nguyễn Văn Hùng, Phan Thị Vàng Anh, Lê Thị Diễm Hằng,... đều là cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Khoa học và Đại học Sư phạm - Đại học Huế. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có Đoàn Lê Giang, Trần Lê Hoa Tranh, Nhật Chiêu, Trần Hoài Anh, Hoàng Phong Tuấn, Bùi Thanh Truyền,

Lê Thiếu Nhơn, Nguyễn Đình Minh Khuê,... Ngoài trừ Lê Thiếu Nhơn ở Tạp chí *Kiến thức gia đình*, Nguyễn Đình Minh Khuê là sinh viên năm thứ 3, còn lại đều là giảng viên đại học. Các địa phương, tỉnh, thành phố khác cũng có một số cá nhân mà chúng ta có thể nêu lên để thấy sự phân bố lực lượng phê bình qua không gian địa lý. Thái Nguyên có Cao Hồng, Trần Thị Việt Trung; Vĩnh Phúc có Phùng Gia Thế; Hải Dương có Nguyễn Thị Việt Nga, Nguyễn Đức Toàn; Thanh Hóa có Lê Tú Anh, Hỏa Diệu Thúy, Thy Lan; Nghệ An có Phan Huy Dũng, Đinh Trí Dũng, Biện Minh Điền, Lê Hồ Quang, Đặng Lưu, Lê Thanh Nga, Nguyễn Thị Thanh Hiếu; Quảng Bình có Hoàng Thụy Anh; Đà Nẵng có Nguyễn Văn Trung; Khánh Hòa có Trần Viết Thiện,... Ở nước ngoài có Đặng Tiến, Thụy Khuê, Đoàn Cầm Thi, Nguyễn Đức Tùng, Đỗ Quyên,...

Không gian địa lý cho thấy tính chất thu hút lực lượng cũng như khả năng hoạt động của (không chỉ) phê bình văn học. Tuy nhiên, trên thực tế, các không gian phê bình đều có xu hướng tiến vào trung tâm lớn khi mà các diễn đàn văn học, nghệ thuật uy tín và các sự kiện văn học cũng chủ yếu diễn ra ở trung tâm lớn. Các viện nghiên cứu, trường đại học và một số tờ báo, tạp chí văn nghệ cũng đang là trung tâm của hoạt động phê bình văn học. Điều đó đem đến một hình dung về tính chuyên nghiệp hóa của hoạt động phê bình. Dĩ nhiên, một thực trạng cũng đang diễn ra trong không gian trường học và viện nghiên cứu là những chi phối của công việc giảng dạy hay nghiên cứu lịch sử văn học, lý luận văn học. Phê bình bị cạnh tranh ngay trong cấu trúc ngành khoa

học văn học của nó (chúng tôi sẽ nói ở phần sau) và ở ngay trong không gian địa lý mà nó hiện diện.

b) *Lực lượng phê bình trong không gian chuyên môn*

Một nhà phê bình chuyên nghiệp cần phải được đào tạo, bồi dưỡng, có trình độ, tri thức, kiến văn và một quan niệm giá trị vững vàng. Các trường đại học, viện nghiên cứu vừa là nơi đào tạo, cung cấp và cũng là nơi sử dụng lực lượng phê bình chính hiện nay. Một lực lượng khác, sau khi được đào tạo đã làm việc trong các tòa báo, các hội văn học, nghệ thuật, các diễn đàn văn chương,... cũng phát huy được vốn liếng kiến thức, kỹ năng đã tiếp cận, thực hành tại cơ sở đào tạo. Có thể thấy, trong các tên tuổi vừa nêu có tới hơn 90% là thạc sĩ, tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư. Vấn đề đào tạo chính quy được xem là nền tảng để hình thành tư cách nhà nghiên cứu, phê bình, cùng với đó là quá trình tự học, tự bồi dưỡng, tự trưởng thành qua thực tiễn văn chương của mỗi người. Cùng với chương trình đào tạo chính quy, các lớp tập huấn, bồi dưỡng của các hội, liên hiệp hội, các trại sáng tác, các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm phê bình văn học cũng đang mang lại hiệu quả. Các lớp tập huấn nâng cao năng lực lý luận, phê bình văn học do Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tổ chức cũng là cơ hội tốt cho các cây bút phê bình học tập, nắm bắt tình hình văn học và trao đổi chuyên môn.

Lực lượng phê bình dù chưa đầy đủ nhưng cũng không thể nói là thiếu hay thua mảng. Sự phân bố trên không gian địa lý cho thấy sức hút và vai trò của các trung tâm trong đời sống văn học, văn hóa, chính trị, xã hội. Tuy nhiên, vấn đề chúng tôi muốn tập trung bàn luận ở đây là không gian

phê bình có tính chuyên môn. Tôi vẫn cho rằng không có nhà phê bình bẩm sinh - nếu có chỉ là một thiên tính, một năng lực đặc biệt có tính phụ trợ. Người làm phê bình cần phải được đào tạo một cách bài bản và kỹ lưỡng. Bằng cấp, học vị, học hàm có thể không thực sự quan trọng, nhưng học vấn, tri thức, vốn sống, vốn văn hóa cần phải được xem là cơ sở để “hành nghề” phê bình. Do hiện diện trong những không gian khác nhau: viện, trường, cơ quan báo chí, Hội Văn học, nghệ thuật,... nên sự phân lập đặc tính của phê bình cũng khá rõ trên cơ sở của những khác biệt về môi trường làm việc. Ở viện và trường đại học, phê bình chủ yếu vận động theo hướng hàn lâm, bài bản, lớp lang, sử dụng nhiều công cụ lý thuyết, phương pháp, trường phái,... Ưu điểm của phê bình hàn lâm cũng xuất phát từ đặc tính này. Nhờ có công cụ, phương tiện, phương pháp, phê bình hàn lâm thường xem vấn đề trên bình diện rộng và sâu, từ đó đặt ra và nỗ lực giải quyết triệt để vấn đề văn học. Tuy nhiên, phê bình hàn lâm trong bối cảnh văn học của thời đại truyền thông đã tự đưa mình vào tình thế khó khăn trong khả năng hiện diện. Có một thực tế là các diễn đàn văn học, báo chí thường khó sử dụng các bài phê bình hàn lâm. Sự trưng dụng quá nhiều khái niệm, thuật ngữ, lý thuyết khiến cho bài phê bình trở nên cồng kềnh, nặng nề, ôm đodom lấm khi rơi vào trạng thái vòng vo. Đây là một vấn đề khá lớn, tạo nên mối nguy của văn chương mà T. Todorov¹ đã nêu lên:

1. Tzvetan Todorov (1939-2017): là nhà nghiên cứu văn học người Pháp gốc Bulgaria. Ông là nhà nghiên cứu văn học theo hướng cấu trúc chủ nghĩa nổi tiếng từ những năm 1960.

Sự lồng hành của lý thuyết, sự đánh tráo đối tượng từ diễn giải tác phẩm sang diễn giải về lý thuyết và công cụ đã đẩy văn chương lâm vào tình thế không được tiếp cận với đúng bản chất của nó. Những bài viết này chỉ phù hợp với các tạp chí chuyên ngành và dành cho một bộ phận rất nhỏ những người trong giới nghiên cứu, phê bình hàn lâm đọc, tra cứu, tham khảo. Các nhật báo, tuần báo, thậm chí một số tạp chí văn nghệ có thái độ khá dè dặt nếu không muốn nói là “kính nhi viễn chi” trước các phê bình hàn lâm. Đặc tính này còn dẫn đến một hệ lụy khác đó là phê bình hàn lâm thường có nhịp điệu chậm hơn các sinh hoạt văn chương đương đại. Thêm nữa, các diễn đàn dành cho phê bình hàn lâm trong thực tế là khá hẹp. Do vậy, việc công bố những công trình phê bình bài bản, lớp lang, dài hơi của các nhà phê bình hàn lâm tỏ ra khá khó khăn.

Trái với không khí phê bình hàn lâm, những hoạt động phê bình trên báo chí, diễn đàn của các Hội Văn học, nghệ thuật,... lại nhanh chóng, kịp thời, ngắn gọn, dễ tiếp cận và phù hợp với đại bộ phận công chúng. Phê bình báo chí chủ yếu diễn ra dưới dạng điểm tin, đọc sách, giới thiệu tác giả, tác phẩm, phê bình ấn tượng chủ quan,... Ưu điểm của phê bình dạng này xuất phát từ việc không chú trọng vào lý thuyết, phương pháp, nên những thực hành phê bình này đi ngay vào vấn đề, trình bày, diễn giải các thông tin cơ bản liên quan trực tiếp đến hiện tượng văn học. Nhược điểm của phê bình báo chí là cảm tính, không có lý thuyết, phương pháp cụ thể, dễ rơi vào tình trạng suy diễn, trình bày ấn tượng chủ quan, thậm chí không hiếm khi ta thấy những phê bình này còn hời hợt. Phê bình báo chí cũng là nơi

những hình thức phê bình thù tạc, những viết lách có tính “biểu tặng” xuất hiện.

Một vấn đề khá quan trọng nảy sinh từ việc đào tạo và sử dụng lực lượng phê bình, liên quan trực tiếp đến không khí sinh hoạt của phân ngành này trong đời sống văn chương đó là: 1. Sự suy giảm lực lượng người học - nguồn bổ sung cho lý luận, phê bình; 2. Sự lôi cuốn của truyền thông, báo chí khiến cho phê bình hàn lâm ngày càng mất đi vị trí trong đời sống văn học; 3. Sự e ngại, thậm chí không tin tưởng vào phê bình của giới sáng tác; 4. Sự bảo thủ hay cục bộ của một số diễn đàn khiến cho phê bình trên các diễn đàn đó trở nên đơn điệu; 5. Thù lao của người làm phê bình quá ít ỏi, không duy trì được một tinh thần làm việc hăng say hay tận tụy, một thái độ tập trung, một phong cách chuyên nghiệp; 6. Một số cơ chế, chính sách trong quản lý văn hóa, văn nghệ chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho phê bình,... Chính trong những hoàn cảnh như thế, phê bình buộc phải vận hành theo những mô hình không hẳn đúng với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nó.

Sẽ có nhiều cách phân loại, định danh hay khu biệt các không gian - khu vực phê bình khác nhau. Dù là hàn lâm hay báo chí, học thuật hay nghệ thuật, phê bình cũng vẫn phát triển tương thích với tính đại chúng và tinh hoa của văn học. Những thực trạng của việc đào tạo, sử dụng lực lượng phê bình cũng cần phải được xem là một vấn đề nội tại của phê bình và văn học. Và hiển nhiên, điều đó thể hiện đúng bản chất của nền văn học - văn hóa - xã hội Việt Nam trong một cơ cấu lựa chọn đặc thù.

2. Vị trí của phê bình trong cấu trúc văn học

Cấu trúc của khoa học văn học gồm 3 bộ phận: Lịch sử văn học, lý luận văn học và phê bình văn học. Vì những tập quán trong diễn ngôn, với một truyền thống không có lý thuyết, không triệt để, khúc triết về tư duy, người ta thường nhập lý luận và phê bình vào với nhau để chỉ các hoạt động diễn giải văn học ở nước ta. Trong khi đó, lẽ ra lý luận văn học cần phải được hiểu một cách rành mạch hơn về một phân ngành có tính lý thuyết, và phê bình là một phân ngành thiên về thực hành. Vì những tập quán đó nên các nhà phê bình và các nhà lý luận vẫn đứng cùng nhau trong một cách định danh lý luận, phê bình văn học. Dẫu như thế, phê bình văn học đương đại vẫn đang cho thấy những nỗ lực của mình để sống với văn học cùng thời. Trong cấu trúc khoa nghiên cứu văn học, nếu nhìn một cách cụ thể, kỹ lưỡng, hóa ra, phê bình lại đang tạo nên khu vực sôi động cho văn chương. Vốn không có truyền thống lý luận, trong khi lịch sử văn học đang còn nhiều vấn đề phải bàn, phê bình văn học Việt Nam đã có một lực lượng khá đông đảo, đặc biệt là thế hệ trẻ (8x, 9x). Thế hệ phê bình trẻ được đào tạo bài bản, có xu hướng dần trở thành công dân toàn cầu, đã tạo nên được những dấu ấn riêng của thế hệ. Những cái tên như Cao Việt Dũng, Trần Ngọc Hiếu, Mai Anh Tuấn, Đoàn Ánh Dương, Lê Nguyên Long, Phạm Phương Chi, Đặng Thái Hà, Hoàng Phong Tuấn, Lê Thị Dương, Phan Tuấn Anh, Hoàng Cẩm Giang, Đoàn Minh Tâm, Nguyễn Thúy Hạnh,... và một số bạn trẻ hơn, đang học đại học hoặc vừa rời giảng đường như Nguyễn Đình Minh Khuê, Phạm Minh Quân, Vũ Kiều Chinh,...

khiến chúng ta có cơ sở để phản biện quan điểm phê bình Việt Nam đang thiếu và yếu.

Xem xét trong cấu trúc nhà văn - tác phẩm - người đọc/sản xuất - phân phối - tiêu thụ, phê bình văn học cũng cho thấy những nỗ lực để theo kịp đời sống sáng tác đương đại. Dù là phê bình hàn lâm hay báo chí, đời sống phê bình vẫn đang tác động lên tâm lý, thị hiếu và sự lựa chọn của công chúng văn học. Thậm chí, phê bình đã tác động trở lại chính nhà văn và hoạt động sáng tác, hoạt động xuất bản, phát hành ấn phẩm văn học. Các nhà văn và độc giả vẫn được tiếp cận các bài phê bình trên các diễn đàn từ tạp chí *Nghiên cứu Văn học* đến *Nhà văn và Tác phẩm*, *Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật*, *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, *Văn hóa nghệ thuật*, *Văn nghệ Quân đội*, *Quân đội nhân dân*, *Văn nghệ, Nhân dân*, *Văn nghệ Công an*... các diễn đàn mạng xã hội, các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương,... Từ những diễn đàn này, các quan điểm định giá hay phân loại, xếp loại,... được triển khai và ít nhiều đã lên tiếng về thực trạng văn chương Việt Nam đương đại.

Dù xét trong cấu trúc khoa học văn học hay cấu trúc đời sống văn chương, phê bình vẫn là một phân ngành chuyên môn quan trọng, có nhiệm vụ thẩm định, bình giá hay định hướng giá trị nhân văn, thẩm mỹ cho cộng đồng. Vị trí đó của phê bình văn học là điều không thể không thừa nhận. Tuy nhiên, trong thực tế, do sự phát triển mạnh mẽ của các hình thái, thể loại văn học, phê bình nhiều lúc cũng chưa thể bao quát được một cách đầy đủ. Đó là lý do khiến nhiều người “ưu thời mẫn thê” vẫn lên tiếng

về tình trạng “thiếu và yếu”, “nghiệp dư”, “nói theo”, “chưa bao quát”,... của phê bình.

3. Phê bình văn học và sự “lộng hành” của lý thuyết

Văn chương lâm nguy bởi chính sự thao túng, lộng hành của lý thuyết là điều mà T. Todorov đã lên tiếng cảnh báo. Là một nhà lý thuyết, T. Todorov đã dành phần lớn thời gian nghiên cứu của mình cho các phương pháp, công cụ, phương tiện nhằm khám phá tác phẩm văn chương. Tuy nhiên, sau những thành tựu lý thuyết, chính ông lại băn khoăn trước những gì mình đã nỗ lực xây đắp. Cuốn sách *Văn chương lâm nguy* như một chứng lý cho quá trình tái nhận thức và phản tư của ông về con đường tiếp cận tác phẩm văn chương, cũng như bản chất thực sự của văn chương. Cuốn sách không còn mới mẻ ở Việt Nam nhưng kỳ lạ là có không ít nhà phê bình, nhà quản lý văn hóa, văn nghệ chưa hiểu đúng tinh thần của T. Todorov, khiến cho vấn đề *Văn chương lâm nguy* đôi khi được diễn giải một cách sai lệch. Sự thực thì: *Văn chương lâm nguy* như thế nào?

Dù có nhắc đến những sa đà quá mức của văn chương vào thế giới duy ngã hay những thứ tầm thường nhỏ nhặt, những kinh nghiệm nhục dục vô nghĩa,... nhưng chắc chắn đó chưa phải là trung tâm của những phản tư trong tinh thần của T. Todorov. Điều mà tác giả của *Văn chương lâm nguy* nhắc đến nhiều nhất chính là sự lén ngôi của công cụ, phương tiện, phương pháp, biến phương tiện thành cánh - mục đích. Nhà phê bình sử dụng các lý thuyết, phương pháp để tiếp cận tác phẩm nhưng lại quá chú trọng đến lý thuyết, đến cách thức mà không chú ý đến tác phẩm

như là trung tâm, mục đích của thao tác luận. Vốn là một nhà nghiên cứu, giới thiệu Chủ nghĩa hình thức Nga tại Pháp, nghiên cứu và quảng bá, phổ biến chủ nghĩa cấu trúc như một trong những lý thuyết bao trùm, ảnh hưởng sâu sắc đến tinh thần học thuật Pháp và thế giới thế kỷ XX nhưng cuối cùng T. Todorov tự nhận lấy trách nhiệm của mình trong việc đã góp phần làm cho phương pháp cấu trúc trở nên lỏng hành như thế. Ông nhận thấy rất rõ những thành tựu của lý thuyết hình thức hay phương pháp cấu trúc, sự chi phối của các thông tư trong việc định hướng việc đọc, học văn chương, sự diễn giải của nhà phê bình,... đang đưa văn chương xa rời yếu tính của nó. Sự hồn nhiên của tác phẩm và quyền được tiếp cận một cách tinh khôi của người đọc đã bị các nhà phê bình - kẻ đại diện của lý thuyết làm cho triệt tiêu. Thậm chí, trong sự phản tư quyết liệt của mình, T. Todorov đã nhận thấy, qua diễn giải đầy thiên kiến và tự đắc của nhà phê bình, văn chương không còn là văn chương nữa. Nhà phê bình trình bày phương pháp, lý thuyết của anh ta mà quên mất rằng đó chỉ là công cụ và cái đích đến vẫn phải là tác phẩm. Ông đặt ra câu hỏi, liệu rằng những kiến thức về tu từ học, ngôn ngữ học, thi pháp học, ký hiệu học có liên quan gì đến việc xây dựng nội dung, ý nghĩa hay môi trường của tác phẩm? Và rằng, một người đọc phổ thông, bình dân, không có kiến thức về những phương pháp ấy liệu có thể tiếp cận được tác phẩm? Rõ ràng T. Todorov muốn nhấn mạnh đến sự hồn nhiên tự thân của quá trình tiếp nhận tác phẩm văn chương. Mọi ý muốn thao túng việc diễn giải văn chương, nương nhờ trên một lý thuyết, một phương pháp nào đó đều ẩn chứa nguy cơ đẩy văn chương

vào vòng phi lý. Cái mà ta tiếp cận - từ sự diễn giải của nhà phê bình - hóa ra không phải là văn chương. T. Todorov đã rất có lý khi cho rằng, dưới áp lực của lý thuyết, “người ta sẽ tự hỏi xem Vụ án thuộc thể loại hài hay phi lý, thay vì tìm vị trí của Kafka trong nền tư tưởng châu Âu”. Trong một ví von đầy hình ảnh, ông cho rằng, giàn giáo cần để xây dựng ngôi nhà, nhưng khi hoàn thiện ngôi nhà, giàn giáo cần phải được tháo bỏ. Sự lộng hành của công cụ, sự lấn át đến mức biến mình thành mục đích của lý thuyết diễn giải văn chương đã đưa văn học đến sự lâm nguy, khiến người đọc xa rời văn học, giết chết ở họ niềm say mê vốn là hệ quả của một quá trình tự nhiên - hồn nhiên.

Nhà phê bình là một người đọc. Dù được vũ trang bằng các lý thuyết, phương pháp, dù có thể nhận ra các tầng lớp ý nghĩa của tác phẩm nhờ công cụ, nhưng trong sự phản tư của T. Todorov, điều đó đang làm văn chương trở nên nghèo nàn hay mất đi ý nghĩa thực tế. Người đọc hồn nhiên cần ở văn chương những giá trị làm cho đời sống của họ tốt đẹp hơn, giàu có hơn, giúp họ nhận ra giá trị của con người và đời sống. Đó là điều trước hết thay vì các hệ thống lý thuyết, công cụ dưới sự dẫn dắt hay vờn vẽ của nhà phê bình. Và như T. Todorov đã tự nhận, nhà phê bình, các chuyên gia, giáo viên và trường học phải chịu trách nhiệm về sự lâm nguy của văn chương.

4. Động hướng của phê bình văn học

Sự lộng hành của lý thuyết dấu sao cũng là khía cạnh tiêu cực, là mặt trái mà chúng ta cần ý thức một cách tinh táo. Ở phía khác, trong những động hướng tích cực, phê

bình văn học Việt Nam ngày càng trở nên phong phú, đa dạng bởi sự du nhập của rất nhiều phương pháp, lý thuyết. Đời sống văn học chứng kiến những thực hành phê bình từ góc độ Ngôn ngữ học, Thi pháp học, Phân tâm học, Hiện tượng học, Ký hiệu học, Văn hóa học, Sinh thái học, Cấu trúc luận, Nữ quyền luận, Hậu thực dân, Hậu thuộc địa, Hậu cấu trúc, Lý thuyết tiếp nhận, Đa hệ thống,... Sự phát triển của khoa học công nghệ, những nền tảng triết học, mỹ học mới xuất hiện trong không gian tri thức - tinh thần hiện đại, hậu hiện đại - đã đem đến những cơ hội và cả những thách thức cho phê bình. Nếu phê bình báo chí phát triển mạnh trên điều kiện công nghệ, truyền thông thì phê bình hàn lâm lại có được những đóng góp mới từ lý thuyết, phương pháp phê bình mới. Điều đó thực sự đang làm cho đời sống văn học nói chung và phê bình nói riêng trở nên sinh động và đầy hứa hẹn.

Phê bình văn học, nghiên cứu văn học theo hướng liên ngành đang là con đường phát triển tiềm năng của văn học. Thoát khỏi tính tự trị, văn học trong hướng liên ngành đã mang đến cơ hội để văn chương bước vào đời sống một cách cởi mở nhất. Nhiều nhà phê bình, nghiên cứu, trong ý niệm hóa giải tính tự trị của văn học đã xem văn học như là một phương tiện để hiểu văn hóa, con người Việt Nam. Văn học trở thành một dữ kiện của văn hóa, một hướng để tìm hiểu lịch sử tinh thần, thời đại.

Sự đổi mới của đất nước, các chuyển động trong thể chế quản lý hành chính, văn hóa, văn nghệ cũng giúp gỡ bỏ nhiều rào cản cho phê bình nói riêng và văn học nói chung. Từ đó, phê bình có điều kiện để tiệm cận với các giá trị

nhân văn căn bản, phô quát, hướng tới yếu tính thực sự của nghệ thuật và hiện hữu.

5. Kết luận

Trong hoàn cảnh không thể/chưa thể đáp ứng được tốt hơn những đòi hỏi của cộng đồng, chúng ta vẫn phải ghi nhận và đánh giá một cách tích cực về sự hiện diện của phê bình trong đời sống văn học. Những ưu điểm, nhược điểm của phê bình hàn lâm hay phê bình báo chí thực sự cũng là những hiện diện tất yếu. Nói phê bình thiếu và yếu hay phê phán sự nhợt nhạt, nửa vời của nó thực chất là cách nói rất chung chung, thậm chí còn thể hiện sự hời hợt, phiến diện trong quan sát và nhận định về thực trạng phê bình văn học hiện nay. Không thể có ngay một sự hài lòng nhưng các nhà phê bình văn học, đặc biệt là thế hệ trẻ đang cố gắng để làm tốt hơn công việc của mình. Điều cần thiết, ngoài niềm tin, cũng cần có thêm các cơ chế khác tạo ra hành lang cho phê bình tiến tới một không gian rộng lớn hơn và thực chất hơn nữa. Xem ra, đó cũng không phải chỉ là câu chuyện của phê bình văn học.

ĐỐI THOẠI VỀ “TINH THẦN ĐỐI THOẠI” CỦA “PHÊ BÌNH THẾ HỆ F”

BÙI VIỆT THẮNG

Chúng ta dễ dàng thống nhất về tính quy luật của thực tiễn - thời đại ngày nay là đối thoại thay cho đối đầu (trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa, nghệ thuật, đạo đức,...). Trái đất là ngôi nhà chung của thế giới, theo cách diễn đạt của nghệ sĩ ngôn từ thì đó là một “cõi nhân gian bé tí”. Đối đầu là hủy diệt, đối thoại là hòa bình, là cùng tồn tại. Lester Pears (1897-1972), nguyên Thủ tướng Canada, người nhận Giải thưởng Nobel Hòa bình năm 1957, đã viết: Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên khi mà các nền văn minh khác nhau phải học cách cùng sống trong hòa bình, học hỏi lẫn nhau, nghiên cứu lịch sử, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật của nhau; cùng nhau làm phong phú thêm cái vốn của những nền văn minh khác nhau. Đi ngược lại, thế giới nhỏ bé chật chội này chỉ còn lại sự hiếu lầm, căng thẳng, va chạm và thảm họa... Một trật tự thế giới dựa trên các nền văn minh là một bảo đảm an toàn nhất chống lại chiến tranh thế giới. Mẫu mực của đối thoại Việt Nam chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà nghiên cứu

Hà Minh Đức trong tiểu luận *Đối thoại Hồ Chí Minh siêu phẩm của trí tuệ và tài năng đã nhận xét*: “Trong di sản về tư tưởng và văn hóa có một bộ phận đặc biệt là đối thoại Hồ Chí Minh. Đối thoại Hồ Chí Minh thể hiện qua ba phạm vi đối thoại với nhân dân, với ngoại giao và đối thoại với báo chí (...). Toàn bộ đối thoại Hồ Chí Minh là một kỳ tích của trí tuệ, tài năng và tài ứng xử của Người”¹.

Đối thoại đang trở thành một tập quán/cách hành xử tốt đẹp của đời sống hiện nay. Trong lĩnh vực lý luận, phê bình, tinh thần đối thoại càng trở nên cấp thiết, nó thể hiện tính dân chủ của nền văn chương đổi mới.

Đối thoại thay cho độc thoại, thể hiện tính dân chủ của các quan hệ xã hội, phá thế “độc quyền chân lý”, dỡ bỏ rào cản bảo thủ, kìm hãm, duy ý chí, tạo cơ hội cho những tư tưởng mới có điều kiện phát huy tính tích cực. Độc thoại thực chất là “toàn trị”, sở hữu chân lý (tuyệt đối). Đối thoại là “thế giới mở”, là đa thanh âm, là kiếm tìm chân lý (tương đối). Đối thoại thể hiện sự trưởng thành của thế hệ, cá nhân (một cá nhân có khát vọng vươn tới danh hiệu “công dân toàn cầu”). Đối thoại nảy nở trên nền tảng của một “thế giới phẳng”. Vì thế, Trần Đăng Khoa mới có thể tung bút viết *Chân dung và đối thoại* (tái bản nhiều lần) - một cuốn sách hay, bán chạy (best-seller) nhưng tất nhiên gây “bão” trong dư luận văn giới. Trên tinh thần đối thoại cởi mở thay cho độc thoại khép kín, nhà văn hóa Hữu Ngọc đã có cuộc đối thoại thẳng thắn với Giáo sư xã hội học Mỹ B. Katsiaficas

1. Báo Văn nghệ, số 35+36, ngày 31/8/2019.

(Viện Công nghệ Wentworth). Cuộc đối thoại thú vị mang tên *Một cách nhìn về Tết Mậu Thân*¹. Chúng tôi đã có cuộc đối thoại nghề nghiệp bổ ích do tạp chí *Văn hóa Nghệ An* (số tháng 5/2015) tổ chức thực hiện dưới chủ đề *Đối thoại về văn học hậu chiến Việt Nam*. Gần nhất là *Đối thoại về tác phẩm “nóng” trong văn chương hiện nay* (*Văn hóa Nghệ An*, số tháng 5/2019). Đối thoại, dưới ánh sáng của phát triển, sẽ giúp chúng ta tiệm cận chân lý nhanh hơn, tốt hơn. Gần đây, trong phê bình có hình thức “luận chiến”. Xét về một khía cạnh nào đó, “luận chiến” và “đối thoại” có nét tương đồng. Nhưng cái khác biệt là “đối thoại” không dẫn đến việc phân chia thành “chiến tuyến” (đôi khi thành “đấu khẩu”) trong hành động phê bình. Trước sau chúng tôi tán đồng quan niệm: “Nghệ thuật đi tìm cái đẹp trong đời sống. Phê bình đi tìm cái đẹp trong nghệ thuật”.

1. Nhận diện phê bình thế hệ F

Phê bình thế hệ F là gì/là ai? Chúng tôi dẫn trực tiếp quan niệm của một tác giả thuộc thế hệ 8X, tự nhận mình và đồng nghiệp cùng trang lứa thuộc vào thế hệ F: “Muốn hiểu về thế hệ nhà nghiên cứu trẻ, trưởng thành từ đầu thế kỷ XXI mà chúng tôi gọi là thế hệ F, chúng ta cần hiểu về những điều kiện mà họ thuộc về, đó chính là điều kiện hậu hiện đại, mà ở Việt Nam cụ thể hơn chính là trong bối cảnh tin học hóa và mạng hóa (...). Ngày nay, thật khó hình dung

1. In trong sách *Lãng du trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2007, tr.648-653.

đời sống phê bình đương đại nếu thiếu đi những tiêu luận, công trình của thế hệ F. Nhưng trước tiên, họ là ai? Nhiều người định danh thế hệ lý luận, phê bình mới này theo tuổi, từ 7x, 8x, 9x. Một số người khác, gọi tên thế hệ này dựa trên “cách viết đặc thù” của họ, là “thế hệ viết trên mười đầu ngón tay (...). Nhưng theo chúng tôi, F trước tiên là Facebook (...). Lấy Facebook làm biểu tượng, dĩ nhiên còn một ý nghĩa sâu xa khác, đó là cách thức kết nối và thể hiện sự quan tâm đặc thù của thế hệ này đối với đời sống văn học”¹. Bàn về những thuận lợi và khó khăn của nghiên cứu/phê bình thế hệ F, nhà nghiên cứu/phê bình trẻ Phan Tuấn Anh xác tín: “Mặc dù có nhiều thuận lợi, nhưng nghiên cứu văn học thế hệ F vẫn phải đối mặt với “những con thủy quái hồ Loch Ness” - những khó khăn và nguy cơ trong thời đại viết của họ. Thứ nhất, so với mặt bằng chung của người đọc bình dân, những tác phẩm phê bình của họ thường vượt qua tầm đón nhận của độc giả bình thường. Bởi vì, khác với phê bình ấn tượng của Hoài Thanh, cũng khác với phê bình tiểu sử học hoặc xã hội học truyền thống, đa phần những nhà phê bình thế hệ F đều là phê bình lý thuyết (lấy lý thuyết làm đối tượng phê bình), hoặc ứng dụng những lý thuyết mới mẻ của phương Tây vào việc khảo cứu văn bản. Lối phê bình này kén người đọc, dễ tạo cảm giác khô khan, nặng nề, lại đòi hỏi người đọc phải có một tầm đón nhận nhất định, có sự tìm hiểu sơ bộ lý thuyết. Thứ hai, nhằm truy cầu những cái mới có tính cách mạng,

1. Dẫn theo *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2016) - Sáng tạo và tiếp nhận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2017, tr.84-89.

vượt chuẩn, lệch chuẩn, phù hợp với các lý thuyết mà họ theo đuổi, các nhà phê bình thế hệ F thường không chọn những tác phẩm dễ đọc, các best seller, những tượng đài cũ kỹ, mà chủ yếu lấy đối tượng khảo cứu là những tác gia, tác phẩm có sự phổ biến hẹp, hoặc nổi danh trên thế giới nhưng ở Việt Nam có thể còn vượt ngưỡng tiếp nhận với đa phần người đọc”¹. Như thế, chúng ta đã rõ như dưới thanh thiên bạch nhật, phê bình thế hệ F đề cao “tinh hoa”, bỏ qua “đại chúng”, đề cử cái “nâng cao”, hạ thấp cái “phổ cập”. Không ít cây bút phê bình trẻ tự nhận mình thuộc “nhóm tinh hoa”. Tự tin là một phẩm chất tốt của người trẻ trong bất kỳ lĩnh vực đời sống nào hiện nay như chúng ta thấy nhỡn tiễn. Nhưng nếu lún sâu vào “vượt chuẩn”, “lệch chuẩn” liệu họ có khả năng tạo ra cái mới/giá trị mới trong lĩnh vực tinh thần/sáng tạo nghệ thuật (?!). Câu trả lời không quá khó!

Lực lượng/đội ngũ phê bình thế hệ F: Dõi theo trang web: phebinhvanhoc.com.vn của nhóm chủ trương (Phạm Phương Chi, Trần Thiện Khanh, Đinh Văn Thuần) thiết kế trang Phê bình văn học (Literature Criticism Online), chúng tôi truy cập được mục “Thế hệ F”, với danh sách khá dài, đông đảo, hùng hậu, gồm hơn 40 cây bút đang “ăn khách”. Họ gồm (ghi chưa đầy đủ, theo thứ tự ABC): Hoàng Thụy Anh, Nguyễn Phúc Anh, Thái Phan Vàng Anh, Phan Tuấn Anh, Phạm Văn Ánh, Nguyễn Duy Bình, Cao Việt Dũng, Trần Trọng Dương, Đoàn Ánh Dương, Hoàng Cẩm Giang, Quách Thị Thu Hiền,

1. *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2016) - Sáng tạo và tiếp nhận, Sđd, tr.91.*

Trần Ngọc Hiếu, Nguyễn Thị Năm Hoàng, Trần Thiện Khanh, Hoàng Đăng Khoa, Lê Nguyên Long, Hoài Nam, Đỗ Hải Ninh, Lê Thiếu Nhơn, Nguyễn Thanh Sơn, Đoàn Minh Tâm, Nguyễn Thanh Tâm, Mai Anh Tuấn, Nguyễn Mạnh Tiến, Trần Văn Toàn, Phạm Xuân Thạch, Phùng Gia Thé, Nguyễn Văn Thuấn, Nguyễn Thị Minh Thương, Lê Hương Thủy, Hồ Khánh Vân,... Nhưng vấn đề đáng nói ở đây là, khái niệm “thế hệ” không quy vào số lượng/đội ngũ tác giả. Chúng tôi tán thành quan điểm của nhà phê bình Chu Văn Sơn (1962-2019) về khái niệm “thế hệ”: “Một thế hệ văn học thực sự phải là chủ thể cốt lõi của một chặng đường văn học. Đó là một lớp người cầm bút được kết nối bởi cùng một hệ giá trị chung của thời mình. Họ vừa là kẻ sản sinh lại vừa là sản phẩm của hệ giá trị đó”¹. Vậy liệu những người tự xưng/nhận mình thuộc “thế hệ F” đã thực sự tạo nên một thế hệ theo đúng nghĩa đích thực của từ này (?!). Bất cứ lĩnh vực nào cũng đặt ra vấn đề tiếp nối thế hệ như điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại, theo quy luật tre già măng mọc. Theo chúng tôi, đang diễn ra một tình trạng đứt gãy thế hệ, như ai đó nói trong làng thơ ca đang hiện hữu cái ý đồ “chôn Thơ mới”(?!).

2. “Tinh thần đối thoại” của “phê bình thế hệ F”

a) *Đối thoại về “cái khác”*

Ngay tên sách cũng thể hiện tinh thần mải miết đi tìm “cái khác” của phê bình thế hệ F. Trường hợp Hoàng Thụy Anh

1. Dẫn theo sách *Thế hệ nhà văn sau 1975: Diện mạo và thành tựu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016, tr.8.

với tác phẩm *Phê bình văn học và ý thức cái khác* (Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2018) là một ví dụ rõ ràng, gần nhất. Chúng tôi truy nguyên mầm mống của quan niệm về “cái khác”, rất có thể tác giả này đã ảnh hưởng người đi trước là Đỗ Lai Thúy (tác giả của *Thơ như là mỹ học của cái khác*). Nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy có cách lập luận của riêng mình chưa hẳn đã thuyết phục giới nghiên cứu, lý luận, phê bình: “Mỹ học tiền hiện đại là *mỹ học của cái đẹp* (...). Mỹ học hiện đại là *mỹ học của siêu tuyệt* (...). Mỹ học hậu hiện đại là *mỹ học của cái khác* (...). Đây là mỹ học *trò chơi*, trò chơi ngôn ngữ”¹. Trong Hội nghị Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức năm 2016 tại Tam Đảo (Vĩnh Phúc), nhà thơ Hữu Thỉnh - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam - có nêu một ý kiến được nhiều người quan tâm, tán thành: “cái khác nào cuối cùng cũng không ra ngoài phên giậu của cái dân tộc - nhân văn - nghệ thuật, lại càng không ra ngoài quỹ đạo chân - thiện - mỹ”. Trong tập tiểu luận phê bình của Hoàng Thụy Anh, người đọc thấy tác giả say sưa với “Những khu vực văn học ngoại biên” và ý thức ngoại biên của Phan Tuấn Anh. Thực ra thì cuộc đối thoại về “trung tâm” và “ngoại biên”, theo chúng tôi, không phải là vấn đề hàng đầu/trọng tâm/quan thiết/sống còn của toàn bộ nền văn học dân tộc thời hiện đại/đương đại. Nếu say sưa với “ngoại biên” thì vô tình hay hữu ý nhà văn sẽ kéo văn chương xa rời đời sống của nhân dân, cuối cùng chỉ còn là những bần sao của các “tự ngã”. Khi bàn về văn chương trẻ,

1. *Thế hệ nhà văn sau 1975: Diện mạo và thành tựu*, Sđd, tr.27-28.

tôi ghi nhớ một ý của nhà thơ Hữu Thỉnh: “Văn trẻ giỏi thêu thùa bẩn thân nhưng kém vá may cho người”. Các giá trị trở thành cổ điển của văn chương Việt Nam mươi thế kỷ (X-XX) không dính dáng gì đến/hoàn toàn xa lạ/không liên đới mấy may với cái gọi là “trung tâm” hay “ngoại biên”. Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ,... chắc chắn không sáng tác theo cảm hứng/tâm thế “ngoại biên” hay “phi trung tâm”.

Vấn đề đặt ra là “cái khác” có đồng nghĩa với “cái mới”? Lẽ thông thường, cái mới tạo nên giá trị mới, còn “cái khác” lại chỉ đồng nghĩa với “cái lạ” (đánh mạnh vào tâm lý/thị hiếu ham thanh chuộng lạ của con người). Chẳng hạn, nhà phê bình Đoàn Ánh Dương đã viết tiểu luận *Những biểu thuật hậu thực dân*: *Văn học đổi mới như là di sản hậu thuộc*¹. Trong mở đầu *Nơi con đường bắt đầu*, tác giả viết: “Đọc văn học Việt Nam hiện đại từ điểm nhìn hiện tại, theo đó, dù khuôn gọn đến mấy trong phạm vi nghệ thuật, vẫn khó tách rời các can hệ về mặt xã hội, văn hóa và lịch sử của một dân tộc đã nếm trải rõ rệt quá trình thực dân hóa, và đang phải chứng nghiệm những di sản hậu thực dân một cách khá rõ ràng trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bởi nhà văn hôm nay, nhất là nhà văn ở các nước thế giới thứ ba, luôn được/bị đòi hỏi nhiều hơn phẩm tính của một nghệ sĩ. Họ không chỉ là nhà văn trong hệ thống văn học mà còn là trí thức trong một hệ thống văn hóa, trở thành những di chỉ

1. In trong sách *Không gian văn hóa đương đại*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2014, tr.9-32.

tiếp nối của di sản quá khứ trong suốt quá trình kiến tạo dân tộc”¹. Suốt hơn 30 năm qua, theo quan sát của chúng tôi, cũng chỉ có duy nhất một tác giả này khẳng định: “Văn học đổi mới như là di sản hậu thuộc”. Đó là “cái khác” chẳng? Tiến xa hơn, anh khẳng định: “Tuy nhiên, phải đến nhóm Mở Miệng thì tính chất của trí thức mang biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc (nationalism) mới thể hiện rõ nét”². Đến đây thì tất cả chúng ta thầm thía “cái khác” trong quan niệm viết phê bình của thế hệ F. Về vấn đề tiếp thu lý luận “hậu thực dân” mà tác giả trẻ này hăng hái đặt ra, theo chúng tôi cần tham khảo ý kiến của nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Văn Dân: “Gần đây chúng tôi thấy ở Việt Nam người ta bắt đầu nói đến “triển vọng của nghiên cứu hậu thực dân trong văn học”. Song, thực tế là vấn đề văn học hậu thực dân trên thế giới đã xuất hiện ở (và đối với) những nước thuộc địa cũ của Pháp, Anh và Mỹ, đó là những nước vẫn còn giữ lại những thiết chế chính trị và văn hóa mẫu quốc, họ có vấn đề về mâu thuẫn giữa thiết chế với bản sắc dân tộc, có vấn đề tìm lại bản sắc dân tộc sau chế độ thực dân, bởi lẽ các nước đó sau khi độc lập vẫn nằm trong Liên hiệp Pháp hay trong khối Thịnh vượng chung của Anh. Như vậy, theo các nhà nghiên cứu, không phải tất cả những nước đã qua giai đoạn thuộc địa đều có vấn đề về hậu thực dân... Tương tự, Việt Nam đã giành được độc lập bằng cuộc cách mạng dân chủ, thiết lập một chế độ mới với những thiết chế chính trị và văn hóa mới hoàn toàn. Do đó, cũng giống như

1, 2. In trong sách *Không gian văn hóa đương đại*, Sđd, tr.6, 31.

Hoa Kỳ, Việt Nam hoàn toàn không có vấn đề hậu thực dân”¹. Theo chúng tôi, “cái khác” ngày càng xa “cái đúng” (“sức mạnh của cái đúng”).

Tuy nhiên, cũng phải công bằng khi luận bàn về “tinh thần đối thoại” của phê bình thế hệ F qua một số trường hợp ở đó sự viết/dối thoại có biệt sắc, có giới hạn, có khả năng đóng góp như Lê Hồ Quang với *Âm thanh của tưởng tượng: Phê bình thơ Việt Nam hiện đại* (Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2015), Hoàng Đăng Khoa với *Song hành & đối thoại* (Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2018); Phùng Gia Thế với *Văn học Việt Nam sau 1986 - Phê bình đối thoại: Tiểu luận - Phê bình* (Nhà xuất bản Văn học, 2016), Nguyễn Thanh Tâm với *Giới hạn của những huyền thoại: Phê bình văn học* (Nhà xuất bản Văn học, 2017). Người đọc quý cái đức tính khiêm tốn của tác giả Nguyễn Thanh Tâm khi anh thảng thắn: “Giới hạn hàm chứa dự phỏng về một không gian khác phía bên kia. Bởi vậy, cần phải mang ơn giới hạn vì những giục giã mà nó gợi lên, cũng như cuốn sách này, mang ơn những ai đã đọc, đã nhận thấy và chỉ ra giới hạn của nó”. Tác phẩm này đã được nhận tặng thưởng năm 2017 của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương. Tinh thần đối thoại, theo chúng tôi, thể hiện khá độc đáo/nề nếp trong tác phẩm nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 2016 *Âm thanh của tưởng tượng: Phê bình thơ Việt Nam hiện đại* của Lê Hồ Quang. Lối viết của tác giả, theo tôi, tuy đầy tính chất “khiêu khích” nhưng sẵn sàng đối thoại trên tinh thần khoa học, công bằng và thể tất. Ví dụ, phê bình *Nghệ thuật của sự*

1. Báo *Văn nghệ* số 33, ra ngày 17/8/2019.

đơn giản (*Đọc Gửi VB của Phan Thị Vàng Anh*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2006), tác giả dẫn lại bài *Tập làm thơ* (đứng cuối tập) của Phan Thị Vàng Anh: “Tôi có tài, tôi có tài, tôi có tài/Chẳng bao giờ đến mức “tai một vần”/Đã cố cầu kỳ hết những dòng trên, giờ thì buồn ngủ/Nhai cái kẹo lạc dính hai hàm rằng chẳng muốn/mở miệng ngáp một lần”. Lê Hồ Quang viết: “Ai đó có thể nghĩ rằng đấy là một cách ứng xử không nghiêm túc với thơ ca. Nhưng tại sao chúng ta lại không thể nghĩ rằng đấy là một sự lựa chọn có ý thức của người viết? Thơ ca có nhiều con đường để tồn tại và đơn giản, hiểu theo nghĩa là sự tiết chế cao độ những dễ dãi cảm xúc và những bóng bẩy, du dương sáo ngẫu, để có thể diễn tả tiếng nói nội tâm một cách thẳng thắn, công khai và thành thực, thì tại sao không? (...). Với tôi, *Gửi VB* là tập thơ để lại nhiều ấn tượng thú vị và tôi cho rằng, sự đơn giản của nó không chỉ là đơn giản, mà đúng hơn, đó là nghệ thuật của cái đơn giản trong cuộc sống, trong sự sáng tạo”¹. Có lẽ, chúng tôi nghĩ, tác giả muốn nhấn mạnh, qua cách viết của mình, một tiên đề “cái đẹp là sự giản dị”.

b) *Đối thoại về phương pháp phê bình*

Đối thoại về phương pháp phê bình đang rộ lên như một cuộc thi đua các phương pháp phê bình “phi truyền thống” (thực chất là “nhập khẩu”, “nhập siêu”) như Phê bình phân tâm học, Phê bình ký hiệu học, Phê bình sinh thái học, Phê bình hậu hiện đại,... để đối trọng với phê bình truyền thống

1. Lê Hồ Quang: *Âm thanh của tưởng tượng: Phê bình thơ Việt Nam hiện đại*, Sđd, tr.233.

như Phê bình ấn tượng, Phê bình xã hội học, Phê bình tiểu sử, Phê bình mácxít,... Thiết nghĩ, mỗi phương pháp đều có hạn chế cũng như khả thủ của nó. Gần nhất, một tác giả có kinh nghiệm trường văn trận bút đã tung ra một cuốn sách về phê bình ký hiệu học. Khi vận dụng phương pháp này vào khảo cứu văn chương trên cơ sở “thực tiễn tinh hoa” đã lộ ra những bất cập đáng tiếc. Một tác giả khác thì “trói voi bỏ rọ”, “nhốt” từ Hồ Xuân Hương đến Hoàng Cầm (cách nhau mấy trăm năm) vào cái gọi là “libido” (dục năng). Những luận cứ/luận giải thực sự ít thuyết phục người đọc vì tác giả quan tâm, đề cao “cái khác” một cách cực đoan.

Vậy còn phê bình thế hệ F, họ say mê phương pháp nào? Nếu theo dõi đời sống văn chương đương đại thì không khó nhận thấy đang có một “cơn sốt nhẹ” về Phê bình phân tâm học, Phê bình ký hiệu học, Phê bình hậu hiện đại, đặc biệt hấp dẫn là Phê bình sinh thái. Có hẳn cuốn sách *Phê bình sinh thái là gì?* (Hoàng Tố Mai (Chủ biên), Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2017). Đây là công trình dịch và tổng thuật tập thể. Một tài liệu tham khảo cần thiết cho giới nghiên cứu lý luận, phê bình văn học nước nhà, xét từ một khía cạnh và mức độ nào đó. Có hẳn một Hội thảo khoa học quốc tế *Phê bình sinh thái: Tiếng nói bản địa, tiếng nói toàn cầu* do Viện Văn học (Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) tổ chức tại Hà Nội, ngày 14/12/2017, với hơn 100 tham luận của các tác giả trong nước và quốc tế. Những luận văn ở các trường đại học, viện nghiên cứu đã rục rịch và khai thác tăng dần hai chữ “sinh thái”. Đó là tâm lý sợ tụt hậu, sợ mang tiếng “éch ngồi đáy giếng”. Nhưng có hẳn một công trình riêng dành cho phê bình sinh thái, thì quả thật còn hiếm hoi, như

Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương (Phê bình sinh thái) của Tiến sĩ Nguyễn Thị Tịnh Thy, do Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành (2017). Trong 4 chương của sách, 3 chương luận chung về phê bình sinh thái, 1 chương “Thực hành nghiên cứu”. Nhưng các tác giả được “chạm” đến thì chỉ có 2 nhà văn Việt Nam, còn lại là các nhà văn nước ngoài (Trung Quốc nhiều hơn cả). Trong *Lời giới thiệu* “Phê bình sinh thái ở Việt Nam: quen mà lạ”, nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy nhiệt tình cổ xúy: “Thuộc hệ hình phê bình hậu hiện đại, phê bình sinh thái đã góp phần giải phóng phê bình văn học Việt Nam hiện hành thoát khỏi sự cầm tù của văn bản, tức phê bình nội quan hiện đại chủ nghĩa, tiếp cận tác phẩm từ văn bản, để đến với lối tiếp cận tác phẩm từ người đọc, tức phê bình nội - ngoại quan, chuyển từ văn học sang văn hóa”¹. Chúng tôi muốn đổi thoại với ông Đỗ Lai Thúy rằng, chưa bao giờ phê bình bám chặt văn bản lại không có cơ sở để gia tăng hàm lượng văn hóa, lại không có cơ sở để chuyển từ văn học sang văn hóa (văn chương là nghệ thuật ngôn từ). Chúng tôi cũng có gửi gắm niềm tin, hy vọng, khi tác giả công trình *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương* viết: “phê bình sinh thái đã phần nào làm thay đổi thái độ của nhân loại với tự nhiên thông qua lý thuyết của mình”². Chưa từng có một phương pháp phê bình nào lại có sức mạnh vô song như thế trong lịch sử văn chương nhân loại từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây.

1, 2. Nguyễn Thị Tịnh Thy: *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.7, 16.

Tác giả Trần Thị Ánh Nguyệt trong tiểu luận *Văn xuôi Việt Nam sau đổi mới từ gợi dẫn của phê bình sinh thái nữ quyền* đã vận dụng phương pháp phê bình kép sinh thái - nữ quyền để đi tới nhận định: “Hành trình bóc lột tự nhiên gắn liền với hành trình bóc lột phụ nữ (...). Phê bình sinh thái nữ quyền có sự giao cắt với chính trị, điều đó khiến cho phê bình sinh thái thực sự nhạy cảm với các vấn đề thời sự. Đó là lý do vì sao phê bình sinh thái bắt nhịp được với những vấn đề của xã hội Việt Nam đương đại”¹. Theo cách diễn đạt của tác giả thì phê bình sinh thái là “bảo bối”, là “vạn năng”, là “mắt thần”. Nhưng thực tiễn chứng minh không như thế. Vì sao có sự khập khiễng giữa lý thuyết và thực tiễn? Theo chúng tôi, quan điểm của nhà nghiên cứu văn học Nguyễn Văn Dân là khá thuyết phục. Trong tiểu luận văn học *Tình hình tiếp thu lý luận, phê bình văn học nước ngoài hiện nay*², ông đã chỉ ra tình trạng: 1. Chưa chú ý đầy đủ đến tính khả dụng của lý thuyết; 2. Tình trạng sai biệt trong tiếp thu lý thuyết; 3. Tình trạng thiếu cân nhắc trong tiếp thu. Về phê bình sinh thái, tác giả nhấn mạnh: “Tình trạng sai biệt cũng xảy ra với việc tiếp nhận lý thuyết phê bình sinh thái nói chung và phê bình sinh thái tinh thần nói riêng. Hiện nay ở Việt Nam, một số người đã tiếp thu một quan niệm của Trung Quốc cho rằng: Sinh thái học văn học, ngoài xu hướng nghiên cứu mối quan hệ giữa sinh thái (môi trường tự nhiên với văn học), còn

1. Trần Thị Ánh Nguyệt: “Văn xuôi Việt Nam sau đổi mới từ gợi dẫn của phê bình sinh thái nữ quyền”, in trong sách *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2016) - Sáng tạo và tiếp nhận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2017, tr.320-321.

2. Báo *Văn nghệ*, số 33, ra ngày 17/8/2019.

có xu hướng nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học với môi trường văn hóa tinh thần - xã hội như là một vấn đề sinh thái. Nhưng thực sự đây có đúng là phê bình sinh thái tinh thần không?”.

c) Đối thoại về “trò chơi” và lối viết

Tác giả Thái Phan Vàng Anh xác quyết: “Một trong số các lý thuyết văn học tác động mạnh mẽ đến tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI là lý thuyết hậu hiện đại (...) Không còn “phương pháp sáng tác”, “nguyên tắc xây dựng nhân vật”, hệ thống “thi pháp” như là những “chuẩn mực” trong việc “tái hiện” thế giới; với lý thuyết hậu hiện đại văn học được xem như trò chơi của ngôn ngữ, nơi cả nhà văn lẫn nhà phê bình tập trung hướng đến những khoái cảm do nghệ thuật ngôn từ mang lại hơn là “tính mục đích” trong sáng tạo/phê bình văn chương”¹. Có người nhận xét hơi quá, đó là “phương pháp thả rông” (!?). Cách đây chưa lâu, một nhà văn nữ đã hùng hồn tuyên bố: “Văn chương là một trò chơi vô tăm tích”. Gần đây, luận điểm coi văn học như là trò chơi ngôn từ đã đi vào các luận văn, luận án như một thứ thời thượng/thời trang (à la mode); ví dụ như đề tài Luận án tiến sĩ của Trần Ngọc Hiếu *Lý thuyết trò chơi và một số hiện tượng thơ Việt Nam đương đại*. Trong tác phẩm của mình, Thái Phan Vàng Anh dành riêng phần 3 (97 trang) để chỉ say sưa viết về “Trò chơi và lối viết”, trong đó mục II/33 trang (Chối bỏ đại tự sự và nguyên tắc trò chơi) được coi như là điểm nhấn/thăng hoa

1. Lời nói đầu, in trong sách *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI - Lạ hóa một cuộc chơi*, Nxb. Đại học Huế, Huế, 2017, tr.7-8.

của sự viết. Tất nhiên đây không phải là phát kiến của tác giả, chỉ là mượn ý của M. Kundera¹ khi ông cho rằng tiểu thuyết là “tiếng gọi của trò chơi”. Trong lý thuyết trò chơi, tác giả nhấn mạnh hơn cả đến “trò chơi mặt nạ tác giả” (“mặt nạ tác giả” gắn với cái gọi là “bất tín nhận thức”). Chúng tôi thấy, một tác giả 8x mà lặn ngụp sâu như thế vào những mê cung của “hậu hiện đại” thì quả thực vất vả và không biết hiệu quả có bù đắp xứng đáng cho những nỗ lực vô tận? Một tác giả trẻ khác - Hoàng Cẩm Giang - trong công trình *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI - Cấu trúc và khuynh hướng* (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015) cũng say sưa với “Tiểu thuyết như là trò chơi của tự sự và ngôn từ (mục 2, chương 9). Từ/thuật ngữ “trò chơi” xuất hiện dày đặc trong các tiểu luận *Yếu tố trò chơi trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 (trường hợp Tưởng tượng và dấu vết của Uông Triệu)* của Nguyễn Văn Hùng (in trong sách *Văn học Việt Nam ba mươi năm đổi mới (1986-2016) - Sáng tạo và tiếp nhận*), *Tiểu thuyết Tạ Duy Anh và trò chơi thể loại* của Trần Viết Thiện (*Thế hệ nhà văn sau 1975 - Diện mạo và thành tựu*).... Gắn văn chương với “trò chơi” thì theo chúng tôi, đến một ngày nào đó giống các “game show” trên truyền hình, phải thay món liên tục nếu không khán giả sẽ chán, bỏ xem.

Dân gian có câu “cũ người mới ta”. Việc tiếp nhận và vận dụng lý thuyết của thế giới là một công việc cần thiết đối với nhà khoa học trong quá trình tác nghiệp. Nhưng tiếp biến (vận dụng sáng tạo) như thế nào lại là cả một vấn đề không

1. Milan Kudera sinh năm 1929, tại Cộng hòa Czech, ông được coi là một “hiện tượng văn chương khác thường” của thế kỷ XX.

hết đơn giản và dễ dàng. Không thể gò ép, thậm chí khiêm cõng vận dụng “phê bình sinh thái” để viết *Sáng tác của Ngọc Giao từ góc nhìn phê bình sinh thái*¹. Vũ Ngọc Phan, tác giả của công trình đồ sộ *Nhà văn hiện đại* (quyển Thượng, quyển Hạ, 1942-1945) ngày ấy, chỉ giới thiệu tác giả Ngọc Giao (1911-1997) một cách giản dị. Cứ theo đà này thì tất cả nhà văn Việt Nam và tác phẩm của họ đều có thể tiếp cận từ “phê bình sinh thái”, “hậu hiện đại”, “hậu thực dân”, “phân tâm học”, “ký hiệu học” (!?).

Liệu có thể coi “thế hệ F” với đúng nghĩa là một thế hệ phê bình, dẫu họ cố gắng một cách có ý thức về “cái khác”, dẫu họ cố gắng làm chủ các lý thuyết phê bình “ngoại nhập”, dẫu số lượng tác phẩm của họ được xuất bản là không ít? Thiết nghĩ, một thế hệ mới xuất hiện phải tạo nên được cái mới/giá trị mới. Nghiêm túc, công bằng mà nói đội ngũ 7x, 8x và cả 9x nếu có đóng góp vào nền phê bình nước nhà hiện nay chính là ở chỗ họ bổ sung lực lượng đồng đảo (trẻ, khỏe, nhiệt huyết), có sản phẩm kịp thời. Nhưng số lượng (nhân lực, vật lực) dẫu tăng có thể vẫn không dẫn đến chất lượng mới/giá trị mới theo quy luật “nghệ thuật sáng tạo cái mới”.

1. Lê Tú Anh: *Văn xuôi Việt Nam hiện đại - Khảo cứu và suy ngẫm: Tiểu luận - phê bình*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, tr.258-273.

CÁC CÂY BÚT LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH NỮ THẾ HỆ THỨ BA

PGS.TS. NGUYỄN BÍCH THU

Tôi tạm gọi sự hiện diện khá đông đảo các cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình nữ vào những năm đầu của thế kỷ XXI là thế hệ thứ ba sau thế hệ thứ nhất gồm các “đàn chị”: Thiếu Mai, Ngọc Trai, Vân Thanh, Lê Thị Đức Hạnh, Đặng Anh Đào,...; và thế hệ thứ hai: Mai Hương, Tôn Phương Lan, Nguyễn Thị Minh Thái, Bích Thu, Lý Hoài Thu, Lưu Khánh Thơ, Tôn Thảo Miên, Lê Dục Tú, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Trần Thị Trâm, Trần Thị Việt Trung, Hỏa Diệu Thúy, Lê Thị Bích Hồng..., là “làn sóng” 7x, 8x với những Cao Thị Hồng, Hoàng Thị Huế, Trần Huyền Sâm, Nguyễn Thị Tịnh Thy, Trần Thị Mai Nhân, Lê Hồ Quang, Mai Thị Liên Giang, Lê Tú Anh, Hoàng Thụy Anh, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thy Lan, Cao Kim Lan, Hoàng Cẩm Giang, Thái Phan Vàng Anh, Đỗ Thị Thu Huyền, Diêu Lan Phương, Thanh Tâm Nguyễn, Lương Kim Phương, Hoàng Thu Hậu, Trần Hoàng Thiên Kim, Đỗ Hải Ninh, Lê Hương Thủy... Một thế hệ trẻ có tuổi đời cách xa hai thế hệ “đàn chị” nhưng đã có những đóng góp đáng kể đối với đời sống văn học nói chung và nghiên cứu, lý luận, phê bình nói riêng trong bối cảnh đổi mới và hội nhập văn

hóa thế giới hiện nay. Các cây bút lý luận, phê bình thế hệ thứ ba đều được đào tạo bài bản ở các trường đại học, các viện nghiên cứu, hầu hết đạt trình độ học vị thạc sĩ, tiến sĩ, đều đã xác định dấn thân vào con đường học thuật, nghiên cứu, lý luận, phê bình là hết sức nhọc nhằn, chỉ có yêu nghề, sống chết vì nó mới có thể trụ được trong thời buổi kinh tế thị trường, văn hóa nghe nhìn đang ngày càng lấn lướt, bao sân. Ai sẽ là người đọc các sáng tác văn chương, rồi nữa, ai sẽ là độc giả của thể loại lý luận, nghiên cứu, phê bình, các chuyên luận, tiểu luận phê bình? Biết vậy nhưng đã mang lấy nghiệp vào thân, thế hệ phê bình, nghiên cứu nữ đương đại vẫn đứng vững trên địa hạt khó nhằn mà họ đã chọn, vẫn ngày đêm vật lộn, phiêu lưu và tạo sinh cùng con chữ bằng tâm huyết và niềm đam mê thánh thiện của mình. Có thể nói, đội ngũ các cây bút nghiên cứu, phê bình nữ hôm nay đã góp phần làm phong phú và tươi mới hơn lực lượng lý luận, phê bình của giới nữ nói riêng và đội hình nghiên cứu phê bình cả nước nói chung. Đội ngũ phê bình nữ đã không chịu khu trú một nơi như trước đây mà hợp lưu từ nhiều vùng miền: từ Trung ương đến địa phương, từ viện nghiên cứu, các trường đại học đến các cơ sở văn học, nghệ thuật các địa bàn. Bản đồ văn chương mà trong đó có loại hình nghiên cứu, lý luận, phê bình đã tỏa nhánh từ Nam ra Bắc, thật sự đã gây ấn tượng và tạo tin cậy với cả giới sáng tác và lý luận, phê bình, vì cả hai lĩnh vực đều cần đồng hành, giao lưu và tác động đến nhau.

Một đội ngũ nhìn từ số lượng khá hùng hậu như vậy có tỷ lệ thuận với các công trình, các sản phẩm tinh thần của họ? Từ cái nhìn của một đồng nghiệp cùng giới, tôi cảm phục sự

tinh nhạy, cập nhật những vấn đề nóng về lý thuyết và thực tiễn sáng tác văn chương của những nữ nghiên cứu, phê bình đã sống và chứng kiến những hiện tượng văn chương cùng thời, từng bước hội nhập với quỹ đạo văn chương mang tính toàn cầu hóa hiện nay. Hàng loạt công trình, chuyên luận, tiểu luận phê bình của các tác giả nữ thế hệ thứ ba ra mắt công chúng, ít nhiều “khuấy động” đời sống phê bình, lý luận trong những năm đầu thế kỷ XXI: *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương* (Nguyễn Thị Tịnh Thy); *Nữ quyền luận ở Pháp và tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại*, *Tiểu thuyết phương Tây hiện đại và các hướng tiếp cận* (Trần Huyền Sâm); *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI - Lạ hóa một cuộc chơi* (Thái Phan Vàng Anh); *Một chặng đường đổi mới lý luận văn học Việt Nam*, *Lý luận, phê bình văn học - đổi mới và sáng tạo*, *Lý luận phê bình văn học - Một góc nhìn mới* (Cao Thị Hồng); *Thơ mới nhìn từ quan hệ văn hóa, văn học*, *Ba chiều cạnh của phê bình* (Hoàng Thị Huệ); *Tác giả hàm ẩn trong tu từ học tiểu thuyết* (Cao Kim Lan); *Âm thanh của tưởng tượng* (Lê Hồ Quang); *Trường ca Việt Nam hiện đại - diễn trình và thi pháp* (Diêu Lan Phương); *Những đổi mới của tiểu thuyết Việt Nam trong 15 năm cuối thế kỷ XX* (Trần Thị Mai Nhân); *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI cấu trúc và khuynh hướng* (Hoàng Cẩm Giang); *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1945* (Nguyễn Thị Tuyết Minh); *Hình tượng văn học như là ký hiệu* (Mai Thị Hồng Tuyết); *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930*, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại - Khảo cứu và suy ngẫm* (Lê Tú Anh); *Thơ trẻ Việt Nam 1965-1975: Khuôn mặt cái tôi trữ tình* (Bùi Bích Hạnh); *Bí mật tuổi trăng non* (Thanh Tâm Nguyễn); *Nỗi niềm giảng mắng*,

Dòng sông thao thiết, Mạch nguồn tri âm (Nguyễn Thị Bình); *Thơ Hoàng Vũ Thuật - nhìn từ thi pháp học của Roman Jakobson, Bản xo-nát thi ca, Tiếng vọng đa thanh, Phê bình văn học và ý thức về cái khác* (Hoàng Thụy Anh); *Mạch ngầm con chữ, Những cánh đồng mang gương mặt người* (Thy Lan); *An trú miền đọc* (Mai Thị Liên Giang); *Thơ dân tộc Tày sau năm 1975, Văn học chiến tranh từ góc nhìn thể loại* (Đỗ Thị Thu Huyền); *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam, Cuộc phiêu lưu con chữ* (Hoàng Thu Hậu); *Tái sinh trong ánh sáng* (Lương Kim Phương)... Có thể tôi chưa điểm mặt đầy đủ các tập sách chuyên ngành nghiên cứu, lý luận, phê bình của các tác giả nữ nhưng mới chỉ đọc nhan đề, tên sách kể trên đã thấy nổi cộm những vấn đề bức thiết trong đời sống văn chương và học thuật mà các chủ thể viết đã dày công tìm hiểu, nghiên cứu, đối thoại, giải bày. Các cây bút cùng trang lứa này may mắn được đào tạo và làm việc trong một không gian được “chuyên môn hóa”, vừa tiếp thu các lý thuyết mới của nước ngoài, vừa bắt nhanh với thực tiễn sáng tác đương đại, với cái nhìn tinh nhạy, với cách diễn ngôn của thế hệ phê bình hôm nay đã nhanh chóng hòa nhịp vào đời sống học thuật và phê bình văn chương đương đại. Các tập sách nói trên đã tiếp cận đối tượng nghiên cứu theo các góc nhìn khác nhau, mở ra các khuynh hướng, ngã rẽ phù hợp và thích nghi với lĩnh vực nghiên cứu chuyên biệt, thể hiện bản lĩnh của từng cây bút.

Có những chủ thể viết đã nỗ lực tiếp thu lý thuyết nước ngoài, nắm vững quan niệm, thuật ngữ, khái niệm của các khuynh hướng phê bình để “hòa thân vào thực hành phê bình tác phẩm” được đánh giá cao như trường hợp của

Nguyễn Thị Tịnh Thy trong chuyên luận phê bình sinh thái dày dặn, công phu với mong muốn “thể hiện sự hồi đáp của khoa học văn chương đối với tiếng kêu cứu của môi trường sinh thái” (*Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*), của Trần Huyền Sâm với ý tưởng vận dụng lý thuyết phê bình nữ quyền làm rõ đặc trưng của lối viết nữ giới trong tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại (*Nữ quyền luận ở Pháp và tiểu thuyết nữ Việt Nam đương đại*), của Hoàng Thụy Anh với việc vận dụng một cách nhạy cảm và thuyết phục thi pháp học của Roman Jakobson vào thơ Hoàng Vũ Thuật (*Thơ Hoàng Vũ Thuật nhìn từ thi pháp học của Roman Jakobson*), của Mai Thị Hồng Tuyết đã tiếp cận lý thuyết ký hiệu học nhằm ghi nhận sáng tác văn học cùng các yếu tố, các bộ phận hợp thành nhiều cấp độ của nó là những hệ thống ký hiệu, những cấu trúc biểu nghĩa được sử dụng trong giao tiếp mà văn học là hình thức giao tiếp đặc biệt giữa người với người (*Hình tượng văn học như là ký hiệu*), của Thái Phan Vàng Anh trong việc tiếp nhận lý thuyết trò chơi đặt trong hoàn cảnh hậu hiện đại và tiểu thuyết cách tân đầu thế kỷ XXI mang tâm thức hậu hiện đại (*Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI - Lạ hóa một cuộc chơi*).

Một hướng tiếp cận thu hút sự quan tâm của một số cây bút phê bình nữ là đi sâu vào thực tiễn sáng tác từ góc nhìn thể loại. Theo M. Bakhtin¹: “Đằng sau cái mặt ngoài sắc sỡ và đầy tạp âm ồn ào của tiến trình văn học, người ta không

1. M. Bakhtin (1895-1975): Nhà triết học, mỹ học, văn hóa học và nghiên cứu văn học lỗi lạc người Nga thế kỷ XX.

nhìn thấy vận mệnh to lớn và cơ bản của văn học và ngôn ngữ, mà những nhân vật chính nơi đây trước hết là các thể loại, còn trào lưu, trường phái chỉ là những nhân vật hạng nhì và hạng ba”¹. Trong quá trình học tập và nghiên cứu, một số cây bút đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ về các loại hình văn học: văn xuôi, thơ, và trong văn xuôi tập trung vào thể loại tiểu thuyết, được coi là “máy cái” của một nền văn học. Có thể kể đến công trình của Lê Tú Anh về văn xuôi và đặc biệt về tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XX, “những quả đầu mùa” của tiểu thuyết hiện đại, báo hiệu sự nở rộ của tiểu thuyết trong những chặng đường tiếp theo của nền văn chương nước nhà (*Văn xuôi Việt Nam hiện đại - Khảo cứu và suy ngâm*). Tiếp theo đó là những chuyên luận khám phá thế giới tiểu thuyết ở những chặng đường của văn học thời kỳ đổi mới với những cách tiếp cận khác nhau nhưng đều gặp gỡ ở sự khẳng định tiểu thuyết luôn đóng vai trò chính, là “nhân vật chính” trong bức tranh thể loại trên tiến trình đổi mới và hiện đại hóa văn học dân tộc: *Những đổi mới của tiểu thuyết Việt Nam trong 15 năm cuối thế kỷ XX* (Trần Thị Mai Nhân), *Tiểu thuyết Việt Nam đầu thế kỷ XXI - Cấu trúc và khuynh hướng* (Hoàng Cẩm Giang), *Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1945* (Nguyễn Thị Tuyết Minh), *Tác giả hàm ẩn trong tu từ học tiểu thuyết* (Cao Kim Lan), *Nghệ thuật nghịch dị trong tiểu thuyết Việt Nam* (Huỳnh Thu Hậu), *Tiểu thuyết phương Tây hiện đại và các hướng tiếp cận* (Trần Huyền Sâm).

1. Dẫn theo Bùi Việt Thắng: *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2019, tr.16.

Bên cạnh đó là những tập chuyên luận, tiểu luận về thơ mang tính mới, kết hợp hài hòa giữa học thuật và cảm thụ, khẳng định thành tựu của thơ ca, một thể loại ẩn chứa “tự tình của cái đẹp” trong *Thơ mới nhìn từ quan hệ văn hóa và văn học* (Hoàng Thị Huệ), *Trường ca Việt Nam hiện đại - diễn trình và thi pháp* (Diêu Lan Phương), *Thơ trẻ Việt Nam 1965-1975: khuôn mặt cái tôi trữ tình* (Bùi Bích Hạnh), *Thơ dân tộc Tày sau 1975* (Đỗ Thị Thu Huyền), *Âm thanh của tưởng tượng* (Lê Hồ Quang), *Bản xo-nat thi ca* (Hoàng Thụy Anh), *Thơ nữ Việt Nam hiện đại (từ thế kỷ XX đến nay)* (Trần Hoàng Thiên Kim). Các cây bút lý luận, phê bình nữ cũng đã thể hiện sự chuyên sâu với đối tượng theo đuổi, là nữ giới nhưng không ngại ngần dấn bước vào lĩnh vực lý luận từ sau đổi mới đến nay như *Lý luận, phê bình văn học đổi mới và sáng tạo; Lý luận, phê bình văn học một góc nhìn mới* của Cao Thị Hồng. Và dường như là nữ giới có ưu thế đi sâu khám phá một vấn đề khá mới mẻ và nhạy cảm ở lứa tuổi “teen”, là những thoảng cảm giác tính đầu đời đầy tế nhị mà trong trẻo biểu hiện trong văn học thiếu nhi qua chuyên luận phê bình văn học *Bí mật tuổi trăng non* (Thanh Tâm Nguyễn).

Trong sự gặp gỡ của các cây bút lý luận, phê bình, không thể không nói tới những tập tiểu luận phê bình của các cây bút ở các địa bàn Đà Nẵng, Huế, Quảng Bình, Vinh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Hải Phòng và Hà Nội. Điều đáng nói ở đây, cho dù ở xa các trung tâm văn học, nghệ thuật nhưng với sự tự trau dồi vốn tri thức văn hóa, lý thuyết văn học cùng sự bám sát thực tiễn sáng tác ở địa phương cũng như Trung ương nên tên tuổi và các tập tiểu

luận của các cây bút phê bình nữ không nằm ở vị trí “bên lề”, “ngoại vi” mà càng ngày càng tiệm cận vào vị trí trung tâm, thu hút sự quan tâm và thiện cảm của bạn đọc với tư thế chuyên nghiệp nơi họ. Đó là những tập tiểu luận - phê bình: *Nỗi niềm giảng mắng*, *Dòng sông thao thiết*, *Mạch nguồn tri âm* (Nguyễn Thị Bình), *Mạch ngầm con chữ*, *Những cánh đồng mang gương mặt người* (Thy Lan), *Ba chiều cạnh của phê bình* (Hoàng Thị Huế), *Tiếng vọng đa thanh*, *Phê bình văn học & ý thức cái khác* (Hoàng Thụy Anh), *Cuộc phiêu lưu của chữ* (Huỳnh Thu Hậu), *An trú miền đọc* (Mai Thị liên Giang), *Văn học chiến tranh từ góc nhìn thể loại* (Đỗ Thị Thu Huyền), *Tái sinh trong ánh sáng* (Lương Kim Phương)... Những tập tiểu luận - phê bình kể trên đã hệ thống và tập hợp trong đó các bài viết về những tác giả và tác phẩm đương đại tiêu biểu hay mới xuất hiện trong địa hạt văn chương ở các thể loại văn xuôi, thơ, lý luận - phê bình. Và trên từng trang viết, người đọc may mắn được làm quen và tiếp nhận vào “bộ nhớ” một số cây bút mới xuất hiện ở các vùng miền, các nẻo đường sáng tác văn chương cũng như đồng cảm và chia sẻ với một số cách nhìn khác và lạ về sáng tác của những nhà văn đã định vị tên tuổi trong đời sống văn chương hôm nay, phần nào xóa bỏ “khoảng cách sử thi” giữa người sáng tác, người nghiên cứu, phê bình và người đọc.

Có thể nói, bên cạnh các cây bút lý luận, phê bình nam thế hệ thứ ba: Phạm Duy Nghĩa, Phùng Gia Thế, Phạm Xuân Thạch, Hoài Nam, Đoàn Ánh Dương, Trần Thiện Khanh, Hoàng Đăng Khoa, Đoàn Minh Tâm, Nguyễn Thanh Tâm, Phan Tuấn Anh..., các cây bút nữ cùng thế hệ cũng

không thua kém về số lượng đội ngũ và chất lượng bài viết, công trình. Những tập tiểu luận phê bình của nữ giới xuất hiện khá nhiều vào những năm đầu thế kỷ mới đã được đón nhận và được những người làm nghề đánh giá khá công tâm. Không biết có chủ quan không nhưng về khám phá cái mới và đầy bản lĩnh khi vận dụng lý thuyết nước ngoài vào thực tiễn nghiên cứu văn học Việt Nam thì có vẻ nghiêng về phái nữ với các tập chuyên luận, tiểu luận - phê bình ít nhiều gây “sốc”, thậm chí gây ngạc nhiên và cảm phục trong cộng đồng của Nguyễn Thị Tịnh Thy, Trần Huyền Sâm, Hoàng Thụy Anh, Lê Hồ Quang, Cao Thị Hồng, Lê Tú Anh, Cao Kim Lan, Đỗ Thị Thu Huyền, Hoàng Cẩm Giang, Thy Lan, Thái Phan Vàng Anh, Thanh Tâm Nguyễn... Để phù hợp với “tặng” hay tâm lý sáng tạo của giới, các cây bút lý luận, phê bình nữ không làm “tổn thợ” mình bằng “lý thuyết chay” hay “hăm hở” vận dụng lý thuyết theo kiểu “gọt chân cho vừa giày”, mà ước lượng, đo đếm và quan sát thực tiễn sáng tác đến đâu thì vận dụng lý thuyết đến đó qua các trường hợp thực hành phê bình tác phẩm khá thỏa đáng và thuyết phục. Với *Rừng khô, suối cạn, biển độc...* và *văn chương*, nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy đã nhận xét: “Bằng những nhận định tinh tế và sắc sảo, Tịnh Thy đã làm sống động các vấn đề lý thuyết phức tạp vốn rất dễ trở thành tiêu bản, đồng thời chứng minh tính hiệu quả của lý thuyết ấy bằng những khám phá nghệ thuật mới mẻ” (Lời giới thiệu cuốn sách *Rừng khô, suối cạn, biển độc...* và *văn chương*, tr.9). Không phải dễ dàng tác giả phê bình nữ được một đồng nghiệp khác giới đánh giá cao sau khi đọc các tập sách, đặc biệt với cuốn *Phê bình văn học & ý thức cái khác* của Hoàng Thụy Anh: “Chị (Hoàng Thụy Anh -

NBT) đã thâm nhập vào ý thức cái khác từ phía trung tâm lấn ngoại biên; giải mã những biểu hiện sinh động, đa chiều của nó từ phía sáng tạo lấn tiếp nhận bằng nguồn kiến văn sâu rộng, năng lượng dồi dào, và đặc biệt bằng cái tôi mang niềm kiêu hãnh giới¹. Với tập *Âm thanh của tưởng tượng*, Lê Hồ Quang đã mở cánh cửa vào thế giới nghệ thuật thi ca hiện đại, bằng cái nhìn đầy mẫn cảm, tinh tế và sắc sảo mang tính chuyên nghiệp đã khiến người đọc “tâm phục”, và vinh dự nhận giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2015. Và ngạc nhiên sao khi nhà văn để mắt đến công trình của tác giả Lê Tú Anh đã tỏ ra đồng cảm với công sức sưu tầm, hệ thống và nghiên cứu để các tiểu thuyết từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930 được “hồi nhớ”: “Nếu không có các nhà nghiên cứu phê bình, tôi nói thật, có lẽ phần lớn các cuốn sách của nhà văn sẽ bị phủ một lớp bụi thời gian ở đâu đó và chỉ cần riêng bảng danh mục về tiểu thuyết giai đoạn 1900-1930 trong cuốn sách này đã đủ thấy yêu quý và trân trọng những nhà nghiên cứu phê bình rồi”². Không ít các cuốn sách của các tác giả lý luận, phê bình nữ đã trở thành tài liệu tham khảo cần thiết và hữu ích đối với công việc nghiên cứu và giảng dạy văn học, đặc biệt với các luận văn, luận án chuyên ngành văn học. Điều đó thể hiện uy tín cá nhân cũng như chất lượng chuyên môn của các cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình nữ thuộc thế hệ thứ ba - thế hệ đang và sẽ đứng ở vị trí chủ chốt

1. Nguyễn Văn Hùng: “Cái khác - điểm tựa phê bình của Hoàng Thụy Anh”, in trong sách *Phê bình văn học và ý thức cái khác*, Nxb. Hội Nhà văn, 2018, tr.237.

2. Uông Triều: “Những mùa đầu lòng của tiểu thuyết”, in trong sách *Văn xuôi Việt Nam hiện đại: Khảo cứu và suy ngẫm*, Sđd, tr.429.

trên các diễn đàn văn học, nghệ thuật Việt Nam đương đại trong đời sống văn học, văn hóa nói chung và lý luận, phê bình nói riêng. Lực lượng lý luận, phê bình nữ sẽ còn bổ sung, tiếp nối khi nhìn vào đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu của các trường đại học, các viện nghiên cứu, hội văn học, nghệ thuật trên phạm vi cả nước. Tôi cũng tiếc vì chưa kịp đưa vào bài viết này hai nữ phê bình: Đỗ Hải Ninh và Lê Hương Thủy của Viện Văn học bởi tập tiểu luận phê bình của họ đang hoàn thiện.

Có thể nói trong không gian văn học hôm nay, bên cạnh “khung thành đội bạn” với lực lượng khá hùng hậu của các cây bút nam là một dàn lý luận, phê bình nữ sung sức, dồi dào năng lượng sáng tạo của thế hệ thứ ba đã hợp lưu vào đời sống lý luận, phê bình của cả nước, hứa hẹn những triển vọng và hy vọng hướng tới “phía trước” của lý luận, phê bình trong bối cảnh toàn cầu hóa.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH VĂN HÓA

TS. NGUYỄN VĂN THUẤN

1. Văn học có quan hệ như thế nào với văn hóa?

Greenblatt, trong tiểu luận *Culture*, đưa ra 6 câu hỏi hữu ích để xem xét mối quan hệ giữa văn học và văn hóa:

1. Những loại hành vi văn hóa, mô hình thực hành văn hóa nào mà tác phẩm văn học đó dường như thực thi?
2. Tại sao độc giả tại một thời điểm và địa điểm cụ thể có thể thấy tác phẩm văn học đó hấp dẫn?
3. Có sự khác biệt giữa các giá trị của tôi và các giá trị tiềm ẩn trong tác phẩm văn học mà tôi đang đọc không?
4. Tác phẩm văn học đó phụ thuộc vào sự hiểu biết xã hội nào?
5. Tự do tư tưởng hoặc chuyển biến của ai có thể bị hạn chế ngầm hoặc rõ ràng bởi tác phẩm văn học này?
6. Các cấu trúc xã hội lớn hơn mà những hành động khen ngợi hoặc đổ lỗi cụ thể trong tác phẩm này có thể được kết nối là gì?¹.

1. Greenblatt Stephen: *The Greenblatt reader*, edited by Micheal Payne, Blackwell Publishing Ltd., 2005, p.12.

Từ 6 câu hỏi nêu trên, có thể gom lại thành 3 vấn đề chính liên quan đến mối quan hệ giữa văn hóa và văn học: 1- Văn hóa là bối cảnh và chất liệu của văn học, 2- Văn học là sự thực hành và sáng tạo văn hóa, 3- Văn hóa là bối cảnh và điều kiện của việc tiếp nhận, định hình và phán đoán các giá trị văn học.

a) *Văn hóa với tư cách là bối cảnh và chất liệu của văn học*

Văn học là một loại hình nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ như một phương tiện đặc thù để khám phá và thể hiện những suy ngẫm của tác giả về thế giới tự nhiên, xã hội và con người. Trong khi ngôn ngữ dựa vào bối cảnh văn hóa cụ thể để có hiệu lực thì văn học cũng phải dựa vào bối cảnh văn hóa, xã hội cụ thể để thực thi hiệu lực. Nếu ngôn ngữ được ưu tiên trên trực đồng đại, nghĩa là các bối cảnh theo chiều ngang để có được hiệu lực thì văn học cũng phụ thuộc vào các bối cảnh đồng đại. Hiệu lực của chữ Hán là không thể bàn cãi trong bối cảnh văn hóa Việt Nam trung đại nhưng trong bối cảnh văn hóa đương đại, nó chỉ còn khả năng tác động hạn hẹp trong lĩnh vực nghi lễ, tín ngưỡng. Tương tự, việc thoát khỏi bối cảnh chiến tranh sau năm 1975 khiến cho văn học viết về chiến tranh theo hình thức sử thi mất đi bối cảnh văn hóa - xã hội thích hợp, đòi hỏi sự chuyển biến trong văn học khi viết về chiến tranh. Bối cảnh văn hóa - xã hội quyết định nhà văn phải viết cái gì và viết như thế nào để đạt được hiệu lực văn học và hiệu lực văn hóa. Bởi vì, nếu không thích hợp với bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể, sáng tác của nhà văn có thể bị loại trừ, bị hiểu sai lệch hoặc đón nhận sự thờ ơ của cộng đồng văn hóa.

Văn học sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để thực hành văn học và thực hành văn hóa. Tất cả những phản ánh và suy ngẫm của tác giả về mọi thứ thể hiện trong các tác phẩm văn học đều có vốn liếng từ văn hóa, thứ của cải tinh thần và vật chất đã được cộng đồng tích lũy lâu đời, trở thành kho tàng chung của dân tộc và nhân loại. Về cơ bản, không có chất liệu ngôn ngữ và biểu tượng nào mà nhà văn sử dụng trong sáng tạo văn học lại không bắt nguồn từ văn hóa, có ý nghĩa và giá trị văn hóa. Tuy nhiên, văn nghệ sĩ là nhóm thiểu số tinh hoa có giáo dục, nghĩa là một nhóm tinh hoa văn hóa. Bởi thế, họ vừa chịu quy định của vật liệu văn hóa mà họ sử dụng, bị chi phối bởi bối cảnh văn hóa xã hội nơi mà họ thực hiện công việc sáng tạo, vừa có khả năng vượt lên và vượt ra ngoài các khuôn khổ văn hóa đang phổ biến hoặc thống trị. Nói cách khác, do nhạy cảm về mặt trí tuệ và tâm hồn, nhà văn có thể nắm lấy và sử dụng các vật liệu văn hóa còn đang ở trạng thái manh nha, thuộc về các nhóm thiểu văn hóa chưa được phổ biến hoặc được chấp nhận chung, hoặc xuất phát từ một nền văn hóa khác biệt có tính chất bên lề, ngoại biên (văn hóa ngoại lai, văn hóa nước ngoài). Mặt khác, luôn có sự kháng cự văn hóa đến từ nhóm thiểu số bị áp chế mà nghệ sĩ tự chọn thuộc về nền sáng tác của họ, vừa có thể tiêu biểu cho một nền văn hóa phổ biến hoặc một thiểu văn hóa manh nha hoặc kháng cự lại các chuẩn mực văn hóa thống trị. Nhìn chung, sản phẩm nghệ thuật của nghệ sĩ được xem là xuất phát từ những nguồn văn hóa đa dạng, khác biệt; sử dụng các chất liệu văn hóa một cách linh hoạt, tinh tế, đồng thời cũng có tính sáng tạo, tính độc lập, thể hiện sự tự trị của văn học đối với văn hóa.

Cần lưu ý, trong gợi ý của Greenblatt, bối cảnh văn hóa luôn là bối cảnh cụ thể, được xác định thông qua mối quan hệ của ba nhân tố: chủ thể cụ thể thực hành biểu đạt văn hóa; thời điểm cụ thể của sự biểu đạt văn hóa; địa điểm cụ thể của sự biểu đạt văn hóa. Có thể nói đến sự thiếu hụt của nhân vật trung tâm là con người sử thi - anh hùng trong văn học đương đại nhưng không thể đòi hỏi sự có mặt của nó như một tất yếu bởi sự thay đổi của chủ thể thực hành biểu đạt và địa điểm, thời điểm biểu đạt khiến cho những nội dung trên không còn ở vị trí trung tâm của văn học đương đại nữa. Điều tương tự cũng xảy ra với chủ thể cụ thể của sự tiếp nhận văn học, bởi lẽ, so với thời kỳ trước năm 1975, hệ hình tri thức thời đại đã thay đổi, những phán xét đơn tuyến, giản hóa sẽ phải nhường chỗ cho những phán đoán có tính lưỡng nan, phức hợp.

b) Văn học với tư cách là sự thực hành và sáng tạo văn hóa

Văn học thực hành các quy tắc về văn hóa ứng xử và giúp độc giả học cách cư xử phù hợp với bối cảnh văn hóa. Điều này được thể hiện trong việc miêu tả, thể hiện mối quan hệ giữa các nhân vật gắn với các bối cảnh không gian, thời gian văn hóa thích hợp. Nhân vật có thể chấp nhận hoặc chống lại các ranh giới văn hóa đã được thiết lập liên quan đến chủng tộc, giai cấp, địa vị xã hội, giới tính hoặc tìm kiếm, thiết lập một không gian văn hóa riêng biệt. Sự bất cập, thất bại hoặc thành công trong ứng xử văn hóa của nhân vật thiết lập các ranh giới văn hóa cũng như duy trì các ranh giới văn hóa thực tế ở độc giả. Mặt khác, thông qua việc giới thiệu, miêu tả, thể hiện các nghi thức, nghi lễ, các

thiết chế văn hóa, văn học thực hiện chức năng giáo dục văn hóa, ở đó, độc giả chọn lựa khả năng nên/không nên thực hành các nghi thức văn hóa để thành công hoặc tránh thất bại. Nói cách khác, các khả năng thích nghi văn hóa của các nhân vật văn học thông qua chọn lọc, biến đổi và sự kết hợp khác nhau của chúng dạy cho độc giả những kiểu cách thích nghi văn hóa tương ứng.

Văn học miêu tả các quy tắc ứng xử văn hóa thuộc về quá khứ giúp độc giả hiểu biết về văn hóa truyền thống, duy trì ký ức và gop phần hình thành truyền thống văn hóa dân tộc. Thực hành văn học thường khác với các thực hành sống của đa số người. Với phần lớn mọi người, đang sống là đang tiếp xúc với văn hóa đang sống, tồn tại trong một không gian và thời gian nhất định. Nhưng văn hóa không phải chỉ là cái đang diễn ra mà còn là cái được ghi lại, trong thư tịch cổ, trong sách vở mà người xưa để lại, trong các tạo tác văn hóa còn lưu giữ được, nghĩa là một nền văn hóa chỉ còn là di sản. Với ý nghĩa đó, văn học không chỉ là ký ức văn hóa mà còn là sự thực hành kết nối văn hóa, truyền đạt cho độc giả và mong muốn họ kế thừa các giá trị cổ xưa nhằm kiến tạo truyền thống văn hóa dân tộc.

Văn học là một bộ phận của văn hóa. Trong nhiều quan niệm, văn học được xem là bộ phận tinh hoa của văn hóa. Văn học phát sinh từ văn hóa, là bông hoa được gieo trồng và khoe sắc trên cánh đồng văn hóa. Văn học là ký ức văn hóa, nó miêu tả và ghi lại những biểu hiện văn hóa, các thiết chế và giá trị văn hóa. Nó suy ngầm về chính các hình thức biểu đạt của văn hóa; bình luận, phán xét, đánh giá các biểu hiện của văn hóa vật chất, văn hóa thiết chế,

văn hóa hành vi của con người, cộng đồng xã hội mà từ đó nó được sinh ra. Nhưng văn học, nhất là trong thời hiện đại, luôn là sản phẩm mang tính chủ quan cá nhân, vì vậy, mọi sự miêu tả, thể hiện, diễn giải, bình luận về các mặt khác nhau của văn hóa không nên được xem là chính bản thân văn hóa và toàn bộ nền văn hóa mà nó phản ánh. Ở một vài khía cạnh nào đó, văn học đề xuất những yếu tố có khả năng trở thành văn hóa, miễn là nó cần một sự đồng thuận và một chiến lược hợp thức hóa sâu rộng hơn. Vì ý nghĩa này, văn học vừa đại diện vừa bổ sung cho văn hóa. Nó đại diện cho văn hóa khi chính nó có khả năng là biểu hiện văn hóa của một dân tộc, một cộng đồng. Nó bổ sung cho văn hóa khi chính nó là sự tham dự cá nhân vào quá trình kiến tạo văn hóa, làm nguyên liệu đầu vào cho văn hóa, để văn hóa không ngừng được bổ sung, tăng trưởng, phát triển, đạt đến chuẩn mực, thiết chế. Nó cũng có khả năng khiến cho một nền văn hóa nào đó bị suy đồi, được hiểu là các thiết chế văn hóa, hành vi văn hóa, tinh thần văn hóa truyền thống bị công kích, xói mòn, không thể trụ vững trước sự tấn công của các tác phẩm văn chương có tham vọng đề xuất một chuẩn văn hóa mới hoặc làm lệch chuẩn văn hóa hiện hành. Văn học, như thế, vừa là một biểu hiện của truyền thống văn hóa vừa là một hành vi sáng tạo văn hóa. Với cả hai xu hướng, văn học mang trong mình nó cả sự thực hành văn hóa cao cấp lẫn văn hóa đại chúng. Chính ở đây, văn hóa vừa thể hiện tính ổn định, tính áp đặt, vừa thể hiện tính biến đổi thiết yếu. Văn học, trong sự tự do sáng tạo, cho dù kỳ vọng ở mức tuyệt đối hoàn hảo, luôn chịu sự ràng buộc của văn hóa. Ngược lại,

văn hóa dù có sức mạnh áp đặt thế nào, vẫn có những giới hạn, nghĩa là luôn có điểm hỗn mang, ở đó, văn hóa giànhanh lấy sự sống bằng quá trình biến đổi liên tục, còn văn học giànhanh lấy sự tự trị và sự sáng tạo.

c) *Văn hóa với tư cách là bối cảnh và điều kiện của việc sáng tác, tiếp nhận và định giá văn học*

Giá trị văn học là số nhiều, tuy nhiên, để giản hóa, người ta quy về các giá trị nội dung và hình thức. Giá trị nội dung là những giá trị liên quan đến tư tưởng tình cảm thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Giá trị hình thức bao gồm các giá trị liên quan đến sáng tạo hình thức thẩm mỹ: ngôn ngữ biểu đạt, thể loại, kết cấu, khả năng vận dụng các thủ pháp nghệ thuật... Về cơ bản, không có nội dung tách rời hình thức, cũng không có hình thức nào không thể hiện nội dung. Tuy nhiên, giá trị hình thức có thể được xác định trực tiếp thông qua cảm giác, cảm tính trong khi giá trị nội dung đòi hỏi sự can dự phức tạp của tư duy lý tính. Văn đề đặt ra là ở chỗ, cả cảm giác cảm tính lẫn lý tính của con người đều là sản phẩm văn hóa, đều được kiến tạo bởi văn hóa, dù cho sức mạnh giải phẫu có lớn đến đâu chăng nữa. Chẳng hạn, con người có đôi tai tự nhiên, về mặt giải phẫu thì không phân biệt địa vị, giới tính, chủng tộc nhưng điều đó chưa đủ để đôi tai ấy biết thưởng thức âm nhạc. Đôi tai biết thưởng thức và phán xét thẩm mỹ là đôi tai đã được đào tạo, rèn luyện trong những bối cảnh văn hóa nhất định. Tính bối cảnh tỏ ra là quan trọng, bởi vì ngay trong sự thưởng thức âm nhạc, không phải loại âm nhạc nào được một nhóm người yêu thích cũng được

mọi người yêu thích. Nhạc rap được người Mỹ - Phi đặc biệt yêu thích nhưng lại có khả năng bị cấm ở Nga. Trong văn học, có những kiệt tác khi mới lọt lòng không những không được đón nhận hoặc đón nhận hờ hững mà tác giả của nó còn bị tuyên án, tác phẩm bị cấm đoán hoặc bị tiêu hủy. Tác phẩm *Bà Bovary* của Flaubert là một ví dụ điển hình. Ngược lại, có những tác phẩm vừa ra đời đã được đón nhận nồng nhiệt, được tưởng thưởng, ngợi ca hết lời nhưng đã sớm chết yếu khi bối cảnh văn hóa thay đổi. Những tiểu thuyết của Đỗ Minh Tuấn ra đời trước thời điểm Đổi mới ít năm (*Cù lao Chàm, Đứng trước biển...*) là một ví dụ. Những điều này cho thấy, không một chuẩn mực giá trị nào dùng làm căn cứ để thẩm định nghệ thuật có thể thoát ly bối cảnh văn hóa mà chủ thể phán đoán thẩm mỹ thuộc về. Tức là, các giá trị và chuẩn giá trị có được sự hữu dụng thực tiễn cũng như xác lập thẩm quyền, địa vị của nó trong xã hội khi và chỉ khi nó được chấp nhận bởi cộng đồng văn hóa nhất định, biến thành một loại thiết chế văn hóa mà đỉnh cao thường là thiết chế văn hóa nhà nước. Tính bối cảnh văn hóa và khả năng chi phối của bối cảnh văn hóa đối với văn học liên quan rất chặt chẽ với hoạt động sáng tác văn học. Hệ thi pháp của văn học Việt Nam trung đại với các đặc điểm như sùng cổ, ước lệ, tượng trưng gắn rất chặt với thiết chế chính trị, thiết chế giáo dục và giao lưu văn hóa thời trung đại. Tương tự, hệ thi pháp của văn học hiện đại với tính hiện đại, tính cụ thể, tính tự do phóng túng... gắn chặt với bối cảnh chính trị, giáo dục và giao lưu văn hóa của thời đại mới. Nói chung, bối cảnh văn hóa chi phối cách nghệ sĩ lựa chọn, biểu hiện và nhận hiểu

thế giới, do vậy, bản sắc văn hóa dân tộc cũng chi phối bản sắc văn học. Xem xét yếu tố huyền ảo trong văn học huyền ảo của Trung Quốc, Nga, Đức, Anh - Mỹ và Mỹ Latinh sẽ nhận rõ sự khác biệt văn hóa tạo ra sự khác biệt văn học như thế nào. Bài thơ *Những người đàn bà gánh nước sông* của Nguyễn Quang Thiều tiêu biểu cho thi ca sau năm 1986 vì lựa chọn và thực hành biểu đạt một “nàng thơ” cụ thể đời thường, lam lũ, khó nhọc, chứ không chân quê thi vị hay anh hùng như thi ca thuở trước. Những liên tưởng của tác giả chắc mạnh, gân guốc, thể hiện sự lên ngôi của cái thường nhật hằng ngày. Trong thực tiễn, các thực hành và phán đoán thẩm mỹ không tách rời thi pháp văn hóa và thường mang tính ý thức hệ tự bản chất.

Các nhà phê bình văn học là những người nắm lấy các tiêu chuẩn giá trị thẩm mỹ và từ hệ tiêu chuẩn này đưa ra các phán đoán thẩm mỹ, định hướng sự vận động, phát triển của hoạt động viết và đọc văn chương. Phê bình văn học, dù thế nào chăng nữa, vẫn thực hiện thẩm quyền của mình dựa vào bộ phận tinh hoa của văn hóa, tức những tác phẩm văn học tiêu biểu nhất, được xem là có giá trị nhất. Từ đây, phê bình văn học có nhiệm vụ vạch ra các tiêu chuẩn giá trị và do đó cũng vạch ra ranh giới giữa cái cũ và cái mới, quen nh่าm và cách tân, văn hóa đại chúng và văn hóa tinh hoa. Bộ tiêu chuẩn phẩm cấp văn học đỉnh cao hay cái mà nó loại trừ, văn học đại chúng/bình dân, chỉ đạt được hiệu lực nhờ sự đồng thuận xã hội, nghĩa là đạt được tính hợp thức, đạt được mức độ xã hội hóa nhất định. Trong khi các nhà kinh doanh sản phẩm văn hóa định ra các tiêu chuẩn dựa vào khả năng

thương mại (sách bán chạy, phim đạt doanh thu, tranh họa có khả năng bán giá cao) thì một số nhà phê bình, nhất là phê bình văn học, có xu hướng cưỡng lại điều này bằng việc tạo ra các chuẩn đat được sự hợp thức trong các cộng đồng thiểu số. Chính đây là chõ tạo ra sự khác biệt trong việc xác lập các chuẩn giá trị cũng như sự khác biệt giữa các nhà phê bình. Nhà phê bình có thể khác nhau về tài năng nhưng quan trọng hơn, anh ta lựa chọn vị trí của mình từ khu vực văn hóa nào để đưa ra các chuẩn giá trị. Nếu xuất phát từ khu vực văn hóa thiểu số, nhà phê bình ở vị trí bên lề. Nếu đứng về xu hướng chủ đạo, tiếng nói của nhà phê bình sẽ dẫn dắt hoặc được dẫn dắt bởi thực tiễn diễn ngôn quyền lực thống trị. Giảng viên văn học trong các trường đại học công và các nhà phê bình văn học trong các hội đoàn chính thống là các “trí thức cơ hữu” hưởng lương từ ngân sách của Nhà nước cần được quan tâm, tạo điều kiện và không gian thực thi, xiển dương các chính sách văn hóa của nhà nước, không nên để họ phải phát huy chức năng của mình trong các vùng thiểu văn hóa ngoại biên.

Tuy nhiên, bối cảnh văn hóa là không bất biến, vì vậy, nhà phê bình dòng chính muốn duy trì địa vị của diễn ngôn thẩm mỹ mà anh ta xác lập hoặc góp phần xác lập trong một thời gian dài thì cần thay đổi, tiếp thu các quan điểm đa phương và các xu hướng bên ngoài. Thực tế cho thấy, có nhiều chuẩn giá trị khác nhau để các nghệ sĩ theo đuổi sao cho việc thực hành biểu đạt ở họ đạt được hiệu lực mong muốn. Phê bình văn học cũng vậy, cần tìm kiếm, xây dựng các bộ tiêu chuẩn khác nhau, có tính mềm dẻo và linh hoạt

hơn là sử dụng chung một bộ tiêu chuẩn cứng nhắc, cố định, duy ý chí.

d) Tính độc lập của văn học với văn hóa

Tương tự như mỗi quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, văn học cũng có tính độc lập tương đối trong quan hệ với văn hóa. Điều này thể hiện ở phương diện thẩm mỹ của văn học, tức tính văn học, với những biến điệu khác nhau trong các lý thuyết văn học, đặc biệt trong thế kỷ XX. Ngôn ngữ với tư cách là ký hiệu văn hóa chứa đựng các ký ức văn hóa. Nhưng ký hiệu ngôn ngữ không đồng nhất với văn hóa, nghĩa là luôn có một vùng khuyết trong mỗi ký hiệu ngôn ngữ, ở đó ký ức văn hóa chưa được “rót” đầy bởi nhà văn, nay cần đến sự đồng sáng tạo của người đọc. Mặt khác, ký hiệu ngôn ngữ cũng không hoàn toàn là ký hiệu văn hóa, nó có những vùng dành cho cái phi văn hóa hoặc những phương diện chưa được quy tắc hóa bởi văn hóa. Chẳng hạn như ngôn ngữ tục tĩu, tiếng la hét hoặc những âm thanh bản năng. Các yếu tố “phi văn hóa” này có khả năng gợi cảm giác, một hiệu ứng thẩm mỹ quan trọng trong nghệ thuật. Những sự phối hợp giữa các ký hiệu có thể vô nghĩa về mặt truyền tải các thông tin văn hóa nhưng nhịp điệu do sự phối hợp ngôn từ tạo ra lại có khả năng gây ra cảm giác, sự rung động tình cảm. Sự phối hợp các câu chữ và các dòng trong kiến tạo văn bản mang tính chất họa hình cũng có khả năng đạt được giá trị cảm giác và tình cảm thẩm mỹ nhưng có thể khuyết thiếu thông tin văn hóa trực tiếp. Bằng tính văn học hay tính thẩm mỹ, văn học không thuần túy chỉ là câu chuyện văn hóa, một hiện tượng văn hóa mà có tính độc lập so với văn hóa. Bởi thế,

nghiên cứu văn học từ góc độ văn hóa cần phải tính đến vị thế đặc biệt này của văn học trong tương quan với văn hóa.

2. Phê bình văn học từ góc nhìn văn hóa ở Việt Nam đang/nên thế nào?

Chúng tôi cũng muốn nhắc lại ở đây 3 vấn đề mà Greenblatt đã gợi ý nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và văn hóa: 1. Văn hóa là bối cảnh và chất liệu của sáng tạo văn học; 2. Văn học là sự thực hành và sáng tạo văn hóa; 3. Văn hóa là bối cảnh và điều kiện của việc tiếp nhận và định giá văn học. Về cơ bản, những nghiên cứu quan tâm đến bối cảnh văn hóa của văn học đương đại, bao gồm bối cảnh sáng tác và tiếp nhận; nội dung văn hóa, bao gồm vấn đề truyền thống, bản sắc, giới tính, giai cấp, chuẩn mực giá trị... như là chất liệu và nội dung văn học; văn học đương đại như một hành vi sáng tạo văn hóa, bao gồm sáng tạo ngôn ngữ biểu đạt, hình tượng, biểu tượng, hình thức thể loại (sáng tạo “lối viết” mới, những phong cách nghệ thuật mới) và sáng tạo hình thức tiếp nhận mới (bao gồm khả năng góp phần định hình một chuẩn thẩm mỹ mới kèm theo các hành vi đồng sáng tạo mới của công chúng). Ở đây, xét đến cùng, mọi nghiên cứu văn học đều là hành vi văn hóa, nhưng tiếp cận văn học từ góc độ văn hóa cần xem văn học là một hiện tượng văn hóa hơn là văn học thuần túy. Người nghiên cứu sẽ phải trả lời các câu hỏi: Văn học đang thực hành biểu đạt cái gì (nội dung)? Ai/chủ thể nào đang thực hành biểu đạt (giới tính, chủng tộc, giai cấp, độ tuổi...)? Tại sao họ thực hành biểu đạt (nguyên nhân, động lực)? Thực hành biểu đạt như thế nào (hình thức)? Thực hành biểu đạt ở đâu (nơi chốn)”?

Thực hành biểu đạt khi nào (thời gian)? Việc tìm kiếm cơ sở ý thức hạch/văn hóa của những thực hành biểu đạt văn học và cơ sở của việc lĩnh hội ý nghĩa của những thực hành biểu đạt đó có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc tiếp cận văn học từ góc độ văn hóa.

Qua khảo sát nhiều tài liệu có thể thấy, ngoài những vấn đề lớn đã nêu trên đây, những vấn đề sau đây cần được giới phê bình văn học Việt Nam đương đại quan tâm nhiều hơn nữa: 1. Giao lưu văn hóa, sự di cư và dịch chuyển không gian văn hóa; 2. Giới phái và giới tính trong văn học; 3. Tính lai ghép văn hóa; 4. Văn học Việt Nam đương đại trên phương tiện thông tin đại chúng và mạng xã hội; 5. Dịch thuật và hoạt động môi giới văn học; 6. Chức năng văn học như là sự kiến tạo sinh thái văn hóa; 7. Sinh thái nông thôn/sinh thái đô thị trong văn học Việt Nam; 8. Thế hệ nhà thơ/nhà văn sau năm 1975 và sự phát triển của văn học trẻ ở Việt Nam; 9. Văn học với tư cách là diễn ngôn/trí thức/quyền lực; 10. Văn học Việt Nam đương đại với tín ngưỡng, tôn giáo; 11. Văn học Việt Nam đương đại như một diễn ngôn phê bình văn hóa...; 12. Chính sách văn hóa, thiết chế văn hóa và tác động của nó đến sự phát triển của văn học (chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước; xuất bản và phát hành sách văn học; giải thưởng văn học; thư viện; cơ sở giáo dục, các khoa văn học ở trường đại học, viện nghiên cứu; bảo tàng văn học,...). Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi xin có vài đề xuất đối với Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương:

1. Hội đồng nên có chính sách đặt hàng, hỗ trợ kinh phí và trao quyền cho một số khoa Văn học/Ngữ văn ở một số

trường đại học tổ chức các hội thảo theo chủ đề nhằm định hướng, hình thành xu hướng, xác lập các giá trị văn hóa/văn học chủ đạo, chính thống.

2. Hội đồng nên phối hợp với các khoa Văn học/Ngữ văn của các trường đại học tổ chức các cuộc thi viết cho sinh viên khoa Văn học/Ngữ văn về những tác phẩm, tác giả cần được xiển dương hoặc những vấn đề, hiện tượng cần hạn chế hay xiển dương nhằm định hình, định hướng xu hướng sáng tác, phê bình trong giới trẻ.

3. Hội đồng nên hỗ trợ kinh phí, trao quyền cho các khoa Văn học/Ngữ văn tổ chức các buổi thuyết trình chuyên đề cho sinh viên trong khuôn khổ hợp tác với các thành viên của Hội đồng hoặc các chuyên gia lý luận văn học, nghệ thuật do Hội đồng giới thiệu nhằm chế định hoặc kiến tạo, phát triển dòng chủ lưu trong nghiên cứu, phê bình văn học.

HOẠT ĐỘNG PHÊ BÌNH VĂN HỌC TẠI CÁC HỘI VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG HIỆN NAY

PGS.TS. HỎA DIỆU THÚY

1. Chức năng của các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương

Các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương được xem là “cánh tay nối dài” của các Hội Văn học và Nghệ thuật trung ương. Hiện cả nước có tới 63 Hội Văn học, nghệ thuật, tương ứng với 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Hoạt động của các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương từ trước đến nay luôn diễn ra rất sôi nổi, không ít những tài năng trước khi trở thành những tên tuổi được cả nước biết đến đã được phát hiện, rèn luyện, cống hiến từ các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương.

Vì đối tượng quản lý trong phạm vi của một tỉnh/thành phố nên các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương được tổ chức sinh hoạt chung trong một tổ chức hội gọi là Hội Văn học, nghệ thuật (một số tỉnh thành hiện đã tách tổ chức này thành hai: Hội Văn học và Hội Văn nghệ, tuy nhiên cả hai Hội này đều thuộc quản lý của cấp địa phương).

Trong cấu trúc hoạt động của các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương thường có Ban Lý luận, phê bình, Ban này

cũng có chức năng, nhiệm vụ là hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật gắn với hoạt động sáng tác tại địa phương. Lực lượng của Ban Lý luận, phê bình địa phương căn cứ vào thực lực tại địa phương, vì vậy hoạt động khá đa dạng, vừa phê bình vừa khảo cứu, thậm chí cả dịch thuật. Tuy nhiên, bài viết này chỉ đề cập tới hoạt động phê bình ở Hội Văn học, nghệ thuật địa phương hiện nay.

Phê bình văn học quả là một bộ phận quan trọng trong đời sống văn học, đặc biệt là giai đoạn hiện nay. Phê bình văn học của ta được soi sáng bởi hai nguồn lý luận, lý thuyết: Đường lối văn nghệ của Đảng và hệ thống các lý thuyết nước ngoài (chủ yếu từ Âu - Mỹ) được dịch và giới thiệu ở Việt Nam. Đường lối văn nghệ của Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm kim chỉ nam, song, qua các giai đoạn cách mạng đã có những điều chỉnh thích hợp, tiêu biểu trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998) về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Mục tiêu “tiên tiến” và giữ vững bản sắc “văn hóa dân tộc” đã tạo điều kiện cho các nhà văn, nhà nghiên cứu tiếp cận với các lý thuyết mới hiện đại, đồng thời nghiên cứu kỹ những ưu việt của bản sắc văn hóa dân tộc để những sản phẩm văn hóa, văn học của ta vừa song hành với nhu cầu của độc giả hiện đại, vừa góp phần lưu giữ tinh hoa, hồn cốt văn hóa dân tộc¹.

Không thể phủ nhận những sáng tác văn học tại các địa phương mang màu sắc văn hóa địa phương rất đậm nét, từ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.57, tr.293-324.

nội dung đê tài đến tâm hồn, cá tính, ngôn ngữ, giọng điệu. Điều này, khi cảm nhận, đánh giá rất cần đến sự am hiểu văn hóa bản địa. Thủ dẫn ra một vài ví dụ sau: Trong *Truyện Kiều* có câu: “Ngựa xe như nước/núc, áo quần như nêm”. Các bản dịch hiện vẫn để chữ “nước” và được giảng với nghĩa là “nhiều”, “đông” - người đi hội Đạp Thanh khiến ngựa xe đông/nhiều như “nước” nhưng câu có hai vế mà nửa vế đầu được ví với “nước” (danh từ) còn nửa vế sau ví với “nêm” thì “nêm” là cái gì? Sự khập khẽnh này không dễ trả lời. Đáp án có thể được mở với dân Thanh - Nghệ. Hóa ra, trong ngôn ngữ Thanh - Nghệ có từ “núc” và từ “nêm”, những từ này gắn với việc làm các vật dụng bằng tre nứa như: rổ, rá, thúng, mủng, dần, sàng... “Núc” là công đoạn cuối cùng khi gắn cạp với phần nan để hoàn thiện sản phẩm. “Núc” là kéo các nan cho chum tròn lại phần cạp và dùng sợi mây kết nối phần nan với đai cạp. Công đoạn này cần sự khéo léo và rất quan trọng, các mối mây phải kết thật dày, thật khít, thật chặt, nếu không, trong quá trình sử dụng, cạp rất dễ bung ra. Toàn bộ công đoạn này gọi là “núc”, như vậy, “núc” đồng nghĩa với làm cho dày, cho khít, chặt lại với nhau cho chắc chắn.

Nghĩa của từ “nêm” tương đương với “trám, vá”, chẳng may trong quá trình sử dụng, thúng, mủng, dần, sàng bị chuột gặm, vật thì còn mới chẳng nhẽ vất đi, đành phải “trám, vá” lại. Để “nêm” được lỗ thủng cũng rất khó, làm sao phải phối hợp các nan cũ với nan mới sao cho thật khớp, thật đều, vừa trám, vá được lỗ thủng vừa phải hài hòa, đẹp mắt. Hóa ra, cách so sánh của Nguyễn Du thật “nôm”, thật thuần Việt. Người và ngựa xe đi hội đông đến mức chật cứng như bị

“núc”; áo quần các kiểu, các loại màu sắc như “nêm” lại với nhau. Một không khí thật đông, thật rộn ràng nhưng không lộn xộn (như hội chợ) mà vẫn hàng lối trật tự, nghiêm trang, thanh nhã, vì đây là hội Thanh Minh (đi viếng/tảo mộ) cơ mà. Như vậy, nếu xuất phát nghĩa gốc của từ “núc” và từ “nêm” (gắn với công việc rất quen thuộc và dân dã) sẽ thấy Nguyễn Du diễn tả chuẩn xác, tinh tế và sinh động đến nhường nào. Hình thức là đi tảo mộ nhưng bản chất là đi du xuân, sắc thái đông đúc, tưng bừng của lễ hội tín ngưỡng đầu xuân được diễn tả thông qua những hình ảnh quen thuộc, có sức gợi kín đáo và đầy ẩn ý¹.

Một ví dụ khác, trong thành ngữ Việt Nam có câu: “Liệu cơm缺口 mắm, liệu con cá chồng”. Động từ “gap” (gap mắm) nghe có vẻ phi lý vì chúng ta vẫn biết “mắm” là sản phẩm được làm từ cá, ruốc (moi), tôm, tép hoặc cua, cáy, như: nước mắm, mắm tôm, mắm chua, mắm cáy... Mắm thường ở dạng nước hoặc dạng bột sền sệt (nước từ cá tiết ra). Vì vậy, khi đã thành mắm thì không thể “gap” được, không ai gap nước mắm, gap mắm tôm, mắm tép. Vậy tại sao có thành ngữ trên đây? Hóa ra, ở một số vùng xa biển (mà chúng tôi thấy ở Thanh Hóa) gọi cá khô là “mắm”, cá phơi khô gọi là con mắm. Thành ngữ “khô như mắm”, “trông như con mắm khô” có lẽ cũng từ đây mà ra. Như vậy, “gap mắm” ở thành ngữ trên là cá khô. Cũng như vậy, “khô như mắm” là chỉ ai đó (thường là cô gái) gầy khô, thiếu sức sống (gầy như con mắm khô).

1. Thời Nguyễn Du, núc rõ, nêm rá là công việc thường xuyên của người dân vì vật dụng của bà con thời ấy chủ yếu được làm từ nguyên liệu thiên nhiên, như: sành sứ, mây, tre đan.

Trong văn học hiện đại cũng từng có các nhà thơ, nhà văn sử dụng ngôn từ địa phương rất thành công, như Hồng Nguyên với bài thơ *Nhớ*. Những từ như: “đằng nở”, “mô”, “o”, “viền”, “ví”, “chắc”... đã tái hiện chân dung tinh thần mộc mạc, khỏe khoắn của những trai làng ra đi kháng chiến một thuở.

Như vậy, tính “địa phương” chính là một nét, một phương diện làm nên sắc màu đa dạng của văn hóa Việt Nam và điều này nếu được khai thác và vận dụng thành công sẽ làm nên “bản sắc dân tộc đậm đà”. Các nhà phê bình căm chốt tại các địa phương, là người địa phương sẽ rất có lợi thế trong việc phát hiện, đánh giá thành công hay hạn chế của tác phẩm từ góc độ diễn ngôn văn hóa.

Trở lại với thực trạng hoạt động phê bình ở các địa phương, chúng tôi nhận thấy có những thuận lợi và thách thức sau:

Thuận lợi: Làm nghiên cứu, phê bình tại địa phương là được tiếp cận với không gian văn hóa bản địa từ thực tiễn đến sáng tác. Tác phẩm văn học luôn có cội rễ từ thực tiễn, được/bị chi phối, ảnh hưởng từ một vùng văn hóa nào đó. Theo tôi, một tác phẩm mà khi tiếp cận, người ta không thấy “mã văn hóa” của tác phẩm thì đó là sản phẩm lạc loài, không giống qua, không giống công, không giống dơi, không giống chuột. Các nhà văn trưởng thành từ địa phương có thể tận dụng và khai thác sự thuận lợi này nhưng không phải ai cũng thành công¹. Vì vậy, phát hiện, góp ý, động viên và chia sẻ

1. Các nhà văn thành công có thể kể đến: Nguyễn Ngọc Tư (Nam Bộ), Cao Duy Sơn, Y Phương (Cao Bằng), Hà Thị Cẩm Anh (Thanh Hóa)...

với các cây bút địa phương chính là thế mạnh của các nhà phê bình “cắm chốt” tại các địa phương. Tuy nhiên, khó khăn cũng chính là từ điều kiện thuận lợi này mà ra.

Khó khăn: Áp lực từ “người quen”(!). Dù hướng đến đối tượng nào thì các cây bút phê bình ở các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương cũng phải dành sự quan tâm cho các tác giả, tác phẩm của địa phương mình. Điều này dường như là luật “bất thành văn”, song, cũng hợp lý thôi, vì khi đã tự nguyện đứng trong một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có tôn chỉ mục đích hoạt động thì phải vận hành theo tôn chỉ, mục đích chung mà chính mình đã đồng thuận xây dựng. Vì vậy, tuy không tuyên bố, song, việc phê bình, giới thiệu các tác phẩm, tác giả của địa phương dường như là “nhiệm vụ” của lực lượng làm phê bình ở Hội Văn học, nghệ thuật địa phương. Khi viết về tác phẩm của tác giả là người quen biết (thường là sách tặng) và tác giả tặng sách với mong muốn được “thẩm định” (mà chủ yếu là động viên) từ nhà phê bình. Điều này làm cho mức độ các bài phê bình “tại chỗ” thiên về phía động viên, khen ngợi mà “nương nhẹ” với những non kém, khuyết thiếu, vì vậy, độ sâu sắc và tính phản biện ở các bài viết kiểu này thường không cao.

Một khó khăn khác, những cây bút được đào tạo, có kiến thức học thuật về nghiên cứu, phê bình văn chương ở địa phương rất ít, chủ yếu là các cây bút “tự đào tạo”, vì vậy, các bài phê bình cũng thường khen chán ít chê, “bình/tán” chứ không “phê”, thậm chí “khen lấy được” với những ngôn từ sáo rỗng và quan điểm chủ quan, thiếu cơ sở lý luận, lý thuyết. Thực trạng này là có thật và nếu có ý kiến cho rằng chất lượng các bài viết của phê bình địa phương có vẻ nhàn nhạt

và thiếu sắc sảo là có cơ sở. Tuy nhiên, điều này đang ngày càng được cải thiện. Ở các địa phương, có các trung tâm đào tạo đại học liên quan đến khoa học xã hội và nhân văn, có lực lượng giảng viên chuyên ngành đang bổ sung cho sự thiếu hụt này¹ và cần phải ghi nhận họ. Nhiều cây bút trong số họ, ngoài việc nghiên cứu giảng dạy, còn tham gia đắc lực vào việc tìm hiểu, giới thiệu, phát hiện các tác giả địa phương.

2. Những đề xuất, kiến nghị

a) Về việc đào tạo, bồi dưỡng

Mặc dù chưa thường niên nhưng Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã tiến hành tổ chức các đợt tập huấn nhằm nâng cao nhận thức lý luận và năng lực chuyên môn về lý luận, phê bình cho đối tượng là lực lượng quản lý văn học, nghệ thuật (tuyên giáo) và bộ phận làm phê bình văn học nói chung ở các tổ chức Hội Văn học, nghệ thuật. Tuy nhiên, việc tổ chức không thường xuyên cùng với việc ưu tiên cho bộ phận quản lý khiến đối tượng trực tiếp làm chuyên môn được tham dự rất ít. Thêm nữa, mỗi đợt học tập như vậy thời gian quá ngắn để có thể tạo nên những biến đổi trong chuyên môn với đối tượng “không chuyên”. Chúng tôi kiến nghị, nên tăng cường các đợt tập huấn cả về đường lối cùng với việc cập nhật các hệ thống lý thuyết hiện đại cho học viên. Ngoài ra, các đợt tập huấn nên dành thời lượng cần thiết cho việc thảo luận các vấn đề

1. Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Vinh, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hải Phòng,... hiện đang có các nhà phê bình là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

thời sự về lý luận, phê bình hoặc về các tác phẩm mới có thể tạo dư luận.

b) Về hoạt động hội thảo và tổ chức giải thưởng

Có thể nói, về hoạt động hội thảo khoa học của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương còn rất thưa thớt. Giai đoạn đất nước đổi mới mở cửa hội nhập, văn hóa được coi là “nền tảng tinh thần”, là “sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹ rất cần những cuộc Hội thảo có tầm bao quát, đánh giá thực trạng về công cuộc hội nhập văn hóa nói chung, văn chương nói riêng như thế nào trong gần ba mươi năm qua. Trên thực tiễn, các trường đại học, viện nghiên cứu cũng đã tổ chức nhiều cuộc, ở nhiều góc độ về công cuộc đổi mới văn chương, tuy nhiên, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương là một “kênh” quản lý khác, có những yêu cầu, đánh giá riêng về thực tiễn sáng tác và nghiên cứu. Những cuộc hội thảo chuyên sâu đánh giá về thực trạng sáng tác và nghiên cứu, phê bình văn học, nghệ thuật của ta nếu được tổ chức thường xuyên sẽ giúp ích nhiều trong định hướng hoạt động. Cũng nên chăng, tổ chức Hội thảo ở tâm khu vực và quốc tế để các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học Việt Nam có thêm cơ hội giao lưu, học hỏi bạn bè quốc tế, đồng thời quảng bá, giới thiệu

1. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, *về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.

văn học Việt Nam ra thế giới. Chúng tôi muốn đề nghị thêm, có thể triển khai các cuộc hội thảo gắn với vùng, miền hoặc dưới sự đăng cai và chủ trì của Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành địa phương.

Về tổ chức giải thưởng: Ở địa phương, chưa rõ về hình thức giải thưởng hay tặng thưởng của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương như thế nào? Nếu có thì thể lệ dự giải ra sao?

Tóm lại, để vai trò của lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn trong đời sống văn học nước nhà rất cần tới những hội nghị, hội thảo thường kỳ, thường niên được tổ chức với những nội dung, mục tiêu khác nhau về cả lý luận và lý thuyết tiếp cận, vận dụng. Không thể phủ nhận rằng, nghiên cứu, phê bình văn học của ta là nghiên cứu, phê bình có định hướng, vì vậy, việc đầu tư cho định hướng (yêu cầu, kiểm soát, đánh giá) là tất yếu. Công cuộc đổi mới văn học theo hướng hội nhập toàn cầu đang kích thích sáng tác theo hướng tiếp cận và ứng dụng lý thuyết hiện đại, vì vậy việc đầu tư giới thiệu hệ thống lý thuyết nước ngoài vào Việt Nam có lẽ là mục tiêu thiết thực và vô cùng hữu ích.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC: NHẬN ĐIỆN VÀ THÚC ĐẨY TIẾN TỐI

LÊ QUANG TRANG

1. Vai trò và vị trí bị sa sút

Từ lâu, trong đời sống xã hội, người ta vẫn rất trân trọng hoạt động phê bình văn học. Có thể lúc đầu chỉ đóng vai trò thưởng thức, chia sẻ, khích lệ, thù tạc với người sáng tác, nhưng dần dần thêm vai “người phán xử” phân định đẹp - xấu, hay - dở, đúng - sai; lại từng bước trở thành tiếng nói tôn vinh tác giả, tác phẩm; và cao hơn là khơi gợi, chỉ đường cho văn học, nghệ thuật đi tới những chân trời sáng tạo mới. Ở nước ta, từ khi Đảng ra đời, với trách nhiệm lãnh đạo toàn diện các mặt của đời sống xã hội, trong đường lối của mình, cũng luôn luôn coi trọng hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Đi sâu hơn một chút, quan niệm về sáng tác và lý luận, phê bình trong văn học nói riêng, và trong văn học, nghệ thuật nói chung, như “cánh chim song đôi”, như “anh em ruột thịt”, cùng đồng hành, bổ sung, hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển, được đồng đảo tán đồng và cho là phương thức tốt thúc đẩy văn học, nghệ thuật phát triển. Trong mối quan hệ ấy, phê bình luôn luôn được giới làm nghề và người đọc quan tâm. Lịch sử ngành phê bình văn học của ta không

dài nhưng có nhiều thời kỳ, ngay cả khi còn non nớt, đã chiếm lĩnh được tấm lòng người đọc. Mở những tờ báo văn nghệ ra, người ta tìm đến những trang lý luận, phê bình xem trước rồi mới đọc đến các chuyên mục khác. Những năm đầu thế kỷ XX, rồi những năm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp đầy thiêng thốn và gian khổ, lý luận, phê bình vẫn có những hoạt động sôi nổi, đặc biệt những năm diễn ra tiến trình “đổi mới” thập niên 1980, đầu 1990, “Phê bình văn học, nghệ thuật có tác dụng tích cực đối với sáng tác, phát hiện cái tốt, ủng hộ cái mới, tiến bộ trong hoạt động sáng tạo”¹, nghĩa là phê bình có vị trí trong đời sống, hòa thuận và đồng hành cùng sáng tác.

Nhưng khoảng hai chục năm nay, nhất là mươi năm gần đây thì tình hình đã khác, sự sa sút thấy rõ.

Khi nói quan hệ giữa sáng tác và phê bình, trong bản chất là kết đoàn, thống nhất là nói theo lý thuyết, lý tưởng, song trên thực tế nhiều khi lại không chuyển động theo chiều hướng như vậy. Trong quá trình phát triển, sự phân rẽ từng bước nảy sinh, bắt đầu từ những quan niệm khác nhau về sáng tạo, dần dần len vào từng tế bào, từng nơron thần kinh, vừa chứng tỏ sự hiện diện của yếu tố mới, vừa là sự trưởng thành của nhân loại trong quá trình khám phá thế giới, nhận thức chuyên sâu về khoa học chuyên ngành. Khi người cổ đại khắc một hình trên vách đá, thì đó chỉ là một hành động ghi nhận hiện thực từ cách nghĩ của mình, theo quy luật hướng

1. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.646.

về cái đẹp, nhưng đến khi ra đời quan niệm “nghệ thuật vị nghệ thuật” hay “nghệ thuật vị nhân sinh” thì lý luận đã đầy sáng tác và phê bình xa nhau ra một bước. Sau này, khi ngành phê bình phân chia thành những phê bình hàn lâm, phê bình trực chiến, phê bình đại học, phê bình tiểu sử, phê bình xã hội học, phê bình ấn tượng, phê bình khoa học, phê bình cấu trúc, phê bình phân tâm học, phê bình hiện đại, phê bình thi pháp học, phê bình hậu hiện đại... thì sự thân ái của đội ngũ những người hoạt động phê bình lại càng giảm.

Ở Việt Nam, vài chục năm gần đây, nhất là từ Đổi mới, đời sống dân chủ mở rộng, việc trao đổi, thảo luận, tranh luận trong phê bình cũng được nói ra. Việc cọ xát về quan điểm và phương pháp luận làm bật ra nhiều điều hay, nảy sinh nhiều ý tưởng mới, nhưng cũng để lại không ít những mâu thuẫn gay gắt, những hậu quả không hay. Tranh luận khoa học mà “đối chiến” giống như trong trận túc cầu, bỏ bóng đá người, nhằm triệt hạ đối phương đã từng xuất hiện trên văn đàn. Một số người khăng khăng tự nhận mình là phe cấp tiến, dân chủ, quy kết đối phương là thứ “phê bình quan phương”, “phê bình xu nịnh”, đó chỉ là “thứ văn cầy cáo”, chế giễu đối tượng là “bảo hoàng bảo thủ”, là những người “đọc không vỡ chữ”, chưa “qua vỡ lòng về cách đọc văn bản, diễn ngôn”, thậm chí phỉ báng là “ngu dốt”, “chim mồi, chó săn trong văn nghệ”... thì quả thật, những quy kết ấy không chỉ làm cho không khí tranh luận căng thẳng, mất hòa khí, vi phạm về văn hóa tranh luận, mà còn làm tổn hại nghiêm trọng đến vai trò, vị trí của phê bình.

Nhìn vào thực tế ấy, chúng ta dễ thấy tâm lý chán ngán, không muốn quan tâm, tham dự vào hoạt động lý luận,

phê bình, ngay cả những người đam mê nhất. Người ta tìm cách lảng tránh, “kính nhi viễn chi” khi cần tiếng nói của phê bình về một hiện tượng văn học nào đấy. Một cây bút phê bình đang đảm nhiệm chức trách cao của giới lý luận, phê bình hiện nay có lần tâm sự với tôi rằng, khi xảy ra sự kiện “luận văn Nhã Thuyên”, anh có tham gia viết một bài góp phần đấu tranh với luận điểm sai trái không chỉ của tác giả bản luận văn, mà với cả một vài đồng nghiệp góp phần trong đó, nhưng sau khi đăng, bạn bè và cả những nghiên cứu sinh mà anh đang hướng dẫn, dù đồng tình với những quan điểm của anh, nhưng khen bài thì ít, mà đều bảo: “Giá như anh/thầy đừng có bài thì tốt hơn!”, với luồng ý kiến công kích, không thấy mấy ai bênh vực, chia sẻ.

Khi người làm lý luận, phê bình ham muốn nhập cuộc ngày càng ít đi, thì đội ngũ yếu đi là điều không tránh khỏi. Để thấy phong trào lý luận, phê bình ở các hội chuyên ngành ở Trung ương hay Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh, thành thường là phần mỏng và yếu nhất trong các chuyên ngành. Khi cần đại diện lĩnh vực này trong ban lãnh đạo thì rất khó tìm, hoặc chỉ là những tên tuổi mờ nhạt nên khi bầu cử đều rất khó trúng, thường không đạt chỉ tiêu dự kiến.

Tôi nghĩ, lý giải hiện tượng này có thể góp phần giúp tìm ra giải pháp cho việc xây dựng nền văn học, nghệ thuật mới của chúng ta trong thời kỳ mới.

2. Những nét nổi bật cần quan tâm

Lẽ thường, khi xem xét sự vật, đánh giá tình hình, người ta thường đòi hỏi một cái nhìn tổng thể, toàn diện, không cực đoan, thiên lệch. Điều đó hoàn toàn đúng. Bởi lẽ, một sự

vật thường bao gồm nhiều mặt, tình hình phê bình văn học hiện nay cũng vậy, có tích cực lại có tiêu cực, có ưu lại có khuyết. Đó chính là tính biện chứng và những mặt đối lập của vấn đề.

Phân minh, từ góc độ hoạt động và quan sát riêng, trong tham luận này, chỉ xin đề cập một vài vấn đề theo tôi là nổi bật nhất từ cách nhìn có phần nghiêng về hạn chế, với những phân tích và lý giải cá nhân, mong góp đôi điều để khắc phục. Sở dĩ tôi làm như vậy vì nghĩ rằng, nếu đưa ra một báo cáo theo kiểu toàn diện, “đa chiều”, mỗi thứ nói sơ qua một chút, với ưu điểm là chủ yếu, và như thế có thể tham luận được coi là cân đối, nhưng cách làm ấy sẽ nhảm chán, không chỉ ra được đâu là nét nổi, cần thay đổi, sửa chữa. Và cách nhìn này chi phối những luận điểm chính sau đây:

Trước hết, chúng tôi cho rằng đời sống phê bình hiện tại bình lặng, có chiều đi xuống. Bình lặng vì trên báo chí vẫn thường xuyên đăng đều đặn những bài phê bình, sách lý luận, phê bình văn hiện diện, nhưng xem ra không có những tâm điểm đáng chú ý cho hoạt động phê bình. Một số bài khi bàn về tác phẩm này, tác phẩm kia, có nêu nhận định là một “thành công mới”, một “hiện tượng đáng chú ý”, nhưng đó chỉ là lời khen chủ quan của người viết, chứ không phải trên cơ sở giá trị của tác phẩm, do vậy, ý kiến bị chìm đi chứ không lan tỏa thành dư luận xã hội. Cũng gần như không có một cuộc tranh luận nào thu hút được chú ý của dư luận, dù bây giờ nhiều vấn đề phong phú hơn, bức thiết hơn, đội ngũ người viết cũng đông hơn và hiểu biết hơn. Hơn nữa, việc xuất bản sách lý luận, phê bình, lâu nay đã khó, vì là thể loại rất kén người đọc, bây giờ lại bị chi phối ngặt nghèo bởi yếu tố kinh tế

thị trường, các nhà xuất bản hướng tối lợi nhuận là chủ yếu, cho nên loại sách này rất khó xuất bản. Nhiều tác giả phải tự bỏ tiền đầu tư cho việc in tác phẩm của mình. Số lượng ít, diện phát hành hẹp, hệ thống thư viện không có ngân sách để mua, người cần đọc, nhất là giới nghiên cứu hay sinh viên, có khi không tìm đâu ra, vì thế việc giao lưu, trao đổi hay phát hiện vấn đề của lý luận, phê bình cũng hạn chế. Việc giới thiệu quảng bá loại sách này trên báo chí cũng khó khăn hơn nhiều so các thể loại khác. Thực tế đó là những đòn bổ sung, giáng mạnh vào hoạt động lý luận, phê bình, khiến tình hình đã khó lại càng khó hơn.

Ngược dòng quá khứ, khoảng hai mươi năm trước, loại sách giới thiệu và vận dụng các lý thuyết phê bình của văn học Nga hay phương Tây từng được những người làm nghề rất quan tâm, dù có phần phiến diện và ý kiến đánh giá chưa thật công bằng (hoặc đề cao quá mức hoặc vùi dập không thương tiếc), nhưng hiện nay, tình hình xem ra cũng không còn như vậy. Sách ra nhiều hơn nhưng dường như độc giả có vẻ thờ ơ với những xuất bản phẩm loại này, không biết có phải vì vấn đề đã bị thời đại vượt qua, hay sự vận dụng vào phê bình, phân tích tác giả, tác phẩm còn giản đơn, chưa tạo được sức thuyết phục cao, hay còn vì lý do nào khác?

Luận bàn trong phê bình cũng ít ý kiến đa dạng, mới mẻ và sắc sảo. Nếu là người có theo dõi và nắm được tình hình thì khi cầm một tờ báo, một tập sách, biết quan điểm của người viết ấy thuộc trung tâm nào, trường phái nào, phe/nhóm nào, thì chỉ cần đọc một vài đoạn (trong bài lẻ) hoặc một hai bài viết (trong tập hợp) là đã đoán được những quan niệm và sự đánh giá ra sao rồi. Đây chính là một biến

thái của hình thức “nhóm lợi ích”, bởi khen - chê là theo tình cảm, quan hệ cá nhân hay nhóm, không dựa trên lợi ích chung, ai phù hợp với mình thì đề cao, không thuộc khẩu vị của mình thì chê bai, công kích không thương tiếc. Nhẹ nhàng hơn, nhiều khi ý kiến chỉ được đưa ra một cách vu vơ như kiểu “là một tác phẩm viết yếu”, “chất lượng không đáng quan tâm” mà không có sự phân tích lý giải thấu đáo. Những bài mới in (có thể dưới những nhan đề khác) nhưng nội dung đưa ra đã cũ, lặp đi lặp lại, không thêm kiến giải gì mới, hoặc vấn đề nêu ra quá vụn vặt, không xứng đáng để người đọc phải chi ra một khoản thời gian chỉ để thu về một lượng thông tin mỏng manh hoặc quá ít điều bổ ích. Khi nội dung đề cập, bàn luận không phải là điều bức xúc của xã hội, không phải là chuyện người ta đang quan tâm thì việc bỏ rơi là không tránh khỏi. Duy trì lối phê bình kiểu này thì khó có thể thu hút được công chúng mà cũng không thể tạo ra sức mạnh cho phong trào phát triển.

Sự bình lặng còn do văn phong ít phù hợp với thời đại. Trong lúc công chúng đã quen với lối truyền và nhận thông tin hiện đại mà lời văn rào đón, vòng vo, không dám biểu lộ chính kiến một cách trực diện, thẳng thắn cũng không làm bạn đọc thỏa mãn.

Việc phản hồi nhanh, trực tiếp của cách mạng thông tin cũng tạo nhiều màu sắc khác trước. Bỏ qua báo chí truyền thống, các mạng xã hội cũng sẵn sàng vào cuộc, không chỉ là để bày tỏ một quan niệm, một suy nghĩ tham gia vào cuộc đối thoại chung, mà nhiều khi chỉ là nhằm để “câu view”, tăng số lượng like, như là một cách thể hiện mình. Cách làm như thế khiến người ta dễ dàng thiếu cân nhắc khi nghĩ, khi

viết, thậm chí ném đá, chửi tục, văng bậy trên facebook, trên blog cá nhân có khi chỉ để thỏa mãn ý nghĩ điên rồ của mình. Những việc làm như thế lại không/chưa được điều chỉnh cần thiết bằng pháp luật chuyên ngành nên người bị xúc phạm thì đau lòng, không chỉ vì lời lẽ bị lăng mạ mà cả vì sự tha hóa nhân cách của người đối thoại, kẻ xấu thì lấn tới, càng khiến không khí tranh luận học thuật bị tổn hại nghiêm trọng. Từ thực tiễn ấy, một số không ít, vì tự trọng nghề nghiệp, như môi trường nhà trường chẳng hạn, không muốn dấn sâu vào “trường văn trận bút” như vậy, cho nên, cách tốt nhất là lùi về phía sau, nghiên cứu những đối tượng đã ổn định, vừa có thể thỏa mãn niềm đam mê với nghề, có được đóng góp, lại ít bị tổn thương.

Ở một bình diện khác, những lý do khác, lại có những cây bút rút khỏi mặt trận phê bình chính thức. Họ hầu như không xuất hiện ở các hội nghị, hội thảo, cũng không cộng tác với báo chí, song vẫn giữ sự tự trọng và nghiêm cẩn của người làm nghề, tự viết và tự đăng suy nghĩ của mình lên facebook hoặc blog cá nhân, theo họ đây là cách tốt nhất tham gia vào đời sống phê bình văn học. Bài viết không bị ai kiểm duyệt, không bị biên tập thêm thắt, cắt xén, làm sai lệch suy nghĩ của mình. Ai biết và thích thì vào, không thì thôi. Cách rút lui ấy cũng là một phương thức lành mạnh nếu như ở đó vẫn giữ được ngọn lửa yêu nghề và tôn trọng pháp luật về quản lý mạng.

Từ tất cả những lý do ấy, ta thấy, dù cơ cấu trong các tổ chức vẫn đủ lệ bộ, về nhân sự vẫn có sự bổ sung số lượng hàng năm, nhưng nhìn chung lực lượng thưa vắng đi, thiếu hụt ngày càng rõ, chất lượng ngày càng tụt hậu, không đáp

ứng được yêu cầu. Số cây bút có uy tín nghề nghiệp cao trong xã hội ngày một ít đi, trong khi những tài năng mới lại chưa thấy nảy nở, xuất hiện.

Cắt nghĩa cho sự sa sút này, chúng tôi nghĩ cần đi từ nguồn gốc sâu xa của vấn đề. Nói đến phê bình là nói đến việc thẩm định, luận bàn, đánh giá những hiện tượng văn học (tác phẩm, tác giả, sự kiện) mới ra đời, còn chưa ổn định, chưa bao giờ được xem là dễ dàng. Nó bị chi phối bởi nhiều lý do, từ tri thức và vốn sống tích lũy, từ mối quan hệ tình cảm giữa người viết và đối tượng, tiêu chí thẩm định luôn biến động, rồi áp lực về thời gian, tâm lý đám đông, và trong cõi sâu xa nhất không tránh khỏi những áp lực về lợi ích, vì vậy, tiệm cận được bản chất của hiện tượng, chân lý của vấn đề là cực khó. Đồng thời, phải thể hiện ý tưởng, suy nghĩ ấy một cách nghệ thuật, độc đáo. Hơn nữa, nhận thức luôn luôn là một quá trình, cuộc sống chuyển động không ngừng, có khi hôm nay nghĩ là đúng, là chân lý, nhưng có thể ngày mai không còn phù hợp, không còn chính xác nữa. Tự tin một cách quá đáng có thể trở nên lố bịch, sẽ bị chế giễu, trở thành “bia chử” để đời.

Mặt khác, muốn làm phê bình đòi hỏi phải có hiểu biết, phải học hành tích lũy tri thức chuyên môn đến một mức độ nhất định mới có thể hành nghề. So với các lĩnh vực khác trong văn học, nghệ thuật, năng khiếu ở đây đóng vai trò khá nhỏ bé, có thể giúp người ta tinh tế hơn trong cảm thụ, nhuần nhị hơn trong nhận xét, trôi chảy trong hành văn, nhưng không chuẩn bị một hành trang kiến thức đầy đặn thì khó có thể đi xa. Lại còn phải là người dám dấn thân, dám chịu trách nhiệm, điềm tĩnh trước va chạm, tựa như người

lính ra trận, nhiều khi phải chấp nhận thương vong, sẵn sàng hy sinh vì tình yêu nghề nghiệp, vì sự nghiệp lớn khi lựa chọn mục đích cho cuộc đời mình. Đây cũng là mảnh đất ít màu mỡ cho những lợi ích kinh tế. Không có chuyện siêu “lợi nhuận” từ công việc này. Phân diện tích dành cho phê bình trên các cơ quan thông tin đại chúng, nơi canh tác của lý luận, phê bình thường là eo hẹp so với những nội dung khác. Đòi hỏi chất lượng lại thường cao, gắn liền với những tiêu chí chặt chẽ. Đối với những người viết ưa sự tung tẩy, phá cách thì có khi phải chấp nhận “gọt chân cho vừa giày”, thậm chí, ý tưởng khó đến được với người đọc nếu người biên tập và duyệt bài không rộng lòng khi tổ chức trang báo. Nhuận bút thường thấp, không ai có thể sống và làm giàu bằng sự lao động trên lĩnh vực này. Do đó, chấp nhận vào cuộc tức là chấp nhận hy sinh, thiệt thòi. Đối với từng cá nhân, với tình yêu nghề và sự đam mê lớn, có thể dũng cảm vượt qua, nhưng còn bao nhiêu mối quan hệ khác không dễ gì chấp nhận. Nói thế để thấy vượt qua những tác động nghề nghiệp ban đầu khi chuẩn bị cho nhập cuộc đã là khó, đến khi lại nhận trắc trở, bức bối, va chạm trong quá trình hành nghề thì rất dễ chán nản và rời bỏ cuộc chơi, không phải là không xảy ra.

Một vấn đề cũng cần quan tâm là tác động của hệ thống giải thưởng. Về chuyện này, khi xem xét phê bình văn học không thể tách rời cơ chế chung. Còn nhớ vào đầu những năm 1980, việc ra đời các giải thưởng của các Hội chuyên ngành và sau đó thêm các giải thưởng cấp cao là Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về văn học, nghệ thuật đã đem lại một sinh khí mới cho những người làm

nghề. Vinh dự được đón nhận giải thưởng có thể là niềm vui lớn bậc nhất trong đời người, nó xóa đi cả những vết cát có thể có đâu đó trong quá trình hoạt động của một vài văn nghệ sĩ. Trong một hai lần đầu, giải thưởng được dư luận đồng tình vì thấy những tác phẩm, tác giả được giải hoàn toàn xứng đáng. Nhưng dần dần, các lần sau, không chỉ là những xì xầm về điểm này điểm khác mà sự đồng thuận trong giới cũng như dư luận không được như trước vì chất lượng của tác phẩm, tác giả chưa thật “tâm phục khẩu phục”, mà tiêu chí cũ cũng có những điều không còn thích hợp. Lại băn khoăn tác phẩm “giá trị đặc biệt xuất sắc” không phải lúc nào cũng có, nhiều khi tinh hoa của một đời đã qua và đã dự ở giải trước rồi, nay muốn đủ tiêu chí có khi phải chiết cổ, gạn thêm, đôn lên, khiến chất lượng của giải sa sút. Đây là chưa kể những nguyên do từ sự thiếu tinh tường về mặt chuyên môn, sự thiếu công tâm của thành viên, tầng nấc trong các Hội đồng giám khảo. Vì thế, không chỉ uy tín của các giải bị giảm mà dư luận và người được giải ít hào hức chờ đón hơn.

Nhân chuyện giải thưởng này, chúng tôi cũng thấy đang xuất hiện những loại hình giải thưởng vừa là niềm vui vừa là nỗi lo. Đó là những loại hình mang yếu tố cá nhân, như Giải thưởng Trần Văn Giàu, Giải thưởng Bùi Xuân Phái, Giải thưởng Phan Chu Trinh, hay Giải thưởng mệnh danh là “Nôben Việt Nam” của Tập đoàn Bảo Sơn... Đúng là theo quan điểm mới, về nguyên tắc, các thành phần kinh tế đều có quyền tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống, kể cả trao tặng giải thưởng cho văn học, nghệ thuật hay giáo dục, khoa học - công nghệ. Nếu có thêm hình thức tôn vinh, động viên khích lệ cho tác phẩm, công trình nghệ thuật hay khoa học

có giá trị thì thật đáng quý, cần coi là niềm vui. Nhưng nếu việc trao ấy lại nhằm một mục đích chưa hẳn lành mạnh, một định hướng không đúng đắn, thì lại là nỗi lo. Hơn nữa, những giải thưởng này nhiều khi có những hấp dẫn riêng, trong đó, về giá trị tài chính, có giải thưởng còn lớn hơn nhiều so với các giải thưởng cao của Nhà nước. Tất nhiên, nếu quan sát kỹ thì hiện nay, phần lớn các loại hình giải thưởng “ngoài công lập”, đều có “bảo trợ” của cơ quan Nhà nước nhưng điều chắc chắn là “ai bỏ tiền ra người đó có quyền quyết định”, chi phối, thì những kết quả “khó hiểu” như trao cho các tác phẩm không phù hợp với định hướng chung mà báo chí đã chỉ ra và bàn luận (!). Tất nhiên, đây chỉ là hoạt động của một nhóm (có nhóm nay đã ngừng hoạt động) nhưng trong tình hình hiện tại mà còn vậy thì không biết nay mai sẽ đi đến đâu. Và khi ấy, dòng chính của giải thưởng sẽ là gì, sẽ hướng về đâu. Nói gì thì nói, trao giải thưởng bao giờ cũng là một cách định hướng. Nếu cứ để các kiểu giải thưởng tràn lan xuất hiện và tùy tiện tác động vào thị trường sáng tạo thì điều gì sẽ xảy ra, nếu không may các yếu tố thiếu lành mạnh xuất hiện, chi phối. Rõ ràng, chúng ta cần dự báo và có kế hoạch, không để tình hình xấu xảy ra mới bàn chuyện đối phó, nhiều khi trở tay không kịp.

3. Vài giải pháp cốt lõi

Thực ra, một số hạn chế nêu trên từng xuất hiện trong đời sống phê bình những năm trước đây nhưng chúng ta chưa quan tâm đúng mức hoặc chưa thấy rõ tính nghiêm trọng của vấn đề để giải quyết, vì thế chúng vẫn tồn tại, phát triển. Quyết tâm “Kiên quyết khắc phục những yếu kém kéo

dài của hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật, nâng cao tính khoa học, tính thuyết phục, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh sáng tác, phê bình văn nghệ”¹ từ Nghị quyết số 23 của Bộ Chính trị (2008) đã hơn mười năm nhưng chưa mấy hiệu quả. Vì thế, cần thấy tính cấp bách của vấn đề và có những biện pháp mạnh mẽ để đời sống phê bình văn học lành mạnh và phát triển tốt hơn.

Đầu tiên là cần thay đổi nhận thức có tính chiến lược cho công tác phê bình nghệ thuật nói chung, trong đó có phê bình văn học. Tất nhiên, không thể tách rời phê bình và lý luận. Chiến lược này không chỉ là định hướng rõ ràng cho nền lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật mà còn cần hoạch định những lĩnh vực cần quan tâm, những mục tiêu cần vươn tới, phương thức thực hiện và nguồn nhân lực đảm trách. Chẳng hạn, khi chủ trương tiếp thu tinh hoa của dân tộc và nhân loại về lý luận, phê bình để vận dụng vào thực tiễn thì làm gì để thực hiện mục tiêu đó, phải chăng là mở rộng quan niệm và hành lang pháp lý cho người hoạt động; tập trung giới thiệu, nghiên cứu những nội dung gì, trường phái nào, tác gia, tác phẩm nào, phân công những ai, ở đâu sẽ đảm nhiệm các công việc theo lộ trình dự kiến. Khi quyết tâm tổ chức lại công tác phê bình trong xã hội thì các trung tâm nghiên cứu và giảng dạy, các cơ quan thông tin đại chúng cần làm gì và làm như thế nào cho đạt được yêu cầu. Muốn vậy cần chuyển động từ cấp cao nhất, cấp chiến lược, cho đến toàn bộ hệ thống chuyên ngành của xã hội. Điều

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.67, tr.657.

này đòi hỏi nhiều tâm huyết, đột phá khỏi nếp nghĩ quen thuộc, trên cơ sở nhận thức sâu hơn về giá trị văn hóa, hiểu được giá trị cao trong lĩnh vực tinh thần là vô giá, và sự ghi nhận, tưởng thưởng không chỉ là những người trực tiếp sáng tạo, mà cần đặc biệt ghi nhận công lao của những người, những tổ chức vun trồng và chăm lo cho sự sáng tạo kết tinh và nảy nở.

Một giải pháp quan trọng khác là chăm lo xây dựng đội ngũ. Việc này nhiều khó khăn và mang nét đặc thù. Không nóng vội nhưng không để chậm trễ. Phải bắt đầu từ xây nền móng, từ khâu đào tạo. Cần chuẩn bị văn hóa từ trong các trường phổ thông, trong đó có việc hình thành về cấu trúc nhân lực trong xã hội, theo mục tiêu một cách chủ động, không để phát triển một cách tự phát “tự nhiên nhi nhiên”. Gần đây, chúng ta đều vui khi biết, nhận thấy sự thiếu hụt nhân lực ở một số lĩnh vực nghệ thuật đặc thù, Chính phủ đã chỉ đạo và đặt hàng cho bộ chuyên ngành đào tạo theo chính sách đặc biệt, nhằm tăng cường nhân lực đáp ứng nhiệm vụ trong tương lai. Theo suy nghĩ của chúng tôi, phê bình văn học, nghệ thuật là một nhánh cần quan tâm trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn, có lẽ cũng cần có một chủ trương và việc làm tương tự để tăng cường lực lượng, trước hết nhằm vào ba đối tượng chủ yếu sau:

Thứ nhất, là nhân sự cho công tác lãnh đạo, quản lý, trong đó có lãnh đạo ở cấp chiến lược, vì lâu nay, những người đảm trách vị trí công việc này thường chưa đủ sự chuyên sâu cần thiết. Vì vậy, khi lãnh đạo, chỉ đạo thường chung chung, thiếu quyết đoán. Nếu lực lượng này thực sự đủ tri thức, đủ năng lực chuyên môn sẽ không chỉ thuận lợi

trong xử lý công việc với sức thuyết phục cao, mà tầm nhìn và suy nghĩ cũng xa rộng hơn khi đề xuất các vấn đề ở tầm vĩ mô như đường lối, chủ trương, chính sách cho hoạt động văn học, nghệ thuật.

Thứ hai, là xây dựng đội ngũ chuyên gia thực thi công việc phê bình. Đó là nhân sự ở các viện nghiên cứu, các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn, các chuyên ngành lý luận, phê bình của các hội văn nghệ. Họ là biểu hiện sinh động của nhân sự hoạt động trên mặt trận quan trọng và tinh tế này, từ phẩm chất chính trị, trình độ lý luận, bản lĩnh ứng xử, tình yêu và sự say mê nghề nghiệp, từ đó sáng tạo những phong cách đặc sắc, đủ sức thẩm định các hiện tượng cụ thể, dự báo, khơi gợi những chiều hướng phát triển trong phê bình và sáng tác. Họ cũng là lực lượng cần thiết can dự vào các sự kiện khi tình hình yêu cầu, đủ uy tín thuyết phục dư luận, truyền bá những kinh nghiệm quý, những bài học hay cho hoạt động phê bình.

Thứ ba, là đội ngũ biên tập viên, nhà báo chuyên ngành phê bình văn học, nghệ thuật của hệ thống xuất bản và truyền thông đại chúng. Đây là những người tiếp cận đầu tiên, thẩm định sớm nhất, góp phần đưa tác phẩm đến với người đọc. Họ cũng là những người nêu ra và gợi mở suy nghĩ về đối tượng. Những đánh giá trung thực, khoa học, khách quan về một hiện tượng văn chương nào đó của họ sẽ là những gợi ý tốt hướng mọi người cùng hưởng thụ, luận bàn, thẩm định, đánh giá, từ đó nhân rộng ra, tạo luồng tư tưởng tích cực trong dư luận xã hội. Nếu lực lượng này hoạt động hiệu quả sẽ có sức mạnh rất lớn, không chỉ có lợi cho công tác tư tưởng mà còn là nhân tố góp phần làm lành mạnh hóa đời

sống phê bình, thúc đẩy các hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật phát triển.

Để đạt được mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các khâu trong quy trình phát hiện, chọn lọc, bồi dưỡng, đào tạo, chăm lo, tạo điều kiện và sử dụng nhân tài, như mọi lĩnh vực đều cần phải tiến hành. Nhưng đây lại là nội dung sẽ bàn ở một chuyên đề khác. Tất nhiên, để có được nhân tài trong lý luận, phê bình, chắc chắn là một việc khó trong những việc khó của xã hội.

Dù khó khăn nhưng không thể không làm vì mỗi hoạt động trong mỗi lĩnh vực sẽ là viên gạch đóng góp xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, hùng cường, nền văn hiến Việt Nam rạng rỡ mà cha ông ta trong những điều kiện khó khăn và thiếu thốn hơn nhiều vẫn không quên vun trồng, chăm sóc để ta có được hôm nay, thì không lẽ gì, trong điều kiện nhiều thuận lợi hơn, nhận thức sâu sắc hơn, chúng ta không nhiệt thành nhập cuộc, tổ chức hoạt động và tận tụy cống hiến cho xứng đáng.

NGHIÊN CỨU, PHÊ BÌNH VĂN HỌC DÂN TỘC THIẾU SỐ: HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

PGS.TS. TRẦN THỊ VIỆT TRUNG

Vào những năm trước 2010 đã có khá nhiều người (là các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, phê bình) từng lo lắng, quan ngại về tình hình nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số, bởi theo họ thì mảng hoạt động này đang ở tình trạng “vừa thiếu lại vừa yếu”, “chưa theo kịp tình hình sáng tác “ngày càng tích cực, ngày càng phong phú và ngày càng có nhiều thành tựu hơn” của văn học dân tộc thiểu số thời kỳ mới (thế kỷ XXI)”. Nhưng chỉ sau gần 10 năm (từ năm 2010 tới nay) - với sự hoạt động khá tích cực và hiệu quả của nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số - một mặt, để lấp dần khoảng trống về mảng nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số trong đời sống nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học Việt Nam nói chung, mặt khác, để khắc phục tình trạng hoạt động “vừa thiếu lại vừa yếu”, “chưa theo kịp sáng tác” của nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trong đời sống văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện đại, cũng như để khẳng định và thể hiện sự có mặt của mình với tư cách là “sự tự ý thức” ngày một sâu sắc hơn về tiếng nói văn chương của cộng đồng các dân tộc thiểu số

Việt Nam trong đời sống văn học nước nhà thời kỳ hiện đại và hội nhập quốc tế... nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số đã có sự khởi sắc, phát triển khá mau chóng và đã đạt được một số thành tựu đáng ghi nhận, đáng trân trọng.

Sau đây, tôi xin được điểm qua tình hình hoạt động của nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số trong thời gian qua để chứng minh cho những điều vừa khẳng định ở trên:

Hầu hết các vấn đề thuộc về lý luận văn học dân tộc thiểu số thời kỳ hiện đại đã được các nhà lý luận, phê bình (hoặc các nhà văn, nhà thơ viết nghiên cứu, phê bình...) của thời trước 2010 đưa ra bàn luận khá sôi nổi. Đó là các vấn đề: tính truyền thống và tính hiện đại, ngôn ngữ và chữ viết, vấn đề phản ánh, thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số... trong sáng tác của các nhà văn dân tộc thiểu số; vấn đề phát triển đội ngũ các nhà văn dân tộc thiểu số; vấn đề các chủ trương, chính sách, chế độ... của Đảng và Nhà nước về việc bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong văn học, nghệ thuật của cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại và hội nhập... Trong hàng loạt các tác phẩm nghiên cứu, phê bình, các tiểu luận, các bài viết, các tham luận hội thảo... của các nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, phê bình, nhà quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật như: Nông Quốc Chấn, Nông Viết Toại, Vi Hồng, Lâm Tiến, Phong Lê, Đinh Văn Định, Triều Ân, Hoàng An, Vi Hồng Nhân, Vương Anh, Vương Trung, Lò Ngân Sủn, Ma Trường Nguyên, Mai Liễu, Phạm Quang Trung, Cao Văn Tư, Hà Lâm Kỳ, Inrasara, Chẩm Hương Việt,

Yang Danh, K. Đích, Dương Thuấn, Hoàng Quảng Uyên, Triệu Kim Văn, Mã A Lềnh, Cao Duy Sơn, Triệu Lam Châu,... đã bàn bạc khá sâu về vấn đề này. Và cũng trong thời kỳ này, một số tiêu chí cơ bản cũng đã được xác lập, trở thành căn cứ để thẩm định, đánh giá các giá trị của tác phẩm văn học do các nhà văn dân tộc thiểu số sáng tác. Còn về phương pháp nghiên cứu, phê bình được ứng dụng chủ yếu là phương pháp xã hội học, bên cạnh đó có một số cây bút nghiên cứu, phê bình đã vận dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như: phương pháp phân tích tác phẩm theo đặc trưng thể loại, hoặc ứng dụng các thao tác nghiên cứu của Thi pháp học... Quả thực, nghiên cứu, phê bình giai đoạn này chưa theo kịp tốc độ phát triển của sáng tác; đội ngũ các nhà nghiên cứu, phê bình còn thưa thớt, chỉ có một số ít cây bút nghiên cứu, phê bình có tính chuyên nghiệp, còn chủ yếu là các cây bút phê bình theo kiểu “tự túc” (họ chính là các nhà thơ, nhà văn vừa sáng tác, vừa nghiên cứu, phê bình). Vì thế, ít khi xuất hiện những tác phẩm, những công trình nghiên cứu, phê bình có quy mô (từ vài trăm trang trở lên), có tính lý luận và thực tiễn cao; hoặc cũng ít có những tác phẩm vừa giàu chất văn, vừa có tính học thuật, hấp dẫn người đọc! Chủ yếu là ở dạng những cuốn sách giới thiệu chân dung tác giả, giới thiệu nội dung tác phẩm với những bình luận, những nhận định, nhận xét mang tính ghi nhận, động viên là chính (ít có sự phê bình, góp ý) đối với các tác giả, tác phẩm dân tộc thiểu số khi xuất hiện trên văn đàn (hoặc thi đàn)...

Nhưng từ năm 2010 trở lại đây, chúng tôi nhận thấy có một sự chuyển biến khá rõ rệt, một sự “khởi sắc” thực sự

trong lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học dân tộc thiểu số. Đường như đã tự nhận thấy một sự thiếu hụt đáng kể, những khoảng trống cần phải bù đắp trong đời sống văn học các dân tộc thiểu số hiện nay nên khá nhiều cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học (kể cả là người dân tộc thiểu số và người Kinh - những người đã từng gắn bó, am hiểu sâu sắc về cuộc sống, con người và văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng cao), cùng các nhà văn, nhà thơ dân tộc thiểu số yêu thích công việc nghiên cứu, phê bình - đã tập trung ngòi bút cùng những tình cảm, trí tuệ của mình vào việc viết những cuốn sách, những công trình nghiên cứu, phê bình về văn học dân tộc thiểu số Việt Nam với thái độ nghiêm túc, khoa học và khách quan. Với sự yêu mến và niềm say mê đặc biệt đối với bộ phận văn học giàu bản sắc văn hóa tộc người này, các cây bút nghiên cứu, phê bình đã phát hiện ra nhiều nét đặc sắc, độc đáo mang đậm chất dân tộc và miền núi của các tác phẩm văn chương do các tác giả dân tộc thiểu số sáng tác. Bằng việc vận dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, phê bình khác nhau, mang tính mới, hiện đại (thậm chí còn có cả màu sắc hậu hiện đại), họ đã có nhiều cách tiếp cận với các tác phẩm văn học dân tộc thiểu số để khám phá, phát hiện ra những giá trị, những tầng ý nghĩa khác nhau, cũng như những nét đặc sắc, hấp dẫn của “món ăn tinh thần” đậm bản sắc tộc người này (ví dụ như các cách tiếp cận: Từ góc độ văn hóa, từ quan điểm phê bình sinh thái, từ lý thuyết “nữ quyền luận”... cùng với cái nhìn đa chiều, đa góc cạnh về hiện thực, cuộc sống, con người... trong các tác phẩm văn chương dân tộc thiểu số). Có lẽ vì thế mà trong giai đoạn này, cùng một lúc đã xuất hiện khá nhiều cuốn sách, công trình nghiên cứu,

phê bình văn học dân tộc thiểu số có quy mô khá đồ sộ (từ 500 đến hàng nghìn trang) nghiên cứu một cách khái quát, tổng thể về quá trình hình thành, vận động và phát triển của văn học dân tộc thiểu số thời kỳ hiện đại; hoặc nghiên cứu về văn học của từng dân tộc (dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Ba Na, Ê Đê, Gia Rai, Chăm, Khmer...); hoặc của từng thể loại (thơ, tiểu thuyết, truyện ngắn (hoặc văn xuôi nói chung) và nghiên cứu, lý luận, phê bình...); hoặc viết chân dung các nhà văn dân tộc thiểu số; hoặc giới thiệu, phê bình tác phẩm của các tác giả dân tộc thiểu số. Những cái tên nhà nghiên cứu, phê bình đã trở thành quen thuộc đối với đời sống văn chương dân tộc thiểu số bởi các bài viết, các công trình như thế, như: Lâm Tiến, Trần Thị Việt Trung, Phạm Quang Trung, Hoàng Tuấn Cư, Đào Thủy Nguyên, Cao Thị Hảo, Phạm Duy Nghĩa, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Kiến Thọ, Văn Công Hùng, Lộc Bích Kiệm, Lê Thị Bích Hồng, Đỗ Thị Thu Huyền, Hỏa Diệu Thúy, Hoàng Quảng Uyên, Ma Trường Nguyên, Y Phương, Nguyễn Thị Thu Hoài, Mai Liễu, Nông Thị Ngọc Hòa, Linh Nga Niêk Đăm, Nguyễn Thị Hải Anh, Bàn Quỳnh Dao,...

Từ những bài viết, những cuốn sách, những công trình nghiên cứu, phê bình văn học dân tộc thiểu số này, người đọc đã được tiếp cận (gián tiếp) với các tác phẩm văn học dân tộc thiểu số và đã nhận ra được vẻ độc đáo, đặc sắc, hấp dẫn trong từng tác phẩm; đã cảm nhận được cái hay, cái đẹp... cũng như một số giới hạn trong sáng tác của các nhà văn dân tộc thiểu số (trên cả hai phương diện: nội dung phản ánh và nghệ thuật thể hiện). Có mặt hầu hết trong các công trình nghiên cứu, các cuốn sách, bài viết về văn học dân tộc thiểu số

thời kỳ hiện đại là các gương mặt nhà văn, nhà thơ tiêu biểu thuộc các thế hệ khác nhau, các dân tộc thiểu số khác nhau, cùng với những tác phẩm đặc sắc, đã thu hút được nhiều sự chú ý đối với độc giả của họ. Đó là các nhà văn, nhà thơ: Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Nông Minh Châu, Hoàng Hạc, Vi Hồng, Triều Ân, Vương Anh, Vương Trung, La Quán Miên, Lò Cao Nhum, Mā A Lènh, Mā Thế Vinh, Vi Thị Kim Bình, Triệu Kim Văn, Ma Trường Nguyên, Hà Lâm Kỳ, Hà Thị Cẩm Anh, Cao Duy Sơn, Y Phương, Inrasara, Nông Thị Ngọc Hòa, Y Đêng, Kim Nhất, Linh Nga Nieek Đăm, Niê Thanh Mai, Triệu Lam Châu, Lò Ngân Sản, Pờ São Mìn, Đoàn Hữu Nam, Hữu Tiến, Bùi Thị Như Lan, Đoàn Ngọc Minh, Đoàn Lư, Bùi Minh Chúc, Bùi Tuyết Mai, Dương Thuấn, Dương Khâu Luông, Hoàng Quảng Uyên, Hà Trung Nghĩa, Hà Lý, Hoàng Diệu Tuyết, Hoàng Thanh Hương, Lương Định, Hoàng An, Vi Thùy Linh, Nông Văn Lập, Tống Ngọc Hân, Hoàng Chiến Thắng, Nông Thị Tô Hường,...

Các nhà văn, nhà thơ dân tộc thiểu số cùng những sáng tác của họ đã thực sự trở thành “đối tượng thẩm mỹ” đầy sức hấp dẫn đối với các cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình. Họ đã say sưa, thậm chí là đam mê đọc, tìm hiểu, nghiên cứu... và đã đưa ra những nhận xét, đánh giá, thẩm bình khá sâu sắc, tinh tế trên tinh thần khách quan và khoa học về những nét đặc sắc, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa tộc người trong từng bài thơ, câu thơ, trong ngôn ngữ và hình ảnh thơ; trong từng trang văn, trong từng kiểu loại nhân vật với tính cách, ngôn ngữ, cùng với thế giới nội tâm phong phú, phức tạp khác nhau của các loại nhân vật trong văn xuôi (truyện ngắn, tiểu thuyết,...). Bên cạnh đó,

với cái nhìn đầy khách quan, khoa học, các cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình cũng đã thăng thắn đưa ra những nhận xét, đánh giá mang tính phê bình, góp ý, chỉ ra những giới hạn, những khiếm khuyết cần phải khắc phục, vượt qua trong quá trình sáng tác của các nhà văn, nhà thơ dân tộc thiểu số - nhất là trong giai đoạn hiện nay, giai đoạn hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, trên tất cả các vùng miền của đất nước (kể cả vùng sâu, vùng xa xôi, hẻo lánh, vùng đồng đảo người dân tộc thiểu số sinh sống). Chính vì vậy, ngoài chức năng đánh giá, thẩm bình, ghi nhận, tôn vinh và quảng bá những vẻ đẹp, những nét độc đáo, đặc sắc của các tác phẩm văn chương do các nhà văn dân tộc thiểu số sáng tác tới đồng đảo người đọc trong cả nước, hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình cũng đã góp phần quan trọng vào việc định hướng cho văn học dân tộc thiểu số phát triển một cách lành mạnh, đúng hướng, phát huy được sức mạnh, phát huy được sở trường và năng lực sáng tạo của các nhà văn dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn chương của đồng đảo người đọc đương thời, theo kịp xu thế phát triển của thời đại mà không làm mất đi bản sắc riêng biệt của mình. Có lẽ, cũng chính vì những ý nghĩa, những giá trị, những tác động và những đóng góp đáng khẳng định này của nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số trong những năm qua đối với đời sống văn học của cộng đồng các dân tộc thiểu số nói riêng, của cả nước nói chung nên đã có khá nhiều tác phẩm nghiên cứu, lý luận, phê bình được nhận giải thưởng cao của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, của Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam, của Hội Văn học,

nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam và của Hội Xuất bản Việt Nam (ví dụ như các cuốn sách: *Nghiên cứu, phê bình về văn học dân tộc thiểu số* của PGS.TS. Trần Thị Việt Trung; *Những người đúc đá kê cao quê hương* của PGS.TS. Lê Thị Bích Hồng; *Văn học các dân tộc thiểu số - một bộ phận đặc thù của văn học Việt Nam* của ThS. Lộc Bích Kiệm; *Bản sắc văn hóa dân tộc trong văn xuôi của các nhà văn dân tộc thiểu số* của PGS.TS. Đào Thủy Nguyên, *Thor dân tộc Tày sau năm 1945* của TS. Đỗ Thị Thu Huyền, *Viết từ miền hoa ban* của Trần Đại Tạo,...).

Nhưng nói như vậy không có nghĩa là hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số đã thực sự mạnh, đã thực sự thực hiện tốt và đạt hiệu quả cao các chức năng, nhiệm vụ của mình đối với sự vận động và phát triển của văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kỳ hiện đại và hội nhập hiện nay. Đây mới chỉ là sự “khởi sắc” ban đầu sau những hoạt động khá tích cực của đội ngũ những người làm công tác nghiên cứu, phê bình văn học dân tộc thiểu số trong thời gian qua. Vì vậy, chúng tôi thấy rằng rất cần phải có một sự nhận thức đầy đủ và sâu sắc về việc cần thiết phải có những định hướng, những giải pháp, những kế hoạch cụ thể được xây dựng và tổ chức thực hiện từ phía các cơ quan quản lý, các nhà quản lý văn học dân tộc thiểu số, nhằm thúc đẩy và nâng cao chất lượng hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học trong giai đoạn phát triển mới của văn học dân tộc thiểu số Việt Nam đương đại.

Sau đây, chúng tôi xin được đưa ra một số ý kiến cụ thể về việc cần hướng tới một số mục tiêu và xây dựng một số giải pháp để có thể thực hiện được các mục tiêu đó trong lĩnh

vực nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số trong thời gian tới:

- Cần phải thực sự coi trọng công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình trong đời sống văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam đương đại. Coi đây là một hoạt động vừa có tính tư tưởng, vừa có tính nghệ thuật cao; là một hoạt động có tác động mạnh mẽ tới sự phát triển phong phú, lành mạnh và đúng hướng của văn học các dân tộc thiểu số trong giai đoạn mới của đất nước. Từ đó, đặc biệt chú ý đến việc xây dựng một đội ngũ các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số ngày càng đông đảo hơn và mang tính chuyên nghiệp rõ nét hơn: giỏi về chuyên môn (có sự am hiểu sâu sắc về văn hóa, văn học dân tộc thiểu số, có trình độ lý thuyết, lý luận cao, có sự yêu thích, đam mê và trân trọng tiếng nói văn chương của cộng đồng các dân tộc...); vững vàng về tư tưởng chính trị để có thể thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mình đối với sự vận động và phát triển của văn học các dân tộc thiểu số.

- Phải đẩy mạnh và nâng cao số lượng, chất lượng các tác phẩm nghiên cứu, lý luận, phê bình; đa dạng hóa các hình thức hoạt động của lý luận, phê bình; tăng cường mối quan hệ (gắn bó, gần gũi, chia sẻ, đồng hành...) với những người sáng tác, bám sát thực tiễn sáng tác, phản ánh kịp thời, dự báo chính xác, đánh giá khách quan các hiện tượng văn học và phê phán kịp thời, kiên quyết với các tác phẩm văn học có tư tưởng tiêu cực, lệch lạc; nắm bắt được các xu thế phát triển của văn học, góp phần định hướng cho văn học dân tộc thiểu số phát triển một cách mạnh mẽ, đa dạng, phong phú, hiện đại nhưng luôn đậm đà bản sắc văn hóa các tộc người miền núi.

Để thực hiện được các mục tiêu này, chúng tôi xin đưa ra một giải pháp cụ thể như sau:

- Hội Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam cần phải thành lập một Ban Chuyên môn, Ban Nghiên cứu, lý luận, phê bình, nhằm thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng đội ngũ, xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động một cách chuyên nghiệp hơn, bài bản và tích cực hơn để có thể thực hiện tốt được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình đối với sáng tác nói riêng, đối với đời sống văn học các dân tộc thiểu số nói chung.

- Tích cực tổ chức các lớp tập huấn (hoặc các trại sáng tác riêng cho các cây bút nghiên cứu, lý luận, phê bình) nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao về kiến thức, về nhận thức (về các mặt: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội...) đối với những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số, để họ có thể thực hiện tốt hơn, chắc chắn và sâu sắc hơn các bài viết, các công trình nghiên cứu, phê bình của mình.

- Tích cực tổ chức các cuộc hội thảo khoa học có tính chất khu vực, quốc gia và quốc tế (về tác giả, tác phẩm; về các vấn đề mới được đặt ra trong đời sống văn học dân tộc thiểu số) để các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình được lên tiếng, được trao đổi, tranh luận về các vấn đề mang tính học thuật và tính tư tưởng.

- Để kích thích khả năng sáng tạo và để ghi nhận những cố gắng, nỗ lực và những đóng góp đáng trân trọng của những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học dân tộc thiểu số nói riêng, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật dân tộc thiểu số nói chung, hàng năm (hoặc 2 năm/lần), Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số

Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam tổ chức xét và trao giải thưởng cho các tác phẩm nghiên cứu, lý luận, phê bình xuất sắc của năm (hoặc 2 năm).

- Để tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình có thể thực hiện được các công trình nghiên cứu về văn học dân tộc thiểu số có quy mô, có chất lượng cao - đề nghị Hội Văn học dân tộc thiểu số Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam thực hiện chế độ đặt hàng cụ thể (về đê tài, về số trang sách, về chất lượng nghiên cứu, phê bình về kinh phí thực hiện...) để các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình có thể chủ động thực hiện công trình nghiên cứu, phê bình của mình về văn học dân tộc thiểu số một cách tốt nhất, có chất lượng cao nhất.

NHỮNG TÁC ĐỘNG KHÁCH QUAN VÀ CHỦ QUAN ĐẾN DIỄN NGÔN LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. LÊ DỤC TÚ

1. Trường tri thức tác động đến việc thay đổi diễn ngôn phê bình

Nếu coi diễn ngôn là cách kiến tạo thế giới bằng ngôn từ và là một hình thái nghệ thuật tư tưởng để kiến tạo ra thế giới quan mới, góp phần làm thay đổi cảm nhận và đánh giá về thế giới thì có thể nói rằng từ sau năm 1986, diễn ngôn văn học nói chung và diễn ngôn phê bình nói riêng đã có sự chuyển hướng mạnh mẽ. Sự chuyển hướng này hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên mà nó chịu sự chi phối của yếu tố thời đại, mà cụ thể hơn là trường tri thức thời kỳ này bao gồm sự ảnh hưởng của những yếu tố sau:

a) Sự thay đổi trong định hướng văn nghệ

Một trong những nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng tới hiện trạng của phê bình văn học từ sau Đổi mới (1986) đến nay là sự thay đổi trong định hướng văn nghệ. Có thể nói sự đổi mới của văn học, nghệ thuật nói chung, văn học nói riêng giai đoạn này đã nhận được sự cổ vũ to lớn của toàn xã hội và

sự khuyến khích của Đảng thể hiện qua những chủ trương, chính sách về văn hóa, văn nghệ. Ngày 15/4/1986, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 82-CT/TW về *công tác tư tưởng năm 1986*. Cũng trong năm 1986, Đại hội Đảng VI được tiến hành, đánh dấu sự đổi mới của Đảng về tư duy, nhận thức, trước hết ở thái độ đề cao việc nhìn thẳng vào sự thật, dám nói thật, phát huy tinh thần dân chủ trong xã hội. Tiếp theo đó, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28/11/1987 của Bộ Chính trị đề ra yêu cầu nền văn hóa, văn nghệ phải đổi mới: đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm, văn nghệ hiện thực Việt Nam phải thể hiện tiếng nói đầy trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của sự thật, của lương tri, các cấp ủy Đảng cần đổi mới và nâng cao trình độ quản lý văn hóa, văn nghệ, khai thác mọi tiềm năng sáng tạo, phát triển sự nghiệp văn hóa, văn nghệ một cách thuận lợi, chống lối gö ép, thiếu dân chủ, “Đảng khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi sáng tạo, khuyến khích và yêu cầu có những thể nghiệm mạnh bạo và rộng rãi trong sáng tạo nghệ thuật, trong việc phát triển các loại hình và thể loại nghệ thuật, các hình thức biểu hiện”¹. Ngoài ra, các chỉ thị về văn hóa, văn nghệ về phê bình văn học như Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 08/6/1989 của Ban Bí thư về *đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật*, Chỉ thị số 61-CT/TW ngày 21/6/1990 của Ban Bí thư về *một số vấn đề trong công tác quản lý văn học, nghệ thuật hiện nay*, đã tạo một bầu không khí mới cho sáng tạo và phê bình văn học. Trên tinh thần đó, văn hóa, văn nghệ Việt Nam đã tiến hành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006, t.48, tr.493.

các hoạt động phục dựng lại những giá trị văn hóa trước đây mà giai đoạn 1945-1975 bỏ qua. Trong văn học, các nhà phê bình đã giới thiệu và đánh giá lại một số tác phẩm của dòng văn học lãng mạn và hiện thực (tái bản lại một số tác phẩm của *Tự lực văn đoàn*, đề cao *Thơ mới* và các sáng tác của Vũ Trọng Phụng, đưa một số tác phẩm của *Tự lực văn đoàn* và *Thơ mới* vào chương trình sách giáo khoa) để khẳng định những đóng góp của trào lưu lãng mạn cho tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam thế kỷ XX, khẳng định những đóng góp của các nhà văn hiện thực cho văn học Việt Nam hiện đại. Một số tác phẩm khác ở giai đoạn sau, trước đây bị coi là có vấn đề, cũng được nhìn nhận và tái bản lại như *Vào đời* của Hà Minh Tuân, *Đống rác cũ* của Nguyễn Công Hoan, *Phá vây* của Phù Thăng, *Miền hoang tưởng* của Đào Nguyễn,... Cùng với đó, Đảng cũng đã tiến hành xem xét lại và trao giải thưởng cho một số tác giả và tác phẩm mà trước đây vì nhiều lý do chưa được đánh giá thỏa đáng, như trường hợp của Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt. Đó là những tác nhân tạo nên những chuyển biến tích cực cho văn học, nghệ thuật, tạo nên sự phấn khích không chỉ cho nhà văn mà còn tạo điều kiện tối ưu cho những hoạt động và đánh giá của giới phê bình.

Có thể nói, đường lối lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ từ sau năm 1986 đến nay đã tạo cơ hội cho văn học nói chung và phê bình nói riêng hình thành một quy tắc diễn ngôn mới cho mình. Trong môi trường dân chủ hóa, nhà phê bình đã dần rời xa lối phê bình “quyền uy, xu phụ” mang tính quy chụp với kiểu diễn ngôn mang nặng tính khen - chê một chiều trước đây. Họ đã dám nói thẳng, nói thật

những suy nghĩ cá nhân của mình trên tinh thần diễn ngôn của thời đại mới, có sự hài hòa giữa sự khẳng định và phủ định, không ngại ngần đưa ra những ý kiến “bên lề” để bảo vệ người sáng tác. Trường hợp tranh luận về những sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp một thời và những sáng tác về đề tài lịch sử hiện nay là những ví dụ điển hình về kiểu diễn ngôn đa thanh và dân chủ trong đời sống phê bình hiện nay.

Ngoài ra cũng phải thừa nhận rằng, các giải thưởng hằng năm của Hội Nhà văn, của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cũng là những kích thích không nhỏ để các nhà phê bình có động lực làm nghề. Hội đồng đã động viên kịp thời khi trao tặng thưởng hằng năm không chỉ cho các tác phẩm sách mà cả những bài phê bình nhỏ lẻ có chất lượng được bạn đọc đánh giá cao. Tuy vậy, tiêu chí trao giải thưởng nên có những quy chuẩn vì nhiều bạn đọc đã nhận xét rằng có những tác phẩm sách lý luận, phê bình được trao giải thưởng còn mỏng về dung lượng cũng như chất lượng bài viết. Trong tình hình phê bình, lý luận còn chưa thật sự bắt nhịp được với sáng tác thì tác phẩm lý luận, phê bình được trao giải thưởng mà chưa thuyết phục sẽ làm giảm đi rất nhiều sự hứng thú và sự tin cậy của bạn đọc dành cho giới phê bình.

b) Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường và sự giao lưu văn hóa toàn cầu

Nền kinh tế thị trường thời mở cửa với tất cả những phức tạp, gai góc của nó khiến chúng ta không thể nhìn cuộc sống bằng nhãn quan sử thi thuần khiết như những năm chiến tranh cách mạng. Những thước đo giá trị cũ, những chuẩn

mực cũ giờ đây khi cọ xát với cuộc sống xô bồ, hỗn tạp của thời hiện tại đã không còn giữ nguyên giá trị cũ. Điều này không chỉ tác động trực tiếp đến đời sống xã hội nói chung mà gián tiếp, nó còn tác động đến đời sống văn hóa, văn nghệ. Khi mọi giá trị trong đời sống biến thiên một cách mạnh mẽ, bản thân người sáng tác lẫn nhà phê bình cũng phải có một nhãn quan mới để phù hợp với cuộc sống hiện tại. Cơ chế kinh tế thị trường đã biến tất cả thành hàng hóa trong đó có cả những sản phẩm văn hóa, văn học. Tất nhiên, không loại trừ những ảnh hưởng tiêu cực do sự xuống cấp của văn hóa đọc hiện nay nhưng tác động của quy luật cung - cầu sòng phẳng với những yêu cầu ngày càng cao của người đọc phần nào cũng trở thành một nguồn lực không nhỏ kích thích sự đổi mới cách viết của nhà văn. Nhà văn cần phải có những thay đổi trong cách viết, thay đổi diễn ngôn để phù hợp với tâm lý, nhu cầu, thị hiếu của người đọc đương đại thì văn học mới có thể tồn tại và phát triển được. Đó cũng là nhân tố quan trọng làm cho những diễn ngôn cũ rạn nứt, lột xác và diễn ngôn mới được hình thành, được chấp nhận cả từ hai phía: người sáng tác và nhà phê bình.

Ngoài các tiền đề nêu trên, phải kể đến vai trò của phương tiện thông tin đại chúng, của công nghệ thông tin, của mạng internet. Nằm trong dòng chảy chung của thế giới, tại Việt Nam, sự bùng nổ thông tin liên mạng đã góp phần quan trọng làm thay đổi diện mạo của nhiều ngành khoa học trong đó có văn chương. Mạng internet đã tác động không nhỏ đến cách cảm, cách nghĩ của nhà văn lẫn độc giả. Sự bùng nổ của các diễn đàn, các website... đã khiến cho việc công bố những ý kiến phê bình trở nên thời sự và có hiệu ứng

tức thì với các tác phẩm được xuất bản mới. Hiện nay, chúng ta thấy đã xuất hiện khá nhiều các trang blog của các nhà phê bình có kiến thức về văn hóa mạng. Những trang mạng này đã giúp họ phần nào đưa cả những ý kiến cá nhân “bên lề”, giúp cho việc nhìn nhận, đánh giá các tác phẩm, hiện tượng nhanh nhạy, đa chiều hơn.

Gắn liền với phương tiện truyền thông đó chính là ảnh hưởng của phong trào văn hóa đại chúng. Kể từ những năm 90 của thế kỷ vừa qua trở lại đây, khi chúng ta mở cửa, hội nhập kinh tế thì lập tức tinh thần văn hóa đại chúng của các nước: Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc... cũng nhanh chóng tràn vào. Đặc điểm dễ nhận thấy nhất của nền văn hóa này là đề cao lối sống hưởng thụ, tôn thờ tiện nghi, thời trang, và đặc biệt là quảng cáo. Hoạt động quảng cáo thực sự đã trở thành điểm nổi bật nhất của bức tranh đời sống hiện đại; nó có mặt ở khắp nơi, dưới nhiều hình thức: truyền hình, báo chí, tờ rơi, phim ảnh, các phương tiện giao thông, trên các bao bì sản phẩm.... Chẳng hạn, ta thấy ở lĩnh vực quảng cáo này có sự tràn ngập của yếu tố sex - tức các vấn đề dục tính và sinh lý của con người. Chưa bao giờ hình ảnh cơ thể của con người đặc biệt là của phụ nữ lại được khai thác triệt để và phong phú đến vậy. Họ sử dụng triệt để và tối đa hình ảnh về làn da, mái tóc, mắt, môi, mông, ngực, dáng điệu, thậm chí các cảnh tắm gội... để quảng bá cho sản phẩm của mình. Hay trên các trang mạng tràn ngập việc đưa hình ảnh đám cưới của các cặp đồng tính như một cách ngầm ủng hộ mối quan hệ này. Các chiến lược quảng cáo này đã tấn công mạnh mẽ vào tất cả các lĩnh vực, trong đó có văn học. Không phải ngẫu nhiên mà trên bìa sách *Truyện Kiều* năm nào của

một nhà xuất bản đã in hình ảnh Kiều đang tắm thay cho hình ảnh cũ Kiều đang đánh đàn. Chính điều này cũng đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự chuyển hướng diễn ngôn của văn học Việt Nam đương đại nói chung và phê bình nói riêng. Không chỉ trong các tác phẩm văn học người ta quan tâm đến việc thể hiện yếu tố sex, giới tính mà đây cũng là những đề tài để các nhà phê bình nghiên cứu, bàn luận đã khẳng định hơn về tính chất nhân văn, dân chủ hơn trong đời sống phê bình văn học hôm nay.

Công cuộc đổi mới đất nước cũng đồng nghĩa với việc giao lưu mở cửa và hội nhập với thế giới. Chính sự giao lưu đa chiều đã làm cho bức tranh văn học nước nhà trở nên sôi động và đa sắc diện hơn bao giờ hết. Một trong những biểu hiện đó là sự xuất hiện ồ ạt của dòng sách dịch. Suốt một thời gian dài, người đọc Việt Nam chỉ được tiếp xúc với nền văn học cổ điển châu Á và châu Âu qua một số đỉnh cao từ thế kỷ XIX trở về trước, chủ yếu là Trung Quốc, Liên Xô và Pháp. Từ sau năm 1986, cùng với sự mở rộng giao lưu văn hóa, các tác phẩm của các trường phái phê bình đương đại Âu - Mỹ và của các quốc gia khác trên thế giới đã được dịch và giới thiệu rộng rãi ở nước ta. Trong một không gian mở đa chiều của sự giao lưu văn hóa toàn cầu, các nhà phê bình được thỏa sức tìm tòi, ứng dụng những phương pháp phê bình mới, những cách biểu đạt tư tưởng phù hợp với cá tính và tầm hiểu biết của mình. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Dân: Có thể nói, nhiều lý thuyết và phương pháp trước đây được coi là vùng cấm kỵ thì nay đã được phổ biến rộng rãi, hầu như không còn sự hạn chế nào trong việc tiếp cận kho tàng lý luận văn học của thế giới... Thậm chí, có những

quan niệm trước đây bị phê phán kịch liệt... nay đã được tiếp thu một cách cởi mở và áp dụng vào thực tế nghiên cứu văn học¹. Trên thực tế, nhiều lý thuyết phê bình mới của phương Tây như Thi pháp học, Chủ nghĩa cấu trúc, Lý thuyết diễn ngôn, Kí hiệu học, Phê bình nữ quyền, Phân tâm học... đã được các nhà nghiên cứu, phê bình văn học Việt Nam (đặc biệt là các nhà nghiên cứu trẻ thế hệ 7x, 8x, 9x) ứng dụng khá hiệu quả trong việc đánh giá, thẩm định tác phẩm đã thực sự đem đến những kết quả khả quan. Trước đây, các vấn đề về chấn thương, tính dục, đồng tính, tâm linh bị coi là cấm kị thì hiện nay nhờ áp dụng các lý thuyết nghiên cứu mới trên, các nhà nghiên cứu, phê bình đã giải mã các tác phẩm dưới chiềut sâu của ánh sáng triết học và ngôn ngữ học đã đem lại một sắc diện mới mẻ cho phê bình văn chương đương đại.

Từ sự phân tích trên ta có thể khẳng định, trường tri thức thời đại của Việt Nam trong những năm qua đã có những thay đổi quan trọng, chi phối đến quá trình hình thành và vận hành của diễn ngôn văn học nói chung, diễn ngôn phê bình Việt Nam nói riêng.

2. Ý thức đổi mới của nhà văn và tâm thế tiếp nhận mới của nhà phê bình

Một yếu tố nữa cũng rất quan trọng góp phần tạo nên trường tri thức thời đại chi phối sự hình thành của diễn ngôn phê bình hiện nay đó là do sự thức tỉnh của cái tôi nhà văn

1. Xem Nguyễn Văn Dân: *Các lý thuyết nghiên cứu văn học - ảnh hưởng và tiếp nhận từ ngày đổi mới đến nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.

và tâm thế tiếp nhận mới của nhà phê bình (một loại bạn đọc cao cấp). Nhìn nhận về thực trạng văn học hiện nay, hầu hết các nhà văn đều thấy rằng, đổi mới như là cơ hội, là nhu cầu tự thân để văn học phát triển: “Đổi mới đối với nhà văn là yêu cầu, là nghĩa vụ thường trực đã trở thành bản ngã”¹. Lê Lựu cho rằng: “Nếu nhà văn cảm thấy không có gì mới trong tư tưởng, trong nhận thức thì đừng có viết, vì khi ấy những gì viết ra sẽ bằng thừa, chúng sẽ nhạt nhẽo và không có ích”². Đã đến lúc các nhà văn thấy rằng cần phải “viết như một cách ứng xử”. Họ luôn muốn tìm cho mình một lối đi riêng, luôn muốn sáng tạo nên những giá trị thẩm mỹ mới thỏa mãn cá tính sáng tạo và phù hợp với thời đại hiện nay. Nhà văn Thuận quan niệm rằng: “Nhà văn, với tư cách là người nghệ sĩ, luôn tìm cách vượt ra các khuôn khổ thông thường. Nhà văn có thể là nhà giáo dục, nhà tư tưởng, nhà triết học, nhưng trước hết phải là một người nghệ sĩ, tức là người tạo ra giá trị thẩm mỹ mới”³. Tạ Duy Anh cũng nói rất rõ ý muốn tìm cho mình một lối đi riêng không giống với người khác: “Tôi không muốn đi như trẩy hội trên đường cái quan, mặt mũi ai nấy đều hơn hớn như sắp được nhận chia phần... Không ai có quyền quyết định bất cứ sự lựa chọn nào của tôi sau khi tôi có đủ khả năng nhận biết mình làm điều gì là chính đáng và điều gì không chính đáng. Tôi đoạn tuyệt với những gì nó khiến mình trở thành khác mình và tôi cảm

1. Nhiều tác giả: *Đổi mới tư duy tiểu thuyết*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2002, tr.70.

2. Lê Lựu: “Điều quan trọng lúc này là trung thực và trung thực”, Báo *Văn nghệ*, số 27, ngày 04/7/1987.

3. Thuận: “Tôi rất muốn biết vì sao mình được tặng thưởng”, <http://www.vietnamnet.vn>, 2008.

thấy hài lòng về điều đó”¹. Còn Nguyễn Bình Phương cũng kiên quyết khẳng định: “Dù luôn có mặc cảm văn minh khó đọc nhưng tôi sẽ vẫn viết theo hướng mình đã chọn, viết bằng cách mình cảm nhận về đời sống”². Hơn ai hết, các nhà văn hiểu rất rõ việc thay đổi cái cũ, sáng tạo nên cái mới hoàn toàn không phải là dễ dàng. Nhưng, họ chấp nhận điều đó. Nhà văn Thuận đã từng thú nhận: “Viết đối với tôi là một việc khó. Viết dài lại càng khó”³. Khi bàn về tiểu thuyết hiện nay với một tấm lòng tâm huyết với nghề, Nguyễn Bình Phương mong muốn rằng “Tiểu thuyết của chúng ta cần có những bước mạo hiểm. Nhà văn cần mạo hiểm để tạo nên chỗ đứng riêng của mình”⁴. Có thể nói, những trăn trở của các nhà văn về văn học là rất đáng trân trọng. Và trên thực tế, nhiều nhà văn đã biến những trăn trở này thành hiện thực khi họ đã đưa ra những quan điểm mới mẻ về văn chương. Với những nhà văn có thâm niên trong nghề, họ âm thầm đi tìm và xác lập cho mình một “chân dung tinh thần” mới bằng cách “trình làng” một lối viết khác trước, mà Nguyễn Minh Châu là một điển hình. Các truyện ngắn *Bức tranh*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Phiên chợ Giát* đã cho thấy một Nguyễn Minh Châu quen thuộc mà vô cùng lạ lẫm. Quen thuộc trong vùng đê tài, trong những khuôn viên hiện thực cũ, nhưng lạ lẫm và đổi mới hoàn toàn ở khả năng bóc tách và đi sâu khám phá những khả năng tiềm ẩn đa chiều

1. Tạ Duy Anh: “Tôi là người không dễ bị khuất phục”, <http://www.evan.com.vn>, 2005.

2, 4. Nguyễn Bình Phương: “Giá như tiểu thuyết có những bước mạo hiểm”, <http://www.vietnamnet.vn>.

3. Thuận: “Tôi đề nghị một lối đọc không thụ động”, www.phongdiep.net, 2006.

của con người và cuộc sống. Nhà văn Nguyễn Khải trước đây đã từng quan niệm: “Viết về cái thường ngày là văn học cũ. Viết về cái phi thường là văn học mới” (*Nghề văn cũng lăm công phu* - Nguyễn Khải) thì bây giờ ông lại nhận ra: “Thời nay rộng cửa, gợi được nhiều thứ để viết. Tôi thích cái hôm nay, ngắn ngang, bề bộn, màu đỏ với màu đen, đầy rẫy những biến động, những bất ngờ mới thật là mảnh đất phì nhiêu cho các cây bút thả sức khai vỡ” (*Gặp gỡ cuối năm* - Nguyễn Khải). Lớp các nhà văn trẻ ở thế hệ từ sau Đổi mới thì công khai tuyên bố quan niệm như Nguyễn Vĩnh Nguyên, Nhật Chiêu - những cây bút truyện ngắn khá ấn tượng mới nổi - tuyên ngôn rằng, viết với họ là “một trò chơi trốn tìm”. Từ ý thức đổi mới cách viết, các nhà văn đương đại đã cho ra mắt hàng loạt tác phẩm “gây hấn” với truyền thống, bắt đầu từ Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải... đến Nguyễn Huy Thiệp, Hòa Vang, Phạm Hải Vân, Nhật Chiêu, Tạ Duy Anh, Sương Nguyệt Minh, Hồ Anh Thái, Phạm Ngọc Tiến, Nguyễn Vĩnh Nguyên, Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Thị Thu Huệ, Y Ban, Lý Lan, Lưu Sơn Minh, Nguyễn Ngọc Tư, Phạm Duy Nghĩa, Đỗ Bích Thúy, Nguyễn Đình Tú, Di Li, Đặng Thiều Quang... Ghi nhận những đổi mới này từ thực tiễn sáng tác, nhà nghiên cứu phê bình Hoàng Ngọc Hiến cũng đã xác nhận là các nhà văn hôm nay quan tâm đến việc “viết nội dung hơn là kể nội dung”. Những đổi mới này từ phía nhà văn đã tác động không nhỏ đến các nhà phê bình. Lối viết mở buộc người phê bình (người đọc) cũng phải tiếp nhận với một tâm thế mở. Họ phải cùng tham gia vào thế giới của sự phiêu lưu của người sáng tác và đưa ra những kiến giải, những khả thể cho chính mình. Điều này cho thấy lý thuyết tiếp nhận - một lý thuyết tạo ra những thay đổi lớn trong tư duy nghệ thuật

ở phương Tây mà hai nhà khoa học người Đức là Hans Robert Jauss và Wolfgang Iser đề xướng những năm 60 (thế kỷ XX) coi tác phẩm là kết quả của sự gắp gỡ giữa văn bản và người đọc đã được các nhà phê bình thẩm thấu khá nhuần nhuyễn. Các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, Hồ Anh Thái, Nguyễn Vĩnh Nguyên, Di Li, Nhật Chiêu, Vũ Đình Giang... với những kiểu cấu trúc lạ “như một nhà gương hay một khối vuông rubích nhiều mảng màu và hình khối” đã buộc người phê bình phải phá bỏ những quy chuẩn cũ và trang bị cho mình những kiến văn mới khi tiếp nhận tác phẩm. Bằng chứng là khi bộ ba chùm truyện ngắn lịch sử *Kiếm sắc*, *Phẩm tiết*, *Vàng lửa* của Nguyễn Huy Thiệp và một số tiểu thuyết lịch sử khác như *Hội thi* của Nguyễn Quang Thân... ra đời đã gây nên những tranh cãi khi đọc các tác phẩm này xung quanh cái gọi là “đọc văn hay đọc sử”, đâu là sự thật lịch sử, đâu là hư cấu văn học. Rõ ràng ở đây “tính hư cấu” được phô diễn công khai thay thế cho “tính chân thực”. Lịch sử trong cái nhìn của Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Quang Thân... không phải như nó vốn có mà là một lịch sử trong sự suy cảm của mỗi người. Bởi thế, mỗi người đọc - nhà phê bình phải lựa chọn và sẵn sàng thích ứng với một “lựa chọn lịch sử” của chính mình để có cơ hội khám phá tác phẩm ở những vỉa tầng mới nhất. Những quan điểm cho thấy khi các nhà phê bình trong tâm thế phản biện có sự “đổi mới tư duy” sẽ cho những ý kiến đồng thuận với quan điểm của người sáng tác và ghi nhận những đóng góp mới của họ. Còn khi họ phản đối cách miêu tả của nhà văn cũng cho thấy các nhà phê bình vẫn chưa sẵn sàng đón nhận sự khác biệt và tiếp tục đi theo lối mòn truyền thống, điều này vô hình trung sẽ giết chết những sáng tạo văn chương.

RÈN LUYỆN, BỒI DƯỠNG TƯ TƯỞNG THẨM MỸ ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHÊ BÌNH VĂN HỌC

PGS.TS. NGUYỄN THANH TÚ

Phê bình văn học, nghệ thuật, theo nghĩa đích thực của nó là mang tính định hướng và động lực thúc đẩy cho cả một nền văn học phát triển theo quy luật của cái đẹp. Ngày nay, trong xu thế đổi mới thoại văn hóa thì phê bình được coi là một tiếng nói có trọng lượng tham gia vào quá trình nhu cầu tự ý thức, tư duy và phản biện xã hội. Trước nay, các tác phẩm nghệ thuật lớn đều có tư tưởng lớn. Thuộc về lĩnh vực lý thuyết, định hướng, bình giá, nhận định nên tác phẩm phê bình văn nghệ càng phải có tư tưởng.

Tư tưởng là nhận thức, khát vọng, tình yêu của con người, hiểu rộng hơn là thế giới quan, là một lập trường xã hội nhất định. Tư tưởng thể hiện ở các mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể qua đó biểu thị một tâm trạng, một thái độ trước hiện tượng đời sống. Trước một hành vi cao thượng, người ta thấy khâm phục, muốn noi theo; trước một sự việc tha hóa, người ta thấy khinh bỉ, ghê tởm, muốn xa lánh... Tư tưởng là thuộc tính của con người, vấn đề là tư tưởng nào, tiên tiến, hiện đại, đổi mới... hay ngược lại. Vì vận động theo quy luật của tình cảm nên văn học, nghệ thuật càng phải cần

đến tư tưởng thẩm mỹ để định hướng bạn đọc vươn lên, hướng về phía chân thiện mỹ. Thẩm mỹ là cái đẹp, cái lý tưởng, nhưng phải đặc sắc, độc đáo, khác lạ. Tư tưởng thẩm mỹ là sự nhận thức, là quan niệm riêng của người nghệ sĩ trước đời sống mà thiếu nó thì tác phẩm sẽ nhạt nhẽo vì không có cái riêng, không có bản sắc. Đó là điểm nhìn nghệ thuật, cũng là điểm tựa hình tượng, là nguyên tắc cốt nghĩa về thế giới nội dung cũng như hình thức. Tâm cõi của nhà văn đồng nghĩa với tâm cõi của tư tưởng.

Nhà văn nào cũng viết về cuộc sống và con người nhưng nhà văn có tư tưởng tích cực, tiến bộ thì tác phẩm sẽ đậm tinh thần nhân văn, sâu nặng giá trị nhân bản, yêu thương, trân trọng, quý mến con người. Tục ngữ Việt có câu thật hay: “Người ta là hoa đất”. Hoa luôn là sự vật đẹp nhất, quý nhất, đáng trân trọng nhất. Hoa là tinh túy của đất trời, là vẻ đẹp của tạo hóa. Hoa luôn thơm ngát, ấm áp và thiêng liêng. Hoa luôn có sắc màu, trong trắng, quý phái và vương giả. Hoa còn là sứ giả của tình người đến với tình người, của lòng chán thành đến với những miền tâm linh thanh khiết. Thế nên trong tình yêu, hôn nhân, trên bàn thờ, trên giáo đường... không thể thiếu hoa. So sánh con người với hoa, hơn nữa, với “hoa đất” thì người Việt đã có một triết lý cực kỳ quý trọng con người, coi con người là giá trị hơn tất cả. Từ góc nhìn tư tưởng thẩm mỹ này, xét đến cùng, trong mỗi nhà văn đều đã có một nhà phê bình. Tiếp nhận, về bản chất cũng là một quá trình phê bình, đánh giá, gạn lọc, loại bỏ... Vì thế, phê bình là thuộc tính của văn nghệ, càng nên được quan tâm, chú ý.

Nhà văn lớn phải có tư tưởng lớn. Không ngẫu nhiên ở nhiều ngôn ngữ đều lấy hình tượng cây đại thụ để chỉ các

nhà văn nghệ lớn. Vì giống như cây đại thụ cường tráng và mạnh mẽ cắm sâu rẽ vào mảnh đất truyền thống dân tộc và nhân loại để hút dinh dưỡng văn hóa rồi vươn cao cành lá quang hợp ánh sáng lý tưởng tiên tiến nhất của thời đại. Quả ngọt tư tưởng của các đại thụ luôn được nhiều người mong muốn thưởng thức. Nhưng để có tư tưởng thì không hề dễ dàng, phải sống cho đã đây, phải thương yêu, căm thù cho hết mực, phải đọc cho thật nhiều sách, phải thật sâu sắc văn hóa nước nhà, phải nhập vào nhiều nền văn hóa thế giới. Đỗ Phủ từng nói, phải đọc vạn quyển sách thì khi hạ bút con chũ mới có “thần”. Có lẽ nên hiểu câu “Sống đã rồi hãy viết” của Nam Cao là một cuộc tạo vốn và tích vốn, vốn ở đây cần được hiểu rộng rãi hơn, là vốn sống, vốn văn hóa, vốn tri thức, vốn tình cảm... Với số ít người trẻ cứ chăm chăm hô to cái “tư tưởng” của mình trong “tác phẩm” nhưng người đọc chẳng thấy tư tưởng đâu. Khổ thế! Vì họ ít vốn quá. Nhân vật, hình tượng, chi tiết là cơ thể thì tư tưởng là máu. Máu là tinh chất của cuộc sống, nhà văn phải đồng hóa và chuyển hóa cái tinh chất của cuộc đời vào trang sách. Tư tưởng phải là quá trình lâu dài từ thấu hiểu (nhận thức) sâu sắc cuộc sống đến thấu cảm (tình cảm) vào hình tượng rồi truyền cảm (nghệ thuật) tới đối tượng tiếp nhận. Đó cũng là quá trình tư tưởng sẽ chuyển hóa để trở thành máu thịt nội dung tác phẩm. Nghèo nàn chất đời thì nhân vật không có sinh khí, dật dờ nên “tác phẩm” dễ dãi, nhạt nhẽo... Sức bấy giờ không thể bơi được vào dòng chủ lưu mạnh mẽ nên loanh quanh ở dòng đời nông cạn, thở than cùng cái tôi buồn nhỏ bé, hạn hẹp, vặt vãnh. Do vậy, muốn phát triển phê bình phải nắm chắc quy luật vận động, làm rõ các yếu tố tác động, điều chỉnh, định hướng, bồi dưỡng tư tưởng thẩm mỹ.

Nhìn từ góc độ biểu hiện, tư tưởng thẩm mỹ không đứng riêng lẻ, độc lập mà luôn hòa tan vào hình tượng, chi tiết. Không phải cứ lớn tiếng nói yêu nói ghét là thể hiện được tình cảm mà phải biểu hiện một cách tự nhiên không lộ liễu, không tô vẽ qua hình tượng. Phải đọc kỹ, đọc sâu để hệ thống, chọn lọc để tìm ra các hằng số, các tín hiệu lặp lại, các hình ảnh, các biểu trưng đa nghĩa... Tư tưởng biểu hiện chủ yếu và rõ nhất qua nhân vật. Người ta vẫn nói truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao là “bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người”, trong khi đó sống trong xã hội cũ thì những người dân nghèo bị áp bức đều chịu chung bi kịch này. Thời đó, nếu là đàn ông thì ai cũng bị đánh thuế thân, thứ thuế đánh vào người đang sống, ai sống thì phải nộp thuế. Những anh Dậu, anh Pha, Chí Phèo... đều bị thế cả. Phải chẳng nói như trên là chưa nói được sâu sắc giá trị cơ bản của tác phẩm? Mở đầu thiên truyện là hình ảnh Chí vừa đi vừa chửi, Chí chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cha mẹ đứa nào đã đẻ ra Chí... Tức là Chí khát khao một sự đối thoại. Nhưng chẳng ai thèm đối thoại với Chí vì tất cả đã coi Chí ở hàng thú vật. Thành ra chỉ có mấy con chó “chửi” nhau với Chí. Như vậy, Nam Cao đã đi trước thời đại mà gián tiếp nêu ra tư tưởng lớn: bản chất con người là đối thoại; chỉ con người mới có thể đối thoại được với nhau... Cả làng Vũ Đại không hiểu cái khát khao ở Chí muốn đối thoại bình đẳng để làm hòa với mọi người, không hiểu cái mâm lương thiện đang áp ủ trong một hình hài thú vật... Cho nên bi kịch xót xa của Chí là bi kịch bị cự tuyệt quyền đối thoại, mà như thế có nghĩa là chết còn hơn sống... Chúng ta nhớ một truyện ngắn của M. Gorky kể về sự trường phạt khủng khiếp nhất của bộ lạc nợ đói với

một kẻ có tội là đuối vào rừng, để kẻ đó phải trở về sống như loài thú vật và chết trong lạc loài cô độc!

Với quan niệm con người không chịu khuất phục cái bạo lực phi nhân tính bởi ở con người luôn tiềm tàng một tâm hồn nghệ sĩ nên Tô Hoài đã để nhân vật Mị (*Vợ chồng A Phủ*) chỉ chịu bị trói về thân xác chứ không chịu trói buộc về tinh thần. Có bị trói chặt hơn thế nữa thì Mị vẫn cứ thả hồn theo tiếng sáo “lửng lơ bay” trong đêm tình mùa xuân. Tiếng sáo là cái hồn của tác phẩm, trở thành “máu” của nhân vật, mà giả sử cắt bỏ cái âm thanh vừa thực vừa ảo ấy đi thì nhân vật sẽ chết. Logic của hình tượng là một quan hệ nhân quả, biện chứng nên dứt khoát nhân vật ấy phải tự cắt dây trói giải thoát cho đời mình. Không đơn thuần chỉ là cắt dây trói mà còn là cắt đi, là phá tan sự đè nén nô lệ đã hàng trăm năm của cường quyền, thàn quyền và tục quyền mà chế độ phong kiến phản động miền núi đã trói buộc những cuộc đời khổn khổ như cô Mị.

Thì ra, trong văn chương, kỹ thuật rất quan trọng nhưng chỉ là thứ yếu, cái quyết định, cái chi phối kỹ thuật chính là tư tưởng, là quan niệm. Đó cũng là cái chìa khóa để người đọc bước vào thế giới nghệ thuật của nhà văn. Không có tư tưởng thì không thể có một tác phẩm phê bình đúng nghĩa.

Trong khi đó công cuộc hội nhập với thế giới của nước ta đang diễn ra, nhất là hội nhập văn hóa ngày càng mạnh mẽ và đa dạng, đúng với quy luật ảnh hưởng, tiếp biến, giao thoa. Những luồng gió văn hóa, cả gió lành và gió độc, cả nhân văn và phản nhân văn tràn vào. Gió lành nhân văn nhân thêm hương sắc, làm mới truyền thống, làm tăng lên giá trị, còn gió độc phản nhân văn thì ngược lại... Xét về bản

chất sáng tạo thì nhà văn sáng tạo bằng cái tôi cá tính, nếu được đề kháng tốt thì cái tôi ấy sẽ hít thở gió lành giúp cơ thể thêm khoẻ khoắn, cường tráng để sáng tạo. Điều này một phần lý giải bên cạnh những tác phẩm hay, lành mạnh vẫn có cả những “thứ phẩm” tầm thường, xa lạ...

Tại sao chúng ta có đường lối nghị quyết đúng, được Đảng và nhân dân quan tâm nhưng vẫn chưa có những tác phẩm đỉnh cao? Đường như văn học, nghệ thuật chưa nhiệt tình tham dự một cách hiệu quả, chưa đi vào mũi nhọn của cuộc sống? Chúng ta đang phải chứng kiến một thực trạng xã hội mà văn hóa, đạo đức, đạo lý xuống cấp một cách báo động. Là một thành tố cơ bản, tinh tế của văn hóa, với chức năng giáo dục đặc thù, văn học, nghệ thuật đã làm được gì để góp phần làm trong sạch, lành mạnh hóa môi trường xã hội ấy?

Tác phẩm văn học, nghệ thuật, nhìn từ phương diện tiếp nhận là khát vọng, là ước mơ, là niềm tin của bạn đọc, rộng hơn là của cả một cộng đồng. Những gì nhân dân muốn nói thì người nghệ sĩ sẽ nói thay họ. Như vậy, văn nghệ sĩ phải là người thuộc về nhân dân, là sự kết tinh văn hóa của nhân dân, đại diện cho nhân dân để nói lên những hoài bão, khát vọng... Vì phải nói thay nhân dân về quy luật của cái đẹp nên nhà phê bình phải đủ tiêu chuẩn nghệ sĩ nhất: tình yêu, niềm tin, sự nhạy cảm, giàu có chất đồi, chất văn, chất trí tuệ...

Xét về bản chất hình tượng thì sáng tạo tác phẩm là sáng tạo ra một “cuộc sống thứ hai”. Thoát thai từ cuộc sống thực nhưng nó chỉ là mô hình chứ không phải cuộc sống thực. Có bao nhiêu tác phẩm là có bấy nhiêu mô hình, có cái giống, có cái khác, lại có cái xa lạ, thậm chí ngược với đời sống thực.

Có mô hình được ngợi ca vô lối, có mô hình bị hiểu sai, có cái bị lợi dụng... Vì lẽ này mà tiếp nhận văn học, nghệ thuật luôn là vấn đề phức tạp. Nhiệm vụ của nhà phê bình là phải nắm chắc quy luật sáng tạo ra những mô hình ấy, phục dựng lại, chỉ ra cho bạn đọc thấy rõ cách thức, chiêu thức cơ bản để đi đến những mục đích cơ bản.

Có bao nhiêu người tiếp nhận lại sẽ tạo ra bấy nhiêu mô hình cho riêng họ, tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, sự trải nghiệm... “Cùng trong một tiếng tơ đồng/Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm”, cùng thưởng thức một tác phẩm nhưng mỗi người chịu sự quy định của vốn sống, học vấn, tính cách mà có sự đánh giá khác nhau. Thậm chí, với ngay một người ở các thời điểm với những tâm trạng khác nhau cũng tiếp nhận khác nhau. Một tác phẩm phê bình nghệ thuật là một mô hình điển hình, có tư tưởng, quan niệm, có cấu trúc... tức là một thế giới riêng. Thế nên vai trò định hướng của nhà phê bình trong điều chỉnh tiếp nhận rất lớn lao. Về bản chất, văn nghệ sĩ phải là những người chịu khó, chịu khổ học tập, lao động nhiều nhất, am hiểu nhiều nhất, có vậy mới sáng tạo ra được một “cuộc sống thứ hai” sống động, giàu có ý nghĩa. Nhà phê bình càng phải như vậy.

Tiếp thu văn hóa nước ngoài để làm giàu văn hóa nước mình là đáng khuyến khích. Nhưng tiếp thu thiếu chọn lọc sẽ tạo ra sự lai căng, nhất thời, không phù hợp với văn hóa Việt. Có người tiếp thu cả mặt trái của sáng tác hậu hiện đại là rất không nên. Đến hôm nay, ở phương Tây, hậu hiện đại đã lạc hậu, nhường chỗ cho siêu hiện đại (metamodernism), hay còn gọi là hậu - hậu hiện đại (post-post modernism). Chạy theo

thì mãi đi sau, phải có cái gì của riêng mình. Tiếp thu bên ngoài chỉ là cành lá, bản sắc dân tộc mới là gốc. Gốc vững thì cành lá mới có điều kiện quang hợp ánh sáng của bầu trời văn hóa nhân loại để kết trái thơm tác phẩm.

Hòa nhịp vào sự phát triển của đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, văn học, nghệ thuật đang mạnh mẽ đổi mới để xứng đáng với niềm kỳ vọng của nhân dân. Đổi mới là tiếp thu cái tích cực, tiến bộ, loại bỏ cái lỗi thời, lạc hậu, làm sâu sắc thêm các nguyên lý, các quy luật... Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực tinh thần, tư tưởng, vận động theo quy luật của tình cảm nên đổi mới về quan niệm luôn được quan tâm hàng đầu. Nhà nghệ sĩ sáng tạo dưới ánh sáng nào, với sự thúc đẩy của động lực nào là cực kỳ quan trọng. Các văn hào lớn trên thế giới hoặc có tuyên ngôn riêng hoặc ẩn chìm trong tác phẩm đều có quan niệm về mục đích sáng tác (vì ai, cho ai), về chức năng (để làm gì), về phương pháp sáng tạo (hướng viết, cách viết)... Cho nên rất cần tôn trọng sự tự do sáng tạo nhưng phải đặc biệt quan tâm việc bồi dưỡng tư tưởng chính trị, quan điểm, lập trường cho văn nghệ sĩ, đặc biệt là những người làm công tác phê bình. Trong quá trình rèn luyện, phấn đấu, tư tưởng chính trị sẽ chuyển hóa thành tư tưởng thẩm mỹ hoặc bổ sung, tương tác, giúp đỡ nhau; nhiều trường hợp chúng đồng nhất, hài hòa. Sáng tạo theo tư tưởng Mác - Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh là sáng tạo theo tinh thần nhân văn, tiến bộ, hoàn toàn hợp với quy luật tư tưởng và tình cảm của nghệ thuật. Tình cảm đúng đắn nhất, chân lý nhất là tự do sáng tạo với mục đích vì con người, vì nước, vì dân, vì chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc, dân chủ, giàu mạnh, văn minh.

Bản chất nghệ thuật là đa dạng, là nhiều tiếng nói, nhiều màu sắc nên cần khuyến khích nghệ sĩ đa dạng hóa phương pháp sáng tác, phong phú, sinh động hóa các hình thức biểu hiện. Trong hội nhập văn hóa, nếu mỗi dân tộc không có cái riêng bản sắc thì thật khó để đối thoại. Trong văn học, nghệ thuật, nếu không có nét riêng thì không thể gọi là tác phẩm. Triết học văn hóa còn nâng nét riêng, cái khác thành một thứ mỹ học, “mỹ học của cái khác”, nên rất cần những cá tính sáng tạo, khuyến khích những tìm tòi, thử nghiệm mới đi theo quy luật sáng tạo nhân văn, tiến bộ, cách mạng. Một nền văn học giàu bản sắc thì không thể thiếu phê bình cá tính! Chúng ta còn nhiều bài phê bình nhạt nhạt, chung chung là do thiếu chính kiến, thiếu tinh thần đối thoại, thiếu năng lực phản biện, thiếu hàm lượng học thuật, văn hóa.

Vai trò lãnh đạo của các hội chuyên ngành rất quan trọng, nhất là tài năng tổ chức. Không chỉ là tổ chức trao đổi gấp gẽ, thăm hỏi, cơ bản hơn là tổ chức ra các khuynh hướng, các trường phái sáng tạo phù hợp với sự phát triển, từ đó tạo ra các tranh luận học thuật để nảy ra các tư tưởng nghệ thuật mới. Các nền văn học lớn đều có các trường phái (về quan niệm sáng tạo, về nội dung và nguyên tắc phản ánh, về thi pháp...) vừa thống nhất, kế thừa, giao thoa; vừa tranh biện, bổ sung, loại trừ để cùng phát triển. Cần khuyến khích, đầu tư sáng tạo các đề tài chính nằm trong dòng chủ lưu là chủ nghĩa yêu nước, là tinh thần dân tộc... Đó có thể là đề tài chiến tranh cách mạng và các lực lượng vũ trang, đề tài trí thức trong cuộc cách mạng công nghệ, đề tài nông dân - nông thôn, đề tài bảo vệ biển đảo, biên cương... Các trại sáng tác nên tổ chức các đợt tập trung theo loại hình, chung chủ đề,

tạo điều kiện để các văn nghệ sĩ dễ dàng hơn trong việc học tập, trao đổi, giúp đỡ, phản biện lẫn nhau.

Hiện nay, các triết học trên thế giới đang rất đề cao chủ thể, vấn đề “mỹ học chủ thể” được nói đến nhiều vì đó là vấn đề mang tính quyết định và trong văn học, nghệ thuật càng rõ. Nghệ thuật là cái riêng, đơn nhất nên luôn cần đến tài năng. Phát hiện, bồi dưỡng tài năng thế nào cùng chương trình, nội dung đào tạo về tri thức, kinh nghiệm, vốn sống ra sao, cần được quan tâm thỏa đáng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với văn học, nghệ thuật. Vì là lĩnh vực đặc biệt tinh tế của văn hóa nên không thể lãnh đạo theo lối áp đặt, thiếu dân chủ mà phải theo cơ chế đặc thù, động viên, khuyến khích nhưng cũng tránh buông lỏng, thả nổi. Việc luật hóa xuất bản, thể chế hóa dưới luật một cách cụ thể về trách nhiệm để tránh đăng tải những văn hóa phẩm kém về chất lượng, lệch lạc về tư tưởng.

Tăng cường hơn nữa sự định hướng của các cơ quan quản lý (vụ, hội đồng) và tiếng nói chuyên môn, chuyên gia cao (viện, trường đại học). Những nơi đó đóng vai trò vừa là cánh tay nối dài của Đảng, vừa là ngôi nhà chung, là điểm tựa của văn nghệ sĩ về tư tưởng, tình cảm, nghiệp vụ; đồng thời là sự khẳng định có trọng lượng học thuật cao nhất về các hiện tượng. Như một lẽ tự nhiên, văn học, nghệ thuật phải có người đọc/xem nên nhiều nước phát triển có chiến lược bồi dưỡng các thế hệ độc giả đi cùng với việc quảng bá các sản phẩm. Dù chúng ta đi sau nhưng đó là việc cần làm, làm bài bản, khoa học vì mục tiêu lâu dài trên cơ sở phân tích, khảo sát một cách hệ thống thị hiếu và tâm lý tiếp nhận,

nhất là ở thế hệ trẻ, đồng thời với việc kế thừa kinh nghiệm nước ngoài.

Bên cạnh việc tiếp thu lý luận văn nghệ thế giới, cơ bản hơn cần có chiến lược nghiên cứu tiếp thu, kế thừa, phát triển lý luận văn nghệ của cha ông. Về điểm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh thật sâu sắc: “Muốn thấy hết cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc ta, thì phải đừng bị trói buộc bởi những tiêu chuẩn này nọ của nghệ thuật phương Tây... phải dựa trên tiêu chuẩn của ta. Tiêu chuẩn ấy là gì? Đó là nền mỹ học ẩn chứa trong thực tiễn truyền thống nghệ thuật dân gian, dân tộc”¹. Chúng ta đang cố gắng làm giàu thêm lý luận văn học, nghệ thuật bằng cách tiếp thu cái hợp lý của lý luận nước ngoài. Đây là một hướng đi đúng. Nhưng song hành với hướng đó là đi sâu vào vốn cổ của ta để tìm tinh hoa lý luận truyền thống cha ông mà kế thừa, phát triển, nâng cao cho phù hợp với hôm nay. Bởi lý thuyết nước ngoài bao giờ cũng có độ vênh lệch, chưa nói đến có sự áp đặt, khiên cưỡng. Mỹ học của nền văn học dân gian, rồi văn học trung đại là cả một kho vàng tư tưởng còn chìm trong các sáng tác văn chương. Chỉ có điều phải bỏ công tìm tòi, suy ngẫm bởi chúng ẩn sâu trong các hình tượng thẩm mỹ chứ không hiển hiện khô cứng ra bên ngoài. Đó là việc khó nhưng không thể không làm. Việc đầu tư cho đào tạo và thu hút các tài năng là kế hoạch ban đầu của một chiến lược tầm vĩ mô.

1. Dẫn theo Mịch Quang: *Khai nguồn mỹ học dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.8-9.

VÀI Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC HIỆN NAY

ĐỖ NGỌC YÊN

Một số người thật sự có tâm huyết với văn chương nước nhà tỏ ra hoang mang và lo ngại về thực trạng phê bình văn học hiện nay. Đó là một thực tế không mấy ai có thể chối cãi.

Cho đến nay, phê bình văn học hiện đại Việt Nam đã đi qua một chặng đường dài gần một thế kỷ, tính từ những năm đầu thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI, đã đạt được một số thành tựu không thể phủ nhận.

Nhưng phải chăng mặt trận phê bình văn học hiện nay đã “im tiếng súng”, những cái cần bảo vệ thì đã “tuyệt đối an toàn”, không còn gì để tranh luận nữa, ít nhất là sau hai sự kiện về “văn học phải đạo” của Hoàng Ngọc Hiến (1979) và “văn học minh họa” của Nguyễn Minh Châu (1987), có chăng cũng chỉ là xối xáo lại những cái đã được giải quyết xong. Và như vậy, phê bình văn học đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình (dù ở những mức độ khác nhau trong mỗi thời kỳ, gian đoạn), đồng thời cũng hết lý do để tồn tại, nên mới có hiện tượng không ít các nhà phê bình đã “im lặng rút lui một cách có trật tự”. Nếu quả thực là như vậy, những lo ngại về sự tụt hậu, buông lỏng hay thờ ơ, quay lưng lại với phê bình văn học chỉ là một ngụy vấn đê, bất khả lý giải.

Thiết nghĩ, chúng ta cần phải làm rõ thực trạng này từ nhiều khía cạnh và cấp độ khác nhau:

Một nghịch lý rất khó chấp nhận là trong khi chúng ta ngợi ca những thành tựu văn học, nghệ thuật trong nhiều thập kỷ qua, nào là lực lượng sáng tác đông đảo hơn, nào là những vấn đề của thực tế cuộc sống đã được phản ánh một cách sâu rộng hơn trong tác phẩm, nào là chiều sâu tư tưởng và chất lượng nghệ thuật cũng được nâng cao hơn...; nhưng cũng có một thực tế khác mà mọi người ai cũng dễ dàng nhận thấy là phê bình văn học - một bộ phận cấu thành không thể thiếu được của đời sống văn học hiện nay - lại ngày càng teo tóp đi cả về số lượng lẫn chất lượng. Đường như công chúng và phê bình văn học đã chia tay nhau từ lâu. Một số bài phê bình trên các báo và tạp chí hiện nay nhanh chóng rơi vào quên lãng. Bởi một lý do khá đơn giản là đọc lên thấy nó “nhạt như nước ốc ao bèo” và “lòng thòng như rau muống cuối vụ”, lại cũng khen một tí, chê một tí cho phải đạo, đẹp đời, chả khác gì ông lang băm, nếu thấy “hàn” cho thêm tí “gừng”, nếu thấy “nhiệt” bốc thêm nấm “rau má”. Vậy là cả người phê lẩn người được phê đều cảm thấy yên tâm vì mình không dụng chạm đến ai, chỉ có công chúng là ấm ức, vừa mất của lại vừa mất công, nhưng đã ở vào thế cực chẳng đã.

Ngược lại với khuynh hướng trên, một số bài phê bình đọc lên thấy máu anh hùng của người viết hình như đã chạy lên đến mang tai. Họ toàn bàn đến những chuyện cay cú ngoài văn chương, bối móc đời tư của nhau cốt để hạ bệ, bôi bẩn tư cách công dân của nhau hơn là phê bình, tranh luận những

vấn đề mang tính học thuật về tác phẩm văn chương. Cứ cái đà ấy, nếu họ gặp nhau ở ngoài đường thì chưa biết cơ sự sẽ ra sao?

Trên tờ phụ san *Văn nghệ quân đội* cách đây không lâu có nêu một vài con số rất đáng để mọi người quan tâm và suy nghĩ. Trong số các đại biểu về dự Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc lần thứ V tại Hà Nội, có 5 đại biểu là những người làm phê bình văn học, so với 158 đại biểu là những người sáng tác, tức là phê bình chỉ chiếm khoảng 3% tổng số đại biểu.

Ở một số báo, tạp chí, nhà xuất bản có chuyên trang, chuyên mục về văn chương, thì lực lượng phê bình bao giờ cũng ít hơn rất nhiều so với lực lượng sáng tác, cũng như so với các bộ phận chế bản vi tính, sửa bông, văn phòng,... thậm chí có những báo, tạp chí, nhà xuất bản không có người nào làm phê bình cả.

Tình hình này ở các địa phương còn khó khăn hơn nhiều. Một anh bạn làm biên tập phần lý luận, phê bình cho một tờ tạp chí địa phương khá có uy tín đã một thời được mệnh danh là miền đất hứa đối với các cây bút phê bình, lý luận trong cả nước, mới đây khi gặp tôi than rằng: Thời buổi này tìm một nhà phê bình thực sự có tài năng và tâm huyết với nghề nghiệp còn khó hơn tìm sao buổi sáng! Những nguyên nhân chủ quan và khách quan nào dẫn đến tình trạng phê bình văn học trồi sụt như hiện nay, không chỉ đối với những cây bút trẻ, mà ngay cả những người đã một thời gắn bó với phê bình văn học như là “nghiệp chướng” cũng dần xa lánh địa hạt này?

Một thời gian quá dài dư luận xã hội, các nhà quản lý và bản thân những người làm phê bình đều cho rằng phê bình văn học là *cuộc đấu tranh tư tưởng* trên lĩnh vực văn học. Do vậy, khi cầm bút các nhà phê bình cần phải chuẩn bị cho mình những loại “vũ khí đặc chủng” mới có thể “tham chiến” được, nếu như anh ta không muốn làm một kẻ bại trận. Vậy là bất cứ lúc nào hễ động đến phê bình có nghĩa là chĩa mũi nhọn vào đối thủ của mình, chủ yếu là tìm những sơ hở nhiều khi chỉ là vô tình, để quy kết thành những vấn đề nhận thức tư tưởng.

Còn nếu thấy chưa đủ thì tiếp tục bối móc những chuyện linh tinh về sinh hoạt đời tư của nhau kiểu “hàng tôm, hàng cá”, cốt là để giải tỏa những dồn nén tâm lý ngoài văn chương chứ không nhằm giải quyết những vấn đề học thuật do bản thân đời sống văn chương đặt ra cho các nhà phê bình. Nếu đối thủ chưa có chức sắc, ngôi thứ gì trong làng văn chương thì phải dè chừng, liệu kế sách “tránh voi chăng xấu mặt nào”. Thế là họ buộc phải tính toán hết sức thận trọng mọi khả năng có thể xảy ra do lỗi phê bình suy diễn, chủ quan và đầy ác ý chụp lên đầu người khác. Nếu những người bị phê bình là những người có chức, có quyền trong làng văn chương thì thường dùng cách giải quyết ngoài văn chương, trực tiếp hay gián tiếp. Còn nếu đối thủ là một đồng nghiệp khác thì anh ta quay ngoắt đi 180 độ tìm kiếm một công việc khác. Thời buổi này chăng mấy ai rồi hơi đi cãi nhau vừa mất thì giờ mà chăng đâu vào với đâu cả.

Nhiều người đã tự rút ra kinh nghiệm rằng: Các cuộc tranh luận văn chương từ trước tới nay thường chỉ có mở đầu

mà hiếm khi có kết thúc. Nếu có thì đây là sự kết thúc của những vấn đề chính trị, xã hội, đạo đức hoặc là những chuyện ngoài văn chương, chứ không phải là những vấn đề có tính học thuật của bản thân phê bình văn học. Vì thế, có không ít tình trạng người phê và người bị phê đang là bạn của nhau chỉ sau một bài phê bình tác phẩm văn chương của nhau trên báo chí là có thể trở thành kẻ thù không đội trời chung là chuyện không phải hiếm. Thậm chí có trường hợp chạm vào máu tự ái của kẻ sĩ họ đã dọa nhau giải quyết những vấn đề học thuật văn chương bằng vũ lực.

Về một khía cạnh nào đó, các nhà phê bình văn học bao giờ cũng bị coi là những kẻ “ăn theo” các nhà sáng tác. Các nhà sáng tác cho rằng, nếu không có tác phẩm văn chương thì chẳng bao giờ có các nhà phê bình văn học. Họ nói vậy, nghe qua cũng thấy có lý, vì tác phẩm văn chương có trước, phê bình văn học có sau. Nhưng mặt trái của quan niệm ấy đã tạo nên tâm lý ám ức, khiến cho các nhà phê bình văn học không khỏi tự ái. Đã vậy, nhà phê bình cứ nhè đàu dân sáng tác mà gõ cho ra nhẽ. Đục đến chạm, ắt chạm phải đến đục, một phản ứng dây chuyền, một tâm lý đố kỵ, lây lan, bao trùm đời sống văn chương, kéo dài hàng chục năm mà không biết đến bao giờ mới có hồi kết. “Bằng mặt không bằng lòng” đã trở thành căn bệnh mạn tính giữa giới phê bình và giới sáng tác, mà đáng ra họ như hai cánh tay trên cơ thể con người, hai anh em sinh đôi trong một gia đình văn chương, phải biết dựa vào nhau mà tồn tại và phát triển.

Phê bình văn học là một công việc khó. Nó đòi hỏi người cầm bút phải khổ công dùi mài kinh sử, học cao hiểu rộng,

say mê tìm tòi, nghiền ngâm để không ngừng bồi đắp cho vốn kiến văn của mình và một thái độ lăn xả vào những sinh hoạt của đời sống văn chương hôm nay. Nếu không có sự đầu tư thỏa đáng về thời gian, công sức, tiền của và tâm huyết thì khó có thể làm được. Quả thật, trong suốt chặng đường gần một thế kỷ của văn chương Việt Nam hiện đại, những nhà phê bình đích thực chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Còn lại số đông các nhà chỉ *phê* mà chẳng *bình* hay là *bình* mà chẳng *phê* hoặc chỉ dừng lại ở mức giới thiệu sách.

Công việc khó khăn, phức tạp là thế nhưng lại không được xã hội và các nhà quản lý đánh giá đúng mức.

Dù không có một văn bản nào quy định về mức trả nhuận bút đối với một bài phê bình văn học, nhưng bao giờ một bài phê bình cũng chỉ được các báo hay tạp chí trả nhuận bút bằng một nửa hoặc thậm chí là một phần ba, phần tư so với một tác phẩm sáng tác có thời lượng tương ứng. Còn đối với các nhà xuất bản thì nhuận bút một cuốn sách lý luận, phê bình văn học có độ dày khoảng 200 trang, khổ 14 x 20,5 cm, được trả từ 8-12% giá bìa nhân với số lượng sách xuất bản, và thường dưới 1.000 cuốn. Và cũng không ít nơi trả nhuận bút cho một bài phê bình văn học theo chức danh, sư sĩ, địa vị xã hội hoặc theo quan hệ thân sơ,... chứ không theo tiêu chuẩn chất lượng bài viết, vẫn biết việc đánh giá chất lượng một bài phê bình văn học không phải là chuyện dễ. Mặc dù Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ, *Quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản* đã ra đời cách đây hơn 5 năm nhưng từ trước đến nay, việc trả nhuận bút ở các báo,

tạp chí, nhà xuất bản là rất khác nhau, chẳng nơi nào giống nơi nào. Có thể chia làm ba nhóm chính như sau: Nhóm thứ nhất là các báo, tạp chí, nhà xuất bản của các cơ quan Đảng và Nhà nước; nhóm thứ hai là báo, tạp chí, nhà xuất bản của các bộ, ngành và hội đoàn; nhóm thứ ba là các báo, tạp chí, nhà xuất bản của các đơn vị, cơ quan chuyên ngành về văn chương, nghệ thuật, với các mức nhuận bút tương ứng như sau: nhóm một: trên dưới một triệu/bài; nhóm hai: 500.000 đồng - 700.000 đồng/bài; nhóm ba: 200.000 đồng - 400.000 đồng/bài. Việc trả nhuận bút cũng giống như trả công lao động, tùy vào khả năng tài chính của mỗi cơ quan, đơn vị. Nhưng đã có Nghị định số 18/2014/NĐ-CP của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông rồi mà mỗi nơi làm một phách, mức chênh lệch quá cao như vậy là chuyện rất khó chấp nhận. Điều ấy còn biểu hiện sự thiếu công bằng và khách quan trong việc đối xử giữa các nhà phê bình với nhau và giữa phê bình với sáng tác, cũng như một số công việc khác ở các cơ quan báo chí và xuất bản là khá phổ biến từ trước đến nay, nhưng không ai dám nói ra, chỉ biết ám ức và âm thầm chịu đựng.

Đội ngũ những người làm phê bình văn học từ trước đến nay chủ yếu là những người từng học khoa Văn ở các trường, như: Đại học Tổng hợp, Đại học Sư phạm. Họ là những cán bộ giảng dạy phổ thông hay đại học, hoặc làm biên tập ở các tòa soạn báo, tạp chí, các nhà xuất bản, và một số người kiêm nhiệm vừa sáng tác vừa phê bình. Như vậy, công việc phê bình văn học đối với họ chỉ là tay chiêu. Nó hoàn toàn phụ

thuộc vào thời gian nhàn rỗi, sự hứng khởi và những khuyến khích vật chất. Chỉ đến khi nghỉ hưu, không phải lo công việc cơ quan thì một số người mới chuyển hẳn sang làm phê bình chuyên nghiệp.

Trong thời kỳ chiến tranh vệ quốc, những vấn đề bức xúc của cuộc chiến như một nhân tố kích hoạt mạnh mẽ, không cho phép các nhà phê bình trùm chǎn, ngủ yên trong lớp vỏ kẻ sĩ của mình, khi cả dân tộc đang lao vào cuộc chiến cứu nước, cứu nhà. Cũng vì thế mà phê bình văn học khá phát triển. Thời kỳ khôi phục kinh tế theo hướng bao cấp (1975-1985), mọi người ai nấy đều cần “xả hơi” sau những tháng năm dài vật lộn với kẻ thù và mọi người cũng yên tâm với suất lương bao cấp cầm hơi để tồn tại chờ thời.

Chuyển sang nền kinh tế thị trường hai yếu tố trên dường như không còn nữa. Ai nấy đều phải “đánh trân” cả ngày, bươn chải với cuộc sống, lo toan, định liệu và làm gì cũng phải tính đến hiệu quả kinh tế. Nhà phê bình không thể mỗi năm viết hai bài với giá nhuận bút trung bình hiện nay khoảng trên dưới năm trăm nghìn đồng, thậm chí cao nhất cũng chỉ một triệu đồng một bài in tràn cả trang báo. Thay vì điều đó, ngoài những công việc chính ra, họ có thể đi dạy thêm, luyện thi đại học, dịch sách, tổ chức các bộ biên niên sử văn chương, tham gia các đề tài, dự án cấp bộ, ngành, quốc gia và quốc tế... Còn ai không có điều kiện làm các việc trên, ít máu kẻ sĩ thì chạy mánh, đánh quả, đi chợ, đèo hàng, trông hàng cho vợ, mỗi tháng kiếm vài triệu không phải nghĩ ngợi, vừa không bị mệt đầu lại l้า khi cũng rách việc. Cứ theo guồng quay của cuộc sống như vậy, dần dà công

việc phê bình văn học trở thành một vị khách lạ qua đường, sau câu chào xã giao là người ta có thể yên tâm rằng mình không đến nỗi là kẻ khiếm nhã.

Một nguyên nhân quan trọng khác là dư luận xã hội và các nhà quản lý luôn đặt các nhà phê bình trong trạng thái “tiến thoái lưỡng nan”. Nếu có khen, có chê thì bị dư luận cho là phê bình kiểu “ái nam ái nữ”, dù khen cho ra khen và chê cho ra chê cũng không phải là chuyện dễ. Khen nhiều thì mọi người bảo là nịnh tác giả, để giữ an toàn cho cái niêu cơm của mình. Chê nhiều thì chẳng những làm người bị chê bất bình mà nếu họ nổi đóa lên thì rách việc và quan trọng là không báo nào dám đăng, vậy là mất côngtoi, lấy gì ăn để ngồi viết phê bình, nhiều lần như vậy đâm chán, cuối cùng là giải nghệ.

Mặc dù trong thực tế, chê mà đúng nơi, đúng chỗ không phải là chuyện dễ. Nhưng tâm lý người Việt Nam thường không mấy ai thích chê nhiều. Chỉ những người thật sự dũng cảm và tâm huyết với công việc phê bình văn học mới có thể vượt ra ngoài sự kiềm tỏa của đủ các loại “vòng kim cô”, nhưng cũng phải thận trọng, dè chừng, tránh đụng chạm không cần thiết có khi mang vạ oan. Vậy là, một lối phê bình nhò nhè, đùng đục với toàn những mệnh đề liên từ đại loại như “tuy thế...”, “nhưng mà...”. Vậy là hòa cả làng, được tất cả, chỉ có bản thân văn chương và công chúng là vừa mất tiền mua sách báo, lại mất công đọc mà chỉ nhận được về sự ấm ức.

Trên đây là bức tranh phác họa đôi nét về thực trạng của phê bình văn học thời gian gần đây, nhất là hiện nay.

Chắc chắn rằng sẽ còn có nhiều vấn đề cần bàn luận trao đổi. Việc chỉ ra đúng những nguyên nhân chủ quan và khách quan là một việc làm có ý nghĩa lúc này. Thiết nghĩ thực trạng rối tung, rối mù như canh hẹ và đang ngày càng tụt hậu của phê bình văn học hiện nay so với chính nó trước đây và so với sáng tác đang là một chứng bệnh nan y. Nó cần được đặc trị bằng “biệt dược” trong một thời gian dài và cần phải có những nhà chuyên môn tài năng và tâm huyết cũng như những nhà quản lý văn chương nghệ thuật nói riêng và văn hóa nói chung có trách nhiệm cao cùng chung tay tháo gỡ mới mong cải thiện được tình hình.

PHÊ BÌNH VĂN HỌC TRẺ Ở BẮC MIỀN TRUNG TRÊN NỀN PHÊ BÌNH CẢ NƯỚC HIỆN NAY

ThS. HOÀNG THÚY ANH

So sánh, đối chiếu giữa các miền, có thể thấy lực lượng phê bình trẻ ở Bắc Miền Trung còn mỏng, khá khiêm tốn. Tuy nhiên, số lượng không hẳn là cột mốc chuẩn xác để đánh giá chất lượng phê bình. Một số cây bút trẻ Bắc Miền Trung vẫn khẳng định được tiếng nói và phong cách của mình, góp phần thúc đẩy sự phát triển phê bình ở Việt Nam, đồng hành với lĩnh vực sáng tác và định hướng người đọc, tránh tình trạng lệch pha, nhiễu sóng trước lối phê bình vuốt ve, trau chuốt hay hạ bệ lẫn nhau.

Về lực lượng phê bình trẻ, Bắc Miền Trung chưa có sự đồng đều. Nếu tính từ độ tuổi 8x trở đi thì lực lượng phê bình trẻ quá ít. Sung sức và dồi dào nhất của phê bình Bắc Miền Trung vẫn ở thế hệ 7x. Do vậy, bài viết chủ yếu đề cập đến những ưu và nhược của lực lượng phê bình 7x và 8x. Ngoài những gương mặt làm nên diện mạo phê bình văn học Thanh Hóa như Hoàng Tuấn Phổ, Nguyễn Xuân Dương, Lưu Đức Hạnh, Nguyễn Mạnh Hùng, Họa Diệu Thúy, Hoàng Tuấn Công... đáng chú ý là sự xuất hiện hai cây bút trẻ: Thy Lan và Nguyễn Thanh Tâm. Ở Nghệ An, chúng ta có Đặng Lưu,

Phan Huy Dũng, Đinh Trí Dũng, Phạm Tuấn Vũ, Lê Hồ Quang, Nguyễn Duy Bình, Lê Thanh Nga... Trong đó, nổi bật là các bài phê bình thơ sắc sảo, rất chuyên nghiệp của cây bút 7x Lê Hồ Quang. Hà Tĩnh có vẻ khiêm tốn hơn, tiếp nối Hà Quảng là Nguyễn Thị Nguyệt và Nguyễn Thanh Truyền. Quảng Bình trội hơn Hà Tĩnh với các cây bút như Mai Thị Liên Giang, Dương Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Nga, Hoàng Đăng Khoa, Hoàng Thụy Anh, Lê Hương... Tiếp tục đến vùng đất máu - Quảng Trị, Bùi Như Hải và Nguyễn Thái Hoàng thỉnh thoảng viết đôi ba bài phê bình. Huế là vùng đất chiếm vị trí số một, so với 5 tỉnh còn lại, về đội ngũ phê bình. Bên cạnh các cây bút phê bình gạo cội như Hồ Thế Hà, Phạm Phú Phong, Bửu Nam, Nguyễn Thị Bích Hải, Lê Thị Hường... chúng ta có thể kể đến các cây bút 7x như Nguyễn Thị Tịnh Thy, Trần Huyền Sâm, Hoàng Thị Huế, và các cây bút 8x như Nguyễn Văn Thuấn, Thái Phan Vàng Anh, Nguyễn Văn Hùng, Phan Trọng Hoàng Linh, Phan Tuấn Anh, Lê Thị Diễm Hằng, Thanh Tâm A...

Nhìn chung, ở Bắc Miền Trung, các cây bút phê bình trẻ khá đa dạng về khuynh hướng, phong cách nghiên cứu, phê bình. Nguyễn Thanh Tâm viết chắc, khỏe, bản lĩnh, không chỉ thâm nhập sâu, kỹ lưỡng vào đời sống thơ mà còn đưa ra những cách đọc, những kiến giải, nhận định hết sức tinh tế, sâu sắc. Phê bình của Lê Hồ Quang vừa có sự đồng điệu, giao cảm với tác giả vừa chỉ ra những cách đọc và giải mã bí ẩn của thơ trên cơ sở ngôn từ, hình tượng, âm thanh, cấu trúc... Mai Thị Liên Giang tiếp nhận văn học từ góc độ mỹ học, quan tâm mối tương tác giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận. Ngữ ngôn cô đọng, có hồn vía của thơ cùng với sự

chặt chẽ về cấu trúc là thế mạnh trong phê bình của Hoàng Đăng Khoa. Nữ quyền luận và phân tâm học là hướng phê bình của Trần Huyền Sâm. Nguyễn Thị Tịnh Thy thiên về tự sự học và phê bình sinh thái. Thái Phan Vàng Anh nghiêng về nghiên cứu tiểu thuyết đương đại Việt Nam từ góc nhìn hậu hiện đại. Ngòi bút của Nguyễn Văn Thuấn theo hướng hậu hiện đại và liên văn bản. Phan Tuấn Anh theo xu hướng phê bình văn học hậu hiện đại, văn học huyền ảo và văn học ngoại biên. Có thể nói, mỗi người mỗi xu hướng, mỗi phương pháp nghiên cứu, phê bình đã góp phần tăng thêm sự sôi động cho đời sống phê bình Bắc Miền Trung nói riêng và đời sống phê bình cả nước nói chung.

Điểm trội của phê bình Bắc Miền Trung là đa phần các cây bút đều làm ở các tờ báo, công tác ở các trường đại học cho nên họ vừa theo kịp sáng tác vừa thể hiện những khám phá, phát hiện mới. Theo đó, niềm đam mê, sự dấn thân trong nghiên cứu, phê bình của những cây bút Bắc Miền Trung ngày một nâng cao. Các vấn đề mới về mặt lý luận bước đầu được nhìn nhận, đánh giá, thẩm định, soi chiếu vào bài viết một cách tinh nhạy, khoa học. Những đóng góp thiết thực của tác giả phê bình trẻ Bắc Miền Trung là tiền đề quan trọng cho sự phát triển và đổi mới nền lý luận văn học nước ta. Đặc biệt, một số cây bút đã thể hiện tính học thuật, tư duy lý luận khá sắc sảo. Các kiến thức liên ngành như: Ngôn ngữ học, Tự sự học, Phân tâm học, Ký hiệu học, Thông diễn học, Văn hóa học... được các cây bút trẻ vận dụng khá vững và quy chiếu vào văn bản một cách sáng tạo.

Rất nhiều cây bút phê bình Bắc Miền Trung đạt giải thưởng từ địa phương cho đến trung ương. Phan Tuấn Anh

đạt giải thưởng Tác giả trẻ của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam năm 2015; giải thưởng Tác phẩm xuất sắc trong năm của Hội Nhà văn tỉnh Thừa Thiên - Huế năm 2013, năm 2015; giải thưởng Cố đô năm 2013, năm 2019; giải Nhất Tài năng khoa học trẻ Việt Nam năm 2012; giải Nhì Sinh viên nghiên cứu khoa học toàn quốc... Ngoài giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2016, Trần Huyền Sâm còn có nhiều giải thưởng như: giải thưởng Tác phẩm phê bình xuất sắc năm 2003 của Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Thừa Thiên - Huế, giải thưởng Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Thừa Thiên - Huế năm 2016, giải thưởng Quỹ Phùng Quán năm 2017... Thy Lan đạt giải C của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương và giải B của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam năm 2016. Mai Thị Liên Giang đạt giải Khuyến khích của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam năm 2018. Hoàng Thụy Anh đạt giải A giải thưởng Lưu Trọng Lư lần thứ V (2010-2015), giải C của Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam năm 2016... Giải thưởng có những ảnh hưởng nhất định đến sáng tác của các tác giả. Nhưng giải thưởng không phải là đỉnh cao trong sáng tác nghệ thuật của mỗi tác giả. Nó chỉ là một trong những tiêu chí để đánh giá và là động lực khích lệ mạnh mẽ đối với người viết phê bình. Dẫu chưa mạnh về số lượng (so với hai miền Nam - Bắc) nhưng những thành quả trên đã là tín hiệu đáng mừng cho sự phát triển con đường phê bình chuyên nghiệp của các cây bút trẻ Bắc Miền Trung.

Một tất yếu khó tránh khỏi là phê bình Bắc Miền Trung, cũng như phê bình cả nước, đều rơi vào cảnh xa rời sáng tác

và nhất là những sáng tác của các cây bút trẻ. Việc xa rời/né tránh hiện thực sáng tác là bệnh chung, tình hình chung của đời sống phê bình. Bởi lẽ, so sánh với người sáng tác, số lượng người viết phê bình không nhiều. Làm sao họ có thể thâu tóm và đánh giá kịp thời đời sống văn học? Như ở Bắc Miền Trung, số lượng người viết phê bình ở từng tỉnh chỉ đếm trên đầu ngón tay. Vậy, đòi hỏi trách nhiệm của người viết phê bình trước đời sống sáng tác có là vấn đề quá tầm tay? Thứ nhất, nếu viết cho người trẻ, nhất là các cây bút trẻ địa phương, các tờ tạp chí (nhất là tờ tạp chí địa phương) khó mà đón nhận vì không phải là tác giả nằm vùng. Đặc trưng vùng miền chi phối đến bộ mặt của tờ tạp chí địa phương nên tiêu chí bản sắc vùng miền bao giờ cũng đặt lên hàng đầu. Người sáng tác có thể gửi gắm bài viết ở tất cả các báo nhưng người viết phê bình luôn nằm trong sự kiểm duyệt “vùng miền”, “bản sắc” của các tạp chí. Tính khu biệt này, vô hình trung, tạo ra lằn ranh cho văn học. Mà văn học vốn dĩ không phân biệt địa vị, tôn giáo, dân tộc. Tự khu biệt vào đặc tính vùng miền, các tờ tạp chí phần nào tự co hẹp chính sức sống của mình. Đã vậy, viết một bài phê bình tốn rất nhiều thời gian, công sức nhưng thù lao nhận được lại quá ít, không cân xứng. Đây chính là một trong những lý do khiến cho người viết phê bình cảm thấy bị rẻ rúng và buộc phải chuyển hướng. Hai vấn đề trên đã nảy sinh nhu cầu chọn lựa tác phẩm, tác giả khi nghiên cứu, phê bình. Chọn lựa để có cơ may được in, được tăng thêm thu nhập. Nếu cứ bám mãi vào vùng miền thì bao nhiêu phần trăm có thể sống được với nghề? Nhưng nếu phê bình chỉ chăm chắm níu vào những tác phẩm của các tác giả có tầm mà “ăn theo” đánh bóng tên tuổi mình thì

đó chưa phải là người viết phê bình chuyên nghiệp. Nhiệm vụ của nhà phê bình, theo tôi, ngoài việc trau dồi tư duy, lập luận khoa học để thám mă văn bản còn phải biết phát hiện những nhân tố mới, thử thách mình và có bản lĩnh trước nhận định mà mình đưa ra. Đối diện với các cây bút trẻ cũng là một quá trình thử thách dũng khí và tư duy luận giải của mình. Bởi, người viết trẻ bao giờ cũng tiềm tàng trong họ những ẩn số. Vì thế, vừa đảm đương văn học vùng miền vừa bám sát đời sống văn học hiện tại là trách nhiệm và lương tâm của người viết phê bình chuyên nghiệp. Tất nhiên, các tờ báo, tạp chí cũng phải luôn cởi mở, bút khỏi sự trói buộc vùng miền, thì phê bình mới có cơ hội thực hiện đúng chức năng và sứ mệnh của nó. Một tín hiệu đáng mừng, những cây bút phê bình trẻ Bắc Miền Trung được một số báo/tạp chí lớn biết phát hiện và nâng đỡ để các tác giả địa phương có thể “vuột vũ môn”. Nhờ đó mà cả nước biết đến những cây bút trẻ sung súc như Meggi Phạm, Lê Vũ Trường Giang, Lê Minh Phong, Hoàng Công Danh, Diệu Ái, Trương Đình Phượng... Ngoài vai trò là người định hướng, người viết phê bình còn phải biết thiết tạo những điểm mở, cú hích, giúp người sáng tác nhận ra những thiếu hụt, phương cách vận hành tác phẩm theo cảm quan mỹ học mới. Vì thế, có thể khẳng định, các cây bút phê bình trẻ ít nhiều đã thể hiện sự quan tâm đến đời sống và sự phát triển của văn học Bắc Miền Trung nói riêng và cả nước nói chung.

Một điểm riêng, khác biệt của các cây bút phê bình Bắc Miền Trung là tính chất sóng đôi. Phê bình đòi hỏi sự chuyên tâm. Chuyên tâm thì mới có những tác phẩm phê bình hay, bảo đảm được tính chất hai mặt như nhà phê bình Đỗ Lai Thúy

quan niệm: tính chất lưỡng thê của phê bình (khoa học và nghệ thuật). Tuy nhiên, phê bình là lĩnh vực khó, đòi hỏi nhiều yếu tố như năng lực, kiến thức, khả năng thâm nhập và bản lĩnh nghề nghiệp, dám đấu tranh bảo vệ luận kiến mà mình đưa ra. Do vậy, người viết phê bình ít có điều kiện giải tỏa tâm lý, cảm xúc như các lĩnh vực khác. Thơ như là điểm nối kết giúp người viết phê bình tự dung hòa chính cảm xúc của mình. Những cây bút phê bình như Hà Minh Đức, Trương Đăng Dung, Hồ Thế Hà, Mai Bá Án, Bửu Nam... từng rất thành công với “trò chơi nước đôi này”. Một số cây bút phê bình Bắc Miền Trung như Phan Tuấn Anh, Hoàng Đăng Khoa, Thy Lan, Hoàng Thụy Anh có sự hợp nhất này. Và tất nhiên, dòng chảy yếu tố cảm xúc “ngõ hẻu” cũng chỉ phôi ít nhiều đến phê bình, giúp họ có sự tương hỗ giữa tư duy khoa học và tư duy nghệ thuật ngay trong các bài viết. Đó là lý do để chúng ta có một Phan Tuấn Anh vừa sắc cạnh vừa triết lý trong phê bình; một Hoàng Đăng Khoa với tư duy thơ nhạy bén phản chiếu sang phê bình những con chữ giàu hình tượng; một Thy Lan với những góc nhìn dịu dàng, nữ tính... Tính chất sóng đôi này không hề đẩy các cây bút Bắc Miền Trung rời vào kiểu phê bình cảm tính, ngược lại, giúp họ vừa khẳng định cá tính phê bình riêng vừa chứng minh mối quan hệ thiết yếu giữa phê bình và sáng tác thơ. Phê bình và sáng tác thơ đều cần những cuộc chắt lọc, gieo chũ. Phê bình tăng thêm tính triết luận cho sáng tác thơ và sáng tác thơ bồi đắp dòng chảy cảm xúc cho phê bình, tránh được lối phê bình thẳng băng, cứng nhắc.

Mặc dù đa dạng về hướng nghiên cứu, phê bình nhưng vẫn còn khá nhiều bài viết của các cây bút phê bình trẻ

Bắc Miền Trung chưa tập hợp in thành sách. Đây cũng là một trong những vấn đề khiến cho phê bình trẻ Bắc Miền Trung chưa được nhìn nhận, đánh giá một cách thấu đáo, toàn diện - nhất là chưa khẳng định được tính hệ thống, tính chuyên nghiệp trong nghiên cứu, phê bình. Bên cạnh đó, đối tượng nghiên cứu, phê bình của các tác giả trẻ Bắc Miền Trung vẫn còn nhiều chỗ/khoảng trống chưa đặt chân tới, chưa được lấp đầy. Việc đi tìm cái mới trong lý luận của phê bình trẻ Bắc Miền Trung còn mờ nhạt. Các bài viết mới chỉ mang tính chất vận dụng lý thuyết, ít có sự đúc kết, phát kiến về mặt lý luận. Tính tư tưởng, tính triết học trong phê bình mỏng, thậm chí vẫn còn tồn tại những kiểu phê bình thù tạc, khen, chê một cách chung chung, không có cơ sở lý thuyết nào cả, mục đích nhằm lấy lòng nhau, PR nhau. Tôi nghĩ, khía cạnh này không chỉ là hạn chế của phê bình trẻ Bắc Miền Trung mà còn là hạn chế của hầu hết giới phê bình trẻ cả nước.

Phê bình văn học Bắc Miền Trung thực sự đã làm tròn chức năng và nhiệm vụ của nó chưa? Câu trả lời tùy thuộc phần nhiều ở ý thức, bản lĩnh mỗi cây viết phê bình và một phần không nhỏ ở trách nhiệm của các Hội Văn học, nghệ thuật và tạp chí địa phương. Trong dòng chảy phê bình cả nước, có thể khẳng định, các cây bút phê bình Bắc Miền Trung đã và đang cố gắng làm tròn bổn phận của mình. Dẫu chưa bao quát toàn bộ đời sống văn học nhưng phê bình Bắc Miền Trung chưa bao giờ đứng ngoài dòng chảy sôi động của văn học. Phê bình Bắc Miền Trung ít nhiều đã đóng được dấu ấn cá tính trên hành trình còn nhiều cam go và không ít thử thách này.

Phần thứ ba

PHÊ BÌNH NGHỆ THUẬT

LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH ÂM NHẠC NĂM 2019

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU

Trong năm cuối thập kỷ thứ hai của thế kỷ này (năm 2019), phê bình văn học, nghệ thuật và các yếu tố tác động đến nền phê bình nước nhà được nhận diện, đánh giá và lý giải ra sao?

Câu hỏi mang tầm vĩ mô này chỉ có thể được giải đáp từ cái nhìn vừa toàn diện tổng quan vừa sâu sắc cụ thể của cả tập thể chuyên gia chuyên ngành lý luận văn học, nghệ thuật. Còn ở đây, với góc độ hạn hẹp của một cá nhân trong địa hạt âm nhạc, tôi chỉ xin chia sẻ đôi điều từ những gì tai nghe mắt thấy trong năm vừa qua.

Lý luận, phê bình và đời sống âm nhạc năm 2019

Tâm gương phản chiếu đời sống âm nhạc năm 2019 trên báo chí thuộc về ai? Chắc chắn không phải các nhà lý luận âm nhạc chuyên nghiệp. Đáng tiếc cho đến nay, chúng ta vẫn chưa thực sự có một đội ngũ phê bình âm nhạc. Nếu chỉ trông chờ bài phê bình của giới lý luận âm nhạc được đào tạo có bài bản, thì sự phản ánh đời sống âm nhạc rất nghèo nàn, phiến diện và chậm trễ. Khoảng trống đó được bù đắp bởi những cây bút không chuyên ngành âm nhạc: các nhà báo và

phóng viên, các nhà phê bình thuộc loại hình nghệ thuật khác và cả các nhà phê bình tự phong... Họ hoặc buộc phải viết bài cho chuyên mục âm nhạc trên báo chí (báo viết, báo nói, báo hình), hoặc chủ động viết với cảm xúc chợt trỗi dậy cùng tình yêu âm nhạc. Vì không thể phân tích tác phẩm, nhận xét về ngôn ngữ âm nhạc và phong cách biểu diễn theo yêu cầu học thuật đặc thù của phê bình âm nhạc chuyên nghiệp, nên bài viết của tác giả “ngoại đạo” chủ yếu mang tính đưa tin sự kiện, hoặc dẫn giải sự việc theo cảm nhận của người thường thức đơn thuần. Gọi đó là “phê bình âm nhạc” thì e quá cưỡng ép.

Vậy, báo chí đã ghi lại gì cho bức phác họa sinh hoạt âm nhạc hiện nay?

Trước hết, năm 2019 nối tiếp đà nở hoa của năm trước với những biểu hiện chứng tỏ sự đa dạng trong các lĩnh vực khác nhau: nhạc thị trường ăn khách, nhạc chính thống kén khách, nhạc giải trí đại chúng, nhạc hàn lâm kinh điển... “Nở hoa” đương nhiên thuộc phần nổi: đó là những sự kiện có ý nghĩa vùng miền, quốc gia, thế giới và quốc tế. Ta cùng lướt qua dăm ba sự kiện:

Được coi như giải Grammy của nhạc Việt, giải Âm nhạc Cống hiến do báo Thể thao và Văn hóa tổ chức thông qua bầu chọn của báo giới (nhà báo của các phương tiện thông tin đại chúng) là một biểu hiện rất rõ vai trò quyết định của báo chí trong đánh giá thành tựu ca nhạc dành cho các ca sĩ, nhạc sĩ, đạo diễn, nhà sản xuất âm nhạc. Mùa giải thứ 14 (4/2019) nổi bật bởi yếu tố trẻ và mới. Bên cạnh các “diva, divo” và các tác giả quen thuộc, trong danh sách đề cử còn xuất hiện

không ít gương mặt mới và trẻ, đặc biệt còn có cả một giọng ca dân gian sáng giá (ca sĩ Phương Thảo) và một giọng ca thính phòng đẳng cấp (ca sĩ Lan Anh). Các dòng nhạc dân gian, nhạc hàn lâm, “nhạc tiền chiến”, “nhạc đỏ” (xin dùng ngoặc kép bởi những tên gọi này tuy quá thông dụng trên mặt báo nhưng rất khó chấp nhận trong giới nhạc chuyên nghiệp) là loại nhạc kén khách có lẽ cũng đã bắt đầu nhích dần khỏi thế hoàn toàn thua thiệt trước nhạc thị trường, để chờ cơ hội lọt vào mắt xanh của báo giới.

Một giải thưởng âm nhạc có tiếng nữa cho thấy vai trò không nhỏ của báo chí: Liên hoan Tiếng hát truyền hình toàn quốc - Giải Sao Mai mùa 12 của Đài Truyền hình Việt Nam (4/2019). Cuộc thi năm 2019 được đầu tư lớn hơn cả, mang tính cạnh tranh quyết liệt nhằm thúc đẩy sự bứt phá của các giọng ca trẻ ở các phong cách khác nhau: thính phòng, dân gian, nhạc nhẹ. Tăng thêm tính chuyên nghiệp cho giải thưởng này, Hội Nhạc sĩ Việt Nam từ năm 2017 đã lập thêm giải “Ngôi sao hy vọng” để khích lệ các em trong bước đi đầu tiên vào hành trình lao động nghệ thuật nghiêm túc.

Truyền hình tiếp tục khuấy động sinh hoạt âm nhạc đại chúng bằng nhiều chương trình tương tác thực tế như hành trình về quá khứ qua *Giai điệu tự hào*, *Ký ức vui vẻ*... Nở rộ các cuộc thi *Giọng hát Việt 2019* (mùa 6), *Giọng hát Việt nhí 2019* (mùa 7)... cùng hàng loạt chương trình liên quan đến “bolero” trên đài trung ương và địa phương. Tiếc thay nơi đó lại hoàn toàn thiếu vắng tiếng nói của các nhà lý luận âm nhạc, những người có thể tác động tích cực vào thẩm mỹ đại chúng.

Một hoạt động hướng tới tính chuyên nghiệp trong nghệ thuật biểu diễn: Liên hoan các ban nhạc toàn quốc (4/2019) sau gần 30 năm vắng bóng đã diễn ra với mong muốn khôi phục “nhạc sống” trong biểu diễn ca nhạc. Ban nhạc bấy lâu nay cứ teo dần do tiết kiệm chi phí, giờ lại đang đối mặt với nguy cơ bị thay thế bởi nhạc nền thu sẵn có chất lượng ngày càng hoàn hảo nhờ kỹ thuật công nghệ cao. Song, dù có lợi nhuận kinh doanh hay tính vượt trội của trí tuệ nhân tạo trong xu thế tự động hóa nhiều lĩnh vực, thì vẫn không gì thay thế được yếu tố con người và sự thăng hoa trong cảm xúc sáng tạo. Ban nhạc sống vẫn là điều kiện cần để nâng cao tính chuyên nghiệp trong sự phát triển ngành biểu diễn âm nhạc.

Góp phần làm phong phú cho đời sống âm nhạc, Liên hoan Âm nhạc ASEAN (5/2019) đã quy tụ nhiều đoàn nghệ thuật trong khối ASEAN với gần một trăm tiết mục đa sắc và độc đáo, quảng bá cho các giá trị âm nhạc dân tộc của Việt Nam và các nước trong khu vực.

Liên hoan Tiếng hát Đường 9 xanh (7/2019) là hoạt động nghệ thuật tri ân các anh hùng liệt sĩ, trình diễn hơn một trăm tiết mục dàn dựng công phu về những khoảnh khắc lịch sử trên cung đường Trường Sơn huyền thoại, trong đó có loại hình nghệ thuật đỉnh cao là opera *Lá đỉ* - một nhạc kịch hoành tráng đã đoạt nhiều giải thưởng tập thể và cá nhân xuất sắc của Liên hoan.

Về nhạc hàn lâm cần kể đến Liên hoan mang quy mô lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh mang tên *Giai điệu mùa thu* (8/2019), gồm một tuần lễ tôn vinh nhạc kịch, nhạc múa và

giao hưởng thính phòng. Chương trình phong phú với các tác phẩm trải qua các thời đại - từ cổ điển và lãng mạn tới ấn tượng và hiện đại, được thể hiện bởi các nghệ sĩ Việt Nam và quốc tế (các nhóm hòa tấu International Chamber Players của Mỹ - Việt, Eine Flute Ensemble của Hàn Quốc), đặc biệt công chúng được thưởng thức tài nghệ của các nghệ sĩ piano, từ mầm non, lứa tuổi 12-17 tới những nghệ sĩ mang tầm cõi quốc tế như nghệ sĩ Đặng Thái Sơn.

Chương trình *Điều còn mãi* lần thứ 10 (9/2019) tiếp tục đưa nhạc chuyên nghiệp đến với công chúng qua con đường vừa quảng bá tác phẩm giao hưởng Việt Nam, vừa “giao hưởng hóa” bằng việc chuyển soạn cho dàn nhạc các ca khúc quen thuộc. Bên cạnh tính đa dạng bởi sự góp mặt các tác phẩm mang chất liệu dân ca vùng miền khác nhau, thì điểm nhấn tạo yếu tố mới trong chương trình còn là sự kết hợp giữa nhạc giao hưởng với chất rock, và dấu ấn thời đại này rất thu hút khán giả trẻ. Yếu tố trẻ càng đậm nét hơn với sự tham gia của các tài năng âm nhạc đã được biết tiếng trên diễn đàn quốc tế (nhạc trưởng Lê Phi Phi, NSƯT. Bùi Công Duy), cũng như các ca sĩ trẻ đang là niềm tự hào quốc gia (Đặng Dương, Trọng Tấn, Đào Tố Loan, Lê Anh Dũng, Tùng Dương...).

Kiên trì trong hoạt động đưa “nhạc sạch” đến với công chúng, Hội Nhạc sĩ Việt Nam tiếp tục tổ chức các cuộc liên hoan giới thiệu tác phẩm mới (Liên hoan Âm nhạc lần thứ 32 khu vực đồng bằng sông Cửu Long vào tháng 6/2019 và Liên hoan Âm nhạc toàn quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 8/2019), đêm nhạc *Mùa thu nhớ Bác* tại Hà Nội và chuỗi chương trình ca nhạc thường niên ở nhiều tỉnh, thành chào mừng

Ngày Âm nhạc Việt Nam (9/2019). Mặt khác, Hội Nhạc sĩ cũng là một “cửa” đưa tác phẩm Việt Nam tới diễn đàn âm nhạc quốc tế qua chương trình hòa nhạc và hội thảo sáng tác tại Cônômbia (5/2019), Festival quốc tế Âm nhạc mới Âu - Á lần thứ XIV tại Tatarstan (9/2019)...

Ngành đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp năm 2019 được mùa liên hoan và cuộc thi quốc tế, như cuộc thi Âm nhạc quốc tế cho violon và hòa tấu thính phòng (8/2019) được ghi nhận chất lượng đẳng cấp thế giới. Riêng piano có tới ba cuộc thi danh tiếng tổ chức vòng loại ở Hà Nội: Đường đến nhà hát danh tiếng Carnegie Hall (Your Road to Carnegie Hall), Cuộc thi Âm nhạc quốc tế Chicago (CIMC), Liên hoan Âm nhạc quốc tế Philadelphia (PIMF).

Nhạc điện tử, nhạc thể nghiệm và nghệ thuật sắp đặt được đánh dấu bằng sự kiện Nhạc Mới (4/2019) với chuỗi hoạt động giao lưu (workshop, hòa nhạc) giữa các nhạc sĩ Việt Nam và quốc tế, những nghệ sĩ trẻ khát khao kiếm tìm ngôn ngữ âm thanh mới trên cơ sở truyền thống và không ngại phá vỡ nguyên tắc cũ bằng cảm thức mới.

Năm 2019 có không ít chương trình cá nhân - live concert các tác phẩm của các nhạc sĩ gạo cội: Vĩnh Cát, Trịnh Công Sơn, Nguyễn Đình Phúc, Chu Minh...; live show của các ca sĩ được mến mộ: Khánh Ly, Thanh Lam, Tùng Dương, Mỹ Tâm, Tân Nhàn, Lê Quyên, Mạnh Quỳnh, Phạm Thùy Dung...

Trong lĩnh vực nhạc giao hưởng thính phòng không thể không nhắc đến các chương trình mang tính chuyên nghiệp cao của Dàn nhạc Giao hưởng quốc gia Việt Nam, Sun Symphony Orchestra, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam,

Nhà hát Giao hưởng nhạc vũ kịch Thành phố Hồ Chí Minh... Đặc biệt Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam vừa làm một “cú đúp” ngoạn mục nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập: cho ra mắt cùng lúc vở opera *Người tạo tượng* (Đỗ Nhuận) và vở ballet *Hồ thiên nga* (Tchaikovsky).

Có lẽ chưa bao giờ Hà Nội lại có buổi tối nào như tối 5/10, khiến giới yêu nhạc hàn lâm rất “phân vân”, cứ ước thân mình được xé làm mảnh, để không buộc phải bỏ lỡ hai trong ba chương trình đáng thưởng thức: 1- Nhạc kịch *Người tạo tượng* (Đỗ Nhuận) tại Nhà hát Lớn, 2- Chương trình hòa nhạc của Dàn nhạc giao hưởng London tại tượng đài Lý Thái Tổ, 3- Chương trình độc tấu tác phẩm Charles Valentin Alkan (Pháp) của hai pianist trẻ A. Marino (Italia) và Nguyễn Đức Anh tại Trung tâm Văn hóa Pháp L’Espace. Điều này cho thấy sinh hoạt âm nhạc năm 2019 rất sôi động, phong phú.

Năm 2019 còn có những sự kiện đáng chú ý khác, như Lê hội Âm nhạc quốc tế Gió mùa 2019 tại Hoàng thành Thăng Long (11/2019), chuyến lưu diễn của Dàn nhạc Giao hưởng lực lượng Cận vệ quốc gia Liên bang Nga theo lời mời của Hội Nhạc sĩ Việt Nam (01/2019)...

Còn khá nhiều tin tức âm nhạc mà báo chí đã không bỏ qua. Điều đó càng cho thấy rõ vị thế “bao sân” của các cây bút không chuyên trong bình luận âm nhạc. Nhờ họ mà ta có thể thấy được những gì nổi bật trong bức tranh sinh hoạt âm nhạc năm 2019: tính đa dạng, yếu tố trẻ, yếu tố mới, sự vươn tới chất lượng chuyên nghiệp trong sản phẩm âm nhạc.

Chưa hề có công trình lý luận nào đánh giá hoạt động âm nhạc trong năm nay, bởi nghiên cứu chuyên ngành luôn cần

có khoảng lùi đù để có tầm nhìn bao quát trước khi đưa ra nhận định tổng thể. Cũng quá thiếu bài viết kịp thời mang tính định hướng đù súc thuyết phục công chúng trước các hiện tượng hay sự kiện âm nhạc đáng chú ý, và lỗi này luôn được dồn hết cho các nhà lý luận âm nhạc chuyên nghiệp.

Vẫn luôn tồn tại khoảng cách giữa giới lý luận âm nhạc với báo chí. Trong thời đại cạnh tranh thông tin, các báo không mặn mà với những bài viết chuyên sâu về một sự kiện đã qua rồi. Các nhà lý luận âm nhạc cũng “ngán” cái nghề phê bình nhọc nhằn, không đù sống, lại dễ dụng chạm và rất khó viết. Cứ phân tích tác phẩm kiểu giáo trình khô khan thì không ai đọc, ẽ cũng phải thôi!

Vẫn có những nhà lý luận âm nhạc âm thầm viết, âm thầm tự in sách - chủ yếu là sách nghiên cứu, chứ phê bình luôn là “của hiếm”. Sách in rồi chỉ tặng bạn bè, chứ bán không ai mua. Họ không giỏi tự quảng bá nên nơi thực sự cần lại vẫn không có sách, còn các nhà lý luận dù cố gắng mấy vẫn mang tiếng đứng ngoài cuộc.

Đáng buồn là hiện trạng này đã có từ nhiều thập niên trước, nói nhiều, nói mãi... đến nay gần qua hai chục năm của thế kỷ XXI rồi mà chưa thay đổi được gì.

Lý luận, phê bình âm nhạc và vấn đề bản quyền

Ở đây có hai hiện tượng nổi cộm: đạo nhạc và đạo văn trong âm nhạc.

Đạo văn và đạo ý tưởng: Ngành giáo dục, đào tạo ở ta trong nhiều thập niên vẫn duy trì phương pháp sư phạm kỳ quặc: dạy học trò vi phạm bản quyền! Từ tiểu học, các con đã

phải tập làm văn theo kiểu chép văn mẫu (đạo văn) và làm theo dàn ý cho trước (đạo ý tưởng). Đến khi viết luận văn các bậc trung cấp - đại học - cao học, các bạn trẻ lại được phép “cấu” nguyên câu nguyên đoạn từ văn bản khác nhưng không hề đặt trong ngoặc kép và không chú thích trích dẫn của ai. Thú thật tôi không ít lần giật mình nhận ra những đoạn viết của chính mình trong tiểu luận của sinh viên lý luận âm nhạc, được sao chép trung thành từng từ, từng dấu chấm phẩy mà không kèm chú thích trích dẫn từ đâu. Liệu hai cá thể có thể tình cờ viết giống nhau đến thế không?

Từ hiện tượng “rất bình thường” trên dẫn đến những chuyện rất bình thường khác: đạo văn trong cả nghiên cứu học thuật cũng như bình luận âm nhạc đại chúng.

Báo chí từ chối đăng bài của nhà lý luận vì lý do “không phù hợp!”, và rồi sau đó trên mặt báo lại xuất hiện bài viết nội dung y chang, chỉ xào xáo câu chữ, đảo lại các đoạn và gán tên tác giả khác (đó cũng là lý do các nhà lý luận âm nhạc thiếu nhiệt tình cung cấp bài cho báo chí!).

Tinh vi hơn nữa, là đạo ý tưởng. Bạn đâu cần mất công tư duy nát đầu nát óc làm chi, cứ nhai lại bài viết của nhà chuyên môn thôi, chẳng gì cũng bấy nhiêu năm được thầy cô luyện cho cách làm văn theo dàn ý có sẵn rồi.

Lâu cá hơn nữa, bạn cứ nêu đích danh “nhà nghiên cứu âm nhạc Nguyễn X đã nói”, rồi dẫn một câu không mấy quan trọng từ “bài mẫu”, còn lại tha hồ “bệ” nguyên câu nguyên đoạn của ông bà X đó, và cố tình nhập nhèm sao cho văn người thành văn mình luôn.

Còn một kiểu vi phạm bản quyền rất thông dụng trên mạng xã hội: bạn cứ thoải mái đăng nguyên xi bài phê bình

âm nhạc và xóa tên tác giả đi, cũng đâu cần “nói lại cho rõ” nếu được ai đó khen anh (hay chị) viết hay quá, đúng quá.

Chẳng trách được ai, một khi ta không thay đổi cách giảng dạy trong giáo dục phổ thông và đào tạo chuyên ngành. Cũng chẳng có luật cụ thể nào làm chõ dựa để bảo vệ quyền tác giả trong phê bình âm nhạc.

Đạo văn trong âm nhạc thì không mấy ai quan tâm - có lẽ vì chỉ động chạm tối số ít là giới lý luận âm nhạc vốn ngại lên tiếng (!), nhưng đạo nhạc là đề tài xuất hiện trên mặt báo với tần suất ngày càng gia tăng. Điều lạ là không thấy ai băn khoăn: các cây bút bình luận âm nhạc thản nhiên đạo văn như thế, liệu họ có đủ tư cách lên tiếng phê phán hiện tượng đạo nhạc không?

Đạo nhạc: Ở mức độ nào là đạo nhạc, là vi phạm quyền tác giả (kể cả tác giả vô danh trong dân ca đang bị lạm dụng quá đà), mức độ nào là ảnh hưởng vô thức hay vay mượn có ý thức? Thế nào là tác phẩm phái sinh, thế nào là “xài chùa” trái phép?

Ở đây quả thực còn rất nhiều điều chưa thống nhất, chưa được xác định rõ ràng để quy kết có lý có tình. Các tổ chức bảo vệ quyền tác giả (trong đó có quyền tác giả âm nhạc) chủ yếu vẫn là thực thi trách nhiệm thu tiền sử dụng tác phẩm, còn trong các vụ đạo nhạc thì vẫn luôn ở thế bị động lúng túng khi buộc phải “chữa cháy”. Các đơn vị tổ chức biểu diễn, các nhà kinh doanh, các trang mạng âm nhạc, kể cả các nhà đài vẫn có thể xâm phạm bản quyền mà không phải chịu hình phạt thích đáng. Người sáng tác vốn hồn nhiên và lơ mơ về luật, những người làm luật lại chưa đủ rành những đặc thù

chuyên ngành âm nhạc. Còn các nhà lý luận, phê bình âm nhạc, những người lẽ ra thích hợp nhất, có tiềm năng nhất cho lĩnh vực này thì họ đâu rồi?

Những lùm xùm trong năm 2019 về tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ chủ yếu vẫn do giới nhạc thiếu hiểu biết, thiếu ý thức về quyền tác giả và quyền liên quan. Giải quyết tận gốc vấn nạn này phải bắt đầu từ việc coi trọng giáo dục nhân cách song song với truyền dạy kiến thức chuyên môn, để người làm nhạc được trang bị đủ không chỉ tay nghề mà cả đạo đức làm nghề. Ở đây vai trò của các nhà lý luận, phê bình âm nhạc có thể rất hiệu quả, chỉ có điều là phải làm sao để họ nhập cuộc?

Lý luận, phê bình âm nhạc và thời đại công nghệ cao

Năm 2019 trên diễn đàn báo chí liên tục xuất hiện cụm từ “cách mạng công nghiệp 4.0”. Đã có vài hội thảo luận bàn về công nghệ 4.0 với văn học, nghệ thuật, trong đó có âm nhạc. Và hẳn nhiên lý luận, phê bình âm nhạc không thể không liên quan.

Văn minh nhân loại với bốn cuộc cách mạng công nghiệp đã và đang làm thay đổi toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần chúng ta, bao gồm văn hóa nghệ thuật nói chung và văn hóa âm nhạc nói riêng, đương nhiên tác động trực tiếp tới tất cả các lĩnh vực: sáng tác, biểu diễn, thưởng thức, đào tạo, nghiên cứu, sưu tầm, lý luận, phê bình, xuất bản sản phẩm âm nhạc...

Từ nửa đầu thế kỷ XX, đời sống âm nhạc Việt Nam bắt đầu biết đến những thiết bị điện hỗ trợ khuếch đại âm thanh

(loa phóng thanh, micro, amply...). Những thiết bị điện này đặc biệt hữu ích cho nhạc cụ cổ truyền có âm lượng nhỏ vốn chỉ chơi trong không gian hạn hẹp, từ đó nổi lên phong trào cải tiến nhạc cụ truyền thống khá rầm rộ. Có thể nói môi trường âm nhạc của chúng ta được rộng mở nhờ thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai với các loại máy móc sử dụng điện (radio, máy quay đĩa, máy ghi âm, máy nghe băng cối, cassette, máy ghi hình, tivi...). Từ thập niên 70 của thế kỷ XX bắt đầu có sự tiếp nhận thành tựu cách mạng công nghiệp lần thứ ba với các nhạc cụ điện tử (phổ cập nhất là guitar điện và organ) và các thiết bị điện tử phục vụ hoạt động âm nhạc. Karaoke, máy tính cá nhân đã thâm nhập vào đời sống âm nhạc ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Sân khấu âm nhạc ngày càng có nhiều sản phẩm nghệ thuật tổng hợp, âm nhạc không chỉ để “nghe” mà phải cả “nhìn” với sự hỗ trợ của ánh sáng laser, màn hình led... Tiếp đến thế kỷ XXI đang đổi thay với tốc độ vũ bão nhờ công nghệ tin học, sự có mặt của internet, đã mang đến nhiều tiện ích trong quảng bá, tiếp cận và thưởng thức sản phẩm âm nhạc.

Với lý luận, phê bình âm nhạc, thế giới ảo là công thông tin đa chiều kịp thời, là thư viện âm nhạc khổng lồ (đủ cả văn bản, âm thanh, hình ảnh; đủ cả các thời đại, các dân tộc, các quốc gia; đủ cả nhạc hàn lâm, nhạc thử nghiệm, nhạc giải trí...). Hơn thế nữa, người làm phê bình âm nhạc vốn đang thiếu diễn đàn và chỉ có số lượng bạn đọc quá hạn hẹp, giờ có thể chủ động và thường xuyên đưa tới đông đảo công chúng, đặc biệt là giới trẻ, những bài viết hấp dẫn hơn nhờ kèm dẫn chứng âm thanh hoặc video. Trang mạng không chỉ là nơi

chia sẻ, mà còn kết nối và tương tác giữa những người hoạt động âm nhạc với nhau, cũng như giữa giới làm nhạc với giới yêu nhạc.

Tiếc là không phải nhà lý luận âm nhạc nào cũng tận dụng được những ưu việt của công nghệ tin học. Thế hệ cao niên và không ít nhà quản lý thậm chí còn thấy dị ứng với thế giới ảo. Quả thực bên cạnh cái lợi to lớn luôn có những tác hại không nhỏ: sự nhiễu loạn thông tin dẫn đến loạn chuẩn mực, cơ hội đạo nhạc và đạo văn trong âm nhạc càng dễ dàng nên hiện tượng vi phạm bản quyền càng gia tăng, độ tin cậy về tính bảo mật thông tin (cá nhân và hệ thống tổ chức) suy giảm, tính tự phát và khó kiểm soát tăng thêm nguy cơ phát triển lệch lạc, mất cân đối...

Song, “không quản được thì cấm” không phải là biện pháp tâm phục khẩu phục đối với các công dân “thời đại 4.0”. Tính quyết định ở đây vẫn là yếu tố con người, là cách tạo dựng niềm tin và ý thức tự giác. Được giáo dục, đào tạo trong môi trường an toàn, lành mạnh, hướng thiện, thì tự thân mỗi người đều có thể trở thành “bộ lọc” tốt. Một môi trường âm nhạc lý tưởng như thế đương nhiên chỉ có thể được gây dựng bởi sự hợp lực đồng bộ liên ngành, trong đó có sự đóng góp tích cực của chuyên ngành lý luận, phê bình.

Đã có những chuyên luận dài hơi của ngành lý luận, phê bình nhận diện, đánh giá, lý giải tác động tích cực và tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba tới âm nhạc. Thế giới âm nhạc còn tiếp tục thay đổi ngoài sức tưởng tượng trước thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hoàn thiện hơn vai trò của kỹ thuật số với trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn và vạn vật kết nối.

Âm nhạc là nghệ thuật kết nối. Nhà lý luận, phê bình là người kết nối giữa tác giả - nghệ sĩ - công chúng. Khoa học công nghệ là phương tiện kết nối. Không lẽ chúng ta lại từ chối những gì công nghệ tiên tiến đem lại cho đời sống âm nhạc hôm nay và tương lai?

Xin nhấn mạnh thêm một ý về sự kết nối để kết thúc bài viết.

Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cũng là một tổ chức kết nối. Trong thời đại công nghệ thông tin - thời đại của sự kết nối, Hội đồng nên tận dụng hiệu quả một trang web, một trang Facebook để liên kết và tương tác với những người làm công việc âm thầm đơn lẻ là lý luận, phê bình trong tất cả các chuyên ngành văn học và nghệ thuật. Đó là nơi quảng bá nội dung tạp chí Lý luận, phê bình mà không phải ai cũng biết đến hoặc được sở hữu, là nơi cập nhật thông tin kịp thời (chẳng hạn quy chế và thời hạn nộp giải thưởng hằng năm của Hội đồng, giới thiệu nội dung những tác phẩm đoạt giải...), để hoạt động và vai trò của Hội đồng có sức lan tỏa hơn, ý nghĩa hơn.

ĐỘI NGŨ LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH ÂM NHẠC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: KHOẢNG TRỐNG VÀ KHOẢNG CÁCH

PGS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM

Khi nói về đội ngũ phê bình âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhiều người phân vân: ở Sài Gòn, ai là người làm công việc phê bình âm nhạc? Nếu tính theo kiểu “bình quân” giữa đội ngũ những người làm công tác lý luận cũng như phê bình âm nhạc so với số dân gần 10 triệu của Thành phố Hồ Chí Minh, có lẽ, khó tìm được một con số nào ở hàng một phần... triệu! Là một thị trường âm nhạc sôi nổi, đồi sống âm nhạc nhộn nhịp nhưng ở Thành phố Hồ Chí Minh, con số thực tế của đội ngũ lý luận, phê bình là... chưa đủ đếm trên 10 đầu ngón tay.

Thực tế về đội ngũ những người được đào tạo chuyên ngành lý luận âm nhạc (trước đây) tại Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh (hoặc từ các học viện trong và ngoài nước), thì nhiều cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ âm nhạc đã đóng góp tích cực ở nhiều phương diện âm nhạc cho Thành phố. Nhưng, vẫn có một khoảng trống đội ngũ để đáp ứng được hoạt động lý luận, phê bình ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như có một khoảng

cách rất lớn giữa lý luận, phê bình với đời sống âm nhạc Thành phố. Và, phải thẳng thắn nhìn nhận rằng, khoảng trống đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình có trách nhiệm của việc đào tạo. Đồng thời, cũng phải nhìn nhận là có một khoảng cách giữa đào tạo nghề nghiệp trong nhà trường và nhu cầu xã hội, có một khoảng cách giữa yêu cầu chuyên môn - trình độ đối với ngành lý luận, phê bình âm nhạc và việc đáp ứng thực tế đời sống âm nhạc hiện nay.

1. Khoảng trống đội ngũ

Ngành Lý luận âm nhạc trước đây, nay được gọi là ngành Âm nhạc học (Musicology) là một chuyên ngành đào tạo tại các nhạc viện, học viện ở Việt Nam. Đó cũng là tên gọi của một chuyên ngành của Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh (cũng như Hội Nhạc sĩ Việt Nam). Chi hội Lý luận của Hội Âm nhạc có số người tham gia không nhiều¹ so với các chi hội sáng tác và biểu diễn, và số lượng này cũng không thể hiện con số những người được đào tạo từ ngành học này tại Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh gần 45 năm qua, cũng không thể hiện con số những người được đào tạo - hành nghề lý luận chuyên nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế những người được đào tạo chuyên ngành Lý luận âm nhạc tại Thành phố Hồ Chí Minh đang tham gia rất nhiều hoạt động

1. Được ghép chung là Chi hội Lý luận - Đào tạo với danh sách khoảng trên dưới 30 hội viên nhưng số người thực tế và thường xuyên làm công việc lý luận - phê bình có lẽ chỉ khoảng 5 hội viên, số còn lại làm công tác giảng dạy hoặc biên tập ở các đài truyền thanh, truyền hình và... nghỉ hưu!

âm nhạc khác nhau: quản lý, đào tạo - trực tiếp giảng dạy, biên tập ở các đài truyền thanh, truyền hình, báo chí,... nhưng làm lý luận, phê bình thì vô cùng ít.

Trong khoảng thời gian vài thập niên cuối của thế kỷ XX, Thành phố Hồ Chí Minh tự hào có đội ngũ chuyên gia đầu ngành và giảng viên ngành Lý luận âm nhạc đông đảo, thuộc hàng đầu của cả nước. Đó là GS, Viện sĩ Lưu Hữu Phước, PGS. Tô Vũ, PGS. Ca Lê Thuần,... Nhiều nhà nghiên cứu, giảng viên dạy lý thuyết âm nhạc (phương Tây) tại Nhạc viện, họ là những nhà biên soạn giáo trình, nghiên cứu về lý thuyết, lý luận âm nhạc: GS.TS.NSND. Quang Hải, PGS.TS. Nguyễn Cửu Vỹ, GS. Nguyễn Văn Thương, PGS. Hoàng Đạm, PGS.TS. Trần Thế Bảo, PGS.TS. Nguyễn Việt Kim, PGS.TS.NSUT. Nguyễn Minh Cầm...; nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc dân tộc công tác tại Viện Âm nhạc, Trung tâm Văn hóa dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh như Lư Nhất Vũ - Lê Giang, Nguyễn Văn Hoa, Phan Chí Thanh, Thế Viên... Nhưng hiện nay, họ đã bước qua tuổi 80, thậm chí có người đã gần 90 tuổi, và nhiều thầy, cô đã qua đời.

Với sự “chuyển hóa” của Viện Nghiên cứu âm nhạc (trực thuộc Bộ Văn hóa, Thông tin)¹ sau 12 năm thành lập và hoạt động (1976 - 1988) thành “Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh”, thì hầu như Thành phố không có một đơn vị nghiên cứu, một viện nghiên cứu âm nhạc nào. Không có một cơ sở (dù của tư nhân hay Nhà nước) chịu trách nhiệm, làm công việc nghiên cứu đối với những

1. Nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

vấn đề của đời sống âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như không có công trình nghiên cứu âm nhạc được thực hiện tại một đơn vị của Thành phố Hồ Chí Minh. Những hoạt động nghiên cứu âm nhạc dân tộc thỉnh thoảng vẫn được công bố từ các nhà nghiên cứu, các giáo sư, hoặc của các nghiên cứu sinh đang theo học tại Nhạc viện, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Nghiên cứu Văn hóa vùng Nam Bộ... Nhưng trên thực tế, không có mấy công trình thuần túy nghiên cứu âm nhạc hoặc được ứng dụng vào đời sống âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với một trung tâm kinh tế, văn hóa lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, đã từng có những hoạt động nghiên cứu âm nhạc bao trùm cả khu vực Nam Bộ, là nơi khởi đầu cho những ý tưởng mới mẻ trước đây, thì nay hầu như không còn được như trước nữa hoặc nếu có những nghiên cứu, sáng tạo, thì đó chỉ mang tính cá nhân, thỏa mãn lòng yêu nghề của những người yêu âm nhạc. Nghiên cứu âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh đâu chỉ là những nghiên cứu về âm nhạc dân tộc, còn rất nhiều đề tài khác phục vụ đời sống văn hóa tinh thần hoặc vật chất cho người dân, nhưng đây vẫn chưa là thế mạnh của Thành phố. Công tác nghiên cứu - lý luận âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn là một khoảng trống.

Nếu ở đội ngũ nghiên cứu lý thuyết, lý luận âm nhạc là một khoảng trống thì ở đội ngũ làm công việc phê bình lại là một khoảng trống lớn hơn. Số người thường xuyên làm công việc phê bình là những nhạc sĩ (như trường hợp nhạc sĩ Trần Minh Phi, Nguyễn Văn Hiên, Trần Minh Trung, Đức Trí,...), nhà báo (Hà Đình Nguyên, Lê Thúy Bình,...) và một số tay

viết quen thuộc trong “giới” viết lách về âm nhạc ở Thành phố: Nguyễn Hữu Trịnh, Nguyễn Bách, Nguyễn Thị Mỹ Liêm... Cùng với số bài viết phê bình được công bố hằng năm đương nhiên là ở mức thấp đến... không thể chấp nhận¹, giới viết lách về âm nhạc thỉnh thoảng mới có bài viết mang tính phê bình âm nhạc được đăng trên các báo, tạp chí, các công bố chủ yếu là giới thiệu chương trình biểu diễn âm nhạc, nghiên cứu âm nhạc. Nếu thống kê trong 5 năm gần đây, số giải thưởng hạng mục Báo chí của Hội Nhạc sĩ Việt Nam dành cho những hội viên cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh là vô cùng ít ỏi. Mặc dù số lượng giải thưởng không thể hiện được thực tế bài viết cũng như đội ngũ lý luận, phê bình của Thành phố Hồ Chí Minh bởi yêu cầu về số lượng (cũng như chất lượng) khi tham dự giải cũng là một rào cản đối với những người không chuyên viết hoặc viết phê bình không thường xuyên; chưa kể nhiều người không tham dự giải hoặc không phải hội viên Hội Nhạc sĩ Việt Nam để có quyền tham dự giải... nhưng cũng phần nào nói lên thực tế công bố bài viết của đội ngũ phê bình Thành phố Hồ Chí Minh: thừa thớt hoặc nếu có, thì không phải là những bài phê bình âm nhạc đúng nghĩa, từ một đội ngũ chuyên nghiệp, chuyên làm công việc phê bình âm nhạc.

1. Với sự tập trung đầu tư nhằm khuyến khích hội viên tham gia công tác lý luận - phê bình, Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã cố gắng hỗ trợ - đầu tư các công trình nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc và tổ chức giải thưởng âm nhạc hằng năm có hạng mục công trình lý luận - phê bình. Trong 5 năm gần đây đã có nhiều giải thưởng cũng như nhiều công trình lý luận, bài viết được hỗ trợ - đầu tư.

Những người được đào tạo ngành Lý luận trước đây và Âm nhạc học (kể từ năm 2008) sau này hầu như không làm nghề phê bình. Những người tốt nghiệp chuyên ngành này chủ yếu làm nghề giảng dạy, và viết lách cũng không là việc làm thường xuyên, dù họ được đào tạo để viết. Những người làm công tác nghiên cứu, lý luận (và kể cả phê bình) có học hàm, học vị tại Thành phố hiện nay cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay, họ đã hoặc đang bước vào tuổi nghỉ hưu; những vị trí “đầu ngành” của lý luận, phê bình âm nhạc của Thành phố Hồ Chí Minh đối với giới lý luận, phê bình trên cả nước đã không còn, và thực tế là không có nhiều người làm nghề phê bình âm nhạc chuyên nghiệp.

2. Khoảng cách trong đào tạo nguồn nhân lực

Tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều trường đại học đào tạo ngành âm nhạc¹ nhưng duy nhất chỉ có Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo mã ngành “Âm nhạc học”. Là ngành lý thuyết - nghiên cứu, Âm nhạc học đào tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành nghề: giảng viên các môn lý thuyết âm nhạc; biên tập các đài, báo, nhà xuất bản (âm nhạc); nghiên cứu viên; đặc biệt là nguồn nhân lực cho hoạt động phê bình âm nhạc. Với nội dung chương trình đào tạo chủ yếu là các vấn đề của âm nhạc như: lịch sử âm nhạc,

1. Các trường đại học có đào tạo âm nhạc hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh: Đại học Sài Gòn, Đại học Văn Hiến, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Văn hóa - Nghệ thuật quân đội (phân hiệu), Đại học quốc tế Hồng Bàng... Các chuyên ngành đào tạo chủ yếu: Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc, Sáng tác (Văn hóa - Nghệ thuật Quân đội).

lý thuyết âm nhạc (phương Tây), âm nhạc dân tộc học, phân tích âm nhạc (phương Tây)..., chương trình đào tạo của ngành Âm nhạc học tại Nhạc viện không có môn học về phê bình âm nhạc. Có thể nói, chương trình đào tạo hoàn toàn không nhắm đến việc đào tạo người làm công tác phê bình âm nhạc, hoàn toàn không có những nghiên cứu ngoài những nội dung môn học vừa nêu. Tại Nhạc viện, nơi duy nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo ngành này, có mã ngành đào tạo đến trình độ Tiến sĩ, tuy nhiên, không có nhiều người theo học ở bậc học đại học nhưng lại có khá đông người theo học ở bậc đào tạo cuối này¹. Điều đáng quan tâm là với nội dung và phương pháp đào tạo hiện nay, số lượng người theo học ngành Âm nhạc học ở đại học ngày càng teo tóp² mặc dù cơ hội việc làm của mã ngành đào tạo này rất rộng mở, đa dạng.

Đối với đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp hiện nay - dù tại Nhạc viện, Đại học Sài Gòn hay kể cả các trường ngoài công lập như Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Văn Hiến, Đại học Văn Lang, nội dung kiến thức cơ bản, những học phần

1. Tại Nhạc viện, số lượng nghiên cứu sinh ngành Âm nhạc học nhiều hơn số sinh viên theo học ngành này.

2. Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 5 năm gần đây, Nhạc viện chỉ có từ 1 - 4 đơn xin dự tuyển, số được cấp bằng cử nhân và thạc sĩ chuyên ngành Âm nhạc học vào khoảng 1 - 2 mỗi năm. Tuy nhiên, với mã ngành đào tạo tiến sĩ Âm nhạc học (duy nhất ở Việt Nam), số lượng người theo học khá đông - chỉ tiêu có năm học lên đến 10 người. Đa phần người học bậc tiến sĩ từ các chuyên ngành Biểu diễn, Sáng tác chuyển vào, hướng nghiên cứu là các đề tài lý thuyết âm nhạc phương Tây, âm nhạc dân tộc học. Hầu như không có những đề tài nghiên cứu về Mỹ học âm nhạc hay Phân tích âm nhạc, Xã hội học âm nhạc, Giáo dục âm nhạc...

lý thuyết được giảng dạy bởi nhiều giảng viên không tốt nghiệp từ chuyên ngành Âm nhạc học và những người này cũng hầu như không có nhiều nghiên cứu hoặc công trình được công bố (mặc dù đây là yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với giảng viên đại học). Những bài viết, nghiên cứu khoa học chỉ thuộc vài người, việc cập nhật xu hướng nghiên cứu trên thế giới, những nội dung học thuật - thông tin mới về lý thuyết âm nhạc (thẩm mỹ âm nhạc, hòa âm, phô khí, hình thức cấu trúc âm nhạc...) hiện nay trên thế giới của giới nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh hầu như rất ít, và chậm. Đó là chưa kể việc bù đắp vào đội ngũ chuyên gia đang thiếu của ngành, đào tạo đội ngũ kế thừa, kế cận những giáo sư, giảng viên đã lớn tuổi không còn có thể tham gia giảng dạy... hầu như bị bỏ ngỏ. Người trẻ đi dạy để kiếm sống và gần như không còn thì giờ làm nghiên cứu, lý luận. Trong vài năm gần đây, hầu như không có người thi đầu vào chuyên ngành Âm nhạc học của Nhạc viện.

Thành phố có đội ngũ những nhà báo viết về nghệ thuật âm nhạc, biên tập viên các đài truyền hình, đài phát thanh, và kể cả ở các nhà xuất bản... nhưng hầu hết đều tốt nghiệp từ chuyên ngành khác như: sáng tác, biểu diễn (piano, violon, nhạc cụ dân tộc...). Một số nhà báo viết về âm nhạc nhưng hoàn toàn không được đào tạo về âm nhạc, một số biên tập viên ở các báo, đài cũng gần như vậy. Đội ngũ đang hành nghề phần nhiều là tự tìm tòi, tự học, họ thiếu vốn kiến thức nền tảng của nghề.

Nhạc viện không đào tạo phê bình âm nhạc hay biên tập âm nhạc. Không có môn học nào liên quan đến việc cung cấp

kiến thức, dạy kỹ năng viết, nói, biên tập âm nhạc hay phê bình âm nhạc. Nội dung giảng dạy chuyên ngành Âm nhạc học tại Nhạc viện vẫn còn nặng nề, mang tính kinh viện và không cập nhật kịp với nhu cầu xã hội cũng như trình độ của các nước trên thế giới. Hiện nay và kể cả trong tương lai, đội ngũ phê bình âm nhạc chuyên nghiệp sẽ thiếu, nguồn nhân lực chất lượng không được đầu tư đào tạo và sẽ mãi là một khoảng trống, bởi muốn có một cử nhân có đủ trình độ làm công việc phê bình âm nhạc không phải chỉ cần thời gian đào tạo 4 năm đại học mà còn cần nhiều thứ khác: tư duy độc lập, có văn hóa và thẩm mỹ, có kiến thức nền đầy đủ, trang bị chuyên môn âm nhạc chuyên sâu, sự nhạy cảm, tinh tế khi cảm thụ tác phẩm, nhạy bén đối với thời sự, kỹ năng viết - khả năng diễn đạt cảm xúc bằng ngôn từ... Trở thành nhà phê bình âm nhạc, theo nhà lý luận, phê bình âm nhạc Nguyễn Thị Minh Châu, đó là “nhà báo và nhà nghiên cứu, nhà khoa học và nghệ sĩ”¹. Theo chúng tôi, họ phải tích lũy được một lượng kiến thức chuyên ngành và kiến thức xã hội đủ lớn, phải có khả năng thể hiện ý tưởng một cách hấp dẫn, thu hút và thuyết phục người nghe. Chưa kể, họ phải là người có quan điểm, nhận thức đúng đắn cũng như tâm huyết và lòng can đảm, muốn “dấn thân”...

Tóm lại, có một khoảng cách lớn giữa đào tạo và thực hành nghề nghiệp, một khoảng cách lớn giữa đời sống âm nhạc Thành phố với ngành lý luận, phê bình âm nhạc. Lý luận

1. Nguyễn Thị Minh Châu: *Nhà phê bình âm nhạc, anh ở đâu?*, Viện Âm nhạc, 2018, tr.77.

trong nhà trường và kể cả những nghiên cứu được thực hiện trong nhà trường còn chưa trùng khớp với những vấn đề của đời sống âm nhạc; kiến thức trong nhà trường không đủ và không tạo được cho người học kỹ năng hành nghề; số lượng người tham gia học tập chưa hợp lý giữa các bậc học; bất hợp lý cũng xảy ra giữa nhu cầu và nội dung đào tạo. Phê bình không chỉ là khoảng trống trong đời sống âm nhạc sôi nổi của Thành phố mà còn là khoảng lặng của nội dung chương trình đào tạo cũng như đội ngũ. Người làm công tác lý luận, phê bình tại Thành phố vừa thiếu, vừa chưa chuyên nghiệp và hầu như không được đào tạo; không có đơn vị làm công tác nghiên cứu âm nhạc... Những tồn tại đó vẫn chưa được quan tâm ở chính đơn vị đào tạo - Nhạc viện cũng như các cấp quản lý, lãnh đạo. Những khoảng trống về đội ngũ lý luận, phê bình Thành phố Hồ Chí Minh không biết đến bao giờ có thể lấp được, nếu đào tạo và kể cả sự quan tâm, đầu tư vẫn là... khoảng lặng như hiện nay!

3. Một số giải pháp và kiến nghị

- Cần bắt đầu từ đào tạo, bởi nguồn nhân lực sẽ được cung cấp bằng con đường đào tạo. Cần phá bỏ vị trí “độc quyền” về đào tạo chuyên ngành Âm nhạc học của Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố có thể đầu tư cho một trường công lập về hướng đào tạo này như một “đơn hàng” tạo nguồn nhân lực cho Thành phố, đào tạo những người sẽ làm công tác giảng dạy kiến thức cơ bản, làm biên tập có chuyên môn của các báo, đài, và nhất là những người làm công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình âm nhạc.

- Thành phố có thể chủ động đặt hàng cho việc nghiên cứu, biên soạn chương trình, nội dung đào tạo theo yêu cầu đổi với chất lượng nhân lực, theo hướng giải quyết những vấn đề của đời sống âm nhạc Thành phố. Cần đổi mới nội dung chương trình hoặc đột phá, mở rộng thêm hướng đào tạo kiến thức và kỹ năng cho nguồn nhân lực phê bình âm nhạc. Và tiếp nối là các chương trình bồi dưỡng đổi với những đối tượng đang hành nghề. Từ việc bồi dưỡng, sẽ nhanh chóng củng cố đội ngũ phê bình cũng như biên tập viên, nguồn nhân lực đã có kinh nghiệm thực tế mà chưa có những kiến thức, phương pháp cơ bản.

- Cần tổ chức một cơ sở nghiên cứu, một viện nghiên cứu âm nhạc như một trung tâm phục vụ, giải quyết những vấn đề của đời sống âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở viện nghiên cứu, chúng ta sẽ giải quyết được những vấn đề cấp thiết của đời sống âm nhạc, vừa nhanh chóng có được đội ngũ qua làm việc, cọ sát với công việc thực tế vừa có được sự hướng dẫn của những giáo sư, những người có kinh nghiệm...

- Đào tạo nguồn nhân lực lý luận, phê bình cần được chuẩn bị từ xa, từ sớm, từ giáo dục âm nhạc phổ thông. Bởi, công chúng mới là đối tượng của bất cứ nền văn hóa nghệ thuật nào, và nếu ngành lý luận, phê bình âm nhạc quan tâm, nghiên cứu về giáo dục âm nhạc phổ thông, chuẩn bị tốt cho giới trẻ, thì những hiện tượng lệch chuẩn, thiếu thẩm mỹ âm nhạc sẽ khó có thể tồn tại trong công chúng sau này... Nhiệm vụ của lý luận, phê bình phải quan tâm, bắt đầu, và căn cơ từ giáo dục âm nhạc phổ thông.

Đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội là điều quan trọng không chỉ đối với bất cứ chuyên ngành nào mà còn

mang tính cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của đời sống âm nhạc. Tuy nhiên, xác định nhu cầu, tính toán nội dung phù hợp, có đầu tư trọng điểm và quảng bá để thu hút người tham gia đào tạo, được đào tạo chỉ là công việc vi mô, điều cần thiết vẫn là quy hoạch vĩ mô của các cấp quản lý.

Nền kinh tế thị trường có quy luật của nó và đã tác động rất mạnh vào đời sống cũng như nền văn hóa, nghệ thuật nước ta. Điều chỉnh bằng pháp luật và đầu tư, khuyến khích hay chủ động trong đánh giá bằng kinh tế sẽ tác động, nhanh chóng tạo nên những thay đổi trong từng ngành, chuyên ngành. Những đề xuất, kiến nghị vừa nêu rất cần có được một sự điều hành mang tính vĩ mô, tập trung và càng sớm càng tốt, bởi những hiện tượng lệch chuẩn, thiếu tính nghệ thuật, xa lạ với truyền thống văn hóa dân tộc đã khá “phổ biến” trong đời sống âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh cũng như cả nước hiện nay. Cần hành động không chỉ vì một ngành Lý luận - phê bình mà còn vì toàn xã hội.

PHÊ BÌNH ÂM NHẠC TỪ GÓC NHÌN CỦA NGƯỜI SÁNG TÁC

PGS.TS. ĐỖ HỒNG QUÂN

Mạch nguồn ngành phê bình âm nhạc hình thành từ khi có nền âm nhạc mới, khoảng cuối những năm 30 của thế kỷ XX. Cùng với các bài hát “lời ta điệu tây” hoặc “lời ta - nhạc ta” của Nguyễn Văn Tuyên, Lê Thương... xuất hiện các bài báo giới thiệu về tác giả, ca sĩ, các nhóm nhạc như nhóm Đồng Vọng ở Hải Phòng, nhóm Tricea ở Hà Nội, các bài viết của Lê Thương, Văn Chung về hoạt động của các nhóm khác nhau thời tiền chiến...

Sau năm 1954, trường âm nhạc đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ở Hà Nội mới chỉ dạy các môn nhạc cụ phương Tây như violon, piano, ký xướng âm, sáng tác (hệ trung cấp)..., và sau này mới thêm môn lý luận, hình thành ra Khoa Lý luận - Sáng tác - Chỉ huy, quen gọi là Khoa Lý - Sáng - Chỉ. Hội Nhạc sĩ Việt Nam thành lập năm 1957, lúc đầu chỉ với hai thành phần chính là các nhạc sĩ sáng tác và các nghệ sĩ biểu diễn. Qua hơn 60 năm phát triển, đến nay Hội Nhạc sĩ Việt Nam đã có hơn 1.300 hội viên ở 4 chuyên ngành: Sáng tác, Lý luận, Biểu diễn và Đào tạo. Tuy nhiên số đông hội viên vẫn là các nhạc sĩ sáng tác và biểu diễn. Lực lượng lý luận và đào tạo ít hơn. Riêng hội viên

lý luận khoảng hơn 100 người. Trở lại với lịch sử hình thành ngành Lý luận - Phê bình âm nhạc nước ta, có thể thấy rõ, lý luận, phê bình âm nhạc là một nghề hiếm, và khó, vì vậy rất ít người chọn và sống chết với nghề này.

Như chúng ta biết, âm nhạc là một loại hình nghệ thuật tổng hợp, đa dạng, phong phú, là nghệ thuật dùng âm thanh và lời ca để phản ánh cuộc sống, biểu hiện những trạng thái tư duy, triết lý, cung bậc tình cảm, khát vọng vươn lên của con người trước cuộc sống. Âm nhạc cũng có thể tái tạo những trang lịch sử hào hùng của dân tộc, ca ngợi cảnh đẹp quê hương, đất nước, ca ngợi những người con anh dũng, quả cảm... Âm nhạc kết hợp với thơ ca, văn học để có những bài hát, bản hợp xướng, vở nhạc kịch dài hơi. Âm nhạc khi tồn tại độc lập là những bản giao hưởng, concerto, hòa tấu nhạc cụ...

Âm nhạc còn mang tính quốc gia, dân tộc. Âm nhạc Việt Nam có truyền thống lâu đời, đồng thời mỗi dân tộc trên đất nước ta lại có một nền dân ca, dân nhạc độc đáo, giàu bản sắc. Bên cạnh đó, âm nhạc còn là dòng chảy cùng lịch sử nhân loại với các trường phái có từ thời cổ đại, đến các trường phái cổ điển, lãng mạn, hiện đại... Như vậy mới thấy được thế giới âm nhạc là mênh mông, rộng lớn. Mỗi một thành viên trong thế giới đó chỉ đảm nhận một vai trò nhỏ bé trong một lĩnh vực cụ thể như sáng tác, chỉ huy, biểu diễn (nhạc cụ phương Tây hoặc dân tộc), ca sĩ (dòng cổ điển hoặc dân gian, hiện đại); nhà sư phạm hoặc nhà lý luận, phê bình...

Ở nước ta, những người làm lý luận âm nhạc về cơ bản được đào tạo chính quy tại các nhạc viện như: Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh,

Học viện Âm nhạc Huế... và các trường đại học nghệ thuật khác. Một số được cử đi học tại các nhạc viện ở nước ngoài như Liên Xô (cũ), Bungari, Pháp... Những kiến thức cơ bản được trang bị trong nhà trường như: Lịch sử âm nhạc, Phân tích tác phẩm, hòa thanh, phức điệu, hình thức âm nhạc... Với những kiến thức đó, những nhà lý luận thường lai thường sử dụng để đi sâu vào các vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu như: Phân tích sự nghiệp sáng tác của các nhạc sĩ, phân tích các trường phái, các khuynh hướng sáng tác âm nhạc trong và ngoài nước, phân tích đặc điểm âm nhạc của một vùng, một dân tộc, phong cách biểu diễn của từng nghệ sĩ... Đó là những kiến thức âm nhạc chuyên nghiệp, cần thiết trang bị cho một nhà lý luận, nhưng từng ấy là chưa đủ để họ bước vào đời sống âm nhạc với tư cách là một người làm công tác phê bình. Chính điều này lý giải cho việc thiếu vắng những cây bút lý luận chuyên nghiệp trên mặt trận phê bình âm nhạc, mà thể hiện rõ ràng là hiếm khi các nhà phê bình chuyên nghiệp góp mặt trên các trang bình luận của báo viết, báo nói hoặc báo hình, báo mạng. Việc ngại “dấn thân” vào đời sống âm nhạc của các nhà lý luận tạo thành một khoảng trống lớn, tồn tại nhiều năm nay. Chính vì vậy mà mảnh đất phê bình âm nhạc đã được các nhà phê bình không chuyên là các nhà báo, những người có quan tâm đến đời sống âm nhạc “gánh vác” hộ. Nói đến vai trò của phê bình âm nhạc, nguyên gốc từ chữ Music critic (Critique de musique) gồm hai vế: “Phê” và “Bình”. “Phê” là dùng những kiến thức chuyên môn để phân tích, mổ xẻ, so sánh, phát hiện... ra những điều hay, điều dở của đối tượng được phê (là một tác phẩm âm nhạc, một chương trình ca nhạc,

một giọng ca, một nghệ sĩ biểu diễn hoặc một công trình (sách) về một đề tài âm nhạc...); còn “Bình” đồng nghĩa với sự đồng cảm, rung động của cây bút phê bình để đưa tới độc giả cảm nhận súc tích nhất, chuẩn xác nhất về đối tượng được phê bình.

Đối tượng được hưởng thụ hoặc sử dụng sản phẩm phê bình âm nhạc là ai? Có phải chỉ là các nhà chuyên môn trong phạm vi hẹp, hạn chế về số lượng hay đông đảo công chúng yêu nhạc, quan tâm đến đời sống âm nhạc? Nghịch lý tồn tại giữa nhà lý luận chuyên nghiệp và nhà báo, nhà phê bình không chuyên nghiệp chính là ở chỗ này. Việc xác định đối tượng tiếp nhận những sản phẩm của công việc lý luận, phê bình âm nhạc sẽ định hướng cho ngòi bút của nhà phê bình. Trong khi các nhà lý luận chuyên nghiệp “ngủ quên” trên tháp ngà nghiên cứu thì các nhà báo đã trở thành lực lượng chính, thường trực “gác gôn” đời sống âm nhạc. Từ đây dẫn đến những hiện tượng phiến diện, đôi khi lèch lạc, bình luận âm nhạc trở thành bài giới thiệu, quảng bá như tó hồng, PR, đánh bóng tên tuổi hoặc khai thác chi tiết scandal, đời tư của một vài nhân vật, mà tài năng chưa xứng với những lời khen ngợi “có cánh”. Vì thiếu hụt kiến thức chuyên môn âm nhạc nên họ thường tránh những lĩnh vực hàn lâm, bác học, ví dụ như bình luận các chương trình hòa nhạc, nghệ sĩ độc tấu nhạc cụ, tác phẩm khí nhạc...

Đối tượng được phê bình trong âm nhạc chủ yếu nhầm vào thể loại ca khúc (có lời). Chính vì có lời (ca từ) nên các nhà phê bình dễ bám vào nội dung khen - chê. Mà cũng chủ yếu là khen. Thậm chí đã trở thành công thức: khen là chính, còn chê là phụ. Ít người đi sâu vào phân tích giai điệu,

phối khí, cấu trúc tác phẩm, hoặc so sánh, phát hiện ra những nét nhạc cũ, phong cách “bắt chước” nhạc sĩ A, nhạc sĩ B... Vì đi sâu vào những vấn đề chuyên môn thì các nhà “phê bình” chưa đủ trình độ, nên phần lớn họ bỏ qua. Đó là chưa nói tới lĩnh vực phê bình âm nhạc không lời còn phức tạp hơn nhiều. Thí dụ nhận xét một buổi biểu diễn của dàn nhạc giao hưởng hoặc nhận xét một bản giao hưởng mới của nhạc sĩ trẻ... Đến đây, mảnh đất phê bình còn chờ các nhà lý luận chuyên nghiệp, nhưng họ đã không sẵn sàng, còn mải với những công trình nghiên cứu mang tầm vĩ mô, nghiên cứu sâu mà quên đi sự gắn mình với đời sống thực tế. Kết quả là đời sống âm nhạc của đất nước được phản ánh không toàn diện, đầy đủ, thiên lệch, làm thị hiếu khán thính giả cũng mất chuẩn. Công chúng chỉ biết đến nhạc trẻ, nhạc Pop, tên các ngôi sao diva, mà không hề biết tới những lĩnh vực khác của đời sống âm nhạc.

Nói về chất lượng chuyên môn của các bài phê bình âm nhạc mà chủ yếu là xuất hiện trên các báo ngày hoặc một vài tạp chí chuyên ngành... ta thấy rõ hai cách phê bình. Một là, chỉ đơn thuần như thông báo một sự kiện, điểm qua tên một vài ca sĩ, một vài tiết mục, rồi khen chê qua loa, thiếu tính chuyên nghiệp, chuyên sâu. Khác với sinh hoạt âm nhạc ở một số nước như Pháp, Đức, Nga, Mỹ..., ở đó đời sống phê bình âm nhạc vô cùng phong phú, nhạy bén và nghiêm khắc, đóng vai trò quan trọng ngay cả với chính nghệ sĩ biểu diễn, với tập thể dàn nhạc, nhà hát, với tác giả âm nhạc. Chỉ cần một bài báo, đánh giá khen hoặc chê của nhà lý luận, phê bình âm nhạc có uy tín của một tờ báo như *La Music* (Pháp) hoặc *Đời sống Âm nhạc* (Nga) thì sẽ có ảnh

hướng lớn tới sự nghiệp của nghệ sĩ, nhạc sĩ. Cách thứ hai, nặng về học thuật, khô khan, khó hiểu đối với công chúng, xem nhẹ yếu tố không chuyên, đưa những chuẩn mực cao để đo đếm các hiện tượng âm nhạc xã hội. Cách này ít gây được cảm tình của công chúng và cũng không khuyến khích được phong trào âm nhạc.

Nói như thế để thấy tác dụng của phê bình âm nhạc trong đời sống là vô cùng quan trọng, một nhận định đúng có thể khơi dậy cả một phong trào, và ngược lại một đánh giá sai sẽ ảnh hưởng tới đường đi của một cá nhân hoặc xu hướng nghệ thuật của một giai đoạn. Phê bình luôn đi sau tác phẩm, sau kết quả của một hoạt động nghệ thuật, đưa ra những phân tích, chỉ ra những điều hay, sự sáng tạo trong âm nhạc, đồng thời cùng tìm ra những “hạt sạn” trong các sản phẩm âm nhạc, cảnh báo các xu hướng không lành mạnh, có hại với công chúng, với xã hội. Nhưng phê bình đôi khi đi trước tác phẩm, tác giả, mang tính dự báo, chỉ ra khuynh hướng phát triển trong một tương lai gần. Ví dụ như xu hướng nhạc nhẹ hóa trong ca khúc đã được các nhà phê bình đặt ra sau năm 1975, và sau đó âm nhạc điện tử (organ, guitar điện, trống Jazz) đã lan tràn từ miền Nam ra miền Bắc và nay đã trở thành một hình thức biểu diễn phổ biến nhất trong thể loại ca hát.

Từ khi có nền âm nhạc mới, đã xuất hiện đội ngũ các nhà lý luận, phê bình âm nhạc. Họ là những người được Nhà nước cử đi học về lý luận âm nhạc tại các nước như Liên Xô (cũ), Bungari, Pháp... như: Nguyễn Xinh, Tú Ngọc, Vũ Tự Lân, Nguyễn Thị Nhụng, Dương Viết Á... Đó là thế hệ đầu tiên đã có công gây dựng nên Khoa Lý - Sáng - Chỉ của Nhạc viện

Hà Nội (nay là Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam). Tiếp theo là các nhà lý luận như Vũ Nhật Thăng, Thụy Loan, Tú Hương, Nguyễn Thị Minh Châu, Cù Lệ Duyên, Văn Thu Bích, Nguyễn Quang Long..., các nhà báo âm nhạc như Thụy Kha, Đỗ Quang Hạnh, Thanh Thảo..., các nhạc sĩ tham gia viết bài như Doãn Nho, Trương Quang Lục, Trương Đình Quang, Cát Vận, Phan Thanh Nam, Nguyễn Trọng Tạo, Dương Bích Hà...

Trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục xây dựng một đội ngũ phê bình âm nhạc đích thực, đó là những nhà lý luận, phê bình âm nhạc có chuyên môn cao về nghề và tư duy - kỹ năng cần thiết của một nhà báo. Một tác phẩm muốn đến với công chúng, cần có ba yếu tố: tác giả - nghệ sĩ - công chúng. Sự có mặt của nhà phê bình trong quá trình giới thiệu, dẫn giải, quảng bá tác phẩm sẽ giúp cho công chúng thưởng thức tốt hơn, chính xác hơn và hào hứng hơn. Phê bình phải sống trong đời sống báo chí. Đây chính là nguyện vọng và nỗi băn khoăn của các nhà lý luận - phê bình chuyên nghiệp và không chuyên.

Hiện nay, Viện Âm nhạc có Tập san “Nghiên cứu Âm nhạc” tập trung những tiếng nói chính thống của giới phê bình âm nhạc, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề của đời sống âm nhạc và đi sâu vào các chủ đề thiết thực của nền âm nhạc chuyên nghiệp Việt Nam và thế giới. Trong tương lai, phê bình âm nhạc còn cần quan tâm tới thế giới âm nhạc tuổi thơ và chú ý tới đội ngũ bình luận viên âm nhạc trên sóng phát thanh và truyền hình. Đây là những diễn đàn quan trọng và nhạy cảm cần có tiếng nói tâm huyết và trí tuệ của các nhà phê bình âm nhạc, các nhạc sĩ, nghệ sĩ, nhà báo

cả nước vì một nền âm nhạc dân tộc phát triển hài hòa, phong phú, hướng tới những giá trị chân, thiện, mĩ.

Có thể khẳng định, trong bối cảnh hiện nay, những vấn đề đặt ra đối với phê bình văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình âm nhạc nói riêng là tất yếu khách quan, là hệ quả của rất nhiều yếu tố khác nhau. Để giải quyết những vấn đề đó, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của phê bình âm nhạc cần thực hiện đồng bộ hệ thống các giải pháp phù hợp, khả thi và nhất là cần có sự nhìn nhận, đánh giá khách quan, chính xác, biện chứng trong quá trình phát triển.

PHÊ BÌNH ÂM NHẠC TRONG BỐI CẢNH CHUNG CỦA PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT: THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

TSKH. PHAN ĐÌNH TÂN

I- BỐI CẢNH CHUNG VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

Trong lịch sử phát triển văn hóa của một dân tộc, văn học, nghệ thuật luôn là một trong những nguồn lực tinh thần to lớn, là lĩnh vực rất quan trọng trong sự phát triển. Văn học, nghệ thuật luôn góp phần xây dựng nền tảng tinh thần xã hội và sự phát triển toàn diện của con người. Nói đến phê bình văn học, nghệ thuật, hầu hết, kể cả giới cầm bút và cả những người hưởng thụ, đều nghĩ ngay đến một nhiệm vụ cơ bản: phát hiện và biểu dương những cái hay, cái đẹp; phê phán, ngăn chặn những cái dở, cái tiêu cực; định hướng cho người thưởng thức đến những giá trị chân, thiện, mĩ.

Theo nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy thì “phê bình chỉ bất kỳ một sự khen chê, bình phẩm, đánh giá nào về một tác phẩm, một sự kiện văn học, một tác giả, từ vi mô (một nhän tự, một câu văn, một dòng thơ) đến vĩ mô (một sự nghiệp sáng tạo, một nền văn học dân tộc...) có thể chỉ là một lời nhận xét thông thường nhưng cũng có thể là những phương

châm, những nguyên lý chỉ đạo văn chương từ một ý thức hệ triết học hoặc thẩm mỹ nào đó dội xuống... Phê bình văn học ở nghĩa này là kẻ song sinh với sáng tác, có sáng tác là có phê bình. Và sáng tác thì khó còn phê bình thì dễ”.

Theo nhà văn Nga Maksim Zamsov: Phê bình văn học, nghệ thuật là một loại hoạt động trí tuệ được thể hiện thông qua một văn bản có tổ chức dựa trên phân tích một tác phẩm nghệ thuật hoặc tác phẩm được thực hiện bởi một người được đào tạo văn học, nghệ thuật trong một trạng thái tinh thần nhất định mà không tính đến trạng thái đam mê cá nhân và màu sắc chính trị.

Thưởng thức văn học, nghệ thuật là một hoạt động tự nguyện, gắn với nhu cầu tìm hiểu thông tin, tìm về cái đẹp, cái lý tưởng, sự hoàn thiện trong đời sống tình cảm và tâm hồn của con người, làm thỏa mãn nhu cầu của con người thông qua sự phản ánh quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực khách quan, con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, bồi dưỡng cho con người năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mỹ, hướng tới các giá trị chân, thiện, mĩ.

Ở phương Tây, hoạt động phê bình đã trở thành một lĩnh vực có sức lan tỏa và ảnh hưởng to lớn đối với hầu hết các lĩnh vực, trong đó có văn học, nghệ thuật. Trong giới học thuật, nghiên cứu phương Tây đánh giá, phê bình không chỉ là một loại tài liệu phái sinh nhằm giúp mở rộng sự hiểu biết và cảm thụ các tác phẩm văn học mà tự nó đã trở thành một lĩnh vực hoạt động độc lập và chuyên nghiệp, “Phê bình như hơi thở, không thể ngừng được”, “Nhà phê bình chân chính

cần nhận ra giới hạn của mình và phán đấu vượt qua nó”¹. Trong khi đó, ở Việt Nam, hoạt động phê bình còn hết sức nhỏ lẻ, thiếu cơ sở và thiếu tính chuyên nghiệp.

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến các hoạt động văn học, nghệ thuật theo hướng khoa học, tiên tiến, dân tộc, đại chúng, cách mạng sâu sắc; góp phần xây dựng nhân cách, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ tinh thần đa dạng, phong phú ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân.

Nhờ đó, đội ngũ văn nghệ sĩ của cả nước trong thời gian qua đã nhanh chóng phát triển cả về số lượng, chất lượng. Nhiều tác phẩm văn học, nghệ thuật mới ra đời, nhiều cuộc triển lãm các tác phẩm văn học, nghệ thuật và các công trình nghiên cứu lý luận, phê bình văn hóa, văn học, nghệ thuật... đã tạo ra những dấu ấn, đánh dấu sự phát triển. Qua đó, khẳng định quyền tự do sáng tạo của nghệ sĩ, thể hiện sự quan tâm đúng đắn, sự ủng hộ to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật luôn giữ vai trò quan trọng, đồng hành với hoạt động sáng tác, vừa đánh giá, thẩm định, vừa định hướng, động viên... đối với các sáng tạo văn học, nghệ thuật. Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam đã có sự phát triển ở hầu hết các lĩnh vực từ văn học đến các ngành nghệ thuật. Trong các lĩnh vực văn học, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, mỹ thuật,

1. Theo Thomas Stearns Eliot - nhà thơ, nhà viết kịch, nhà phê bình văn học Anh gốc Mỹ, đạt Giải thưởng Nobel Văn học năm 1948; là tác giả tác phẩm đầu tay “Bản tình ca của J. Alfred Prufrock” - một kiệt tác thơ hiện đại.

âm nhạc..., hoạt động lý luận, phê bình đã có những đóng góp, phát huy tác dụng tích cực, được các chuyên gia về văn học, nghệ thuật và công chúng ghi nhận, góp phần khẳng định giá trị định hướng hoạt động sáng tạo và tiếp nhận văn học, nghệ thuật của nước ta, đặc biệt từ đầu thế kỷ XXI đến nay.

Trong đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, các nhà nghiên cứu có đồng nhất quan điểm cho rằng có sự phân bố không đồng đều về chất lượng và số lượng. Nếu chất lượng và số lượng lý luận, phê bình trong văn học và báo chí thể hiện sự vượt trội vì đặc thù đào tạo và truyền thống chuyên ngành thì trong các ngành nghệ thuật khác như sân khấu, mỹ thuật, âm nhạc, điện ảnh, nhiếp ảnh, múa, kiến trúc..., với ngôn ngữ có tính đặc thù, ít đại chúng hơn nên chất lượng và số lượng công trình lý luận, phê bình tác phẩm càng ít hơn. Trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, các viện nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn thường có đội ngũ lý luận, phê bình được đào tạo tại các khoa ngữ văn, khoa văn học, tuy nhiên trong ngành nghệ thuật đào tạo tài năng và bằng năng khiếu thì việc học tại các chuyên ngành lý luận, phê bình nhiều khi là dành cho những người không đáp ứng tiêu chí vào các chuyên ngành mang tính sáng tạo, ngành biểu diễn, vì vậy số lượng người theo học ít và đặc biệt là kết thúc quá trình đào tạo không phát huy được chuyên môn.

Dễ dàng nhận thấy là hoạt động lý luận về cơ bản có nhiều thuận lợi hơn lĩnh vực phê bình trong văn học, nghệ thuật. Phê bình văn học, nghệ thuật gặp khó khăn không chỉ là số lượng ít các cây bút phê bình văn học, nghệ thuật dám dấn thân vào công việc nhọc nhằn và nhiều thị phi này mà

thực tế, hoạt động phê bình trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật chưa thực sự có một truyền thống hoặc nền tảng, tâm lý khen, chê còn ràng buộc bởi quan niệm không dám nói thẳng, nói thật do sợ bị mất lòng, thậm chí trong xã hội hiện nay, việc phê bình dù đúng đến đâu cũng khó có thể tránh bị xúc phạm bởi “cộng đồng mạng” với vũ khí “ném đá”, “đánh hội đồng”... Sức sáng tạo mang tư duy cũ, tư duy bao cấp không còn phù hợp với cơ chế thị trường bởi tính cạnh tranh cao và đổi mới liên tục. Chính vì điều này, nhiều nhà phê bình đã không dám hoặc chưa đủ bản lĩnh vượt qua giới hạn bình luận để đến với phê bình thực sự, để trao đổi, góp ý và định hướng mang tính học thuật cho tác giả sáng tác và công chúng hưởng thụ. Vì vậy, để bảo đảm an toàn, bên cạnh một số hiếm hoi các công trình phê bình có giá trị khoa học, bám sát với hơi thở cuộc sống, có những đóng góp nhất định thì vẫn có nhiều công trình đi theo lối mòn, không có sự đột phá, sáng tạo và thay đổi.

Phê bình văn học, nghệ thuật tạm được phân chia thành hai loại: Phê bình học thuật (hàn lâm, kinh điển) và phê bình báo chí. Trong đó có ba khuynh hướng phê bình: truyền thống; hiện đại; cực đoan. Bên cạnh hai khuynh hướng phê bình văn học, nghệ thuật là phê bình truyền thống và phê bình hiện đại, tồn tại khuynh hướng phê bình cực đoan mang tính phủ định toàn bộ các giá trị truyền thống, gây sốc cho cộng đồng, thỏa mãn cái tôi và tâm lý thù hận, cực đoan, ánh hưởng tiêu cực đến xã hội, góp phần chia rẽ và gây mất đoàn kết nội bộ. Khuynh hướng này được những người bất đồng chính kiến, những thế lực thù địch khai thác triệt để,

lợi dụng dân chủ, nhân danh dân chủ và tự do sáng tạo với sự hậu thuẫn của các thế lực chống đối, lợi dụng tuyên truyền tư tưởng lệch lạc, kích động thế lực ngầm trong xã hội (Nhóm Mở miệng, Văn đoàn độc lập...).

Trong xu thế hiện nay, việc tiếp nhận tác phẩm văn học, nghệ thuật của công chúng đang có sự phân hóa mạnh mẽ và phức tạp giữa thị hiếu lành mạnh, tích cực, tiến bộ với xu hướng lệch chuẩn, tiêu cực, thiên về hiếu kỳ, a dua, đua đòi mù quáng... Sự phức tạp đó đang diễn ra từng giây, từng phút nhờ sự trợ giúp của công nghệ thông tin - truyền thông và mạng xã hội, tác động tiêu cực và ảnh hưởng đến thuần phong, mỹ tục, đến chuẩn mực xã hội và đặc biệt là ảnh hưởng và làm lung lay hệ thống giáo dục truyền thống cho giới trẻ.

Có nhiều nhà chuyên môn cho rằng, thời gian qua, công tác tư tưởng trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Còn có những chương trình giải trí, nhiều thông tin không có tính thẩm mỹ, giáo dục xuất hiện ngày càng nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng, đã ảnh hưởng không tốt đến đời sống tinh thần của khán giả, nhất là khán giả trẻ. Trong khi đó, những tác phẩm nghệ thuật cách mạng vẫn chưa được tuyên truyền rộng rãi như mong muốn. Mặc dù có nhiều hoạt động thiết thực nhưng hiệu quả công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật vẫn chưa cao. Những diễn đàn về văn học, nghệ thuật hiện nay phần lớn là của những người trong nghề với nhau. Tuy đóng vai trò là một bộ phận quan trọng trong văn học, nghệ thuật nhưng công tác lý luận, phê bình đi vào đời sống

vẫn còn mờ nhạt, chưa tạo được sức lan tỏa. Vì vậy, để phát huy vai trò và chức năng của mình, công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần thay đổi phương thức hoạt động phù hợp hơn, cần có nhiều diễn đàn trao đổi, tăng cường đối thoại với các nhà chuyên môn và các đối tượng thưởng thức...

Một trong những hạn chế của hoạt động văn học, nghệ thuật hiện nay chính là thiếu những nhà quản lý nghệ thuật có chuyên môn, am hiểu về từng chuyên ngành mà mình phụ trách. Văn học, nghệ thuật cả nước hiện nay có ít những tác phẩm đỉnh cao. Vì thế, công tác lý luận, phê bình cần phải thực hiện tốt vai trò tham mưu để có những chính sách, giải pháp nhằm đào tạo đội ngũ nhà quản lý nghệ thuật có tâm, có năng lực, khơi dậy được sức sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ, góp phần cho ra đời những tác phẩm xứng với tầm vóc.

Trước thực tế nêu trên, công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần có những hướng đi mới đáp ứng kịp thời tình hình hiện nay. Cần củng cố, tăng cường liên kết với các đơn vị liên quan để hoạt động văn hóa, nghệ thuật có sự chuyển biến mạnh mẽ, văn học, nghệ thuật làm tròn chức trách, nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu về cái đẹp, vươn tới lý tưởng, vươn tới sự hoàn thiện về thẩm mỹ của con người với hiện thực khách quan, bồi dưỡng cho con người năng lực sáng tạo và cảm thụ thẩm mỹ.

Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật luôn là bộ phận hữu cơ giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn học, nghệ thuật của dân tộc, phản ánh thực tiễn, luôn gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc; là quá trình tự ý thức của văn học,

nghệ thuật. Lý luận, phê bình vừa là quá trình chia sẻ, đồng cảm, đồng hành với sáng tác, vừa là sự đánh giá, thẩm định, thấu hiểu, lý giải, định hướng cho sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật, cho người thưởng thức những giá trị đích thực; đồng thời, đánh giá sự thẩm định, sự tiếp nhận của công chúng; dự báo xu hướng vận động của văn học, nghệ thuật.

II- PHÊ BÌNH ÂM NHẠC HIỆN NAY

1. Thực trạng

Ngoài những thành tựu, những đóng góp thì chúng ta cũng phải thừa nhận một thực trạng là lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay cho thấy những tác phẩm viết về văn học, nghệ thuật chung chung thì rất nhiều nhưng những tác phẩm viết về lý luận, phê bình lại rất ít. Trong lý luận, phê bình thì mảng lý luận bao giờ cũng nhiều hơn mảng phê bình. Bởi thực trạng của phê bình hiện nay đang đứng trước những khó khăn. Có không ít những tác phẩm tưởng là lý luận, phê bình nhưng đọc kỹ chỉ là bài bình luận, thậm chí là nói theo, khen khéo mang tính PR, phê không dám phê, bình thì nịnh nhau là chính.

Sự thiếu hụt đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật trong thời gian gần đây đang là điều rất đáng lo ngại. Không ít những người làm công tác phê bình đã bỏ nghề và lui vào nghiên cứu, viết lịch sử văn học, nghệ thuật... Nguyên nhân có rất nhiều: từ nhận thức đến công tác đào tạo, từ truyền thống cho đến loạn chuẩn..., trong đó có một nguyên nhân chủ quan về tâm lý là do người viết không an tâm với nghề

(nhiều thị phi, thu nhập thấp, bị thù ghét cá nhân...), né tránh những vấn đề gay cấn, “dĩ hòa vi quý”, ngại va chạm. Vì thế, đây là vấn đề trăn trở không chỉ trong giới chuyên môn mà của tất cả những người quan tâm đến văn học, nghệ thuật.

Nhà lý luận, phê bình âm nhạc Nguyễn Thị Minh Châu đã từng thẳng thắn bày tỏ: “Chính thời bình lại là lúc đời sống âm nhạc gặp nhiều sóng gió hơn cả. Liên tiếp những biến động, bắt đầu từ các cơn sốt nhạc nhẹ, nhạc tiền chiến, nhạc hải ngoại, rồi đến du nhập liên tiếp các loại nhạc giải trí pop, rock, blues, jazz, R&B, rap, hip hop... Nhạc Việt nương theo âm điệu nhạc Tây, rồi lại Hoa, Nhật, Hàn...”.

“Nhiều năm trở lại đây, khi hoạt động âm nhạc trở thành thị trường, nhiều sản phẩm âm nhạc không có chất lượng rồi nhiều ca khúc sao chép, đạo nhái cũng được làm thành MV, thành những show diễn, đặc biệt sự nở rộ của các gameshow, các chương trình truyền hình thực tế về ca nhạc đã góp phần đáng kể trong việc tạo ra đội ngũ ca sĩ không được đào tạo về nhạc lý, điều này được cho là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự nhốn nháo của âm nhạc Việt ngày nay. Rõ ràng trong thời buổi nhập nhạng, vàng thau lẫn lộn của nhạc Việt rất cần có những tiếng nói mang tính định hướng thị hiếu nghe nhạc từ những người có trình độ phê bình và định giá giá trị âm nhạc thực sự chuyên nghiệp, tuy nhiên thời gian qua chúng ta ít nghe thấy những tiếng nói khách quan như vậy. Phải chăng là Việt Nam đang quá thiếu những nhà phê bình âm nhạc chuyên nghiệp hay là có một nguyên nhân nào đó mà những

nhà phê bình âm nhạc và định giá giá trị âm nhạc không còn muốn đưa ra những ý kiến của mình nữa?”¹.

Chúng ta còn nhớ trường hợp Lê Roi, tên thật là Nguyễn Đức Hậu, sinh năm 1987, quê ở Hải Dương. Cách đây 4 năm, Lê Roi được coi là hiện tượng gây “bão mạng” nhờ những clip cover khoe giọng “chẳng giống ai”. Từ một ca sĩ tự phát, anh đã ảo tưởng về khả năng ca hát của mình, bên cạnh đó mạng xã hội thổi phồng, lạm dụng một cách thô thiển đã tạo nên một thảm họa truyền thông âm nhạc, dẫn đến bi kịch cho cá nhân. Đến đầu năm 2019, khi phóng viên hỏi: *Giờ anh còn đi hát nữa không?*, Lê Roi trả lời: Không, hát hò gì nữa. - *Nếu được lựa chọn lại một lần nữa, anh có chọn con đường dẫn thân showbiz?* - Nếu thời gian quay lại, tôi sẽ không dẫn thân vào showbiz. Tôi đã đánh mất quá nhiều, đã lãng phí cả tuổi trẻ vì cái nơi phù phiếm đó².

Hay trường hợp Võ Viễn Thiện (Bình Phước) trở thành tâm điểm của dư luận năm 2015 nhờ vẻ ngoài được nhận xét giống nam ca sĩ Sơn Tùng M-TP đến 90%. Từ làm bảo vệ, Viễn Thiện nhận show biểu diễn ở hội chợ, đóng MV, quảng cáo với phong cách nhái Sơn Tùng M-TP.

Trước thực trạng các thảm họa âm nhạc, sự lạm quyền của truyền thông, sự hỗ trợ của các “đại gia”, “đầu nậu”, những người có trách nhiệm với âm nhạc, nhiều nhạc sĩ đã lên tiếng: “Giá trị nghệ thuật của âm nhạc đã chết rồi sao? Phải chăng đã vắng bóng phê bình chuyên nghiệp?”.

1. Chương trình “Nhà phê bình âm nhạc thực thụ như “kim đáy bể””, VTC, ngày 25/8/2016.

2. Báo Dân trí, ngày 13/3/2019.

Theo Nhà lý luận, phê bình Nguyễn Thị Minh Châu: "... tiếng nói của lý luận âm nhạc, nhất là phê bình âm nhạc chuyên nghiệp bị lấn át hoàn toàn trong các chuyên mục âm nhạc trên báo chí - cả báo viết, báo tiếng và báo hình. Bài viết của các nhà lý luận âm nhạc dành chỉ âm thẩm "đi đêm" trong các tạp chí chuyên ngành, phần nhiều là sản phẩm "cho không biếu không" nên bài lý luận, phê bình dù đầu tư nhiều chất xám và thời gian, nhưng nhuận bút rất khiêm tốn".

Từ thực trạng đó, hàng loạt câu hỏi của giới chuyên môn, của những người có trách nhiệm, tâm huyết đã được đặt ra: Tồn tại hay không tồn tại phê bình âm nhạc? Vắng bóng phê bình chuyên nghiệp? Ai đang phê bình và định giá giá trị âm nhạc? Những nhà phê bình ở đâu? Họ làm gì mà không tham gia thẩm định, đánh giá, định hướng âm nhạc...? Trách nhiệm của các nhà phê bình? Và cũng từ đây, người viết bài này tạm đưa ra một số nguyên nhân.

2. Nguyên nhân

a) Về nhận thức

Nhận thức là cả một quá trình, vì vậy, chưa chuyên biến về nhận thức thì chắc chắn rằng sự thay đổi và phát triển theo chiều hướng mới và tích cực là rất khó. Trong bối cảnh hiện nay, nhiều nhà phê bình không muốn tham gia hoặc đứng ngoài đời sống sáng tác văn học, nghệ thuật vì các lý do cả khách quan và chủ quan đã khiến họ xa rời, bõ ngõ, xa lì trước các xu hướng, trào lưu mới lạ trong sáng tác, trong các tác phẩm mới; nhiều nhà phê bình đã chọn cho mình con

đường an toàn “an phận thủ thường” để tránh những phiền hà, đõ va chạm... Đúng như PGS.TS. Đào Duy Quát đã từng đề cập đến vấn đề này: “Không ít văn nghệ sĩ né tránh, lảng tránh những vấn đề bức xúc, gay cấn, nóng bỏng của phê bình văn nghệ. Đáng chú ý, do không ít cơ quan báo chí và cán bộ biên tập các chuyên trang trên các báo hiện nay chưa được đào tạo chuyên môn lý luận, phê bình văn nghệ, tuy nhanh nhạy nắm bắt được dư luận xã hội nhưng thiếu kiên định đường lối văn nghệ của Đảng, thiếu hụt nhiều về vốn văn hóa, thiếu chuyên nghiệp, thiếu bản lĩnh, ngại va chạm phiền phức nên thời gian qua không tổ chức được các cuộc tranh luận văn nghệ gây dấu ấn, còn có tình trạng vi phạm tinh thần dân chủ trong học thuật, có một số tin, bài phê bình văn nghệ theo hướng quảng cáo cho một số tác giả, tác phẩm. Văn hóa phê bình trên không ít tờ báo, tạp chí còn bị hạ thấp, đang có sự nhiễu loạn, “mù mờ” về chuẩn, thậm chí “lệch chuẩn””.

Nhiều nhà nghiên cứu, nhà chuyên môn lâu năm trong nghề đã khái quát một thực trạng về công việc phê bình ở nước ta cực kỳ khó khăn là do văn hóa truyền thống duy tình, cho nên “anh em chín bở làm mười”, “lọt sàng xuống nia”, “dĩ hòa vi quý”... Phê bình sẽ động chạm đến văn hóa truyền thống - “một trăm cái lý không bằng một tí cái tình”. Khó khăn thứ hai là đời sống của những người làm nghề, không có nguồn vốn, không có nguồn tài trợ, không có nguồn “cầu” trong cơ chế thị trường hiện nay và nhuận bút rất thấp...

Trong cơ chế thị trường, khi đồng tiền là biểu tượng và thước đo thành công thì “danh” ít được quan tâm, người ta

quan tâm đến “giá”, mà nhuận bút một tác phẩm, bài viết phê bình cũng hết sức khiêm tốn, vì vậy làm lý luận, phê bình càng khó vì chạm đến “danh”, mà “giá” lại không được. Người làm công tác phê bình còn bị gọi là “dân đánh đấm”. Vì vậy, làm công tác lý luận, phê bình thật khó. Có lẽ tâm lý mặc định phê bình tức là “đánh”, ai cũng sợ bị “đánh” và “ngại đánh” cho nên làm phê bình văn học, nghệ thuật nói chung và sân khấu nói riêng hiện nay ngày càng khó khăn.

Nếu phê bình văn học thường chỉ căn cứ vào sự khen - chê tác phẩm văn bản văn học thì phê bình nghệ thuật - phê bình một tác phẩm được trình diễn bởi người nghệ sĩ, trong đó có thể có cả dàn nhạc (với các cơ cấu khác nhau như: nhạc cụ cổ điển, nhạc cụ dân tộc, nhạc cụ điện tử hoặc hợp xướng, acapella..., phối âm, phong cách biểu diễn, trang phục...), sẽ phức tạp hơn vì nhiều yếu tố khác nhau và về “khẩu vị” rất khó bàn luận thống nhất khi tạo nên một tác phẩm. Và cũng chính từ đây, sự phức tạp là nguyên nhân để phê bình một tác phẩm âm nhạc hay - dở, đúng - sai ra sao là rất khó.

b) *Vấn đề đào tạo đội ngũ phê bình*

Thời gian qua, dù có những bước phát triển, song công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật chưa được chú ý thích đáng, còn nhiều bất cập, yếu kém. Chất lượng đào tạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, đạo đức, thể chất không bảo đảm, chưa chú trọng tính đặc thù, chuyên biệt và yêu cầu đào tạo tài năng về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật. Việc đào tạo,

sử dụng, trọng dụng, đãi ngộ không tương xứng dẫn tới làm giảm nhiệt huyết cống hiến và năng lực sáng tạo của văn nghệ sĩ, trí thức, các nhà phê bình, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lý luận, phê bình còn nhiều hạn chế và yếu kém, bất cập, chương trình, giáo trình cũ và lạc hậu, không cập nhật thông tin mới, các xu hướng trào lưu và lý thuyết mới; chất lượng đào tạo toàn diện về chính trị, tư tưởng, chuyên môn chưa được coi trọng; đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao ngày càng giảm và già hóa; điều kiện, phương tiện dạy và học còn nghèo nàn lạc hậu... Nhiều khoa lý luận, phê bình không tuyển được sinh viên; nếu có các sinh viên tốt nghiệp thì lại không có khả năng làm lý luận, phê bình, nguy cơ thiếu hụt lực lượng phê bình chuyên nghiệp là ở mức báo động.

Một nhà phê bình đích thực phải hội tụ đủ các yếu tố cơ bản: Khoa học, nghệ thuật - nghệ sĩ với tính độc đáo (tính riêng biệt, bản ngã), và vì vậy một bài phê bình hoặc một công trình phê bình nghệ thuật phải trở thành một tác phẩm mang tính khoa học, tính nghệ thuật và dấu ấn cá nhân. Nếu theo tiêu chí này, thì ở nước ta rất ít người được đào tạo bài bản về phê bình chuyên nghiệp trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Hầu hết những người làm công việc phê bình hiện nay là những người được đào tạo về lý luận chuyên ngành hoặc các nhà văn, nhà báo theo dõi lĩnh vực chuyên ngành. Chính vì vậy chất lượng các bài phê bình nhiều khi mang tính chủ quan và có thể rơi vào thái cực yêu - ghét cá nhân, thiếu tính khoa học, nên sức thuyết phục chưa cao.

Sự tiếp nối các thế hệ văn nghệ sĩ là quy luật khách quan, tất yếu, vì vậy cần có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo kiên trì, khẩn trương thế hệ sáng tạo trẻ để tránh hiện tượng hăng hụt về đội ngũ. Phải thu hút đội ngũ văn nghệ sĩ trẻ vừa gắn bó sâu sắc với đời sống đất nước và truyền thống văn hóa dân tộc, đồng thời có năng lực, bản lĩnh nắm bắt, tiếp nhận có chọn lọc những trào lưu văn học, nghệ thuật hiện đại, để tạo nên những tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật chất lượng cao.

c) *Về công tác quản lý*

Công tác quản lý còn thiếu chặt chẽ, thiếu sự phân cấp, phân nhiệm cụ thể, sự trùng chéo, bên cạnh đó là sự lảng quên, buông lỏng trong công tác quản lý nhiều khi dẫn đến sự tự tung, tự tác cùng với những biểu hiện cá nhân đã làm nảy sinh những tình huống khó xử và thiếu chuyên nghiệp.

d) *Vai trò của các cơ quan truyền thông, nhà tài trợ*

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, thước đo nghệ thuật nhiều lúc do đồng tiền quyết định thì các đại gia, đầu não với “tiền quyền” đã có nhiều đóng góp tích cực nhưng cũng có những lúc lạm quyền một cách tiêu cực để thay đổi thước đo nghệ thuật, biến những chuẩn mực truyền thống, tính thẩm mỹ và tính nghệ thuật thành trò chơi mà kẻ mạnh sẽ là người chiến thắng.

Trong thế giới hiện nay, khi công nghệ thông tin đang ảnh hưởng rất lớn đến các chuẩn mực và sự thành công của hầu hết các lĩnh vực đời sống thì việc các cơ quan truyền

thông đại chúng để xảy ra “sơ sẩy”, lỗi kỹ thuật sẽ gây ra những tiêu cực, đôi khi biến các giá trị trắng - đen lẫn lộn, gây nhiều tranh cãi và dễ làm mất niềm tin từ công chúng.

Trong Đề dẫn Hội nghị phê bình văn nghệ ở Hà Nội ngày 22/7/2004, đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, khi đó là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Chủ tịch Hội đồng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương đã có những phát biểu, mặc dù đã qua hơn 15 năm nhưng vẫn mang tính thời sự: “Tại sao thời gian qua lại xuất hiện nhiều bài phê bình không được sự đồng tình của dư luận, làm xấu đi diện mạo của phê bình, thiếu văn hóa tranh luận nhiều đến vậy? Ở đây, có phần trách nhiệm trực tiếp và không nhỏ của cơ quan quản lý, lãnh đạo các tờ báo và tạp chí đã đăng tải những bài phê bình kém chất lượng cả về chuyên môn và thái độ ứng xử. Ở đây, rất cần thái độ khách quan, sự tỉnh táo, năng lực điều chỉnh và lựa chọn vì mục tiêu chung của những người có trách nhiệm lãnh đạo các cơ quan báo chí. Một chút của quyền hay thiên vị, một chút nể nang, né tránh bộc lộ quan điểm dưới chiêu bài “rộng đường dư luận”, một chút tâm lý vụ lợi cho riêng tờ báo, tạp chí của mình... sẽ dẫn tới sự thiếu lành mạnh của hoạt động phê bình văn nghệ. Và điều đó đã diễn ra không phải một lần trên báo chí chúng ta thời gian qua. Không khắc phục được những nguyên nhân trên, chắc chắn phê bình văn nghệ sẽ không vượt qua được những khó khăn để làm tròn thiên chức của mình”.

Ngoài ra, một thực tế cho thấy biểu hiện a dua, “ném đá hội đồng” khi các fan hâm mộ thần tượng sử dụng công nghệ

thông tin, các trang mạng xã hội đã và đang là những rào cản rất lớn để phê bình phát triển.

d) Vấn đề văn hóa ứng xử

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm đã từng phát biểu: “...những cuộc tranh luận văn nghệ đi từ một vài nội dung cụ thể đến chố sa đà, thiếu tự kiềm chế, đôi khi đánh mất văn hóa tranh luận tối thiểu, để lại tâm trạng nặng nề trong người phê bình và người đọc”. Trong việc khen, chê một tác phẩm hay một tiết mục âm nhạc, nhiều khi vấn đề chuyên môn ít được quan tâm mà phụ thuộc “gà nòi” của ai, đến từ đâu và thậm chí có đồng chí nào gửi gắm không... Trong văn hóa ứng xử có liên quan trực tiếp đến trách nhiệm và vai trò của ca sĩ, công chúng thưởng thức, các cơ quan truyền thông, đại chúng, mạng xã hội, các cơ quan và những người làm công tác quản lý, và cuối cùng là vai trò của các nhà phê bình.

3. Giải pháp

a) Về nhận thức

Để nâng cao năng lực phê bình văn học, nghệ thuật, việc quan trọng là các cơ quan chỉ đạo, quản lý về văn học, nghệ thuật của Đảng, Nhà nước, các cấp ủy, chính quyền cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật đối với sự phát triển của xã hội, sự hưng thịnh quốc gia để có những quyết sách phù hợp, đúng đắn; có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ, tạo điều kiện cả về vật chất và tinh thần để đội ngũ lao động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật được

phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo, phát huy cao nhất tài năng và sức lực của mình, đóng góp vào sự phát triển của văn học, nghệ thuật nước nhà.

Đối với các nhà lý luận, phê bình, cần dũng cảm gạt bỏ nhận thức về phê bình là “đánh đấm”, là vấn đề cảm tính cá nhân yêu - ghét mà phải khách quan trong đánh giá về tác phẩm trên nguyên tắc khoa học và chất lượng chuyên môn với cảm quan của một người nghệ sĩ. Để làm được điều đó, nhà lý luận, phê bình cần phải vượt qua chính mình với tri thức được đào tạo và tự đào tạo, học hỏi một cách hệ thống, cập nhật thông tin mới, tránh lối phê bình “gia trưởng”, cục bộ và càng không nên phê bình theo kiểu “xoá đầu người khác”. Cả người phê bình và người được phê bình phải cầu thị và tiết chế ứng xử vì sự phát triển của văn học, nghệ thuật.

Các nhà nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần tiếp tục nghiên cứu sâu Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 08/6/1989 của Ban Bí thư về đổi mới và nâng cao chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật. Trong đó các Hội Văn học, nghệ thuật cần khắc phục thái độ coi nhẹ công tác lý luận, phê bình, có biện pháp tích cực để củng cố Hội đồng Lý luận, phê bình ở các hội, cử những cán bộ lý luận, phê bình có uy tín, có năng lực vào các cơ quan lãnh đạo, báo chí, xuất bản... của các hội.

b) Về đào tạo đội ngũ phê bình

Tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc, vì vậy, chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các

tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp, tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy tính độc lập của văn nghệ sĩ.

Nhà văn Nam Cao đã từng nói: “Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện”. Chính vì vậy, để khắc phục tình trạng cẩu thả trong văn chương phê bình, một trong những giải pháp để nâng cao đội ngũ phê bình hiện nay là cần thiết phải thay đổi toàn diện công tác đào tạo đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật: từ tuyển chọn đến chương trình, giáo trình đào tạo. Cần duy trì hoặc mở mã ngành đào tạo tại các khoa, các bộ môn lý luận, phê bình ở các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo chuyên ngành. Có cơ chế, chính sách để thu hút, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu, thu hút sinh viên có năng lực, có kế hoạch cử đi đào tạo ở nước ngoài. Cần cải cách chế độ tiền lương để nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành nghệ thuật nói chung và chuyên ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng. Có cơ chế, chính sách tài chính để mời các chuyên gia giỏi, có uy tín trên thế giới đến bồi dưỡng, giảng dạy và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy cho đội ngũ giảng viên làm công tác lý luận, phê bình. Xây dựng, biên soạn giáo trình lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật theo hướng cập nhật các thông tin, các lý thuyết mới, tinh hoa, có sự cân nhắc chọn lọc cho phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam. Cần có chính sách đào tạo và giải quyết đầu ra

cho sinh viên ngành phê bình văn học, nghệ thuật; cấp học bổng cho sinh viên có kết quả học tập tốt; tạo điều kiện, tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi chuyên ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật được vào biên chế hoặc ký hợp đồng dài hạn tại các cơ quan quản lý văn học, nghệ thuật, các báo, đài...

Tập trung nâng cao chất lượng các trường đào tạo văn học, nghệ thuật, bổ sung các chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo đặc thù, có kế hoạch đào tạo ở nước ngoài các năng khiếu và tài năng văn học, nghệ thuật. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu trong lĩnh vực đào tạo cần được đặc biệt quan tâm, trong đó chú trọng cơ chế lựa chọn, bố trí, xây dựng tiêu chuẩn bảo đảm cán bộ có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất để đảm đương công việc. Đối với hệ thống chương trình, giáo trình trong các trường chuyên nghiệp về lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần có cơ chế giám sát, đánh giá thường xuyên, vừa bảo đảm tính định hướng, vừa bảo đảm độ mở trong đào tạo. Cả hai xu hướng hoặc thắt chặt, hành chính hóa hoặc buông lỏng quản lý đều gây phuơng hại lớn. Thực tế thời gian qua xuất hiện tình trạng một số trường đại học trên cơ sở tự chủ về nội dung, chương trình đào tạo (theo cơ chế bố trí các học phần bắt buộc và học phần tự chọn) đã giảm thời lượng giảng dạy văn học, nghệ thuật cách mạng, đưa vào những đổi tượng giảng dạy phức tạp, thậm chí đi ngược lại đường lối văn nghệ của Đảng. Cũng có những trường không đầu tư thích đáng cho đổi mới chương trình, giáo trình, lưu giữ những nội dung giảng dạy lạc hậu, xơ cứng, không còn phù hợp với thực tiễn

hiện nay. Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ chủ quản các trường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ sáng tạo văn học, nghệ thuật cần đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ này.

Bên cạnh đó, đối với đội ngũ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cần phải được đánh giá và có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu mới. Hiện nay, có tình trạng hăng hikut đội ngũ giảng viên rất lớn ở các trường này do “thế hệ vàng” chủ yếu được đào tạo bài bản ở Liên Xô trước đây đã cao tuổi, trong khi thế hệ tiếp nối chưa đủ vững vàng để khỏa lấp những khoảng trống. Trong thời gian tới, cần có đánh giá tổng thể và kỹ lưỡng về đội ngũ này và đội ngũ trẻ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả.

Chiếm gần hai phần ba dân số đất nước, giới trẻ Việt Nam là đối tượng cần được quan tâm trong thị trường văn học, nghệ thuật đất nước, giới trẻ nhiều khi có những thị hiếu lệch lạc, cảm thụ dễ dãi, thích thể hiện và dễ sa đà vào những đề tài nhạy cảm, thích những cách thể hiện tạo sốc. Vì vậy, cần có kế hoạch bồi dưỡng, định hướng, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của công chúng, nhất là giới trẻ, sớm có đê án rà soát tổng thể, điều chỉnh chương trình, sách giáo khoa phổ thông về văn học, nghệ thuật theo hướng đào tạo mở, không chỉ dạy học sinh kiến thức, nội dung những tác phẩm được tuyển chọn mà quan trọng hơn, phải định hướng được cho các em biết phân biệt cái hay, cái đẹp trong nghệ thuật, biết thưởng thức các giá trị văn học, nghệ thuật; nâng cao chất lượng chương trình văn học,

nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hội thảo, tọa đàm về các chủ đề nổi bật, các vấn đề được xã hội quan tâm trong đời sống văn nghệ để các nhà phê bình, văn nghệ sĩ có uy tín tham gia, từ đó định hướng thẩm mỹ cho công chúng.

Theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải tập trung xây dựng và thực hiện chiến lược đổi mới giáo dục thẩm mỹ trong thời kỳ mới, phát triển nền văn hóa thẩm mỹ xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, truyền thống thẩm mỹ, lành mạnh hóa thị hiếu thẩm mỹ cho thế hệ trẻ, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Khắc phục tình trạng mất định hướng: độc giả mất định hướng, sáng tác thoát ly định hướng, quản lý định hướng rộng. Khẩn trương nghiên cứu để xác lập lại các chuẩn mực thẩm mỹ, các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn và cơ chế chuẩn để đánh giá, thẩm định các giá trị nghệ thuật phù hợp với yêu cầu của cuộc sống, với xu hướng hội nhập, bảo đảm tính chất nhân văn, tiên tiến, dân tộc, khoa học, dân chủ và khai phóng.

c) *Về nâng cao năng lực quản lý và cơ chế, chính sách*

Tiếp tục đổi mới và nâng cao năng lực, hoàn thiện tư duy, phong cách lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với văn học, nghệ thuật, xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý phù hợp, chấm dứt hiện tượng can thiệp thô bạo,

mất dân chủ đối với việc đánh giá, thẩm định các giá trị văn học, nghệ thuật một cách chủ quan, áp đặt và cảm tính. Đồng thời, phải tránh buông lỏng, thả nổi, không phê phán những sản phẩm văn hóa độc hại, ảnh hưởng xấu đến sự nghiệp cách mạng. Các cơ quan quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật cần phải nỗ lực cao, đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức quản lý, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, tham mưu để có thể giải quyết tốt, có hiệu quả những vấn đề lớn, cơ bản và bức xúc đặt ra trong nhiều năm qua. Quản lý nhà nước phải hướng tới luật hóa, quản lý cho được các mặt trái của cơ chế thị trường, hạn chế những biểu hiện tiêu cực của khuynh hướng thị trường trong lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

Cấp ủy các cấp phải triển khai chỉ đạo và thực hiện nhằm nâng cao trong thực tiễn năng lực lãnh đạo của mình, trong đó có những nội dung mới như đưa vào chương trình đào tạo cán bộ thuộc các trường Đảng nội dung về văn học, nghệ thuật, đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển phê bình văn học, nghệ thuật vào kế hoạch phát triển của từng địa phương, từng ngành, có kế hoạch định kỳ làm việc với đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật.

Cần nghiên cứu và ban hành các chính sách ưu tiên, ưu đãi thiết thực đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật, đối với đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật về chế độ lương bổng, nhuận bút, thuế thu nhập cá nhân... Nhà nước tiếp tục thể chế hóa mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa đường lối, quan điểm chỉ đạo trong các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X

ngày 16/6/2008 *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới*, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI ngày 09/6/2014 *Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*. Hoàn thành cơ bản việc thể chế hóa các quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng về văn học, nghệ thuật: xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển dài hạn các lĩnh vực văn học, nghệ thuật; rà soát, bổ sung và xây dựng các chế độ, chính sách đối với văn học, nghệ thuật; có kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, nghệ thuật tầm cỡ lớn, mang tính nghệ thuật cao...

Trong bối cảnh nền phê bình văn học, nghệ thuật nước ta đang thiếu một hệ thống tư tưởng chuẩn mực mang tính chủ đạo thì rất cần sự quan tâm chỉ đạo của Ban Bí thư đối với các cơ quan lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật để cụ thể hóa định hướng phát triển lý luận và phê bình văn học, nghệ thuật. Yêu cầu các cơ quan liên quan tăng cường trách nhiệm bảo vệ tác quyền đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật; có các biện pháp ngăn chặn, xử lý các sản phẩm văn học, nghệ thuật lưu hành trái pháp luật, vi phạm thuần phong mỹ tục, nhằm thống nhất quản lý nội dung, góp phần mở rộng môi trường văn học, nghệ thuật của đất nước. Củng cố, đổi mới hoạt động, kiện toàn tổ chức các Hội Văn học, nghệ thuật ở trung ương và địa phương. Các Hội Văn học, nghệ thuật đóng vai trò quan trọng phục vụ sự nghiệp cách mạng của dân tộc, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, được đầu tư chăm lo phát triển để các hội viên nâng cao ý thức

trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân, say mê sáng tạo và cống hiến cho đất nước.

Để tiếp tục phát huy vai trò của mình, góp phần thúc đẩy hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật phát triển, Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cần chủ động và tăng cường giữ mối liên hệ chặt chẽ, thường xuyên với các cơ quan, đơn vị, Hội đồng Lý luận, phê bình ở các địa phương và các Hội Văn học, nghệ thuật ở trung ương; tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ các nhà phê bình trẻ, các hội viên chuyên ngành lý luận, phê bình về phê bình văn học, nghệ thuật; phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo, đài, tạp chí văn nghệ, các nhà xuất bản để giới thiệu, quảng bá các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật, những tác phẩm, những hiện tượng văn học, nghệ thuật mới; mở các cuộc tọa đàm, các diễn đàn với sự tham gia của các nhà lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

d) Về truyền thông và quản lý mạng xã hội

Tăng cường lãnh đạo, quản lý tốt các hoạt động tuyên truyền văn nghệ và phê bình văn học, nghệ thuật trên hệ thống báo chí, truyền thông và trong hoạt động xuất bản. Từng bước ban hành luật, các quy định quản lý cùng các chế tài đủ sức răn đe đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật, trong đó quan tâm đến môi trường mạng internet, mạng xã hội đang từng bước hình thành. Cải tiến công tác thẩm định, kiểm duyệt theo hướng khuyến khích sáng tác đa dạng, đề cao chân - thiện - mỹ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội hiện đại, nhu cầu hội nhập và đòi hỏi của thị trường.

Phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trên báo chí, truyền thông và hoạt động xuất bản. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông cần tăng cường lãnh đạo, quản lý, định hướng báo chí, xuất bản; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng tuyên truyền về văn nghệ và phê bình văn học, nghệ thuật trên báo chí và trên các trang mạng. Có chiến lược quảng bá các tác phẩm phê bình văn học, nghệ thuật chính thống trên các trang mạng xã hội, internet với những người làm công tác phê bình có trình độ và uy tín để có khả năng thu hút và sức thuyết phục đối với công chúng.

Bộ Thông tin và Truyền thông cần tăng cường công tác quản lý đối với mạng internet và mạng xã hội. Có chế tài đủ mạnh để răn đe và xử phạt các hành vi vi phạm hoặc tranh luận mang tính xúc phạm cá nhân, xúc phạm thuần phong mỹ tục, xúc phạm, làm ảnh hưởng uy tín và hình ảnh của đất nước.

d) Về văn hóa ứng xử

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan chức năng cần có kế hoạch và chương trình để tăng cường công tác giáo dục thị hiếu, định hướng thẩm mỹ công chúng thường thức văn học, nghệ thuật và phê bình văn học, nghệ thuật. Rà soát lại, điều chỉnh chương trình, sách giáo khoa phổ thông về văn học, nghệ thuật. Mục tiêu của chương trình, sách giáo khoa không chỉ dạy học sinh kiến thức về những tác phẩm được tuyển chọn mà quan trọng

hơn, phải định hướng cho học sinh biết phân biệt cái hay, cái đẹp trong nghệ thuật, biết độc lập thưởng thức các giá trị văn học, nghệ thuật. Dưa văn học, nghệ thuật vào các nội dung sinh hoạt của các tổ chức thanh, thiếu niên. Tăng cường hoạt động kiểm soát chất lượng phê bình văn học, nghệ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng, trước hết là trên một số cơ quan báo chí chủ chốt. Xây dựng uy tín cho các văn nghệ sĩ, những cây bút phê bình có nhiều cống hiến để định hướng công chúng. Tăng cường giáo dục rèn luyện văn hóa phê bình, đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm của nhà phê bình văn học, nghệ thuật, khắc phục mọi biểu hiện phi văn hóa trong hoạt động phê bình.

e) *Về nâng cao năng lực phê bình*

Các Hội Văn học, nghệ thuật ở trung ương và các tỉnh/thành củng cố, nâng cao vị trí, vai trò của hội đồng hoặc ban lý luận, phê bình của Hội, tập hợp trong hội đồng, ban những hội viên có bề dày nghề nghiệp, có uy tín chuyên môn, chú ý việc kết nạp các hội viên phê bình, cải tiến sinh hoạt của hội đồng, chăm lo giáo dục, đoàn kết nội bộ, chăm lo quyền lợi hội viên làm phê bình. Các cơ quan báo chí phối hợp với các Hội đồng lý luận, phê bình, hàng năm tổ chức các trại sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật, triển khai các cuộc họp thảo luận, tranh luận về một số vấn đề hoặc một số tác phẩm văn nghệ được dư luận quan tâm cũng như diễn đàn đấu tranh với những quan điểm sai trái trong văn học, nghệ thuật. Hội Nhà báo Việt Nam, trong xét giải thưởng báo chí quốc gia hàng năm cần có giải thưởng cho các tác

phẩm phê bình văn học, nghệ thuật đăng trên các báo. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan báo chí xử lý kịp thời các biểu hiện thiếu văn hóa trong phê bình, tranh luận đang có xu hướng gia tăng thời gian gần đây.

Cần chú trọng chất lượng khoa học và tính chuyên nghiệp của phê bình văn học, nghệ thuật; phê phán lối phê bình cảm tính, thiếu tính khoa học tin cậy để đánh giá tác phẩm, tác giả, xa rời thực tiễn sáng tác, có biểu hiện cá nhân, cảm tính, ảnh hưởng đến các tác giả và tác phẩm. Cần đầu tư giáo trình, chương trình giảng dạy một cách hệ thống và bài bản, bảo đảm cơ bản về nền tảng lý luận văn nghệ, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa các lý thuyết, trào lưu, xu hướng văn học, nghệ thuật thế giới.

Cùng các đồng nghiệp góp một tiếng nói cũng là tiếp thêm một tia hy vọng đối với phê bình âm nhạc nói riêng và phê bình văn học, nghệ thuật nói chung.

PHÊ BÌNH SÂN KHẤU: CÓ MÀ KHÔNG

PGS.TS. PHẠM DUY KHUÊ

1. Về đội ngũ phê bình sân khấu, trước năm 1950, trong đời sống sân khấu nước ta thật sự chưa có hoạt động phê bình chuyên nghiệp.

Nhờ sáng kiến của Hiệu trưởng Trường Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam Hoàng Châu Ký và sự chuẩn y của Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đầu tháng 8/1961, kỳ thi tuyển chọn học sinh vào học lớp Nghiên cứu lý luận, phê bình sân khấu hệ chính quy đầu tiên của nước nhà được tiến hành. Số thí sinh trúng tuyển là 30 người. Đầu tháng 10/1961, lớp học khai giảng. Một nửa số học viên của lớp là cán bộ quản lý, đạo diễn, diễn viên được cử đi học, số còn lại là những sinh viên đã học hết năm thứ hai ở các khoa Tuồng, Chèo, Cải lương được tuyển chọn để chuyển sang học Nghiên cứu lý luận, phê bình. Tháng 6/1965, sau khi tốt nghiệp, họ trở lại địa phương làm cán bộ quản lý hoặc đạo diễn, chỉ có một số sinh viên trẻ được phân công sang Hãng phim Tài liệu - Thời sự, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Tạp chí Sân khấu, Vụ Nghệ thuật sân khấu và Ty Văn hóa của vài ba tỉnh miền Bắc.

Trong những năm nửa đầu thập niên 1960, cùng với sự nở rộ của sáng tạo và biểu diễn sân khấu, nhiều bài giới

thiệu, phê bình kịch bản, vở diễn do các nhà báo, các nghệ sĩ, một số nhà nghiên cứu văn học, các cán bộ quản lý viết và được đăng tải trên một số tờ báo và tạp chí. Những bài viết này gọi là có phê bình, kỳ thực, chỉ là những bài giới thiệu, có phê bình chăng, cũng chỉ là “phân tích” để khen, nhằm động viên phong trào; còn chê thì hãnh hữu, mà cũng rất nhẹ nhàng.

Giặc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, các đoàn nghệ thuật sân khấu được tổ chức lại thành nhiều đơn vị gọn nhẹ để đi phục vụ. Trong tình hình ấy, công tác phê bình hầu như không hoạt động, mà chuyển sang nghiên cứu và sáng tác. Dĩ nhiên không thể có lớp đào tạo lý luận, phê bình sân khấu tiếp theo nữa.

Giữa thập niên 1960 mới có một người được cử đi Liên Xô học Lý luận, phê bình sân khấu. Từ đó tới khi Liên Xô sụp đổ, đất nước Xô Viết đã đào tạo cho sân khấu Việt Nam được 10 cán bộ lý luận, phê bình. Một người bỏ nghề, hai người đã mất, một người chuyển sang làm quản lý cấp sở. Số còn lại, sau khi tốt nghiệp về nước, được biên chế vào một cơ quan nào đó như Viện Sân khấu, Viện Văn hóa - Nghệ thuật, Cục Biểu diễn, Hội Nghệ sĩ Sân khấu, Trường Đại học Văn hóa, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh..., không một ai làm lý luận, phê bình chuyên nghiệp - cái nghề mình đã được đào tạo từ tế, có viết chăng cũng chỉ là thi thoảng và nghiệp dư. Tới nay, hầu hết những anh chị em này đã ở độ tuổi ngoài bảy mươi. Hiện tại, có hai người vẫn còn túc tắc viết bài phê bình, tiểu luận cho một số tạp chí, tham gia hội thảo khoa học, là thành viên ban giám khảo các hội thi sân khấu chuyên nghiệp và giảng dạy ở trường đại học.

Giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội lại mở lớp đào tạo cử nhân Lý luận, phê bình sân khấu hệ chính quy, từ năm 1985 đến năm 1990, gồm 18 sinh viên. Sau 4 năm học, tốt nghiệp ra trường, họ đều đi làm những nghề khác để kiếm sống. Đầu thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, có 5 người trở lại trường học cao học. Hai người được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy. Ba người học tiếp nghiên cứu sinh và đã có học vị tiến sĩ, trong đó một người về công tác ở Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, một người về Khoa Sau đại học của Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, một người về Đài Tiếng nói Việt Nam, và làm phê bình đối với họ vẫn là “nghiệp dư”. Nếu có ai đó trong số họ muốn được tự do làm phê bình sân khấu chuyên nghiệp, thì chắc chắn người ấy không thể sống được bằng những đồng tiền nhuận bút “rẻ mạt” trả cho vài bài viết phê bình trong mỗi tháng, nếu được đăng trên tạp chí “có số”, còn tạp chí chuyên ngành thì hai tháng mới ra một số, một bài viết phê bình hay tiểu luận được trả nhuận bút cao nhất là 150.000 đồng, không kể những bài viết ra không được báo chí sử dụng. Thực tế này là nguyên nhân mà 15 năm qua, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội và Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh không có một ai thi vào học Lý luận, phê bình sân khấu.

2. Có sáng tác biên kịch và vở diễn sân khấu, thì nhất định có phê bình. Sáng tạo và phê bình là hai mặt của một kết cấu, chúng quan hệ hữu cơ với nhau.

Đối với công chúng, phê bình là người bạn đồng hành, làm nhiệm vụ hướng dẫn nội dung, hình thức tác phẩm sân

khấu cho họ; khơi dậy, kích thích trí tưởng tượng và suy cảm từ trí tuệ và tâm hồn nơi họ; bồi dưỡng và định hướng thị hiếu thẩm mỹ mới cho họ; góp phần giáo dục kiến thức thể loại sân khấu và cách tiếp cận tác phẩm sân khấu cụ thể cho công chúng; hướng họ tới sự nhận chân giá trị hình tượng nghệ thuật của kịch bản, vở diễn một cách chính xác và chỉ có thể khác nhau về cung bậc...

Đối với các nghệ sĩ sáng tạo và xây dựng nên tác phẩm sân khấu, thì bài phê bình, *thứ nhất*, là tiếng nói có trách nhiệm, hiểu biết nghề sâu sắc và thông cảm tối đa của người đồng nghiệp, nghệ sĩ - nhà phê bình; *thứ hai*, đó cũng là sự nhận chân giá trị tác phẩm sân khấu cụ thể của nhà khoa học - nhà sân khấu học, thông qua sự phân tích có chuẩn mực của mình. Bởi vì, nhà mỹ học thì đánh giá cái được phân tích, còn nhà phê bình thì phải phân tích cái để đánh giá. *Thứ ba*, bài phê bình phải thể hiện những phân lượng nhất định nào đó của một nhà hoạt động xã hội từng trải, có vốn sống phong phú về nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, luôn nhạy cảm với những cái mới, nhất là những vấn đề chính trị - xã hội, những kiến thức căn bản của cuộc cách mạng công nghệ khúc xạ vào đời sống. *Thứ tư*, bài phê bình phải thể hiện tầm nhìn, cách nhìn chính xác của một nhà văn hóa, nhà triết học dân tộc và thời đại đối với nội dung, nghệ thuật hiện hữu trong tác phẩm sân khấu. *Thứ năm*, bài phê bình của nhà nghiên cứu sân khấu luôn theo sát sự phát triển thăng trầm của đời sống sân khấu đất nước và cập nhật những hiện tượng, những sáng tạo mới có giá trị của sân khấu thế giới, nhất là sân khấu của những nước có

nên nghệ thuật sân khấu phát triển. *Thứ sáu*, trong bài phê bình chỉ nêu ra những ý kiến tác giả hiểu biết sâu sắc, chắc chắn đã qua du khảo một cách cụ thể, hợp lý và có cảm xúc thật sự. *Thứ bảy*, khen, chê là mục đích của bài phê bình. Song khen đúng và chê đúng mới là ý chí và hướng phấn đấu của nhà phê bình. Để có sự khen đúng và chê đúng, ngoài việc thực hiện một cách nhuần nhuyễn, điêu luyện và sáng tạo những cách thức, những biện pháp kỹ năng, kỹ xảo phê bình, nhà phê bình còn cần phải xuất phát từ những cảm xúc nghệ sĩ của mình đối với tác phẩm sân khấu. Có như vậy, mới có thể phát hiện ra những nguyên nhân thành công và không thành công của tác phẩm sân khấu, của ý đồ đạo diễn, của nghệ thuật biểu diễn, của thiết kế mỹ thuật, của âm nhạc,... của các yếu tố kỹ thuật cùng tham gia xây dựng vở diễn. Nguyên nhân đúng là nhân tố quyết định sự khen, chê đúng. *Thứ tám*, bài phê bình nhất thiết phải là tác phẩm văn học phê bình.

Nhà phê bình luôn luôn coi mình là độc giả, là khán giả yêu thích, ham mê nghệ thuật sân khấu, người tự nguyện có trách nhiệm góp phần bảo tồn, phát huy, phát triển nghệ thuật sân khấu dân tộc; là người tư vấn mách bảo theo tinh thần khách quan đối với tập thể nghệ sĩ sáng tạo, xây dựng nên tác phẩm sân khấu và công chúng hưởng thụ tác phẩm sân khấu ấy. Nhà phê bình cũng là người trọng tài công minh trong việc bình giá đối với mỗi kịch bản, vở diễn, sự kiện, hiện tượng, sự dàn dựng của đạo diễn, vai diễn của diễn viên và chân dung nghệ sĩ... Khó nhất của nhà phê bình là tìm ra hình tượng tổng quát của kịch bản, của vở diễn.

Bởi hình tượng tổng quát là biểu hiện triết học và xu hướng nghệ thuật của tác phẩm, nhiều khi tác giả kịch bản và tập thể nghệ sĩ sáng tạo nên vở diễn cũng không mấy để ý đến. Nhưng đối với nhà phê bình, thì đó là chất liệu (cho dù rất cảm tính) giúp anh ta tiên đoán được tính hấp dẫn của tác phẩm sân khấu.

Thực tế cho thấy, từ khi thực hiện xã hội hóa, hoạt động phê bình đã ít nay càng ít hơn. Trong số những tác phẩm phê bình hiếm hoi, không tránh khỏi có đôi ba bài phê bình mang tính chất “cò mồi”.

3. Vì nhiều lý do, công chúng sân khấu Việt Nam xưa nay chưa có thói quen tìm hiểu tác phẩm sân khấu trước hoặc sau khi tiếp cận với nó. Hân hữu có ai đó tình cờ, hoặc chủ ý đọc hoặc nghe tác phẩm phê bình thì cũng chỉ là nhất thời và thi thoảng, chưa thành nhu cầu đối với họ, ngay cả với những người yêu thích, đam mê nghệ thuật sân khấu. Còn đối với giới nghệ sĩ và những người làm sân khấu ở nước ta, nói chung họ chỉ thích khen, không thích, thậm chí thù ghét sự phê bình. Có nữ đạo diễn - Nghệ sĩ Nhân dân đã từng viết thư lấy tên chung là “công chúng” gửi đến tòa soạn Tạp chí Sân khấu, nơi đã đăng bài phê bình vở diễn do nữ đạo diễn ấy dàn dựng, để thóa mạ, nguyên rủa, xúc phạm tác giả của bài phê bình một cách thậm tệ, lời lẽ rất vô văn hóa. Một trường hợp khác, cũng là Nghệ sĩ Nhân dân - đạo diễn; nhà phê bình nợ viết bài đăng trên báo, phê bình vở diễn do anh ta dàn dựng. Sau khi đọc bài phê bình, đạo diễn ấy đã viết thư đến tòa báo đề nghị đuổi việc nhà phê bình, đồng thời cho người đánh tiếng đe dọa sẽ xử lý nhà phê bình ấy. Còn mất

lòng, phật ý nghệ sĩ là hiện tượng thông thường đối với những bài phê bình có sự chê, dấu rằng chê đúng. Nghệ sĩ cho rằng chê là làm hại họ, chê là khiến cho tiết mục của họ bị giảm giá trị trước công chúng, nhà hát của họ sẽ thua vắng người xem và còn kéo theo biết bao tai hại khác nữa. Chẳng mấy ai dám tiếp nhận phê bình vì sự phát triển, vì sự tiến bộ của nghệ thuật, của nhà hát và của bản thân. Dĩ nhiên, có nhiều lý do để họ dị ứng đối với phê bình. Có thể nêu ra mấy lý do trong số những lý do ấy là: 1- Chính sách xã hội hóa bình quân, nửa vời của Nhà nước. 2- Sự cạnh tranh khốc liệt với các loại hình nghệ thuật mới. 3- Nhân tài sân khấu ở mọi khâu đều quá hiếm; không có người để đào tạo và đào tạo thì lệch chuẩn, dẽ dại, kém chất lượng và không thường xuyên cập nhật kiến thức sân khấu học thế giới, nhất là các thể loại kịch hát dân tộc. 4- Chưa có sự bứt phá nào trong sáng tạo nghệ thuật, nhất là ở khâu sáng tác biên kịch, sáng tạo đạo diễn. Kết quả là đang duy trì một sân khấu cũ mòn, kém tính chuyên nghiệp.

4. Để phát triển hoạt động phê bình sân khấu chuyên nghiệp ở nước ta, không thể trong một vài năm, mà phải mất ít nhất từ 5, 7 đến 10 năm. Trong thời gian ấy, ngành sân khấu phải phấn đấu hết sức mình để có được một nền sân khấu hiện đại, phát triển đồng bộ, toàn diện, tương xứng với sự phát triển phong phú, đa dạng và phức tạp của đời sống đất nước; mà chủ thể của nó là những con người được tổng hòa bởi những mối quan hệ do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra. Đó là một nền sân khấu lấy việc khám phá, phát hiện, tái tạo đời sống của con người bằng những

hình tượng nghệ thuật cao đẹp trong vỏ diễn sân khấu, nhằm tạo nghĩa nhân văn, đạo đức, tình cảm, thẩm mỹ,... cho những vấn đề đời sống phản ánh.

Thứ nhất, phải điều chỉnh lại những chính sách thực hiện cụ thể của Nghị quyết xã hội hóa các đơn vị nghệ thuật sân khấu. Cũng như trong cơ cấu của nền kinh tế, bên cạnh những đơn vị nghệ thuật xã hội hóa, Nhà nước phải có những đơn vị nghệ thuật sân khấu công lập mạnh và rất mạnh, được đào tạo đồng bộ, toàn diện ở trình độ nghệ thuật cao; được trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại, đầy đủ, đồng bộ; kiện toàn các bộ phận cần phải có trong cơ cấu của một nhà hát hiện đại, biến nhà hát thực sự là thánh đường của nghệ thuật, nghệ sĩ có đời sống tốt. Hằng năm có chỉ tiêu dàn dựng, bảo tồn và biểu diễn những vỏ diễn truyền thống; đồng thời với việc sáng tác, dàn dựng, biểu diễn những vỏ diễn mới với đề tài hiện đại, những vỏ diễn “đặt hàng” của Nhà nước phục vụ chính trị và giao lưu quốc tế...

Thứ hai, tùy thuộc vào yêu cầu nghệ thuật của từng thể loại sân khấu khác nhau, mà thường xuyên chỉnh đốn, nâng cao chất lượng đào tạo nghệ sĩ (biên kịch, đạo diễn, diễn viên, họa sĩ thiết kế mỹ thuật, biên đạo múa và hành động hình thể, đạo diễn ánh sáng, người làm tiếng động, đạo diễn hình ảnh bổ sung qua màn hình...) ở trong nước và nước ngoài, trong đó có cả việc đào tạo cán bộ lý luận, phê bình, cán bộ làm văn học nhà hát. Nguồn nhân lực được đào tạo này là nguồn nhân lực tinh, bổ sung cho tất cả các đơn vị sân khấu công lập và xã hội hóa theo cơ chế tuyển chọn.

Thứ ba, nguồn đào tạo cán bộ lý luận, phê bình sân khấu ở bậc cử nhân, đầu vào, chỉ nên tuyển chọn từ những người

đã tốt nghiệp cử nhân đạo diễn, cử nhân diễn viên đã có thời gian hành nghề ở thể loại sân khấu được đào tạo sau 4 năm, hoặc đã tốt nghiệp cử nhân ngôn ngữ học có nghiên cứu về một thể loại sân khấu nhất định. Các thí sinh này sau khi trúng tuyển, phải được theo học khóa chính quy đào tạo cử nhân lý luận, và nghiệp vụ phê bình sân khấu.

Những người làm lý luận, phê bình sân khấu được Nhà nước đào tạo, do Nhà nước trả lương bảo đảm đời sống cho họ và phân công (gửi) vào biên chế của Viện Nghiên cứu Sân khấu và Điện ảnh của các trường Nghệ thuật Sân khấu và Điện ảnh, trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật, Viện Văn hóa Nghệ thuật,... chuyên làm công tác lý luận, phê bình. Được như vậy, mới có người dám thi vào học và gửi cả đời mình cho lao động lý luận, phê bình sân khấu.

Thực tế ở nước ta những năm qua cho thấy, có đến trên, dưới chục tiến sĩ nghệ thuật sân khấu được đào tạo trong nước và nước ngoài, thậm chí có người đã có học hàm giáo sư, phó giáo sư, nhưng không viết nổi một bài tiểu luận, một bài phê bình sân khấu. Phần lớn những người này đều tìm kiếm theo con đường “quan chức”.

Để đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, nhất thiết Nhà nước phải đào tạo và có chế độ đai ngộ thỏa đáng đội ngũ những người làm lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nói chung, những người làm lý luận, phê bình sân khấu chuyên nghiệp nói riêng.

HIỆN TRẠNG PHÊ BÌNH SÂN KHẤU TRÊN ĐỊA HẠT BÁO CHÍ

TS. CAO NGỌC

Nhìn vào hiện trạng phê bình sân khấu, nằm trong bối cảnh chung của phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay, người ta dễ dàng đồng thuận với đánh giá chung: yếu và thiếu trầm trọng. Hiện trạng này đã và đang tồn tại rất nhiều vấn đề bất ổn. Mảng lý luận cũng có nhiều điều cần bàn, nhưng với công tác phê bình vở diễn, những vấn đề đã tồn tại nhiều thập niên nay, tuy đã được cảnh báo nhưng vẫn chưa có điểm sáng sửa vì không có lực lượng, vì môi trường hoạt động, vì sự kích thích công tác phê bình vẫn chưa thỏa đáng. Xin được phân tích vài điểm dễ nhận thấy nhất về công tác phê bình sân khấu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Ở hầu hết các thảo luận, tọa đàm khoa học..., nhiều người đã lớn tiếng báo động về khuynh hướng sân khấu đang hỗn loạn mà đội ngũ người làm công tác lý luận, phê bình sân khấu lại đang có khủng hoảng thế hệ, không thể làm tròn trách nhiệm định hướng cho lĩnh vực này. Đội ngũ làm công tác lý luận, phê bình hiện nay ở tình trạng: các bậc tiền bối

ngao ngán, ngại đụng chạm nên không muốn viết; hoặc có viết thì đi vào lý luận cơ bản; trong khi đó, lớp trẻ đang nấm mảng văn hóa, nghệ thuật trên các báo lại không chuyên sâu về sân khấu. Sân khấu là một nghệ thuật tổng hợp với nhiều thành phần tham gia sáng tạo, và cũng là nghệ thuật có nhiều yếu tố đặc thù. Mỗi khái niệm sân khấu đôi khi ngay người trong nghề cũng phải mất rất nhiều thời gian mới có đủ nhận thức cũng như sự duy danh, định tính chính xác cho nó... Vì thế, viết về sân khấu quả thực là thách đố không nhỏ. Người viết thiếu kiến thức nghề, nhưng vẫn phải phủ trang, sân khấu vẫn rất cần tới sự quảng bá các tiết mục, các hoạt động sân khấu trên tất cả các phương tiện thông tin. Và vì vậy, những nhiễu loạn trong đánh giá, nhận định cũng như sự chân thực, đúng đắn ở mảng này đã và đang tồn tại như một hậu quả tất yếu. Không đủ độ thẩm định, nên cách tốt nhất là... hạn chế chê, phê mà nặng về khen, về ca tụng. Những điều này khiến các nghệ sĩ ban đầu thì “sướng” nhưng mãi rồi, họ cũng thấy... ngán các câu viết này. Thậm chí, người viết không đi dự được mà lại cần có bài thì phóng viên nào đi được sẽ “chia lại nguồn” để bạn có thể ngồi nhà “mông má” lại thành bài. Có những nhà báo tác nghiệp theo cách: copy lại vài bài rồi ngẫm nghĩ, dùng tài viết lách để biến đổi đi đôi chút mỗi bài vài ý thành bài riêng của mình.

Bên cạnh đó còn là hiện tượng các phóng viên rủ nhau vác máy ghi âm lại những đánh giá của các chuyên gia trong ngành, chia sẻ cho nhau những lời “khai thác” được để bù đắp lại những thiếu hụt kiến thức, kỹ năng, khả năng thẩm định, khả năng thẩm mỹ chưa thật sự tốt, chưa đủ để

họ tin tưởng vào các đánh giá của chính mình. Đáng tiếc là, dù ghi lại ý kiến của các chuyên gia nhưng họ lại mặc nhiên coi đó chính là những phát hiện của mình khi đưa vào bài viết. Biến những câu trả lời phỏng vấn, những lời nhận xét sâu sắc, xác đáng của các chuyên gia trở thành ý kiến cá nhân cũng có thể coi là một hành vi... “đạo văn” được lăm chừ. Nhưng họ không sợ, vì các chuyên gia chưa viết ra, mới chỉ phát biểu thôi, lời nói gió bay, làm gì có bằng chứng. Vả lại, viết khéo thì lại càng khó để cho rằng đó là sự “đạo”. Đó là còn chưa kể, ý kiến của những người được cánh nhà báo tham vấn này, đôi khi cũng không hoàn toàn trong sáng, đúng và khách quan về tác phẩm. Họ cũng là những con người, với bao quan hệ nhằng nhịt trong giới, mà tác giả, đạo diễn, diễn viên... đều là chỗ thân quen. Thế nên, khi phóng viên hỏi, họ sẵn lòng phát biểu sao cho đẹp ý đơn vị, đẹp ý người họ cần lưu tâm. Cũng đôi lúc, khi phóng viên có kinh nghiệm, kiến thức nhưng trước cái uy nghề lớn của các đẳng bậc này khiến họ lại... mất tự tin, bị lái theo những đánh giá đó. Như vậy, trên báo chí, chỉ có những bài viết vô thưởng vô phạt, đọc câu chữ rất kêu nhưng nội dung lại rất công thức và nhạt nhẽo..., các tác phẩm nghệ thuật đã không có được cơ hội nhìn từ những góc cạnh, chiều kích khác nhau để trên cơ sở đó, tập thể nghệ sĩ có thể hoàn thiện hơn tác phẩm.

Có vô vàn nguyên nhân để biện minh cho thực tế đó như: sân khấu hôm nay không có những vở diễn thực sự sắc sảo, đặt ra được những vấn đề mới về nội dung và nghệ thuật, nếu đúng đến vở diễn, thì khác gì “đập niêu cớm” của các đoàn.

Chưa kể sự non gan của các tay viết, sự ngại dụng chạm, nếu viết gay gắt quá thì lần sau đến đoàn sẽ bị “lót lá dắt tay” bởi giới sân khấu thật nhỏ, quanh đi quanh lại có ngàn áy khuôn mặt, làm sao tránh được. Quan niệm “xuê xoa” dường như đang chiếm lĩnh tâm thế của không ít cây bút hôm nay, chưa kể tình trạng những phóng viên mới ra trường về công tác ở các tòa soạn báo đều được phân công theo dõi mảng văn học, nghệ thuật bởi người quản lý cho rằng, đây là mảng dễ, vả lại “có sai cũng chả chết ai”.

Thực chất, những người được đào tạo bài bản về lĩnh vực Lý luận, phê bình sân khấu trong vài thập niên qua tham gia hoạt động ở lĩnh vực báo chí ra sao? Không kể những lớp trước khi trường Nghệ thuật sân khấu được mang tên Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, thì đã có những khóa sau:

- Khóa học 1985-1990: 20 người, tốt nghiệp khoảng 17 người, làm nghề báo chí có: Lê Hải Anh (VTV2); Nguyễn Hồng Dương (báo *Tiền phong*); Tạ Kim Cương (Tạp chí Sân khấu); Chu Kim Ngọc (Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội); Cao Xuân Ngọc (VOV6); Lê Nghiêm (VOV6); Lê Minh Thúy (báo *Sức khỏe và Đời sống*); Nguyễn Ngọc Tiến (báo *Hà Nội mới*)...

- Khóa học 1991-1996, có một số tham gia lĩnh vực báo chí như: Mai Văn Lạng (VOV3); Vũ Hà (VOV6); Huy Phôn (VTV); Thanh Hoa (Đài Phát thanh - Truyền hình Phú Thọ)...

- Khóa học 1999-2003: 6 người, trong đó trở thành phóng viên báo chí có Tuấn Phương (VTV2); Mỹ Hiền (báo *Công an nhân dân*); bên Biên kịch sân khấu có Trần Hiếu (VOV6)...

- Khóa học 2003-2007: 6 người, chỉ có Nguyễn Thị Hương là Biên tập viên (Phát thanh Quân đội).

- Khóa học 2004-2008: 6 người, có Thu Hiền và Vũ Thu Trang (VTV); Nguyễn Thị Nhuờng (báo *Tài nguyên và Môi trường*)...

Sau khóa này, nghĩa là gần 20 năm, nhà trường không tuyển sinh thêm được lớp nào nữa vì thiếu người đăng ký dự thi. Năm nào cũng xin chỉ tiêu, nhưng chỉ có 1 - 2 hồ sơ dự thi, không thể mở lớp đào tạo. Còn Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh vốn không mạnh ở lĩnh vực này, trước kia có đào tạo vài khóa Cao đẳng về Lý luận, phê bình kiêm Biên kịch, sau khi lên Đại học lại không đào tạo được tiếp vì lý do thiếu thí sinh và thiếu cả giảng viên đủ chuẩn cho phép đào tạo... Nếu không xét đến việc tiếp thị chưa tốt của những nơi đào tạo lực lượng cho nghệ thuật nước nhà thì thực chất việc thiếu thí sinh dự thi còn do thực tiễn mặt bằng sân khấu hiện thời cũng khó lôi kéo được những thí sinh có năng lực tham gia.

Ngay cả những người đã được đào tạo, có bằng cấp làm trong lĩnh vực báo chí, nhưng hiện nay, trở thành cây bút phê bình sắc sảo, đúng nghề... lại dường như chưa có ai đủ lực để tiếp bước những bậc thầy như Đức Kon, Hồ Ngọc, Tất Thắng, Nguyễn Thị Minh Thái... Bởi vì, việc học trên ghế nhà trường với thực tiễn làm nghề thực “thiên nan vạn nan”, tồn tại những vấn đề khiến cho việc áp dụng chuẩn mực được học hỏi từ sách vở đến thực tiễn vở diễn cũng là khoảng cách không nhỏ. Đó là chưa kể, thực tế đào tạo của chúng ta chưa ổn, chưa có được cái chuẩn tốt. Những người từng được trang

bị kiến thức lý luận thật khó tìm cách bổ sung, cập nhật bởi sách chuyên ngành, đến nay, ngay tại Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội còn chưa có được bộ giáo trình chuẩn. Hầu hết là sách nghiên cứu đã có từ lâu của những người hoạt động tự viết kinh nghiệm bản thân là chủ yếu, rất hiếm sách lý luận. Một phần do chúng ta không có truyền thống về lý luận. Suốt hàng ngàn năm hình thành và phát triển sân khấu chỉ có hai cuốn là *Hý trường phả lục* của Lương Thế Vinh và *Hý trường tùy bút* của Đào Tấn với dung lượng mỏng. Những người làm nghề, học lý luận chỉ có thể tự “vũ trang” bằng một số sách nghiên cứu của các bậc lão thành như Hoàng Châu Ký, Mịch Quang, Hà Văn Cầu, Tất Thắng... và hầu hết đều nghiên cứu sâu về Tuồng, Chèo, còn các kịch chung khác rất ít. Tại sao không mở rộng ra sách của các nhà lý luận nước ngoài? Rào cản ngôn ngữ là trở lực mạnh nhất. Bên cạnh đó, cũng tồn tại hiện tượng cần quan tâm: người thông thạo ngoại ngữ nước này không chấp nhận những kết quả của người thông thạo ngoại ngữ nước khác. Sách dịch hầu như không có nhiều kết quả khả quan bởi người dịch sách rất ít được khuyến khích. Ví dụ như PGS. Tất Thắng từng bạc đầu để dịch cuốn *Lý luận kịch từ Arixtot đến Lesin* thì chỉ là cố gắng cống hiến với nghề chứ không thể nói đến chuyện bán được sách. Hai cuốn lịch sử lý luận kịch tiếp theo, ông bỏ vào đó khoảng thời gian không nhỏ nhưng cũng nằm trong tình trạng chung này.

Thêm vào đó, hiện thực đời sống sân khấu đang khá bất thường bởi sự thưa vắng khán giả, nếu cứ dùng những tiêu

chuẩn kinh điển của sân khấu để phê bình thì e rằng cũ và thừa bởi lẽ đa phần những vở bây giờ đều có khiếm khuyết thuộc loại dễ thấy mà xét ra cả người phê lấn người bị phê đều chẳng lạ gì. Phê bình lẽ ra là chuyện bình thường trong sự phát triển của văn học, nghệ thuật, nhưng hiện nay sự tiếp nhận phê bình không bình thường, nếu viết đúng những điều còn chưa tới của vở diễn dễ bị mang tiếng là “đánh” và lập tức bị cô lập. Thêm vào đó, do sân khấu không còn sức hấp dẫn với đông đảo công chúng, không còn là mảng được nhiều người tìm đọc nên những bài viết về vở diễn, về chân dung nghệ sĩ... quả thực không mấy báo quan tâm, không săn lòng dành trang để đăng. Nói gì đến việc, một vở diễn được nhiều người viết với những tranh luận mang tính học thuật có được nơi để đăng đàn, ra mắt người đọc như trước đây. Nhiều người có nghề, khi đi xem vở diễn về, hào hứng với những phát hiện của mình nên cặm cụi dành công sức viết, nhưng khi đưa ban biên tập các báo đều lắc đầu cho rằng, mấy ai quan tâm tới sân khấu, vở diễn sân khấu nữa đâu nên không đăng... dẫn tới sự nản lòng của không ít cây viết. Có nhà viết phê bình lão thành thì lại than thở: viết phê bình khó thế, cân nhắc thế, vậy mà nhuận bút hiện nay quá thấp, không xứng đáng với chất xám được đầu tư.

Vậy là đang tồn tại một thực trạng, bộ mặt sân khấu được trình làng trên công luận bởi những người tay ngang, không có chuyên môn sâu về sân khấu. Thiếu chuẩn mực, người viết chỉ có thể dựa vào xúc cảm tự nhiên khi viết bài, tất yếu dẫn tới việc nhận định hay, dở về một tác phẩm nghệ

thuật rất vô tội vạ, làm khán giả lèch lạc cảm nhận, khiến những người trong cuộc cũng chán ngán. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Thành ngao ngán nhận xét: người làm nghề hiện nay chẳng cần quan tâm ngay đến bài viết về tác phẩm, vai diễn của mình chứ chưa nói gì đến bài của đồng nghiệp. Có những bài viết hay, đúng đắn nhưng bản thân đối tượng được viết cũng không biết, và khi được thông tin cũng tỏ ra khá hững hờ. Ngược lại, báo chí hiện nay, do nhu cầu thông tin của một số đối tượng nên đã đi vào khía cạnh thu hút người đọc bằng chuyện đời tư nghệ sĩ nhiều hơn là vào những mặt được và chưa được về nghệ thuật. Chúng ta đã đi từ thái cực chỉ chuyên về nghệ thuật trước đây sang mặt đối diện và bị cực đoan hóa, khiến cho tình trạng nghệ sĩ không còn quan tâm đến công luận thêm trầm trọng.

Sân khấu hiện đang chia thành hai phương thức, hai khu vực hoạt động chính: Khu vực của các đơn vị nhà nước và khu vực hoạt động xã hội hóa. Cả hai khu vực này đang tồn tại những vấn đề cần chấn chỉnh như sân khấu nhà nước là sự thưa vắng khán giả, vẫn đi theo tư duy bao cấp, nghĩa là cung cấp những gì mình có chứ không phải thứ khán giả cần. Khu vực xã hội hóa thì yếu tố nghệ thuật đang bị xem nhẹ, chỉ cần có yếu tố hút khách là họ làm. Cả hai khu vực này đều dường như không cần nhiều đến những nhận định chuyên môn bởi họ quá hiểu mình đang đi đến đâu theo phương thức này. Còn cánh nhà báo lại đầy chủ quan khi cho rằng, mình cần cho các đơn vị để họ có sự xuất hiện trước công chúng, như chứng tỏ sự tồn tại hoặc thành công với đồng đảo. Nhưng nếu vẫn duy trì cách viết và hoạt động như

hiện nay, đời sống sân khấu tất yếu dẫn đến việc phát triển lệch lạc.

Sân khấu là hình thức nghệ thuật biểu diễn, nghĩa là nó chỉ thực sự tồn tại trong một thời gian, không gian nhất định. Chính vì thế, sân khấu rất cần đến sự quảng bá của báo chí để được lan tỏa tác động đối với cộng đồng. Nhưng hiện trạng, giữa báo chí và sân khấu đang có sự lệch lạc, vênh lệch. Người viết cứ viết, đối tượng của trang viết không cần quan tâm. Hiện trạng này đã được báo động nhiều năm nay mà vẫn chưa có sự thay đổi nào. Có lẽ, đó cũng là một trong những lý do khiến sân khấu khó lòng vượt qua cơn khủng hoảng khán giả. Có thể nói, sự khủng hoảng phê bình là điều không mới, phải có giải pháp đột phá mới mong giải quyết được.

THỰC TRẠNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH SÂN KHẤU VIỆT NAM HÔM NAY

PGS.TS. TRẦN TRÍ TRẮC

Lý luận, phê bình sân khấu là một chuyên ngành khoa học mang trong mình cả lý luận lẫn phê bình. Tức là, phê bình bằng lý luận và lý luận để phê bình. Lý luận là kết quả của quá trình mà con người đúc kết ra kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật sân khấu, mang tri thức khách quan về những quy luật vận động, phát triển của hiện thực nghệ thuật sân khấu. Còn phê bình là sự thẩm định, đánh giá, giải thích, phát hiện, định hướng những giá trị sáng tạo của một tác phẩm, một tác giả, một giai đoạn, một khuynh hướng, một trào lưu cụ thể. Nó thuộc về tư duy lôgic mang nội dung “đàm luận” nhằm phát triển sự sáng tạo không ngừng.

Lý luận, phê bình sân khấu là anh em ruột thịt trong đại gia đình nghệ thuật sân khấu. Vị trí của nó luôn luôn được bình đẳng với tác giả, đạo diễn, diễn viên, nhạc sĩ, họa sĩ, biên đạo múa và khán giả của nghệ thuật sân khấu. Nó không bao giờ được đứng cao hơn hay thấp hơn, mà ngang hàng với tập thể để cùng có nghĩa vụ “sinh tử”, “vui buồn” trong nghệ thuật sân khấu. Vì vậy, đã có người ví von, coi nhà lý luận, phê bình sân khấu là “bác sĩ” của sân khấu.

Nền nghệ thuật sân khấu nào mà thiếu hoặc yếu “bác sĩ” thì sẽ có hậu quả “khuyết tật”, còm cõi, bệnh tật, thiếu hoàn thiện và chết yếu.

Lý luận, phê bình sân khấu là một chuyên ngành đặc biệt. Đặc biệt vì nó mang trong mình cả tư duy hình tượng lẫn tư duy lôgic. Nếu không có khả năng tư duy hình tượng thì nhà lý luận, phê bình sân khấu sẽ thấu hiểu, đồng hành làm sao với sáng tạo của các nghệ sĩ để rút ra những quy luật khách quan thuyết phục nghệ sĩ. Cho nên, nhà lý luận, phê bình sân khấu cũng là “nghệ sĩ” như mọi nghệ sĩ, để có tiếng nói của nghệ sĩ bằng tư duy lôgic trong các hình tượng nghệ thuật sân khấu.

Lý luận, phê bình sân khấu là một chuyên ngành đặc biệt nhưng bao giờ cũng được thể hiện bằng những cá nhân cụ thể trong thế giới của loại hình tổng hợp nên đòi hỏi mỗi cá nhân lý luận, phê bình sân khấu phải có năng khiếu bẩm sinh nổi trội. Đó là phải có năng lực, biết phát hiện vấn đề, biết phản biện vấn đề và biết lý giải vấn đề đầy thuyết phục cho nghệ sĩ. Năng khiếu bẩm sinh của nhà lý luận, phê bình sân khấu không chỉ ở khả năng phát hiện, phản biện, lý giải, mà còn cả tính trung thực nữa. Tính trung thực này đòi hỏi nhà lý luận, phê bình sân khấu không “cong lưng”, “uốn gối”, khuất phục trước cường quyền, tiền bạc để nói “nửa sự thật” làm vừa lòng nghệ sĩ non kém, tầm thường. Bởi vì, nếu nói “nửa sự thật” là tự hủy diệt chính mình.

Mặt khác, vốn sân khấu là loại hình tổng hợp nên nhà lý luận, phê bình sân khấu cũng phải có tri thức tổng hợp về văn hóa, lịch sử, văn học, triết học, chính trị học, xã hội học và sân khấu học... để có bản lĩnh đánh giá, bình phẩm, định

hướng những sáng tạo của các nghệ sĩ. Nếu không có bản lĩnh này thì làm sao nhà lý luận, phê bình sân khấu phát hiện được nhân vật Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV lại đọc thơ của thi sĩ hiện đại thế kỷ XX; bà Trưng Trắc ở thế kỷ I sau Công nguyên lại đội trên đầu chiếc mũ Nam Phương Hoàng hậu ở thế kỷ XX? Bản lĩnh “nói có sách, mách có chứng” với thái độ trung thực, chân tình nên các nghệ sĩ sẽ nghe theo, sửa theo “đàm luận” của nhà lý luận, phê bình sân khấu một cách “tâm phục, khẩu phục”.

Ngành lý luận, phê bình sân khấu là ngành khó và trở thành một nhà lý luận, phê bình sân khấu lại càng khó hơn. Nghệ thuật sân khấu hôm nay và mai sau không thể không có lý luận, phê bình sân khấu, và thiếu lý luận, phê bình sân khấu sẽ là một khiếm khuyết lớn của nền nghệ thuật sân khấu.

Ở Việt Nam, ngành lý luận, phê bình sân khấu chưa có truyền thống. Sự hiện diện của nó hôm nay cũng không thể gọi là chuyên nghiệp hoàn toàn, và còn rất non trẻ. Nó mang tính phong trào, tự do, cảm hứng, có cũng tốt, không có cũng chẳng sao. Những ai đã được gọi là “nhà lý luận, phê bình” thì cũng nhận thấy mình chưa xứng đáng với danh hiệu đó vì họ chưa bao giờ coi phê bình sân khấu là nghề nghiệp sống còn của mình. Bài viết của họ có công phu đến mấy, đăng trên báo thì cũng chỉ được ít tiền nhuận bút, không tương xứng với giá trị của “đầu vào”. Cho nên, có thể nói, một nhà lý luận, phê bình tài năng dù phải làm việc cật lực suốt đời thì cũng không thể thu được số tiền nhuận bút bằng một tác giả bình thường trong một vở diễn bình thường. Do đó, nhiều người được đào tạo làm nghề lý luận,

phê bình sân khấu hoặc đã từng có tiếng tăm một thời, thì sớm muộn cũng phải “chạy làng” sang những ngành khác để tồn tại như dạy học, sáng tác, đạo diễn... Họ thường than thở với nhau: vào nghề thì muộn nhưng ra đời lại quá sớm. Vì ai được đào tạo làm nghề lý luận, phê bình sân khấu cũng đã phải kinh qua thực tiễn sân khấu trên, dưới 10 năm. Tốt nghiệp ra trường thì tuổi đời cũng ngót nghét 40. Nhưng đời lại chưa trọng, ngành sân khấu lại chưa cần và anh em nghệ sĩ cũng chẳng ưa gì! Một khác, các nhà hát, các đơn vị nghệ thuật, các nghệ sĩ hầu như chưa bao giờ coi nhà lý luận, phê bình sân khấu là thành viên thân thiết của mình trong sáng tạo. Họ có thể lao dì tìm tác giả, đạo diễn, họa sĩ, nhạc sĩ, và các nhà “chính trị sĩ” để xây dựng tiết mục mới, còn nhà lý luận, phê bình thì họ không cần. Họ cho rằng nhà lý luận, phê bình đến chỉ thêm rắc rối, phiền toái.

Tuy vậy, nhiều nhà lý luận, phê bình sân khấu, một mặt vì yêu nghề, mặt khác vì trọng bạn nên đã sẵn sàng bỏ tiền lương ít ỏi của mình ra mua vé để xem tiết mục và viết rất thành tâm, công phu. Chẳng may bài viết chê nhiều, khen ít, dù có thực lòng thì nhà lý luận, phê bình vẫn bị các bạn nghệ sĩ chê trách, cô lập, thậm chí bị coi như kẻ thù!

Đúng, lương thấp, nhuận bút ít, làm việc tận tụy để được “cái ghét” thì đành... thương sách phải “chạy làng” hoặc hạ sách là “uốn bút”...

Khi các nhà lý luận, phê bình có tay nghề rời khỏi văn đàn thì hàng loạt những cây bút “trái tay” xuất hiện. Họ là nhà báo, họa sĩ, thi sĩ, văn sĩ, nhạc sĩ, diễn viên... “tung hoành” những quan điểm, ý kiến của mình tràn lan các mặt báo. Bài của họ, trước hết, rất đáng hoan nghênh, có những

giá trị nhất định và mang ý nghĩa của tiếng nói công chúng khán giả. Nhưng suy cho cùng, tiếng nói của họ chưa thể trở thành ý kiến “chính thống” vì những bài viết còn mang nhiều cảm tính, thiếu khoa học của đôi mắt nhà nghệ. Ở họ có chung một hình thức tường thuật cốt truyện, giới thiệu qua về tác giả, đạo diễn, diễn viên, nhạc sĩ, họa sĩ... rồi khen chê vài lời rất chung chung để vừa lòng đơn vị nghệ thuật. Bài của họ mang tính “thông báo” chứ chưa phải mang nội dung phê bình sân khấu sâu sắc. Vì vậy, những ai muốn nghiên cứu về vở diễn, về nhà hát hay chân dung nghệ sĩ, tác giả, đạo diễn hoặc sự phát triển nghệ thuật của một giai đoạn, một khuynh hướng của một nhà hát, một nền nghệ thuật sân khấu nào đó, qua những bài báo của họ, thì hoàn toàn bất lực.

Hơn nữa, trong số họ, đã có không ít các bài báo mang nội dung sai lệch: cái đáng khen lại chê, cái đáng chê lại cổ vũ, làm nhiễu loạn giá trị của tác phẩm trong khán giả. Đặc biệt, lý luận, phê bình ở các đơn vị nghệ thuật địa phương hoàn toàn bị lãng quên, bỏ trống và nếu có thì bị méo mó, sai sự thật, rất đáng tiếc.

Tóm lại, thực trạng của lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam hôm nay, như Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X đã chỉ rõ: “Hoạt động lý luận văn học, nghệ thuật còn lạc hậu về nhiều mặt, chưa giải đáp được nhiều vấn đề của đời sống, còn xa rời thực tiễn sáng tác, có biểu hiện xô cứng, kém năng động, giảm sút tác dụng tích cực đối với sáng tác... Hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật có biểu hiện tụt hậu so với yêu cầu, thực hiện chưa tốt chức năng hướng dẫn, điều chỉnh và đồng hành với sáng tác. Chất lượng khoa học và

tính chuyên nghiệp của phê bình bị xem nhẹ; xuất hiện lỗi phê bình cảm tính, thiếu một hệ thống tiêu chí tin cậy để đánh giá tác giả và tác phẩm, văn hóa phê bình bị hạ thấp...".

Lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam xuất hiện trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nguồn đào tạo chính cho đội ngũ lý luận, phê bình sân khấu là do Liên Xô, Trung Quốc, Trường Đại học Tổng hợp (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội. Đội ngũ này đã được phát huy rực rỡ khi nền sân khấu cách mạng phát triển cực thịnh, tạo ra được vị thế của lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam rất đáng tự hào. Nhưng từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây, nền sân khấu cách mạng ngày càng đi xuống, đã kéo theo lý luận, phê bình sân khấu tụt hậu thảm hại. Hiện nay, nguồn nhân lực cũ đã cạn kiệt (những nhà lý luận, phê bình đã ra đi vào cõi vĩnh hằng hoặc già yếu, ốm đau, bệnh tật) và nguồn lực mới hầu như không có (trường không mở lớp, sinh viên không đến thi tuyển, nước ngoài không tiếp nhận đào tạo), làm cho cơ nghiệp ngành lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam trở nên ảm đạm muôn phần.

Nguyên nhân cơ bản của thực trạng này, trước hết, lý luận, phê bình sân khấu đã đối lập với văn hóa truyền thống Việt Nam là văn hóa duy tình với phương châm: "chín bồ làm muồi", "dĩ hòa vi quý", "một trăm cái lý không bằng một tí cái tình"... Mặt khác, khi cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế diễn ra, giá trị đồng tiền được đề cao, mọi hoạt động xã hội thành hàng hóa thì những người làm lý luận, phê bình sân khấu đã không có một hệ thống giá trị thẩm mỹ chuẩn để làm điểm tựa cho ngòi bút của mình, cho nên, nhìn lên thì

chẳng thấy ai giúp đỡ, nhìn xuống cũng chẳng có ai theo mình, khi sân khấu cần “thương mại”, cần “thượng đế” chứ chẳng cần lý luận, phê bình cho ai làm gì!

Lý luận, phê bình sân khấu, theo như Belinski, là “mỹ học vận động”, là “ý thức triết học”; và theo Nguyễn Khoa Điềm là “ngọn roi” phản kích âm mưu, ý đồ đen tối của kẻ địch trong lĩnh vực văn nghệ. Tất cả đều đúng và thực trạng của lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam đang khủng hoảng trầm trọng cũng là sự thật. Giải pháp nào cần được đặt ra cho thực trạng này? Theo tôi, Đảng và Nhà nước ta chắc chắn sẽ có những quyết sách hay, hữu ích để “cấp cứu” cho “người bác sĩ” ngành sân khấu đang “hấp hối” của chúng ta!

PHÊ BÌNH ĐIỆN ẢNH HIỆN NAY - ĐỘI ĐIỀU BÀN LUẬN

PGS.TS. TRẦN LUÂN KIM

Phê bình nghệ thuật là một tiến trình khoa học. Hoạt động phê bình luôn song hành với hoạt động sáng tác, và hoạt động phê bình là một trong ba chân kiêng không thể thiếu và không thể yếu trong mối quan hệ với sáng tác cùng thưởng thức. Phê bình nghệ thuật vừa là phương thức vừa là biện pháp thúc đẩy văn học, nghệ thuật phát triển chắc chắn, nhanh, hay. Hoạt động phê bình đòi hỏi người làm nghề trách nhiệm, am hiểu, nhiệt huyết để có thể góp phần tích cực nâng tầm sáng tạo, bồi bổ thẩm mỹ, đặc biệt tham gia hiệu quả vào quá trình định hướng khuynh hướng, tăng cường nhận thức tư tưởng cũng như giáo dục tri thức chuyên ngành.

Phê bình điện ảnh là lĩnh vực hoạt động đặc thù của một chuyên ngành nghệ thuật mang tính tổng hợp rất cao trong cấu trúc tác phẩm và rất hiện đại trong nghệ thuật biểu hiện. Do tầm quan trọng, hoạt động này cần được định vị xác đáng, bởi người ta có thể hiểu trực tiếp xã hội từ phim và hiểu phim từ xã hội.

Để thực hiện hiệu quả công tác phê bình phim, trước tiên phải dựa vào đội ngũ phê bình và trình độ của đội ngũ đó.

Đội ngũ phê bình phim của ta vốn thưa mỏng, nay còn thưa mỏng hơn. Ngoài mấy cây bút hành nghề chuyên nghiệp có thể đếm được, số còn lại là những bàn tay “kiêm nhiệm”, am hiểu nhưng không chuyên sâu. Trong tương lai gần, đội ngũ này có nguy cơ “tự biến”, bởi từ trong nước đến nước ngoài, nguồn bổ sung từ các lò đào tạo chính quy hầu như không còn nữa. Lực lượng chủ lực hoạt động trong lĩnh vực này, trước nay luôn là giới báo chí. Một số tạp chí và các báo có chuyên mục bàn luận, giới thiệu, tuyên truyền về điện ảnh và tác phẩm điện ảnh. Điều đó đáp ứng một phần nhu cầu của công chúng, đặc biệt ở chức năng thông tin. Vì chủ yếu để thông tin, các bài viết loại này trên các báo thường nhận xét tập trung vào phần văn học của tác phẩm điện ảnh và giới thiệu các gương mặt nổi bật, thiếu phần bàn luận chuyên môn và định hướng sáng tác - chế tác. Từ thực tế đó, có thể thấy rõ phê bình điện ảnh hiện nay hời hợt, cầm chừng, thiếu chuyên nghiệp, không gắn với lý luận chuyên ngành. Do đó ít tác dụng đối với đời sống điện ảnh của đất nước. Một số bài báo được viết do những cây bút nhanh nhạy nhưng thiếu am hiểu ngôn ngữ chuyên ngành, cũng không tường tận hệ thống thủ pháp thể hiện của nghệ thuật nghe nhìn, nên chỉ quanh quẩn với hình thức thể hiện của tác phẩm cùng đời tư của các ngôi sao. Có những bài báo, do người viết không đủ tri thức, đã đưa ra những nhận định mâu thuẫn và trái ngược nhau, gây phức tạp dư luận. Lại có bài báo chỉ nhầm câu khách, khai thác những khía cạnh riêng tư cá nhân, không đem lại điều bổ ích mong đợi. Trên các mạng xã hội không ít bài viết cẩu thả, thiếu kiến thức, thậm chí thể hiện xu hướng lệch lạc, bài bác truyền thống

văn hóa dân tộc, cỗ vũ học đòi lai căng. Như vậy, từ bức tranh chung của hoạt động phê bình điện ảnh thời gian qua cũng như hiện nay, có thể thấy rõ tình trạng trì trệ, chậm trễ, bị động và một phần bất lực của hoạt động phê bình phim. Đã có lúc, sáng tác - chế tác phim bị cuốn vào trào lưu thương mại hóa, có phim được “pha chế” từ phim nước ngoài, có phim cố sức tìm kiếm đề tài bí hiểm hoặc gợi dục, có phim bất chấp các nguyên lý thông thường của thể loại và của tình huống,... mà phê bình phim vẫn bỏ qua. Trong lúc đó, khi xuất hiện những nhân tố, sáng kiến mới trong chế tác ở phim này phim khác, phê bình phim cũng lại “ngơ ngác” bỏ qua, không kịp thời khích lệ phát huy - bằng hệ thống lý luận chuyên ngành có sức thuyết phục. Hệ thống lý luận chuyên ngành, tựu trung là việc nắm bắt quy trình sản xuất phim hiện thời ở trong và ngoài nước để phân tích, so sánh sát thực; là am hiểu đặc trưng nghệ thuật điện ảnh với các nghiệp vụ chủ yếu từ khâu biên kịch đến đạo diễn, quay phim, diễn xuất, thiết kế mỹ thuật, hòa phối âm thanh... đến việc nắm chắc thực lực sáng tác - chế tác cũng như các khuynh hướng sáng tác đang triển khai và trong dự báo, để khuyến khích phát huy hoặc cảnh báo chuyển hướng.

Trong thực tế, sáng tác - chế tác tác phẩm điện ảnh luôn tạo sức ép, lúc căng lúc chùng đến hoạt động phê bình. Nếu phê bình không được tập hợp đội ngũ săn sàng và không ở tư thế chủ động, thì sẽ không thể ứng phó kịp thời, hiệu quả. Việc nâng cao chất lượng phê bình là nhiệm vụ tổng hợp, từ xây dựng - tập hợp đội ngũ đến cơ chế và kế hoạch hoạt động, mà nếu không được quan tâm thiết thực thì sẽ không bao giờ đạt tới.

Bên cạnh đó, sở dĩ hoạt động phê bình điện ảnh ngày càng rời rạc, kém hiệu quả, là còn do công tác tổ chức, quản lý của cơ quan chức năng còn hình thức, lỏng lẻo, không thực chất. Một phần nguyên do quan trọng là trong ý thức của không ít tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chưa thực sự giác ngộ, chưa đích thực coi trọng hoạt động văn hóa, nghệ thuật nói chung, phê bình nghệ thuật - trong đó có phê bình điện ảnh, nói riêng.Thêm vào đó, cơ chế, chính sách bằng hành động (chứ không phải bằng lời lẽ) dành cho hoạt động phê bình còn nhiều bất cập, trước hết là các điều kiện hoạt động (tài liệu, tư liệu, nơi đăng tải, kinh phí xuất bản) và các hình thức khích lệ như nhuận bút thì rẻ mạt, khen thưởng thì chập chờn. Như tình hình hiện nay thì trong trước mắt và trong tương lai, phê bình chỉ có thể hoạt động như một nghề nghiệp dư, tay trái. Muốn chuyên nghiệp hóa nghề này, cần phải coi trọng nó trong thực tế, tạo các điều kiện tối thiểu để người làm phê bình có thể trở thành “Nhà” và sống được với nghề.

Phê bình là đồng thời tiến hành “phê” và “bình”. Bởi nghệ thuật điện ảnh, cũng như các nghệ thuật anh em khác, là dạng hình thái ý thức đặc thù, phản ánh cảm nhận và nhận thức cuộc sống bằng ngôn ngữ đặc trưng về cái thật, cái thiện, cái đẹp; nên phê bình điện ảnh có nhiệm vụ giúp nâng tầm nhận thức về đạo đức cũng như thẩm mỹ, bằng cả xúc cảm lẫn lý trí. Cho nên phê bình không thể qua loa, cưỡi ngựa xem hoa, mà phải xem xét, phân tích, đánh giá sai đúng, mạnh yếu một cách thấu đáo, khoa học, sòng phẳng trên cơ sở vun đắp, xây dựng. Toàn bộ động thái phê bình vừa nêu cần được tiến hành trên cơ sở tổng hợp kinh nghiệm

thực tiễn tại chỗ, từ những tác phẩm và tác giả cụ thể, tránh chung chung. Qua đó có thể hệ thống hóa kinh nghiệm, đúc rút những thành tựu, sáng kiến cũng như những nhược điểm nổi bật. Đồng thời với đó, cần gắn tầm nhìn với thực tiễn tiến triển công nghệ được áp dụng chế tác phim, và gắn với các hiện tượng xã hội cùng hiện tượng mỹ học có ảnh hưởng đến tác phẩm.

Phê bình điện ảnh còn là động thái tìm hiểu, phân tích, đánh giá, bày tỏ chính kiến của nhà phê bình đối với hoạt động điện ảnh và tác phẩm điện ảnh. Phê bình điện ảnh là một trong ba phương thức chính để nghiên cứu điện ảnh, bên cạnh lý luận điện ảnh và nghiên cứu lịch sử. Phê bình điện ảnh cũng là một hình thức phê bình học thuật, gắn nghệ thuật điện ảnh với nghệ thuật nói chung, cũng như với mỹ học, triết học, xã hội học cùng các ngành khoa học xã hội nhân văn khác. Công trình phê bình điện ảnh đúng nghĩa, vì thế có vị thế độc lập, có giá trị học thuật xứng đáng; có thể được coi như là một tác phẩm song hành bên cạnh tác phẩm điện ảnh.

Cũng có thể hiểu rằng, phê bình phim chính là miêu thuật, đồng thời là giải nghĩa, đánh giá toàn diện hoặc một mặt nào đó của tác phẩm điện ảnh. Xem phim không chỉ để biết rõ bản thân cấu trúc của phim, mà còn trên cơ sở đó, nắm bắt tường tận về ý nghĩa đích thực của tác phẩm điện ảnh. Như vậy, ý nghĩa của tác phẩm điện ảnh đem lại là vừa do tự nó thực có, vừa do người xem bồi đắp thêm vào. Sự bồi đắp ấy của người xem luôn là nguồn sinh lực sống động và dồi dào, tạo ra sức sống thực sự cho tác phẩm điện ảnh. Phê bình điện ảnh cũng là một khoa học - khoa học nghệ thuật

chuyên biệt. Phê bình tác phẩm điện ảnh, nhà phê bình thường quan tâm đến các khía cạnh của văn học cũng như của ngôn ngữ thể hiện, bao hàm cả các lĩnh vực kỹ thuật liên quan. Đối với công việc phê bình điện ảnh, thông thường người ta còn lưu tâm đến các vấn đề về tính chất, tác dụng cũng như lịch sử phát triển phê bình cùng mô thức phê bình; về nguồn gốc tư tưởng và căn cứ lý luận đối với phương pháp phê bình, trong đó bao gồm mối quan hệ giữa lịch sử điện ảnh với lý luận điện ảnh. Cuối cùng là về thực trạng sáng tác, với những thành tựu cũng như yếu kém của tác phẩm.

Nhiệm vụ của nhà phê bình, như nhiều người nói, không chút đơn giản. Sau khi xem và nắm chắc các khía cạnh của bộ phim, nhà phê bình phải biết cách diễn đạt cảm nhận, nhận thức, quan điểm của mình trước mọi người, trong đó bao gồm cả giới sáng tác phim lẫn công chúng xem phim. Có thể diễn đạt bằng nhiều cách: thuyết minh chuyên đề, trả lời phỏng vấn, trao đổi học thuật hoặc viết công trình, bài phê bình...

Phê bình phim là công việc luôn đi đôi với việc phân tích, đánh giá tác phẩm từ biểu tượng đến cốt truyện. Quá trình phân tích phim là quá trình thường thức và nhận thức tác phẩm điện ảnh được sàng lọc bởi quan niệm sống và cảm xúc thẩm mỹ. Đó cũng là quá trình tìm hiểu thủ pháp, kỹ xảo chế tác phim. Qua phân tích phim, nhà phê bình bổ sung kiến thức về ngôn ngữ điện ảnh (không ngừng được đổi mới), cung cấp lý luận điện ảnh - giúp người đọc nắm bắt tổng thể đối với đặc tính nghệ thuật của điện ảnh.

Nếu việc phân tích phim chỉ tập trung ở mức bình phẩm lịch sử, chính trị, xã hội, văn hóa thì chỉ mới dừng lại ở bề

mặt của vấn đề, chưa tiến sâu vào tầng thực chất của tác phẩm điện ảnh. Phê bình điện ảnh đúng nghĩa là phải trên cơ sở nắm vững bản tính và đặc trưng điện ảnh, mà nhận thức tác phẩm điện ảnh, thông qua mỹ học - lý luận - kỹ thuật cùng thủ pháp thể hiện điện ảnh. Phê bình phim mà không có cơ sở lý luận thì dễ trở thành non nớt, khiên cưỡng. Phê bình phim mà chuyên chú chơi chữ, sử dụng từ ngữ trống rỗng, không đề cập hoặc phát hiện những vấn đề thực chất, cũng sẽ trở nên vô nghĩa. Khi phân tích, chờ phiến diện, chờ chạy theo phương thức lượng hóa các giá trị nghệ thuật theo cách áp đặt thô thiển. Cần tiến hành phân tích sát hợp đối với thủ pháp sáng tác, cũng như đối với nguyên lý tạo hình của tác phẩm điện ảnh cụ thể.

Công trình phê bình phim - nhất là những công trình phê bình được nghiên cứu công phu, có giá trị sẽ giúp tác giả phim rút ra những bài học nghề nghiệp hữu ích, đồng thời giúp công chúng nâng cao khả năng nắm bắt ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật điện ảnh; giúp giải mã những thủ thuật mà tác giả phim đã vận dụng để tạo nên hình tượng nghệ thuật. Nhà phê bình cần cùng rung cảm, cùng sáng tạo với tác giả phim - từ đó góp phần nâng cao trình độ thẩm mỹ của xã hội đối với nghệ thuật điện ảnh.

Nội dung phê bình phim rất phong phú. Người ta có thể đề cập đến đề tài, chủ đề, nhân vật, cấu trúc, xung đột, hệ thống tình huống và chi tiết của câu chuyện phim. Người ta cũng có thể phân tích sâu vào hiệu quả sáng tạo của đạo diễn, quay phim, diễn viên, nhà thiết kế mỹ thuật và các thành phẩm khác trong quá trình chế tác tác phẩm. Người ta còn có thể quan tâm đến hiệu ứng cắt dựng phim (montage),

đến kỹ năng xử lý thời gian và không gian, đến hiệu quả xử lý âm thanh, và cả phong cách thể hiện của phim.

Thực chất, phê bình điện ảnh là cuộc trao đổi học thuật mang tính thực tiễn và khoa học giữa người thưởng thức có nghề với nhà sáng tác điện ảnh. Đó là cuộc trao đổi đòi hỏi sự thẳng thắn và xây dựng, lại phải cụ thể, chính xác và bao quát, khách quan. Nó phải hài hòa giữa trách nhiệm, nhận thức cá nhân nhà phê bình với ý niệm, tác động xã hội. Phê bình điện ảnh, dĩ nhiên phải bám sát thực tiễn hoạt động điện ảnh, đồng thời gắn chặt với lý luận điện ảnh để tạo cơ sở triển khai phê bình.

Từ góc độ nghiên cứu, phê bình điện ảnh có nhiệm vụ phân tích cụ thể và xác định giá trị của một hoặc nhiều tác phẩm điện ảnh mà nhà phê bình quan tâm; trong đó cần xác định những yếu tố chế tác nào đã được tác giả vận dụng và kết quả ra sao, đồng thời cũng cần xác định tác phẩm điện ảnh đã xây dựng được hình tượng nghệ thuật gì, và ảnh hưởng của nó đối với xã hội ra sao.

Như đã đề cập ở trên, cái đẹp là giá trị cốt lõi của tác phẩm điện ảnh, song phê bình báo chí không có điều kiện đi sâu tìm kiếm, phân tích, lý giải cái đẹp một cáchtron vẹn. Phê bình học thuật thì khác. Nó có đủ điều kiện để đàm luận khoa học về phương pháp sáng tác cũng như đặc tính chế tác tác phẩm điện ảnh. Phê bình học thuật đòi hỏi nhà phê bình phải có đầy đủ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn đối với từng lĩnh vực của các chuyên ngành điện ảnh, từ khâu tiền kỳ tới khâu hậu kỳ. Ngoài ra, bởi điện ảnh là nghệ thuật tổng hợp, nên đòi hỏi nhà phê bình còn phải am hiểu trạng thái kỹ thuật chuyên ngành cũng như tình hình

phổ biến phim, trong đó bao hàm những vấn đề liên quan đến khán giả.

Mặt khác, cũng cần nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của lý luận điện ảnh và lịch sử điện ảnh đối với phê bình điện ảnh. Phê bình điện ảnh cùng với lý luận điện ảnh và lịch sử điện ảnh hình thành khuôn khổ đặc trưng cho nghiên cứu điện ảnh. Phê bình điện ảnh có tác dụng gắn kết lý luận điện ảnh với lịch sử điện ảnh, và tạo mối quan hệ tương hỗ với sáng tác - chế tác tác phẩm điện ảnh, cũng như với công chúng xem phim.

Mối quan hệ giữa phê bình điện ảnh với sáng tác điện ảnh là mối quan hệ song chiều, vừa bị động vừa chủ động. Vì có tác phẩm mới có phê bình, và phê bình luôn tách biệt với sáng tác. Nếu phê bình đạt chuẩn, phê bình sẽ có tác dụng hữu ích đối với sáng tác, sẽ đánh giá đúng đắn giá trị thực có của tác phẩm điện ảnh, soi xét mức độ thành bại của tác giả phim, đồng thời rút ra những quy luật sáng tạo mà tác giả phim đã chủ động hoặc “vô tình” tạo nên. Đồng thời, nhà phê bình còn có thể phân tích làm nổi bật bản chất cái đẹp cụ thể mà tác phẩm điện ảnh đạt tới.

Hình thức phê bình điện ảnh thường thấy là phân tích, bình luận, đánh giá, mổ xẻ tính văn học cùng tính điện ảnh của tác phẩm điện ảnh. Một nhà mỹ học Nga viết: “Bình phẩm không tự nó tạo ra giá trị, nhưng giá trị phải thông qua bình phẩm mới thấy rõ” là như thế. Không có lao động, sáng tạo của nhà phê bình, công chúng xem phim sẽ khó có điều kiện thấu hiểu, thậm chí có khi không hiểu đúng tác phẩm điện ảnh.

Một trong những giải pháp hữu ích và hiệu quả nhằm nâng cao trình độ thưởng thức phim là nghiên ngẫm các tác

phẩm phê bình phim. Tác giả phim nghiên ngẫm các tác phẩm phê bình phim còn là để nhận thức rõ giá trị thực sự của tác phẩm điện ảnh, nhận ra một cách khách quan những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của chính mình, để không ngừng vươn lên. Từ đó, nhà sáng tác có thêm dữ liệu để định vị công việc của mình, tự tin phát triển. Do phê bình điện ảnh có tác dụng hữu ích như vậy đối với tác giả phim lẫn công chúng xem phim nên nó có tác dụng tích cực thúc đẩy phương hướng phát triển đối với văn hóa điện ảnh. Cũng chính vì thế, người ta nói rằng phê bình điện ảnh là cây cầu hợp lưu tác giả với khán giả. Một trong những chức nghiệp quan trọng của nhà phê bình điện ảnh là tiến hành tổng kết thực trạng và đề ra những ý tưởng mang tính hướng đạo. Theo đó, phê bình điện ảnh còn mang các đặc điểm nghiên cứu lý luận và nghiên cứu lịch sử điện ảnh. Giới phê bình điện ảnh gánh một phần quan trọng trách nhiệm trước khả năng trưởng thành, tiếp nhận tác phẩm điện ảnh của người xem. Bởi phê bình điện ảnh có thể định hướng đúng đắn, cũng có thể định hướng sai lầm.

Đứng trước trọng trách nghề nghiệp, nhà phê bình điện ảnh dĩ nhiên phải nhận thức đầy đủ nghĩa vụ của mình, phải bằng tri thức và kinh nghiệm chuyên môn của mình, phát ngôn một cách chân xác, với thái độ thẳng thắn, công bằng và xây dựng nhằm đem lại lợi ích cho tác giả phim, cho công chúng xem phim và cho hoạt động sáng tác, phổ biến điện ảnh của đất nước nói chung.

Đặc điểm của tác phẩm nghệ thuật nói chung, tác phẩm điện ảnh nói riêng là coi hiện thực như một đối tượng siêu nghiêm. Tác phẩm ôm chứa một cuộc sống siêu thực - một

thứ hiện thực thứ hai có bản chất và dạng thức tương đồng, chứ không hoàn toàn khớp hợp với hiện thực gốc. Nhiệm vụ của phê bình, vậy là, còn phải so sánh, đối chiếu, bình phẩm hiện thực tác phẩm với hiện thực đời sống một cách tinh tế, khách quan, chính xác để làm nổi rõ thành tựu cũng như khiếm khuyết của tác phẩm. Từ đó tác động, điều chỉnh nhận thức chuyên môn, nâng cao chất lượng sáng tác.

Do những đòi hỏi khách quan nói trên, nhà phê bình điện ảnh cần nắm vững các chức năng nền tảng của tác phẩm điện ảnh là giáo dục (đạo đức và kiến thức), thẩm mỹ, giải trí. Trên cơ sở đó, nhà phê bình khi viết phải có trách nhiệm, không dùng ngòi bút cảm tính, không theo thói quen và gu thưởng thức riêng mà bỏ qua những đòi hỏi nghề nghiệp cần thiết trong việc đánh giá tác phẩm điện ảnh. Bài phê bình, trước tình huống cần đấu tranh, định hướng, thì phải có tính luận chiến, phân biệt rõ trắng đen, cao thấp.

Phê bình điện ảnh, như đã nói, luôn gắn với lý luận điện ảnh và luôn dựa vào lý luận điện ảnh để có cơ sở khoa học bình phẩm vững chắc. Tuy nhiên, phê bình điện ảnh không lạm dụng và thay thế lý luận điện ảnh. Phê bình và lý luận điện ảnh là hai lĩnh vực riêng biệt, tương ứng và hỗ trợ nhau. Trong khi lý luận điện ảnh quan tâm đến những vấn đề khái quát có tính quy luật cùng đặc điểm loại hình của tác phẩm, từ đó biện luận và phân tích học thuật; thì phê bình điện ảnh hướng về phân tích nghệ thuật thể hiện của tác phẩm cụ thể và đánh giá giá trị chi tiết của chúng. Nói cách khác, phê bình điện ảnh thường để tâm hơn đến các tiểu tiết cụ thể của hiện tượng điện ảnh. Trong lúc đó, lý luận điện ảnh coi trọng hơn các yếu tố bao quát cùng các quan niệm

trừu tượng về điện ảnh, từ đó tiến hành khảo sát các quan điểm và khái niệm có sẵn, đề ra những quan điểm và khái niệm mới. Phê bình điện ảnh không coi việc phân tích các quan điểm và khái niệm là nội hàm nhiệm vụ chính của mình, mà chỉ vận dụng chúng. Như vậy, trong lúc lý luận điện ảnh bỏ qua các yếu tố của thực tế điện ảnh, thì phê bình điện ảnh lại coi thực tế điện ảnh là mục tiêu của mình.

Trong lịch sử lý luận điện ảnh, người ta đã phải mất nhiều thập niên mới có thể từng bước giải mã các khái niệm. Nhiều nhà lý luận điện ảnh tiến tới nhận thức điện ảnh trên cơ sở của thuyết bản thể, chủ yếu dựa vào hiệu quả điện ảnh tác động đến thực tiễn xã hội, góp phần khai mở xã hội và được xã hội thúc đẩy phát triển như thế nào. Số khác thì tiếp cận bằng con đường quan sát bản chất nội tại của điện ảnh. Sự khác biệt từ điểm xuất phát này đã dẫn hai dòng lý luận của phương Tây và phương Đông đi về hai ngả khác biệt nhau. Phương Tây khởi đầu từ tâm lý học để nhận thức điện ảnh, phương Tây chú trọng khai thác các quy luật tư duy, biểu đạt, tiếp nhận. Trong lúc đó, phương Đông quan tâm đến tác dụng truyền bá đạo đức, khai mở tri thức của điện ảnh hơn. Nhiều học giả điện ảnh phương Tây kiên trì tách biệt hiện tượng với thực tế, tinh thần với vật chất. Phương Đông thì lại duy trì nguyên tắc tư duy khác - dựa trên thực tiễn đời sống và xã hội, đề cao tư tưởng hợp nhất cộng đồng giữa con người với trời đất, giữa tâm với vật, đồng thời không chấp nhận sự chia tách hiện tượng với thực thể, tinh thần với vật chất. Phần lớn nhận thức của phương Tây về điện ảnh xuất xứ từ tổng hợp kinh nghiệm của điện ảnh thương mại, do đó màu sắc mỹ học của nó không tránh khỏi mang đậm

dấu ấn thực dụng. Còn phương Đông lại chú tâm vào công năng xã hội cũng như giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Và cả hai, trong thực tế, đều gắn liền với các nguyên tắc cơ bản của lý luận điện ảnh hiện đại. Lý luận điện ảnh hiện đại lại luôn gắn chặt với quá trình phát triển của xã hội. Do đó sự đa dạng và phức tạp của xã hội đã chi phối sự đa dạng và phức tạp của lý luận điện ảnh. Như vậy, đặc trưng cơ bản của lý luận điện ảnh phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử và điều kiện xã hội sinh ra nó. Chính đó là cơ sở để phê bình điện ảnh cất lên tiếng nói mang tính đại chúng của mình.

Về giải pháp thúc đẩy hoạt động phê bình đối với chuyên ngành điện ảnh, xin đề nghị:

1. Để chỉnh đốn, phát triển thực chất hoạt động phê bình phim chuyên nghiệp cũng như phê bình phim công luận, trước hết cần đặc biệt quan tâm đến đội ngũ những người làm phê bình điện ảnh. Trong đó, việc tiếp tục đào tạo chính quy chuyên ngành lý luận, phê bình điện ảnh có ý nghĩa quan trọng lâu dài. Hoạt động điện ảnh nước ta trước mắt cũng như lâu dài, cần những cây bút phê bình chuyên nghiệp. Với lực lượng hiện có, nên được tập hợp lại theo những phương thức phù hợp, trước hết trong tổ chức của Hội điện ảnh và tăng cường hoạt động. Với lực lượng đông đảo phóng viên văn hóa - nghệ thuật thuộc các tạp chí và báo chí, cần mở các khóa bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về điện ảnh ngắn ngày, theo các dạng thức thích hợp.

2. Để tạo cơ sở lý luận, từ đó hỗ trợ công tác phê bình điện ảnh, cần xây dựng hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ phù hợp với thời đại ngày nay, trong đó chú trọng cả hình ảnh động lẫn âm thanh. Để đáp ứng nhu cầu người xem trong và ngoài

nước, cần đề cao tiêu chí bản sắc dân tộc cũng như tạo được tiếng nói chung đối với nhân loại.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các Sở Văn hóa và Thể thao cần tăng cường bám sát hoạt động thực tế một cách kịp thời, xử lý rõ rào các vướng mắc phát sinh, quản lý và hỗ trợ thiết thực cho hoạt động chuyên ngành cũng như cho công tác phê bình điện ảnh.

4. Cần có chế độ (kèm kinh phí) định kỳ bồi dưỡng nghiệp vụ bằng các cuộc gặp gỡ trao đổi, tọa đàm, hội thảo, tham quan liên quan đến nghề nghiệp ở trong và ngoài nước cho những người làm phê bình.

5. Tạo điều kiện cho các nhà phê bình điện ảnh học hỏi, rút kinh nghiệm và có tiếng nói qua hoạt động thực tiễn của các đoàn làm phim.

6. Có biện pháp làm cho trong giới cũng như ngoài giới thống nhất quan điểm về tầm quan trọng và sự cần thiết của lý luận, phê bình đối với hoạt động nghệ thuật, trong đó có điện ảnh.

7. Xác định phương hướng, mục tiêu chung trong từng thời kỳ cho công tác phê bình văn học, nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật điện ảnh.

8. Có chính sách riêng đối với công tác phê bình: quy định chế độ cung cấp tài liệu, thông tin, dàn trang đăng bài phê bình trên các tạp chí và các báo, cũng như quy định về chế độ nhuận bút tối thiểu.

9. Chú trọng chế độ khen thưởng công trình và bài báo theo định kỳ và đột xuất ở các cấp.

10. Nghiên cứu đề ra chế độ danh xưng danh dự cho nhà phê bình có thành tích như giới sáng tác (chẳng hạn Nhà phê bình Ưu tú, Nhà phê bình Nhân dân).

PHÊ BÌNH ĐIỆN ẢNH HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. NGÔ PHƯƠNG LAN

Trong 10 năm trở lại đây, ngành điện ảnh Việt Nam được đánh giá là có những bước phát triển rõ rệt. Xã hội hóa hoạt động điện ảnh hiệu quả, số lượng phim được sản xuất từ nguồn vốn tư nhân chiếm tỷ lệ áp đảo. Thị trường tăng trưởng nhanh (thậm chí tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 20% là tăng trưởng “nóng” so với tốc độ phát triển của thị trường điện ảnh thế giới). Số lượng phim ra rạp nhiều gấp vài lần so với cách đây 10 năm, trong đó một số phim lập kỷ lục doanh thu, ngang ngửa so với các “bom tấn” của Hollywood. Vậy có hay không mặt trái của sự phát triển và mặt trái đó như thế nào, có liên quan gì đến thực trạng của phê bình điện ảnh không?

Thực trạng bao trùm: Phê bình điện ảnh vắng bóng

Phê bình văn học, nghệ thuật lâu nay vẫn bị xem là yếu, nhưng có lẽ yếu nhất là phê bình điện ảnh. Đặc biệt là trong mười năm trở lại đây, dường như thị trường điện ảnh càng lên thì phê bình càng đi xuống! Cách đây hai chục năm trở về trước, mỗi bộ phim ra đời là có những bài phê bình đăng

trên các báo, tạp chí chuyên ngành như *Tạp chí Điện ảnh* (sau là *Nghệ thuật Điện ảnh* và giờ là *Thế giới Điện ảnh*), báo *Màn ảnh Sân khấu*, *Tạp chí Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh*, tạp chí *Điện ảnh Kịch trường* (bây giờ là *Điện ảnh Việt Nam*) và một vài tờ báo như *Văn nghệ*, *Văn hóa...* Điều đáng nói là giới làm nghề và không ít người yêu điện ảnh thường chờ đợi, quan tâm đến bài viết, nhiều bộ phim có ý kiến trao đổi đổi lại rôm rả. Theo đó, người viết phê bình cảm thấy được sẻ chia nên hào hứng làm nghề, còn người làm phim thì có thể vui hoặc buồn, vừa lòng hoặc chưa vừa lòng nhưng cũng thấy được sự quan tâm của giới nghệ nghiệp và sẽ tiếp tục hòa theo dòng chảy nghề nghiệp.

Kể từ khi bước vào cơ chế thị trường, điện ảnh không thể “ung dung” như thời bao cấp. Cơn sóng “phim thị trường” kéo theo xu hướng thương mại hóa điện ảnh, và phê bình điện ảnh cũng không thể giữ nhịp độ như trước đây. Số lượng đầu báo và tạp chí tăng lên chóng mặt, gấp hàng chục lần so với trước. Mục Điện ảnh được đưa trên nhiều trang báo, nhưng chủ yếu như một cái “mồi” để câu khách. Hiếm có những bài phê bình phim thực sự mà chủ yếu là khai thác chuyện hậu trường, chuyện đời tư, nếu có viết về phim thì thường là những bài giới thiệu qua loa và chủ yếu là “lăng xê”, quảng cáo.

Các tạp chí chuyên ngành không còn được “bao cấp” nên thật sự khó khăn, phải tự xoay xở trong cơn lốc thị trường. Tuy nhiên, nguyên nhân chính của sự thua thoát rồi vắng bóng dần của phê bình điện ảnh là số lượng bài viết trên các tạp chí so với số bài trên các báo ngày càng như muối bỏ bể.

Hơn nữa, báo đã nhiều lại ra hằng ngày, hằng tuần, cho nên các bài báo về phim ảnh hầu như áp đảo cả về số lượng, cường độ và tốc độ so với các bài phê bình phim chỉ được đăng thưa thớt mỗi tháng một lần trên các tạp chí. Các bài phê bình điện ảnh rất khó có thể tạo được tiếng vang giữa rừng bài đủ màu, đủ vị về điện ảnh!

Còn nhớ cách đây mười lăm năm, tôi được bầu là Trưởng ban Lý luận, phê bình của Hội Điện ảnh Việt Nam, và Ban Lý luận, phê bình đã đề xuất với Lãnh đạo Hội các hoạt động như sau: Mỗi năm tổ chức một Hội thảo nghề nghiệp ở phía Bắc, một ở phía Nam để đưa ra những nhận định, đánh giá thực trạng điện ảnh nhằm nâng cao chất lượng sáng tác, đóng góp ý kiến vào hướng đi của điện ảnh Việt Nam trong bối cảnh xã hội hóa và hội nhập quốc tế; Có ý kiến chính thức trước dư luận về những vấn đề gây tranh luận của điện ảnh khi cần thiết; Đề nghị thành lập Câu lạc bộ Báo chí phê bình điện ảnh tập hợp các nhà báo chủ chốt hoặc chuyên viết về điện ảnh ở các báo, tạp chí và duy trì sinh hoạt thường xuyên giữa Ban và Câu lạc bộ nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp điện ảnh trong hoạt động lý luận, phê bình điện ảnh trên báo chí trong và ngoài ngành điện ảnh; Đề nghị cho bình chọn Giải *Báo chí phê bình điện ảnh cho phim truyện nhựa hay nhất trong năm* như một Giải chính thức trong khuôn khổ Giải Cánh diều.

PGS.TS. Trần Luân Kim vốn là nhà lý luận, phê bình điện ảnh nên rất ủng hộ hoạt động của Ban, nhiều lần ông cùng tôi chủ trì các hội thảo. Giải *Báo chí phê bình điện ảnh cho phim truyện nhựa hay nhất năm* do Tạp chí *Thế giới*

Điện ảnh chủ trì cùng Ban của chúng tôi đã thu hút được nhiều nhà báo là những cây viết uy tín về điện ảnh ở các báo lớn và duy trì được khoảng chục “mùa Cánh diều”. Tiếc rằng vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, cho đến nay Giải không còn tiếp tục.

Tất nhiên, không thể nói rằng Giải *Báo chí phê bình điện ảnh* quyết định sự phát triển của phê bình điện ảnh, nhưng đó có thể xem là “dấu hiệu” của một trong những hoạt động phê bình điện ảnh rộng rãi, có tác động ít nhiều đến sự quan tâm đến việc “hành nghề phê bình” của một số nhà báo hay viết về điện ảnh hoặc thực trạng văn học, nghệ thuật. Và giải này có thể trùng ít nhiều với giải Cánh diều, nhưng tổng kết lại thì thấy chủ yếu là không trùng, cho thấy một cách đánh giá khác của các cây bút từ các báo, cũng đáng để những người làm nghề điện ảnh tham khảo.

Nhìn một cách thẳng thắn thì trong những năm gần đây, hoạt động phê bình điện ảnh càng thêm trầm lắng, thậm chí có thể nói là vắng bóng. Mỗi năm có đến bốn chục bộ phim truyện điện ảnh ra đời, mỗi lần phim ra rạp, nhất là phim “thương mại”, là một lần “tưng bừng” từ rạp chiếu phim đến mặt báo. Sự tưng bừng ấy không liên quan đến chất lượng phim mà chủ yếu phụ thuộc vào kinh phí nhiều hay ít của nhà sản xuất - phát hành phim, vào sự “ra tay” mạnh hay yếu của đội ngũ “PR”. Đáng mừng với những phim có chất lượng tương đồng với sự “PR” rầm rộ, tạo nên làn sóng khán giả và đem về doanh thu lớn cho nhà sản xuất - phát hành. Nhưng cũng thật buồn và ê chề cho những phim yếu kém, ra rạp ồn ào và lập tức bị phản ứng vì

“treo đầu dê bán thịt chó”. Cũng có những bộ phim ra đời kéo theo dư luận ồn ào, trái chiều, người khen kẻ chê, người tâng bốc kẻ hạ bệ, thậm chí có trường hợp vì lý do nào đó (có thể ngoài tác phẩm), một số tờ báo và mạng xã hội lao vào “đánh hội đồng” khiến cho công chúng hoang mang, chẳng biết đâu là thật, là giả! Điều đáng buồn nhất là chẳng mấy khi thấy ý kiến của các nhà phê bình, mà giả như có nhà phê bình nào lên tiếng thì có thể sẽ bị bủa vây, làm sao có thể trụ vững được trong cơn lốc của dư luận, của các “anh hùng bàn phím”?

Vì vậy, sự ngủ yên và vắng bóng của phê bình điện ảnh cũng là điều không mấy khó hiểu trong bối cảnh thị trường điện ảnh đang phát triển nóng và chưa có đủ sự tĩnh tâm, suy ngẫm.

Nguyên nhân sự yếu ớt của phê bình điện ảnh

Phải thẳng thắn nhận là đội ngũ phê bình điện ảnh rất thiếu. Đầu tiên xin đề cập đến việc đào tạo phê bình điện ảnh. Thế kỷ trước, thỉnh thoảng có 1-2 sinh viên được tuyển vào học ngành Điện ảnh học (Lý luận, phê bình điện ảnh) tại Trường Đại học Điện ảnh quốc gia Liên Xô cũ (VGIK), tổng số người được đào tạo ở đây khoảng gần hai chục; số người học ở Trường Đại học Điện ảnh Babelsberg (Cộng hòa Dân chủ Đức cũ) còn ít hơn, chỉ có một người! Những người được đào tạo ở nước ngoài về nước từng hành nghề trong thời điểm thuận lợi hơn bây giờ, khi ngành điện ảnh nói riêng và xã hội nói chung quan tâm hơn đến lý luận, phê bình điện ảnh. Tuy nhiên, có ít nhiều đáng tiếc là

một số người được đề bạt vào vị trí phụ trách các trường Điện ảnh, Viện lưu trữ phim, Hãng phim, Cục Điện ảnh... nên họ không còn nhiều thời gian và sức lực cho hoạt động phê bình điện ảnh.

Về đào tạo trong nước, cả nước chỉ có một cơ sở đào tạo chuyên ngành Lý luận, phê bình điện ảnh chính quy duy nhất là Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội. Tuy nhiên, đây là chuyên ngành ít sinh viên đăng ký học nhất, đã có những khóa trường không thể tuyển sinh vì quá ít ứng viên. Gần đây, mùa tuyển sinh năm 2019 chỉ tuyển được có 3 sinh viên, cuối cùng trường phải hoãn khóa học này. Hơn nữa, sinh viên Lý luận, phê bình điện ảnh sau khi học xong khó có thể sống được bằng nghề nên họ phải linh hoạt tìm cho mình các công việc phụ mà không thể chuyên tâm vào phê bình điện ảnh, hoặc chuyển sang làm việc khác. Theo đó, trong vài thập kỷ qua, rất hiếm thấy cây bút phê bình điện ảnh nào xuất thân từ các trường Điện ảnh khẳng định được tên tuổi.

Thứ hai là sự “lẩn át” của báo chí truyền thông trong thời kỳ “thị trường” như đã trình bày ở trên, và đó có thể xem là nguyên nhân khách quan dẫn đến sự lép vế của phê bình điện ảnh.

Nhưng thứ ba, nguyên nhân chủ quan và có lẽ lại là mấu chốt nhất, đó là sự ngại ngùng, thậm chí là thiếu bản lĩnh của những người viết phê bình điện ảnh. Nhìn chung, phê bình cần một sự thẳng thắn và dám đi tới cùng để bảo vệ cái chuẩn. Nhưng nếu như “thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng” là câu tục ngữ tất cả mọi người đều thuộc bởi nó đúng trong cuộc

sống hằng ngày thì phê bình thực sự không chỉ làm “mất lòng” mà có khi còn “gây thù chuốc oán”! Với các ngành văn học, nghệ thuật khác đều như vậy, với điện ảnh có thể độ “gay cấn” còn cao hơn nhiều, bởi một bộ phim làm ra là tốn cả chục tỉ đồng. Cho nên, nói cho vui một chút, nhà phê bình nào “trót” thảng thắn chê phim cũng có thể gặp phải tình huống sau: “Con tao là con vàng con bạc, ai cho mày chê con tao! Mày chê con tao là đúng đến hầu bao của tao, tao sẽ cho mày biết tay”! Khi đó, liệu mấy người viết phê bình dám đương đầu?

Thảng thắn mà nói, ngay bản thân tôi, bảy, tám năm trước, hằng tháng vẫn đều đặn viết bài phê bình phim. Từ khi làm quản lý ngành điện ảnh, vì rất nhiều lý do chủ quan và cũng vì bận rộn nên đã gần như không thể viết được. Lâu không viết phê bình sẽ ngại ngần, sẽ không muốn va chạm. Và, một nguyên nhân sâu xa dường như đôi lúc bản thân tôi thấy “bất lực” trước sự quay cuồng của dư luận theo xu hướng thương mại hóa.

Trở lại vấn đề đặt ra ở đầu bài viết: mặt trái trong sự phát triển của điện ảnh có liên quan đến sự yếu ớt và vắng bóng của phê bình điện ảnh không và hậu quả như thế nào? Tôi cho rằng khi phê bình điện ảnh ngủ quên và bị bỏ quên sẽ góp phần làm cho xu hướng thương mại hóa các giá trị của điện ảnh - trong đó có tư tưởng, thẩm mỹ và nghệ thuật - ngày càng trầm trọng, kéo theo sự lệch chuẩn, đánh mất định hướng phát triển.

Về giải pháp, cần phải tập trung thúc đẩy sự phát triển của phê bình từ xây dựng hệ thống chuẩn giá trị thẩm mỹ đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ viết phê bình,

đến các chế độ, chính sách đai ngộ, hệ thống giải thưởng... Muốn giải pháp có hiệu quả thì phải đồng bộ, đồng bộ từ các cấp lãnh đạo đến các trường, viện, hội nghề nghiệp, các tòa soạn báo phải có sự quan tâm, coi trọng hoạt động phê bình và người làm phê bình. Nhưng điều quan trọng nhất là phải tạo được sự hào hứng và yên tâm cho người viết phê bình, để họ không quá lo lắng mưu sinh, không bị áp lực của sự cô đơn, lẻ loi trước những cơn bão dư luận hoặc những cuộc “đánh hội đồng” khi người viết lên tiếng bảo vệ “chuẩn giá trị”! Chỉ khi người viết phê bình không “bị bỏ quên” thì chúng ta mới có thể đánh thức phê bình điện ảnh khỏi sự “ngủ quên”!

“BẠC PHẬN” LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH MÚA

THANH HOA

Có lẽ câu cửa miệng của bất cứ văn nghệ sĩ hay nhà hoạt động nghệ thuật nào khi nhắc đến lĩnh vực lý luận, phê bình đều bình phẩm một câu muôn thuở: “yếu và thiêng”. Đó là một thực trạng hiện hữu của giới văn học, nghệ thuật nói chung và đặc biệt trong nghệ thuật múa thì vấn đề lý luận, phê bình càng trở nên khủng hoảng.

Có rất nhiều nguyên nhân tồn tại sự yếu và thiêng này, như: Thiếu nguồn nhân lực lý luận, phê bình; do cơ chế, chính sách; hoặc do chính năng lực nội tại của người làm lý luận, phê bình.

Có thể phải khẳng định rằng nguồn nhân lực lý luận, phê bình múa của chúng ta đang thiếu trầm trọng.

Nhìn lại cơ cấu nhân sự tại các Đoàn, các Nhà hát và các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, chúng ta thấy có đầy đủ các bộ phận hành chính, quản trị... hoặc đối với các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang có nhân sự phụ trách công tác chính trị nhưng tuyệt nhiên không có biên chế nào dành cho lĩnh vực lý luận, phê bình nghệ thuật.

Còn trong thời điểm hiện tại, người đang “đứng mũi chịu sào” đảm đương nhiệm vụ “phát ngôn lý luận, phê bình” cho

ngành múa chính là PGS.TS. NSND. Ứng Duy Thịnh - Phó Chủ tịch Thường trực Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam, Trưởng ban Lý luận, phê bình, Tổng Biên tập tạp chí *Nhịp Điệu*... Điều thôi thúc khiến ông viết nhiều ngoài nhu cầu tự thân muốn chia sẻ những kinh nghiệm, trải nghiệm nghề nghiệp thì lý do cao hơn đó là nhiệm vụ, là nghĩa vụ, là trách nhiệm của ông đối với ngành nghề... Bởi vì, đối với cơ quan cấp trên (Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương; Liên hiệp các Hội Văn học, nghệ thuật Việt Nam), ông là người duy nhất được giao trọng trách đại diện cho ngành phụ trách công tác lý luận, phê bình múa, là người phát ngôn tiếng nói của ngành, của nghề trước cơ quan Đảng, Nhà nước. Vốn là một nghệ sĩ đã kinh qua nhiều công việc khác nhau, từ biên đạo, sáng tác, giảng dạy và quản lý... và là một nghệ sĩ có khả năng diễn đạt bằng ngũ văn, cũng là người có cá tính thẳng thắn, không ngại đụng chạm, tranh luận..., ấy vậy nhưng khi tâm sự thật lòng ông vẫn thở dài ngao ngán vì chưa được nói thẳng, nói thật hết mọi sự “mắt thấy tai nghe”.

Số lượng nghệ sĩ sáng tạo, nghệ sĩ biểu diễn múa của nước ta hiện nay rất hùng hậu, đông đảo và ngày càng xuất hiện nhiều nghệ sĩ trẻ tài năng cả về tư duy sáng tạo và tư duy biểu diễn, thế nhưng lại rất hiếm nghệ sĩ múa, đặc biệt là nghệ sĩ trẻ quan tâm đến chuyện viết bài cho múa chứ chưa bàn tới chuyện viết lý luận, phê bình. Và vô hình trung, những cây bút nhiệt tình, năng nổ góp tiếng nói cho ngành lại là những nghệ sĩ múa lão thành.

Đối với ngành múa những năm về trước, nhiều bạn đọc đã quen thuộc với những bài viết sắc sảo, sâu sắc, đậm chất

thực tế của hai nhà lý luận Thái Phiên và Hùng Thoan, thì nay hai cây bút này cũng dần thưa vắng.

Vậy là nhiều bài viết về múa được đăng trên văn đàn của tạp chí *Nhịp Điệu* hiện nay đều do các nghệ sĩ tay ngang hoặc các nghệ sĩ đã hết tuổi lao động “lui về ở ẩn”, thỉnh thoảng tham gia cho vui nên phần lớn các bài viết dừng lại ở mức ký ức, kỷ niệm, kinh nghiệm...

Chúng ta đều biết và đều hiểu lý luận, phê bình phải được đúc rút trên cơ sở thực tiễn chứ không phải là thứ lý luận suông, lý luận phi thực tế thì át hẳn sẽ khó lòng thuyết phục được bạn nghề và độc giả.

Nhưng thực tiễn đó lấy ở đâu ra? Tất nhiên là đòi hỏi tự thân người viết phải có sự kết nối nhất định, phải tìm cách để có thể tiếp cận được với sự kiện, sự việc hay những kỳ cuộc có múa tham gia.

Song, đặt giả sử có đủ nguồn tin về cuộc biểu diễn (ví dụ: một buổi biểu diễn do Nhà hát bán vé); hiểu rằng với cơ chế tự chủ của nhiều đơn vị nghệ thuật như hiện nay thì chuyện mở lời “xin không” một tấm vé đi xem cũng thật “trơ trẽn”... còn nếu cân nhắc lại để tự bỏ tiền túi ra mua vé đi xem với mức giá thấp nhất (khoảng 200.000 đ), hạch toán ra nếu xem chương trình biểu diễn hay ho, có cảm hứng, cảm xúc suôn sẻ để viết bài thì coi như không vấn đề gì, viết được một bài đăng trên tạp chí *Nhịp Điệu*, với cơ chế nhuận bút như hiện tại, thấp nhất cũng được 327.000đ/bài. Tính chi li ra, trừ tiền vé đi xem, trừ chi phí xăng xe, không tính tiền công người viết coi như vẫn còn dư gần trăm bạc - không lố vốn bỏ ra. Phải nói lại, đây là bài viết suôn sẻ, phản ánh đưa tin về buổi biểu diễn chứ chưa bàn tới chuyện nếu buổi biểu diễn đó

không hiệu quả và có những vấn đề trái chiều cần phải tranh luận về nghệ thuật thì có lẽ đằng sau nó là cả một câu chuyện dài. Đây mới là câu chuyện đi xem một buổi biểu diễn tại một địa điểm thuận lợi gần nơi sinh sống của tác giả.

Nói đến đây, tôi lại nghĩ tới tâm sự của một nhà báo nọ, chuyên phụ trách, theo dõi mảng văn hóa, văn nghệ. Qua nhiều kỳ cuộc theo dõi một cuộc thi múa của thành phố Hà Nội, chị nhận ra trong cuộc thi này có nhiều vấn đề băn khoăn, trăn trở muốn nói, muốn viết nhưng lại e ngại nếu viết ra sẽ làm phật ý nhiều nghệ sĩ tin tưởng, gửi gắm, trông chờ sự cổ vũ, ủng hộ từ phía báo chí truyền thông như báo chí... Sau một hồi đắn đo, tâm sự, được sự động viên của tôi rằng ngành múa chúng tôi đang rất cần những bài viết lập luận mang tính phản biện..., cuối cùng chị cũng gửi tới tôi một bài để đăng trên tạp chí *Nhip Diệu* nhưng vẫn không quên dặn lại: em để bút danh gì cũng được nhưng xin em đừng để tên thật của chị. Kể ra câu chuyện này để chúng ta thấy rằng đối với một nhà báo không chuyên sâu về múa, không phải người của ngành múa mà khi muốn nói, muốn viết còn bao nỗi niềm đắn đo, trăn trở, còn ngần ngại nhiều nỗi thì thử hỏi những người chuyên hoạt động múa được mấy ai dám đối diện với thực tế.

Có lẽ trong ngành múa, không ai còn xa lạ với tên tuổi của nhà lý luận, phê bình Thái Phiên - một cây bút hoạt động nồng nỗi, nhiệt tình, một cây bút sắc bén với nhiều bài viết mang tính phê bình không ngại sự đối đầu, không ngại điều tiếng trong những năm qua. Song cũng phải thấy rằng bản thân ông trước khi đảm nhiệm chức vụ Tổng Biên tập tạp chí *Nhip Diệu*, ông không phải là người được trả lương để làm

công tác lý luận, phê bình múa. Sở dĩ ông có thực tiễn sinh động khi viết bài bởi ông nguyên là một chuyên viên nghệ thuật tại Cục Nghệ thuật biểu diễn nên có cơ hội được “mục sở thị” nhiều kỳ cuộc hội diễn, liên hoan do Cục và Bộ Văn hóa tổ chức... Như vậy lợi thế để sát sao thực tiễn nghệ thuật múa của ông là do tính chất công việc tại đơn vị công tác.

Nhưng gần đây, những bài viết của ông cũng dần thưa vắng. Một phần do sức khỏe, phần nữa là khi đã lui về hậu trường, không được tham gia theo dõi các kỳ cuộc... và hơn nữa sau một thời gian bôn ba, trách nhiệm, trăn trở với nghề, sau những bài viết tranh luận thắng thắn thì kết quả là cũng chẳng ai chịu tiếp thu, lắng nghe mà ngược lại còn bị không ít kẻ dè chừng, ghét bỏ... Ngán ngẩm, cảm cảnh và hơn nữa muốn tuổi già được an nhiên, thanh thản nên ông cũng dành “rửa tay gác kiếm”.

Nhân đây cũng xin được kể thêm một câu chuyện của cá nhân tôi - một biên tập viên kiêm phóng viên tin bài ảnh của Tạp chí và có lẽ cũng là người chính thức cho đến giờ phút này được đào tạo, được Hội nghệ sĩ Múa Việt Nam trả lương để làm công tác viết lách - báo chí. Song như vậy không có nghĩa là kỳ cuộc nào do Cục Nghệ thuật biểu diễn, do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc lực lượng vũ trang tổ chức, Tạp chí chúng tôi cũng có điều kiện để bám sát, đưa tin bởi còn nhiều vướng mắc về tài chính - kinh tế.

Cuộc thi, hội diễn nếu được tổ chức tại Hà Nội thì không vấn đề gì nhưng nếu được tổ chức tại một địa phương khác có nghĩa là để được tham dự một kỳ cuộc sẽ kéo theo bao nhiêu chi phí ăn, ở, đi lại... Đổi lại, sản phẩm thu lại nhiều khi cũng chỉ là một bài viết và liệu nó có đóng góp gì cho ngành

nghề hay không sau bài toán hạch toán kinh tế như vậy? Và nếu bài viết có đóng góp hữu ích thì những luận điểm trong đó có nhận được sự chia sẻ, lắng nghe của những người làm nghề hay không lại là một câu chuyện khác.

Một trường hợp khác, Tạp chí chúng tôi được tạo mọi điều kiện, được dài thọ mọi khoản chi phí để theo dõi, viết bài cho cuộc thi, hội diễn do Cục, do Bộ hoặc Hội múa tổ chức... Nhưng trong chính cuộc thi do cơ quan, đơn vị chủ quản tổ chức, chúng tôi phát hiện ra rằng còn quá nhiều khiếm khuyết, bất cập về khâu tổ chức, về chất lượng nghệ thuật, về bao nhiêu vấn đề đằng sau đó. Biết viết sao đây: Khen ư - lương tâm không cho phép, chê ư - cũng không dành lòng, như thế có khác nào “gậy ông đập lưng ông”, ai lại nỡ buông lời chê bai chính người đã chăm lo, tạo điều kiện cho mình... thật nhiều nỗi trăn trở, đắn đo... cân nhắc từng câu, từng chữ, dần vặt đến mắt ăn mắt ngủ... phải khen sao cho đúng mực, lựa lời chê thế nào để nhà tổ chức không phật ý, mất lòng, để lần sau họ còn “mở lối” cho mình cơ hội đi tiếp, viết tiếp.

Có lẽ các nghệ sĩ múa, những người từng cầm bút viết đều hiểu được những trắc trác, suy tư để ra được một bài viết tâm huyết, thấu hiểu nỗi nhọc nhằn của người viết. Với bản thân tôi, có những bài khi viết xong tôi cảm thấy mình như kiệt sức... kiệt sức vì phải vắt óc ra nghĩ, vì phải đắn đo, lựa lọc, viết sao đây, nói gì đây khi không được nói thật, nói thẳng..., mà nói cong, nói tránh thì tâm can day dứt, áy náy.

Cũng nhân đây xin được đề cập tới câu chuyện sát sườn về công tác lý luận, phê bình của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam - vấn đề liên quan đến quy chế xét thưởng hàng năm của Hội.

Quy chế áp dụng mới nhất năm 2019 và năm 2017 dành cho mảng Lý luận, phê bình và Báo chí có hai hạng mục chính như sau:

Giải chính thức dành cho hạng mục Lý luận, phê bình (theo Điều 4 khoản 1b): Công trình nghiên cứu lý luận, phê bình sưu tầm dưới dạng khảo luận (độ dài từ 50 trang A4 trở lên) chùm tiểu luận (từ 4 tiểu luận trở lên) đã được nghiệm thu xuất bản hoặc đăng tải trên tạp chí khoa học và chuyên ngành đã sử dụng trong hội thảo khoa học chuyên ngành.

Phần thưởng dành cho hạng mục Báo chí (Điều 4 khoản 4) quy định cho tác giả chùm bài báo về nghệ thuật múa: Quy chế năm 2019 quy định từ 5 bài trở lên, không tính bài đưa tin đơn thuần; Quy chế năm 2017 quy định từ 8 bài trở lên, không tính bài đưa tin đơn thuần.

Trong khi Quy chế 2014: Điều 4 khoản 1b quy định giải chính thức cho công trình nghiên cứu lý luận, phê bình sưu tầm dưới dạng khảo luận (độ dài từ 50 trang A4 trở lên) chùm tiểu luận (từ 4 bài trở lên) đã được xuất bản hoặc đăng tải trên các báo, tạp chí...

Điều 5 khoản 3 quy chế quy định “giải riêng báo chí” với các hạng A, B, C.

A: 8 bài trở lên đạt chất lượng cao 9.5

B: 6 bài trở lên đạt chất lượng thang điểm 9

C: Chùm bài báo đạt chất lượng thang điểm 8.5 trở lên.

Như vậy theo quy chế năm 2014 thì báo chí được xếp vào hạng “giải riêng báo chí” với số lượng bài tối thiểu phải nộp là 8 bài/năm.

Nếu xét về tính chất thì các bài viết phản ánh, phân tích về nghệ thuật múa từ mục được xếp hạng “giải riêng báo chí”

(quy chế năm 2014) soi chiếu với quy chế năm 2017 và 2019 thì báo chí đã bị giáng từ “giải thưởng” xuống “phần thưởng”.

Có lẽ rất ít hội viên múa trong chúng ta nghiên cứu, tìm hiểu về quy chế xét thưởng này. Với riêng cá nhân tôi, thú thực khi tiếp cận và được biết quy chế năm 2017, tôi cảm thấy buồn vô cùng và ngẫm nghề viết sao quá đỗi rẻ mạt, bạc bẽo (!).

Chúng ta cứ kêu gọi, khuyến khích các hội viên múa tham gia viết bài, nồng nở đưa tin, nhưng thử hỏi Hội nghị sĩ múa Việt Nam với tư cách là một hội chuyên ngành, là một đơn vị trực tiếp đứng ra bảo hộ, là đại diện cho tiếng nói nghề nghiệp mà còn xiết một quy chế bất cập, ngặt nghèo cho hội viên như vậy thì làm sao có thể khuyến khích mọi người tham gia viết?

Nếu xét theo thực tế hiện nay, cơ quan báo chí đầu tiên tiếp nhận đăng bài cho hội viên múa là tạp chí *Nhip Điệu* một năm cũng chỉ có 6 số báo được xuất bản (2 tháng/số), vậy nếu Hội yêu cầu hội viên xét tác phẩm báo chí phải có số lượng bài tối thiểu là 8 bài có nghĩa là ít nhất phải có hai số báo tác giả hội viên phải có 2 bài đăng/số thì mới có “cơ may” được Hội xét thưởng. Đã vậy quy chế mới áp dụng còn quy định báo chí chỉ được vào hạng “phần thưởng”, không được vào khung “giải thưởng”...

Đối với một hội viên nhà báo chuyên trách dù có chăm chỉ, cặm cụi, lăn lộn đến “trầy vẩy” chắc cũng mới phán đấu đạt đủ số lượng bài quy định. Vậy thì đối với những hội viên không chuyên trách quả thật khó mà đáp ứng tiêu chí xét thưởng.

Thử hỏi để ra được một bài viết phân tích, phản ánh đưa tin về sự kiện thực tế đang diễn ra của múa thôi, người viết

đã phải lăn lộn, thâm nhập, tìm hiểu thực tế, chắt lọc biết bao nhiêu trải nghiệm, vậy mà khi bài được đăng, ngoài khoán nhuận bút “còm cõi” ra, người viết được đối xử ra sao?

Nhân đây cũng xin được chia sẻ về quy chế xét thưởng của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, họ không quy định số lượng tác phẩm tối thiểu xét giải ở mức mấy tác phẩm trở lên, có nghĩa là chỉ cần tác giả tự lựa chọn tác phẩm nào mà tác giả tâm đắc nhất để gửi xét thưởng (chỉ cần 1 tác phẩm vẫn được xét thưởng)... vậy mà Hội Nghệ sĩ múa lại quy định số lượng tác phẩm là 8 bài (quy chế năm 2017) và 5 bài (quy chế năm 2019) liệu có phải là một quy định quá ngặt nghèo chăng?

Bản thân những người làm lý luận, phê bình chúng tôi luôn ý thức được rằng phần thưởng, giải thưởng không phải là chuyện hơn - thua, được - mất, nhưng chúng tôi cần một cách nhìn nhận khách quan, cần một sự đánh giá công bằng chứ không phải là sự “ban phát - ơn huệ”; nên rất mong nhận được sự đồng cảm chia sẻ của các hội viên và mong có sự quan tâm, lưu ý kịp thời của cấp trên để điều chỉnh quy chế, nhằm khích lệ hội viên lý luận, phê bình, tạo động lực, tiếp thêm sức mạnh cho nghề lý luận, phê bình vốn đã “èo uột” của chúng ta.

LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH NHIẾP ẢNH VÀ THỰC TIỄN SÁNG TÁC ẢNH NGHỆ THUẬT

VŨ ĐỨC TÂN

Một trong những vấn đề nóng gần đây của giới nhiếp ảnh là việc thẩm định các tác phẩm nghệ thuật. Trong các cuộc triển lãm nghệ thuật, các cuộc thi, việc những tác phẩm chưa đủ chất lượng lọt vào vòng cuối, giành được giải cao đã gây bức xúc cho công chúng. Nhiều khi, ở ngay trung tâm nhiếp ảnh lớn như Hà Nội, các giải chính thức vài năm nay lại có chất lượng trồi sụt lúc cao, lúc thấp. Có nhiều cách lý giải về hiện tượng này: do sự lựa chọn Hội đồng Giám khảo chưa chính xác, do định hướng của Ban Chỉ đạo, do yêu cầu của những tổ chức tài trợ triển lãm hay cuộc thi, hoặc lỗi do chính bản thân các tác giả gửi ảnh tới triển lãm.

Kết quả là khi nhìn lại sự phát triển của nhiếp ảnh, chúng ta thấy giật mình. Chỉ riêng một nhiệm kỳ gần đây chúng ta đã kết nạp hơn một phần mười tổng số hội viên (117/1014). Đó là do một quá trình lựa chọn thông qua tiêu chí chấm điểm ở các khu vực và trung ương. Số lượng hội viên tăng lên nhanh không đồng thời với tăng chất lượng của các nghệ sĩ. Chưa kể có ý kiến cho là số lượng hội viên

làm ảnh dịch vụ lại chiếm số đông. Một số nhà nhiếp ảnh ưa thích hoạt động tự do, không vào hội. Trong đó, không ít người có khả năng, có người đạt được những thành tựu quốc tế cũng không đánh giá cao mấy về Hội, dù về phương diện nào đó, Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam gần như chiếm vị trí độc tôn trong phát triển nhiếp ảnh từ khi đất nước thống nhất đến nay. Nguyên nhân chính là các tác phẩm được chấm dễ dãi, nhiều tác phẩm chưa đáp ứng đủ tiêu chí nghệ thuật cũng đưa vào giải thưởng. Điều đó khiến nhiều người nhìn nhận Hội như là một “sân chơi” dừng ở mức phong trào mà chưa thực sự coi đó là một trung tâm nghệ thuật có uy tín.

Sự phát triển nhanh chóng của máy ảnh kỹ thuật số đã đưa lại nhiều biến đổi trong đời sống nhiếp ảnh. Việc sử dụng máy ảnh một cách dễ dàng khiến cho nhiều người tự nguyện tham gia vào nhiếp ảnh làm đời sống nhiếp ảnh thêm sôi động. Đã hình thành phong trào chạy theo các cuộc thi, một số câu lạc bộ không chú ý đến việc hình thành phong cách cá nhân, đạt đến những thành tựu nghệ thuật, mà chạy theo bắt chước, săn giám khảo, săn giải thưởng trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh ấy, lý luận, phê bình nhiếp ảnh có một vai trò quan trọng để góp phần vào việc tạo ra các giá trị nghệ thuật. Không chỉ dừng ở mức độ giới thiệu, phê bình còn các giá trị thời sự của nhiếp ảnh, mà lý luận, phê bình còn làm phong phú thêm nhận thức và thế giới quan của nhà nhiếp ảnh, giúp họ đến gần hơn với thời cuộc và tiếp cận những phẩm chất lâu bền của nghệ thuật. Sự quan trọng đặc biệt càng biểu hiện ở khâu đánh giá và nhận định, thẩm định các

giá trị đích thực của nghệ thuật. Về một khía cạnh nào đó, nhà phê bình cần phải có một nhãn quan cởi mở và rộng rãi hơn một người sáng tác. Ít nhất nền tảng kiến thức về sự sáng tạo và nghệ sĩ của anh ta cần phải vượt trội so với những tác giả cùng thời. Điều đòi hỏi là anh ta không chỉ có kinh nghiệm sáng tác mà còn có kinh nghiệm, kiến thức về văn hóa, mỹ học nói chung, cộng thêm khả năng truyền thụ lại kiến thức đó.

Giờ đây, việc những nhà phê bình chưa cầm máy ảnh không còn nữa. Sự tiếp cận dễ dàng với kỹ thuật làm cho một người phê bình có kinh nghiệm không thể không cầm máy. Công chúng nghệ thuật cũng thay đổi, họ không còn bằng lòng với những nhận xét đơn thuần cảm tính. Thời đại của chúng ta cũng không còn dừng lại ở sự phản ánh thô sơ cuộc sống. Trong sáng tác, khán giả đòi hỏi người cầm máy chú trọng nhiều hơn đến tính sáng tạo, việc tuân thủ những nguyên tắc lý tính nào đó đằng sau những bức ảnh. Những ý tưởng của cá nhân thường được bộc lộ ra trong quá trình sáng tác thầm lặng và bền bỉ. Về khía cạnh nào đó, nhiếp ảnh hôm nay cũng chứa đựng nhiều lý thuyết hơn bất cứ một lĩnh vực nào. Kịp hiểu và cảm nhận nó rất khó khăn. Bởi cái đập vào mắt chúng ta chính là hình ảnh mang tính tài liệu.

Chúng ta phải đọc được ngôn ngữ hình ảnh và sau đó là đánh giá nó. Theo Nhà phê bình nghệ thuật Terry Barrett thì hoạt động chính của phê bình là miêu tả, diễn giải, đánh giá và phát triển thành lý luận. Mục đích chính của những hoạt động đó là làm tăng thêm nhận thức và hiểu biết về tác phẩm và tác động của nó tới xã hội.

Nói là như vậy nhưng không phải bất kỳ ai là người chụp ảnh cũng nắm được những nguyên lý chung của tạo hình trong nhiếp ảnh. Giả dụ như có những nghệ sĩ lấy làm khó hiểu khi nói về trung tâm của ảnh. Họ chỉ quan niệm đó là phần giữa của khuôn hình mà không bao giờ gắn nó với chủ đề của bức ảnh. Từ đó, nhận định của họ về bố cục cũng không được chính xác. Đó cũng là nguyên lý chung của bố cục tạo hình là hình thành trung tâm của chủ đề và kéo theo nó là các yếu tố để xây dựng trung tâm đó thành một tác phẩm hoàn chỉnh. Với nhiếp ảnh, việc làm này chỉ có thể trên cơ sở chọn góc độ và thời điểm đúng. Thường thì những nhà phê bình chú trọng về khía cạnh nhiếp ảnh tác động đến người xem. Họ thông thạo hơn về cách tác động đến công chúng cũng như thị hiếu của thời cuộc. Việc thẩm định không chỉ dừng ở việc hiểu ngôn ngữ hình ảnh, mà còn ở việc đọc ra những ý tưởng chìm lấp đằng sau vô vàn biểu hiện của cuộc sống được đưa vào khuôn hình...

Ở Việt Nam, việc thẩm định ảnh thường tuân theo một quy trình nhất định. Trước hết là việc xem xét tổng thể các bức ảnh gửi tới triển lãm theo từng chủ đề. Sau đó là việc xem xét từng bức ảnh và chấm điểm. Trên cơ sở chung của chất lượng hình ảnh mới chọn lựa ra những tác phẩm có chất lượng cao nhất. Tiêu chí là về cơ bản vẫn mang nét sáng tạo, có cái mới, độc đáo, đáp ứng được tiêu chuẩn thẩm mỹ và có nội dung lành mạnh, tiến bộ. Thực ra, nếu những hội đồng giám khảo của chúng ta có sự tinh lọc, hoạt động theo đúng sở trường thì kết quả sẽ hợp lý hơn. Ở Việt Nam, phần lớn những bức ảnh nghệ thuật được thẩm định ở các triển lãm khu vực và ở trung ương. Hoạt động nhiếp ảnh khu vực đã

hình thành từ hơn hàng chục năm nay. Trong quá trình phát triển của nhiếp ảnh Việt Nam, nó góp phần hình thành một đội ngũ những nhà nhiếp ảnh khắp cả nước. Sự nhân rộng cũng có tính phong trào. Cho đến nay, về cơ bản cách chấm cũng có phần hạ thấp và nương theo phong trào. Vì vậy, đã hình thành chất lượng địa phương của hình ảnh. So sánh với các cuộc thi trung ương, rõ ràng chất lượng đó chênh lệch nhau khá nhiều. Với giới nhiếp ảnh thì điều này cũng không có gì khó hiểu.

Việc đưa vào thành phần Ban Giám khảo những người làm công tác lý luận, phê bình thường làm tăng thêm yêu cầu của tác phẩm nghệ thuật. Điều này thể hiện rõ hơn trong kết quả của các cuộc thi, chấm giải. Văn hóa, trình độ của những người làm công tác lý luận, phê bình không chỉ ngày một ngày hai mà có. Nó là một quá trình tích lũy nhiều khi nhân theo năm tháng. Sự chuyên tâm và hành động có mục đích, bài bản thường làm cho người ta có được cái nhìn tổng quát, sâu rộng hơn. Đặc biệt là trong lĩnh vực nhiếp ảnh. Khó có thể làm được công tác lý luận, phê bình nếu không cầm máy và có sở thích văn nghệ. Thường thì các nội dung phê bình cũng chính là nội dung của những vấn đề xã hội mà văn nghệ đề cập đến trong ảnh. Mọi sự xơ cứng, mòn sáo đều không chịu đựng nổi với thời gian. Thành phần lý luận, phê bình cũng góp phần bảo đảm các tiêu chí mỹ thuật có chuẩn mực hàn lâm nhất định, nó không chỉ là những ngẫu hứng mang tính nhất thời.

Việc tham gia các Hội đồng nghệ thuật, các Ban Giám khảo chỉ là một trong các công việc của nhà phê bình. Đó chỉ là một trong những hình thức đóng góp của lý luận, phê bình.

Trên thực tế, ở các nước, hoạt động của các giám tuyển cho các bảo tàng cũng là chuẩn mực để hình thành tiêu chí nghệ thuật cho xã hội. Việc đưa tác phẩm nghệ thuật vào bảo tàng lưu giữ cho công chúng là một công việc lớn, đòi hỏi sự cẩn trọng nhất định. Giải dù như có phải tất cả các giải thưởng nhiếp ảnh đều nên lưu giữ vào bảo tàng không? Chắc chắn không phải như vậy. Mặc dù trên thực tế, giới nhiếp ảnh chưa có bảo tàng của mình, nhưng chúng ta đã có trung tâm lưu trữ và đó cũng là lĩnh vực trước sau cũng phải bàn thảo tới.

Hiện nay, đóng góp của lý luận, phê bình thường thông qua các bài báo, các chuyên luận, các cuốn sách, các chương trình nhiếp ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thường thì có nhiều ý kiến sống động thông qua các cuộc hội thảo, các trao đổi có tính chất nghề nghiệp về sáng tác.

Nghệ sĩ sáng tác ảnh hiện nay có cần phê bình không? Dường như là họ không cần. Có lẽ đó cũng là điểm yếu của nhiều tay máy. Họ đã có những hình mẫu sẵn của thành công, cộng với trang bị đủ và sự bắt chước mẫu mực. Sự thực là có nhiều tác phẩm nhạt nhòa và không bảo đảm chất lượng. Để tiếp cận với hiện thực, các nhà nhiếp ảnh đổ xô đến các thang cảnh và tìm ở đó những khung cảnh bắt mắt và hấp dẫn. Phải thừa nhận rằng có nhiều nơi phong cảnh đẹp cần phải được ghi lại. Nhưng nếu nói những bức ảnh đó có một ý nghĩa gì đó với đời sống con người thì cũng cần xem xét. Nhiều sáng tác vẫn dừng ở mức ảnh du lịch, có đôi nét tạo hình. Chúng ta thiếu nhiều tác phẩm có chiều sâu về nhân sinh. Trong khi đó, một vài nhà nhiếp ảnh nước ngoài lại khá thành công ở Việt Nam. Ý nghĩa nghệ thuật của nhiều bức ảnh của nghệ sĩ Việt Nam còn yếu.

Thường thường chúng ta hay chú ý tới những sự kiện đột xuất có tính thời sự. Với nhiếp ảnh, đó là một lợi thế. Vấn đề biển đảo mới xuất hiện nhiều trong vài năm gần đây, nếu so với trước kia thì rõ ràng gần đây chúng ta chú ý nhiều hơn tới biển đảo. Những cuốn sách, những triển lãm và những bức ảnh của các nhà nhiếp ảnh, các nhà báo đã khơi gợi sự chú ý của bạn đọc. Điều đó đã góp phần mang lại cho công chúng một sự quan tâm đặc biệt tới biển đảo, một vấn đề lớn của Việt Nam. Nhưng, giá như chúng ta chụp sâu hơn chút nữa...

Nhiếp ảnh thường ở mũi nhọn những vấn đề thời sự của báo chí và xã hội. Lý luận, phê bình trước hết cũng là kênh giới thiệu và suy nghĩ về ý nghĩa xã hội của tác phẩm. Nó đánh giá theo mặt bằng chung của mỹ học đương thời. Rất nhiều tác phẩm nhiếp ảnh chưa thực sự có ý nghĩa cuốn hút, sâu sắc về nghệ thuật nhưng nó lại có sức mạnh về tư liệu trong đời sống con người. Để đánh giá nhiếp ảnh như một thực thể nghệ thuật sinh động không chỉ cần tới tri thức xã hội mà còn cần tới hiểu biết sâu về nghệ thuật tạo hình. Với việc hình thành những ý tưởng nghệ thuật từ chính cuộc sống, các nhà nhiếp ảnh tìm kiếm những điều sâu sắc hơn trong tâm hồn con người để chia sẻ với bạn đọc. Trong sự tìm kiếm đó không thể thiếu được kênh phê bình. Nhiều nhà nhiếp ảnh sáng tạo đã lón lên nhò giá trị của phê bình. Lý luận và thực tiễn thường gặp nhau ở những tầng bậc ngày càng cao hơn.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGÀNH LÝ LUẬN, LỊCH SỬ VÀ PHÊ BÌNH MỸ THUẬT Ở VIỆT NAM

TS. ĐẶNG THỊ PHONG LAN

Đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật là một nhu cầu cần thiết nhằm cung cấp đội ngũ nhà nghiên cứu lý luận, phê bình; đội ngũ cán bộ giảng dạy lịch sử mỹ thuật cho các trường cao đẳng, nghệ thuật. Trong cả nước hiện tại chỉ có hai trung tâm đào tạo chính quy chuyên ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật với số lượng sinh viên không nhiều. Các cử nhân ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật hiện tại đang hoạt động trong mọi lĩnh vực mỹ thuật, đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nền mỹ thuật nước nhà. Tuy nhiên tại hai cơ sở đào tạo Đại học Mỹ thuật Việt Nam và Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, công tác tuyển sinh và duy trì đào tạo đang thực sự gặp khó. Vậy thực trạng này ở đâu và giải pháp nào cho công tác đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật.

1. Thực trạng đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật ở Việt Nam

Hiện nay trên cả nước, ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật được đào tạo tại hai cơ sở là Trường Đại học

Mỹ thuật Việt Nam và Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Lý luận và lịch sử mỹ thuật (nay là Khoa Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật) của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam được thành lập năm 1978. Mục tiêu của khoa là: “Đào tạo cử nhân ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật có trình độ nghiên cứu lý luận, lịch sử mỹ thuật; có khả năng làm công tác phê bình mỹ thuật và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo về mỹ thuật”. Từ năm 1978 cho đến nay, khoa đã tuyển sinh được 19 khóa. Trước năm 2012, cách ba năm khoa tuyển sinh một lần, số lượng sinh viên trúng tuyển trung bình mỗi năm là 12 sinh viên. Từ năm 2012 đến nay, trường tuyển sinh đều đặn hằng năm, tuy nhiên số lượng sinh viên đăng ký thi và trúng tuyển ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật của trường ngày càng ít, có năm không tuyển sinh được. Hiện tại số sinh viên của khoa chỉ có 7 sinh viên. Để duy trì đều đặn số lượng tuyển sinh hằng năm của ngành, nhà trường đã phải xét duyệt nguyện vọng 2 từ các ngành khác trong trường. Tuy nhiên đó cũng chỉ là giải pháp tạm thời để có nguồn sinh viên cho năm thứ nhất của khoa. Số lượng sinh viên này luôn biến động, nhiều em đăng ký sang học ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật chỉ học tạm một năm để năm sau thi sang ngành khác hoặc đi du học. Thực trạng này cũng diễn ra đối với ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 3 lớp với khoảng 7 sinh viên gồm năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ năm. Từ năm 2018, Khoa sáp nhập với Khoa Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, lấy tên là

Khoa Mỹ thuật tạo hình. Do ít sinh viên, đội ngũ giảng viên của Khoa buộc phải điều chuyển sang một số đơn vị khác của trường. Hiện tại ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật chỉ có 3 giảng viên tạo thành tổ bộ môn nằm trong Khoa Mỹ thuật tạo hình.

Thực trạng đào tạo Thạc sĩ Mỹ thuật ngành Lý luận và lịch sử mỹ thuật của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam hiện nay cũng gặp khó khăn. Hai năm tuyển sinh một lần, nhưng khoảng bốn, năm năm gần đây, số lượng học viên đăng ký thi ngày một ít. Năm 2017, nhà trường chỉ tuyển được 03 học viên là cán bộ nghiên cứu của Viện Mỹ thuật, đơn vị trực thuộc trường, học cao học Lý luận và Lịch sử mỹ thuật.

Trước những khó khăn, bất cập của công tác tuyển sinh và đào tạo cùng với yêu cầu chuyển biến mạnh mẽ của giáo dục đại học Việt Nam thập niên đầu thế kỷ XXI, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam và Khoa Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật đã liên tục tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo của ngành. Hai năm đầu là thời gian học cơ bản và ba năm sau học chuyên sâu. Để được dự thi tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn thành tất cả các môn học quy định trong chương trình với điểm số trung bình trở lên. Bài thi tốt nghiệp của sinh viên bao gồm bài thi học phần Chính trị cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp. Bài Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu nghiên cứu, trình bày một vấn đề về lý luận nghệ thuật tạo hình với dung lượng tối thiểu từ 30 đến 50 trang. Ngoài các học phần bắt buộc trong phần kiến thức giáo dục đại cương, sinh viên có thể tự chọn các học phần như Văn hóa

dân gian, Nhiếp ảnh, Marketing, Tổ chức sự kiện... Trong kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là phần kiến thức giáo dục ngành, chương trình đào tạo đã phân bố hợp lý giữa các học phần Lịch sử mỹ thuật, Lý luận mỹ thuật và Phê bình mỹ thuật. Ngoài ra chương trình cũng chú trọng đến các học phần khác như Curator, Nghiệp vụ báo chí, Lý luận quản lý văn hóa, tiếng Pháp và tiếng Anh chuyên ngành. Nếu như trước kia Phê bình mỹ thuật chỉ được lồng ghép trong các học phần khác thì nay đã trở thành một học phần độc lập, một trong những môn học quan trọng của ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật. Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về phê bình mỹ thuật như khái niệm, lịch sử phê bình, các kỹ năng và phương pháp cần thiết trong phê bình mỹ thuật... Đây cũng là những thay đổi tích cực trong điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật nhằm giúp người học trang bị kiến thức lý thuyết chuyên sâu về lịch sử mỹ thuật Việt Nam, lịch sử mỹ thuật thế giới, lý luận mỹ thuật, phê bình mỹ thuật và nghệ thuật tạo hình. Ngoài học các kiến thức chuyên ngành, sinh viên của khoa còn được thực hành với một số chất liệu mỹ thuật phương Đông và phương Tây để có thể hiểu rõ hơn về quy trình sáng tác, kỹ thuật và chất liệu mỹ thuật cũng như khả năng cảm thụ nghệ thuật. Việc xây dựng các học phần tự chọn tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký học theo trình độ, khả năng và sở trường của mỗi cá nhân. Hiện tại, các học phần thuộc kiến thức ngành đều được điều chỉnh hợp lý về thời lượng giảng dạy giữa lý thuyết, thực hành, thảo luận, giúp sinh viên có thể phát huy tối đa các năng lực trong học tập và nghiên cứu.

Chuẩn đầu ra của chương trình cũng đã được tham khảo, xây dựng, sửa đổi và thông qua bởi Hội đồng khoa học của nhà trường, bám sát hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo với những yêu cầu về bảo đảm khối lượng kiến thức, yêu cầu về kỹ năng; yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm; yêu cầu về thái độ; vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Trong đó các kỹ năng cứng người học cần có ở ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật là kỹ năng, phương pháp lý luận mỹ thuật; kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học về lịch sử mỹ thuật; kỹ năng, phương pháp phê bình mỹ thuật, kỹ năng, phương pháp giám tuyển và tổ chức thực hiện các hoạt động mỹ thuật chuyên nghiệp, kỹ năng thực hành nghiên cứu khoa học chuyên ngành. Với những kỹ năng này, sinh viên tốt nghiệp của khoa sẽ đáp ứng được những vị trí việc làm như: Nhà nghiên cứu mỹ thuật độc lập về các lĩnh vực như nghiên cứu lý luận, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu mỹ thuật học, phê bình mỹ thuật; Nghiên cứu viên trong các viện, trung tâm nghiên cứu, bảo tàng mỹ thuật; Phóng viên, biên tập viên tại các báo, tạp chí chuyên ngành về mỹ thuật; Curator (tổ chức, điều hành, quản lý) cho các triển lãm, sự kiện, hoạt động mỹ thuật; Môi giới, kinh doanh trong lĩnh vực nghệ thuật; Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo như học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có ngành hoặc chuyên ngành về mỹ thuật; Hoạt động chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân, các tổ chức xã hội.

Với những kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên có thể chuyển đổi sang học các ngành gần như Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Sư phạm mỹ thuật, Thiết kế đồ họa và

các chuyên ngành của ngành mỹ thuật ứng dụng. Sinh viên tốt nghiệp nếu được bổ sung kiến thức và nghiệp vụ sư phạm có khả năng giảng dạy các bộ môn chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo mỹ thuật hoặc học tiếp ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ.

Cùng với điều chỉnh chương trình, nhà trường cũng đã điều chỉnh hình thức tuyển sinh của ngành cho phù hợp và thuận lợi với sinh viên để có thể được xét nguyện vọng hai. Các thí sinh thi vào ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật sẽ thi hai môn Hình họa và Bố cục, môn Ngữ văn xét tuyển điểm từ điểm trung bình chung môn ngữ văn 3 năm trung học phổ thông.

Đội ngũ giảng viên của khoa 100% đúng chuyên ngành, đều tốt nghiệp ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật, sau quá trình học tập, bồi dưỡng đã trở thành giảng viên có hữu. Hiện tại khoa có 4 giảng viên đảm nhiệm các môn chuyên ngành, ngoài ra còn có 2 giảng viên dạy ngoại ngữ, còn lại các giảng viên được mời là những thạc sĩ, tiến sĩ của các đơn vị khác trong và ngoài trường như Viện Mỹ thuật, Khoa Sau đại học, Khoa Hội họa của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam; giảng viên của các trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Sư phạm nghệ thuật... Các giảng viên chuyên ngành đều đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và phó giáo sư, có uy tín trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cũng như trong hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành Lý luận, phê bình của Hội Mỹ thuật Việt Nam. Đội ngũ giảng viên dạy Lý luận của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 2/3 giảng viên là thạc sĩ chuyên ngành còn 1 giảng viên là chuyên ngành hội họa.

Qua khảo sát 11 khóa sinh viên ra trường của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, trung bình có khoảng 1/2 sinh viên tốt nghiệp Khoa Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật hiện tại vẫn đảm nhiệm công việc đúng với chuyên ngành của mình. Số đông nhất hiện đang làm việc tại Viện Mỹ thuật và Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam, còn lại đang giảng dạy tại một số trường nghệ thuật trong cả nước, công tác tại Hội Mỹ thuật, Cục Mỹ thuật nhiếp ảnh và triển lãm, Tạp chí Mỹ thuật, Bảo tàng Mỹ thuật, một số viện nghiên cứu, Đài truyền hình... Số sinh viên tốt nghiệp còn lại, một số chuyển sang nghề khác, một số làm việc tự do. Thực trạng nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh cũng tương tự như vậy. Số lượng sinh viên tiếp tục học thạc sĩ làm công tác giảng dạy hay nghiên cứu mỹ thuật hoặc lý luận mỹ thuật hầu như không có. Phần lớn các em chuyển sang làm các công việc khác.

Có rất nhiều nguyên nhân của thực trạng nghề nghiệp này. Thực tế, cho đến nay vấn đề đầu ra của ngành là nguyên nhân cơ bản. Trước hết nhu cầu xã hội đối với ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật là quá ít, chưa có sự quan tâm đúng mức của Nhà nước về đầu ra của ngành. Tuy hết sức cần thiết và không thể thiếu đối với ngành mỹ thuật nhưng Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật lại là chuyên ngành hẹp. Dù tuyển sinh ít, nhưng đầu ra vẫn vô cùng khó khăn, thiếu nơi làm việc. Sinh viên Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật ra trường rất khó tìm được việc đúng với chuyên ngành. Nhiều sinh viên ra trường phải làm những công việc không liên quan đến chuyên môn, hoặc gần với

chuyên môn nhưng thu nhập không bằng sinh viên các ngành khác. Đứng trên khía cạnh nghề nghiệp, mưu sinh thì ngành nghề này chưa thể đáp ứng được.

Nguyên nhân tiếp theo là hệ thống cơ chế, chính sách dành cho đào tạo và hoạt động lý luận, phê bình mỹ thuật còn nhiều hạn chế. Chính sách đãi ngộ, nhuận bút còn chưa tương xứng, không tạo được động lực trong công việc. Các tạp chí chuyên ngành về phê bình mỹ thuật không nhiều, mức độ tiếp cận với người đọc chưa rộng rãi. Hiện tại có 3 tạp chí chuyên ngành mỹ thuật là tạp chí *Mỹ thuật* thuộc Hội Mỹ thuật Việt Nam; tạp chí *Mỹ thuật Nhiếp ảnh* của Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; tạp chí *Nghiên cứu mỹ thuật* của Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam. Những tạp chí này chỉ xuất bản và lưu hành nội bộ. Những người gắn bó với nghề do vậy cũng giảm đáng kể, chủ yếu trong các trường mỹ thuật, viện nghiên cứu, một số báo, tạp chí, hội mỹ thuật. Đời sống và hoạt động nghề nghiệp của họ còn nhiều khó khăn. Lý luận, phê bình mỹ thuật có xu hướng được xem là nghề phụ, là đam mê khác bên cạnh nghề nghiệp giúp họ mưu sinh. Nhuận bút thấp, không bảo đảm cuộc sống làm nản chí các nhà lý luận, phê bình. Thực tế, nhiều nhà phê bình, lý luận không thể sống bằng nghề.

Lý luận, phê bình mỹ thuật là một nghề không dễ dàng, chưa nói là đầy thách thức và áp lực từ xã hội. Có sự phân tầng về mục đích sử dụng phê bình, phân tầng về trình độ văn hóa của người đọc khá rõ ràng. Gánh nặng, áp lực đối với người làm lý luận, phê bình mỹ thuật là không nhỏ đến từ người sáng tác, công chúng, chủ gallery,... Nhu cầu không có, nghệ sĩ thích khen, người làm phê bình hiện tại không có thu

nhập, hành nghề không chuyên.... Điều này đã dẫn đến một thực tế là quá ít người làm phê bình; ngành Lý luận và phê bình mỹ thuật có trên 30 hội viên, trong đó 1/3 hội viên trên 80 tuổi. Trong nhiều năm nay, Chi hội phê bình mỹ thuật không kết nạp thêm được hội viên mới, hội viên trẻ nào. Hoạt động của Hội phê bình mỹ thuật chưa phong phú, chưa có súc lôi cuốn sự tham gia của các hội viên, chưa gắn kết với các hoạt động mỹ thuật nước nhà.

Lực lượng phê bình mỹ thuật hiện nay chủ yếu là các nhà báo, không được đào tạo chuyên ngành. Có thể thấy hoạt động phê bình mỹ thuật hiện nay không giới hạn đối tượng tham gia công tác phê bình. Các họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà văn, nhà báo đều có thể viết phê bình về mỹ thuật. Thực trạng này đang đặt ra vấn đề đội ngũ kế cận làm công tác lý luận, phê bình mỹ thuật đang ở trạng thái báo động. Đội ngũ lý luận, phê bình chưa theo kịp sự phát triển mạnh của sáng tác hiện nay. Bên cạnh đó, lực lượng mỏng không đủ đảm đương nhiệm vụ định hướng cho dư luận và hoạt động sáng tạo. Các bài viết chủ yếu mang tính chất giới thiệu, đưa tin về triển lãm, giới thiệu tác giả, tác phẩm hơn là đưa cái nhìn tổng quát về thực trạng mỹ thuật, dự báo xu hướng phát triển của mỹ thuật. Hơn nữa, với thực trạng phê bình báo chí lấn át phê bình học thuật như hiện nay cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự lựa chọn học chuyên ngành báo chí của nhiều sinh viên hơn là chuyên ngành lý luận, phê bình. Về mặt chủ quan, đội ngũ những người trẻ làm công tác lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đang thiếu sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau, chưa nhận thức được đầy đủ về trách nhiệm nghề nghiệp và nỗ lực sáng tạo.

Về thực trạng đào tạo, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam cũng như Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình phù hợp với yêu cầu xã hội. Đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Cơ sở vật chất cho chuyên ngành được nhà trường chú trọng đầu tư. Đề án tuyển sinh điều chỉnh cho phù hợp với các ngành trong trường, với đối tượng tuyển sinh nhưng cũng không làm thay đổi được thực trạng đào tạo và tuyển sinh vô cùng khó khăn của ngành.

Với thực trạng của hoạt động mỹ thuật hiện nay đang đặt ra những thử thách đối với vai trò và trách nhiệm của những người làm lý luận, phê bình mỹ thuật. Làm thế nào để duy trì được công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật? Làm thế nào để củng cố và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình mỹ thuật? Làm thế nào để Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật đủ khả năng đồng hành với sáng tác, góp phần xây dựng nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại trong bối cảnh hội nhập?

2. Giải pháp cho công tác đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật

Về phía cơ sở đào tạo

Để thu hút được đầu vào của ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam đã chú trọng vào công tác đào tạo. Trong bảy năm qua, nhà trường không ngừng cập nhật chương trình cho phù hợp với chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu của xã hội thông qua nghiên cứu, tham khảo chương trình của các ngành trong và ngoài

nước để có điều chỉnh phù hợp. Hàng năm nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học năm cuối, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng để có thể có được những phản hồi hợp lý về chương trình, học phần, giảng dạy..., nhu cầu xã hội với đào tạo. Nhà trường đang tiến hành nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo của ngành rút ngắn thời gian xuống 4 năm. Sau 5 lần chỉnh sửa chương trình của khoa và rút ngắn số đơn vị học trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện tại thời gian trống của sinh viên còn nhiều, vì vậy việc rút ngắn chương trình học xuống 4 năm là hợp lý với chương trình hiện nay. Khoa cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh chương trình để tăng phần thực hành nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường. Sinh viên sẽ được thực tập nhiều hơn tại các viện nghiên cứu, các báo, tạp chí. Sinh viên sẽ được tham gia nhiều hơn trong phối hợp với cán bộ nghiên cứu của Viện Mỹ thuật trong điền dã, nghiên cứu mỹ thuật.

Để không mất ngành do khó khăn về tuyển sinh và đóng ngành theo quy định của Bộ nếu ba năm liên tiếp không tuyển sinh được, Nhà trường đã có kiến nghị đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực trạng và đặc thù của ngành cần phải có hình thức đặc biệt để duy trì. Trường đã xây dựng đề án trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về trường hợp ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật là một trong những ngành cần thiết nhưng khó đào tạo cần được áp dụng chế độ riêng.

Hiện tại đối tượng tuyển sinh của các trường mỹ thuật vẫn là học sinh tốt nghiệp phổ thông. Nên mở rộng và hướng tới các đối tượng sinh viên đã tốt nghiệp một số chuyên

ngành kề cận như báo chí, văn học, lịch sử hoặc sáng tác mỹ thuật theo ngành này. Tất nhiên quy trình đào tạo sẽ phải thay đổi, các đối tượng này sẽ chỉ phải học với thời gian và số lượng học phần ít hơn. Cùng với việc đào tạo thạc sĩ Lý luận và Lịch sử mỹ thuật, trong một đến hai năm tới, nhà trường sẽ tiến hành mở đào tạo trình độ tiến sĩ đối với ngành Lý luận và Lịch sử mỹ thuật. Nhà trường và khoa sẽ nghiên cứu để chương trình học của các cấp có tính liên thông, sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường ở các ngành mỹ thuật khác cũng như ở bậc học cao hơn. Khoa và nhà trường tăng cường công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành; tạo điều kiện để sinh viên tham gia công tác nghiên cứu khoa học cùng giảng viên, đề tài, dự án nghiên cứu của nhà trường nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành nghề của sinh viên.

Về phía Nhà nước

Nhà nước nên có chính sách ưu đãi trong tuyển sinh, đào tạo và giải quyết đầu ra cho sinh viên ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật. Đây chính là vấn đề khó khăn hàng đầu mà các trường có chuyên ngành đào tạo lý luận, phê bình hiện nay đang phải đối đầu. Để giải quyết tình trạng này, Nhà nước nên có hình thức khuyến khích như: Miễn học phí cho sinh viên các ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật nói chung và chuyên ngành mỹ thuật nói riêng. Quan trọng hơn cả, vấn đề mấu chốt chính là vấn đề đầu ra, là việc làm của sinh viên. Rất cần Nhà nước có các chính sách cho sinh viên ngành lý luận, phê bình mỹ thuật sau khi tốt nghiệp được biên chế về các cơ quan quản lý mỹ thuật, các báo, tạp chí, chuyên mục mỹ thuật của các báo, đài...

Những sinh viên xuất sắc được cử đi đào tạo ở nước ngoài và có chế độ ưu tiên về vị trí việc làm phù hợp, phát triển được năng lực khi họ về nước.

Việc thiết yếu cần làm hiện nay là giữ được mã ngành đào tạo, dân xây dựng và phát triển mạnh các khoa, bộ môn để đào tạo lực lượng bổ sung. Đây là điều mà Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam và Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang duy trì. Cần có cơ chế, chính sách để thu hút, xây dựng và nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên của ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chế độ thu hút đối với sinh viên chuyên ngành có năng lực. Có kế hoạch, kinh phí, dự án ưu tiên đào tạo ở nước ngoài cho các giảng viên với cam kết sau khi học xong sẽ tiếp tục phục vụ công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà nước cần cải cách chế độ tiền lương để nâng cao thu nhập cho đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành nghệ thuật nói chung và chuyên ngành lý luận, phê bình mỹ thuật nói riêng (qua tài trợ nghiên cứu, chế độ lương, thưởng đặc thù,...). Nhà nước cần có cơ chế, chính sách mới cho các trường có điều kiện để mời các giáo sư, các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực lý luận, phê bình mỹ thuật trên thế giới đến giảng dạy và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của chúng ta.

Trong thời gian tới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần ưu tiên kinh phí cho các trường đại học trong việc xây dựng giáo trình về lý luận, phê bình mỹ thuật. Mặc dù hết sức khó khăn về nhân lực và kinh phí, trong hai năm gần đây, Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

đã nỗ lực, quyết tâm cơ bản biên soạn xong các giáo trình của chuyên ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật. Trong công tác quản lý và hoạt động nghề nghiệp, cần tạo điều kiện cho người làm lý luận, phê bình mỹ thuật. Hội Mỹ thuật Việt Nam nên đẩy mạnh nâng cao nghiệp vụ, phát triển đội ngũ, đặc biệt quan tâm lớp trẻ và nâng mức hỗ trợ cho lý luận, phê bình mỹ thuật ngang bằng với sáng tác. Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương cần có những giải pháp, việc làm cụ thể trong hỗ trợ bồi dưỡng lực lượng lý luận, phê bình mỹ thuật. Ngoài ra, các cơ quan về mỹ thuật, báo chí cũng cần tạo diễn đàn cho các hoạt động này. Bản thân các nhà lý luận, phê bình mỹ thuật cần nỗ lực học hỏi nâng cao trình độ; hòa mình vào đời sống mỹ thuật đương đại, gần gũi giới nghệ sĩ sáng tác; không né tránh những vấn đề cần tranh luận, phê bình đúng lương tâm, trách nhiệm.

Hy vọng, với sự nỗ lực của các trường đào tạo cùng với sự quan tâm, chỉ đạo của Nhà nước tới các bộ, ngành, công tác đào tạo ngành Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật sẽ được cải thiện. Dần thu hút để có thể đào tạo được nhiều nguồn nhân lực có chất lượng, giúp cho đội ngũ lý luận, phê bình mỹ thuật trong tương lai sẽ nhanh chóng được vực dậy và trở thành đội ngũ nòng cốt, góp phần củng cố, xây dựng công tác lý luận, phê bình mỹ thuật Việt Nam ngày càng phát triển.

NÂNG CAO NHẬN THỨC, ĐỔI MỚI MẠNH MẼ, TOÀN DIỆN HOẠT ĐỘNG PHÊ BÌNH VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT PHỤC VỤ ĐẶC LỰC SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC*

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Kính thưa đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương,

Thưa quý vị đại biểu! Thưa các nhà khoa học, các văn nghệ sĩ,

Sau một buổi sáng làm việc khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay* đã cơ bản hoàn thành mục tiêu, yêu cầu đề ra. Đây là một trong những hoạt động khoa học quan trọng trong năm 2019 của Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương, được tiến hành vào thời điểm Đảng ta đang chỉ đạo tiến hành sơ kết

* Phát biểu tổng kết Hội thảo của PGS.TS. Nguyễn Thế Kỷ - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương.

5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tổng kết hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới; tích cực góp phần chuẩn bị nội dung các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Hội thảo rất phẩn khởi được đón đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng dự và phát biểu chỉ đạo; các đồng chí lãnh đạo các ban, bộ, ngành ở Trung ương, lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc đã đến dự, đóng góp quan trọng vào thành công của Hội thảo. Hơn 180 đại biểu tham dự Hội thảo, hơn 70 tham luận gửi về Ban Tổ chức Hội thảo, trong đó có nhiều ý kiến phát biểu và tham luận trực tiếp. Đề tài Hội thảo là lĩnh vực chuyên môn sâu nhưng là vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến sự vận động, phát triển của đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay. Sự hưởng ứng của đông đảo giới nghiên cứu, lý luận, phê bình và đội ngũ văn nghệ sĩ cho thấy việc lựa chọn đề tài Hội thảo là trúng và sát với yêu cầu của thực tiễn hoạt động sáng tạo cũng như thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn học, nghệ thuật những năm gần đây. Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung trí tuệ, tâm huyết, chỉ ra những vấn đề lý luận, nhiều điều mới, rất thiết thực cần quan tâm; phân tích, chỉ rõ thực trạng, lý giải nguyên nhân, từ đó đề xuất định hướng và các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của phê bình văn học, nghệ thuật

Việt Nam trong tình hình mới. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin nêu một số ý kiến có tính chất sơ bộ tổng kết Hội thảo với một số nội dung chính sau đây:

1. Trên cơ sở bám sát thực tiễn đời sống văn học, nghệ thuật, Hội thảo đã phân tích, đánh giá, cung cấp một bức tranh khá đầy đủ, toàn diện về thực trạng phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay. Các tham luận đã khẳng định, đời sống phê bình văn học, nghệ thuật đang vận động với diện mạo phong phú, đa dạng, đan xen cả ưu điểm và hạn chế, chứa đựng nhiều vấn đề quan trọng, liên quan mật thiết đến sự vận động, phát triển của nền văn học, nghệ thuật hiện tại và tương lai.

Mặc dù phải đối mặt với không ít khó khăn nhưng trong thời gian qua, phê bình văn học, nghệ thuật đã đạt được những kết quả khả quan và có những đóng góp đáng ghi nhận. Đó là việc cố gắng nắm bắt, giới thiệu đến công chúng các tác giả, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị, đáp ứng phần nào nhu cầu tiếp nhận thẩm mỹ ngày càng đa dạng, phong phú của công chúng. Các nhà phê bình đã quan tâm lý giải, dự báo, cổ vũ những xu hướng phát triển lành mạnh, đúng đắn, đồng thời cảnh báo, đấu tranh với các xu hướng, quan điểm sai trái, cực đoan trong đời sống văn học, nghệ thuật. Trên cơ sở nền tảng lý luận được đa dạng hóa, tư duy phê bình đã có những vận động theo hướng dân chủ, rộng mở, tự do và linh hoạt hơn, cơ bản khắc phục được lối phê bình xã hội học thô sơ, cứng nhắc, chú ý đầy đủ hơn đến những phương diện đặc trưng, bản chất của nghệ thuật. Hàm lượng học thuật ở một số tác phẩm phê bình tiêu biểu được gia tăng, giúp nhận diện những thể nghiệm cách tân

của người sáng tác, đồng thời góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận, qua đó kiểm chứng tính khả dụng của lý thuyết trong thực tiễn. Về lực lượng, tuy còn nhiều hạn chế nhưng đã xuất hiện những dấu hiệu tích cực. Đời sống phê bình văn học, nghệ thuật đã và đang xuất hiện đội ngũ các cây bút trẻ giàu đam mê, nhiệt huyết, hoạt động trong môi trường có nhiều cơ hội kết nối, tiếp cận thông tin, tri thức hiện đại, nhạy bén với cái mới và có cá tính sáng tạo. Họ đã tỏ ra năng động trong nắm bắt thực tiễn sáng tạo, đồng thời nỗ lực trong tiếp thu lý thuyết, góp phần cùng các nhà phê bình lớp trước đổi mới tư duy, phương pháp phê bình.

Tuy nhiên, bên cạnh những dấu ấn và kết quả tích cực đã đạt được, phê bình văn học, nghệ thuật cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, đồng thời xuất hiện những vấn đề mới rất đáng lo ngại. Một số tham luận tại Hội thảo đã chỉ ra tình trạng thiếu hụt về đội ngũ phê bình chuyên tâm, có nghề, có chính kiến, trách nhiệm, vẫn chưa được khắc phục và ngày càng đáng lo ngại. Ở một số ngành nghệ thuật, số lượng các nhà phê bình có trình độ chỉ còn “đếm trên đầu ngón tay” và đang đứng trước nguy cơ có thể sẽ hoàn toàn vắng bóng. Trong khi đó, công tác đào tạo đội ngũ kế cận đang gặp muôn vàn khó khăn. Các cơ sở đào tạo ngành lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật đang phải đối diện với bài toán nan giải và áp lực không thể tiếp tục duy trì mã ngành.

Sự thiếu hụt về đội ngũ phê bình chuyên nghiệp dẫn đến tình trạng nghiệp dư hóa đang ngày càng trở nên phổ biến trong lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật. Trong đời sống phê bình văn học, nghệ thuật xuất hiện nhiều bài viết điếm bình, khen, chê cảm tính, dễ dãi, “dĩ hòa vi quý”, không có

căn cứ khoa học và thiếu thuyết phục, đặc biệt là ở khu vực phê bình báo chí. Tình trạng “cánh hẩu”, thậm chí người viết bị chi phối bởi mặt trái của cơ chế thị trường, sẵn sàng viết bài “PR” cho các tác giả, tác phẩm vì thân quen, lấy lòng, vì mục đích kinh tế đang có chiều hướng gia tăng. Những biểu hiện này đang làm suy yếu, thậm chí đảo lộn, nhiễu loạn giá trị thẩm mỹ và nhân văn trong đời sống văn học, nghệ thuật. Trong khi đó, phê bình hàn lâm lại đang bộc lộ những hạn chế ở một thái cực khác. Không ít các nhà phê bình, đặc biệt là các nhà phê bình trẻ chưa thực sự làm chủ được lý thuyết, dẫn đến tình trạng minh họa lý thuyết, lệ thuộc vào lý thuyết, vận dụng thiếu nhuần nhuyễn, gò ép thực tiễn, “gọt chân cho vừa giày” vẫn còn khá phổ biến. Thực trạng này đã tạo ra khoảng cách ngày càng lớn giữa lý thuyết với thực tiễn sáng tạo. Một hạn chế quan trọng khác là hoạt động phê bình đang trầm lắng, thiếu tinh thần đối thoại và tranh luận học thuật một cách công bằng, khoa học, trách nhiệm, bản lĩnh từ đó làm rõ những vấn đề quan trọng, cấp thiết của thực tiễn đời sống văn nghệ.

2. Trên cơ sở phân tích thực trạng, nhiều tham luận tại Hội thảo đã tập trung nhận diện, đánh giá vai trò định hướng của phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay trong hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo. Nhiều ý kiến đồng thuận cho rằng, trong khi đời sống văn học, nghệ thuật đang vận động hết sức phong phú, đa dạng, thậm chí phức tạp, thì công tác phê bình chưa thể hiện được vai trò định hướng vốn có của mình. Nhận định của Đảng về vấn đề này được nêu trong Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X *Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ*

thuật trong thời kỳ mới đến nay vẫn chưa được khắc phục một cách căn cơ, tích cực.

Đối với hoạt động thực tiễn, trước những đòi hỏi cấp thiết của đời sống, phê bình văn học, nghệ thuật chưa thể hiện được vai trò định hướng giá trị, định hướng thẩm mỹ, định hướng tiếp nhận, định hướng dư luận,... Công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng trong hơn ba mươi năm qua đã và đang tạo ra sự biến đổi mạnh mẽ trong tương quan các giá trị đạo đức xã hội, tinh thần thẩm mỹ theo hướng ngày càng đa dạng, phân hóa gay gắt, trong đó xuất hiện không ít những giá trị giả, lệch lạc, sai trái phuơng hại đến sự ổn định và phát triển lành mạnh của xã hội nói chung, lĩnh vực văn học, nghệ thuật nói riêng. Thực tiễn ấy đòi hỏi phê bình văn học, nghệ thuật phải đủ trí tuệ, bản lĩnh và năng lực để khẳng định những giá trị tốt đẹp, tiến bộ, nhân văn, đồng thời kiên quyết đấu tranh phê phán những quan niệm sai trái, lạc hậu, cản trở sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trước nhiều sự kiện, vấn đề cấp thiết, nổi bật trong đời sống, liên quan trực tiếp đến sự va chạm của các hệ giá trị, phê bình lại tỏ ra chậm trễ, thiếu vắng những tiếng nói trách nhiệm, thuyết phục, thấu tình đạt lý, thậm chí còn gây thêm tình trạng phức tạp, nhiễu loạn, gây khó khăn cho hoạt động sáng tạo, tiếp nhận và hoạt động lãnh đạo, quản lý văn nghệ. Ở bình diện này, rõ ràng, phê bình văn học, nghệ thuật thời gian qua chưa phát huy sức mạnh, không đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn đời sống.

Trên phương diện hoạt động sáng tạo, phê bình chưa thực hiện được vai trò định hướng sáng tác, định hướng tiếp nhận lý thuyết văn học, nghệ thuật. Với những nhân tố tác động mạnh mẽ, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử, nền văn học, nghệ thuật hiện nay vẫn tiếp tục vận động theo chiều hướng ngày càng phong phú, đa dạng với nhiều xu hướng cả mới mẻ, mới lạ và cả phức tạp đan xen. Bên cạnh xu hướng đổi mới trên nền tảng mỹ học truyền thống, đội ngũ sáng tác đã có những thể nghiệm cách tân mạnh mẽ, tuy nhiên, hầu hết những nỗ lực đổi mới vẫn ở trong tình trạng đang vận động và chưa định hình, đặt ra rất nhiều “ẩn số” cần phải được lý giải, đánh giá một cách khoa học và thấu đáo. Trong khi đó, phê bình văn học, nghệ thuật vẫn thể hiện sự tụt hậu, không theo kịp và bao quát được thực tiễn sáng tạo bề bộn. Trước nhiều vấn đề nổi bật, cấp thiết, bức xúc của sáng tác, phê bình thì các nhà phê bình hoặc là im lặng, lảng tránh, thiếu bản lĩnh, thiếu trách nhiệm, thiếu tinh thần chiến đấu, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, cổ vũ những giá trị nghệ thuật đích thực, thậm chí có người còn cổ xúy cho những xu hướng, những giá trị giả, những cách tân hình thức ồn ào, ít giá trị, thậm chí vô bổ. Ở một phương diện khác, các tham luận cũng khẳng định, trong bối cảnh hội nhập, về cơ bản, các lý thuyết văn nghệ hiện đại trên thế giới ở mức độ khác nhau đều đã được giới thiệu, tiếp thu và vận dụng ở nước ta. Tuy nhiên, chính việc tiếp thu một cách thiếu cẩn trọng, thiếu tính hệ thống và thiếu bản lĩnh đã khiến chúng ta phải đối mặt với tình trạng chuộng ngoại, thả nổi, chưa đựng những nguy cơ mất phương hướng về lý luận. Trước đòi hỏi của thực tiễn, phê bình văn học, nghệ thuật

hiện nay chưa phát huy được vai trò kiểm nghiệm, phản biện, sàng lọc và lựa chọn trong quá trình tiếp thu, vận dụng lý thuyết. Thực tế đó làm cho phê bình đứng trước nguy cơ đánh mất vị trí, vai trò vốn có, không giữ được niềm tin của chính đội ngũ sáng tác và của công chúng tiếp nhận.

3. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tại Hội thảo, các tham luận ở những bình diện và cấp độ khác nhau đã phân tích, lý giải những nguyên nhân cơ bản tác động, ảnh hưởng đến vai trò định hướng hoạt động thực tiễn và sáng tạo của phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay. Các ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp khẳng định, những năm qua, chúng ta đang thiếu một hệ thống lý luận chuẩn mực, thiếu hệ thống tiêu chí đánh giá tin cậy làm thước đo cho phê bình văn học, nghệ thuật. Ngoài ra, cơ chế kinh tế thị trường với những mặt trái cố hữu đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động nghệ nghiệp, khiến không ít các cây bút phê bình đã không còn giữ được bản lĩnh, tâm huyết, ý thức trách nhiệm của mình đối với sự phát triển lành mạnh của nền văn nghệ nước nhà. Đồng thời, sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, của truyền thông đa phương tiện và mạng xã hội đã và đang ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc, làm thay đổi phương thức sáng tạo, quảng bá, tiếp nhận, tạo ra áp lực lớn đối với vai trò định hướng, làm triệt tiêu khí đới thoại, tranh luận học thuật của phê bình văn học, nghệ thuật nếu không được quản lý tốt. Mặt khác, thời gian qua, chúng ta chưa có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, tạo được sức hút với các nhà phê bình và công chúng. Ngoài những nguyên nhân khách quan, không thể không nhắc đến các nguyên nhân chủ quan thuộc về bản lĩnh, tài năng, trách

nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của đội ngũ các nhà phê bình văn học, nghệ thuật và không thể không nói đến những hạn chế, bất cập trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm và có những chỉ đạo đúng đắn, kịp thời về phát triển phê bình văn học, nghệ thuật với những vấn đề quan trọng qua các kỳ Đại hội Đảng và các nghị quyết, chỉ thị chuyên đề từ đổi mới đến nay, nhưng nhận thức và hành động của không ít cấp ủy, chính quyền các cấp còn nhiều hạn chế, bất cập, thiếu sự quan tâm đúng mức. Đặc biệt, việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng vẫn là khâu yếu, khiến cho cơ chế, chính sách hoặc thiếu, hoặc lạc hậu, không còn phù hợp, không tạo được động lực đủ lớn, thậm chí còn cản trở sự phát triển của phê bình văn học, nghệ thuật.

4. Những thành công, giới hạn và nguyên nhân như trên đã đặt phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay trước những đòi hỏi cấp thiết phải nhận rõ thực tại, phải đổi mới mạnh mẽ, tích cực để khẳng định vai trò, vị trí của công tác phê bình, từ đó thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của văn học, nghệ thuật. Phê bình cần nhanh chóng khắc phục tình trạng lúng túng, thiếu tinh táo, thiếu bản lĩnh và trách nhiệm để có được tầm nhìn bao quát, sâu rộng trước thực tiễn sáng tạo vốn đa dạng, phong phú, phức tạp đang diễn ra. Trên cơ sở xác lập bản sắc, các chuẩn giá trị và tiếp thu có chọn lọc các lý luận mới, phê bình phải xác lập đúng đắn mục đích, nội dung, giá trị của văn học, nghệ thuật. Công tác phê bình phải tạo lập không khí trao đổi, đối thoại, tranh luận học thuật thăng thắn, cởi mở trên tinh thần khoa học. Cần có các giải

pháp đủ mạnh để phát triển lực lượng, vốn là vấn đề đầy thách thức đối với phê bình văn học, nghệ thuật, đặc biệt là ở các ngành nghệ thuật, xây dựng và cung cấp đội ngũ phê bình chuyên nghiệp, có tâm, có tài; xây dựng môi trường sinh hoạt phê bình dân chủ, nhân văn, lành mạnh.

Trên cơ sở các ý kiến tham luận, Hội thảo đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật, trong đó có công tác phê bình. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vai trò của văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng trong sự nghiệp xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, thống nhất và nâng cao nhận thức về đặc trưng, vị trí, vai trò, chức năng của phê bình văn học, nghệ thuật. Các cơ quan lãnh đạo, quản lý, các hội chuyên ngành văn học, nghệ thuật cần kiên quyết khắc phục tình trạng xem nhẹ vai trò của phê bình, có biện pháp tích cực, tạo điều kiện tốt nhất cho đội ngũ phê bình hoạt động thực chất và hiệu quả.

Đề nghị Nhà nước tiếp tục thể chế hóa mạnh mẽ, đồng bộ và quyết liệt hơn nữa chủ trương, đường lối của Đảng và các giải pháp về phát triển văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình nói riêng trong các Nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa X, Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI. Những đề án, chương trình đã được ban hành cần khẩn trương tổ chức thực hiện, trong đó cần tiếp tục rà soát, bổ sung các

cơ chế, chính sách đai ngộ, hệ thống giải thưởng, tặng thưởng để ghi nhận, cổ vũ, động viên đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật hướng tới mục tiêu để các nhà phê bình yên tâm gắn bó với nghề, có trách nhiệm cao hơn với nghề. Cần tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật trên hệ thống báo chí, truyền thông, trong hoạt động xuất bản và những điều chỉnh cần thiết, đúng đắn trên mạng xã hội. Biên tập viên, phóng viên báo chí, xuất bản về văn hóa, văn nghệ phải được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cần thiết về lý luận, phê bình văn nghệ.

Thứ hai, tập trung đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, tạo bước đột phá trong công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật. Tập trung rà soát, quy hoạch lại hệ thống các trường, khoa chuyên môn đào tạo ngành lý luận, phê bình; khôi phục và đổi mới cơ chế đào tạo ngành lý luận, phê bình, hệ thống chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy theo hướng toàn diện, chuyên nghiệp, hiện đại.

Cần quan tâm, tạo điều kiện, tạo môi trường thuận lợi cho các cây bút lý luận, phê bình được đào tạo bài bản ở các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan báo chí, văn nghệ phát huy sở trường, năng lực chuyên môn; liên kết, tập hợp lực lượng, tạo diễn đàn riêng cho các cây bút phê bình văn học, nghệ thuật công bố kết quả nghiên cứu, trao đổi, đối thoại, tranh luận học thuật cũng như tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động nghề nghiệp.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới một số văn bản quy phạm pháp luật, chính sách đai ngộ đổi với

đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên và sinh viên trong lĩnh vực phê bình văn học, nghệ thuật, trong đó ưu tiên bố trí, sắp xếp việc làm đối với số học viên tốt nghiệp loại khá, giỏi. Tăng cường liên kết đào tạo, cử sinh viên và giảng viên tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài. Rà soát, quy hoạch lại nguồn lực, tạo điều kiện nhiều hơn cho đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật đi nghiên cứu thực tế, tham gia các lớp bồi dưỡng, trại sáng tác theo hướng chất lượng, thiết thực và hiệu quả.

Thứ ba, tập trung tối đa nguồn lực để sớm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam đã được đề ra trong các văn kiện quan trọng của Đảng. Mục tiêu là xây dựng hệ thống lý luận văn học, nghệ thuật Việt Nam khoa học, hiện đại, nhân văn và giàu bản sắc trên cơ sở kế thừa, phát huy di sản văn hóa, lý luận của cha ông và tiếp thu có chọn lọc lý luận của thế giới. Đây là cơ sở nền tảng để phê bình văn học, nghệ thuật phát triển và phát huy tốt vai trò định hướng hoạt động thực tiễn và hoạt động sáng tạo.

Thứ tư, tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ phê bình văn học, nghệ thuật. Các hội văn học, nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và địa phương cần xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động cụ thể để tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi nuôi dưỡng khát vọng sáng tạo của các nhà phê bình văn học, nghệ thuật. Mặt khác, các nhà phê bình cần chú ý trau dồi bản lĩnh, phát huy trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, không ngừng tích lũy và nâng cao kiến thức, nhất là kiến thức văn hóa, văn nghệ, gắn bó sâu sát với đời sống thực tiễn, tự làm giàu trí tuệ, năng lực của mình để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng nặng nề.

Kính thưa các đồng chí và quý vị đại biểu!

Hội thảo khoa học quốc gia với chủ đề *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay* được coi là kết thúc thành công. Các kết quả đạt được trong Hội thảo này sẽ cung cấp những cơ sở khoa học để Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương tư vấn cho Đảng và Nhà nước tiếp tục có những quyết sách trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý công tác văn học, nghệ thuật nói chung, phê bình văn học, nghệ thuật nói riêng. Cũng qua Hội thảo này, chúng ta càng thấy rõ hơn tinh thần trách nhiệm, tâm huyết, không khí dân chủ, cởi mở, thẳng thắn, tạo nên sự đồng cảm, đồng thuận trong đội ngũ các nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình, các nhà quản lý văn học, nghệ thuật và anh chị em nghệ sĩ. Bên cạnh những nội dung cơ bản đã được thống nhất, cũng còn nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, thảo luận, làm rõ thông qua hoạt động thực tiễn. Hội thảo thực sự đã trở thành diễn đàn, là nơi gặp gỡ, kết nối của những nhà nghiên cứu lý luận, phê bình, văn nghệ sĩ và các nhà lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật.

Thay mặt Thường trực Hội đồng và Ban Tổ chức Hội thảo, tôi xin trân trọng cảm ơn và nghiêm túc tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; trân trọng cảm ơn các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương; đồng chí Hoàng Thị Thúy Lan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc và các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Vĩnh Phúc, đại diện các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh Vĩnh Phúc; cảm ơn những đóng góp tâm huyết, trách nhiệm của các vị đại biểu; cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí đã đến dự, đưa tin về Hội thảo; cảm ơn những người đã phục vụ Hội thảo chu đáo, tận tình.

Do thời gian có hạn, một số đại biểu đã không thể trình bày tham luận tại Hội thảo, Ban Tổ chức sẽ tập hợp, lựa chọn để biên tập, xuất bản kỷ yếu. Cũng do khuôn khổ thời gian, một số ý kiến tham luận trực tiếp của đại biểu tại hội trường, nhất là những đề xuất, kiến nghị các giải pháp chưa kịp bổ sung đầy đủ vào báo cáo kết luận này, chúng tôi sẽ nghiêm túc tiếp thu, bổ sung vào báo cáo chính thức gửi Thường trực Ban Bí thư, Thường trực Chính phủ, Lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương sau Hội thảo.

Với những kết quả thiết thực đã đạt được, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề *Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay*.

*Chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, thành công!
Xin trân trọng cảm ơn!*

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Hướng tới một nền phê bình văn học, nghệ thuật khoa học, dân chủ, nhân văn, đồng hành cùng văn nghệ sĩ trong sáng tạo	7
	VÕ VĂN THƯỞNG
- Vai trò của phê bình văn học, nghệ thuật trong định hướng giá trị xã hội, định hướng sáng tác và tiếp nhận thẩm mỹ hiện nay	16
	PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ
- Phê bình với vai trò phát hiện, cổ vũ và khẳng định những nhân tố mới, những giá trị mới trong đời sống xã hội và văn học, nghệ thuật	22
	PGS.TS. PHAN TRỌNG THUỞNG
	Phân thứ nhất
	NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật và cơ chế, chính sách lãnh đạo, quản lý đối với văn học, nghệ thuật	29
	LÊ CHƯƠNG
- Nghĩ về một số giải pháp chính nhằm củng cố và phát triển đội ngũ lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật ở nước ta hiện nay	31
	GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG

- Phê bình văn học, nghệ thuật - Thực tiễn, thành tựu, thách thức, giải pháp	63
PHÙNG VĂN KHAI	
- Phê bình văn học, nghệ thuật Việt Nam hiện nay - Một hiện thực đáng buồn	74
NGUYỄN THỊ NAM	
- Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp khả thi để nâng cao chất lượng, hiệu quả phê bình văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới	85
PGS.TS. ĐÀO DUY QUÁT	
- Tính chuyên nghiệp của phê bình văn học, nghệ thuật và nhà phê bình chuyên nghiệp	101
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC THIỆN	
- Xây dựng đội ngũ những người làm phê bình văn học, nghệ thuật ở các Hội Văn học, nghệ thuật tỉnh, thành phố hiện nay - Thực trạng và giải pháp	112
ĐÀO HUY TOÀN	
- Văn hóa đạo đức - Tâm nhìn từ phẩm chất của văn nghệ sĩ	120
GS. HỒ SĨ VỊNH	
- Vai trò định hướng của phê bình trong hoạt động thực tiễn và sáng tạo văn học, nghệ thuật hiện nay	129
NGUYỄN VŨ	
- Những cái khó trong công tác phê bình văn học, nghệ thuật ở Hà Giang	135
NGUYỄN TRẦN BÉ	
Phân thứ hai	
PHÊ BÌNH VĂN HỌC	143
- Tiếp nhận lý thuyết văn học phương Tây - Giải pháp để phát triển lý luận, phê bình văn học Việt Nam thời kỳ hội nhập	145
PGS.TS. TRẦN HOÀI ANH	

- Khuynh hướng nghiên cứu văn hóa trong lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện đại	159
TS. TRẦN THỊ NGỌC ANH PGS.TS. NGÔ THỊ THANH QUÝ	
- Thủ hình dung diện mạo phê bình mấy chục năm qua	172
VĂN CHINH	
- Không ngừng đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phê bình văn học trong giai đoạn hiện nay	179
NGUYỄN PHƯƠNG DIỆN	
- Mấy vấn đề của văn học và lý luận, phê bình hiện nay	187
PGS.TS. TRỊNH BÁ ĐĨNH	
- Phê bình văn học - Đôi điều ký ức ghi nhận	194
GS. HÀ MINH ĐỨC	
- Từ áp lực của phê bình nghĩ về một số giải pháp tiếp tục thúc đẩy sự phát triển phê bình văn học ở Việt Nam hiện nay	201
TS. MAI LIÊN GIANG	
- Đôi ngũ lý luận, phê bình văn học trẻ ở Việt Nam - Tiềm năng và triển vọng	224
PGS.TS. HỒ THẾ HÀ	
- Phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	239
TS. VŨ THỊ THU HÀ	
- Phê bình văn học Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, phát triển - Nhìn từ đội ngũ phê bình	254
PGS.TS. CAO THỊ HỒNG	
- Hướng đến một tư duy lý luận, phê bình văn học động và mở	269
ThS. HOÀNG ĐĂNG KHOA	
- Mấy ý nghĩ về phê bình văn học hiện nay	278
PGS.TS. TÔN PHƯƠNG LAN	

- Phê bình văn học hiện nay qua cách thức tiếp cận và nhận thức cá nhân	286
	GS. PHONG LÊ
- Phê bình văn học và đọc tác phẩm	300
	PGS.TS. PHẠM QUANG LONG
- Đôi điều về phê bình văn học hôm nay	310
	NGUYỄN HỮU NHÂN
- Tình hình phê bình văn học, nghệ thuật hiện nay: Thực trạng và giải pháp	318
	CHU HUY PHƯƠNG
- Phê bình văn học hiện nay, một góc nhìn	327
	NGUYỄN HỮU QUÝ
- Thực trạng và vai trò của phê bình chuyên nghiệp trong đời sống văn học, nghệ thuật hiện nay	335
	PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN
- Phê bình văn học thiếu nhi - Trò chơi và định kiến	350
	TS. NGUYỄN THANH TÂM
- Phê bình văn học Việt Nam hiện nay: Ai? Ở đâu? Như thế nào?	358
	TS. NGUYỄN THANH TÂM
- Đôi thoại về “Tinh thần đối thoại” của “Phê bình thế hệ F”	372
	BÙI VIỆT THẮNG
- Các cây bút lý luận, phê bình nữ thế hệ thứ ba	389
	PGS.TS. NGUYỄN BÍCH THU
- Phê bình văn học từ góc nhìn văn hóa ở Việt Nam và một số kiến nghị liên quan đến chính sách văn hóa	400
	TS. NGUYỄN VĂN THUẤN
- Hoạt động phê bình văn học tại các Hội Văn học, nghệ thuật địa phương hiện nay	414
	PGS.TS. HỎA DIỆU THÚY

- Phê bình văn học: Nhận diện và thúc đẩy tiến tới	423
LÊ QUANG TRANG	
- Nghiên cứu, phê bình văn học dân tộc thiểu số: Hiện trạng và một số giải pháp	439
PGS.TS. TRẦN THỊ VIỆT TRUNG	
- Những tác động khách quan và chủ quan đến diễn ngôn lý luận, phê bình văn học Việt Nam hiện nay	450
PGS.TS. LÊ DUC TÚ	
- Rèn luyện, bồi dưỡng tư tưởng thẩm mỹ để nâng cao chất lượng phê bình văn học	462
PGS.TS. NGUYỄN THANH TÚ	
- Vài ý kiến về thực trạng lý luận, phê bình văn học hiện nay	473
ĐỖ NGỌC YÊN	
- Phê bình văn học trẻ ở bắc miền Trung trên nền phê bình cả nước hiện nay	483
ThS. HOÀNG THUÝ ANH	
 Phân thứ ba	
PHÊ BÌNH NGHỆ THUẬT	491
- Lý luận, phê bình âm nhạc năm 2019	493
NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	
- Đôi ngũ lý luận, phê bình âm nhạc ở Thành phố Hồ Chí Minh: Khoảng trống và khoảng cách	507
PGS.TS. NGUYỄN THỊ MỸ LIÊM	
- Phê bình âm nhạc từ góc nhìn của người sáng tác	519
PGS.TS. ĐỖ HỒNG QUÂN	
- Phê bình âm nhạc trong bối cảnh chung của phê bình văn học, nghệ thuật: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	527
TSKH. PHAN ĐÌNH TÂN	

- Phê bình sân khấu: Có mà không	555
PGS.TS. PHẠM DUY KHUÊ	
- Hiện trạng phê bình sân khấu trên địa hạt báo chí	564
TS. CAO NGỌC	
- Thực trạng lý luận, phê bình sân khấu Việt Nam hôm nay	573
PGS.TS. TRẦN TRÍ TRẮC	
- Phê bình điện ảnh hiện nay - Đôi điều bàn luận	580
PGS.TS. TRẦN LUÂN KIM	
- Phê bình điện ảnh hiện nay - Thực trạng và giải pháp	594
TS. NGÔ PHƯƠNG LAN	
- “Bạc phận” lý luận, phê bình múa	602
THANH HOA	
- Lý luận, phê bình nhiếp ảnh và thực tiễn sáng tác ảnh nghệ thuật	611
VŨ ĐỨC TÂN	
- Thực trạng và giải pháp đào tạo ngành lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật ở Việt Nam	618
TS. ĐẶNG THỊ PHONG LAN	
- Nâng cao nhận thức, đổi mới mạnh mẽ, toàn diện hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	632
PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ	

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH
VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

- NHẬN DIỆN CÁC XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN
CỦA VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY
- QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC,
NGHỆ THUẬT Ở VIỆT NAM

TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM -
CỤC TUYÊN HUẤN - TẠP CHÍ VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI

- PHÒNG, CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"
TRONG LĨNH VỰC VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT



Giá: 345.000đ